

JACK LONDON

Martin Eden

10
18



Martin Eden

Jack London

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[LỜI GIỚI THIỆU](#)

[CHƯƠNG 1](#)

[CHƯƠNG 2](#)

[CHƯƠNG 3](#)

[CHƯƠNG 4](#)

[CHƯƠNG 5](#)

[CHƯƠNG 6](#)

[CHƯƠNG 7](#)

[CHƯƠNG 8](#)

[CHƯƠNG 9](#)

[CHƯƠNG 10](#)

[CHƯƠNG 11](#)

[CHƯƠNG 12](#)

[CHƯƠNG 13](#)

[CHƯƠNG 14](#)

[CHƯƠNG 15](#)

[CHƯƠNG 16](#)

[CHƯƠNG 17](#)

[CHƯƠNG 18](#)

[CHƯƠNG 19](#)

[CHƯƠNG 20](#)

[CHƯƠNG 21](#)

[CHƯƠNG 22](#)

[CHƯƠNG 23](#)

[CHƯƠNG 24](#)

[CHƯƠNG 25](#)

[CHƯƠNG 26](#)

[CHƯƠNG 27](#)

[CHƯƠNG 28](#)

[CHƯƠNG 29](#)

[CHƯƠNG 30](#)

[CHƯƠNG 31](#)

[CHƯƠNG 32](#)

[CHƯƠNG 33](#)

[CHƯƠNG 34](#)

[CHƯƠNG 35](#)

[CHƯƠNG 36](#)

[CHƯƠNG 37](#)

[CHƯƠNG 38](#)

[CHƯƠNG 39](#)

[CHƯƠNG 40](#)

[CHƯƠNG 41](#)

[CHƯƠNG 42](#)

[CHƯƠNG 43](#)

[CHƯƠNG 44](#)

[CHƯƠNG 45](#)

[CHƯƠNG 46](#)

[\[1\]](#)

[\[2\]](#)

[\[3\]](#)

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG 7

CHƯƠNG 8

CHƯƠNG 9

CHƯƠNG 10

CHƯƠNG 11

CHƯƠNG 12

CHƯƠNG 13

CHƯƠNG 14

CHƯƠNG 15

CHƯƠNG 16

CHƯƠNG 17

CHƯƠNG 18

CHƯƠNG 19

[CHƯƠNG 20](#)

[CHƯƠNG 21](#)

[CHƯƠNG 22](#)

[CHƯƠNG 23](#)

[CHƯƠNG 24](#)

[CHƯƠNG 25](#)

[CHƯƠNG 26](#)

[CHƯƠNG 27](#)

[CHƯƠNG 28](#)

[CHƯƠNG 29](#)

[CHƯƠNG 30](#)

[CHƯƠNG 31](#)

[CHƯƠNG 32](#)

[CHƯƠNG 33](#)

[CHƯƠNG 34](#)

[CHƯƠNG 35](#)

[CHƯƠNG 36](#)

[CHƯƠNG 37](#)

[CHƯƠNG 38](#)

[CHƯƠNG 39](#)

[CHƯƠNG 40](#)

[CHƯƠNG 41](#)

[CHƯƠNG 42](#)

[CHƯƠNG 43](#)

[CHƯƠNG 44](#)

CHƯƠNG 45

CHƯƠNG 46

LỜI GIỚI THIỆU

Jack London là một trong những đại biểu xuất sắc nhất của nền văn học tiến bộ Mỹ.

Ông sinh năm 1876 tại San Francisco, giữa lúc cuộc khủng hoảng kinh tế bắt đầu từ năm 1873 đã bắt đầu làm tê liệt xã hội Hoa Kỳ, vút ra ngoài đường ba triệu công nhân thất nghiệp, lang thang xin việc khắp đó đây. Gia đình London thuộc số những người thất nghiệp đó.

*Ngay từ lúc còn nhỏ tuổi, London đã phải làm đủ mọi nghề để kiếm ăn: bán báo, làm phu khuân vác, phụ việc ở nhà máy đồ hộp. Năm 1893, ông làm thủy thủ trên tàu Sophie Sutherland sang Nhật bản, rồi đến Thái Bình Dương săn hải báo. Khi trở về, ông đã viết truyện ngắn đầu tiên gửi dự thi: **Bão trên bờ Nhật Bản**. Tuy nhiên, công việc nặng nhọc từ 12-13 tiếng một ngày trong các nhà máy dệt đay, nhà máy điện sau đó đã không cho phép ông có đủ thời gian sáng tác văn học.*

Năm 1893, ở Mỹ lại nổ ra một cuộc khủng hoảng kinh tế mới. Một đội quân thất nghiệp khổng lồ trong đó có Jack London đi bộ tiến về Washington đưa kiến nghị cho tổng thống Mỹ đòi công ăn việc làm và bị cảnh sát, quân đội đàn áp.

Jack London đã bị tổng giam vì tội du đãng, sau nhiều tháng lang thang, thất nghiệp.

Năm 1897, London cùng hàng ngàn, vạn người Mỹ khác xô đẩy nhau kéo xuống miền Nam, trên bờ biển Klondike, đi tìm vàng. Một năm sau, ông trở về, không một xu dính túi, nhưng lại có một kho tư liệu vô cùng phong phú làm vốn cho hàng ngàn truyện ngắn của ông. London bắt đầu viết, viết rất nhiều và rất nhanh. Ông trở thành nhà văn xã hội chủ nghĩa đầu tiên của nước Mỹ và vinh quang văn học của ông – qua các bản dịch ra nhiều thứ tiếng – sang chói khắp thế giới.

Gót sắt (The Iron Heel) là cuốn tiểu thuyết đầu tiên của nền văn học Mỹ đề cập tới cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Mỹ. Nhiều truyện dài, truyện ngắn của ông lên án xã hội tư bản, ca ngợi người lao động, phản ánh cuộc đấu tranh quyết liệt giữa vô sản và tư bản, giữa con người và thiên nhiên. Truyện ngắn **Tình yêu cuộc sống (Love of Life)** của ông đã được Lênin đặc biệt ưa thích. Trong hồi ký của Crupxkaia có ghi: “Hai ngày trước khi Lênin mất, một buổi chiều, tôi đã đọc cho Người nghe một truyện ngắn khác của Jack London – lúc ấy cuốn sách đang đặt trên bàn trong phòng Người – **Tình yêu cuộc sống**. Một tác phẩm rất hay. Qua sa mạc tuyết, nơi chân con người không thể dẫm lên được, một người bệnh tật chết đói dõ đang lần tới bên một con sông lớn, sức anh ta yếu dần, anh ta không đi mà bò, và bên cạnh anh là một con chó sói, cũng chết đói dõ đang bò. Một cuộc vật lộn đã diễn ra giữa người và vật; con người đã thắng – anh ta như người chết một lần nữa, hầu như mất lý trí nhưng đã lần về được tới đích. Ilitch đặc biệt thích truyện này. Hôm sau, Người bảo tôi đọc những truyện ngắn khác của Jack London. Nhưng ở London, những truyện hay của ông lại lẫn với những truyện yếu một cách lạ lùng. Truyện sau hoàn toàn thuộc về một loại khác: Một anh chàng đại úy nào đó hứa cho một anh chủ tàu bột mì, anh ta đã hy sinh cả tính mạng mình để giữ lời hứa đó. Ilitch cười và xua tay...”

Jack London mất năm 1916, trước khi cuộc Cách mạng tháng Mười Nga bùng nổ.

Martin Eden đề cập đến số phận của một văn nghệ sĩ trong xã hội tư sản, số phận của một con người nhằm rút khỏi cái thế giới chật hẹp của những lợi ích riêng tư.

Martin xuất thân là một thủy thủ, một người lao động muốn vươn tới ánh sáng của trí thức, thấy được sức mạnh sáng tạo của nhân dân, được rèn luyện trong lao động nặng nhọc, bị những điều kiện sống vô cùng gian khổ đè xuống. Tư tưởng của chủ nghĩa tư bản có ảnh hưởng nguy hại đến đời sống tinh thần của nhân dân, sự bóc lột tàn bạo đã bóp nghẹt những năng lực to lớn của con người vươn tới cuộc sống trí thức: đó là sợi dây xuyên suốt từ đầu đến cuối cuốn tiểu thuyết.

Martin đã lý tưởng hóa cái "xã hội thượng lưu" - nơi anh cảm thấy dường như có "sự hào hiệp của tâm hồn, những tư tưởng trong sạch và cao thượng, cuộc sống tinh thần khẩn trương..." Trải qua bao nhiêu thiếu thốn, vấp phải những khó khăn gian khổ không kể hết trên đường đời, cuối cùng, anh đã đạt được vinh quang và giàu có, trở thành một nhà văn nổi tiếng. Nhưng càng gần gũi "thế giới thượng lưu" bao nhiêu anh càng cảm thấy cô đơn bấy nhiêu, càng nhận thấy bộ mặt giả dối của nó.

Con đường đời của Martin là cả một chuỗi vỡ mộng cay đắng và cuối cùng đã đẩy anh tới chỗ tự tử.

Ngay từ khi còn là một thủy thủ bình thường, Martin đã thấy kiến thức chân chính dường như chỉ có thể tìm thấy trong "xã hội thượng lưu." Cái vẻ học thức và tinh tế trong gia đình người chủ nhà băng Morse mà lần đầu tiên anh bước chân vào đã làm anh như mê đi. Nhưng anh càng say mê hơn đối với Ruth cô con gái nhà Morse – anh tưởng thấy tất cả sự trong trắng và cái đẹp tinh thần của cô. Nhưng rồi chẳng bao lâu sau, anh đã nhận thấy cái vẻ đẹp bên ngoài của những con người này chứa đựng cái ích kỷ, sự buôn bán bản thân và sự trống rỗng tinh thần. Trước đây, trong thời gian ngắn, anh đã nhìn vào cái xã hội bạn bè nhà Morse một cách thành kính, giờ đây anh thấy họ là những kẻ nhỏ nhen với những tư tưởng nhỏ nhe, té ra cái nền học vấn thực sự của nhà Morse, của bạn hữu và những người quen biết họ chỉ là một nền học vấn mù quáng.

Martin Eden là một nghệ sĩ hiện thực chân chính đã nhìn thấy giá trị của nghệ thuật trước tiên là ở tính chân thật của nó. Trong những truyện ngắn của mình, Martin đã vạch trần khuynh hướng sợ sự thực và tô hồng cuộc sống. Nhưng nghệ thuật hiện thực chân chính thù địch với cái xã hội anh đương sống. Trong cái thế giới của đồng tiền, Martin không thể tìm được sự đồng cảm và ủng hộ. Một viễn cảnh đen tối của cái đói rét vẫn chờ đợi con người nghệ sĩ như thế. Và càng xa lánh giai cấp mình, Martin càng cảm thấy một nỗi cô đơn ghê gớm. Anh đã thấy là trong cái xã hội anh đang sống, nghệ thuật không tùy thuộc ở giá trị chân chính của nó mà là ở tên tuổi của nhà văn. Martin đã nói một cách đúng đắn rằng thành công của anh một phần cũng là do tình cờ. Anh không đánh giá quá cao sự nổi tiếng của mình.

London đã dần dần để cho Martin thấy những tư tưởng của anh tan vỡ. Sợi dây cuối cùng nối Martin với xã hội tư bản là tình yêu của anh với Ruth. Tình cảm cao quý này đã thúc đẩy anh, khiến anh có được sức mạnh sáng tạo. Nhưng sự vỡ mộng của anh càng thêm khủng khiếp khi anh hiểu rằng ngay cả Ruth cũng chỉ là một cô gái tư sản tầm thường với những quan điểm hẹp hòi và nhỏ nhen. Cô không thể vượt khỏi cái vòng đai của giai cấp, cô không hiểu nổi Martin, không cảm thông với nguyện vọng sáng tác của anh. Xa lánh anh trong khi anh cần sự khuyến khích của cô hơn bao giờ hết, cô quay lại làm lành với anh khi anh đã trở thành một nhà văn nổi tiếng. Nhưng Martin lại không thể làm lành với cô, cũng như anh không thể làm lành với xã hội tư bản đã đánh lừa mọi hy vọng của anh.

Anh đã hiểu sâu sắc một chân lý: những quan hệ chân chính chỉ có thể tìm thấy trong những người lao động như Lizzie Connolly, Maria Silva và rất nhiều bạn cũ cùng giai cấp anh. Họ không quan tâm tới vinh quang và sự giàu có, họ đánh giá anh trước hết là đánh giá con người anh.

Dường như tất cả những cái đó phải đưa anh tới chủ nghĩa xã hội, dường như anh sẽ cố gắng

hiến sức lực và tri thức của mình cho sự nghiệp đấu tranh vì hạnh phúc của những người lao động. Nhưng Martin là một con người cá nhân chủ nghĩa. Theo lý thuyết của Spencer, anh đã phủ nhận tự do của tập thể và cho rằng cuộc sống là theo quy luật sinh vật học của cuộc đấu tranh sinh tồn.

Martin hiểu rất rõ sự chịu đựng đau khổ của người lao động và hết sức cảm thông với họ. Chính anh cũng đã sống trong tình cảnh đó và không thể không cảm thấy sự lung lay của lập trường Nietzsche^[1] của anh. Cuối cùng, Martin đã vỡ mộng với cái triết học Nietzsche, nhưng anh không tìm thấy con đường đến với nhân dân, Martin thấy mình là một người xa lạ trong cái thế giới tư bản đầy những giả dối và lọc lừa nhưng anh lại không thể quay về với những người trong giai cấp anh.

Sức mạnh tinh thần của anh đã bị vỡ tung, cuộc sống đối với anh là một nỗi giày vò, vô ý nghĩa.

Cuộc đời của một nhà văn có tài kết thúc bi thảm như thế: chết trong vòng vây của xã hội, chết xa rời nhân dân và vẫn còn hoang mang trong sự tìm kiếm về triết học và lẽ sống của mình.

Tiểu thuyết **Martin Eden** kết thúc bằng cái chết của nhân vật chính, đó cũng là lời tiên đoán đối với chính tác giả.

Trong **Martin Eden** ta thấy rất rõ mâu thuẫn trong thế giới quan của tác giả. Ngay trong thời kỳ phong trào công nhân phát triển mạnh, London vẫn không tránh khỏi dao động. Cùng với những tác phẩm hiện thực, đúng đắn, ông đã viết những truyện ngắn và những tiểu thuyết giả tạo.

London là một trong những bậc tiền bối của nền văn học Mỹ tiến bộ hiện đại. Chúng tôi xin giới thiệu một trong những tác phẩm hay nhất của ông **Martin Eden** với độc giả.

NHỮNG NGƯỜI DỊCH

CHƯƠNG 1

Người đó lấy chiếc chìa khóa mở cửa và bước vào, theo sau là một gã trẻ tuổi vụng về đã bỏ chiếc mũ lưỡi trai đang đội. Gã mặc bộ quần áo vải thô sặc mùi biển, rõ ràng gã thấy lạc lõng trong căn phòng thanh thang gã đang có mặt lúc này. Không biết làm gì với chiếc mũ, gã đang nhét nó vào túi áo ngoài thì người kia đỡ lấy. Việc làm lạng lã và tự nhiên khiến gã trẻ tuổi vụng về này lấy làm cảm kích.

“Ông ta hiểu,” gã nghĩ. “Ông ta sẽ không bỏ mặc mình đâu.”

Gã bước bám gót người kia, vai đụng đưa, đôi chân cứ chạng ra một cách vô tình y như thể mặt sàn nhà bằng phẳng đang nhao lên đảo xuống theo nhịp xô đẩy của sóng biển. Những căn phòng rộng rãi dường như quá chật chội vì những bước đi chao đảo của gã. Gã chỉ sợ nhờ đôi vai rộng của mình đụng phải ô cửa hoặc gạt đổ những đồ mỹ thuật trên mặt lò sưởi thấp. Gã co người né nghiêng bên nọ, nghiêng bên kia giữa các đồ vật, hình dung thêm bao nguy cơ mà thực ra chỉ chứa chất trong đầu gã. Giữa một chiếc đại dương cầm và cái bàn đặt giữa nhà trên mặt sách chất cao, khoảng cách đủ cho dăm bảy người đi sóng hàng, thế mà gã cứ ướm ướm đi một cách lo ngại, đôi tay nặng nề thông xuống hai bên. Gã không biết làm gì với đôi cánh tay và bàn tay của mình và khi do trí tưởng tượng bị kích động, gã tưởng như một cánh tay sắp gạt phải chổng sách để trên bàn, nên nhảy tránh sang bên như một con ngựa hốt hoảng khiến suýt nữa va phải chiếc ghế dương cầm. Gã nhìn dáng đi dễ dàng của người đi trước mình và lần đầu tiên nhận ra bước đi của mình khác với những người khác. Gã thấy thoáng một phút xấu hổ sao mình lại đi đứng vụng về thế. Mồ hôi toát ra trên trán thành những giọt lấm tấm, gã dừng lại lấy khăn tay lau bộ mặt nâu bóng.

“Đợi tôi chút. Arthur, ông anh ời,” gã nói, định dùng lời nói bông lơn để che giấu nỗi lo lắng của mình. “Độc một cái như thế này thật là quá đối với tôi. Cho trấn tĩnh lại cái đã. Ông biết đấy, tôi cũng chẳng muốn tới, mà tôi nghĩ gia đình ông cũng chẳng khoái gì gặp tôi.”

“Không sao đâu,” đó là câu trả lời để làm yên lòng. “Anh đừng sợ chúng tôi. Chúng tôi là những người bình dị thôi mà. A kìa, tôi có thư.”

Arthur bước lùi lại bàn, xé phong bì, bắt đầu đọc, tạo cho người khách lạ một dịp để trấn tĩnh lại. Người khách lạ hiểu điều đó và lấy làm cảm kích. Gã vốn là người nhạy cảm, hiểu biết. Sau cái bề ngoài hốt hoảng, quá trình nhạy cảm vẫn tiếp diễn không ngừng. Gã lau mồ hôi trán, liếc nhìn quanh với vẻ mặt đã trấn tĩnh lại, tuy đôi mắt vẫn lộ vẻ của những con thú rừng sợ hãi. Gã bị bao vây giữa những cái xa lạ, lo ngại về những điều có thể xảy ra, không biết mình nên làm gì, chỉ biết là mình đã đi đứng, cư xử vụng về, lo sợ tính cách phẩm chất của mình cũng bị tổn thương như vậy. Gã rất nhạy cảm, cả thẹn, cái nhìn thích thú mà người kia trộm liếc nhìn qua bức thư đâm vào lòng gã như một nhát dao. Gã nhìn thấy cái liếc mắt đó, nhưng gã không tỏ dấu hiệu gì vì một trong những điều gã học được là tính kỷ luật. Tuy vậy, nhát dao đó cũng chạm lòng tự trọng của gã. Gã tự rửa mình vì đã tới đây, nhưng đồng thời gã cũng quyết định, dù sao chăng nữa, đã tới thì phải ráng đến cùng. Nét mặt gã đánh lại và ngọn lửa chiếu đến ánh lên trong mắt gã. Gã nhìn chung quanh với thái độ thung dung hơn, con mắt quan sát tường tận; mọi chi tiết trong gian phòng đẹp đẽ ghi vào trong trí gã. Mắt gã mở to, không vật gì trong tầm nhìn lại thoát khỏi. Và khi đôi mắt ấy uống no được vẻ đẹp phía trước thì ánh lửa chiến

đầu cũng tắt đi, nhường chỗ cho một tia nhìn ấm áp. Gã vốn dễ xúc cảm trước cái đẹp và đây là lý do dễ xúc cảm: Một bức vẽ tranh sơn dầu đã cuốn hút làm gã chú ý. Một đợt sóng lớn gầm lên lao tung vào một tảng đá nhô ra, những đám mây giông thấp nặng, bao phủ bầu trời, bên ngoài đợt sóng, một con thuyền dẫn đường mũi hướng theo chiều gió thổi, nghiêng hẳn về một bên để lộ mọi thứ trên boong, vượt lên, in hình trên nền trời giông bão. Thật là đẹp, nó cuốn hút gã không thể cưỡng lại được. Gã quên dáng đi vụng về của mình và bước lại gần bức vẽ, rất gần. Cái đẹp biến mất trên nền vải. Nét mặt gã lộ vẻ bối rối. Gã nhìn vào bức tranh dường như là bối rối rồi bước đi. Lập tức tất cả vẻ đẹp lại vụt trở lại trên nền vải. “Một bức tranh đánh lừa!” gã nhìn và gạt nó đi, mặc dù giữa muôn vàn cảm xúc nhận được, gã vẫn có thì giờ để tức giận vì một vẻ đẹp dường ấy lại đem hy sinh làm trò lừa đời. Gã không biết gì về hội họa. Gã có được làm quen với những bức tranh in, thạch bản, là những cái lúc nào cũng rành mạch rõ nét, dù chỉ nhìn gần hay nhìn xa. Gã cũng đã được xem những bức tranh sơn dầu để bày trong cửa hàng, nhưng mặt kính đã ngăn không cho đôi mắt khao khát của gã tới gần.

Gã liếc nhìn lại ông bạn đang đọc thư và trông thấy những quyển sách trên bàn. Một ánh khao khát thèm muốn đột hiện trong mắt gã như vẻ thèm muốn đột hiện trong mắt một người sắp chết đói trông thấy thức ăn. Gã bước một bước dài, mạnh, đôi vai đánh mạnh từ phải sang trái; gã tới bên bàn, gã trườn mẫn sò mó những cuốn sách. Gã nhìn tên sách và tên tác giả, đọc vài đoạn, vuốt ve những cuốn sách bằng đôi tay và đôi mắt: có một quyển gã nhận ra đã đọc rồi. Những cuốn còn lại là những cuốn xa lạ với những tên tác giả lạ. Gã tình cờ cầm lên một cuốn của Swinburne[2] bắt đầu chăm chú đọc, không còn nghĩ mình đang ở đâu nữa, nét mặt gã rạng rỡ. Hai lần gã kẹp ngón tay gấp sách lại để nhìn vào tên tác giả. Swinburne! Gã sẽ nhớ mãi cái tên đó. Cái anh chàng này thật có mắt tinh đời, ý thức về màu sắc và ánh sáng ở anh ta mới tinh tế làm sao! Nhưng Swinburne là ai mới được chứ? Có phải ông ta đã chết khoảng một trăm năm nay rồi, như hầu hết các nhà thơ không? Hay là ông ta vẫn đang còn sống và làm thơ? Gã giở lại trang ghi đề sách... “Phải, ông ta còn viết cuốn sách khác. Được, sáng mai công việc đầu tiên của gã là ra thư viện công cộng tìm một vài cuốn của Swinburne.” Gã quay lại đọc mê man. Gã không để ý thấy một phụ nữ trẻ tuổi đã bước vào phòng. Cho mãi đến khi gã nghe tiếng nói của Arthur:

“Ruth, đây là ông Eden.”

Quyển sách gấp lại trong ngón tay trở của gã, và trước khi quay lại, gã thấy rộ lên một cảm giác mới lạ đầu tiên, không phải về cô gái mà về câu nói của anh chàng. Bên trong cái thân thể nổi bật của gã là một khối tình cảm xao động. Một kích động nhẹ nhất của thể giới bên ngoài vào ý thức tư tưởng, tình cảm của gã, lập tức xúc cảm trỗi dậy, đùa giỡn như những ngọn lửa bập bùng. Gã dễ thụ cảm và dễ xúc động một cách lạ kỳ, trong khi trí tưởng tượng cao đến tột độ không ngừng hoạt động để xác định mối quan hệ của những chỗ giống nhau và khác nhau. “Ông Eden” đó là điều làm gã rung động – gã, người mà suốt đời bị gọi là “Eden” hoặc Martin Eden, hay chỉ cộc lốc “Martin.” “Lại “Ông” – lạ quá,” gã thầm nghĩ. Ngay lập tức, bộ óc gã dường như biến thành một phòng tối mệnh mang của một chiếc máy ảnh, và gã nhìn thấy bầy quanh tiềm thức của mình những hình ảnh bất tận của đời gã, cảnh sống bên lò lửa, trong khoang tàu, nơi đóng trại, bờ biển, nhà tù, quán rượu, nhà thương, những khu phố nhà ổ chuột, trong đó, mỗi dây liên hệ là cái cung cách người ta xưng hô với gã trong những hoàn cảnh khác nhau.

Rồi gã quay lại và nhìn thấy cô gái. Trông thấy nàng, những ảo ảnh trong trí gã bỗng biến đi. Nàng là một cô gái nước da xanh, vẻ siêu tục, đôi mắt xanh to, đầy trí tuệ với suối tóc vàng óng. Gã không biết nàng ăn mặc ra sao, chỉ biết chiếc áo nàng mặc cũng kỳ diệu như chính nàng. Gã ví nàng như một đóa hoa vàng thanh thanh trên một cành cây mảnh mai. Không, nàng là một linh hồn, một thiên thần, một tiên nữ. Vẻ đẹp cao siêu không phải của nơi trần thế. Hay có lẽ sách nói đúng chẳng, có nhiều người đẹp như nàng trong xã hội thượng lưu. Nàng có thể phải được như gã Swinburne nọ ca tụng. Có lẽ trong khi tả nàng Iseult[3] trong cuốn sách trên bàn kia, anh ta vẫn hình dung ra một người nào đó như nàng. Nào nhìn, nào cảm xúc, suy tư, tất cả

dồn dập đến cùng một lúc. Những thực tại trong đó có gã diễn biến không ngừng. Gã thấy bàn tay nàng đưa ra về phía tay gã, và nàng vừa bắt tay vừa nhìn thẳng vào mắt gã, không e dè, như một người đàn ông. Những người đàn bà gã biết trước đây không bao giờ bắt tay kiểu này. Nói cho đúng, hầu hết những người ấy chẳng hề bắt tay. Bao sự liên tưởng, bao hình ảnh về các cách gã làm quen với những người đàn bà ấy dồn dập như nước lũ xô vào tâm trí gã, đe dọa nhận chìm nó. Nhưng gã xua đuổi chúng đi và ngắm nhìn nàng. Chưa bao giờ gã gặp một người đàn bà như thế. Những người đàn bà mà gã biết trước đây! Tức khắc, cạnh nàng, ở hai bên, xếp hàng một dãy những người đàn bà mà gã quen biết. Trong một giây phút dài tưởng chừng bất tận, gã đứng trong một phòng triển lãm tranh trong đó nàng chiếm vị trí trung tâm, chung quanh la liệt bao nhiêu bức tranh đàn bà khác, tất cả được liếc mắt nhìn qua để cân nhắc, đánh giá, chính nàng làm tiêu chuẩn. Gã thấy những bộ mặt gầy gò ốm yếu của những cô gái trong xưởng máy, những ả màu mè, chua ngoa ở khu nam phố chợ[4], có những ả trong trại chăn nuôi và những mụn đen đui, thuốc lá luôn mồm vùng cực Mexico. Rồi đến lượt những cô gái Nhật trông như “búp bê,” chân bước rón rén trên những đôi guốc gỗ; rồi lại đến những cô gái lai, vóc người thanh tú mang trên mình dấu vết suy đồi; những cô gái đảo Nam Hải, thân mình núng nính, vòng hoa tết trên đầu, làn da nâu sẫm – tất cả bị mờ đi trong một cơn ác mộng khủng khiếp, quái đản – một lũ sinh vật bệu rạch, lồi thối lệch thếch lê gót trên những vỉa hè khu Bạch giáo đường[5]; những con diêm trong tủ quần, mồm thối hoắc, bắn thỉu mang lột quỹ cái làm bả dâm cho những gã thủy thủ, những rác rưởi của hải cảng, cận bã của loài người.

“Xin mời ông ngồi, ông Eden,” người con gái cất lời. “Từ khi anh Arthur nói chuyện, tôi cứ mong được gặp ông. Ông thật là can đảm...”

Gã xua tay chối từ, lẩm bẩm nói có gì đáng kể, và ai mà chẳng làm như gã. Nàng nhận thấy ở bàn tay gã giờ lên có những vết bóng đang lên da non, liếc nhìn bàn tay buông thõng bên kia cũng thấy như vậy.

Với đôi mắt tinh và soi mói, nàng cũng nhận thấy một vết sẹo trên má gã, một vết lộ ra dưới mái tóc trên trán, một vết thứ ba chạy dài rồi lấp trong cổ áo cứng. Nàng cố nén một nụ cười khi nhìn thấy đường đỏ hằn, vết cọ xát của cái cổ cồn áo trên cái cổ nâu sẫm của gã. Hẳn là gã không quen mặc áo cổ cứng. Con mắt phụ nữ của nàng cũng để ý tới bộ quần áo gã mặc, rẻ tiền cắt vụng, vết hằn chạy dài trên vai áo, một loạt những đường hằn ở ống tay áo làm nổi lên bắp thịt cuồn cuộn.

Trong khi vung tay lẩm bẩm nói gã có làm gì đâu, gã vẫn tuân theo lời mời của nàng, cố lén mình trong chiếc ghế. Gã còn đủ thì giờ thán phục vẻ nhẹ nhàng ở nàng khi nàng ngồi xuống, rồi gã mới lảo đảo bước tới cái ghế đối diện nàng, hết sức ngượng về sự vụng về của mình. Đối với gã đây quả là một điều mới mẻ. Suốt đời cho đến tận lúc này, gã chẳng hề để ý xem là mình duyên dáng hay vụng về. Những ý nghĩ ấy không bao giờ đến với đầu óc gã. Gã rón rén ngồi xuống mép ghế, rất lúng túng về đôi tay của mình. Để đâu cũng thấy vương. Arthur đi ra khỏi phòng, và Martin Eden nhìn theo bằng con mắt thèm muốn. Gã thấy bối rối khi phải ở lại một mình trong căn phòng với người con gái thanh tao này, không có một anh chủ quán để gọi lấy rượu, không một chú hầu bàn để sai ra góc phố kiếm một hộp bia, rồi dùng thứ đồ uống xã giao ấy để bắt đầu câu chuyện vui giữa bạn bè.

“Ông Eden, cái sẹo ở cổ ông nó to quá!” Người con gái nói, “sao vậy? Chắc hẳn là do một cuộc phiêu lưu nào đó.”

“Thưa cô,” gã liếm đôi môi khô, hắng giọng nói, “một tên Mexico cầm dao. Một trận đánh lộn. Sau khi tôi gạt bằng con dao đi, nó định ngoạm cắn đứt mũi tôi.”

Tuy gã kể rất tồi, nhưng trong cặp mắt gã là hình ảnh rực rỡ của cái đêm oi bức đầy ánh sao ở Salina Cruz, dải bờ biển trắng, ánh đèn của những chiếc thuyền chở đường bỏ neo nơi bến

cảng, tiếng nói của những thủy thủ say rượu ở xa xa, những người phu bốc vác chen đẩy nhau, sự điên cuồng bốc lửa trên gương mặt tên Mexico, đôi mắt thú dữ lóe lên trong ánh sao, lưới thép đâm vào cổ gã, máu vọt ra, đám đông và những tiếng la hét, hai thân hình, gã và tên Mexico ghì chặt lấy nhau, lăn tròn, lăn tròn, cây cát lên và đầu đây ở phía xa, âm thanh dịu dặt của cây lục huyền cầm. Bức tranh là như vậy, nhớ lại, lòng gã rung động, tự hỏi không biết người vẽ bức tranh thuyền buồm dẫn đường treo trên tường kia có thể vẽ được cảnh đó chăng. Dải bờ biển cát trắng, những vì sao, ánh đèn của những thuyền chở đường phải nổi lên, gã nghĩ thế, và ở giữa, trên bãi cát, đám đông sẫm đen vây quanh hai người đang vật lộn. Con dao chiếm một vị trí trong bức tranh, gã nhấn mạnh, và phải nổi bật lên, lóe sáng trong ánh sao. Nhưng tất cả những ý đó, gã không nói ra được ý nào.

“Nó định ngoạm mất mũi tôi,” gã kết luận.

“Ồi!” Người con gái nói, giọng nhẹ và xa xôi, gã nhận thấy sự xúc động trên nét mặt nhạy cảm của nàng.

Gã cũng cảm thấy xúc động, đôi má rúm nắng của gã ửng nhẹ, lộ vẻ bối rối sượng sùng, tuy thực ra gã thấy nó bùng bùng nóng rất như khi gã đứng giáp cửa lò để mở. Những chuyện ẩu đả đâm chém nhau tầm thường hèn hạ như vậy rõ ràng không phải là đề tài thích hợp trong câu chuyện với một thiếu nữ lịch sự. Những nhân vật trong sách, trong giai tăng của nàng không bao giờ nói những chuyện như vậy – mà có lẽ họ cũng chẳng biết gì về những chuyện ấy.

Câu chuyện vừa cố khơi ra, ngừng lại một lúc. Rồi nàng lạiướm hỏi về cái sẹo trên má gã. Ngay khi nàng hỏi, gã đã nhận thấy nàng cố gắng nói theo lối nói của gã, gã quyết định tránh và nói theo lối nói của nàng.

“Chỉ là một câu chuyện không may,” gã nói, tay để lên má. “Một đêm lặng gió: biển bỗng nổi sóng; cột buồm chính bị cuốn đi rồi là dây dợ cũng bị cuốn theo. Dây cáp bên xoắn lại như một con rắn. Tất cả những người gác trên boong cố níu lại, tôi lao tới và bị quật vào mặt.”

“Ồi,” nàng nói, lần này giọng có vẻ hiểu, tuy trong thâm tâm nàng thấy ngôn ngữ của gã đối với nàng thật khó hiểu, nàng tự hỏi “dây cáp” là cái gì, bị “quật vào mặt” là thế nào.

“Cái nhà ông Swineburne[6],” gã mở đầu câu chuyện, định thực hiện ý định của mình, nhưng lại phát âm “i” dài ra.

“Ai?”

“Swineburne, nhà thơ,” - gã nhắc lại, vẫn phát âm sai.

“Swinburne,” nàng chữa lại.

“À vâng, đúng cái anh chàng đó,” gã đáp ứng, má lại nóng rực lên. “Ông ấy chết được bao lâu rồi?”

“Ừa, tôi không nghe nói ông ấy đã mất,” nàng nhìn gã vẻ tò mò. “Ông quen ông ấy ở đâu?”

“Tôi đã ngó thấy ông ta lần nào đâu,” gã trả lời. “Nhưng tôi đã đọc vài ba bài thơ của ông ta trong cuốn sách kia ngay lúc trước khi cô vào. Cô có thích thơ ông ấy không?”

Đề mục câu chuyện gã vừa nêu ra, nàng liền bắt ngay, nói thao thao, dễ dàng. Gã thấy dễ chịu

hơn, khe khẽ ngồi lùi vào trong mép ghế, hai tay nắm chắc lấy thành ghế, như bộ nó có thể tuột đi hất gã xuống sàn. Gã đã làm được cho nàng nói theo lối nói của nàng, và trong khi nàng nói thao thao, gã cố gắng theo dõi, kinh ngạc sao cái đầu nhỏ xinh thế kia lại chứa đựng được biết bao vẻ đẹp thanh tao của khuôn mặt nàng. Gã đã theo dõi nàng mặc dù bị lúng túng vì những ngôn từ không quen thuộc vẫn nhẹ nhàng thoát ra từ đôi môi nàng, vì những lời phê bình và phương pháp tư tưởng xa lạ đối với gã nhưng nó vẫn kích thích và làm trí óc gã rung động. Đây là đời sống tinh thần, gã nghĩ, đây là cái đẹp âm áp, kỳ diệu, gã chưa bao giờ mơ tới cuộc đời có thể như vậy. Gã quên cả mình, nhìn nàng bằng con mắt khao khát. Đây là một cái gì vì nó mà sống, mà chiến thắng, mà đấu tranh, phải, vì nó mà chết nữa. Sách nói đúng. Trên đời này có những người đàn bà như thế. Nàng là một. Nàng chấp thêm cánh cho trí tưởng tượng của gã, những bức họa rộng lớn, sáng ngời trải ra trước mặt gã, trên đó hiện lên những nhân vật mờ ảo, to lớn của yêu thương, của lãng mạn và của những hành động anh hùng vì một người đàn bà – vì một người đàn bà thanh thanh, một đóa kim hoa. Và qua ảo ảnh rung rinh, bập bồng như một mộng cảnh thần tiên, gã chăm chú nhìn người đàn bà thực kia, ngồi đó bàn luận về văn chương, nghệ thuật. Gã cũng có nghe thấy, nhưng mắt vẫn nhìn chăm chăm, không biết rằng mình nhìn chăm chú quá, không biết rằng tất cả những cái gì thực là đàn ông trong bản chất của gã đang ánh lên trong mắt gã. Nhưng nàng, vốn là một phụ nữ ít biết tới cái thế giới đàn ông, đã nhận thấy rất tinh đôi mắt bốc lửa của gã. Chưa bao giờ có người đàn ông nào nhìn nàng như thế và nó làm nàng lúng túng. Nàng vấp vấp rồi lảng yên không nói. Dòng tư tưởng trôi đi mất. Gã đã làm nàng sợ, nhưng đồng thời nàng cũng cảm thấy thích thú một cách lạ kỳ khi được ngắm nhìn như vậy. Là một con người có giáo dục, nàng biết rằng đây là một điều nguy hiểm, một điều sai trái tể nhị, bí hiểm, quyến rũ, trong khi bản năng của nàng lại rung vang trong cơ thể như tiếng kèn thúc giục nàng gạt bỏ đi cả giai tăng, cả địa vị để gần gũi người lữ khách từ một thế giới khác tới đây, người thanh niên vụng về này với đôi bàn tay đầy sẹo, cổ đỏ hần vì chiếc cổ áo cứng mặc chưa quen, người thanh niên mà, không còn nghi ngờ gì nữa, cuộc sống thô tục đã làm cho nhor nhóp, hôi tanh. Nàng là con người trong trắng và bản chất trong trắng nàng phản ứng lại, nhưng nàng cũng còn là đàn bà, và nàng bắt đầu thấy tất cả sự mâu thuẫn của một người đàn bà.

“Như tôi đã nói... mà tôi đang nói gì ấy nhỉ?” Nàng đột ngột dừng lại và cười vui vẻ vì sự lúng túng của mình.

“Cô nói là cái gã Swinburne không trở nên một nhà thơ lớn được và, thưa cô, cô vừa nói đến đấy...” Gã nhắc, rồi chợt thấy như đói cồn; và một niềm rung cảm nhẹ nhàng dâng tỏa nơi xương sống gã khi nghe tiếng nàng cười. “Như bạc,” gã nghĩ bụng, “như tiếng chuông bạc rung nhẹ” và ngay lúc ấy, trong giây lát, gã như được mang đi tới một miền xa, nơi đấy, dưới những bông anh đào nở rộ, gã ngồi hút thuốc, lắng nghe tiếng chuông từ một tháp chùa cao gọi tín đồ đi hái rơm về cầu nguyện.

“Đúng thế, cảm ơn ông,” nàng nói. “Xét cho cùng, Swinburne thất bại là bởi vì, phải, vì ông ta thiếu tể nhị. Có nhiều bài thơ của ông ấy không bao giờ nên đọc. Mỗi dòng thơ của những nhà thơ thực sự vĩ đại phải mang một chân lý đẹp, phải kêu gọi tất cả những gì là tao nhã trong con người. Không một dòng thơ nào của những nhà thơ lớn có thể bỏ qua, mà không vì thế cuộc đời nghèo nàn đi một chút.”

“Tôi nghĩ,” gã ngập ngừng nói, “những cái tôi vừa đọc thật là tuyệt. Tôi không hề biết ông ấy lại là một – một tên đều cáng – Tôi nghĩ những cái đó chắc là ở trong những cuốn khác của ông ta.”

“Ngay trong cuốn ông vừa đọc, có nhiều câu có thể bỏ đi được,” nàng nói, giọng kiên quyết khẳng định.

“Hẳn là tôi đã bỏ qua những câu ấy. Những đoạn tôi đọc thực là hay. Nó bùng lên, rạng ngời,

roi vào tâm hồn tôi và tỏa sáng trong tôi như ánh mặt trời hay ánh đèn pha. Nó nhập vào tôi như vậy đấy, nhưng thưa cô, tôi đâu có phải là nhà phê bình thơ.”

Gã ngừng lời. Gã bối rối, đau khổ thấy mình không nói nên lời. Gã cảm thấy cái vĩ đại, ánh hào quang của cuộc sống trong những vần thơ gã đọc, những lời gã nói ra không thỏa đáng. Gã không thể nào diễn tả được những điều gã cảm thấy; trong thâm tâm, gã tự ví mình như một thủy thủ trên con tàu lạ, một đêm tối trời, mò mẫm trong mớ dây buồm trơn tuột không quen thuộc. Được, gã quả quyết, làm quen với cái thế giới mới này là tùy gã thôi. Xưa nay chưa có điều gì gã đã muốn mà lại không đạt được; bây giờ là lúc gã muốn học nói những điều ở trong đầu óc gã sao cho nàng có thể hiểu được. Nàng đã choán ngợp trên chân trời của gã.

“Bây giờ đến Longfellow[7],” nàng nói.

“Vâng, tôi đã đọc ông ta,” gã hấp tấp ngắt lời nàng, trong lòng như có gì thôi thúc, muốn phô bày tất cả kho tàng tri thức sách vở nhỏ bé của mình, muốn tỏ cho nàng rõ, gã không phải hoàn toàn là một thằng đàn ngốc. ““Bài ca cuộc sống”, “Vươn lên mãi” và... tôi nghĩ tất cả có thể!”

Nàng gật đầu và mỉm cười. Gã cảm thấy nụ cười của nàng có vẻ rộng lượng, thương hại mà tha thứ. Gã định khoe khoang theo kiểu đó thì thật là một thằng ngốc. Cái anh chàng Longfellow này chắc hẳn phải sáng tác cơ man nào là tác phẩm thơ.

“Xin cô tha thứ, tôi đã nói liều như vậy. Tôi nghĩ thực ra thì tôi chẳng biết gì nhiều về những chuyện đó. Nó không phải là loại chuyện của tôi, nhưng rồi đây tôi sẽ làm cho nó là loại chuyện của tôi.”

Câu nói vang lên như một lời đe dọa. Giọng gã quả quyết, mắt gã lóe sáng lên, đường nét trên mặt đanh lại. Nàng thấy hình như quai hàm của gã đã đổi khác, nó bạnh ra, vẻ khiêu khích một cách khó chịu. Đồng thời một làn sóng mãnh liệt mang tất cả sức cường mạnh của giới đàn ông dường như trào ra từ con người gã, đổ ào tới xâm chiếm cơ thể nàng.

“Tôi nghĩ rằng ông có thể sẽ làm nó thuộc loại chuyện của ông được lắm chứ. Ông có sức mạnh rất tốt.”

Nàng chấm dứt câu nói bằng một tiếng cười. Ánh mắt nàng ngừng lại trong giây lát trên cái cổ nổi bắp thịt cuộn cuộn như dây chảo, như cổ bò tót, nâu sẫm vì ánh mặt trời, tràn trề sức sống và sức mạnh thô bạo – và mặc dầu, gã ngồi kia, vẻ then thùng, nhún nhường, nàng vẫn cảm thấy bị gã lôi cuốn.

Nàng ngạc nhiên vì một ý nghĩ không lành mạnh đã xô đến trong đầu. Nàng thầm nghĩ, giá mà đôi tay nàng có thể đặt lên trên cái cổ kia, để cho tất cả sức mạnh và sự cường tráng của nó trào ra, thấm vào nàng. Nàng cảm thấy ngây ngất vì ý nghĩ đó. Nó dường như đã hé lộ cho nàng rõ sự đe dọa không ngờ tới trong bản chất của nàng. Hơn nữa, đối với nàng, sức mạnh vốn là một cái gì trần tục và thô bạo. Vẻ đẹp đàn ông lý tưởng của nàng bao giờ cũng là vẻ thanh tao duyên dáng. Tuy nhiên, ý nghĩ kia vẫn cứ đeo đuổi. Nàng ngạc nhiên hết sức sao mình lại muốn đặt bàn tay lên cái cổ rạm nắng kia. Thực ra, nàng đâu phải là một người khỏe mạnh. Nhưng nàng đã không biết điều đó. Nàng chỉ biết từ trước đến giờ, chưa một người đàn ông nào làm nàng rung động như anh chàng này – cái anh chàng đã làm cho nàng lúc lúc lại phải choáng váng với kiểu ngữ pháp khủng khiếp của y.

“Đúng, tôi không phải là một người tàn tật,” gã nói. “Những lúc túng quẫn thì ăn sắt cũng tiêu. Nhưng lúc này tôi cứ như bị chứng khó tiêu. Hầu hết những điều cô nói tôi không thể tiêu hóa nổi. Tôi chưa hề được đào luyện theo lối đó, hẳn cô cũng biết. Tôi vẫn thích sách, thích thơ,

có thì giờ là đọc nhưng chẳng bao giờ nghĩ về những cái đó theo lối nghĩ của cô. Vì thế, tôi không thể nói những chuyện đó được. Tôi giống như một nhà hàng hải trên một vùng biển lạ, không hải đồ, không địa bản. Bây giờ tôi muốn xác định phương hướng và vị trí của mình. Có thể là cô cho tôi vài lời khuyên nhủ. Cô làm thế nào mà học được tất cả những điều cô vừa nói nhỉ?”

“Tôi nghĩ là bằng cách đến trường và học tập thôi,” nàng trả lời.

“Hồi còn bé tôi cũng đã đi học,” gã cãi lại.

“Vâng, nhưng tôi muốn nói đến trường trung học, và nghe những bài giảng ở trường đại học kia.”

“Cô đã học ở trường đại học?” Gã hỏi, vẻ ngạc nhiên rất thành thực. Gã cảm thấy nàng bỗng trở nên xa cách hơn nữa, ít nhất có đến hàng vạn dặm.

“Hiện tôi đang theo học ở đó. Tôi theo những khóa học đặc biệt về tiếng Anh.”

Gã không hiểu “khoa tiếng Anh” là gì, nhưng gã nhắm thắm nhớ lấy tên cái môn mà mình dốt và nói qua chuyện khác.

“Thế liệu tôi phải học mất bao lâu thì mới vào được đại học?” Gã hỏi.

Nàng mừng rỡ khuyến khích lòng ham học của gã và nói:

“Đấy là còn tùy xem ông đã học được đến đâu. Ông chưa qua trường trung học phải không? Chắc hẳn là không rồi. Nhưng ông học hết tiểu học rồi chứ?”

“Còn hai năm nữa mới hết khi tôi thôi học,” gã trả lời. “Nhưng khi còn học bao giờ tôi cũng được xếp hạng cao.”

Liền ngay đó, gã tự giận mình vì đã khoe khoang, gã nắm chặt lấy tay ghế, điên cuồng đến nỗi đầu ngón tay đau nhói. Đúng lúc ấy gã nhận thấy một người đàn bà bước vào phòng. Gã thấy nàng đứng dậy và nhẹ lướt qua sàn đón người mới tới. Họ hôn nhau, tay quàng lưng nhau tiến về phía gã. Gã nghĩ, chắc đây là mẹ nàng. Bà ta người cao, thân hình thon thả, mái tóc nâu, vẻ đẹp đường bệ. Chiếc áo dài của bà đúng là, gã nghĩ, chỉ có được trong một tòa nhà như thế này. Gã thích thú ngắm nhìn những nếp đẹp của chiếc áo. Bà và chiếc áo của bà nhắc gã nhớ tới những người đàn bà trên sân khấu. Rồi gã nhớ lại đã từng trông thấy những người đàn bà quý phái với những chiếc áo dài tương tự bước vào các rạp hát ở London, gã đứng ngắm và bị những tên cảnh sát đẩy ra ngoài hàng hiên, dưới làn mưa bụi. Rồi trí óc gã lại gợi tới Đại khách sạn ở Iokohama, nơi đây, từ bên kia hè đường, gã cũng đã nhìn thấy các bà quý phái. Rồi thành phố và bến cảng Iokohama, trong muôn vàn hình ảnh hiện lên loang loáng trước mắt gã. Nhưng gã vội xóa đi cái ống kính vạn hoa thu hình của ký ức ấy bởi gã đang bị thôi thúc vì sự khẩn thiết của hiện tại. Gã biết mình phải đứng dậy để được giới thiệu, gã chật vật đứng lên, ống quần phình ra nơi đầu gối, cánh tay buông thõng lơ lửng, mặt căng thẳng, đứng chờ sự thử thách sắp tới.

CHƯƠNG 2

Cuộc hành trình sang phòng ăn đối với gã là cả một cơn ác mộng. Lúc ngừng, lúc chệnh choạng, lúc nảy người lên, lúc lảo đảo và có lúc lại dường như không thể di động được nữa. Nhưng cuối cùng, gã cũng làm xong được cuộc hành trình ấy, và được người ta sắp ngồi bên cạnh nàng. Những dãy dao nĩa bày ra làm gã kinh hoàng. Chúng tua tủa với những hiểm họa không sao lường trước, gã như bị chúng thôi miên, cho đến khi ánh lóa sáng của chúng biến thành nền cho bao nhiêu hình ảnh của cuộc sống trên boong tàu lần lượt diễn ra: Gã và các bạn cùng nghề ngồi ăn thịt bò ướp muối bằng dao găm và nắm đầu ngón tay, hoặc lấy thìa sắt múc vục súp đậu đặc quánh đựng trong những ca nhôm. Mùi thịt bò ôi xộc lên mũi, trong khi tiếng nhai nhồm nhồm hòa theo tiếng cọt két của các cột lim của vách gỗ văng lên. Gã ngắm nhìn họ ăn và thấy họ ăn như đàn lợn. Ủ, ở đây, gã sẽ phải cẩn thận. Gã sẽ không gây ra một tiếng động nào. Gã sẽ luôn luôn để tâm tới điều đó.

Gã liếc nhìn quanh bàn. Đối diện với gã là Arthur và Norman em trai của Arthur. Họ là anh em ruột của nàng, gã tự nhắc nhở mình, lòng ấm lên một mối thiện cảm đối với họ. Những người trong gia đình này, sao họ yêu nhau đến thế! Vụt lên trong đầu óc gã hình ảnh của mẹ nàng, cái hôn khi gặp gỡ, hai người tay quàng tay đi về phía gã. Trong cái thế giới của gã có bao giờ bố mẹ và con gái lại biểu lộ tình cảm như thế đâu. Đó là những biểu hiện cao quý trong cuộc sống mà họ đã đạt được trong xã hội thượng lưu. Đó là điều đẹp đẽ nhất, tuy gã chỉ mới thấy một thoáng nhỏ của cái thế giới này. Gã xúc động nhận ra điều đó, trái tim mềm lại trong những tình cảm trìu mến dạt dào. Suốt đời gã khao khát tình yêu. Bản chất gã đòi hỏi tình yêu. Đó là một sự đòi hỏi hữu cơ trong con người gã. Ấy thế mà gã vẫn không có tình yêu và gã trở nên chai cứng với những năm tháng đã sống qua. Gã đã không biết rằng gã cần tình yêu. Cả lúc này nữa gã cũng không hề biết. Gã chỉ thấy nó đang xao động, gã xốn xang vì nó, và nghĩ rằng nó cao đẹp và lộng lẫy quá.

Gã lấy làm mừng vì không có ông Morse ở đây. Làm quen với nàng, mẹ nàng, và Norman, em nàng, cũng đã đủ khó rồi. Arthur thì gã đã biết đôi chút. Lại còn ông bố nữa thì hẳn là quá sức đối với gã, gã chắc thế. Gã thấy trong đời mình, chưa bao giờ vất vả như vậy. So với lần này thì việc làm nặng nhọc nhất cũng chỉ là trò trẻ. Mồ hôi lấm tấm trên trán, áo sơ mi ướt đầm vì quá gắng sức làm bao điều không quen trong cùng một lúc. Gã phải ăn theo một cái lối mà suốt đời gã chưa từng biết, phải sử dụng những dụng cụ lạ kỳ, phải lén nhìn quanh để biết cách mà làm từng việc mới, vừa phải tiếp nhận những cảm giác như nước lũ đang ủa vào gã, phải thầm ghi nhớ và phân loại. Gã cảm thấy hoang mang, bồn chồn vì lòng khao khát có được nàng và thấy bị kích thích bởi ước muốn đạt tới tầng lớp xã hội thượng lưu mà nàng đương ở, đầu óc lúc lúc lại lan man những ý nghĩ, những dự định mơ hồ làm sao với tới được nàng. Và khi gã lén nhìn Norman ngồi đối diện, hay bất cứ một người nào khác biết chắc phải dùng đến dao nĩa nào trong một món ăn đặc biệt nào đó, nét mặt của người đó gây ấn tượng sâu sắc trong trí óc gã và tức khắc gã cố gắng nhận xét, đoán xem như thế là thế nào – tất cả đều vì nàng. Rồi còn phải nói chuyện, nghe những điều người ta nói, những câu chuyện qua lại, và khi cần thiết còn phải trả lời với cái miệng cứ sẵn sàng văng ra một ngôn từ bừa bãi đòi hỏi phải kìm lại. Còn phiền một nỗi nữa là cái anh hầu bàn, thật là một sự đe dọa không ngừng, cứ lúc lúc lại lạng lẽ hiện ra ở bên vai như con quái vật Sphinx khủng khiếp đưa ra những câu đố, câu hỏi hắc búa, đòi phải giải đáp tức thì. Suốt bữa ăn, đầu óc gã cứ bị ám ảnh khi nghĩ tới cái bát nước rửa tay. Thật là phi lý, thật là ám ảnh, biết bao lần gã tự hỏi lúc nào họ sẽ đem chúng ra, và hình thù nó ra làm sao. Gã đã nghe nói đến những thứ như thế, và bây giờ, sớm muộn, chỉ vài phút nữa thôi, gã sẽ

thấy chúng; ngồi ở bàn này với những người cao sang vẫn dùng nó, rồi chính gã cũng sẽ dùng nó và điều quan trọng hơn cả, tuy ở sâu thẳm, nhưng lại luôn luôn hiện ra trong ý nghĩ của gã là phải xử sự thế nào với những người này. Thái độ của gã như nên thế nào? Gã đã vật lộn với vấn đề đó không ngừng và đầy lo ngại. Đã có những ý nghĩ hèn nhất bảo hẳn phải vờ vịt, phải thủ một vai; và lại có những ý nghĩ hèn nhất hơn bảo gã biết là gã sẽ thất bại trong chuyện này, bản chất gã không thích hợp với cuộc sống như vậy và gã có thể sẽ biến mình thành một thằng hề.

Lúc đầu khi mới vào ăn, phải vật lộn để quyết định về thái độ xử sự nên gã cứ ngồi yên. Gã đâu có dè sự yên lặng của mình đã làm cho những lời nói của Arthur hôm trước đây là không đúng: ông anh này của nàng đã bảo rằng sẽ mang một người rừng về nhà ăn cơm, mọi người đừng lấy thế làm sợ, vì sẽ được thấy một người rừng nhưng rất lý thú. Martin Eden hẳn không bao giờ có thể tin được anh của nàng lại phản phúc như vậy – nhất là chính gã lại là người đã cứu cái ông đặc biệt này thoát khỏi một cuộc ẩu đả không có gì là thú vị. Gã ngồi ở bàn, ngại ngùng thấy mình không thích hợp ở chốn này, nhưng đồng thời càng say mê vì tất cả những điều xảy ra ở chung quanh. Lần đầu tiên gã nhận thấy ăn uống còn là một cái gì hơn một chức năng vì lợi ích thực tế. Gã không nhận ra là mình ăn gì nữa – Đây chỉ là thức ăn. Gã đang ăn uống say sưa với tình yêu cái đẹp ở trên bàn này, nơi ăn uống là một chức năng thẩm mỹ. Cái đó còn là chức năng tinh thần nữa. Trí óc gã xao động. Gã nghe nhiều từ thốt ra đối với gã là vô nghĩa, nhiều từ khác gã chỉ thấy trong sách, và không một người đàn ông, đàn bà nào gã từng quen biết lại có đủ tầm cỡ trí thức để nói những lời như thế. Khi gã nghe những người trong cái gia đình kỳ diệu này – gia đình nàng, thốt ra những lời ấy, lòng gã vui rộn lên. Chuyện tình lãng mạn, cái đẹp, sức mạnh cao quý trong sách vở đang trở thành hiện thực. Gã đang ở trong trạng thái mê ly khoái cảm hiểm cố, trạng thái của một người thấy những ước mơ bước ra từ những khe kẽ của kỳ ảo và trở thành sự thật.

Chưa bao giờ gã được ở một đỉnh cao của cuộc sống như vậy, và gã nép mình trong hậu trường, lắng nghe, quan sát, thưởng thức, bất đắc dĩ mới trả lời tiếng một “Thưa cô, vâng”, “Thưa cô, không” với nàng, và “Thưa bà, vâng”, “Thưa bà, không” với mẹ nàng. Gã cố kìm cái thói được rèn luyện trên biển của mình vẫn quen nói “Thưa ngài, rõ”, “Thưa ngài, không” khi nói với các anh nàng. Gã cảm thấy như vậy không hợp, và là sự thú nhận địa vị thấp kém của mình – như vậy không ổn nên gã muốn chiếm được nàng. Và lại, đó cũng là mệnh lệnh của lòng tự trọng. “Trời!” Có lúc gã thậm thốt. “Ta cũng như họ, nếu họ biết nhiều điều mà ta không biết, thì chính ta cũng có thể dạy được họ một chút cơ mà.” Nhưng chỉ một lát sau, khi nàng hay mẹ nàng nói với gã “Thưa ông Eden” thì lòng tự tôn hung hãn của gã bị quên phắt đi ngay, mặt gã rạng lên, lòng ấm lại vì thích thú. Gã là một người văn minh, thế đấy, vai sánh vai ngồi dự tiệc với những nhân vật gã đã đọc được trong sách. Chính gã cũng là người trong sách, phiêu lưu qua những trang giấy in, trong những cuốn sách dày gáy da.

Nhưng trong khi gã làm cho lời miêu tả của Arthur là sai lầm, khi tỏ ra là một con cừu hiền lành chứ không phải người rừng thì gã vẫn đang moi óc để tìm một cách xử sự. Gã đâu có phải là một chú cừu hiền lành, và giữ vai kép phụ đâu có hợp với bản chất muốn vươn lên của gã. Chỉ khi nào bắt buộc, gã mới nói, và lúc ấy nó cũng giống như lúc đi tới bàn, ngập ngừng vấp vấp, mò mẫm trong cái vốn ngôn từ pha tạp, cân nhắc những từ gã biết là đúng, nhưng lại sợ phát âm sai, vứt bỏ những từ khác gã biết người ta sẽ không hiểu gì, hoặc quá thô bạo, tục tằn. Nhưng gã luôn khổ não nhận thấy sự quá cẩn thận trong cách nói năng này đã biến gã thành một thằng ngốc, ngăn cản không cho gã diễn đạt được những gì nảy ra trong đầu óc gã. Thêm nữa, lòng yêu tự do phóng khoáng của gã xô xát với sự cân nhắc, cũng như cổ gã chà sát vào cái vòng đai hồ cứng của chiếc cổ còng. Và lại, gã tin rằng gã không thể kiềm chế mãi được. Bản chất gã vốn là người cương cường trong suy nghĩ, trong cảm xúc, và cái tinh thần sáng tạo nơi gã thôi thúc khẩn thiết. Ý nghĩ hay cảm giác đã nhanh chóng chế ngự gã, quặn quại như trong cơn đau đẻ để thoát ra hình hài cụ thể, gã quên cả bản thân mình, quên cả mình đang ở đâu, và thế là những từ ngữ cũ – cái công cụ phát ngôn gã thông thạo – đã buột ra.

Một lần gã từ chối món gì đó của người hầu bàn, người này làm gián đoạn và quấy rầy ở bên vai gã, gã nói cộc lốc và dằn mạnh: “Pew!”

Tức thì mọi người xôn xao, chờ đợi, người hầu bàn cười thầm, còn gã ngượng chín người. Nhưng gã trấn tĩnh được ngay:

“Đấy là tiếng Kanaka, nghĩa là “xin đủ.”” Gã giảng giải. “Tôi cũng chỉ buộc mồm nói tự nhiên. Đánh vần là pa-a-o.”

Gã bắt gặp đôi mắt tò mò và dò hỏi của nàng dán vào bàn tay gã, đang lúc hứng giảng giải, gã nói:

“Tôi vừa ở Coast về, trên một chuyến tàu chở thư “Thái Bình Dương.” Tàu bị chậm, ở cảng Puget Sound[8], chúng tôi phải làm quần quật như những người da đen, khuôn đủ các thứ hàng tạp pì lù – nếu cô biết nó là thế nào. Chính vì thế mà da tay bị bong.”

“Ồ, không phải thế đâu,” đến lượt nàng vội giảng giải. “Đôi bàn tay ông hình như quá bé so với vóc người ông.”

Má gã nóng bừng. Gã coi đây lại là một sự phô bày nữa cho người khác thấy những thiếu sót của mình.

“Thưa vâng,” gã nói như xưa đi, “chúng không đủ to để chịu được lúc cần sức mạnh, với cánh tay và bả vai tôi có thể hích như một con la, chúng khỏe lắm, nhưng khi tôi đâm vỡ quai hàm một thằng nào thì hai bàn tay tôi cũng bị đập luôn.”

Gã không vui gì với những điều gã vừa nói. Gã thấy phẫn nộ với chính mình. Gã đã buông lỏng cho miệng lưỡi nói những chuyện không hay ho gì.

“Ông giúp Arthur như vậy, thật dũng cảm quá, mà ông lại là người không quen biết.” Nàng nói khéo, nhận thấy vẻ bối rối trên nét mặt gã tuy không hiểu tại sao.

Về phía gã, gã thấy rõ điều nàng làm, một niềm cảm kích ấm áp dâng lên tràn ngập tâm hồn, gã quên cái miệng lưỡi buông thả của mình.

“Thưa cô, có gì đâu,” gã nói. “Ai gặp trường hợp vậy cũng giúp người khác thế thôi. Lũ côn đồ ấy kiếm chuyện gây gổ. Ông Arthur có đụng chạm gì đến chúng đâu. Chúng xô vào đánh ông, thế là tôi xông vào can chúng, quật ngã mấy đứa. Da tay tôi trượt ra cùng mấy cái răng của mấy thằng. Tôi không thể làm ngơ được. Khi tôi thấy...”

Gã ngừng lời, mồm há hốc, suýt nữa lao xuống vực sa đọa của mình, hoàn toàn không xứng đáng hít thở bầu không khí nàng đang thở. Trong khi Arthur kể lại đây là lần thứ hai mươi câu chuyện gặp gỡ mạo hiểm với bọn côn đồ say rượu trên chuyến phà, và Eden đã xông vào cứu anh như thế nào, thì gã cau mày ngồi suy nghĩ về nỗi ngớ ngẩn của mình, vật lộn một cách quyết liệt xem phải xử sự thế nào với những người ở đây. Cho đến lúc này gã thấy chắc rằng gã đã không thành công. Gã không phải là người trong giai tầng của họ, không thể nói cái thứ tiếng của họ, đó là điều gã tự nhủ mình. Gã không thể giả mạo làm người trong bọn họ được. Trò bịp sẽ thất bại, vả lại, trò bịp xa lạ đối với bản chất gã. Lừa lọc, giả tạo, không có đất dung thân trong con người gã. Dù thế nào gã vẫn phải nói thật. Gã quyết như thế. Nhưng trong khi đó gã phải nói và phải là lối nói của gã, tất nhiên phải bớt gay gắt, sao cho họ hiểu được và không làm họ quá chướng tai. Hơn nữa, gã không tự cho, dù là thầm kín chẳng nữa, là gã đã quen với

cái gì thực ra gã không quen. Để thực hiện điều quyết định này, khi nghe hai anh em cô ta nói những chuyện học tập ở trường đại học, nhắc đi nhắc lại nhiều lần danh từ “lượng,” Martin Eden liền hỏi:

“*Lượng* là cái gì?”

“*Lượng* giác học,” Norman nói, “một môn toán cao cấp.”

“*Toán* là cái gì nhỉ?” Gã hỏi tiếp, và câu hỏi làm Norman phá ra cười.

“*Toán* học, số học ấy mà.” Norman trả lời.

Martin Eden gật đầu, gã đã thoáng thấy những viễn tượng tri thức rõ ràng là vô bờ bến. Những cái gã nhìn thấy đều đã trở thành những thực thể. Nhân quan phi thường của gã biến cái trừu tượng thành cụ thể. Trong lò luyện kim của trí óc gã, lượng giác, toán học, và tất cả lĩnh vực tri thức mà chúng biểu hiện đều biến thành những cảnh trí. Viễn cảnh gã nhìn thấy là viễn cảnh về khóm lá xanh rờn, những khu rừng thưa, tất cả đều sáng sủa dịu dàng hoặc chói lọi hoặc bừng sáng khi tia nắng xuyên qua. Xa xa, cảnh vật bị che phủ và mờ đi trong màn sương đỏ tím, nhưng sau màn sương ấy, gã biết có sự quyến rũ của điều chưa biết tới, là sức cám dỗ của ảo mộng. Đối với gã thật sự như men say. Đây là phiêu lưu mạo hiểm, một việc làm phải cần đến khối óc, bàn tay, một thể giới để chinh phục – và sâu trong tiềm thức gã nổi lên ý nghĩ: *phải chinh phục, phải chiếm được nàng – cái linh hồn thanh khiết như bông huệ đang ngồi bên gã.*

Ảo ảnh lóe lên ấy bị Arthur xé tan và làm cho tiêu biến; suốt buổi chiều y tìm đủ mọi cách để khêu gợi làm cho con người rừng Eden lộ chân tướng. Martin Eden nhớ quyết định của mình: lần đầu tiên gã trở lại con người thực của gã, lúc đầu có ý thức và cân nhắc, nhưng chẳng bao lâu sau gã đã đắm say trong niềm vui của sáng tạo, làm cho cuộc sống gã đã từng biết hiện lên trước mắt những người nghe. Gã đã từng là thủy thủ của chiếc thuyền buôn lậu Halcyon khi nó bị một chiếc tàu tuần tra của Sở Hải quan bắt giữ. Gã đã mở to mắt nhìn và gã có thể kể lại những điều đã thấy. Gã mang cả giải đại dương đương cuộn sóng ra trước mắt họ, cùng những con người, những con tàu ngoài biển khơi. Gã truyền cho họ nhãn lực của gã, cho đến tận khi qua mắt gã, họ có thể nhìn thấy cái gì gã đã thấy. Trong cái khối lượng khổng lồ những chi tiết đó, gã đã lựa chọn với những tài hoa của người nghệ sĩ, vẽ lên những bức họa của cuộc đời, ánh lên rạng rỡ với những ánh sáng và sắc màu, truyền vào đó vẻ sống động, khiến người nghe cùng với gã trào lên theo đợt sóng của hùng biện thô kệch, của nhiệt tình, của sức mạnh. Đôi lúc, lối kể chuyện sinh động cùng ngôn ngữ của gã làm cho họ choáng váng, nhưng tiếp liền ngay sự hung bạo luôn luôn là cái đẹp, sự bi thảm được nét hài hước, được lối diễn đạt lắt léo châm biếm, kỳ lạ vốn có của những tay thủy thủ làm dịu đi.

Và trong khi gã nói, nàng nhìn gã với đôi mắt bàng hoàng. Ngọn lửa của gã làm nàng ấm lại. Nàng tự hỏi, những ngày qua mình đã lạnh lẽo quá chăng. Nàng muốn ngã mình vào con người bừng bừng, bốc lửa như hỏa diệm sơn đang phun ra sức mạnh, sự cuồng tráng và sức khỏe. Nàng cảm thấy phải nghiêng người về phía gã và gắng lắm mới kìm lại được. Nhưng cũng lại có sức mạnh ngược lại thôi thúc nàng lánh xa con người ấy. Đôi bàn tay sần sùi cấu bẩn vì lao dịch, bụi đời đã ăn sâu vào từng thớ thịt, vết hằn đỏ của vết cổ cồn, những bắp thịt cuộn cuộn kia, tất cả đều đẩy nàng lùi xa. Sự thô bạo của gã làm nàng khiếp sợ; mỗi lời thô bạo của gã là một lời thóa mạ vào tai nàng, mỗi đoạn đời sóng gió của gã là một điều thóa mạ đối với tâm hồn nàng. Nhưng lúc lúc nàng lại cảm thấy sức hút của gã, cho tới khi nàng nghĩ ắt gã phải là ma quỷ thì mới có uy lực chế ngự nàng như thế. Tất cả những gì đã được củng cố vững chắc trong trí óc nàng thì giờ đây đang lung lay. Cuộc sống phiêu lưu lãng mạn của gã đập phá mọi quy ước. Với thái độ của gã trước những nỗi hiểm nguy thân nhiên sẵn sàng cười lớn, thì đời không còn là một chuyện phải nghiêm túc, gắng công cố sức, phải kiềm chế mà chỉ là thứ đồ

chơi để đùa rồn, xoay lộn, sống và hưởng thụ, cũng như vứt bỏ đi là chuyện thường không đáng phải quan tâm lo nghĩ. “Thế thì hãy đùa rồn đi!” Tiếng kêu ấy rung vang trong cơ thể nàng. “Hãy ngả vào gã đi, nếu người muốn và hãy đặt đôi tay của người lên cổ hắn.” Nàng muốn hét lên trước cái ý nghĩ liều lĩnh ấy, và cố đề cao sự trong sạch, vốn văn hóa của mình, đem so sánh cái mình có với cái gã không có, nhưng cũng vô ích thôi. Nàng liếc quanh, thấy mọi người nhìn gã như bị cuốn hút; nàng sẽ thất vọng nếu không nhìn thấy vẻ kinh hoàng trong ánh mắt mẹ nàng – một sự kinh hoàng như bị mê hoặc, đúng thế, nhưng vẫn là kinh hoàng. Con người kia, từ thế giới tăm tối bên ngoài tới đây, hẳn là ma quỷ. Mẹ nàng đã nhìn thấy, và mẹ nàng đúng. Nàng sẽ tin ở sự xét đoán của mẹ nàng trong việc này, như nàng đã tin bà trong tất cả mọi việc. Ngọn lửa của gã không còn ấm nữa, nỗi sợ hãi của nàng đối với gã không còn ghê gớm nữa.

Lát sau, bên chiếc dương cầm, nàng dạo đàn cho gã nghe, thách thức gã với ý định mơ hồ muốn nhấn mạnh lĩnh vực ngăn cách không sao vượt qua nổi giữa hai người. Bản nhạc nàng dạo là một chiếc gậy nàng vung lên tàn nhẫn giáng vào đầu gã, và dù nó có làm cho gã choáng váng, gục ngã, nhưng vẫn kích động gã. Gã nhìn nàng hãi hùng. Trong trí óc gã cũng như trong nàng, vực thăm cứ rộng mãi ra, nhưng tham vọng của gã còn trôi dạt nhanh hơn để vượt qua. Gã là người có nhiều xúc cảm quá phức tạp, không thể ngồi suốt tối ngắm mãi vực thăm đó, nhất là lại có âm nhạc. Gã dễ cảm thụ với âm nhạc một cách kỳ lạ. Nhạc như rượu mạnh, kích thích gã có những cảm nghĩ mạnh dạn, như một liều thuốc thần nhập trí tưởng tượng của gã, đưa gã bay bổng qua mây trời. Nhạc xua đi cái sự thật lằng mạn buồn thả, chấp cánh cho nó bay lên. Gã không hiểu được điệu nhạc nàng chơi. Nó khác hẳn với những tiếng đập trên dương cầm, tiếng kèn đồng om sòm rầm rĩ mà gã đã từng nghe trong các tiệm nháy. Nhưng những nét nhạc này gã thoáng thấy nhắc đến trong sách, gã lĩnh hội chủ yếu bằng niềm tin, thoát đầu còn kiên nhẫn chờ đợi những nhịp điệu vui nhẹ của tiết tấu giản đơn minh xác, gã bỏ ngõ, bối rối khi thấy những nhịp ấy không kéo dài. Đúng lúc gã bắt được những âm điệu ấy, trí tưởng tượng sắp hòa vào để bay bổng thì lập tức những âm điệu ấy lại tan đi trở thành một mớ âm thanh hỗn độn vô nghĩa đối với gã để trí tưởng tượng của gã như một khối bất động rơi đập trở lại mặt đất.

Có lúc, gã thoáng nghĩ đây là sự cự tuyệt cố ý. Gã hiểu rõ ý chống đối của nàng, cố đoán những điều thoát ra từ đôi tay nàng, gõ trên phím đàn. Rồi gã lại gạt những ý nghĩ ấy đi, cho rằng không xứng đáng, không thể có, và lắng mình hơn vào tiếng nhạc. Niềm khoái cảm ban đầu lại choán ngợp gã. Bàn chân gã như không chấm đất (không còn là cơ thể nữa), thân xác gã biến thành linh hồn; xung quanh gã ngời lên ánh hào quang vĩ đại; cảnh vật trước mắt gã mờ dần, gã phiêu diêu trong một thế giới vô cùng thân thiết. Bao điều chưa biết và đã biết hòa lẫn trong đám rước lộng lẫy của giấc mơ, rộn ràng kéo đông nghịt trong tư tưởng của gã. Gã đi vào những hải cảng xa lạ ở những miền đầy ánh mặt trời, bước chân qua những khu chợ giữa đám người man rợ chưa ai từng thấy. Hương vị của những đảo đầy hương liệu xông lên mũi gã mà gã đã từng biết trong những đêm ấm trời gió lạnh ngoài biển, hay những ngày dài dằng dặt miền nhiệt đới, thuyền gã vượt sóng ngược chiều gió mậu dịch – đông nam trên biển màu ngọc bích; những đảo san hô phủ đầy cây cọ khuất dần sau con thuyền hoặc nhô lên phía trước. Những bức tranh đến và đi nhanh như ý nghĩ. Lúc thì gã cưỡi trên con ngựa dữ hay qua miền “[Xa Mạc Rực Rỡ](#)”^[9] đầy màu sắc thần tiên; lúc qua màn hơi nóng rung rinh gã nhìn xuống ngôi mộ cổ đá trắng của thung lũng Tử Thần^[10], hay gã đang đẩy mái chèo trên một đại dương giá lạnh có những núi băng sừng sững, lấp lánh dưới ánh mặt trời. Gã nằm trên một bãi biển san hô, có những rặng dừa trĩu quả sát xuống tận mặt sóng rì rào. Xúc một chiếc tàu đắm được dốt lên, bốc ánh lửa xanh, trong ánh lửa những vũ nữ nhảy điệu Hula^[11] theo tiếng hát man rợ gọi người yêu của những gã ca sĩ, hòa cùng tiếng đàn “[Ukelelo](#)”^[12] lanh lảnh và tiếng trống bập bùng. Đó là một đêm miền nhiệt đới đầy khoái cảm, xa xa là một hỏa diệm sơn rọi bóng lên nền trời đầy sao. Trên cao lơ lửng vành trăng lưỡi liềm vàng nhạt, ngôi sao Hôm rực sáng nơi chân trời.

Gã là một chiếc thụ cầm, cuộc sống gã đã kinh qua và những điều gã nhận thức được là dây đàn: sóng nhạc là gió thổi vào đường dây làm rung lên bao ký ức và ước mơ. Gã không chỉ cảm

thấy. Cảm giác của gã đã biến thành hình thể, màu sắc, ánh sáng và những gì trí tưởng tượng của gã dám mơ ước tới đều trở nên cụ thể một cách cao siêu, kỳ diệu. Quá khứ, hiện tại và tương lai hòa nhập; và gã cứ ngất ngư trong cuộc hành trình qua cái thế giới mê mông ảm áp, trong cuộc phiêu lưu với những hành động cao thượng vì Nàng - Ừ, cùng với nàng, chiếm được nàng, nâng nàng trong vòng tay và mang nàng bay bổng qua thiên đường của trí óc.

Và nàng quay lại liếc nhìn gã qua vai, đã thấy đôi điều trên nét mặt gã. Đó là bộ mặt rạng rỡ khác thường, đôi mắt mở to long lanh, nhìn thấu qua bức màn âm thanh, thấy sau đó mạch đập rộn ràng của cuộc sống và những ảo tưởng khổng lồ của tinh thần. Nàng giật mình. Con người thô lỗ, sống sượng, lúng túng đã biến đi rồi. Bộ y phục không hợp khổ người, đôi bàn tay bông dập, bộ mặt rám nắng vẫn còn kia; nhưng tất cả những cái đó hình như là những chấn song tù, qua đó nàng nhìn thấy một tâm hồn vĩ đại đang muốn vượt ra, ấp úng, căm lặng vì đôi môi mềm yếu không thốt được nên lời. Nhưng nàng chỉ thấy điều đó trong giây lát thoáng qua, rồi con người cục mịch lại trở lại và nàng cười cái ý thích nhất thời tưởng tượng của mình. Nhưng cảm giác của giây phút thoáng qua ấy vẫn vương vấn, khi gã lúng túng đứng dậy từ biệt ra về, nàng đã cho gã mượn tập thơ của Swinburne và một tập thơ khác của Browning^[13] – Nàng đang nghiên cứu Browning trong môn học Anh ngữ. Gã đứng đó như một chú bé mặt đỏ dừ, ấp úng cảm ơn, khiến nàng thấy trào lên trong lòng một niềm thương, tình thương của người mẹ. Nàng không còn nhớ con người thô kệch, không còn nhớ cái linh hồn bị giam hãm, không còn nhớ cái anh chàng đã nhìn nàng chăm chăm với tất cả chất đàn ông, làm nàng vừa say mê vừa khiếp sợ. Nàng chỉ còn thấy trước mặt mình một cậu bé, bắt tay nàng với bàn tay đầy chai sần sùi như cái nạo dừa, làm rập làn da tay nàng, mồm ấp úng hỗn hển:

“Đây là lúc sung sướng nhất đời tôi. Cô biết đấy, tôi chưa quen...” Gã nhìn quanh lạc lõng “... với những người và những gia đình như nhà ta đây. Đối với tôi, nó lạ quá, tôi rất thích...”

“Tôi mong ông lần sau ghé lại chơi,” nàng nói khi gã chào Arthur và Norman.

Gã đội mũ lưỡi trai, loạng choạng qua ngưỡng cửa và đi khuất.

“Thế nào, em thấy hấn ra sao?” Arthur hỏi.

“Hay lắm, như một luồng khí “ozon”” nàng trả lời. “Anh ta bao nhiêu tuổi?”

“Hai mươi, xấp xỉ hai mươi mốt. Anh vừa hỏi hấn chiều nay. Không ngờ hấn lại trẻ thế?”

Mình hơn anh ta ba tuổi, nàng thầm nghĩ khi hôn Arthur và Norman để về phòng ngủ.

CHƯƠNG 3

Martin Eden bước xuống bậc đá, tay thọc vào túi áo lấy ra một tờ giấy nguyên[14] màu nâu nhạt, và một dúm thuốc lá Mexico khéo léo cuộn thành điếu. Gã rít hơi khói đầu tiên thật sâu vào tận buồng phổi, và thở ta thành một làn khói dài bay lơ lửng. “Trời ơi!” gã thốt lên, giọng sợ hãi, kinh ngạc. “Trời ơi!” gã nhắc lại. Rồi gã lăm bầm “Trời ơi!” tay gã đưa lên, nắm lấy cái cổ cồn, giật mạnh ra khỏi sơ mi, nhét nó vào túi. Mưa phùn lạnh lẽo nhưng gã trật mũ ra để đầu trần, mở phanh áo lắc lư bước đi không để ý gì đến mọi vật chung quanh. Gã chỉ có một cảm giác mơ hồ rằng trời đang mưa. Gã ngây ngất, đắm người trong những giấc mơ và hình dung lại những cảnh vừa qua.

Thế là cuối cùng gã đã gặp người đàn bà ấy, người đàn bà mà gã ít nghĩ tới, tính gã vốn không thích nghĩ đến đàn bà, - nhưng người mà gã vẫn mong chờ một cách xa xôi mơ hồ rằng một ngày kia gã sẽ được gặp. Gã đã ngồi cạnh nàng ở bàn ăn. Gã đã nắm tay bàn tay nàng trong tay gã, gã đã nhìn vào mắt nàng và đã thấy một linh hồn đẹp đẽ, nhưng linh hồn ấy cũng không sao đẹp bằng chính đôi mắt đó ánh lên, không sao đẹp bằng da thịt đã tạo cho nó thành hình hài. Gã không nghĩ rằng da thịt của nàng là da thịt - đây là điều mới mẻ đến với gã bởi vì đối với những người đàn bà mà gã đã biết trước đây, gã chỉ có một ý nghĩ, da thịt là da thịt. Da thịt của nàng có một cái gì khác. Gã không quan niệm thân thể của nàng là một thân thể, phải chịu đựng tất cả những bệnh tật, những cái yếu đuối của thân thể. Thân thể nàng không phải chỉ là một cái áo bọc lấy linh hồn, mà nó biểu lộ linh hồn nàng, nó là kết tinh trong trắng và đẹp đẽ cái tinh túy thần tiên của nàng. Cảm giác về cái thần tiên ấy làm gã giật mình. Nó giật gã ra khỏi những giấc mơ và đưa gã về với những ý nghĩ tỉnh táo hơn. Trước kia không một lời, một dấu vết, một điều ám chỉ nào về chuyện thần tiên đến với gã. Gã không bao giờ tin ở chuyện thần tiên. Gã vốn là người không tin ở tôn giáo, đối với những mục sư và thuyết linh hồn bất diệt của họ, gã chỉ cười giễu một cách khoan hậu. Gã cho rằng làm gì có cuộc sống ở thế giới bên kia. Chỉ có nơi đây và hiện tại, còn là đen tối bất tận. Nhưng cái gã nhìn thấy trong mắt nàng là linh hồn - linh hồn bất diệt không bao giờ có thể chết được. Chưa một người đàn ông nào cũng chưa một người đàn bà nào có thể mang lại cho gã niềm tin ở sự bất diệt. Nhưng nàng đã mang lại cho gã ngay từ phút gặp gỡ đầu tiên, nhìn gã nàng đã thầm nói với gã điều đó. Gã bước đi, nét mặt nàng vẫn hiện ra lung linh trước mắt - xanh nhạt, nghiêm trang, dịu hiền và dễ cảm, mỉm cười thương hại và trù mến, chỉ có linh hồn mới mỉm cười được như vậy, trong trắng quá, chưa bao giờ gã mơ được rằng sự trong trắng lại có thể được như thế. Sự trong trắng của nàng như giáng cho gã một đòn mạnh. Nó làm gã kinh hoàng. Gã đã từng biết những điều hay điều dở, nhưng sự trong trắng - phẩm chất của cuộc sống thì chưa bao giờ gã nghĩ tới. Bây giờ đây trong con người nàng, gã thấy rõ sự trong trắng là lòng nhân ái, là sự thanh khiết cao quý nhất, tất cả đã tạo nên cuộc sống vĩnh cửu.

Ngay lúc đó, tham vọng như thôi thúc gã phải nắm lấy cuộc sống vĩnh cửu. Gã không xứng đáng xách nước cho nàng - Gã hiểu thế lắm - Ấy thế mà đêm nay, được trông thấy nàng, được ngồi cùng bàn, được nói chuyện, thật là một sự may mắn kỳ diệu, một chuyện dị thường. Chỉ là ngẫu nhiên. Thật ra gã không xứng đáng; gã không đáng được may mắn như thế. Bản chất gã thật ra vốn là mộ đạo. Gã hèn mọn và yếu mềm, tự thấy mình tầm thường lắm, tự ti lắm. Cũng một tâm trạng như vậy, những kẻ có tội thấy cần phải cầu nguyện ăn năn. Gã tự cho mình là kẻ có tội. Nhưng cũng như những kẻ hèn mọn và yếu mềm, khi ngồi xám hối ăn năn là thấy được viễn cảnh huy hoàng của cuộc sống tương lai sáng lạn, gã cũng vậy, gã cũng thấy lóe ra những viễn cảnh tương tự nếu gã chiếm được nàng. Nhưng cái chuyện chiếm được nàng gã thấy mờ

mờ ảo ảo khác hẳn với những gì mà gã chiêm được trước kia. Tham vọng bay bổng trên đôi cánh điên cuồng. Gã thấy mình cùng nàng bay lên đỉnh núi cao, cùng chung một ý tưởng, cùng hưởng những cảnh đẹp đẽ và cao quý. Gã mơ chiêm được linh hồn, lọc bỏ hết cả những gì là thô tục chỉ còn lại tình bằng hữu phóng khoáng về tinh thần mà gã không thể hình dung ra thành ý nghĩ rõ ràng. Gã không nghĩ đến điều ấy. Chuyện này gã không nghĩ đến một chút nào. Cảm giác vượt lên trên lý trí, gã rung động, hồi hộp với những cảm xúc mà trước đây gã chưa hề biết, nó đưa gã chơi vơi mê ly trên đại dương của cảm xúc nơi mà chính cảm giác cũng bốc lên cao vời linh thiêng, vượt khỏi những đỉnh cao của cuộc đời.

Gã bước đi lảo đảo như một người say rượu, mồm cứ sôi nổi kêu lên: “Trời ơi!” “Trời ơi!”

Một người cảnh sát ở góc phố đưa mắt nhìn gã nghi ngờ nhận thấy dáng đi ngật ngưỡng kiểu thủy thủ của gã liền hỏi:

“Uống ở đâu mà say thế?”

Martin Eden quay về với thực tại. Cơ thể gã như một chất lỏng thích ứng rất nhanh, có thể chảy ngập đầy vào tất cả những loại góc ngách hang hốc. Nghe tiếng gọi của người cảnh sát, lập tức gã trở lại với cái bản chất thường ngày của gã và thấy rõ ngay hoàn cảnh của mình bấy giờ.

Trông cũng đặc biệt đấy chứ hở? Gã cười trả lời:

“Mình không biết là mình nói to đấy.”

“Rồi anh còn hát nữa ấy chứ,” người cảnh sát dè chừng trước.

“Không, không hát đâu; cho xin que diêm, có xe qua, mình sẽ về nhà mà!”

Gã châm thuốc lá, chào người cảnh sát rồi đi tiếp. *“Thế nào, ngạc nhiên không?”* Gã khẽ thốt lên. *“Thằng cóm tưởng mình say.”* Gã cười một mình và ngẫm nghĩ: *“không khéo mà say thật. Nhưng chẳng nhẽ mặt một người đàn bà mà có thể làm mình say được đến thế.”*

Gã nhảy lên một cái xe Đại lộ Bưu điện^[15] đang chạy về khu Berkeley. Xe chật ních những thanh niên nam nữ đang ca hát om sòm, sửa ra hàng tràng những tiếng hò la của bọn sinh viên trường đại học. Gã quan sát họ một cách tò mò. Họ là những thanh niên đại học. Họ cùng học ở một Trường đại học với nàng, cùng ở một giai tầng xã hội với nàng, họ có thể quen biết nàng, và ngày nào cũng có thể gặp được nàng, nếu họ muốn. Gã lạ lùng tự hỏi, tại sao họ lại không muốn gặp nàng, tao sao trong buổi tối này họ không đến nhà nàng, nói chuyện với nàng, ngồi vây quanh nàng để tán phịch và tôn thờ mà lại đi chơi rong. Gã cứ nghĩ miên man. Gã để ý thấy một gã mắt hí, môi trề ra. Thằng này hẳn là tâm địa xấu xa lắm đây, gã chắc thế. Thằng này mà ở trên tàu biển thì nhất định chỉ là một thằng hèn nhát, ti tiện, hay van vớ. Mình, Martin Eden này nhất định phải hơn cái thằng ấy. Ý nghĩ đó làm gã vui lên. Nó hình như kéo gã lại gần với nàng hơn. Gã bắt đầu so sánh mình với bọn sinh viên. Gã thấy rõ những bắp thịt cuộn cuộn trong cơ thể gã; gã tự tin rằng về mặt thể chất gã đáng là bậc thầy bọn này. Nhưng đầu óc họ lại chứa đầy những kiến thức khiến họ có thể nói chuyện được theo lối nói của nàng. Ý nghĩ này làm gã thất vọng. *Nhưng đầu óc dùng để làm gì chứ?* – gã hỏi một cách sôi nổi. Tất cả những cái gì họ đã làm, gã cũng có thể làm được. Họ nghiên cứu cuộc đời qua sách vở, còn gã, thì gã đang sống cuộc đời thực. Đầu óc gã cũng đầy những kiến thức như họ, tuy là một loại kiến thức khác. Có bao nhiêu đũa trong bọn này có thể thắt nổi một cái nút dây cáp buộc tàu, có thể bẻ được bánh lái hay đứng được lên đài quan sát? Cuộc đời gã lại diễn ra trước mắt, một chuỗi những cảnh hiểm nguy, sống còn, cực nhọc và gian khổ. Gã nhớ lại tất cả những thất bại, những va vấp

trong việc học tập. Dù sao, về mặt này gã cũng hơn bọn chúng. Rồi đây, bọn này cũng sẽ phải bắt đầu cuộc sống, phải qua lò lửa thử thách như gã đã từng qua. Được lắm. Trong khi chúng còn phải bận tâm về việc đó, thì gã lại có thể nghiên cứu một khía cạnh khác của cuộc sống qua sách vở.

Khi xe chạy qua những dãy nhà rải rác ở giữa hai khu Oakland và Berkeley[16] gã để ý nhìn ra tìm căn nhà hai tầng quen thuộc đang trước có treo một tấm biển ngạo nghễ: HIGGHINBOTHAM THƯƠNG ĐIỂM. Martin Eden xuống xe ở góc phố này. Gã ngược nhìn lên tấm biển một lúc. Đối với gã nó có một ý nghĩa khác, không phải chỉ là những chữ thường. Một cá tính nhỏ nhen, ích kỷ, một cái gì ám muội ti tiện hình như toát ra từ chính những chữ này. Bernard Higghinbotham lấy chị gã. Gã biết rõ hẳn lắm. Gã lấy khóa mở cửa bước vào, leo lên cầu thang lên tầng thứ hai. Lão anh rể gã sống ở đây. Cửa hàng tạp hóa ở bên dưới. Mùi rau củ ôi nồng nặc. Gã bước qua gian phòng lớn, vấp phải một cái xe trẻ con chơi mà lũ cháu giai cháu gái đông lúc nhúc của gã bỏ lại ở đó, và va vào cánh cửa đánh rầm một cái. *“Thằng bần tiện,”* gã nghĩ bụng *“sén so, đáng hai xu hơi cũng không dám đốt lên để cho những thằng ở trọ khỏi ngứa gáy cổ.”* Gã sờ soạng tìm quả đấm cửa bước vào gian buồng có ánh sáng, chị gã và Bernard Higghinbotham đang ngồi ở đó. Chị gã đang mạng quần cho hắn. Còn hắn thì nằm ngả cái thân hình còm cõi lên hai chiếc ghế, chân đi đôi dép cói rách đung đưa ở đầu mép ghế thứ hai. Đưa mắt nhìn qua đầu tờ báo đương đọc, hắn để lộ ra cặp mắt đen gian xảo, sắc sảo, soi mói. Martin Eden không lần nào nhìn hắn mà không cảm thấy kính tởm. Gã không thể hiểu được chị gã đã tìm thấy cái gì ở trong con người này. Đối với gã, hắn không khác gì một con rệp, trông thấy hắn là gã chỉ muốn lấy chân mà di di. *“Rồi có bữa mình phải đánh cho nó vỡ mặt,”* mỗi lần phải chịu sự có mặt của cái con người này, gã lại tự an ủi mình như vậy. Đôi mắt hắn như mắt chồn, độc ác, đang nhìn gã một cách khó chịu.

Martin Eden nói thẳng:

“Nào, có gì cứ nói đi.”

“Tôi vừa cho sơn cửa tuần trước,” Bernard nửa như rên rỉ, nửa như đe dọa, “mà cậu biết thừa giá cả của công đoàn như thế nào rồi. Cậu phải cẩn thận hơn mới được chứ.”

Martin định trả lời, nhưng gã thấy đối đáp lại cũng chẳng ích gì. Gã không thèm để ý đến cái linh hồn bần thủ ấy nữa, gã đưa mắt nhìn một bức vẽ nhiều màu trên tường. Nó làm cho gã ngạc nhiên. Gã vẫn thích bức vẽ này. Nhưng hôm nay hình như gã mới trông thấy nó lần đầu tiên. Nó cũng rẻ tiền, thực vậy, cũng rẻ tiền như tất cả những thứ khác trong căn nhà này. Trí óc gã quay lại với tòa nhà, nơi gã vừa đi khỏi; gã lại trông thấy, thoát tiên, những bức vẽ, rồi đến nàng nhìn gã với một vẻ dịu dàng triu mến khi nàng bắt tay lúc gã từ biệt. Gã quên hẳn nơi mình đang đứng, quên cả sự có mặt của Bernard Higghinbotham. Mãi đến lúc hắn hỏi:

“Nhìn ma đấy à?”

Martin Eden tỉnh lại, nhìn vào đôi mắt nhỏ, gian xảo, dữ tợn, hèn nhát, và lập tức hiện ra trong trí óc gã như trên một màn ảnh, cũng đôi mắt ấy khi chủ nó bán hàng trước quầy dưới nhà – đôi mắt cầu lợi, láu lỉnh, giảo hoạt, bợ đỡ.

“Phải, tôi vừa nhìn thấy ma.” Gã trả lời. “Thôi chào anh, chào chị, chị Gertrude.”

Gã bước ra khỏi phòng. Chân vướng vào một sợi dây của tấm thảm đã rách sơ.

“Đừng có đập mạnh cửa đấy.” Bernard cảnh báo trước.

Gã cảm thấy máu sôi lên, nhưng gã cố kìm mình, nhẹ nhàng khép cửa lại.

Bernard nhìn vợ có vẻ giương giương đắc ý.

“Ông tương lại rượu,” hấn nói giọng khàn khàn, “tôi đã nói với cô là thế nào hấn cũng lại rượu mà.”

Bà vợ gật đầu nhần nhục.

“Mắt cậu ấy cứ long lên,” bà vợ cũng phải công nhận, “lúc đi nó có đeo cổ cồn, lúc về thì không thấy. Nhưng có lẽ cũng chỉ uống một hai cốc thôi.”

“Nó đứng không vững còn gì nữa.” Ông chồng quả quyết. “Tôi để ý nhìn, nó không thể nào đi khỏi cái sàn này mà không vấp ngã. Chính cô cũng nghe thấy nó suýt ngã sắp mặt ở gian phòng lớn.”

“Chắc chú ấy vấp phải cái xe con Alice. Tối quá, chú ấy không nhìn thấy gì.”

Higghinbotham bắt đầu nổi nóng và lớn tiếng. Suốt ngày, hấn đã phải cố giấu bộ mặt thật của mình trong lúc bán hàng, đến tối trở về nhà với vợ con mới cho mình có quyền lộ chân tướng.

“Tôi nói cho cô biết ông em quý hóa của cô say đấy!”

Cái giọng nói hấn lạnh lùng, sắc nhọn và độc đoán, mỗi lời hấn thốt ra như nhát gập của một chiếc máy.

Bà vợ thở dài, yên lặng. Bà người to béo phúc phịch, quần áo lôi thôi rách rưới, lúc nào cũng mệt mỏi vì cái thân hình nặng nề của mình, vì công việc và vì ông chồng.

“Cái thói này, tôi bảo cho mà biết, đúng là thừa kế của ông bố.” Higghinbotham tiếp tục nói xấu. “Rồi cũng lại chết đường chết chợ như thế thôi. Cô cũng thừa biết điều đó chứ!”

Bà vợ gật đầu, thở dài và tiếp tục khâu. Họ thống nhất với nhau là Martin trở về nhà say thật. Tâm hồn họ không thể hiểu được cái đẹp, nếu không họ đã nhận thấy đôi mắt sáng ngời kia, bộ mặt rạng rỡ ấy chính biểu hiện sự gặp gỡ tình yêu ban đầu của tuổi trẻ.

“Làm gương “đẹp” cho bọn trẻ con nhà này bắt chước.”

Higghinbotham bắt chọt khịt khịt, (hấn rất tức tối vì bà vợ cứ lặng thinh). Đôi lúc hấn thích vợ hấn cứ cãi lại hấn nhiều hơn.

“Nó mà cứ còn cái thói rượu chè nữa, thì phải tống cổ nó đi. Hiểu không! Tôi không chịu được cái thói ngông nghênh của nó. Nó làm truy lạc cả bọn trẻ con ngây thơ với cái thói rượu chè ấy.” (Higghinbotham rất thích cái danh từ “truy lạc” này, một danh từ mới trong mớ từ ngữ của hấn mà hấn vừa nhặt được trong một cột báo). “Đúng thế đấy, làm truy lạc chứ còn gọi là gì nữa.”

Bà vợ vẫn cứ thở dài, lắc đầu buồn bã và tiếp tục khâu. Higghinbotham lại cầm tờ báo lên, đọc.

“Nó đã trả tiền trọ tuần trước chưa đấy?” Hắc lại bật lên hỏi qua đầu tờ báo.

Bà vợ gạt đầu và nói:

“Cậu ấy vẫn còn ít tiền.”

“Bao giờ nó lại đi biển?”

“Bao giờ tiêu hết tiền lương, tôi đoán thế. Hôm qua cậu ấy đã đi San Francisco tìm tàu. Nhưng cậu ấy còn tiền, vả lại cậu ấy chọn tàu rất kỹ lưỡng để ký hợp đồng làm.”

“Cái đồ thủy thủ hạng bét như nó mà lại còn dở trò làm bộ làm tịch,” Higghinbotham lại khịt khịt. “Kỹ lưỡng chọn! Bộ nó...”

“Cậu ấy nói hình như có một chiếc thuyền buồm nào đấy sắp nhổ neo đi một nơi xa để tìm một kho tàng bí mật; cậu ấy sẽ chờ chuyển đi đó, nếu còn đủ tiền.”

“Nếu nó định bụng chí thú làm ăn, tôi sẽ kiếm cho nó một chân đẩy xe hàng,” Anh chồng nói thế nhưng giọng không có một chút gì là thiện ý cả. “Thằng Tom bỏ đi rồi đấy!”

Bà vợ có vẻ hoảng hốt, và dò hỏi:

“Bỏ đi ngay đêm nay. Nó làm cho nhà Carruther ư? Họ giả lương hậu hơn nhà này hẳn. Tôi đã bảo thế nào rồi anh cũng mất thằng Tom mà.” Bà vợ kêu lên. “Nó rất xứng đáng được trả lương cao hơn.”

“Này nghe đây, mẹ già kia,” Higghinbotham tức tối. “Có đến hàng nghìn lần tôi đã bảo mẹ không được chõ mũi vào công việc của tôi cơ mà. Tôi không thèm nói với mẹ nữa đâu.”

“Tôi cóc cần,” bà vợ khịt mũi. “Tom là một đứa tốt.”

Anh chồng trợn mắt nhìn vợ. Thật là một sự thách thức quá đáng.

“Nếu thằng em mẹ không đến nỗi là đồ vô dụng thì cho nó đẩy xe cũng được đấy.” Hắc khịt khịt.

“Nó chẳng thiếu tiền trọ bao giờ.” Bà vợ cãi lại. “Nó là em tôi, nó không thiếu tiền anh thì anh không có quyền lúc nào cũng đem nó ra mà xỉ vả. Lấy anh bảy năm trời thật, nhưng tôi cũng có ít nhiều tình cảm của tôi chứ.”

“Mẹ có nói cho nó biết là cứ dùng hơi đốt đọc sách đêm khuya như thế sẽ phải tính thêm tiền không?”

Bà vợ không trả lời. Sự phản kháng của bà yếu dần, tinh thần của bà chìm vào trong cái thế xác mết mỏi. Anh chồng đắc thắng. Hắc đã át được vợ. Mắt hắc quắc lên như báo được thù, nghe vợ ngồi khịt mũi hắc lấy làm khoái trá lắm. Giày vò vợ, hắc lấy làm hạnh phúc, mà bà vợ thì bây giờ cam chịu sự giày vò ấy một cách dễ dàng, tuy trước đây, những năm đầu mới lấy nhau, khi chưa có lũ con lúc nhúc, khi tiếng rầy la suốt ngày của chồng chưa làm cho bà tiêu tan hết nghị lực, thì có khác.

Hắn lại nói:

“Ồ, ngày mai mẹ bảo cho nó biết. Có thể thôi. À, mà suýt quên! Tôi muốn nói với mẹ là mai nhớ bảo cái Maria đến trông nom lũ trẻ. Thằng Tom đi rồi, tôi phải ra xe hàng, còn mẹ liệu chuẩn bị xuống dưới nhà mà đứng kết.”

“Nhưng mai là ngày giặt quần áo.” Bà vợ phản đối một cách yếu ớt.

“Dậy sớm mà giặt trước đi. Mười giờ tôi mới phải đi.”

Hắn cúi kính vò tờ báo, rồi lại tiếp tục đọc.

CHƯƠNG 4

Martin Eden, máu vẫn còn sôi lên sau cuộc gặp gỡ với lão anh rể, lần đường dọc theo căn buồng sau không có ánh đèn, về phòng; một gian phòng nhỏ bằng cái lỗ mũi chỉ vừa đủ kê một chiếc giường, một cái giá đựng chậu rửa mặt và một cái ghế. Higginbotham quá keo kiệt, không chịu nuôi lấy một người làm khi vợ hắn có thể đảm đương được công việc. Hơn nữa, căn buồng người làm đáng lẽ để một người ở thì có thể cho hai người trọ được. Martin đặt tác phẩm Swinburne và Browning xuống ghế, cởi áo ngoài và ngồi lên giường. Cái lò xo cà tàng cọt kẹt dưới sức nặng của thân thể gã, nhưng gã cũng không để ý tới. Gã định cởi giày, nhưng mắt bỗng nhìn thấy bức tường trắng trước mặt loang lổ những vết nâu bẩn do nước mưa từ mái nhà đổ xuống. Trên cái bối cảnh nhơ nhớp ấy, những hình ảnh lại bắt đầu ào tới và bùng lên. Gã quên cả đôi giày, cứ dăm dăm nhìn mãi cho đến lúc môi gã bắt đầu mấp máy, và gã lẩm bẩm "Ruth."

"Ruth," gã không thể nghĩ còn một âm thanh đơn giản nào có thể đẹp đến được như vậy. Nghe nó sao mà êm dịu, nhắc đi nhắc lại âm thanh đó, gã càng thấy say sưa. "Ruth." Đó là một lá bùa hộ mệnh, một tiếng thần kỳ để mà cầu nguyện. Mỗi lần gã lẩm nhẩm nhắc lại, nét mặt nàng lại lung linh trước mắt, làm mờ đi cái bức tường bẩn thỉu bằng một ánh hào quang vàng rực. Ánh hào quang của nàng không chỉ dừng lại ở bức tường, nó kéo dài đến vô tận, và qua cái chiều sâu thăm thẳm vàng rực ấy, linh hồn gã dò dẫm tìm nàng, những gì tốt đẹp nhất trong con người gã trào ra thành một dòng suối lộng lẫy huy hoàng. Chỉ nghĩ đến nàng thôi cũng đủ làm cho gã cao quý, trong trắng, làm cho gã tốt đẹp hơn. Điều đó mới lạ đối với gã. Xưa nay gã chưa hề biết một người đàn bà nào đã làm cho gã tốt đẹp hơn. Ngược lại, họ chỉ luôn luôn biến gã thành thú vật. Gã không biết rằng nhiều người trong bọn họ cũng đã làm hết sức mình, tuy họ xấu xa. Không bao giờ nhận thức được chính bản thân mình, gã không biết rằng trong con người gã đã có một cái gì khiến những người đàn bà ấy yêu và đó là nguyên nhân khiến họ phải sản đến, mong chiếm đoạt tuổi trẻ của gã. Tuy họ vẫn thường quấy rầy gã, nhưng gã không bao giờ bận tâm nghĩ đến họ, và có lẽ gã cũng không bao giờ mơ tới rằng có thể có những người đàn bà vì gã mà trở thành tốt hơn được. Trước đây, gã sống phóng túng, phớt đời cho đến tận bây giờ; hôm nay đây, gã mới hình như thấy rằng bọn đàn bà kia cứ sản lại gần gã, lôi kéo gã bằng những bàn tay nhơ bẩn. Thực ra, như vậy là không công bằng đối với họ, mà cũng không công bằng đối với bản thân gã. Nhưng một con người mà lần đầu tiên nhận thức được mình thì còn tâm trí đâu để mà phán đoán, gã thấy hổ thẹn chín người khi gã nhìn lại quãng đời không trong sạch của mình.

Gã đứng vụt dậy, cố nhìn con người mình trong tấm gương bẩn thỉu treo trên giá rửa mặt. Gã lấy khăn lau gương, rồi lại nhìn, thật lâu, thật cẩn thận. Đây là lần đầu tiên gã thực sự trông thấy mình. Mắt gã sinh ra để nhìn, nhưng cho đến tận lúc này, nó chứa đầy một bức toàn cảnh luôn luôn thay đổi của cuộc đời, gã quá bận tâm nhìn vào đó, chưa bao giờ nhìn đến mình. Gã trông thấy cái đầu, bộ mặt của một gã trẻ tuổi trạc hai mươi nhưng vẫn không quen đánh giá loại đó, nên gã chẳng biết đánh giá nó như thế nào. Trên cái trán cao vuông, gã thấy một mái tóc nâu, màu hạt dẻ, với làn sóng và những mớ tóc quăn quăn, niềm thích thú cho bất cứ một người đàn bà nào, nó làm cho những bàn tay run lên khi vuốt ve nó, những ngón tay run lên khi âu yếm luồn qua nó. Nhưng gã bỏ qua coi như nó không có giá trị gì trong con mắt nàng, gã ngắm cái trán cao vuông thật lâu, tư lự, cố đi sâu vào tìm hiểu giá trị của cái nó chứa đựng bên trong. Sau cái trán này là một bộ óc như thế nào? Đó là câu hỏi day dứt gã. Nó có thể làm được cái gì? Nó có thể đưa gã tới đâu? Có thể đưa gã tới nàng không?

Gã tự hỏi không biết có linh hồn trong đôi mắt xám màu thép kia, đôi mắt thường xanh biếc, sáng trong vì mặt của đại dương, ngập ánh mặt trời. Gã tự hỏi không biết nàng thấy đôi mắt gã ra sao. Gã cố tưởng tượng nàng nhìn vào mắt gã, nhưng cái trò tưởng tượng ảo thuật ấy rốt cục cũng chẳng thành. Gã có thể tự đặt mình vào người khác, và hiểu tâm lý họ nhưng những người đó phải là những người có một lối sống mà gã từng quen biết. Gã có biết lối sống của nàng ra sao đâu. Nàng là điều kỳ và huyền bí, làm sao gã có thể đoán được một ý nghĩ của nàng? Phải, đôi mắt này là đôi mắt lương thiện, gã đi tới kết luận như vậy. Trong đôi mắt này không có một chút gì là nhỏ nhen, ti tiện. Màu nâu r ám nắng của bộ mặt gã làm cho gã ngạc nhiên. Gã không ngờ mình lại đen như thế. Gã vén tay áo lên, gã so sánh màu trắng của phía dưới cánh tay với bộ mặt. Phải, gã vốn là một người trắng trẻo cơ mà. Nhưng cánh tay của gã cũng r ám nắng. Gã vịn cánh tay, lấy bàn tay kia cuộn cho bắp thịt nổi lên, gã nhìn xuống phía dưới cánh tay, nơi mặt trời ít rọi vào nhất, chỗ đó rất trắng. Gã nhìn bộ mặt nâu sẫm trong gương mà bật cười, nghĩ rằng xưa kia nó cũng trắng như phía dưới cánh tay này đây. Mà gã cũng không bao giờ mơ tưởng được rằng ở trên đời này có rất ít những người đàn bà đẹp như tiên và trắng xanh có thể tự phụ có được làn da đẹp hơn, mịn hơn da gã - mịn đẹp hơn chỗ gã tránh khỏi được sự tàn phá của mặt trời.

Miệng gã có thể là miệng một chú hài đồng nếu trong những lúc gay go, đôi môi dày dễ xúc cảm này không có thói quen mím chặt lấy hàm răng. Có lúc mím chặt quá, miệng gã trông rảnh rỗi, nghiêm nghị, có vẻ khắc khổ nữa. Đây là đôi môi của một con người chiến đấu, của một kẻ yêu đương. Nó có thể tận hưởng tất cả cái dịu ngọt của cuộc đời, và cũng có thể gạt bỏ tất cả cái dịu ngọt ấy để chế ngự cuộc đời. Quai hàm và cằm rất khỏe, vuông, thách thức, bướng bỉnh, giúp cho đôi môi ấy chế ngự cuộc đời. Sức mạnh cân xứng với sự nhạy cảm trước cái đẹp, tạo cho nó một tác dụng tốt, khiến gã biết yêu cái đẹp lành mạnh và dễ rung động với những tình cảm trong sạch. Giữa đôi môi ấy là hàm răng không bao giờ biết, mà cũng không bao giờ cần đến sự chăm sóc của ông thợ chữa răng. Răng gã trắng, khỏe và đều, gã chắc chắn như vậy khi gã nhìn ở gương. Nhưng càng nhìn gã càng thấy bối rối. Đâu đây, ẩn trong những chỗ sâu kín của trí óc, gã mơ hồ nhớ lại, hình như có những người hầu như ngày nào cũng đánh răng. Họ là những người thuộc tầng lớp trên, những người thuộc giai cấp nàng. Chắc chắn ngày nào nàng cũng phải đánh răng. Nàng sẽ nghĩ gì nếu nàng biết rằng suốt cuộc đời gã chưa bao giờ đánh răng. Gã quyết định phải mua một cái bàn chải và tạo cho mình thói quen ấy. Gã sẽ bắt đầu ngay từ ngày mai. Không phải chỉ nhờ vào những hành động anh hùng mà có thể mong chinh phục được nàng. Gã phải cải tạo bản thân về đủ mọi thứ, ngay cả chuyện đánh răng và đeo cổ còng dù cái cổ còng hồ cứng có là cho gã như mất tự do.

Gã giờ bàn tay lên, lấy đầu ngón tay cái xoa miết vào lòng bàn tay đầy chai, dăm dăm nhìn những vết bần ấn sâu vào da thịt mà không bàn chải nào cọ sạch được. Lòng bàn tay của nàng mới khác làm sao! Lòng gã rung động rộn ràng khi nghĩ lại. Như một cánh hoa hồng, gã nghĩ, mát và mềm dịu như một bông tuyết. Chưa bao giờ gã nghĩ rằng có bàn tay của một người đàn bà nào lại có thể mềm mại một cách dịu dàng như vậy. Gã thoáng thấy mình tưởng tượng cái thú được một bàn tay như thế vuốt ve, và đỏ bừng mặt như phạm lỗi. Một ý nghĩ như thế đối với nàng thật quá thô bỉ. Thế có khác gì thóa mạ cốt cách thần tiên của nàng. Nàng là một linh hồn mảnh mai, thanh cao, vượt ra ngoài xác thịt. Nhưng lòng bàn tay dịu dàng của nàng vẫn cứ ám ảnh trong ý nghĩ của gã. Gã quen với những lòng bàn tay cứng đầy chai của những cô gái trong xưởng may, của những người đàn bà lao động. Phải, gã biết rõ tại sao tay họ lại chai sần như thế, nhưng cái bàn tay ấy của nàng nó mềm mại bởi vì nàng không bao giờ dùng nó để làm việc. Vực ngăn cách giữa gã mở rộng ra được ý nghĩ khủng khiếp rằng một con người không cần phải làm việc để nuôi thân. Bỗng gã hình dung thấy tính chất thượng lưu của những người không lao động. Nó hiện lên sừng sững trên bức tường trước mắt gã, một hình thù bằng đồng thau, ngạo sục, hống hách. Bản thân gã cũng lao động, những ký ức đầu tiên của gã hình như gắn liền với lao động. Chị Gertrude kia, nếu đôi bàn tay chị không chai cứng vì công việc nhà không bao giờ hết, thì lại sung đỏ như miếng thịt bò tái vì phải giặt giũ quá nhiều, và Maria, em gái gã kia, mùa hạ trước nó đã làm việc trong xưởng đồ hộp, đôi bàn tay đẹp thon thả của nó

đầy vết xước sẹo vì những con dao thái cà chua. Lại nữa, mùa đông trước máy xén trong xưởng giấy đã cắt đi mất của nó hai đốt ngón tay. Gã nhớ lại đôi lòng bàn tay sần cứng của mẹ gã khi bà nằm trong quan tài. Và bố gã đã phải làm việc chò đến hơi thở cuối cùng. Lúc ông chết, chai ở tay ông phải dày đến nửa đốt. Nhưng bàn tay nàng thì mềm mại, bàn tay của mẹ nàng, bàn tay của anh em nàng. Nghĩ thế, gã thấy ngạc nhiên, đó là bằng chứng rõ ràng cho giai tầng cao quý của họ, khoảng cách giữa gã và nàng thật là mênh mông.

Gã ngồi bệt xuống giường, cười cay đắng, và cởi giày ra. Gã là một thằng điên. Gã đã bị bộ mặt của một người đàn bà, bị đôi bàn tay trắng nuốt mềm mại của một người đàn bà làm cho mê man. Và bỗng trước mặt gã, trên bức tường vôi bẩn thủ kia, lại hiện ra một ảo ảnh. Gã đang đứng trước một căn nhà trọ tồi tàn, một đêm ở khu Đông[17] thành phố London, trước mặt gã là Margey, một cô gái nhỏ mười lăm tuổi làm công trong xưởng may. Sau khi đi dạo, gã dẫn cô về nhà. Cô sống trong cái nhà trọ tối tăm ấy, một nơi không đáng cho lợn ở. Lúc từ biệt, gã giơ tay nắm lấy tay cô. Cô rướn môi lên đợi gã hôn. Nhưng gã không hôn, không hiểu sao gã thấy sợ cô ta. Cô nắm lấy tay gã, bóp chặt, cuồng nhiệt. Gã thấy những chai tay của cô cọ rập lòng bàn tay gã, gã cảm thương dào dạt. Gã nhìn cặp mắt mong mỏi thêm khát, gã nhìn cái thân hình đàn bà đói ăn của cô đã chuyển mạnh qua thời kỳ trẻ thơ, bước vào tuổi trưởng thành đầy sợ hãi và man dại, rồi gã vòng tay ôm lấy người cô một cách rất bao dung, cúi xuống hôn lên đôi môi cô. Tiếng reo vui khe khẽ của cô vang lên trong tai gã và gã cảm thấy cô bấu chặt lấy gã như một con mèo. Tội nghiệp cho cô bé đói khổ ấy! Gã cứ tiếp tục nhìn mãi vào ảo ảnh của những sự việc đã diễn ra từ lâu. Da thịt gã rợn lên, như nó từng rợn lên đêm hôm ấy. Khi cô bấu chặt lấy gã, lòng gã rợn thương. Thật là một cảnh buồn thảm, xám ngắt xám nhầy nhụa, mưa phùn lại nhai nhóp nhúa trên hè đá. Và rồi một ánh hào quang rực sáng trên tường vượt lên trên cái ảo ảnh kia, đẩy lùi nó đi; bộ mặt xanh của nàng lung linh dưới những mớ tóc vàng, xa xôi không sao với tới được như một vì sao.

Gã cầm tác phẩm của Browning và Swinburne ở ghế lên hôn. Dù sao nàng bảo mình cứ đến chơi cơ mà, gã nghĩ lại. Gã lại nhìn mình trong gương một lần nữa và nói to, hết sức trang trọng:

“Martin Eden, ngày mai việc đầu tiên là mày phải ra thư viện công cộng đọc cho kỹ các sách dạy phép xã giao. Hiểu không?”

Gã tắt đèn hơi, lò xo giường cọt kẹt dưới thân hình gã.

“Nhưng này Martin, cậu cả phải bỏ cái thói nói tục đi mới được,” gã nói lớn.

Rồi gã ngủ thiếp đi, mơ những giấc mơ điên cuồng táo bạo có thể sánh với giấc mơ của những kẻ say ả phù dung.

CHƯƠNG 5

Sáng hôm sau, gã bừng tỉnh khỏi những cảnh tươi đẹp của giấc mơ, liền ngửi thấy hơi nước, sặc sụa mùi xà phòng và mùi quần áo bẩn, nghe tiếng chậu va vào nhau vang lên, những tiếng chói tai của một cuộc sống nhọc nhằn. Khi gã bước ra khỏi buồng, gã đã nghe tiếng nước đổ uôm uôm, tiếng rít the thé và tiếng phát đôm đốp của bà chị gã đang trút sự bức bối của mình lên đầu một đứa nào đấy trong lũ con lúc nhúc của bà. Tiếng khóc thét của đứa bé xoáy vào

lòng gã như một mũi dao. Gã thấy tất cả những cái đó, ngay cả không khí gã đang thở đầy thật ghê tởm và ti tiện. Gã nghĩ, cái không khí đẹp đẽ và thanh thản của căn nhà nơi Ruth ở mới khác làm sao. Ở đó toàn là tinh thần, ở đây toàn là vật chất, vật chất ti tiện.

“Alfred, lại đây!” gã vừa gọi đứa bé đang khóc lại, vừa thọc tay vào túi quần, chỗ gã để tiền một cách phóng túng, phóng túng như cuộc đời gã sống nói chung. Gã đặt đồng hai hào vào tay đứa bé, ôm lấy nó một lúc, dỗ cho nó nín khóc và bảo: “Thôi, chạy đi mua kẹo, nhớ chia cho các anh các chị một ít. Mua loại nào ngậm lâu hết ấy.”

Bà chị ngược bộ mặt đỏ ửng lên khỏi chậu giặt và nhìn gã:

“Cho nó năm xu thôi cũng đủ. Thật đúng là cái bộ cậu không biết quý đồng tiền. Thằng bé lại ăn đau bụng mất!”

“Thôi, chị ạ,” gã vui vẻ trả lời. “Tiền của em nó sẽ tự lo liệu lấy, chị chả phải lo hộ. Nếu chị không quá bận rộn em muốn hôn chị một cái chúc chị một buổi sớm tốt đẹp.”

Gã muốn tỏ lòng triu mến đối với chị, người đàn bà tốt bụng mà gã biết rất rõ vẫn yêu thương gã theo lối riêng của bà. Nhưng vì lý do này khác, năm tháng qua đi, bà mất dần bản chất của mình và càng ngày càng trái tính trái nết. Gã tin chắc chính vì phải làm ăn vất vả, con cái đông, lại bị chồng giày vò nên chị thay đổi tính nết. Thoáng một cái gã tưởng tượng bản chất của chị như nhiệm tính chất của những mớ rau ôi, của mùi nước xà phòng nồng nặc, của những đồng xu, đồng tiền, đồng hào nhầy mỡ mà chị thu nhận ở quầy hàng.

“Thôi cậu đi mà ăn sáng,” chị nói cộc lốc, tuy trong thâm tâm chị cũng thấy vui vui. Trong bọn em lang bạt kỳ hồ, Martin bao giờ cũng được chị yêu nhất. “Tối nhất định sẽ hôn cậu một cái,” bà chị nói, lòng bỗng rộn đầy xúc cảm.

Lấy ngón tay cái và ngón tay trỏ, bà lần lượt vuốt hết bọt xà phòng chảy dòng dòng ở cánh tay này, rồi đến cánh tay kia. Gã ôm vòng lấy cái lưng to béo của chị và hôn lên đôi môi ướt, nước đang bốc hơi của chị. Nước mắt chị trào ra – không phải vì xúc cảm mạnh mà chính là vì thấy mệt mỏi do công việc liên miên quá nhiều. Bà đẩy gã ra, nhưng gã đã kịp nhìn thấy đôi mắt của bà chị đầm nước.

“Thức ăn sáng của cậu để ở lò ấy.” Chị vội vàng nói. “Chắc lúc này Jim cũng dậy rồi. Chị phải dậy sớm để giặt. Thôi đi mà ăn sáng, rồi liệu mà đi đâu, Tom nó bỏ đi rồi, chẳng còn ai, Bernard phải đi lái xe hàng đấy.”

Martin đi vào bếp, lòng buồn bã. Hình ảnh bộ mặt đỏ dừ của chị gã, và cái thân hình lồi thối lốc thốc ấy thấm vào trí óc gã như một chất cường toan. Gã dám chắc, nếu chị gã chỉ rảnh việc ít thôi thì bà phải yêu gã lắm. Nhưng bà phải làm việc đến kiệt sức. Bernard thật là đồ súc sinh, nó đã bắt bà phải làm việc cực nhọc đến như vậy. Nhưng mặt khác, gã cũng không thể nào không cảm thấy không có một chút gì đẹp trong cái hôn của chị. Thật thế, một cái hôn rất bình thường. Đã bao năm nay, chị gã chỉ hôn gã khi gã ở xa về, hay sắp đi xa. Nhưng trong cái hôn hôm nay, gã thấy sắc mùi xà phòng, và đôi môi chị, gã thấy nó nhéo nhọt, không dòn dấp mạnh mẽ như phải có ở bất cứ một cái hôn nào. Cái hôn của chị gã là cái hôn của một người đàn bà mệt mỏi, mệt mỏi triền miên đến nỗi quên cả cách hôn. Gã nhớ lại chị gã hồi còn là con gái, trước khi lấy chồng, thường sau một ngày làm việc mệt nhọc ở xưởng giặt, chị vẫn nháy suốt đêm như bất cứ ai và khi ngừng nháy để lại bắt đầu một ngày làm việc mệt nhọc khác, lòng chị nhẹ nhàng, và rồi gã lại nghĩ tới Ruth, nghĩ tới sự dịu mát phải có ở đôi môi nàng cũng như phải có ở khắp người nàng. Cái hôn của nàng nhất định sẽ phải giống như cái bắt tay của nàng hay như khi nàng nhìn ai, thẳng thắn không e dè. Trong tưởng tượng, gã dám nghĩ đến đôi môi

nàng đặt lên đôi môi gã, gã tưởng tượng mãnh liệt quá, đến nỗi cảm thấy choáng váng và dường như lách mình qua những đám mây cánh hoa hồng, trí óc gã tràn ngập hương thơm của hoa.

Ở trong bếp, gã thấy Jim, một gã ở trọ khác đang uể oải húp cháo, đôi mắt ồm yếu, lơ đãng. Jim là một anh thợ nguội tập việc, lẹm cầm bản chất vốn ưa khoái lạc, lại thêm cái tính dần dộn hay cáu kỉnh, chẳng hứa hẹn đưa hắn đến đâu trong cuộc chạy đua đi tìm bánh và bơ.

“Sao đằng ấy không ăn đi?” Hắn hỏi, khi thấy Martin buồn bã nhúng thìa vào bát cháo bột lúa mạch nguội lạnh nấu chưa chín. “Tối qua đằng ấy lại say phải không!”

Martin lắc đầu. Gã ngọt ngào vì tất cả cái không khí kinh tởm chung quanh. Ruth, Morse, dường như càng xa gã hơn bao giờ hết.

“Đêm qua,” Jim cười huênh hoang, cộc cằn. “Đêm qua tớ khoái bằng chết. Ồ con bé xinh đáo để. Thằng Billy phải mang tớ về nhà.”

Martin gật đầu ra ý có nghe – gã có thói quen chú ý nghe bất cứ ai nói gì với gã, - và rút một tách cà phê âm ỉ.

“Tối nay đằng ấy có đến Tiệm Hoa sen nhảy không?” Jim hỏi. “Ở đấy có bia và nếu lũ Temescal đến thì nhộn phải biết. Dù sao tớ cũng đếch cần, tớ cứ mang mèo của tớ đi theo. Mẹ khỉ, mồm đắng gớm!”

Hắn nhả mặt và uống cà phê cho mồm hết đắng.

“Đằng ấy có biết Julia không?”

Martin lắc đầu.

“Mèo của tớ đấy. Mộng lắm nhớ. Tớ muốn giới thiệu cô ta với đằng ấy, có điều đằng ấy sẽ lại phỗng mắt thôi. Thực thà, tớ không hiểu bọn con gái thấy cái gì ở đằng ấy, nhưng cái kiểu cậu phỗng của những thằng khác, thật ức đến chết.”

“Tớ chưa bao giờ phỗng mắt đứa nào của cậu,” Martin trả lời, trong lòng không thấy thích thú gì. Dù sao thì bữa ăn sáng rồi cũng xong.

“Có chứ! Đằng ấy đã phỗng tay trên của tớ,” Jim nói sôi nổi. “Con Maggie đấy thôi.”

“Tớ chưa hề dính gì với nó, tớ chẳng nhảy với nó bao giờ, ngoài cái tối hôm ấy.”

“Phải, chỉ thế cũng đủ rồi đấy,” Jim kêu lên, “đằng ấy chỉ cần nhảy với nó, nhìn nó, ấy thế là xong hết. Tất nhiên, đằng ấy cũng chẳng có ý gì đâu. Nhưng tớ thế là tong. Bây giờ nó không thèm nhìn tớ nữa. Nó chỉ hỏi đến đằng ấy thôi. Nếu đằng ấy muốn, con bé sẵn sàng hẹn gặp gã ngay.”

“Nhưng mà tớ không muốn.”

“Chẳng cần phải thế. Tớ vẫn bị ra rìa.” Jim nhìn Martin thán phục. “Nhưng này Martin, đằng ấy làm thế nào mà tài thế?”

“Cứ phớt họ đi,” Martin trả lời.

“Đằng ấy muốn nói là cứ làm ra vẻ đằng ấy phớt họ đi phỏng?” Jim hăm hờ hỏi.

Martin nghĩ một lúc rồi trả lời. “Có thể làm như thế được đấy, nhưng đối với tớ, tớ lại cho là khác. Tớ chả bao giờ để ý đến họ nhiều. Nếu cậu cũng làm như thế, chắc chắn là ăn thua đấy.”

“Giá đêm qua có đằng ấy ở nhà thằng Riley thì tốt quá,” Jim nói không ăn nhập đâu vào đâu. Một đám anh chị chạm trán nhau ở đấy, có một thằng khốn kiếp từ Tây Oakland tới. Chúng gọi thằng này là “Chuột.” Kềnh lắm, chẳng thằng nào địch lại với nó được. Bọn chúng tớ chỉ mong giá có đằng ấy. Thế đằng ấy biến đâu thế?”

“Xuống Oakland.” Martin trả lời.

“Đi xem hát à!”

Martin gạt cái đĩa ra một bên rồi đứng dậy.

“Tối hôm nay có đi nhảy không?” Jim hỏi với.

“Không, tớ nghĩ có lẽ tớ sẽ không đi đâu hết.”

Gã bước xuống bậc thang đi ra ngoài phố, hít những hơi thật dài. Gã bị ngột ngạt vì cái không khí ấy, lời lẽ ba hoa của gã thợ phụ làm gã phát điên lên. Đã có lúc gã phải cố hết sức mới trấn tĩnh lại để khỏi chồm lên ấn đầu thằng Jim vào bát cháo. Nó càng ba hoa, thì Ruth đối với gã hình như lại càng xa vời. Làm sao mà gã, sống chung bầy với bọn này, lại có thể xứng đáng được với nàng. Vấn đề trước mắt làm cho gã kinh sợ. Cái địa vị của gã trong tầng lớp công nhân cứ ám ảnh, dìm gã xuống. Chị gã, căn nhà, gia đình chị gã, thằng thợ phụ Jim, tất cả mọi người mà gã biết, mớ dây ràng buộc cuộc đời. Cuộc sống không ngọt ngào với gã một chút nào. Từ trước đến nay, gã vẫn thừa nhận cuộc sống, gã vẫn sống cuộc sống ấy với mọi thứ chung quanh và cái đó như một chuyện tốt lành. Gã chả bao giờ chất vấn cuộc sống, chỉ trừ những khi gã đọc sách, nhưng lúc đó, chỉ là sách vở thôi, những câu chuyện thần tiên của một thế giới thần tiên hơn, không thể có được. Nhưng bây giờ, gã đã thấy cái thế giới đó rồi, nó có thể có và đã có thực sự và ở chính giữa là một bông hoa, tinh tú của đàn bà tên gọi là Ruth. Và từ đó trở đi, gã phải nếm bao mùi vị cay đắng, bao mong mỏi da diết đau đớn, thất vọng đang giày vò gã vì nó dựa vào hy vọng. Gã suy nghĩ không biết nên đến thư viện công cộng Berkeley hay là thư viện Oakland; cuối cùng, gã quyết định đến thư viện Oakland, vì nhà Ruth ở khu này. Biết đâu đấy? Thư viện là nơi thích thú của nàng nhất và gã có thể gặp nàng ở đấy. Gã không biết cách sắp xếp trong thư viện ra sao, gã lang thang giữa những dãy tiểu thuyết dài vô tận, mãi đến lúc có một cô gái vóc dáng mảnh dẻ trông như người Pháp, có vẻ như phụ trách thư viện, bảo với gã phòng tìm phiếu sách ở trên gác. Gã không biết gì nhiều, để mà hỏi người ngồi ở bàn, gã bắt đầu cuộc phiêu lưu ở góc để sách triết học. Gã đã nghe nói về triết lý sách vở nhưng gã không thể ngờ rằng người ta lại viết nhiều về vấn đề này như thế. Những giá sách cao, chồng chất chứa đầy những pho sách dày cộp làm cho gã thấy mình hèn kém, nhưng đồng thời lại khích lệ gã. Đây là công việc tạo sức mạnh cho trí tuệ gã. Gã thấy những cuốn sách về Tam giác lượng trong khu sách Toán, gã mở lướt những trang giấy và nhìn những công thức, những hình vẽ vô nghĩa. Gã có thể đọc được tiếng Anh, nhưng gã thấy ở đó một thứ tiếng xa lạ. Norman và Arthur biết rõ thứ tiếng đó. Gã đã nghe thấy họ nói. Mà họ lại là anh em của nàng. Gã thất vọng bước ra khỏi khu này. Từ bốn phía, sách như dồn ép gã, nghiền nát gã. Gã không bao giờ ngờ rằng kho tàng kiến thức của con người lại lớn như thế. Gã kinh sợ. Làm sao mà trí óc gã có thể nắm được tất cả những vấn đề này. Sau gã mới nhớ ra rằng có những người khác, rất nhiều người khác có thể nắm vững được, gã say sưa thốt lên một lời nguyện, lầm nhảm thề rằng: trí óc gã nhất định

sẽ làm được những cái mà trí óc người khác đã làm.

Và như thế gã cứ lang thang đi tiếp, mắt ngắm nhìn những giá sách chứa đầy những kiến thức, lúc thì thất vọng, lúc thì hưng phấn. Trong một khu vực để sách linh tinh, gã chợt thấy cuốn “Toát yếu của Norrie.” Gã kính cẩn giở những trang sách. Về một mặt nào đó, ngôn ngữ trong cuốn sách cũng tựa tựa như lời nói của gã. Cả gã và cuốn sách đều là của biển cả. Rồi gã tìm thấy một cuốn sách của Bowditch[18] và những tác phẩm của Lecky và Marshall. Đây rồi, gã có thể tự học nghề hàng hải. Gã sẽ thôi không uống rượu, sẽ cố gắng học và trở thành một thuyền trưởng. Ruth lúc này dường như gần gũi gã lắm. Là một thuyền trưởng gã có thể lấy được nàng (nếu nàng muốn lấy gã) - Nếu nàng không muốn thì cũng được, gã sẽ sống một cuộc đời tốt đẹp giữa những con người, vì Nàng, nhất định gã sẽ bỏ hết rượu chè. Nhưng gã lại chợt nhớ ra rằng giữa ông chủ hãng bảo hiểm và ông chủ tàu - Hai ông chủ mà thân phận gã thuyền trưởng phải phục vụ quyền lợi luôn luôn va chạm nhau và cả hai đều có thể và sẽ làm cho anh ta điều đứng. Gã đảo mắt nhìn quanh phòng và khép mi mắt lại tưởng tượng ra muôn ngàn cuốn sách. Không, không làm cái nghề đi biển nữa. Trong cái kho tàng sách vở kia có một sức mạnh phi thường, và nếu gã có làm nên được cái gì vĩ đại, nhất định gã sẽ phải làm nó trên mặt đất liền. Hơn nữa, thuyền trưởng lại không được phép đem vợ đi biển cùng với mình.

Trưa, rồi đến chiều. Gã quên cả ăn, cứ tìm mãi những sách dạy về phép xã giao. Vì thêm vào sự nghiệp, trí óc gã còn phải bận rộn về một vấn đề rất đơn giản và cụ thể: *“Khi bạn gặp một thiếu nữ lịch sự trẻ trung và nếu nàng mời bạn đến chơi, thì cách bao lâu sau bạn có thể đến?”* Đó là vấn đề gã luôn băn khoăn tự hỏi. Nhưng khi gã tìm thấy đúng ngăn để những quyển sách ấy, thì gã tìm hoài mà cũng chẳng thấy câu trả lời. Gã hoảng sợ trước tòa lâu đài mệnh mông của phép xã giao, gã như lạc đường trong đám rối rắm những con đường không có lối ra của cách xử thế giữa những con người trong xã hội thượng lưu. Gã không tìm nữa. Gã không tìm thấy cái mà gã cần, dù gã đã thấy rằng muốn lịch sự thì phải mất cả đời người, và gã phải sống một cuộc đời dự bị trước để học làm sao cho lịch sự đã.

“Ông có tìm thấy cái ông cần không?” Người ngồi ở bàn hỏi khi thấy gã ra về.

“Thưa ông có,” gã trả lời. “Thư viện ở đây đầy đủ quá.”

Người ấy gật đầu. “Chúng tôi rất sung sướng được tiếp ông ở đây luôn. Ông là thủy thủ phải không?”

“Thưa ông, vâng. Tôi sẽ xin lại đây luôn.”

“Ừ, mà sao hắn lại biết được điều đó?” Gã tự hỏi mình khi bước xuống cầu thang.

Trên quảng hè khối nhà mọc đầu tiên dọc theo đường phố, gã bước vụng về, người cứng đơ, thẳng đuồn cho đến khi miên man suy nghĩ, gã quên đi; cái dáng đi lắc lư lại trở về với gã một cách duyên dáng.

CHƯƠNG 6

Một nỗi bồn chồn ghê gớm, giống như một con dơi đang cào cấu Martin. Gã thèm khát được nhìn người con gái mà đôi bàn tay thon thả đã xiết chặt đời gã bằng cái nắm của một người khổng lồ. Gã không có đủ cam đảm để gặp nàng. Gã sợ rằng có thể là đến quá sớm, và như thế gã sẽ vi phạm vào một điều đáng sợ của lễ nghi đáng sợ mà người ta gọi là xã giao.

Gã ở hàng giờ trong hai thư viện Oakland và Berkelay, điền tên vào những thẻ mượn sách cho gã, cho chị Gertrude cho cô Marian và cho Jim – anh chàng này đồng ý cho làm như thế với điều kiện phải trả lại bằng nhiều cốc bia. Bốn tấm thẻ cho phép gã mượn được nhiều sách, gã thấp đèn hơi rất khuya trong buồng người giúp việc và Higghinbotham đã bắt gã trả thêm năm mươi xu một tuần vì chuyện đó.

Nhưng những cuốn sách gã đọc chỉ làm gã thêm băn khoăn. Mỗi trang trong mỗi cuốn sách là một lỗ nhỏ để nhìn vào trong lĩnh vực tri thức. Sự thèm khát của gã được nuôi dưỡng bằng những cái gã đọc và ngày càng tăng lên. Hơn nữa, gã không biết bắt đầu từ đâu và luôn cảm thấy đau khổ vì sự thiếu chuẩn bị của mình. Những điều tầm thường nhất mà gã có thể biết chắc rằng người đọc nào cũng hiểu thì gã lại không hiểu. Trong những bài thơ gã đọc với hứng thú điên cuồng gã cũng thấy như thế. Gã đọc thêm nhiều bài thơ của Swinburne mà trong cuốn Ruth cho mượn không có; bài “Dolores” gã hiểu hoàn toàn. Nhưng chắc chắn Ruth không thể hiểu được bài đó, gã cả quyết như vậy. Sống một cuộc đời tinh khiết như nàng thì làm sao có thể hiểu nổi? Rồi, ngẫu nhiên gã đọc thơ của Kipling^[19], gã bị cuốn đi bởi âm thanh, nhạc điệu bởi tính chất trữ tình kỳ ảo toát ra từ lời thơ ca ngợi những sự vật thường ngày quen biết. Gã kinh ngạc trước tình cảm của con người đối với cuộc sống và tâm lý sâu sắc của nhà thơ. “Tâm lý” là một từ mới trong vốn từ ngữ của Martin. Gã đã mua một cuốn từ điển. Điều này đã làm cho số tiền dành dụm của gã hao hụt và kéo gần lại cái ngày gã phải đi biển để kiếm thêm. Hơn nữa, nó lại làm cho Higghinbotham bức bối vì hắn muốn gã dùng món tiền này để trả tiền trọ thì hơn.

Ban ngày gã không dám đến nơi Ruth ở, nhưng đêm đến người ta thấy gã lén lút như một thằng ăn trộm quanh nhà ông Morse, mắt lăm lét nhìn lên cửa sổ và gã yêu ngay cả những bức tường che chở cho nàng. Nhiều lần gã suýt bị anh em của nàng bắt gặp vì có lần gã cứ lảng nhãng đi theo ông Morse xuống phố, ngắm nhìn mặt ông trong ánh đèn, lòng ước ao giá có một tai nạn gì nguy hiểm đến tính mạng ông bất chợt xảy ra để gã có thể lao vào cứu cha nàng. Một đêm, sự chờ đợi của gã đã được đền bù, gã thoáng nhìn thấy Ruth trong khung cửa sổ tầng gác thứ hai. Gã nhìn thấy đầu nàng, đôi vai nàng, cánh tay nàng, giờ lên khi nàng sửa lại mái tóc trước gương. Chỉ là một phút chốc thôi nhưng đối với gã là cả thời gian dài, trong khoảng thời gian đó, máu gã biến thành rượu và reo vang trong mạch máu. Rồi nàng kéo rèm xuống: đúng là buồng của nàng – Gã đã biết chắc thế. Và từ đó về sau gã cứ lảng vảng tới đó luôn, đứng nép sau một gốc cây trong bóng tối, bên kia đường miệng hút thuốc lá liên miên. Một buổi chiều, gã nhìn thấy mẹ nàng từ ngân hàng đi ra. Đây là một điều xác định thêm cho cái khoảng cách khổng lồ ngăn cách Ruth với gã. Nàng thuộc về giai cấp có quan hệ với ngân hàng. Suốt đời gã chưa bao giờ bước chân vào một ngân hàng, và gã vẫn nghĩ rằng những tổ chức này chỉ là nơi lui tới của những người rất giàu có, rất quyền thế.

Ở một khía cạnh nào đó, gã đã trải qua một cuộc cách mạng về tinh thần. Sự trong sạch, tinh

khuyết của nàng gây cho gã một phản ứng, và gã cảm thấy trong con người gã có một đòi hỏi cấp thiết phải được trong sạch. Gã phải thế nếu gã muốn luôn luôn xứng đáng để được hít thở trong một làn không khí với nàng. Gã đã đánh răng, chải tay bằng bàn chải rửa bát cho mãi đến tận hôm gã thấy trong cửa hiệu được phẩm một bàn chải móng tay và đoán được cách dùng nó. Lúc gã hỏi mua, người bán nhìn vào móng tay gã, mời gã mua thêm một cái giữa móng tay. Và như thế gã đã có thêm một đồ dùng để trang sức. Gã tìm thấy trong thư viện một cuốn sách nói về cách giữ gìn thân thể, lập tức gã tạo cho mình thói quen sáng nào cũng tắm nước lã, làm cho Jim thấy làm lạ lùng và Higghinbotham kinh ngạc: hẳn vốn rất ghét cái thói học đòi làm sang như vậy và hẳn đang tính toán chi li xem có nên bắt Martin chịu thêm một khoản tiền nước nữa không. Thêm một bước nữa là gã nghĩ đến chuyện mặc quần áo có nếp gấp. Và vì đã có ý nghĩ ấy trong đầu, gã nhận thấy rất nhanh sự khác nhau giữa cái ống quần “bụng” ra đầu gối của giai cấp công nhân và ống quần thẳng tắp từ đầu gối tới chân của những người thuộc tầng lớp trên. Hơn nữa, gã cũng hiểu tại sao như vậy, gã nhào vào đầu bếp của chị, tìm bàn là và tấm gỗ kê để là. Thoạt đầu, gã gặp phải rủi ro đốt cháy một cái quần, phải mua một cái khác – việc đó lại làm cho ngày gã phải đi biển nhích tới gần hơn.

Nhưng sự cải tạo còn ăn sâu hơn là cái biểu hiệu ở bề ngoài ấy. Gã vẫn hút thuốc nhưng thôi không uống rượu nữa. Từ trước nay, đối với gã, uống rượu dường như là một điều dĩ nhiên đối với đàn ông, và gã rất tự hào về tửu lượng của mình, gã có thể vẫn uống trong khi hầu hết những người khác đã say gục xuống bàn. Bất cứ lúc nào gặp một người bạn thủy thủ, mà ở San Francisco thì có nhiều lắm – gã vẫn đãi họ và họ cũng đãi gã như xưa, nhưng gã chỉ gọi lấy cho mình bia nhẹ hay rượu gừng và uống vui vẻ mặc cho họ chế giễu. Và khi họ bốc lên cơn say bí tỉ, gã ngồi quan sát cái con thú đã bắt đầu nổi dậy chế ngự họ và gã thầm cảm ơn Chúa là gã đã không còn như họ nữa. Họ có những giới hạn phải quên đi, và khi họ say, tâm hồn dần dần mờ mịt của họ cũng như thần thánh, mỗi người ngự trị trong cái thiên đường của sự hoan lạc say sưa của mình. Đối với Martin thì nhu cầu uống rượu mạnh đã mất rồi. Gã say sưa trong chất men mới, thậm chí sâu hơn – say sưa với Ruth, người đã đốt lên trong lòng gã ngọn lửa yêu đương, đã cho gã nhìn thấy cuộc sống vĩnh cửu, cao quý hơn; với sách vở đã tung ra hằng hà sa số những ước mơ day dứt trí óc gã và với ý niệm của sự sạch sẽ mà gã đã tạo cho bản thân mình, cái đó đã giúp cho gã có thêm sức mạnh hơn cả trước kia và làm cho toàn thân gã reo vang sự cường tráng.

Một đêm, gã đến rạp hát, ao ước mơ hồ may ra được gặp nàng ở đó; ngồi ở tầng thứ hai, gã đã trông thấy nàng thật. Gã nhìn thấy nàng đi ở tầng dưới với Arthur và một người trẻ tuổi lạ mặt, tóc như cái nồi úp trên đầu[20], đeo kính; nhìn hẳn tự nhiên lòng gã nổi lên một nỗi lo lắng, ghen tuông. Gã thấy nàng ngồi ở dãy ghế gần ban nhạc, và suốt buổi, hầu như gã không nhìn thấy ai ngoài nàng – đôi vai mảnh dẻ trắng ngần, mớ tóc vàng nhạt, mờ mờ ở phía xa. Nhưng cũng có những người khác đang nhìn, thỉnh thoảng nhìn những người chung quanh, gã nhận thấy có hai cô gái trẻ ngồi ở phía trước, cách đó độ mười ghế, cứ ngoái cổ lại nhìn gã, mỉm cười với đôi mắt rất tàn bạo. Gã vốn là người tính tình cởi mở, dễ dãi. Bản chất gã không phải là người hay hắt hủi người khác. Giá như ngày xưa thì có lẽ gã đã mỉm cười lại và còn đi xa hơn nữa, khuyến khích cho người ta cười. Nhưng bây giờ thì khác rồi. Gã mỉm cười lại, rồi quay đi, cố ý không nhìn về phía đó nữa. Nhưng, nhiều lần, quên mất sự có mặt của hai cô gái, mắt gã lại bắt gặp nụ cười của họ. Gã không thể trong một ngày thay đổi hoàn toàn được, mà gã cũng không thể làm trái với bản chất tốt của gã. Vì thế, những lúc đó gã mỉm cười lại với hai cô gái trong tình bẽ bạn thật ảm áp. Cái đó không có gì mới lạ đối với gã. Gã hiểu rõ, họ đang chìa cái bàn tay đàn bà của họ ra cho gã. Nhưng bây giờ thì khác rồi. Ở dưới xa xa kia, gần bậc của ban nhạc, có người con gái duy nhất trên đời, khác xa hai cô gái cùng giai cấp với gã, khác một cách ghê gớm đến nỗi gã chỉ cảm thấy thương hại và buồn cho họ. Gã ao ước trong lòng giá mà họ có được một chút nhỏ nào lòng tốt và sự rực rỡ của nàng. Nhưng không vì một lẽ gì mà gã lại có thể làm cho họ đau khổ chỉ vì họ muốn với xa. Gã không thích thú gì với điều đó – Gã còn cảm thấy hơi xấu hổ vì chính mình tầm thường họ mới dám làm thế. Gã biết rằng nếu gã thuộc giai cấp của Ruth thì những cô gái kia sẽ không dám tỏ tình như vậy. Mỗi cái liếc mắt của họ, gã cảm thấy như những ngón tay của chính giai cấp gã nắm chặt giữ lại và đưa gã xuống.

Gã rời chỗ trước khi màn hạ, kết thúc hồi cuối vở kịch, chủ tâm muốn được nhìn thấy nàng khi nàng đi ra. Trên vỉa hè, trước cửa nhà hát lúc nào cũng có rất nhiều người đứng, gã có thể kéo mũ sụp xuống mắt và nấp sau vai một người nào đó để nàng khỏi nhìn thấy. Gã theo những người đầu tiên trong đám đông để ra khỏi nhà hát, nhưng gã vừa mới đứng lại ở mép vỉa hè thì hai cô gái nọ đã xuất hiện. Họ đang tìm mình, gã biết thế và lúc đó gã muốn thử thăm điểm quyến rũ đàn bà trong gã. Qua vỉa hè, đến chỗ rẽ, khi họ tới gần, gã biết họ đã trông thấy mình. Họ bước chậm lại. Một cô chạm vào người gã làm ra vẻ bây giờ mới thấy gã lần đầu. Cô ta mảnh dẻ, nước da ngăm ngăm, và đôi mắt đen láy thách thức. Nhưng đôi mắt cô ấy mỉm cười với gã và gã cũng mỉm cười lại.

“Hello!” Gã nói.

Câu chào thốt ra tự nhiên: gã vẫn thường chào như thế trong những buổi gặp gỡ đầu tiên ở những trường hợp tương tự. Hơn nữa, gã cũng không thể làm khác được. Bản chất đại lượng và giàu tình cảm không cho phép gã làm khác. Cô gái mắt đen mỉm cười hoan hỷ chào đón, ý muốn đứng lại, trong khi cô bạn, tay khoát tay cười rúc rích, cũng tỏ vẻ muốn dừng lại. Gã thoáng nghĩ nhanh: nếu nàng ở nhà hát ra mà trông thấy gã đứng ở đây nói chuyện với hai cô bạn này thì thật không ra làm sao. Rất tự nhiên, làm như một chuyện bình thường, gã bước theo cô gái mắt đen và sóng đôi cùng đi. Gã không vụng về, khi nói không ấp a ấp úng. Gã quen thuộc lắm rồi, đùa cợt, nói tiếng lóng, vài câu dí dỏm để bắt đầu làm quen trong những cuộc gặp gỡ chớp nhoáng như thế này thì gã rất vững. Đến góc phố nơi mà dòng người chảy tràn đi, gã tách mình ra để đi vào một ngõ ngang. Cô gái mắt đen nắm lấy tay gã đi theo và lôi cả cô bạn theo nữa. Cô kêu lên:

“Chậm chút nào, anh Bill! Đi đâu mà vội thế? Anh không định bỏ rơi chúng em một cách đột ngột thế chứ?”

Gã dừng bước, cười và quay lại giáp mặt họ. Qua vai họ gã có thể nhìn thấy đám đông đi qua dưới ánh đèn. Nơi gã đứng, không sáng lắm, gã có thể nhìn thấy nàng khi nàng đi qua mà không bị trông thấy. Nhất định nàng phải đi qua lối này vì đây là con đường về nhà nàng.

“Tên cô ấy là gì đấy?” Gã hất đầu về phía cô mắt đen, hỏi cô đang cười rúc rích.

“Anh hỏi nó ấy,” cô ta ngật nghẹo trả lời.

“Ừ, tên cô là gì, hở?” gã quay ngoắt về phía cô mắt đen hỏi.

“Thì anh đã cho chúng em biết tên anh đâu?” Cô ta đối lại.

“Ừ thì cô có hỏi tôi đâu?” Gã mỉm cười. “Hơn nữa cô đã đoán được ngay rồi cơ mà; tên là Bill, đúng đấy, đúng đấy.”

“Thôi đi anh,” Cô nhìn thẳng vào mặt gã, đăm đũa, năn nỉ. “Tên anh là gì, nói thật đi nào?”

Cô lại nhìn gã. Tính chất đàn bà bao thế kỷ nay, từ khi bắt đầu có giới tính, biểu lộ hùng hồn trong khóe mắt con gái. Gã nhìn cô ta với vẻ thờ ơ, biết chắc rằng nếu bây giờ mà gã tấn công, nhất định cô ta sẽ nguây nguẩy, đồng đánh bỏ đi, gã mà tỏ ra nhất gan rút lui thì cô ta sẽ chơi cái trò ngược lại. Nhưng là người, gã cũng cảm thấy sức quyến rũ của cô gái, cái tội của gã không thể nào không thích thú trước sự ân cần vồ vập phỉnh phờ của cô ta. Ô, gã biết rõ, biết rõ họ lắm chứ, biết từ chân tơ kẽ tóc. Nếu đứng về phía giai cấp riêng của họ mà đánh giá lòng tốt,

thì họ đều là những người tốt cả, làm việc cật lực để kiếm đồng lương nghèo đói, khinh bỉ việc bán thân nuôi miệng để có cuộc sống dễ dàng hơn, tha thiết ước mong chút hạnh phúc nhỏ nhoi trong sa mạc của cuộc đời, đối mặt với một tương lai chẳng khác gì canh bạc, giữa cái xấu xa của sự làm lụng vất vả không bao giờ dứt và vực thẳm đen tối của sự khốn nạn ghê gớm hơn, con đường dẫn tới đó ngăn ngui hơn tuy được trả nhiều tiền hơn.

“Bill,” gã gật đầu trả lời. “Đúng rồi, thề mà, Bill chứ còn là gì nữa.”

“Không nói đùa đấy chứ?” Cô ta hỏi.

“Không phải là Bill đâu,” cô kia nói len vào.

“Sao cô biết? Trước kia cô đã gặp tôi bao giờ đâu?”

“Không cần gặp cũng biết thừa là anh nói dối.” Cô kia đối lại.

“Nói thật đi – Bill, tên anh là gì nào?” cô gái thứ nhất hỏi.

“Cứ cho là Bill đi cũng được,” gã thú thật.

Cô ta nắm lấy tay gã, lắc lắc một cách vui vẻ. “Biết ngay là anh nói dối mà, nhưng dù sao đối với em anh vẫn cứ là người tốt như thường.”

Gã nắm chặt bàn tay mềm mại ấy thấy nhưng vết xước và chai sọ quen thuộc.

“Cô thôi làm ở nhà máy đồ hộp từ bao giờ thế?” Gã hỏi.

“Sao anh biết, trời, anh là thầy tướng chắc?” Hai cô cùng nói.

Và trong khi gã trao đổi với họ những điều ngớ ngẩn của những đầu óc ngớ ngẩn, thì trong tiềm thức gã sừng sững hiện lên những giá sách của thư viện chứa đầy những tri thức của bao thế kỷ. Gã mỉm cười cay đắng về sự trái ngược đó, và lại bị sự nghi ngờ dần vạt. Nhưng giữa sự suy nghĩ bên trong và cái đùa cợt bên ngoài, gã còn đủ thì giờ để nhìn đám đông xem hát lũ lượt đi qua. Rồi gã thấy nàng dưới ánh đèn đi giữa anh trai và người trẻ tuổi lạ mặt đeo mắt kính. Tim gã như ngừng đập. Gã đã chờ đợi bao lâu giây phút này. Gã còn đủ thời giờ để để nhận thấy một cái gì nhẹ nhẹ, bông bông phủ lên trên mái đầu hoàng hậu của nàng, những đường nét thanh tú của thân hình ẩn trong bộ y phục, dáng đi uyển chuyển, bàn tay nâng chiếc váy, và rồi nàng đi mất, để gã vẫn đứng đó mắt nhìn chăm chăm vào hai cô gái công nhân nhà máy đồ hộp, nhìn vào bộ áo lờ lờ các cô cố làm cho đẹp cổ một cách bí hiểm làm cho sạch sẽ và đom đóm, bộ quần áo rẻ tiền, những ruy băng rẻ tiền, những chiếc những ruy băng rẻ tiền đeo ở ngón tay. Gã thấy tay mình bị lắc mạnh và nghe có tiếng nói:

“Tĩnh lại nào, Bill, anh làm sao thế?”

“Cô nói sao?” Gã hỏi.

“Ô, có gì đâu...” cô gái da ngăm đen lắc đầu, trả lời. “Em chỉ nghĩ là...”

“Gì kia?”

“À, em đang nói nhỏ giá anh kiếm được cho nó một câu nào lịch sự thì tốt quá.” (Vừa nói cô vừa hất hàm về phía cô bạn.) “Rồi chúng ta có thể lĩnh đi đâu ăn kem, uống socola, cafe hay gì đó.”

Bất chợt gã thấy buồn nôn trong tinh thần – từ Ruth chuyển đến điều này thật quá đột ngột. Bên cạnh đôi mắt thách thức, táo bạo của người con gái đứng trước mặt gã đây, gã thấy đôi mắt trong sáng của Ruth, giống như đôi mắt của nữ thần nhìn gã từ bề sâu thẳm của sự trong sáng. Và không hiểu sao gã thấy dâng lên trong lòng một sức mạnh. Gã còn cao đẹp hơn thế này. Cuộc sống đối với gã còn có ý nghĩa hơn là nó đối với hai cô gái này và ý nghĩ chỉ quanh quẩn không vượt khỏi chuyện kem, chuyện một câu nào lịch sự. Gã nhớ gã vẫn có một cuộc sống riêng tư bí mật trong ý nghĩ – Những ý nghĩ đấy gã vẫn muốn đem chia sẻ với một ai, nhưng gã không tìm thấy một người đàn bà nào có thể hiểu mà chẳng tìm được một người đàn ông nào. Đã nhiều lần gã thử, nhưng chỉ làm cho người nghe khó hiểu. Vì tư tưởng gã, vượt lên trên họ, cho nên gã suy luận, gã cũng phải vượt lên trên họ. Gã cảm thấy sức mạnh chuyển động trong người gã và gã nắm chặt tay lại. Nếu cuộc sống đối với gã có ý nghĩa hơn thì gã cũng phải đòi hỏi ở cuộc sống nhiều hơn, nhưng gã không thể đòi hỏi ở những loại bạn bè như thế này được. Đôi mắt đen táo bạo này không có gì để mà cho gã. Gã biết rõ ý nghĩ ở đằng sau đó, chuyện kem hay là một cái gì khác. Nhưng đôi mắt nữ thần ở bên cạnh – chúng cho gã tất cả những cái gã biết và hơn cả tất cả những cái gã có thể đoán được. Nó cho gã sách vở, hội họa, cái đẹp, sự thanh thản và tất cả những trang nhã của cuộc sống cao quý. Sau đôi mắt đen, gã biết rõ sự diễn biến của tư tưởng. Nó như chiếc máy đồng hồ. Gã có thể nhìn thấy tất cả những bánh xe quay. Sự thôi thúc của nó chỉ là thú vui thấp hèn, chật hẹp như nắm mồi phủ màn tang, cuối cùng chỉ là đi tới nắm mồi mà thôi. Nhưng sự thôi thúc của đôi mắt nữ thần kia là một điều bí ẩn, kỳ ảo không thể nghĩ tới được, là cuộc sống vĩnh cửu. Gã thoáng thấy linh hồn trong đôi mắt ấy, gã cũng thoáng thấy cả linh hồn gã nữa.

“Chương trình của cô có một điểm không ổn,” gã nói lớn. “Tôi đã có hẹn rồi.”

Đôi mắt cô gái lóe lên niềm thất vọng.

“Chắc là về để trông bạn ốm phải không?” Cô hỏi mỉa.

“Không, thật đấy – chuyện đứng đắn, đã có hẹn thật sự vớ...” gã ngập ngừng, “với một người còn gái.”

“Anh không định bỏ rơi em đấy chứ?” Cô gái nói sôi nổi

Gã nhìn vào đôi mắt cô và trả lời. “Nói thật đấy mà. Nhưng tại sao ta lại không gặp lại nhau vào một buổi khác. Cô chưa nói cho tôi biết tên và cô ở đâu?”

“Lizzie,” cô gái trả lời dịu đi, nắm chặt cánh tay gã, đứng ngả vào người gã “Lizzie Connolly, em ở đường số năm khu chợ.”

Gã còn nói chuyện ít phút nữa trước khi chia tay. Gã không về nhà ngay và ở dưới gốc cây nơi gã vẫn đứng ngóng trông, gã nhìn lên khung cửa sổ và thì thầm: *Hẹn với em đấy; Ruth ạ, anh sẽ hẹn với em đấy.*

CHƯƠNG 7

Một tuần đọc sách cật lực trôi qua kể từ buổi chiều gã gặp Ruth Morse lần đầu, vậy mà gã vẫn chưa dám đến gặp nàng. Nhiều lần gã gắng lấy can đảm để đến gặp nàng, nhưng nghi ngờ choán ngợp lấy gã và quyết tâm lại tiêu tan. Gã không biết đến vào lúc nào cho phải, mà cũng không ai nói cho gã biết, gã sợ sẽ phạm phải một sai lầm không cứu vãn được. Gã đã rũ khỏi những người bạn cũ, lối sống cũ, và vì không có bầu bạn mới; gã không còn biết làm gì khác và những giờ dài liên miên, đọc mãi mê như vậy có thể làm hỏng hàng chục đôi mắt thường. Nhưng đôi mắt của gã rất khỏe, và chúng lại được một cơ thể cường tráng hỗ trợ. Hơn nữa óc gã như một miếng đất bỏ hóa, bỏ hóa suốt đời đối với những tư tưởng trừu tượng của sách vở và bây giờ sẵn sàng chờ được gieo hạt. Nó chưa từng bị sự học hỏi làm cho mệt mỏi; nó ngọam chặt lấy những tri thức trong sách vở bằng những chiếc răng nhọn và nhất định không buông.

Đến cuối tuần, gã cảm thấy hình như mình sống hàng mấy thế kỷ, xa xôi bỏ lại đằng sau là cuộc đời xưa cũ, và quan niệm của gã đối với cuộc đời. Nhưng gã đã khổ sở vì thiếu chuẩn bị, gã thử đọc những cuốn sách mà người ta phải mất hàng bao năm nghiên cứu chuyên môn trước thì mới hiểu nổi. Hôm nay gã đọc sách về triết học cổ đại, ngày mai gã lại đọc về những vấn đề hết sức hiện đại, vì vậy đầu óc gã quay cuồng với những quan điểm mâu thuẫn trái ngược nhau. Đối với những nhà kinh tế học cũng thế. Trên giá sách của thư viện, gã thấy nào là Các Mác, Ricardo, Adam Smith và Mill[21]. Những công thức khó hiểu của những người này cũng chẳng chứng minh được là những quan điểm của người khác đã lỗi thời. Gã hoang mang, nhưng vẫn muốn hiểu biết. Trong một ngày gã say mê đọc cả kinh tế, cả kỹ nghệ, cả chính trị. Đi qua công viên City Hall gã thấy có một đám đông ở giữa có sáu người mặt đỏ bừng đang lớn tiếng sôi nổi tranh luận. Gã đứng lẫn vào đám thính giả và nghe thấy một thứ ngôn ngữ mới và xa lạ từ cửa miệng những triết gia của nhân dân. Một người là một anh chàng lang thang, người thứ hai là một người chuyên gây phiền động trong phong trào công nhân; người thứ ba là một anh sinh viên luật học. Còn lại là những công nhân thích tranh luận. Lần đầu tiên gã được nghe nói về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa vô chính phủ, và hiểu rằng đó là những thuyết triết học xã hội có tính chất chiến đấu. Gã nghe thấy hàng trăm danh từ chuyên môn hoàn toàn mới đối với gã, thuộc về lĩnh vực tư tưởng mà cái vốn đọc ít ỏi của gã chưa bao giờ động tới. Vì thế gã không thể theo sát được cuộc tranh luận, gã chỉ có thể đoán được ý ngụ ở trong những thành ngữ quái lạ ấy. Rồi có một anh chàng hầu bàn mặt đen theo thuyết Thần tri học, một anh chàng trong công hội những người làm bánh theo thuyết bất khả thi, một ông già đánh bại tất cả những lý thuyết trên... bằng một triết học kỳ lạ “Tất cả những cái gì tồn tại đều có lý.” Có một ông già khác thì cứ thao thao bất tuyệt nào là vũ trụ, nào là nguyên tử dương và nguyên tử âm. Sau khi đứng nghe liền mấy tiếng đồng hồ đầu óc Martin Eden hoa lên gã bỏ đi. Gã vội tới thư viện để tra nghĩa hàng chục những danh từ bất bình thường đó. Và khi ở thư viện ra, gã cắp dưới nách bốn cuốn sách “*Học thuyết Thần bí*” của Bà Blavatsky[22] “*Tiến bộ và nghèo khổ*”, “*Tinh hoa của chủ nghĩa xã hội*”[23], “*Cuộc đấu tranh giữa khoa học và tôn giáo*.” Không may gã lại bắt đầu đọc ngay cuốn “*Học thuyết thần bí*.” Từng dòng lủng củng những danh từ đa âm tiết mà gã không thể nào hiểu nổi. Gã ngồi trên giường và nhìn vào từ điển nhiều hơn là nhìn vào sách. Gã phải tra nhiều từ mới quá. Đến nỗi khi gặp lại chúng thì đã quên mất nghĩa rồi, lại phải tra lại. Gã nghĩ ra cách ghi tất cả những định nghĩa vào một cuốn sổ tay, đầy hết trang này qua trang khác. Thế mà gã vẫn không thể hiểu được. Gã đọc mãi đến tận ba giờ sáng. Đầu óc gã tối mù; nhưng gã vẫn không nắm được một tư tưởng chính nào của cuốn sách. Gã ngược nhìn lên, căn buồng hình như dâng cao, chao nghiêng, chìm xuống như một con tàu trên mặt biển. Gã văng tục và quăng cuốn “*Học thuyết thần bí*” vào một góc phòng, tắt đèn hơi, cố trấn tĩnh lại để

ngủ. Đối với ba cuốn kia, gã chẳng gặp may gì hơn. Không phải đầu óc gã kém cỏi hay không nhận thức nổi. Nó có thể suy luận những tư tưởng ấy nếu nó không thiếu sự rèn luyện tư duy, không thiếu những công cụ tư tưởng để mà suy luận. Gã nghĩ như vậy, và có lúc gã đã có ý định không đọc gì khác ngoài cuốn từ điển cho đến khi nào nắm được tất cả từ trong đó.

Tuy nhiên, thơ là niềm an ủi của gã. Gã đọc rất nhiều: gã tìm thấy niềm vui lớn nhất trong những nhà thơ đơn giản hơn, dễ chịu hơn. Gã yêu cái đẹp và ở đấy gã đã thấy được cái đẹp. Thơ như nhạc, rung động gã sâu xa, và tuy gã không ý thức được điều đó, gã vẫn đang chuẩn bị trí óc mình để tiếp nhận công việc nặng nề hơn sắp tới. Những trang sách trong trí óc gã vẫn còn bỏ trống, không cần phải cố gắng nhiều, gã càng đọc càng thích thú từng đoạn, từng đoạn thơ ùa vào những trang giấy ấy; và chẳng mấy chốc gã có thể tìm thấy được niềm vui lớn lúc cao giọng hoặc khe khẽ ngâm nga điệu nhạc và cái đẹp trong những lời thơ in trong sách mà gã đọc. Rồi ngẫu nhiên một hôm thấy cuốn “Thần Thoại Cổ Đại” của Gayley[24] cùng với cuốn “Thời Đại Của Thần Thoại” của Bullfinch[25] nằm ngay cạnh nhau trên giá sách của thư viện. Đó là một tia sáng, một ngọn lửa lớn trong bóng đêm của sự ngu dốt nơi gã và gã đọc thơ một cách say mê hơn bao giờ hết.

Người ngồi bàn giấy ở thư viện gặp Martin luôn nên đã trở nên thân với gã; ông ta luôn luôn mỉm cười và gật đầu chào khi gã vào. Vì thế, Martin mới dám đánh liều làm một việc. Gã rút một vài cuốn sách ở bàn ra và trong khi ông ta đang đánh dấu vào những cái thẻ, gã bật hỏi:

“Ông à, tôi có một việc muốn hỏi ông.”

Ông ta mỉm cười và chú ý lắng nghe.

“Khi ông gặp một người con gái, và cô ta mời ông đến chơi thì sau bao lâu ông mới có thể đến được?”

Martin thấy cái áo sơ mi mình đang mặc co lại, dính sát vào vai, gã đã cố gắng đến toát mồ hôi.

“Sao, lúc nào đến mà chả được.” Ông ta trả lời.

“Vâng, nhưng mà đây lại khác,” Martin nói lại. “Cô ấy... Tôi... à, ông ạ. Thế này cơ: có thể là cô ấy không có nhà. Cô ấy đến trường đại học.”

“Thì hôm khác lại đến.”

“Ý tôi nghĩ một đằng nhưng tôi nói không được,” Martin lắp bắp thú nhận, gã phó mặc cái thân mình cho lòng thương của ông thủ thư. “Tôi là kẻ thô lỗ, tôi không quen giao thiệp. Cô gái này hoàn toàn không giống tôi, tôi cũng hoàn toàn không giống cô ấy. Ông không cho rằng tôi nói đùa cho vui đấy chứ?” Gã hỏi đột ngột.

“Không, không... Hoàn toàn không mà. Ông cứ yên tâm. Vấn đề ông hỏi không có trong sổ tra cứu đâu, nhưng tôi rất vui lòng giúp đỡ ông.”

Martin nhìn ông ta, có vẻ thán phục.

“Nếu tôi nói toạc ra được như vậy, thì thật ớn cho tôi quá,” gã nói.

“Xin lỗi ông, ông định nói gì?”

“Tôi muốn nói, nếu tôi có thể nói chuyện lịch thiệp một cách dễ dàng, đại loại như vậy...”

“Ồ!” Người thủ thư có vẻ thông cảm.

“Đến thăm vào lúc nào thì tiện nhất hở ông? Buổi chiều à? Không nên gần bữa ăn quá phải không. Hay là buổi tối? Hay là chủ nhật?”

Người thủ thư tươi tỉnh nói:

“Thế này nhé. Ông cứ gọi đây nói cho cô ấy hỏi xem thì khắc biết!”

“Vậy tôi sẽ làm thế.” Gã vừa nói vừa cầm mấy quyển sách rồi đi ra.

Gã ngoái cổ lại, hỏi:

“Khi ông nói với một thiếu nữ lịch sự, ví dụ như cô Lizzie Smith, ông sẽ gọi là cô Lizzie hay cô Smith?”

“Gọi là cô Smith,” người thủ thư nói có vẻ quả quyết. “Hãy cứ gọi là cô Smith đến khi nào quen thân hơn.”

Thế là Martin Eden đã giải quyết được vấn đề.

“Anh đến chơi lúc nào cũng được, chiều nay tôi cũng có nhà,” Ruth trả lời qua máy nói khi gã run run hỏi bao giờ gã có thể trả những cuốn sách đã mượn.

Nàng ra tận cửa đón gã. Đôi mắt đàn bà của nàng nhận ra ngay cái ống quần thẳng nếp, cùng một sự thay đổi nào đó nho nhỏ nhưng khó tả nó hướng tới cái tốt hơn ở gã. Nét mặt gã cũng làm cho nàng chú ý. Sức cường tráng của gã, gần như là hung bạo, hình như trào ra khỏi con người gã, xô tới nàng từng đợt từng đợt sóng sức mạnh. Nàng lại cảm thấy sự thôi thúc ao ước được ngã vào người gã tìm hơi ấm, và lại ngạc nhiên vì tác động của sự có mặt của gã đối với nàng. Và gã, lại cảm giác thấy cái cảm giác sung sướng chói với khi tay nàng chạm vào gã lúc hai người chào hỏi nhau. Sự khác nhau giữa hai người là ở chỗ nàng thì tự chủ và bình tĩnh, còn gã thì mặt đỏ bừng đến tận chân tóc. Gã đi theo sau nàng, vẫn vụng về như trước, vai dung đưa, lắc lư một cách nguy hiểm.

Khi hai người ngồi ở phòng khách rồi, gã mới bắt đầu cảm thấy thoải mái, thoải mái hơn gã mong đợi nhiều. Nàng làm cho gã thoải mái, vẻ nhẹ nhàng duyên dáng trong cử chỉ của nàng càng làm gã yêu nàng điên cuồng hơn bao giờ hết. Thoạt tiên, hai người nói về những cuốn sách mà gã đã mượn, về Swinburne mà gã say mê, về Browning mà gã không hiểu. Nàng đưa câu chuyện từ vấn đề này qua vấn đề khác, trong khi nàng vẫn suy nghĩ làm thế nào để giúp đỡ gã. Nàng vẫn thường nghĩ tới chuyện này kể từ buổi đầu hai người gặp gỡ. Nàng muốn giúp đỡ gã. Gã đã gọi cho nàng lòng thương và sự dịu dàng mà trước đây chưa ai gọi được, một lòng thương đối với nàng như tình mẫu tử mà không làm cho gã cảm thấy bị quá xúc phạm. Tình thương của nàng không thể là thứ tình thương bình thường, khi người đàn ông gọi nên nó lại có chất đàn ông quá mạnh mẽ quá khiến nàng run sợ - nỗi lo sợ của một cô gái - và làm cho trí óc nàng, mạch máu nàng rung lên với những ý nghĩ và cảm giác kỳ lạ. Vẫn lại cái cổ có sức quyến rũ, vẫn lại sự êm dịu khi nghĩ được đặt bàn tay lên đó. Hình như đó là sự thôi thúc của dục tình, nhưng nàng đã quen với điều đó hơn rồi. Nàng không nghĩ rằng một tình yêu mới chớm nở, lại có thể nảy sinh dưới hình thức như vậy. Mà nàng cũng không nghĩ rằng cảm giác

mà gã khơi dậy trong lòng nàng lại là cảm giác yêu đương. Nàng nghĩ rằng, gã chỉ làm cho nàng thích thú ở chỗ gã là một con người khác thường, có nhiều năng lực tiềm tàng to lớn, và nàng cảm thấy tình nhân ái trong đó nữa.

Nàng không biết rằng nàng đang ao ước được gã; nhưng đối với gã thì lại khác. Gã biết là gã yêu nàng và ao ước được nàng, chưa bao giờ gã lại ao ước điều gì trên đời như vậy. Gã đã yêu thơ vì cái đẹp, nhưng từ độ gặp nàng thì những cánh cửa đi vào thế giới mệnh mông của thơ ngời ca tình yêu đã rộng mở. Nàng đã cho gã sự hiểu biết còn nhiều hơn cả Bullfing và Gayley. Có một câu thơ mà một tuần lễ trước đây gã không hề nghĩ đến lần thứ hai *“Người tình say đắm lịm dần trên chiếc hôn”*, nhưng bây giờ câu thơ ấy cứ vương vấn trong óc gã. Gã ngạc nhiên vì sự kỳ ảo và chân lý của nó; nhìn nàng, gã biết gã có thể vui lòng chết vì một chiếc hôn thật. Gã cảm thấy chính mình (một người tình say đắm) và không có một cái ôm hôn nào khi phong tước cho một người kỵ sĩ[26] lại làm gã kiêu hãnh hơn. Đến lúc này gã mới hiểu rõ ý nghĩa của cuộc đời và tại sao gã lại sinh ra trên cõi đời này.

Trong khi gã nhìn nàng, và nghe thì ý nghĩ của gã dần dần trở nên mạnh dạn. Gã nhớ lại tất cả niềm khoái cảm điên dại khi nắm lấy bàn tay nàng trong tay gã lúc ở cửa, và gã ao ước được nắm lại một lần nữa. Mắt gã thường đưa nhìn môi nàng, gã ao ước đôi môi ấy một cách thêm khát. Nhưng trong sự khao khát ấy không có một chút gì là thô lỗ, là trần tục. Gã cảm thấy niềm vui kỳ lạ khi được ngắm nhìn đôi môi kia cử động mấp máy thốt thành lời. Nó không phải là đôi môi bình thường của những người đàn ông, đàn bà. Gã có thể hôn môi nàng, đặt đôi môi xác thịt của gã lên môi nàng nhưng với tất cả lòng nhiệt thành cao cả và kính cẩn như khi người ta hôn tà áo Chúa. Gã không nhận thức thấy sự thay đổi giá trị này đã biến diễn trong người gã, gã không biết rằng ánh lửa ngời lên trong mắt gã khi nhìn nàng cũng hoàn toàn là ánh lửa ngời lên trong đôi mắt tất cả đàn ông thêm khát yêu đương. Gã không ngờ cái nhìn của gã lại sôi nổi, lại mang chất đàn ông như thế, mà gã cũng không ngờ rằng ngọn lửa ấm áp của nó lại tác động mạnh mẽ tới sự biến trạng trong tâm hồn nàng. Sự trong trắng vô ngần của nàng đã kích động và che đậy những cảm xúc của gã, nâng những ý nghĩ của gã tới sự thanh khiết lạnh lùng của một vì sao. Gã sẽ phải giật mình nếu biết rằng ánh lửa ngời lên trong mắt gã, như những đợt sóng nóng hổi đã trào qua cơ thể nàng và nhóm lên trong lòng nàng một ngọn lửa ấm áp tương tự. Gặp ánh mắt ấy nàng cũng hơi bối rối và đã nhiều lần, không hiểu tại sao sự thâm nhập dịu dàng của nó làm dòng tư tưởng của nàng bị ngắt quãng và buộc nàng phải nhớ lại những ý chưa nói hết. Nói chuyện đối với nàng vốn là điều dễ dàng và những lúc ngắt quãng ấy hẳn nàng phải ngạc nhiên lắm, nếu như nàng không xác định được rằng chỉ vì gã là một con người đặc biệt. Nàng vốn là người nhạy cảm với những ấn tượng và suy cho cùng cũng không lấy gì làm lạ nếu người du khách này từ một thế giới khác như luồng hơi ấm trào tới đã làm nàng xúc động đến thế.

Trong đáy sâu của ý thức, nàng vẫn nghĩ làm sao giúp đỡ gã, và nàng hướng câu chuyện về phía đó. Nhưng chính Martin lại đề cập vấn đề ấy trước.

“Tôi không biết liệu tôi có được cô vui lòng giúp đỡ ý kiến,” gã bắt đầu nói, và khi biết nàng sẵn sàng, lòng gã rộn lên. “Cô có còn nhớ lần trước tôi đến đây, tôi đã nói tôi không thể nào nói chuyện về sách vở vì tôi không biết nói thế nào. Vâng, từ hôm ấy, tôi suy nghĩ nhiều lắm. Tôi đến thư viện luôn, nhưng hầu hết những cuốn sách tôi đọc đều vượt quá sự hiểu biết của tôi. Có lẽ tôi nên bắt đầu từ đầu thì hơn. Suốt đời tôi chưa bao giờ có may mắn học tập. Tôi phải làm lung vất và từ tấm bé. Từ hôm vào Thư viện tôi nhìn những cuốn sách bằng con mắt khác, và nhìn những cuốn sách mới nữa. Tôi đã phải kết luận rằng từ trước đến nay tôi đã đọc những cuốn sách chẳng ra làm sao? Chắc cô cũng biết sách vở ở những trại chăn nuôi và tàu biển thì không giống với sách vở có trong nhà ta đây, chẳng hạn. Vâng, từ trước đến nay tôi chỉ quen đọc những sách như vậy. Thế mà, không phải tôi nói huênh hoang đâu, tôi khác xa những người tôi cùng chung sống. Không phải tôi hơn gì những người thủy thủ và những người chăn bò, mà tôi đã từng cùng đi lang thang đây đó. Chắc cô biết đấy, có một thời gian ngắn tôi đã làm

nghề chăn bò, nhưng bao giờ tôi cũng thích đọc sách, thích đọc tất cả cái gì tôi vớ được. À, vâng, đúng, tôi cho rằng tôi nghĩ khác hầu hết bọn họ.

Bây giờ, xin đi vào vấn đề. Chưa bao giờ tôi bước chân vào một ngôi nhà thế này. Tuần lễ trước, khi đến đây, được trông thấy tất cả những thứ này, thấy cô, mẹ cô, anh chị em cô, và tất cả... thì... tôi thích lắm. Tôi đã được nghe nói về những cái này, được đọc cái này trong một vài cuốn sách, và khi tôi nhìn chung quanh nhà ta đây, thì tôi thấy sách họ nói sự thật. Nhưng điều tôi nói là tôi thích cái đó. Giờ đây tôi muốn cái đó, tôi muốn có cái đó. Tôi muốn hít thở cùng làn không khí như cô trong tòa nhà này – làn không khí chứa đầy sách vở, tranh ảnh và những thứ đẹp đẽ, nơi mà người ta trò chuyện nhẹ nhàng, nơi mà người ta sống sạch sẽ, tư tưởng người ta trong lành. Cái không khí mà suốt đời tôi hít thở nó lẫn cả mùi bếp núc, dơ dáy, tiền nhà, tiền cửa, chửi rủa, nhậu nhẹt, và chuyện của nó cũng toàn như vậy đó. Cô ạ, khi cô bước vào phòng để hôn bà mẹ cô, tôi nghĩ rằng đó là một điều đẹp đẽ nhất mà tôi chưa từng được trông thấy. Cuộc đời tôi đã biết nhiều và vì lý do này khác, tôi còn biết đời nhiều hơn hầu hết những người bạn cùng chung sống với tôi. Tôi thích nhìn, tôi muốn được nhìn nhiều hơn nữa, và muốn nhìn đời khác đi.

Nhưng tôi vẫn chưa đi vào vấn đề. Đây, nó thế này. Tôi muốn tiến lên sống một cuộc sống giống của cô trong tòa nhà này. Cuộc đời còn có những cái có ý nghĩa nhiều hơn là những chuyện nhậu nhẹt, làm ăn vất vả và ẩu đả nhau. Vậy làm sao để sống thế được. Tôi phải bầu vịu vào đâu để bắt đầu? *Tôi sẵn sàng làm việc không công trên tàu để được đi tàu*, cô biết đấy. Làm công việc nặng nhọc, tôi có thể làm người khác phát sợ lên. Một khi tôi đã bắt đầu, tôi sẽ làm việc không kể ngày, đêm. Có lẽ tôi hỏi cô những điều đó, cô cho là buồn cười lắm. Tôi biết cô là người tôi không nên hỏi, nhưng tôi không còn biết ai khác để có thể hỏi nữa – trừ Arthur. Có lẽ tôi nên hỏi anh ấy chẳng. Nếu tôi...”

Tiếng nói của gã chìm đi. Chỉ mới nghĩ đến việc kinh khủng phải đi hỏi Arthur và như vậy biến thành một trò hề là dự định đã được sắp xếp một cách cương quyết của gã bỗng dừng sừng lại. Ruth không nói ngay. Nàng đang quá mải nghĩ, cố liên hệ những lời nói vấp vao, thô bạo, giản đơn của gã, với những thứ nàng thấy trên nét mặt của gã. Nàng chưa từng thấy trong con mắt nào biểu lộ một sức mạnh lớn hơn. Đó là một con người có thể làm được bất cứ chuyện gì – đó là điều nàng đọc thấy trong đôi mắt ấy, điều đó không phù hợp với sự yếu đuối của những ý nghĩ mà gã vừa nói lên. Và đối với vấn đề này, trí óc nàng khá phức tạp, khá nhạy cảm không thể đánh giá đúng sự giản đơn của nó. Tuy nhiên, nàng cũng thấy được sức mạnh trong chính sự mờ mẩn tìm đường của trí óc kia. Đối với nàng, đó là một gã khổng lồ đang quần quai, đang vùng vẫy khỏi những xiềng xích trói ghì nó xuống. Khi nói, nét mặt nàng đầy thiện cảm.

“Chính ông cũng biết đây, cái mà ông cần là học vấn. Ông phải quay lại học hết tiểu học, rồi qua trung học đến đại học.”

“Nhưng như thế thì phải tốn tiền,” gã ngắt lời.

“Ồ!” Nàng kêu lên. “Tôi không nghĩ đến điều đó. Nhưng ông hẳn có họ hàng, bà con nào đó có thể giúp đỡ được chứ?”

Gã lắc đầu:

“Bố mẹ tôi chết cả rồi. Tôi có một người chị và em gái. Chị tôi đã lấy chồng, còn cô em cũng sắp sửa. Tôi chắc thế. Tôi có một lô anh – tôi là út – nhưng chẳng người nào giúp đỡ được nhau cả. Họ lang bạt khắp nơi, người nào cũng muốn dựng cơ đồ. Anh cả tôi đã chết ở Ấn Độ. Hai anh khác hiện đang ở Nam Phi. Một anh nữa làm nghề săn cá voi còn một người theo đoàn xiếc,

chơi đu bay. Tôi nghĩ tôi cũng y như họ thôi. Tôi phải tự lo lấy thân khi mười một tuổi – đó là lúc mẹ tôi chết. Tôi phải tự học, và nghĩ rằng, điều tôi muốn biết là bắt đầu từ đâu?”

“Tôi muốn nói điều trước tiên là phải kiếm một quyển ngữ pháp. Ngữ pháp của ông thật...” Nàng định nói “kinh khủng” nhưng nàng vội chữa “không được tốt lắm.”

Gã đỏ mặt, toát mồ hôi:

“Tôi biết. Tôi dùng nhiều tiếng lóng và những chữ mà cô không hiểu được. Nhưng đó là những chữ độc nhất tôi biết để mà nói. Trong óc tôi cũng có nhiều chữ khác nhặt được ở sách vở, nhưng tôi không biết đọc thế nào vì thế tôi không dùng.”

“Vấn đề không phải là ở chỗ ông nói cái gì mà chính là ở chỗ phải nói thế nào. Tôi nói thẳng, ông không để tâm chú? Tôi không muốn làm phật lòng ông đâu?”

“Không, không mà,” gã kêu lên, thầm cảm ơn lòng tốt của nàng. “Cô cứ nói thẳng đi. Tôi muốn được biết. Nhờ cô mà được biết sớm còn hơn là phải nhờ bất cứ người nào khác!”

“Vâng, thế này. Đáng lẽ phải nói “you were” ông lại cứ nói là “you was. Đáng lẽ phải nói “I saw” thì ông lại nói “I seen”. Và ông hay dùng hai phủ định...”[\[27\]](#)

“Hai phủ định là cái gì?” Gã hỏi và rụt rè nói thêm. “Cô thấy đấy, ngay những lời cô giảng, tôi cũng không hiểu.”

“Tôi e rằng tôi chưa giảng điều đó,” nàng mỉm cười. “Hai phủ định nghĩa là – để tôi xem nào – à... ông nói “never helped nobody”. “Never” là một phủ định, “nobody” cũng là một phủ định. Theo luật ngữ pháp thì hai phủ định có giá trị là một khẳng định “never helped nobody” có nghĩa là “không giúp đỡ không một ai” nghĩa là họ có giúp đỡ một người nào đó.”

“Khá rõ rồi đấy ạ. Trước đây không bao giờ tôi nghĩ thế. Nhưng thế không có nghĩa là “họ đã phải giúp đỡ một người nào đó” có phải thế không ạ? Với tôi hình như câu: “never helped nobody” tất nhiên không có nghĩa là “họ giúp đỡ một người nào đó” đâu. Trước đây không bao giờ tôi nghĩ thế. Tôi sẽ không bao giờ nói như thế nữa”.

Nàng sung sướng và ngạc nhiên trước nhận thức mau lẹ và chắc chắn của gã một khi gã đã nắm được mấu chốt thì không những gã hiểu ngay mà gã còn có thể chữa được sai lầm của nàng.

Nàng nói tiếp:

“Ông sẽ thấy tất cả những cái đó trong sách ngữ pháp. Trong lời nói của ông tôi còn nhận thấy một vài điều khác. Ông nói “don’t” không đúng chỗ, “don’t” là một chữ viết tắt gồm có hai chữ. Ông có biết là hai chữ gì không?”

Gã nghĩ một lúc rồi trả lời: “Do not.”

Nàng gật đầu nói: “Ông dùng “don’t” khi ý ông muốn nói “does not.””

Gã bối rối, không thể hiểu ngay được:

“Xin cô cho một ví dụ.”

“Vâng,” nàng nhú lông mày mím môi lại suy nghĩ trong khi gã đắm đắm nhìn mặt nàng và thấy nó đáng yêu vô cùng. “Thí dụ câu: “*It don’t do to be hasty*” [28]. Thử đổi “don’t” ra “do not” thì sẽ đọc là: “*It do not do to be hasty*,” như thế hết sức chướng.”

Gã xoay lộn chữ đó trong óc, ngẫm nghĩ.

Nàng gợi ý:

“Ông nghe nói thế có chướng tai không?”

“Càng không thể nói là nó chướng tai được” (Can’t say that is does), gã trả lời có vẻ cân nhắc lắm.

“Tại sao ông không thể nói “Can’t say that *it do*”?“ Nàng hỏi.

“Nghe thế nó sai,” gã chậm rãi trả lời “Nói tại sao thì tôi cũng không hiểu được. Tôi nghĩ rằng tai tôi không được tập luyện nghe như cô (I guess my ear ain’t [29] had the trainin’ your has).

“Không có chữ nào là ain’t cả,” nàng nói khá nhấn mạnh.

Martin lại đỏ mặt.

Nàng nói tiếp: “Đáng lẽ: been, ông lại cứ nói “ben” đáng lẽ “I came” ông lại cứ nói “I come” [30]. Và cái lỗi ngắt âm cuối của ông thật quá lắm.”

“Cô định nói thế nào ạ?” Gã rướn người về đằng trước, cảm thấy như phải quì trước bộ óc kỳ diệu đến như vậy. “Tôi phải ngắt thế nào ạ?”

“Ông không phát âm hết những âm cuối “and” đánh vần “a-n-d” thì ông chỉ “a-n”. “Ing” là “I-n-g” thì ông lại bỏ “g” đi. Ông hay lướt bỏ những âm đầu và nguyên âm đôi. “Them” đánh vần “T-h-e-m” thì ông lại phát âm là... nhưng thôi, chả cần thiết phải kể ra hết làm gì. Cái mà ông cần là ngữ pháp. Tôi sẽ lấy một quyển và chỉ dẫn cho ông nên bắt đầu như thế nào?”

Lúc nàng đứng dậy, một điều đã đọc được trong những cuốn sách dạy phép xã giao thoáng vụt qua đầu óc gã, gã vụng về đứng lên, bản khoản không hiểu làm như vậy có đúng không, sợ nàng cho là gã có ý muốn về chẳng?

“À này, nhân thế, ông Eden,” lúc sắp bước ra khỏi phòng, nàng còn ngoái lại hỏi. “Nhậu nhệ là cái gì, ông cứ nói chữ đó luôn, ông biết đấy!”

“Ồ, *nhậu nhệ*,” gã cười, “đó là tiếng lóng có nghĩa là whiskey, bia, bất cứ cái gì làm cho “cô” say sưa (make you [31] drunk).”

“Lại còn điều này nữa,” nàng ngoái lại cười. “Đừng dùng “you” trong trường hợp vô nhân xưng, “you” chỉ định một người nào rõ ràng. Ông dùng nó ở đây là không đúng với ý ông định nói đâu.”

“Tôi không nhận thấy điều đó!”

“Đấy, ông vừa mới nói với tôi “whiskey và bia, bất cứ cái gì làm cho (you) say sưa”, tức là làm cho tôi say sưa, ông thấy không?”

“À, thế ạ, thật thế ạ!”

“Đúng, tất nhiên,” nàng mỉm cười, “đừng đưa tôi vào cái chuyện say sưa thì tốt hơn. Thay “you” bằng “one”[\[32\]](#), và ông thấy như thế nghe hay hơn nhiều chứ.”

Khi nàng quay về phía phòng với cuốn ngữ pháp, nàng kéo một cái ghế đến gần ghế của gã. Gã băn khoăn không biết có nên giúp đỡ nàng làm việc đó không. Nàng ngồi xuống cạnh gã.

Nàng giở những trang sách, đầu hai người chụm vào nhau. Gã hầu như không thể theo dõi được sự chỉ dẫn của nàng về công việc gã phải làm, sự gần gũi kỳ thú ấy khiến gã bàng hoàng. Nhưng đến khi nàng giảng tới sự quan trọng của cách chia động từ, thì gã như bị huyền hoặc trong những quy luật của ngôn ngữ. Gã cúi gần hơn xuống trang sách, tóc nàng chạm vào má gã. Đời gã mới chỉ bị ngắt có một lần. Gã nghĩ rằng gã sắp sửa bị ngắt một lần nữa. Gã hầu như không thở được. Trái tim gã đập nhanh, dồn máu lên cổ làm cho cổ nghẹt lại. Chưa bao giờ nàng hình như là con người có thể đến gần được như lúc này. Trong một lúc cái vực thẳm rộng lớn ngăn cách giữa hai người đã được bắc cầu nối qua. Nhưng tình cảm cao quý của gã đối với nàng không vì thế mà giảm sút. Không phải nàng tự hạ xuống đến với gã. Mà chính gã đã được nâng lên trên những áng mây, đưa tới nàng. Lòng tôn kính của gã đối với nàng lúc này cũng giống như lòng mộ đạo, vừa kính sợ vừa nhiệt thành. Đối với gã, hình như gã đã xâm nhập được vào nơi thiêng liêng; chậm chạp, cẩn thận, gã né đầu tránh sự đụng chạm đã làm gã rung lên như một tia điện giật mà nàng thì vẫn không hay biết

CHƯƠNG 8

Nhiều tuần lễ trôi qua, Martin Eden miệt mài học ngữ pháp, xem lại những sách về phép xã giao và ngẫu nhiên đọc những cuốn hợp với ý thích. Gã hoàn toàn không lui tới gặp gỡ bạn bè cùng tầng lớp. Những cô gái của tiệm Hoa Sen bản khoản không hiểu có chuyện gì đã xảy ra đến với gã và cứ sẵn đón hỏi tin mấy gã hay gây gổ ở tiệm Riley thì sung sướng thấy gã không đến đó nữa. Martin đã khám phá được một kho tàng còn giấu kín trong Thư viện. Cũng như ngữ pháp đã cho gã thấy những mắc mớ của ngôn ngữ, sách vở đã cho gã thấy những khúc mắc của Thi ca. Gã bắt đầu nghiên cứu luật thơ, cách cấu tạo và các thể thơ; đằng sau cái đẹp, gã còn muốn đi tìm vì sao và do đâu mà có cái đẹp đó. Gã tìm thấy một cuốn sách hiện đại khác bàn về thi ca, coi thi ca là một nghệ thuật biểu hiện[33]; cuốn sách bàn rất cặn kẽ với những bài minh họa phong phú rút ra từ những tác phẩm văn học hay nhất. Chưa bao giờ gã đọc tiểu thuyết một cách say sưa nhiệt tình như gã nghiên cứu những cuốn sách này. Trí óc gã như một tờ giấy trắng, hai mươi năm trời nay chưa hề được cày xới, giờ đây bị thôi thúc bởi lòng ham hiểu biết đã chín muồi, nó ghì chặt lấy những điều gã đã đọc với một sức mạnh mà trí óc của một sinh viên không thể có được.

Và giờ đây đứng ở địa vị thuận lợi này, nhìn về quá khứ, cái thế giới xưa cũ gã từng biết, cái thế giới của đất liền, của biển cả, của những con tàu, của những người thủy thủ và gái mại dâm hình như chỉ là một thế giới rất nhỏ bé, tuy nhiên nó đã hòa cùng với cái thế giới mới và trải rộng ra. Trí óc gã đã tập hợp chúng lại làm một, gã ngạc nhiên khi thoát tiên gã bắt đầu nhìn thấy những điểm giao nhau giữa hai thế giới đó. Gã thấy mình cao quý lên vì những tư tưởng cao siêu và cái đẹp mà gã đã thấy trong sách. Cái đó dần dần gã tới chỗ tin tưởng vững chắc hơn bao giờ hết rằng ở phía trước và bên trên gã, trong xã hội của Ruth và của gia đình nàng; tất cả những người đàn ông, những người đàn bà đều nghĩ và sống với những ý nghĩ này. Thấp ở bên dưới, nơi gã sống, là tầm thường bỉ ổi. Gã muốn tẩy rửa tất cả cái tầm thường bỉ ổi đã làm nhơ bẩn đời gã, và vươn tới cái thế giới thiêng liêng nơi mà những giai cấp trên sống. Suốt thời thơ ấu và thanh niên, một nỗi băn khoăn mơ hồ luôn luôn giày vò gã. Gã không hề biết gã muốn gì, nhưng gã vẫn luôn luôn muốn một cái gì mà gã đi tìm hoài không thấy, cho đến tận khi gặp Ruth. Bây giờ nỗi băn khoăn ấy càng mạnh mẽ, đau đớn và cuối cùng, gã mới hiểu rõ ràng, dứt khoát rằng cái gã phải có là cái đẹp, là tri thức, là tình yêu.

Trong những tuần lễ ấy, gã gặp Ruth năm, sáu lần, và mỗi lần gặp gỡ, cảm hứng của gã lại tăng thêm. Nàng giúp đỡ gã học tiếng Anh, chữa cách phát âm và bắt đầu dạy gã số học. Nhưng những buổi gặp gỡ không chỉ để dành riêng cho những bài học sơ đẳng. Gã đã nhìn thấy quá nhiều ở cuộc đời, trí óc gã đã quá thành thực không thể chỉ hài lòng với những phân số, khai phương, phân tích mệnh đề. Có những lúc câu chuyện của họ xoay sang những vấn đề khác. Bài thơ gã vừa đọc, nhà thơ nàng nghiên cứu gần đây nhất. Khi nàng cao giọng ngâm cho gã nghe những đoạn mà nàng ưa thích, gã thấy mình như bay bổng lên đỉnh tột cùng của khoái cảm. Gã đã nghe nhiều người đàn bà nói, nhưng chưa bao giờ thấy một tiếng nói nào giống tiếng nói của nàng. Một âm thanh nhẹ nhàng nhất của tiếng nói ấy cũng là một niềm kích thích tình yêu của gã, mỗi một lời nàng thốt ra lại làm lòng gã rộn ràng, rung động. Tiếng nói ấy khoan thai, uyển chuyển như tiếng nhạc, phong phú, thanh nhã, khó tả, kết quả của học vấn và của một tâm hồn hiền dịu. Trong khi nghe nàng nói, gã thấy vang lên trong tai của ký ức những tiếng kêu khàn khàn của những người đàn bà man rợ, những cô gái diêm, và đỡ khàn hơn là giọng nói the thé của những người đàn bà lao động và những cô gái thuộc chính giai cấp gã. Rồi óc tưởng tượng bắt đầu biến hóa, những con người ấy tập trung lại để cho gã duyệt qua, mỗi người do

sự tương phản lại càng làm tăng thêm gấp bội vẻ rực rỡ của nàng. Rồi, sự sung sướng của gã lại càng tăng thêm khi gã biết trí óc nàng thấu hiểu những điều nàng đọc, và run lên đầy thán phục cái đẹp của những tư tưởng đã được viết thành văn. Nàng đọc cho gã nghe nhiều đoạn trong tập thơ "*Nàng công chúa*" và nhiều khi gã thấy mặt nàng đầm lệ, mỹ cảm của nàng thật là tế nhị. Trong những lúc ấy, cảm xúc của nàng nâng gã lên cho đến khi gã thấy mình như một ông thánh, và trong khi gã nhìn nàng, lắng nghe, gã thấy dường như gã đang nhìn vào mặt cuộc sống và đọc những điều bí mật sâu xa nhất của nó. Và lúc bấy giờ, cảm thấy mình đã đạt tới đỉnh cao của những tình cảm tế nhị, gã quả quyết đó là tình yêu, và tình yêu là cái vĩ đại nhất trên đời. Qua những hành lang của ký ức, tất cả những rung động nồng cháy gã đã hưởng xưa kia, lúc này điều lại; những bữa chè chén say sưa, những cái ve vuốt của đàn bà, những trò chơi thô bạo, những cuộc thách thức ẩu đả - tất cả những cái đó hình như quá tầm thường, quá ti tiện so với cái nhiệt tình tao nhã gã đang được hưởng hiện nay.

Đối với Ruth, tình trạng này thật mơ hồ. Nàng chưa hề có một kinh nghiệm nào về những chuyện trái tim - những kinh nghiệm duy nhất của nàng về vấn đề này chỉ là của sách vở, trong đó những sự việc của cuộc sống hàng ngày được diễn đạt qua trí tưởng tượng thành một thể giới thần tiên không thực. Nàng không biết rằng người thủy thủ thô lỗ kia đang len dần vào trái tim nàng, tích lũy lại trong đó sức mạnh tiềm tàng để một ngày kia sẽ bùng ra thành những đợt sóng lửa trào dâng qua khắp cơ thể nàng. Nàng chưa biết thế nào là ngọn lửa thật của tình yêu. Sự hiểu biết của nàng về tình yêu hoàn toàn chỉ là lý thuyết. Nàng quan niệm nó như là một ngọn lửa mờ nhạt, dịu dàng như sương rơi, róc rách như tiếng nước chảy êm đềm, mát như bóng tối, mượt như nhung của đêm mùa hạ. Ý niệm của nàng về tình yêu đúng hơn là một tình cảm dịu dàng, muốn cho người được yêu sống êm đềm trong một bầu không khí ngát hương, và ánh sáng mờ nhạt của một thế giới tĩnh mịch thính không. Nàng không mơ tới những chấn động như núi lửa của tình yêu, sức nóng chảy da thịt của nó và sự căn cỗi hoang sơ của đám tro tàn khô nẻ. Nàng không thấy rõ tiềm lực của chính nàng mà cũng không thấy rõ tiềm lực của cuộc đời, những điều sâu xa của cuộc sống đến với nàng là biến cả của ảo ảnh. Tình nghĩa vợ chồng giữa cha nàng và mẹ nàng đã tạo cho nàng lý tưởng về tình yêu, và nàng mơ ước một ngày kia, không va chạm, không vấp vấp, nàng cũng bước vào một cuộc sống êm ả, yên lặng như vậy, cùng với người nàng yêu.

Vì thế, nàng coi Martin Eden như một cái gì mới, một con người lạ lùng, và nàng cho là mới mẻ, là lạ lùng tất cả những động tác gã đã gây cho nàng. Điều đó chỉ là tự nhiên. Cũng giống như vậy, nàng đã có những động tác lạ lùng khi nhìn thú dữ trong rạp xiếc, hoặc đứng trước cơn giông tố, hay rùng mình trước một tia chớp xé trời. Trong tất cả những cái đó có một cái gì có tính chất vũ trụ, trong con người gã cũng có một cái gì có tính chất vũ trụ. Gã đến với nàng mang theo hơi thở của đất, trời mệnh mông, vĩ đại. Ánh nắng chói chang của mặt trời nhiệt đới in trên nét mặt gã, cái sức mạnh ban sơ của cuộc sống lộ ra trong những bắp thịt cuộn cuộn, dẻo dai của gã. Con người gã bị cái thế giới huyền bí của những con người thô bạo với những hành động còn thô bạo hơn làm cho xấu xí, sứt sẹo đi, những tiền đồn của cái thế giới ấy, bắt đầu tự một nơi bên kia chân trời của nàng. Gã là một người man dại, chưa thuần hoá bà thầm kín trong thâm tâm, tính kiêu căng của nàng thấy xúc động khi thấy gã đến với nàng hiền lành như vậy. Nàng bị kích thích bởi ý thôi thúc tự nhiên muốn thuần hoá con người man dại kia. Đó là một sự thôi thúc ngoài ý thức, và nàng cũng không hề nghĩ rằng ước muốn của nàng là nhào nặn lại con người gã sao cho giống hình ảnh của cha nàng - một hình ảnh mà nàng tin là đẹp nhất trên đời. Mà nàng cũng không có cách gì - do thiếu kinh nghiệm để nhận rõ được cảm giác vũ trụ gã đã gây cho nàng là cái có tính chất vũ trụ nhất, đó là tình yêu. Với cùng một mãnh lực như thế, tình yêu kéo những người đàn ông, đàn bà lại gần nhau qua khắp thế giới, khiến cho những con nai, con hoẵng giết lẫn nhau trong mùa phát dục và hút những nguyên tố lại để chúng hoà hợp với nhau không sao cưỡng lại nổi.

Sự tiến bộ mau chóng của gã làm cho nàng vừa ngạc nhiên vừa thích thú. Nàng khám phá thấy ở trong gã những phẩm chất tốt đẹp không lường trước được, dường như ngày lại ngày, nó bẻ nụ, như những bông hoa trên mảnh đất thích hợp. Nàng đọc to thơ Browning cho gã

nghe, và nhiều khi nàng rất bối rối với những ý kiến gã đưa ra về những đoạn cần được thảo luận. Nàng không đủ hiểu biết để mà nhận thức được rằng do chỗ gã có nhiều kinh nghiệm về những người đàn ông, đàn bà và cuộc sống nên thường thường những lời giải thích của gã còn đúng hơn của nàng nhiều. Đối với nàng những quan niệm của gã hình như có vẻ ngây thơ, tuy nhiều khi nàng bị kích thích bởi lối suy nghĩ hiểu biết táo bạo của gã: quỹ đạo của nó mệnh mông quá giữa các vì sao đến nỗi nàng không theo nổi, chỉ có thể ngồi mà rung cảm trước tác động của sức mạnh không lường được. Rồi nàng dạo dương cảm cho gã nghe - lần này không phải là để khiêu khích nữa - mà mượn nhạc để nâng cao tâm hồn gã, nét nhạc lắng xuống những chiều sâu mà nàng không thể nào đo nổi. Bản chất gã mở rộng trước âm nhạc, như đóa hoa bùng nổ dưới ánh mặt trời, và sự chuyển biến thật nhanh từ những bài nhạc ảm ĩ của giai cấp công nhân tới những tác phẩm cổ điển mà Ruth hầu như đã thuộc lòng. Tuy nhiên, gã để lộ ra sự thích thú có tính chất bình dân đối với nhạc của Wagner^[34]. Và khi nàng giải thích thì gã thấy màn đầu của vở kịch *"Tannhauser"* hấp dẫn gã hơn tất cả những bản nhạc nàng dạo. Gã thấy ngay bản nhạc ấy đã thể hiện cả cuộc sống của gã. Tất cả quá khứ của gã là đề tài của bản *"Venusburg"* còn đời nàng, gã thấy như phần nào được thể hiện trong mô típ nhạc ở bản *"Hợp xướng của những người hành hương."* Trong trạng thái mê ly ấy, gã thấy mình được nâng lên, cuốn tới một thế giới mộng ảo mệnh mông của những linh hồn đang mò mẫm, nơi cái xấu và cái tốt không ngừng đấu tranh với nhau.

Đôi khi gã hỏi, khiến cho nàng trong giây lát tự nghi ngờ không biết những định nghĩa và quan niệm của mình về âm nhạc có đúng hay không. Nhưng về tiếng hát của nàng, gã thấy không còn gì phải hỏi nữa: đó là nàng tất cả, và gã ngồi đó say mê với âm thanh du dương diệu kỳ của giọng nữ cao trong vắt của nàng. Gã không thể nào không so sánh nó với những tiếng líu riu yếu đuối, run rẩy the thé của những cô gái trong xưởng máy, không được bồi dưỡng, tập luyện, và tiếng rít khàn khàn từ cổ họng nứt nẻ vì rượu mạnh của những người đàn bà ở những thành phố cảng. Nàng thích hát và dạo đàn cho gã nghe. Sự thực đây là lần đầu tiên nàng dạo đàn cho một tâm hồn con người nghe; và được nhào nặn chất đất dẻo của con người gã là một điều kỳ thú, bởi nàng vẫn nghĩ rằng nàng đang nhào nặn nó, và ý định của nàng là tốt. Hơn nữa, gần gã, nàng thấy vui thích. Gã không làm cho nàng sợ nữa. Nỗi ghê sợ đầu tiên thực ra chỉ là nỗi sợ của cái tôi chưa được bộc lộ ra hết của chính nàng, và nỗi sợ ấy đã không còn nữa. Tuy chưa biết rõ, nhưng nàng cảm thấy có quyền làm chủ nào đó đối với gã. Ngoài ra gã như bồi thêm sức mạnh cho nàng. Ở trường đại học nàng phải học tập vất vả, được thoát ra khỏi những chồng sách bụi bặm để làm cho làn gió biển tươi mát toát ra từ con người gã thổi vào nàng thấy như có thêm sức mạnh. Sức mạnh! Sức mạnh chính là cái nàng cần và gã đã cho nàng một cách rộng lượng. Bước vào cùng một phòng với gã, hoặc đón gã ở ngưỡng cửa, cái đó làm cho nàng thêm can đảm. Và khi gã đi rồi, nàng quay lại với chồng sách của mình, hăng hái hơn, với nguồn nghị lực mới.

Nàng hiểu rất rõ Browning của nàng, nhưng nàng chưa bao giờ hiểu được giỡn đùa với tâm hồn con người là một điều đại dột. Niềm thích thú đối với Martin càng tăng, thì ý muốn uốn nắn lại cuộc sống của gã đối với nàng càng trở nên một điều say mê.

Một buổi chiều, sau khi đã gạt chuyện ngữ pháp, số học, và thơ ca sang một bên, nàng nói với gã:

"Ông Butler, thoát tiên, ông ta tương đối không có một thuận lợi nào hết. Ông cụ thân sinh ra ông ta trước kia là một người thu ngân ở nhà băng, sống lần lữa bao nhiêu năm, sau đó ông cụ bị bệnh sưng phổi chết ở Arizona. Ông cụ mất đi, ông Butler, lúc đó gọi là Charles Butler chỉ còn tro trọi một mình. Như ông biết đấy, ông cụ vốn người Úc nên chẳng có họ hàng thân thuộc gì ở California, Ông Butler đi làm công cho một nhà in - Tôi nghe ông ta kể lại chuyện đó nhiều lần - thoát đầu ông ta chỉ kiếm được ba đô-la một tuần. Bây giờ thu hoạch của ông ta hàng năm ít nhất là 30 ngàn đô-la. Ông ta làm thế nào mà được như thế? Là người thật thà, biết giữ chữ tín, cần cù, tiết kiệm, ông ta tự kiếm chế, lánh xa mọi thú vui mà hầu hết những người trẻ tuổi

đều vương vào. Ông ta đặt kế hoạch nhất thiết mỗi tuần phải để dành được bao nhiêu đó, dù phải hạn chế các khoản chi tiêu khác. Tất nhiên, chẳng bao lâu, lương của ông ta được tăng hơn ba đô-la, và lương tăng thì ông ấy lại để dành ngày càng nhiều hơn.

Ban ngày đi làm, tối ông ta lại theo học lớp ban đêm. Ông ta luôn luôn hướng về tương lai. Sau đó ông ta theo học trường Trung học ban đêm. Khi mới mười bảy tuổi ông ta đã được ăn lương thợ xếp chữ vào loại cao nhất, nhưng ông ta là người có nhiều tham vọng. Ông ta muốn có sự nghiệp chứ không phải chỉ sống bình thường; ông ta vui lòng hy sinh tất cả những cái trước mắt để đạt được mục đích cuối cùng. Ông ta quyết định học luật và xin vào tập việc trong phòng luật sư của cha tôi. Ông cứ thử nghĩ mà xem - mỗi một tuần lễ chỉ được có bốn đô-la. Nhưng ông ta đã biết cách tiết kiệm, lương có bốn đô-la mà ông ta vẫn để dành được đấy."

Nàng ngừng lại để lấy hơi và để xem Martin tiếp thu câu chuyện ra sao. Nét mặt gã rạn lên thích thú khi nghe kể những cuộc vật lộn thuở thiếu thời của ông Butler, nhưng trên mặt gã cũng có nét cau lại.

"Tôi cho rằng đối với một người trẻ tuổi, cuộc sống như thế cũng khá gay go đấy!" Gã nhận định. "Bốn đô-la một tuần, ông ta làm thế nào mà sống nổi? Cô có thể yên trí là sống như thế thì đói rách lắm. Chứ sao, nguyên tiền trọ bây giờ tôi cũng đã mất năm đô-la một tuần mà cũng chẳng có gì là thú vị cả, Cô cứ tin thế cho. Hẳn là ông ta phải sống như một con chó. Thức ăn của ông ấy..."

"Ông ta nấu lấy ăn," Ruth ngắt lời, "bằng một cái bếp còn nhỏ."

"Thức ăn ông ta ăn chắc còn phải tồi tệ hơn thức ăn của anh em thủy thủ trên những tàu đánh cá, nơi mà chúng tôi cho rằng không đâu có thể tồi hơn được nữa!"

"Nhưng thử nghĩ bây giờ ông ấy ra sao?" Nàng sôi nổi nói. "Thử nghĩ xem tiền thu hoạch của ông ấy đã cho phép ông ấy bây giờ sống như thế nào. Xưa kia nhịn ăn nhịn mặc, bây giờ được đền bù lại gấp trăm gấp nghìn lần."

Martin nhìn nàng, dứt khoát:

"Có một điều tôi cam đoan với cô là ông Butler bây giờ có tiền cũng chẳng sung sướng gì đâu. Lúc còn bé đã ăn cái kiểu ấy quen rồi, hết năm này qua năm khác, tôi dám chắc bây giờ dạ dày của ông ta cũng chẳng khỏe khoắn nào."

Nàng cúi xuống tránh cái nhìn soi mói của gã.

"Tôi dám chắc bây giờ ông ta đang mắc chứng khó tiêu." Martin khiêu khích.

"Vâng, đúng thế," nàng thú nhận, "nhưng..."

"Tôi dám chắc," Martin bồi thêm. "Ông ta hẳn là nghiêm trang long trọng như một con cú già, và mỗi năm có đến ba mươi ngàn đô-la thật đấy, nhưng cũng chẳng biết hưởng cho nó sướng thân. Mà tôi cũng dám chắc rằng thấy người khác sung sướng ông ấy cũng chẳng lấy gì làm vui thú cho lắm, tôi nói có đúng không nào?"

Nàng gật đầu, nhưng vội giảng giải:

"Nhưng ông ta không phải là hạng người như thế. Bản tính ông ta vốn là người trầm lặng

nghiêm trang. Bao giờ ông ta cũng thế thôi.”

“Vâng, cô có thể tin rằng bao giờ ông ta cũng thế thôi,” gã kêu lên. “Ba đô-la một tuần, rồi bốn đô-la một tuần, còn là một chú bé con mà đã tự nấu lấy ăn bằng một chiếc đèn cồn, rồi để dành tiền, làm việc cả ngày, học cả đêm, chỉ có làm, không biết chơi, chả bao giờ được hưởng cái vui, mà cũng chả bao giờ tìm để hưởng cái vui – như thế thì quả thật ba mươi ngàn đô-la đến với ông ấy cũng là quá muộn.”

Trí tưởng tượng đầy trắc ẩn của gã đã vẽ lên trong óc gã hàng ngàn chi tiết về cuộc đời của cậu bé ấy và sự phát triển trí tuệ chật hẹp của cậu ta đã đưa cậu ta thành một người có ba mươi ngàn đô-la một năm. Với trí tưởng tượng mau lẹ, phong phú, nhìn xa thấy rộng của gã, cả cuộc đời Charles Butler được thu tóm lại trước mắt gã.

“Cô có biết không?” Gã nói thêm. “Tôi cảm thấy thương cho ông Butler. Ông ta non trẻ quá không thể hiểu biết hơn được, nhưng chính ông ta đã tự cướp mất cuộc đời của mình chỉ vì ba mươi ngàn đô-la một năm, mà thực ra số tiền ấy đối với ông ta bây giờ cũng chả có ích gì. Chứ sao, ba mươi ngàn đô-la, số tiền to thật đấy, nhưng cũng chẳng mua nổi cho ông ta cái mà trước đây, khi còn là chú bé, chỉ với mười xu tiền cũng đã có thể mua được như kẹo, hạt dẻ hoặc một tấm vé vào xem xiếc của người da đen.”

Chính cái quan điểm độc đáo ấy của gã làm cho Ruth kinh ngạc. Không những nó mới đối với nàng mà nó còn trái ngược với những quan niệm của nàng, nhưng nàng vẫn cảm thấy trong đó có những mầm mống của chân lý, nó đe dọa làm lung lay, thay đổi cả niềm tin của nàng. Giá nàng mười bốn tuổi chứ không phải là hai mươi bốn thì có thể đã bị những quan điểm ấy của Martin làm cho thay đổi, nhưng nàng đã hai mươi bốn, vốn bảo thủ về bản chất và giáo dục, và đã bị kết tinh định hình trong cái xó xỉnh cuộc đời nơi nàng sinh ra và lớn lên. Thật thế, những lý luận quái lạ của gã làm cho nàng bối rối khi gã thoát mới nói ra, nhưng nàng lại cho là chúng thuộc tính chất khác thường của con người và lối sống kỳ lạ của gã và nàng quên chúng ngay. Tuy nhiên trong lúc nàng không tán thành những lý luận đó, thì sức mạnh của lời nói, của ánh mắt, sự sôi nổi lộ ra trên nét mặt gã luôn luôn làm nàng rung động và kéo nàng lại gần gã. Nàng không thể nghĩ được rằng con người này từ một thế giới xa lạ với nàng đến đây, trong những phút này, lại có thể đem soi rọi những quan niệm rộng rãi hơn, sâu sắc hơn, vượt tầm hiểu biết của nàng. Nhưng giới hạn của bản thân nàng chính là giới hạn của thế giới của nàng; nhưng những trí óc bị hạn chế chỉ nhận ra giới hạn của mình khi soi vào trí óc của kẻ khác. Vì thế nàng cảm thấy nhỡn quan của nàng thật là rộng rãi, và những điểm bất đồng giữa gã và nàng chỉ chứng tỏ sự hạn chế của gã mà thôi, và nàng mơ ước giúp đỡ gã nhìn được như nàng đã nhìn thấy, để mở rộng nhỡn quan của gã cho đến khi nó đồng nhất với nàng.

“Nhưng tôi đã nói hết câu chuyện của tôi đâu?” Nàng nói, “ông ta làm việc chăm chỉ - cha tôi bảo thế - chưa bao giờ cha tôi có một cậu bé phụ việc bàn giấy nào làm việc chăm chỉ như vậy. Ông Butler lúc nào cũng hăng say làm việc. Không bao giờ ông ta đến chậm, hôm nào cũng đến sớm một vài phút trước giờ quy định. Ấy thế mà ông ta vẫn dành được thì giờ. Bất cứ lúc nào rảnh lại lao vào học tập. Ông ta học kế toán, đánh máy, và để lấy tiền trả những bài học tốc ký, đêm đêm lại đọc tài liệu cho một ký giả ở Tòa án đang cần thực hành. Chẳng bao lâu, ông ta trở thành thư ký và tự làm cho mình trở thành một người có giá trị. Cha tôi khen ngợi ông ta lắm và thấy rõ ông ta nhất định phải tiến xa. Theo lời khuyên của cha tôi, ông ta học luật. Ông ta trở thành luật sư, và chẳng bao lâu sau khi ông ta quay về làm việc tại văn phòng của cha tôi, cha tôi coi ông ta như một người đồng sự trẻ tuổi. Thật là một người vĩ đại. Nhiều lần ông ta từ chối không vào Thượng nghị viện Hợp chủng quốc. Cha tôi nói: nếu muốn, ông ta có thể trở thành Chánh án Tòa án tối cao bất kỳ khi nào ghế đó khuyết. Một cuộc đời như thế thật là nguồn cổ vũ cho tất cả chúng ta. Điều đó chứng tỏ một người có nghị lực có thể vượt lên khỏi hoàn cảnh của mình.”

“Ông ấy thật là một người vĩ đại,” Martin nói, thành thực.

Nhưng trong câu chuyện nàng kể, đối với gã hình như vẫn có cái gì không hợp với ý niệm của gã về cái đẹp và cuộc sống. Gã không thể tìm thấy một động cơ gì chính đáng khiến ông Butler phải sống một cuộc đời bo bấu, thiếu thốn đến như thế. Nếu làm như vậy vì tình yêu một người đàn bà, hoặc để đạt tới cái đẹp thì Martin có thể hiểu nổi... “Người tình say đắm” có thể làm bất cứ cái gì vì một cái hôn, chứ không phải vì ba mươi ngàn đô-la một năm. Gã không thỏa mãn với sự nghiệp của ông Butler. Dù sao ở trong đó vẫn có một cái gì bần tiện. Ba mươi ngàn đô-la thì cũng tốt, nhưng chúng khó tiêu và không còn khả năng để hưởng hạnh phúc của con người, như thế cũng đủ cướp đi hết mọi giá trị của số tiền lớn ấy.

Hầu hết những điều đó, gã đã cố diễn đạt với Ruth, làm cho nàng kinh ngạc và thấy rõ ràng cần thiết phải cải tạo gã hơn nữa. Tâm hồn nàng thuộc loại tâm hồn thông thường thiện cận, tin rằng dòng giống, tín ngưỡng, chính kiến của mình là tốt đẹp nhất, đúng đắn nhất, còn tất cả những con người khác rải rác khắp thế giới đều ở địa vị thấp kém hơn họ. Chính cũng cùng một loại tâm hồn thiện cận như thế đã khiến cho anh chàng Do Thái cổ xưa cảm ơn Thượng đế rằng gã không phải sinh ra làm người đàn bà và đã cử đoàn truyền giáo hiện đại thay trời đến tận nơi cùng trời cuối đất. Và chính cái đó cũng làm cho Ruth ước mong nhào nặn con người này từ những xó xỉnh khác của cuộc sống, cho nó giống với những con người sống trong cái xó xỉnh của nàng.

CHƯƠNG 9

Ở biển trở về, Martin Eden vội vã về nhà ở California với lòng ao ước của người đang yêu. Số tiền để dành hết sạch, gã đã phải đi làm thủy thủ cho chiếc thuyền buồm đi tìm châu báu. Sau tám tháng tìm kiếm nhưng thất bại ở đảo Solomon, đoàn thám hiểm đã phải bảo về. Họ trả công và thả anh em thủy thủ ở Úc, và Martin lập tức xuống một chiếc thuyền đi về Francisco. Không những trong tám tháng ấy gã đã kiếm được đủ tiền để sống trên đất liền trong nhiều tuần lễ mà thời gian ấy, còn cho phép gã học tập và đọc được nhiều.

Trí óc gã là trí óc của một sinh viên, và đằng sau cái năng lực học tập là bản chất cương cường và tình yêu của gã đối với Ruth. Cuốn ngữ pháp mang theo, gã đã đọc đi đọc lại nhiều lần cho đến khi trí óc không biết mệt mỏi của gã nắm vững được hoàn toàn. Gã để ý đến những lỗi ngữ pháp trong cách nói của những người bạn thủy thủ, quyết định thầm chữa trong óc những lỗi đó, đặt lại những câu nói sai của họ. Gã sung sướng thấy tai mình trở nên rất nhạy và năng khiếu về ngữ pháp ngày càng phát triển. Cách dùng hai phủ định giờ đây làm gã chối tai như nghe một nốt nhạc lạc điệu và nhiều khi, vì thiếu tập luyện, những cái chối tai đó lại do chính mồm gã thốt ra. Trong một ngày, miệng lưỡi gã không thể nào học nói hết được những luật mẹo mới.

Sau khi đọc đi đọc lại ngữ pháp, gã giờ tự điển ra và mỗi ngày học hai mươi từ mới thêm vào vốn từ ngữ của gã. Gã thấy đó không phải là chuyện dễ. Lúc ở bánh lái, lúc ở chòi canh, gã nhắm đi nhắm lại hàng chữ cái dằng dặc, với định nghĩa, cách phát âm, và cứ lẩm bẩm ôn đi ôn lại cho đến lúc ngủ thiếp đi. *“Không bao giờ làm một điều gì,” “nếu tôi là” và “những điều này”*^[35] là những thành ngữ với nhiều biến dạng mà gã thầm nhắc lại trong óc cốt để làm quen với cách nói của Ruth. *“And”* và *“Ing,”* phải phát âm *“d”* và *“g”* sao cho rõ, gã đọc đi đọc lại hàng ngàn lần. Gã ngạc nhiên thấy mình bắt đầu nói tiếng Anh tốt và đúng hơn cả những sĩ quan và những ông khách thích phiêu lưu ở trong những “ca-bin” đã bỏ vốn cho cuộc thám hiểm này.

Thuyền trưởng là một người Na Uy mắt lơ lơ như mắt cá, không hiểu sao lại có được một bộ Shakespeare toàn tập mà ông ta không bao giờ đọc. Martin giặt quần áo cho ông ta, để đổi lại, ông ta cho phép gã mượn đọc pho sách quý ấy. Trong suốt một thời gian gã quá mê man với những vở kịch, những đoạn hay, chúng khắc sâu không chút khó khăn vào trí óc gã, cả một thế giới như đã hình thành dưới hình thức hài kịch và bi kịch thời Elizabeth, và chính những tư tưởng của gã cũng là những dòng thơ không vần. Điều đó đã luyện tai gã khiến gã có thể hiểu được cái hay của tiếng Anh cao quý: đồng thời nó còn giúp cho gã biết rất nhiều từ ngữ bây giờ không dùng nữa.

Tám tháng qua đi rất bổ ích, ngoài việc học nói sao cho đúng, tập suy nghĩ cho thâm thúy, gã còn biết thêm về mình rất nhiều. Cùng với ý nghĩ tự cho mình là kém cỏi do vốn học vấn quá ít, gã thấy dâng lên trong lòng niềm tin ở sức mạnh. Gã thấy có sự cách biệt rõ ràng giữa gã và những người bạn thủy thủ, và gã cũng đủ khôn ngoan để thấy rằng sự khác nhau là ở chỗ có

tiềm lực chứ không phải ở thành tựu của việc làm. Những cái gã có thể làm thì họ cũng có thể làm được; nhưng gã mơ hồ cảm thấy trong người gã có một chất men đang hoạt động, nó cho gã hay rằng khả năng của gã còn vượt xa những điều gã đã làm. Cái đẹp kì diệu của cuộc đời giầy vò gã, gã ao ước giá có Ruth ở đây để cùng chia sẻ - gã định sẽ tả lại cho nàng nghe về rất nhiều những cảnh đẹp của Nam Hải. Nghĩ thế, tinh thần sáng tạo nơi gã bùng lên như ngọn lửa, thúc giục gã phải tái tạo cái đẹp này cho một đám thính giả rộng rãi hơn là Ruth. Thế rồi tư tưởng đó đến với gã rục rờ, huy hoàng. Gã sẽ viết văn. Gã sẽ là một trong những con mắt để cả thế giới nhìn, một trong những cái tai qua đó cả thế giới nghe, một trong những trái tim qua đó cả thế giới cảm xúc. Gã sẽ viết tất cả - thơ, văn xuôi, tiểu thuyết, văn miêu tả, và kịch như Shakespeare. Đó là sự nghiệp, và là con đường để chinh phục Ruth. Những người của văn chương là những người khổng lồ của cuộc đời. Và gã tin rằng họ còn đẹp hơn nhiều những con người như ông Butler, kiếm mỗi năm ba mươi ngàn đô-la, và muốn đều có thể trở thành các quan Chánh án của Tòa án tối cao.

Một khi ý nghĩ đó đã nảy mầm thì nó choán lấy gã, và cuộc hành trình về San Francisco như một giấc mộng. Gã say sưa với sức mạnh không thể lường được và cảm thấy mình có thể làm bất cứ cái gì. Giữa biển khơi mênh mông và hiu quạnh gã nhìn thấy hết viễn tượng. Rất rõ ràng, và lần đầu tiên gã nhìn thấy Ruth và thế giới của nàng. Nó đã thành một vật cụ thể trong óc gã, gã có thể cầm lấy trong hai bàn tay, lật đi lật lại mà quan sát. Có nhiều chỗ trong cái thế giới ấy hãy còn mờ ảo, mơ hồ, nhưng gã nhìn toàn bộ chứ không đi vào chi tiết, và gã cũng đã nhìn thấy con đường để chinh phục nó. Viết văn! Ý nghĩ đó là ngọn lửa trong con người gã. Gã sẽ bắt đầu ngay sau khi trở về. Việc đầu tiên sẽ làm là tả lại cuộc hành trình của những người đi tìm châu báu. Gã sẽ bán bản thảo cho một tờ báo nào đó ở San Francisco. Gã sẽ không nói gì cho Ruth biết, nàng sẽ ngạc nhiên và sung sướng khi thấy tên gã in trên báo. Trong khi viết, gã có thể vẫn tiếp tục học tập. Một ngày có những hai mươi bốn tiếng đồng hồ cơ mà. Gã là người không có gì có thể khuất phục nổi. Gã biết phải làm việc như thế nào - và các đồn lũy sẽ sụp đổ trước gã. Gã sẽ không phải lại đi biển như một người thủy thủ nữa - ngay lúc đó, gã nhìn thấy trong viễn tượng một chiếc thuyền buồm du lịch. *Tất nhiên, gã tự nhủ, bước đầu kết quả không đến ngay được và trong một thời gian, còn phải vui lòng với món tiền nhuận bút ít ỏi để có thể tiếp tục học tập thêm.* Thế rồi, sau một thời gian - một thời gian chưa rõ là bao lâu - khi gã đã học, đã chuẩn bị đầy đủ, gã sẽ viết những tác phẩm lớn và tên gã sẽ được mọi người nhắc nhở đến. Nhưng lớn hơn thế, lớn hơn thế rất nhiều, lớn hơn tất cả là gã sẽ tỏ ra xứng đáng với Ruth. Danh vọng cũng đáng quý, nhưng chính vì Ruth mà giấc mơ huy hoàng nơi gã bùng lên. Gã không phải là một người ham danh vọng, mà chỉ là một trong những “người tình say đắm.”

Về đến Oakland, với món tiền công kha khá trong túi, gã lại đến trọ ở căn buồng cũ mà Bernard Higginbotham, và bắt đầu làm việc. Gã không cho cả Ruth biết là gã đã trở về. Gã sẽ đến thăm nàng sau khi viết xong về những người đi tìm châu báu. Có nên không đến thăm nàng cũng không phải là việc khó khăn lắm, vì sự say mê sáng tạo bùng lên như cơn sốt đang đốt cháy trong lòng gã. Hơn nữa, chính cái bài mà gã đang viết đây sẽ mang gã lại gần nàng hơn. Gã không biết một bài gã phải viết dài độ bao nhiêu, nhưng gã đếm chữ của một bài dài hai trang đăng ở bản phụ trương Chủ nhật tờ “*Người quan sát San Francisco*”, rồi gã cứ theo đó mà viết. Ba ngày liền hết sức căng thẳng với một tốc độ ghê gớm, gã hoàn thành câu chuyện. Nhưng đến lúc chép lại cẩn thận bằng chữ to dễ đọc, gã mới phát hiện ra trong một cuốn sách về tu từ học ở thư viện rằng còn có những cái mà người ta gọi là những đoạn, những dấu ngoặc kép. Trước đây gã chưa hề nghĩ đến những thứ này. Gã lập tức viết lại, luôn luôn tham khảo cuốn tu từ học; trong một ngày, gã học được cách viết nhiều hơn một cậu học trò bình thường học cả năm. Khi gã đã chép xong bản thảo lần thứ hai và cuộn lại cẩn thận, gã lại đọc được một bài báo góp ý với những người mới viết văn. Lúc ấy gã mới khám phá ra cái quy luật chặt chẽ là bản thảo không bao giờ được cuộn lại và không được viết trên cả hai mặt giấy. Gã đã vi phạm cả hai. Cũng qua bài báo đó gã được biết rằng những tờ báo loại nhất thường trả tối thiểu là mười đô-

la một cột. Vì thế trong khi gã chép lại bản thảo lần thứ ba, gã lại tự an ủi mình bằng cách nhân mười cột báo với mười đôla. Nhân mãi thì tích số vẫn thế, một trăm đôla, và gã thấy rõ rằng như thế tốt hơn nghề đi biển. Nếu không vì những nhảm lẫn nọ kia, thì trong ba ngày gã có thể viết xong một bài. Một trăm đôla trong ba ngày! Nếu đi biển thì phải mất ba tháng hay hơn thế mới kiếm nổi được một số tiền như vậy. Một khi người ta viết được thì có họa là điên mới đi biển, gã kết luận, tuy bản thân món tiền đối với gã không có ý nghĩa gì. Giá trị của nó là ở chỗ nó cho gã có thì giờ rảnh rang, mua được cho gã vài bộ quần áo bảnh bao; tất cả những cái đó sẽ mang gã lại gần hơn, gần một cách nhanh chóng hơn tới người con gái xinh xinh, mảnh mai đã làm đảo lộn cuộc đời gã và gây cho gã nguồn cảm hứng.

Gã cho bản thảo vào một chiếc phong bì lớn và gửi cho ông chủ bút tờ *“Người quan sát San Francisco”*. Gã quan niệm rằng bất cứ cái gì tòa báo nhận được đều đăng ngay, và vì gã gửi bản thảo đi hôm thứ năm, gã yên chí đến chủ nhật tới là bài sẽ được đăng. Gã quan niệm rằng nhờ việc ấy mà Ruth biết gã trở về thì thật là tốt đẹp. Rồi chiều chủ nhật gã sẽ tới thăm nàng. Trong thời gian đó gã bận tâm tới một ý nghĩ khác, mà gã rất tự hào cho đó là một ý đặc biệt trong sạch, thận trọng và khiêm tốn. Gã sẽ viết một chuyện phiêu lưu cho các em nhỏ và sẽ đem bán cho tờ *“Người bạn của Thiếu niên”*. Những truyện vừa thường được đăng trong tờ tuần báo đó trong năm kỳ, mỗi kỳ ước độ ba ngàn chữ. Gã thấy có nhiều truyện kéo dài đến bảy kỳ và gã quyết định sẽ viết một truyện dài như thế.

Xưa kia đã có lần gã đi theo đoàn săn cá voi ở Bắc băng dương. Cuộc hành trình định kéo dài trong ba năm nhưng sau sáu tháng tàu đắm nên bị gián đoạn. Trí tưởng tượng của gã rất hay hư cấu, nhiều khi còn kì quái nữa, nhưng căn bản gã yêu thực tế, nó thúc đẩy gã viết về những điều đã biết. Gã biết nghề săn cá voi, và từ cái tri thức thực tế đó gã hư cấu xây dựng nên những cuộc phiêu lưu của hai cậu bé mà gã có ý định chọn làm hai nhân vật chính. Đó là một công việc dễ dàng, gã quyết định bắt đầu viết vào chiều thứ bảy. Ngay hôm đó gã đã hoàn thành đoạn đầu ba ngàn chữ, làm cho Jim hết sức thú vị, và ông Hichghinboham thì, mĩa mai ra mặt suốt bữa ăn cái ông “Văn sỡi” mà họ mới khám phá thấy trong gia đình.

Martin đành tự bằng lòng bằng cách hình dung sự ngạc nhiên của lão anh rể, sáng chủ nhật tới đây, khi lão ta mở tờ *“Người quan sát”* và thấy bài về những người đi tìm châu báu. Sáng hôm đó đích thân gã ra đứng ở cửa đăng trước, sốt ruột đọc lướt trước tờ báo gồm nhiều trang. Gã giở lại một lần thứ hai, rất cẩn thận, rồi gấp lại và để vào chỗ gã đã lấy ra. Gã thấy sung sướng vì chưa nói cho ai biết về bài của mình cả. Ngay sau đó gã thấy mình đã nhầm khi nghĩ rằng bài gửi đi cho tờ báo hàng ngày có thể được nhanh chóng đăng ngay. Hơn nữa, bài của gã cũng không có giá trị gì về tin tức cả, và chắc chắn nếu có đăng thì người chủ bút cũng phải viết thư báo cho gã biết trước.

Sau bữa ăn sáng, gã tiếp tục viết truyện săn cá voi. Chữ như tuôn ra dưới đầu ngọn bút, tuy luôn luôn gã phải ngừng lại để tra nghĩa trong từ điển hay xem lại cuốn tu từ học. Những lúc ngừng lại ấy gã thường đọc đi đọc lại một mạch cả một chương. Và gã tự an ủi tuy gã chưa viết hết ra được tất cả những cái gì lớn mà gã cảm thấy có ở trong gã, nhưng dù sao gã cũng học được cách viết, tự luyện tập để hình thành và diễn đạt những tư tưởng của mình. Gã cặm cụi làm việc cho đến tối, rồi gã lại đến phòng đọc ở thư viện, lục lọi những tạp chí và tuần báo cho đến mười giờ đêm lúc thư viện đóng cửa. Đó là chương trình trong tuần của gã. Mỗi ngày gã viết ba mươi nghìn chữ, tối tối gã lại mày mò tìm tòi trong các tạp chí, ghi ghi chép chép những truyện ngắn, những bài báo, bài thơ mà những ông chủ bút thấy có thể đăng được. Có một điều chắc chắn là: những gì mà đám văn sĩ đông vô kể kia có thể làm được thì gã cũng có thể làm được và chỉ cần cho gã thời gian, gã còn làm được những cái mà họ không thể làm được. Gã rất phấn khởi khi đọc trong tập *Tin tức về sách* có một đoạn nói về tiền nhuận bút của những tác giả viết cho các tạp chí, thấy không phải Rudia Kipling được trả mỗi chữ một đôla mà các tạp chí loại nhất thường trả tối thiểu mỗi chữ hai xu. Tờ *“Người bạn của Thiếu Niên”* chắc chắn là tờ loại nhất và cứ tính theo giá ấy thì ba ngàn chữ gã viết ngày hôm đó sẽ mang lại cho gã sáu

mười đôla – lương hai tháng đi biển.

Đến tối hôm thứ sáu, gã viết xong truyện vừa đó, gần hai mươi một ngàn chữ - Gã tính cứ hai xu một chữ cũng được bốn trăm hai mươi đôla. Công việc trong một tuần như vậy không phải là dở. Chưa bao giờ, trong một lúc gã lại có được một món tiền như thế. Gã không biết tiêu gì cho hết. Gã đã tìm được một mỏ vàng. Cứ ở cái mỏ ấy, gã còn có thể luôn luôn kiếm được nhiều hơn nữa. Gã dự định sẽ mua thêm một vài bộ quần áo, đặt mua nhiều tạp chí, mua mười cuốn sách tham khảo mà hiện nay gã vẫn phải ra Thư viện để tra cứu. Ấy thế mà số tiền bốn trăm hai mươi đôla vẫn còn nhiều chưa tiêu hết được. Điều đó làm gã băn khoăn mãi cho đến lúc gã nảy ra ý nghĩ thuê cho chị Gertrude một người làm, mua cho thằng Marion một chiếc xe đạp.

Gã gửi tập bản thảo dày cộp tới tờ “*Người bạn của Thiếu Niên*” và đến chiều thứ bảy sau khi đặt xong kế hoạch viết một bài về những người mò ngọc trai, gã tới thăm Ruth. Gã đã gọi đây nói cho nàng và nàng thân ra cửa đón - ngọn lửa cường tráng xưa cũ quen thuộc trào ra khỏi người gã ập vào nàng như một cơn lốc. Nó lọt vào cơ thể nàng, chạy suốt qua các mạch máu như một chất lỏng rực sáng làm cho toàn thân nàng run lên vì sức mạnh đã thấm vào ấy. Gã đỏ bừng mặt khi cầm tay và nhìn vào đôi mắt xanh của nàng, nước da nâu bóng như đồng chưa phai của tám tháng trời dài nắng đã che đi không để lộ nét đỏ bừng ấy, tuy nó không thể giữ được chỗ cổ cho khỏi bị cháy cổ còn cứng đờ co sát làm sần đỏ lên. Nhìn chỗ sần đỏ ấy nàng thấy buồn cười, nhưng lập tức cái buồn cười ấy biến đi ngay khi nàng liếc nhìn bộ quần áo của gã. Nó thực là hợp với khổ người gã – đó là bộ quần áo may đo theo khổ người đầu tiên của gã. Người gã như thon thả hơn, có dáng hơn. Thêm vào đó, chiếc mũ lưỡi trai bằng vải của gã, được thay thế bằng một chiếc mũ da mềm; nàng bắt gã phải đội lên, rồi cứ khen hoài. Nàng không nhớ có khi nào nàng cảm thấy sung sướng đến như thế. Sự thay đổi này trong con người gã là công trình của nàng, nàng kiêu hãnh vì điều đó, lửa tham vọng lại bùng lên thúc giục nàng phải giúp đỡ gã hơn nữa.

Nhưng sự thay đổi căn bản nhất, và điều làm nàng sung sướng nhất là sự thay đổi trong ngôn ngữ của gã, không những gã nói đúng hơn mà còn nói lưu loát hơn, và trong vốn từ ngữ của gã đã có nhiều từ mới. Nhưng khi say sưa hay sôi nổi thì gã lại trở lại lối nói sai cũ và vẫn quên không phát những âm cuối. Hơn nữa, đôi khi gã còn vụng về, do dự thử đem dùng những từ mới đã học được. Mặt khác, với lối nói lưu loát, gã diễn đạt tư tưởng rất thanh thoát, dí dỏm làm cho nàng thích thú. Chính cái lối châm biếm hài hước vốn có trước đây của gã làm cho gã được những người cùng giai cấp mến yêu; nhưng trước mặt nàng cho đến tận bây giờ gã vẫn chưa sử dụng nó được vì thiếu từ và thiếu tập luyện. Gã bắt đầu xác định được vị trí của mình và cảm thấy mình không còn hoàn toàn là một người xa lạ xâm nhập vào thế giới của nàng. Nhưng đáng buồn thay, gã quá ư rụt rè vẫn để cho nàng tỏ ra hoạt bát và giàu tưởng tượng hơn, gã chỉ dám đi theo chứ không dám vượt lên trên nàng.

Gã kể cho nàng nghe những việc gã đã làm, và dự định của gã sẽ viết để kiếm sống và tiếp tục học thêm. Nhưng gã thất vọng vì không được nàng đồng tình. Nàng đánh giá thấp dự định của gã.

“Ông biết đấy,” nàng nói thành thật, “viết cũng là một nghề như bất cứ một nghề nào khác. Không phải là tôi biết gì nhiều về nó lắm. Tất nhiên tôi chỉ căn cứ vào lẽ thường mà nói thôi. Người ta không thể nào hy vọng trở thành một người thợ rèn nếu không mất ba năm học việc hay năm năm không chùng! Các văn sĩ được trả hậu hơn những người thợ rèn rất nhiều, thế tất phải có nhiều người thích viết, nhiều người thử viết.”

“Vậy thế, tôi không có đủ tư chất đặc biệt để viết văn hay sao?” Gã hỏi, lòng thầm hớn hờ về ngôn ngữ mình đã dùng; tưởng tượng mau lẹ của gã tung ra trên một tấm màn lớn tất cả không khí và cảnh tượng khác của cuộc đời gã - những cảnh tàn bạo, thô tục, hung dữ, man rợ.

Tất cả cảnh tượng phức tạp ấy được cấu thành với tốc độ của ánh sáng, vẫn tiếp tục diễn biến không ngừng trong khi gã nói chuyện và cũng không ngắt quãng trong dòng tư tưởng bình tĩnh của gã. Trên bức màn của tường tượng gã thấy mình cùng người con gái đẹp hiền dịu này, mặt đối mặt chuyện trò bằng một thứ tiếng Anh chính xác trong một gian phòng đầy sách vở, tranh, nhạc và văn hoá phẩm, được ánh sáng rực rỡ chiếu rọi vào; trong lúc đó những cảnh trái ngược lần lượt đi qua, dần dần mờ đi xa tít tận cuối bức màn, mỗi cảnh là một bức tranh, gã là người đứng ngắm, ngắm tha hồ những gì mà gã thích. Gã nhìn thấy những cảnh khác ấy qua những màn hơi nước bập bênh, những cơn lốc sương mù ảm đạm tan đi trước tia sáng đỏ rực, chói lòa. Gã trông thấy những gã chần bô trong tửu quán, nốc rượu mạnh whiskey trong bầu không khí đậm ô ngộp ngụa, thốt ra những lời tục tĩu; gã thấy mình lẫn trong bọn họ, uống rượu và chửi rủa cùng với những đứa thô lỗ nhất hoặc ngồi cùng bàn với chúng dưới ngọn đèn dầu bốc khói, những đồng tiền kêu leng xeng, những quân bài được chia ra. Gã thấy mình cời trần trụi trước mặt, nắm tay không, quyết đấu một trận sống còn với thằng Mặt đỏ Liverpool trong khoang bánh lái trên con tàu Susquehanna; gã thấy boong tàu John Rogers loang máu, một buổi sáng xám ngắt khi anh em thủy thủ toan nổi dậy chống bọn chủ tàu. Gã thấy người thủy thủ giãy giụa trong cơn hấp hối đập vào cửa kho, chiếc súng lục trong tay lão thuyền trưởng khắc lửa và bốc khói; những gã đàn ông mặt nhăn nhúm vì giận dữ, những con vật hét lên chửi rủa thô tục và gục ngã quanh gã... rồi gã quay lại cảnh chính, êm ả, trong sạch dưới ánh sáng rực rỡ nơi Ruth ngồi nói chuyện với gã giữa sách vở và những bức tranh. Gã trông thấy chiếc đại dương cầm mà lát nữa nàng sẽ dạo cho gã nghe. Gã thấy âm vang của những từ chọn lọc chính xác của mình. “Vâng, thế tôi không có đủ tư chất đặc biệt để viết văn hay sao?”

“Nhưng dù người ta có đủ tư chất đặc biệt để làm nghề thợ rèn đi nữa,” nàng cười, “tôi cũng chưa bao giờ nghe nói có ai trở thành thợ rèn mà trước hết không phải trải qua thời kỳ tập việc.”

“Cô muốn khuyên thế nào?” Gã hỏi. “Cô đừng quên rằng tôi cảm thấy tôi có khả năng viết. Tôi không thể giải thích được, tôi chỉ biết là tôi có cái khả năng ấy.”

“Ông phải có một nền học vấn đầy đủ đã, dù là cuối cùng ông có trở thành văn sĩ hay không; học vấn rất cần thiết cho bất cứ một sự nghiệp nào mà ông chọn. Nhất định không được vội vàng, đại khái. Thế nào ông cũng phải qua trung học.”

“Vâng,” gã bắt đầu, nhưng nàng ngắt lời, sau khi suy nghĩ thêm.

“Tất nhiên, ông vẫn có thể vừa học vừa tiếp tục viết được.”

“Tôi nhất định phải viết,” gã nói cương quyết.

“Sao?” Nàng nhìn gã khá bối rối, vì nàng không thích cái lối gã cứ khẳng khẳng giữ định kiến của mình.

“Bởi vì, nếu không viết thì cũng không thể qua trường trung học nào được. Tôi phải sống, phải mua sách và quần áo, cô biết đấy.”

“Tôi quên mất điều đó,” nàng cười. “Tại sao ông sinh ra mà lại không có một nguồn lợi tức nào?”

“Tôi thích có sức khoẻ và giàu trí tưởng tượng hơn,” gã trả lời. “Lợi tức thì xoay[36] lấy được, nhưng còn hai cái kia thì ai xoay cho...” Gã suýt nói “cho cô”[37] nhưng vội chữa “cho người ta”[38].

“Đừng nói ‘xoay’.” Nàng kêu lên bực bội một cách đáng yêu. “Đó là tiếng lóng, nghe chương quá!”

Gã đỏ mặt và lắp bắp.

“Đúng, tôi chỉ mong cô chữa luôn cho tôi như thế.”

“Tôi cũng rất vui lòng,” nàng ngập ngừng. “Ở ông có rất nhiều cái tốt, tôi muốn ông trở thành một người toàn thiện.”

Ngay lúc đó gã là tảng đất sét trong tay nàng, cũng say sưa ao ước được nàng nhào nặn, như nàng say sưa ao ước được nhào nặn gã thành hình ảnh người đàn ông lý tưởng của nàng. Nàng nói cho gã hay dịp may là thứ hai tới có những kỳ thi vào trường Trung học, gã lập tức tình nguyện sẽ dự thi.

Rồi nàng dạo đàn và hát cho gã nghe, trong khi gã nhìn nàng thèm khát, ước ao, như muốn uống lấy vẻ yêu kiều của nàng và tự nhủ có chẳng hàng trăm người theo đuổi nàng ngồi đó cũng không thể nghe và ao ước nàng như gã nghe và ao ước.

CHƯƠNG 10

Tối hôm đã gã ở lại ăn, và Ruth rất hài lòng thấy gã đã gây được một ấn tượng tốt đối với cha nàng. Họ nói chuyện về nghề đi biển, một đề tài mà Martin biết rõ như mười ngón tay của mình, và sau đó ông Morse nhận xét rằng gã có vẻ là một thanh niên có đầu óc rất sáng suốt. Để tránh dùng tiếng lóng và để tìm những từ chính xác, Martin bắt buộc phải nói chậm, điều đó khiến gã có thể tìm được những ý nghĩ hay nhất trong óc. Gã thấy thoải mái hơn cái đêm đầu đến ăn ở đây, gần một năm trước. Sự rut rè và khiêm tốn của gã cũng gây được thiện cảm đối với bà Morse. Bà rất thích thấy gã chuyển biến rõ rệt.

“Nó là người đàn ông đầu tiên được Ruth để ý đến đấy,” bà nói với chồng. “Đối với những chuyện đàn ông, sao con này nó chậm chạp quá lạ thể, khiến tôi lấy làm lo lắng.”

Ông Morse nhìn vợ dò hỏi:

“Thế mình định dùng cái anh chàng thủy thủ trẻ tuổi này để đánh thức nó hay sao?”

“Ý tôi không muốn để cho nó phải chết già là một bà cô không chồng. Nếu anh chàng Eden trẻ tuổi kia có thể thức tỉnh được sự quan tâm của nó đối với đàn ông nói chung, thì cũng tốt chứ sao!”

“Tốt lắm.” Ông Morse nói. “Nhưng giả dụ - mà đôi khi mình ạ, ta cần phải giả dụ - giả dụ nó lại thức tỉnh sự quan tâm của con Ruth một cách quá đặc biệt đến nó thì sao?”

“Không thể có chuyện như vậy được,” bà Morse cười, “nó hơn thằng kia những ba tuổi, vả lại không thể có chuyện như vậy được. Không đời nào có thể xảy ra được. Mình cứ để mặc việc này cho tôi.”

Và như thế, vai trò của Martin được sắp đặt; trong khi gã bị Arthur và Norman lôi kéo, đang tính toán làm một việc ngông cuồng. Sáng chủ nhật, họ sẽ đi chơi về mạn đồi bằng xe đạp. Martin không thích nhưng khi gã biết Ruth có đi thì gã cũng ưng đi theo. Gã không biết xe đạp mà cũng không có xe đạp, nhưng nếu Ruth đi bằng xe đạp, thì gã cũng phải bắt đầu tập, gã quyết định như vậy. Khi từ biệt, trên đường về nhà, gã dừng lại ở một cửa hiệu bán xe đạp, bỏ ra bốn mươi đôla mua một chiếc. Món tiền nhiều hơn số lương một tháng vất vả mới kiếm được, và nó làm sứt một cách kinh khủng số tiền dành dụm của gã. Nhưng khi gã cộng thêm số tiền một trăm đô la mà gã sẽ nhận được của tờ “*Người quan sát*” và ít nhất là bốn trăm hai mươi đô la của tờ “*Người bạn của Thiếu niên*” thì gã cảm thấy nỗi bối rối do sự chi tiêu vô lý kia gây ra cũng giảm đi. Gã cũng chẳng để ý gì đến chuyện đã làm hỏng cả bộ quần áo lúc tập xe đạp về nhà. Ngay đêm hôm ấy, gã dùng dây nói ở cửa hiệu Higginbotham gọi cho hiệu thợ may đặt may một bộ khác. Gã vác cái xe đạp lên cầu thang chật hẹp lủng lẳng như cái thang cứu hỏa treo vào tường đằng sau căn nhà, và khi gã đẩy chiếc giường vốn kê sát vào tường ra, gã thấy trong căn phòng chật hẹp ấy vừa đủ chỗ cho gã và chiếc xe đạp.

Gã định dùng cả ngày chủ nhật vào việc học để thi vào trường Trung học, nhưng truyện “*Mỏ ngọc trai*” đã lôi cuốn gã và suốt ngày hôm đó, gã bưng bưng trong cơn sốt sáng tạo, mô tả lại

tất cả cái đẹp và ảo tưởng lãng mạn rực cháy trong lòng. Việc số báo *“Người quan sát”* sáng hôm đó không đăng bài về cuộc phiêu lưu của những người đi tìm châu báu cũng không làm cho gã nản lòng. Gã quá say mê với công việc đến nỗi hai lần người ta gọi xuống ăn cơm, gã vẫn không nghe thấy, và bỏ cả bữa cơm trưa ngày chủ nhật mà ông Higginbotham bao giờ cũng dọn hậu hĩ hơn ngày thường. Đối với ông Higginbotham, những bữa ăn như thế này là một điều dễ chứng tỏ sự thành đạt tấn phát trong công việc làm ăn của ông – và đây là dịp để ông tuôn ra những bài thuyết lý tầm thường tán tụng cái chế độ Hoa Kỳ đã cho bất cứ một người nào cần cù cũng có dịp may để tiến phát như trường hợp ông, ông cả quyết như vậy, từ một anh thư ký khổ của một cửa hàng thực phẩm tiến tới ông chủ của *“Higginbotham thương điểm!”*

Sáng thứ hai, Martin Eden thở dài nhìn truyện *“Mò ngọc trai”* viết chưa xong. Gã đi ô tô hàng xuống Oakland đến trường Trung học. Và mấy hôm sau, khi xem kết quả kỳ thi, gã thấy mình đã hỏng tất cả các môn trừ môn ngữ pháp.

“Ngữ pháp của anh thì xuất sắc.” Giáo sư Hilton nhìn gã qua cặp kính dày cộp. “Nhưng anh không biết gì về những môn khác, và môn lịch sử Hợp chủng quốc của anh thì thật là thảm hại, không thể có một danh từ nào khác được nữa, thật là thảm hại. Tôi khuyên anh...”

Giáo sư Hilton ngừng lại, nhìn gã lãnh đạm không chút thiện cảm như là nhìn vào một trong những ống nghiệm của ông ta. Ông ta là giáo sư vật lý ở trường Trung học, chủ một gia đình đông con, lương ít ỏi, với một mớ trí thức học vẹt.

“Vâng, thưa ông.” Martin nói từ tốn nhưng không hiểu sao, lòng cứ thầm ước giá lúc này ở chỗ giáo sư Hilton kia là cái ông ngồi bàn giấy trong Thư viện.

“Tôi khuyên anh nên quay lại học tiểu học ít nhất là hai năm. Chào anh.”

Đối với sự thất bại này, Martin cũng chẳng thấy phiền lòng cho lắm, nhưng gã rất ngạc nhiên không hiểu sao Ruth lại xúc động đến thế khi gã nói cho nàng hay lời khuyên của giáo sư Hilton. Sự thất vọng của nàng rõ rệt đến nỗi gã cũng cảm thấy buồn vì đã thi trượt, nhưng chủ yếu là buồn vì nàng.

“Ông thấy tôi nói đúng không?” Nàng nói. “Ông biết nhiều hơn bất cứ một sinh viên nào lúc bước vào trường Trung học, thế nhưng ông vẫn không thể đỗ được. Đó là vì học vấn của ông hãy còn chắp vá, đại khái. Ông cần phải học có hệ thống và chỉ các thầy giáo chuyên khoa mới có thể giúp ông học như thế được. Ông phải gây dựng hoàn toàn vốn kiến thức cơ bản. Giáo sư Hilton nói đúng, và nếu tôi là ông, tôi sẽ theo học lớp buổi tối. Ở đó, trong một năm rưỡi ông có thể đuổi kịp chương trình không mất thêm sáu tháng. Hơn nữa, như thế ông sẽ dành được ban ngày để viết hay nếu ông không thể kiếm sống bằng ngòi bút của mình, thì ban ngày ông cũng còn có thể làm việc ở một chức vụ gì đó.”

Nhưng nếu ban ngày tôi bận đi làm, ban đêm tôi bận đi học thì tôi đến thăm cô vào lúc nào? – Đó là ý nghĩ đầu tiên của Martin, nhưng gã kìm được, chỉ nói:

“Tôi đi học lớp buổi tối thì coi có vẻ trẻ con quá. Nếu tôi nghĩ nó có kết quả thì tôi cũng chẳng nề hà gì. Nhưng tôi không nghĩ rằng nó sẽ có kết quả. Tôi có thể làm công việc đó nhanh hơn là theo lớp học họ dạy. Học thế chỉ mất thì giờ.” - Gã nghĩ tới nàng và sự ao ước chiếm được nàng – “Tôi không thể sắp xếp được thời gian. Quả thực tôi không có thời gian rảnh.”

“Có rất nhiều cái rất cần thiết,” nàng nhìn gã dịu dàng, và gã cảm thấy gã là một kẻ thô lỗ nếu phản đối nàng. “Lý và Hóa không có phòng thí nghiệm thì ông học sao được. Đại số và Hình

học nếu không có người chỉ dẫn thì lại càng bí lảm. Ông cần phải có những thầy giáo chuyên khoa, những nhà chuyên môn về khoa truyền thụ kiến thức.”

Gã ngồi yên lặng một phút, tìm cách diễn đạt ý nghĩ, cố tránh sao cho khỏi tỏ ra mình tự cao tự đại một cách quá đáng.

“Xin cô đừng nghĩ rằng tôi huênh hoang khoác lác. Tôi không có ý như thế một chút nào. Tôi có cảm giác, tôi là cái loại mà tôi có thể gọi là sinh viên tự nhiên, tôi có thể tự học. Tôi gắn bó với sự học một cách tự nhiên như con vịt với nước. Chính cô đã biết tôi học ngữ pháp như thế nào đấy. Và tôi đã học được nhiều về những thứ khác. Cô không thể tưởng tượng được nhiều như thế nào. Thế mà đây chỉ là tôi mới bắt đầu thôi, xin cô đợi cho đến lúc tôi có...” Gã ngáp ngừng một lát để nghĩ lại cách phát âm cho thật đúng trước khi nói “... động lực thúc đẩy[39]. Bây giờ là lần đầu tiên, tôi thấy rõ sự việc. Tôi bắt đầu lường được hoàn cảnh...”

“Xin đừng dùng chữ *lường*,” nàng ngắt lời.

“Đi vào con đường của sự việc[40],” gã vội chữa.

“Trong ngôn ngữ Anh chính xác nói thế không có nghĩa gì,” nàng không đồng ý.

Gã lại mò mẫm tìm một câu mới.

“Ý tôi định nói, tôi bắt đầu thấy rõ địa thế.”[41]

Vì thương hại nên nàng cũng không bắt bẻ nữa; gã nói tiếp:

“Tri thức đối với tôi như một căn phòng treo bản đồ đi biển[42]. Bất cứ lúc nào bước vào thư viện, tôi cũng có cảm giác ấy. Nhiệm vụ của các thầy giáo là dạy cho sinh viên nội dung của căn phòng ấy một cách có hệ thống. Thầy giáo chỉ là những người hướng dẫn căn phòng, thế thôi. Đó không phải là cái mà các ông ấy có trong chính đầu óc của mình. Các ông ấy không cấu thành, không sáng tạo nó. Tất cả đều có sẵn ở trong phòng treo bản đồ rồi, các ông ấy chỉ thạo đường đi ở trong đó thôi, công việc của các ông ấy là chỉ dẫn địa điểm cho những người lạ, nếu không họ có thể bị lạc. Nhưng tôi thì lại không phải dễ dàng gì mà bị lạc. Tôi là kẻ thạo đường, thuộc địa thế. Bao giờ tôi cũng biết rõ *địa vị của tôi*[43]. Như thế là có gì sai không?”

“Đừng nói là *địa vị của tôi*.”

“Vâng,” gã nói vẻ biết ơn. “*Tôi ở đâu*[44]. À mà tôi nói đến đâu rồi nhỉ? À, phải rồi, nói đến gian phòng có treo bản đồ. Vâng, một số con người...”[45]

“Người,”[46] nàng chữa.

“Một vài người cần phải có người có chỉ dẫn. Hầu hết mọi người đều cần như vậy. Nhưng tôi nghĩ riêng tôi, không có họ, tôi vẫn có thể đi được. Tôi đã ở mãi trong phòng treo bản đồ đó rồi, tôi đã thông thuộc đường đi lối lại, tôi biết rõ những bản đồ nào cần phải tra cứu, những bờ biển nào cần phải thám hiểm. Và do tôi đã vạch ra được kế hoạch, cho nên tự tôi, tôi có thể khám phá ra tất cả nhanh hơn. Tốc độ của cả một đoàn tàu là tốc độ của con tàu chậm nhất, cô biết đấy, và tốc độ của các thầy giáo thì cũng chịu ảnh hưởng như vậy thôi. Họ không thể đi nhanh hơn những phần tử kém cỏi trong đám học sinh của họ. Và tự tôi, tôi có thể bước nhanh hơn cái tốc độ mà họ kéo cả lớp của họ đi.”

“Người đi một mình là người đi nhanh nhất,” [47] nàng trích dẫn một câu.

Nhưng cùng đi với cô, tôi vẫn có thể đi nhanh hơn, đó là điều gã muốn bật nói ra, khi gã mừng rỡ thấy cả một thế giới vô tận chói nắng mặt trời và ngọn ánh sao, gã cùng nàng phiêu diêu, tay gã ôm lấy người nàng, mái tóc vàng nhạt của nàng phất phơ ve vuốt mặt gã. Ngay lúc đó, gã thấy sự bất lực đáng thương của ngôn từ. Trời ơi! Giá mà gã có thể dùng lời để tả lại cho nàng trông thấy những cái gã trông thấy lúc đó. Lòng gã rạo rực, như sự giãy vò của một niềm ao ước đau đớn, muốn vẽ lại tất cả những viễn tượng tự nó tới, lóe ra trên tấm gương của trí óc gã. À, thế đấy! Gã đã nắm được điều bí mật ấy. Chính là điều mà các văn sĩ vĩ đại và các nhà thơ lớn đã nắm được. Chính vì thế mà họ là những người vĩ đại. Họ biết diễn đạt tất cả những gì mà họ suy nghĩ, cảm thấy và nhìn thấy. Con chó ngủ dưới nắng thỉnh thoảng lại rít lên, sủa lên, nhưng nó không thể nào nói ra được những cái nó trông thấy đã khiến nó rít lên sủa lên như vậy. Gã thường tự hỏi không hiểu đó là cái gì. Tất cả là thế đó, và gã như một con chó ngủ dưới nắng. Gã đã trông thấy những viễn tượng cao cả, đẹp đẽ, nhưng gã chỉ có thể rít lên, sủa lên vào mặt Ruth. Nhưng gã sẽ thôi không ngủ dưới nắng nữa. Gã sẽ đứng dậy, mở to mắt ra, gã sẽ vật lộn, sẽ làm việc gian khổ, sẽ học tập cho đến khi đôi mắt gã không bị che lấp nữa, lưỡi gã không bị trói buộc nữa, gã sẽ có thể cùng nàng chia sẻ cái kho tàng phong phú của tưởng tượng. Nhiều người khác đã khám phá thấy những meo mực của ngôn từ, họ bắt từ ngữ phải trở thành những người đầy tớ biết vâng lời, và họ biết kết hợp những từ ấy lại cho có một ý nghĩa phong phú hơn là một mớ những ý riêng lẻ của chúng. Gã xúc động sâu xa khi thấy điều bí mật đó thoáng qua, và gã lại mê man mừng rỡ thấy khoảng không vô tận chói chang và ngọn ánh sao cho đến khi gã hồi tỉnh lại, quanh gã yên tĩnh quá, và Ruth đang nhìn gã, nét mặt vui vẻ, mắt ánh lên nụ cười.

“Tôi vừa mừng rỡ thấy một cảnh vĩ đại,” gã nói, và khi tai gã nghe thấy âm thanh của lời nói ấy, tim gã đập rộn lên.

Những lời nói ấy ở đâu ra thế? Nó đã diễn tả được rất đúng viễn tượng đã khiến gã ngừng lại trong khi đang nói chuyện với nàng. Thật là một chuyện thần kỳ! Chưa bao giờ gã có thể diễn đạt được những tư tưởng cao cả của mình một cách cao cả như vậy. Mà cũng chưa có bao giờ gã thử đem những tư tưởng cao cả ấy diễn đạt thành lời. Thế đấy. Điều đó đã rõ ràng. Gã chưa bao giờ thử. Swinburne đã thử, Tennyson, Kipling và tất cả những nhà thơ khác đã thử. Trí óc gã lại vụt nghĩ tới truyện “*Mỏ ngọc trai*.” Gã chưa bao giờ dám viết lên những điều vĩ đại, tinh thần của cái đẹp như ngọn lửa trong lòng gã. Khi được viết với ngọn lửa ấy, nhất định truyện này sẽ khác. Gã kinh hoàng trước sự mê mông của cái đẹp phải lột tả được trong truyện này, và trí óc gã lại lóe lên, lại dám, gã tự hỏi tại sao gã lại không thể ca ngợi cái đẹp đó trong những vần thơ cao quý như những nhà thơ lớn đã làm. Lại còn tất cả niềm vui thầm kín, sự kỳ diệu thiêng liêng của tình yêu đối với Ruth. Tại sao gã cũng không thể ca ngợi nó, như những nhà thơ khác. Họ ca ngợi tình yêu. Gã cũng sẽ ca ngợi tình yêu chứ sao.

“Mẹ kiếp!”

Gã sợ hãi nghe thấy tiếng kêu của mình vang lên trong đôi tai. Mê mẩn, gã đã nói to. Máu dồn lên mặt từng đợt, từng đợt làm mờ cả nước da nâu sẫm, thẹn ửng đỏ suốt từ cổ đến chân tai.

“Tôi... tôi xin lỗi cô,” gã đáp ứng, “tôi đang mải suy nghĩ.”

“Nghe như ông cầu nguyện,” nàng ráng lấy can đảm nói, nhưng lòng héo hắt run sợ. Lần đầu tiên trong đời nàng nghe thấy một câu rửa thốt ra từ miệng một người đàn ông mà nàng quen biết. Nàng thấy khó chịu, không những chỉ vì nó chạm đến vấn đề nguyên tắc về giáo dục, mà trong tinh thần, nàng còn khó chịu vì cái ngọn gió thô bạo ấy của cuộc đời, đã thổi vào khu vườn trinh nữ kín đáo của nàng.

Nhưng nàng tha thứ, và ngạc nhiên thấy mình có thể tha thứ dễ dàng như vậy. Dù sao tha thứ cho gã bất cứ một điều gì cũng không phải là khó khăn. Gã không được may mắn như những người khác. Gã đã cố gắng nhiều và cũng đã thành công. Nàng không hề nghĩ có thể còn có lý do nào khác khiến nàng đối xử với gã một cách trù ối, mà nàng không biết. Nàng không có cách nào mà biết được. Cuộc đời phẳng lặng hai mươi bốn năm trời chưa một lần yêu khiến nàng không nhận thức nhạy bén về tình cảm của chính mình; và vì nàng chưa bao giờ được một tình yêu thực sưởi ấm nên nàng không thể nhận thấy lúc này nàng được sưởi ấm.

CHƯƠNG 11

Martin quay lại với truyện “Mò ngọc trai,” đáng lẽ gã đã viết xong sớm nếu gã không luôn luôn ngừng lại để thử làm thơ. Thơ gã là thơ tình, nguồn thi hứng do Ruth tạo nên, nhưng bài nào gã cũng bỏ dở. Không phải trong một ngày mà gã có thể học được cách ca ngợi trong những vần thơ cao quý. Âm vận, niêm luật, cấu trúc, tự chúng đối với gã cũng đã khá phức tạp rồi, nhưng hơn thế nữa và vượt lên trên tất cả, là một cái gì không đụng chạm tới được luôn thoát ra ngoài mà gã thấy ở tất cả những áng thơ lớn, nhưng gã không sao có thể nắm được và biểu hiện trong thơ mình. Chính cái tinh thần khó nắm được của thi ca là cái mà gã cảm thấy và đang tìm tòi nhưng không sao có thể nắm được. Đối với gã hình như nó là ánh hào quang, luồng hơi ấm trôi đi luôn luôn vượt khỏi tầm với, dù đôi khi, được đền bù, gã đã nắm được một vài mảnh của nó, kết chúng lại thành những vần thơ vang lên trong trí óc với những âm thanh vương vấn hay nổi trôi qua những viễn tượng trong màn sương mờ ảo của cái đẹp không nhìn thấy. Nó giày vò tâm trí gã. Gã đau đớn với niềm ao ước diễn đạt nó, nhưng gã chỉ có thể nói lảm nhảm một cách tầm thường như mọi người khác. Gã đọc to những đoạn thơ của gã, niêm luật rất đúng, vần gieo không sai, nhịp điệu thanh thoát, nhưng vẫn thiếu ánh hào quang, ngọn lửa nhiệt tình mà gã cảm thấy có ở trong mình. Gã không thể hiểu nổi, và nhiều khi, thất bại, buồn rầu, thất vọng, gã lại quay về với truyện “Mò ngọc trai.” Chắc chắn văn xuôi là phương tiện diễn đạt dễ dàng hơn.

Tiếp theo “Mò ngọc trai” gã viết một bài về nghề đi biển, một bài khác về bắt rùa và một bài thứ ba về những trận gió mậu dịch đông-bắc. Rồi, để thí nghiệm, gã thử viết truyện ngắn, nhưng chưa kịp ổn định gã đã viết một mạch xong sáu truyện gửi cho những tạp chí khác nhau. Gã viết rất nhiều, viết say sưa từ sáng đến tối, đến tận đêm khuya và chỉ ngừng lại những khi gã ra phòng đọc, mượn sách ở Thư viện, hoặc đến thăm Ruth. Gã sung sướng một cách sâu xa. Cuộc sống đang dâng cao. Gã như ở trong một cơn sốt không bao giờ dứt. Niềm vui sáng tạo mà người ta cho là của thần thánh thì bây giờ đã là của gã. Tất cả cuộc sống chung quanh gã – mùi rau ôi, mùi nước xà phòng, cái hình thù lồi thối lốc thốc của bà chị, bộ mặt xỏ lá của lão Higginbotham – là một giấc mộng. Cái thế giới thực ở trong trí óc gã, và những truyện mà gã viết là những mảnh của cái thế giới thực đó thoát ra từ trí óc gã.

Ngày quá ngắn, mà gã thì cần học nhiều thứ quá. Gã rút thời gian ngủ xuống còn năm tiếng và gã thấy như thế cũng có thể chịu được. Gã thử rút xuống bốn tiếng rưỡi, nhưng gã rất tiếc lại phải quay lại năm tiếng. Gã có thể vui vẻ đem tất cả thời gian thức tỉnh để làm những việc gã đang theo đuổi. Gã rất tiếc phải ngừng viết để học, phải ngừng học để ra thư viện, phải dứt mình ra khỏi căn phòng treo tấm hải đồ của tri thức, ra khỏi những tạp chí trong phòng đọc chứa đầy những bí mật của các văn sĩ đã thành công trong việc bán tác phẩm của mình. Những sợi dây của trái tim gã dường như đứt tung ra mỗi khi gã ngồi với Ruth mà phải đứng dậy ra về. Gã nóng nảy vội vã đi qua những khu phố tầm tối để về nhà đọc sách sớm chừng nào hay chừng nấy. Khổ tâm nhất cho gã là phải gấp quyển sách đại số và vật lý vào, để sổ tay và bút chì sang một bên, nhắm đôi mắt mệt mỏi ngủ thiếp đi. Gã căm ghét khi nghĩ tới phải ngừng sống, dù chỉ phải ngừng trong một thời gian rất ngắn, và niềm an ủi độc nhất của gã là tiếng chuông báo thức sẽ vang lên gọi gã dậy năm giờ sau. Dù sao gã cũng chỉ mất có năm tiếng, rồi tiếng chuông lại rung lên giật gã ra khỏi tình trạng vô tri vô giác, và trước mặt gã lại là một ngày mới huy hoàng với mười chín tiếng đồng hồ.

Trong suốt thời gian đó tuần tiếp tuần trôi qua, tiền cạn dần, và không có món nào đến với gã. Thiên truyện phiêu lưu *“Viết cho thiếu niên”*, một tháng sau khi gửi đi, đã bị tờ *“Người bạn của thiếu niên”* gửi trả lại. Thư trả lời từ chối viết khéo quá đến nỗi gã còn thấy có cảm tình với ông chủ bút. Nhưng gã không có cảm tình đối với ông chủ bút của tờ *“Người quan sát San Francisco.”* Sau khi đợi suốt hai tuần, Martin đã viết thư cho ông ta. Một tuần sau gã lại viết một bức nữa, đến cuối tháng thì gã sang bên San Francisco và thân đến tòa soạn gặp ông ta. Gã không được gặp con người quý hóa ấy, vì thằng bé gác cổng nhai ranh tóc đỏ, như chó Cerberus[48] không cho gã vào. Vào cuối tuần thứ năm, gã nhận được, qua bưu điện tập bản thảo, không có bình luận gì cả. Không có thư từ chối, không có giải thích, không có gì hết. Những bản thảo khác gửi cho các tờ báo lớn ở San Francisco cũng cùng chịu chung một số phận. Khi họ gửi trả, thì gã lại gửi cho các tạp chí khác ở miền Đông. Lần này chúng bị trả về sớm hơn, bản nào cũng có kèm theo một bức thư từ chối in cẩn thận.

Những truyện ngắn cũng bị gửi trả về theo cái lối như thế. Gã đọc đi đọc lại, thấy rất thích chúng, đến nỗi không thể hiểu được nguyên nhân tại sao chúng bị ném trả lại như vậy, cho đến một hôm gã đọc thấy trong một tờ báo mới vỡ lẽ ra rằng tất cả bản thảo đều phải đánh máy. À ra thế. Tất nhiên là các ông chủ bút đều rất bận không có thì giờ và hơi đâu mà đọc các bản thảo viết tay. Martin thuê một cái máy chữ, và mất cả một ngày để nắm thạo cách đánh máy. Hàng ngày gã đánh máy tất cả những gì sáng tác được, và gã đánh gấp tất cả những bản thảo trước đây, ngay sau khi chúng bị gửi trả lại. Gã rất ngạc nhiên khi thấy những bản đánh máy cũng bắt đầu quay về. Quai hàm gã hình như bạnh ra hơn, cằm gã nhô ra có vẻ thách thức hơn, và gã lại gửi những bản thảo cho các ông chủ bút khác.

Gã có ý nghĩ rằng gã đã là một nhà phê bình không vô tư đối với tác phẩm của gã chẳng. Gã thử nhờ chị Gertrude. Gã đọc to những truyện của gã cho chị nghe. Mắt chị long lanh, chị nhìn gã kiêu hãnh, nói:

“Em viết được những truyện đó, thật hay quá!”

“Vâng, vâng!” Gã sốt ruột hỏi. “Nhưng truyện này chị thấy nó thế nào?”

“Hay lắm! hay lắm, và lại thương tâm nữa, chị cảm động lắm.”

Gã thấy rõ đầu óc chị không được minh mẫn. Sự bối rối lộ rõ trên nét mặt hiền hậu của chị. Và vì thế gã cứ chờ.

“Nhưng mà, Mart này?” Chị nói sau một lúc lâu. “Câu chuyện kết thúc ra sao nhỉ? Cái anh chàng trẻ tuổi ăn nói văn hoa ấy về sau có lấy được cô ta không?”

Sau khi gã giải thích rõ đoạn kết của câu chuyện mà gã cho là để như thế mới thật nghệ thuật, chị nói.

“Đó là điều chị muốn biết. Nhưng tại sao em không viết thẳng ngay vào truyện như thế.”

Sau khi đọc cho chị nghe thấy một số truyện, một điều gã thấy rõ là chị chỉ thích những truyện có hậu.

“Câu chuyện hay lắm!” Đang ngồi giặt chị đứng dậy với dáng điệu mệt mỏi, đưa bàn tay đỏ ửng đang bốc hơi lên lau mồ hôi trán. “Nhưng nó làm cho chị buồn quá. Chị muốn khóc. Nói cho đúng ra, đời nhiều chuyện buồn quá. Nghĩ đến những chuyện sung sướng cũng làm cho chị sung sướng. Giá mà anh ấy lấy được cô ta. Chị nói thế, được chứ, Mart?” Chị rụt rè hỏi. “Chị chợt cảm thấy như thế, có lẽ bởi vì chị mệt mỏi quá. Nhưng nói thế thôi, truyện của em hay

lắm, hay thật. Em định đem bán nó ở đâu?”

“Đó là chuyện khác,” gã cười.

“Nhưng nếu bán được, thì em liệu được độ bao nhiêu?”

“Ồ, một trăm đô la, ít nhất cũng được thể theo như giá thông thường.”

“Trời! Chị chỉ mong em bán được.”

“Kiếm tiền thế cũng dễ đấy chứ nhỉ!” Rồi gã đặc ý nói thêm. “Em viết xong trong hai ngày đấy, nghĩa là năm mươi đô là một ngày.”

Gã muốn đọc những truyện của gã cho Ruth nghe, nhưng gã không dám. Gã sẽ chờ một vài truyện được đăng báo đã, gã quyết định như vậy, lúc ấy nàng sẽ hiểu vì cái gì mà gã đã làm việc. Trong khi đó gã vẫn tiếp tục làm việc gian khổ. Chưa bao giờ tinh thần phiêu lưu lại quyến rũ gã mạnh mẽ hơn là sự khám phá thám hiểm kỳ diệu cái thế giới của trí óc này. Gã mua những sách về vật lý và hóa học, và cùng với những bài học về đại số, gã làm những bài toán tập và những bài chứng minh. Gã chỉ căn cứ vào lòng tin để lãnh hội những thí nghiệm khoa học: với trí tưởng tượng mạnh mẽ, gã có thể hiểu được những phản ứng hóa học rõ ràng hơn một sinh viên thường nhìn thấy trong phòng thí nghiệm. Martin cứ mò mẫm qua những trang sách nặng nề, choán ngợp với những mẩu chốt dễ thấu hiểu bản chất của sự vật. Trước kia gã vẫn quan niệm thế giới là thế giới, nhưng bây giờ gã đã hiểu được cấu tạo của nó, tác dụng và phản tác dụng của lực và vật chất. Những lời giải thích tự phát đối với những vấn đề cũ trước đây luôn luôn nảy ra trong trí óc gã. Những định luật về đôn bẫy, về ròng rọc làm cho gã say mê, và óc gã lại miên man quay về với những cần trục, những ròng rọc, những pa lăng^[49] trên tàu biển. Lý thuyết về hàng hải khiến cho con tàu có thể đi không lạc trên biển cả không có đường đi, đối với gã bây giờ đã được giải thích rõ ràng. Những bí mật của bão, mưa, thủy triều đã được phát lộ ra, lý do tại sao có những luồng gió mậu dịch^[50] làm cho gã ngạc nhiên tự hỏi không biết mình viết bài về gió mậu dịch Đông Bắc có quá sớm không. Dù sao gã cũng thấy rằng bây giờ gã có thể viết nó chắc hay hơn nhiều. Một buổi chiều, gã cùng với Arthur đến trường đại học California, gã nín thở và với một niềm kính sợ có tính chất tôn giáo, gã đi qua các phòng thí nghiệm, nhìn những cuộc thí nghiệm chứng minh và nghe một giáo sư vật lý lên lớp cho các sinh viên.

Nhưng gã vẫn không sao nhãng việc viết. Suối truyện ngắn tuôn ra dưới đầu ngọn bút gã, và gã còn để thì giờ làm những bài thơ đơn giản – loại thơ mà gã thấy được in trên các tạp chí. Gã còn luẩn quẩn mất hai tuần lễ để hoàn thành một vở bi kịch bằng thơ không vần, nhưng bản thảo đã gửi đến năm bảy tờ tạp chí đều bị gửi trả lại ngay khiến gã choáng váng cả người. Rồi gã phát hiện được Henley, và gã viết ngay một loạt những bài thơ về biển dựa theo tập *“Những cảnh trong bệnh viện”*^[51]. Đó là những bài thơ đơn giản của ánh sáng và màu sắc, của ảo mộng và phiêu lưu. *“Những bài ca về biển,”* gã đặt cho chúng một cái tên như vậy và coi đó là tác phẩm hay nhất từ trước đến giờ của gã. Tất cả có ba mươi bài, hoàn thành trong một tháng, mỗi ngày làm một bài sau khi đã viết xong phần về tiểu thuyết trong kế hoạch thường ngày: công việc một ngày của gã bằng công việc cả tuần của một nhà văn thành công bình thường. Lao khổ đối với gã không có nghĩa lý gì. Đó không phải là lao khổ. Gã chỉ cần tìm lời, và tất cả cái đẹp cái kỳ lạ chứa chất hàng bao năm nay sau đôi môi không nói được nên lời, bây giờ tuôn ra thành một dòng thác mạnh mẽ, hung dữ.

Gã không cho ai xem tập *“Những bài ca về biển,”* ngay cả các ông chủ bút. Gã bắt đầu nghi ngờ cả những ông này. Nhưng không phải do nghi ngờ mà gã không gửi tập thơ ấy. Đối với gã nó đẹp quá, gã chỉ có thể để dành cho Ruth trong một thời gian xa xôi, huy hoàng nào đó khi mà

gã dám đọc cho nàng nghe những cái gã đã viết. Trong khi đó thì gã vẫn giữ nó riêng cho mình, đọc to lên, đọc đi đọc lại cho đến khi thuộc lòng.

Gã sống từng giây từng phút trong những lúc thức, và gã sống cả trong giấc ngủ, tiềm thức của gã hoạt động mạnh suốt trong năm giờ ngưng trệ ấy, kết hợp những ý nghĩ và sự việc xảy ra trong ngày thành những giấc mơ kỳ quái, không thể có được. Thực ra, gã không nghỉ ngơi, và nếu là một cơ thể yếu đuối hơn, một tinh thần kém kiên định hơn thì nhất định đã gục hoàn toàn rồi. Những buổi chiều gặp gỡ Ruth dần thưa hơn, vì tháng sáu đã sắp tới, và nàng sắp thi tốt nghiệp đại học. Cử nhân văn chương! Khi gã nghĩ đến học vị của nàng, thì hình như nàng bay bổng quá nhanh, gã không sao theo kịp.

Mỗi tuần một buổi chiều gã được nàng cho phép đến thăm; đôi khi đến muộn, gã thường ở lại ăn cơm và sau đó, nghe nhạc. Đó là những ngày hội của gã. Không khí trong gia đình nàng, trái ngược hẳn với cảnh đời gã sống, và mỗi lần ở bên nàng trở về gã càng thấy mình cần nắm chặt hơn cái ý định phải đạt tới những đỉnh cao. Mặc dù gã yêu cái đẹp, mặc dù gã mang nặng niềm ao ước đau đớn của sáng tạo, nhưng thực ra chính vì nàng mà gã đã phấn đấu. Trước hết và bao giờ gã cũng vẫn là người yêu đương. Mọi thứ khác gã đều cho phụ thuộc vào tình yêu. Cuộc phiêu lưu trong tình yêu lớn hơn mọi cuộc phiêu lưu khác trong thế giới tư tưởng của gã. Thế giới, bản thân nó không kỳ ảo vì những phân tử và nguyên tử đã cấu thành ra nó, theo sự thúc đẩy của một động lực không cưỡng lại được, mà nó kỳ ảo chính vì có Ruth sống trong đó. Nàng là một vật kỳ ảo nhất mà gã chưa từng biết, chưa từng mơ, chưa từng nghĩ tới.

Nhưng sự xa cách của nàng luôn luôn đè nặng lên gã. Nàng xa gã quá, gã không biết làm thế nào tới gần được. Đối với những cô gái và những người đàn bà cùng giai cấp, bao giờ gã cũng thành công; nhưng chưa bao giờ gã yêu một người nào trong bọn họ cả, trong khi gã yêu nàng; và chẳng, không phải nàng chỉ thuộc về một giai cấp khác. Chính tình yêu của gã đã nâng nàng lên trên mọi giai cấp. Nàng là một con người cách biệt, cách biệt quá đến nỗi gã không biết làm thế nào để tới gần nàng như một người yêu phải tới gần. Nói cho đúng gã cũng đã gần nàng hơn khi đã thấu nhận được tri thức và ngôn ngữ, nói theo lối nói của nàng, khám phá ra những ý nghĩ, những thích thú chung, nhưng cái đó vẫn không thỏa mãn lòng ao ước của con người đáng yêu trong gã, đã thần thánh hóa nàng, thần thánh hóa quá đáng, tinh thần hóa quá đáng đến nỗi không thấy có một chút liên hệ nào giữa nàng với gã về xác thịt. Chính tình yêu của gã đã đẩy nàng xa gã và làm cho nàng hình như là người mà gã không sao với tới được. Chính tình yêu đã khước từ không cho gã vật duy nhất mà nó ao ước.

Và rồi, một hôm, không báo trước, cái vực sâu giữa hai người được bắc cầu qua trong phút chốc và sau đó, tuy vực sâu vẫn còn nhưng hình như nó đã mãi mãi thu hẹp hơn rồi. Họ cùng ngồi ăn dâu – những quả dâu to mọng, đen, nước thấm như màu rượu vang. Và sau đó khi nàng đọc to bài thơ “Nàng Công chúa” cho gã nghe, gã chợt thấy vết nhựa dâu còn dính trên môi nàng. Trong lúc đó tất cả cái thần thánh của nàng tan vỡ ra từng mảnh. Nàng là đất sét, xét cho cùng nàng cũng chỉ là đất sét, phải chịu quy luật chung của đất sét cũng như thứ đất sét của gã, hay thứ đất sét của bất cứ người nào. Đôi môi nàng cũng là thịt như đôi môi gã. Dâu in vệt lên môi nàng cũng như nó đã in vệt lên môi gã. Và nếu môi nàng thế thì tất cả người nàng cũng thế. Nàng là một người đàn bà, chỉ là đàn bà đúng như bất cứ một người đàn bà nào khác. Ý nghĩ đó đến với gã đột ngột. Đó là một sự phát lộ làm gã choáng váng, dường như gã trông thấy tất cả sự trong trắng được tôn thờ bị ố bẩn.

Rồi gã nhận thấy hết ý nghĩa của cái đó, tim gã bắt đầu dần đập rộn, thách thức gã phải thủ trọn vai người tình với người đàn bà này, cái người đàn bà không phải là một tinh thần từ những thế giới khác mà chỉ là một người đàn bà mà nước dâu có thể in vệt trên môi. Gã run sợ vì cái ý nghĩ quá táo bạo của mình, nhưng tâm hồn gã reo vang, lý trí gã cũng reo vang trong một bài ca đắc thắng làm cho gã yên tâm rằng ý nghĩ của gã là đúng. Sự thay đổi ấy ở gã, có lẽ nàng cũng nhận thấy đôi phần, vì nàng ngừng đọc, ngược nhìn gã và mỉm cười. Mắt gã rời khỏi

đôi mắt xanh của nàng và nhìn vào đôi môi, vệt nước dâu làm gã phát điên lên. Tay gã chỉ muốn vung ra ghì chặt lấy nàng theo lối phóng đảng của cuộc đời xưa cũ. Nàng hình như ngả người về phía gã, đợi chờ, gã phải đem tất cả lý trí ra để kìm mình lại.

“Ông chả nghe tôi đọc một chút nào cả,” nàng bĩu môi.

Rồi nàng cười, thú vị vì sự bối rối của gã, và khi gã nhìn vào đôi mắt thành thực của nàng biết rằng nàng không đoán được một chút nào những ý nghĩ của mình, gã thấy xấu hổ. Trong tư tưởng thực, gã đã quá táo bạo. Tất cả những người đàn bà gã đã quen biết, không có ai là không đoán được, trừ nàng. Và nàng cũng không đoán. Đó là sự khác nhau đấy. Nàng thực là khác. Gã ghê tởm cho sự thô bạo của mình, kinh hoàng trước sự ngây thơ trong trắng của nàng, gã lại nhìn nàng qua vực thẳm. Chiếc cầu bắc ngang đã gãy rồi.

Nhưng dù sao thì sự việc đó cũng đưa gã lại gần nàng hơn. Ấn tượng cứ dai dẳng mãi, và trong những lúc buồn nản nhất, gã lại nghĩ tới nó một cách say sưa. Vực thẳm không bao giờ lại rộng như trước nữa. Gã đã vượt được một khoảng cách rộng lớn mệnh mông hơn cái bằng cử nhân văn chương hay hàng chục cái bằng cử nhân. Nàng trong trắng, điều đó là thực, gã chưa bao giờ mơ được một sự trong trắng như thế, nhưng nước dâu đã in vệt lên môi nàng. Nàng cũng phải chịu tất cả những qui luật của vũ trụ thiên nhiên không tránh được như gã. Nàng cũng phải ăn để sống, và khi chân bị ướt thì cũng cảm lạnh như thường. Nhưng đó không phải là điều chính. Nếu nàng có thể cảm thấy đói, thấy khát, thấy nóng, thấy lạnh, thì nàng cũng có thể cảm thấy yêu đương – và yêu một người đàn ông. Phải, gã là một người đàn ông. Tại sao gã lại không có thể là người đàn ông ấy?

“Việc của ta là phải thành công.” Gã mê man lẩm bẩm. “Ta sẽ là người đàn ông ấy. Ta sẽ làm cho ta trở thành người đàn ông ấy. Ta phải thành công!”

CHƯƠNG 12

Một buổi chiều, vào lúc chang vạng, Martin đang ngồi vật lộn với một bài “xonê” [52], cố gắng nhưng không sao diễn tả hết được cái đẹp và tư tưởng đang lướt qua trí óc gã trong ánh hào quang và màn sương mờ thì có tiếng gọi gã ra nghe điện thoại:

“Có tiếng một tiểu thư gọi, tiếng một tiểu thư mỹ miều đấy.” Lão Higghinbotham lớn tiếng gọi, giọng giễu cợt.

Martin đến chỗ máy điện thoại ở góc phòng. Gã thấy người nóng ran lên khi nghe giọng nói của Ruth. Trong lúc phải vật lộn với bài thơ, gã đã quên mất nàng, và bây giờ nghe tiếng nói của nàng, tình yêu của gã đối với nàng như giáng cho gã một đòn bất ngờ. Một tiếng nói như thế – êm ái, dịu dàng, nghe như tiếng nhạc nhẹ nhàng vang lên từ nơi xa xăm, hay đúng hơn, như tiếng chuông bạc, một giọng nói hoàn toàn trong như pha lê. Không một người đàn bà nào có tiếng nói như thế. Có một cái gì thần tiên trong đó vọng đến từ những thế giới khác. Gã hầu như không nghe thấy Ruth nói gì, gã sung sướng quá; tuy gã cố giấu nỗi xúc động, không để lộ ra nét mặt, vì gã biết đôi mắt mèo ranh mãnh của Higghinbotham vẫn chăm chăm nhìn gã.

Ruth cũng không nói gì nhiều – chỉ nói là Norman định đưa nàng đi nghe nói chuyện đêm nay, nhưng anh ta bị nhức đầu, nàng rất thất vọng, nàng đã có vé rồi, nếu gã không bận việc gì khác, thì có thể vui lòng đưa nàng đi được không?

Đi được không? Gã cố nén sự sôi nổi trong giọng nói. Thật là một điều hết sức ngạc nhiên. Gã đã thường gặp nàng ở nhà riêng của nàng. Gã không bao giờ dám mời nàng đi đâu cùng gã. Thật là vô lý, khi hãy còn đứng ở máy điện thoại, nói chuyện với nàng, gã cảm thấy một niềm ao ước mãnh liệt là được chết cho nàng, và những hình ảnh hy sinh anh hùng thành hình và tan biến đi trong đầu óc đang quay cuồng của gã. Gã yêu nàng quá, say mê quá, vô vọng quá. Trong giây phút sung sướng đến điên cuồng ấy, thế mà nàng sẽ cùng đi với gã, cùng đi nghe nói chuyện với gã – với gã, Martin Eden – nàng bay bổng cao vợi vượt xa gã quá đến nỗi hình như gã không còn có thể làm gì khác, chỉ có chết cho nàng. Đó là con đường duy nhất thích hợp để gã có thể giải bày những xúc động mãnh liệt và cao quý của gã đối với nàng. Đó là sự quên mình cao cả của tình yêu chân chính vẫn đến với tất cả những người yêu, và giờ đây nó đến với gã, ở đây, chỗ máy điện thoại này, trong một cơn lốc của lửa và hào quang; và chết cho nàng, gã cảm thấy là được sống và được yêu đầy đủ. Gã chỉ mới hai mươi một tuổi đời; trước đây gã chưa hề yêu.

Tay gã run lên khi bỏ ống nói xuống. Người gã bủn rủn không còn khí lực vì đã quá xúc động. Mắt gã ánh lên như mắt thiên thần. Mặt gã biến dạng được gột sạch tất cả những dơ bẩn của trần tục, trong trắng và linh thiêng.

“Lại hẹn hò mang nhau đi chơi hử?” Lão anh rề cười đều. “Cậu đã biết cái trò ấy là thế nào đấy. Rồi lại vào “bóp” sớm.”

Nhưng Martin không thể từ đỉnh cao sa ngay xuống được. Ngay cả câu nói bóng nói gió thô tục ấy cũng không thể mang gã về mặt đất được. Gã ở trên mọi giận dữ và tự ái. Gã nhìn thấy

mọi viễn tượng vĩ đại và gã như một thiên thần, gã chỉ có thể cảm thấy thương một cách sâu xa, thương vô hạn cái kẻ tiểu nhân ti tiện kia. Gã không nhìn hẳn ta, tuy mắt gã có lướt qua, nhưng gã vẫn không trông thấy hẳn. Như trong một giấc mơ, gã bước ra khỏi phòng về mặc quần áo. Mãi đến khi về tới buồng mình, thắt xong chiếc “cà vạt,” gã mới thấy có một âm thanh đeo đẳng một cách khó chịu trong tai gã. Thăm tra lại, gã thấy đúng là tiếng khịt khịt cuối cùng của lão Bernard Higgishbotham mà lúc này vì làm sao đó chưa lọt vào được óc gã.

Khi cánh cửa nhà Ruth khép lại đằng sau, cùng nàng bước xuống cầu thang, gã mới cảm thấy vô cùng bối rối. Đưa nàng đi nghe nói chuyện chưa hẳn là một niềm hạnh phúc hoàn toàn không vết bợn. Gã không biết phải làm những gì đây. Gã đã trông thấy trên đường phố, những người cùng giai cấp với nàng đi chơi, đàn bà khoác tay đàn ông. Nhưng cũng có khi gã thấy họ không làm thế; gã tự hỏi không biết có phải chỉ buổi tối hay là chỉ có vợ chồng, họ hàng mới khoác tay nhau.

Ngay lúc sắp bước lên vỉa hè, gã nhớ tới Minnie. Minnie vốn là người thích cái lối lịch sự. Hôm đi chơi phố với gã lần thứ hai, cô ta đã phê bình gã vì gã đã đi ở phía trong và cô giải thích phép xã giao cho gã nghe là một người đàn ông lịch sự khi đi với một phụ nữ bao giờ cũng phải đi ở phía ngoài. Và Minnie thường cứ đá vào gót gã bất cứ lúc nào hai người từ bờ hè bên này bước sang bên kia đường để nhắc gã phải đi ra phía ngoài. Gã không hiểu cô ta đã học được cái phép xã giao ở đâu, có phải là của xã hội thượng lưu hay không, và không biết thế có đúng không.

Khi bước lên vỉa hè gã quyết định thôi, cứ thử làm như thế xem cũng chẳng hại gì. Gã đảo người lui lại sau Ruth và đi ra phía ngoài. Lại một vấn đề khác nảy ra. Không biết gã có nên đưa tay cho nàng khoác không! Suốt đời, gã chưa bao giờ đưa tay cho ai khoác cả. Những người con gái đã biết trước đây không hề khoác tay bạn trai. Thoạt đầu, họ cứ đi bên nhau tự do thoải mái, rồi thì ôm lưng nhau, đến chỗ tối thì người con gái gác đầu vào vai người con trai. Nhưng đây lại khác, nàng không phải là loại con gái ấy. Gã phải làm gì đây.

Gã khuỳnh tay sát ngay cạnh nàng – khuỳnh rất nhẹ nhàng, thềm ướm thử chứ không dám mời mọc, làm ra vẻ vô tình, dường như gã vẫn quen đi như thế. Thế rồi cái việc kỳ diệu ấy đã xảy ra. Gã cảm thấy bàn tay nàng đặt lên cánh tay gã. Khấp cơ thể gã run lên khoái cảm khi nàng chạm tới, và trong ít giây phút dịu dàng ấy, gã thấy mình như rời bỏ mặt đất vững chắc này, bay bổng cùng nàng qua không gian. Nhưng gã lại trở ngay về mặt đất, bối rối vì một vấn đề phức tạp mới. Hai người sang bên kia đường. Như thế thì gã sẽ đi vào phía trong mất. Gã phải đi phía ngoài cơ mà. Gã có nên bỏ tay nàng ra và đổi phía không? Nếu gã làm thế thì rồi lần sau sang bên kia đường lại phải làm lại à? Rồi lần sau nữa? Gã thấy có một cái gì không ổn và gã quyết định thôi không chạy quanh làm trò ngớ ngẩn nữa. Tuy nhiên, gã vẫn không thỏa mãn với quyết định đó, khi đi vào phía trong, gã nói thật nhanh, thật sôi nổi cố ý làm ra vẻ như say sưa, như thế nếu có nhầm không đổi phía thì cũng chỉ do gã đang mải mê trong câu chuyện chứ không phải vì vô ý thức.

Khi đi qua Broadway, gã lại gặp một vấn đề mới. Dưới ánh đèn điện sáng rực, gã trông thấy Lizzie Connolly và cô bạn hay cười của cô ta. Gã chỉ do dự một lúc, rồi đưa tay lên ngả mũ ra. Gã không thể phản bội người cùng tầng lớp với mình. Chính vì một cái gì hơn Lizzie Connolly mà gã đã ngả mũ chào. Cô ta gật đầu, và táo tợn nhìn gã, không phải bằng đôi mắt dịu dàng hiền hậu như đôi mắt của Ruth, mà là đôi mắt đẹp sắc sảo lướt nhìn gã rồi nhìn sang Ruth, để đánh giá nhan sắc, quần áo của nàng và để xem nàng thuộc tầng lớp nào. Và gã nhận thấy Ruth cũng đưa đôi mắt nhanh nhen liếc nhìn, đôi mắt e lệ dịu hiền như mắt bồ câu, và chỉ nhìn thoáng, Ruth cũng đã trông thấy người con gái kia trong bộ quần áo rẻ tiền với cái mũ kỳ lạ mà tất cả những người con gái thuộc giai cấp công nhân thường đội.

“Cô ấy đẹp quá!” Một lát sau, Ruth nói.

Martin cũng muốn ca ngợi Lizzie Connolly nhưng gã chỉ nói:

“Tôi cũng không biết nữa. Tôi cho là tùy sở thích từng người. Tôi thấy cô ta cũng không có gì đặc biệt là đẹp cả.”

“Sao, hàng vạn người cũng chẳng có lấy một người có những đường nét đều đặn như của cô ấy. Thật là tuyệt mỹ. Nét mặt cô ấy đều như một bức tượng ngọc thạch. Đôi mắt thật đẹp!”

“Cô nghĩ vậy ư?” Martin lơ đãng hỏi. Vì đối với gã trên đời này chỉ có một người đẹp duy nhất, mà người đó đang ở cạnh gã đây, bàn tay đặt lên cánh tay gã.

“Chứ sao? Nếu cô ấy có hoàn cảnh may mắn được ăn mặc, và được học hành đi đứng, thì tôi dám chắc ông phải choáng người lên vì cô ấy, và tất cả những đàn ông khác cũng vậy.”

“Cô ấy còn phải học tập cả cách ăn nói nữa,” gã nói, “nếu không thì hầu hết những người đàn ông sẽ chẳng ai hiểu nổi cô ta. Nếu cô ta cứ nói tự nhiên như thường thì tôi dám chắc cô không thể hiểu được lấy một phần tư ý của cô ta nói đâu.”

“Vô lý! Tôi thấy ông cũng cố chấp chẳng khác gì anh Arthur khi anh ấy cố bênh vực lý lẽ của mình.”

“Cô đã quên tôi nói như thế nào lần đầu cô gặp tôi? Từ đó đến nay tôi đã học được cách ăn nói mới. Trước kia, tôi nói như cô gái ấy. Bây giờ tôi đã có thể nói theo ngôn ngữ của cô, có thể diễn đạt được tư tưởng của mình làm cho cô hiểu được đầy đủ, có thể cắt nghĩa cho cô rõ những chỗ cô không hiểu trong ngôn ngữ của cô gái nọ, và cô có biết tại sao dáng đi của cô ấy lại như thế không? Bây giờ tôi mới nghĩ đến những điều đó, tuy rằng trước đây tôi thường không bao giờ nghĩ tới, và tôi bắt đầu hiểu... nhiều.”

“Tại sao dáng đi của cô ấy lại như vậy?”

“Cô ấy phải đứng bên máy hàng giờ liền trong bao nhiêu năm trời. Lúc trẻ, thân thể người ta hãy còn mềm lấm, công việc nặng nhọc sẽ nhào nặn nó như vữa, tùy theo tính chất của công việc. Chỉ nhìn thoáng những người lao động tôi gặp ở phố, tôi cũng có thể nói ngay được nghề nghiệp của họ. Xin cô hãy nhìn tôi đây. Tại sao khi đi, tôi lại cứ lắc lư như vậy. Bởi vì tôi đã sống nhiều năm trên mặt biển. Nếu tôi cũng làm nghề chẵn bờ, nhiều năm như thế, với thân thể còn trẻ và mềm, thì nhất định tôi không đi lắc lư như thế này, mà chân sẽ đi khuỳnh khuỳnh. Đối với cô gái kia cũng thế thôi. Cô có nhận thấy đôi mắt mà tôi có thể gọi là sắc sảo của cô ấy không? Cô ấy phải sống một mình không có ai để mà nương tựa. Cô ấy phải tự mình lo lấy thân, và một người con gái còn trẻ thì không thể nào tự lo lấy thân mà vẫn giữ được đôi mắt dịu dàng hiền hậu như... như của cô chẳng hạn.”

“Tôi nghĩ rằng ông nói đúng,” Ruth nói khẽ. “Thật là bất hạnh quá. Cô ấy đẹp như vậy.”

Gã nhìn nàng và thấy mắt nàng ánh lên niềm thương xót. Rồi gã nhớ là gã yêu nàng, gã mê man sung sướng vì cái may mắn đã cho phép gã yêu nàng, cùng khoác tay nàng đi nghe nói chuyện.

“Mày là ai, Martin Eden?” Gã nhìn vào gương tự hỏi, đêm hôm đó, sau khi trở về buồng, gã nhìn gã rất lâu, tò mò. “Mày là ai? Mày là hạng người gì? Địa vị của mày ở đâu? Địa vị của mày chỉ xứng đáng với những người con gái như Lizzie Connolly. Mày thuộc về đám quần chúng lao

khổ, với tất cả những gì thấp hèn tầm thường và xấu xí. Địa vị của mày là ở chỗ những con bò, với những công việc trâu ngựa chung quanh toàn là bẩn thỉu, giữa những mùi hôi thối, tanh tưởi. Mùi rau ôi nồng nặc. Khoai tây đang thối đấy. Ngủ đi, mẹ kiếp, hít đi! Thế mà mày vẫn cứ dám mở sách ra, nghe nhạc hay, học đòi yêu tranh đẹp, nói tiếng Anh chính xác, nghĩ những tư tưởng mà những người cùng tầng lớp với mày không ai nghĩ tới, tự giãi bày mình ra khỏi những con bò và những cô gái như Lizzie Connolly, để mà yêu cái linh hồn cao quý của một người đàn bà cách xa mày hàng vạn dặm và sống giữa những vì sao! Mày là ai? Mày là hạng người gì? Mẹ kiếp! Mày đã làm được nên trò trống gì?”

Gã giờ nắm tay dọa mình trong gương, ngồi xuống thành giường, mắt mở to nhìn trừng trừng vào khoảng không. Rồi gã lấy ra quyển sổ tay, quyển đại sổ và đắm mình vào những phương trình bậc hai, hàng giờ trôi qua, và sao mờ dần và ánh bình minh sáng ủa vào cửa sổ buồng gã.

CHƯƠNG 13

Chính những buổi hội họp của những nhà xã hội học nhiều lời và những triết gia của giai cấp công nhân ở công viên City Hall vào những buổi chiều ấm áp đã giúp cho gã khám phá ra một điều vĩ đại. Mỗi tháng một hai lần, trên đường tới thư viện, đi xe đạp qua công viên, gã vẫn thường xuống xe đứng nghe họ tranh luận, và lần nào phải dứt mình đi, gã cũng rất tiếc. Cái lối tranh luận nghe có vẻ tầm thường hơn ở bàn nhà ông Morse nhiều. Họ không nghiêm trang, không long trọng. Họ cũng dễ dàng nổi nóng; gọi tên nhau ra mà sỉ vả, chửi rủa tục tĩu là chuyện thường. Một đôi lần, gã thấy họ dùng cả đến quả đấm. Tuy nhiên, gã không hiểu tại sao, trong tư tưởng của những người này có một cái gì đầy sức sống. Cái lối tranh luận âm ỹ ấy kích động trí óc gã mạnh hơn cái lối thuyết lý dè dặt, trầm lặng của ông Morse. Những người này, nổi tiếng Anh loạn xạ, vung tay vung chân như những chàng điên, đấu tranh bác những luận điểm của nhau với sự nóng nảy nguyên thủy, hình như lại có vẻ sinh động hơn ông Morse và cái ông bạn tri kỷ Butler của ông ta nhiều.

Martin thấy người ta trích dẫn Herbert Spencer^[53] rất nhiều ở công viên này; nhưng một buổi chiều một đệ tử của ông ta mới xuất hiện, một tay mà cà bông nom phờ phạc xác xơ, áo ngoài bẩn thỉu, khuy cổ cái thật chặt cốt để không ai biết bên trong không có áo sơ mi. Một cuộc tranh luận loạn xạ nổ ra, khói thuốc lá bốc um lên, nước bọt đầy nhựa thuốc bắn tung, anh chàng ma cà bông này đương đắc thắng bênh vực quan điểm của mình, ngay cả lúc có một công nhân thuộc đảng xã hội cười khẩy nói mỉa. “Không có Thượng đế, chỉ có cái bất khả tri, và Herbert Spencer là tiên tri của nó.” Martin hoang mang không hiểu cái cuộc tranh luận của họ ra làm sao, nhưng khi đạp xe tới Thư viện, gã mang theo trong lòng một niềm thích thú mới đối với Herbert Spencer, và vì gã nghe thấy thằng cha ma cà bông cứ nhắc luôn đến cuốn “*Những nguyên lý cơ bản*”^[54] nên gã mượn cuốn đó về.

Và thế là gã bắt đầu khám phá ra một điều vĩ đại. Trước kia gã đã có lần thử đọc Herbert Spencer và để bắt đầu, gã đã chọn cuốn “*Nguyên lý Tâm lý học*.” Gã đã thất bại một cách thảm hại như khi gã đọc bà Blavatsky. Gã không hiểu gì cả và gã đã gửi trả cuốn sách không đọc hết. Nhưng đêm nay, sau khi học xong Đại số và Vật lý, và thử làm một bài “xonê,” gã lên giường, mở cuốn “*Những nguyên lý cơ bản*.” Đèn sáng gã vẫn còn đọc. Gã không thể nào ngủ được. Ngày hôm đó gã cũng không viết gì. Gã cứ nằm ở giường cho đến lúc người mỏi nhừ, rồi gã xuống sàn cứng nằm ngửa ra đọc, giở quyển sách ở trên mặt, quay hết sang phải lại sang trái. Đêm hôm ấy gã ngủ và sáng hôm sau viết. Rồi, cuốn sách lại quyển rũ gã, gã đọc suốt buổi chiều, quên hết mọi việc, quên cả chiều hôm nay là chiều Ruth cho gã tới gặp. Chỉ mãi đến lúc Bernard Higginbotham đẩy cửa hỏi không biết gã có cho đây là một quán ăn hay không thì gã mới tỉnh và nhận ra cái thế giới thực tại chung quanh.

Suốt đời, lúc nào gã cũng bị trí tò mò chế ngự. Gã muốn biết, và chính lòng ham biết này đã đưa gã đi phiêu lưu khắp đó đây. Nhưng bây giờ học ở Spencer, gã mới thấy rằng gã chưa hề biết và có lẽ không bao giờ có thể biết được nếu như gã vẫn tiếp tục đi biển và cứ lang thang cả đời. Gã chỉ mới lướt qua cái bề mặt của sự việc, quan sát những hiện tượng rời rạc, thu thập từng mảnh của sự vật, khái quát hóa một cách nông cạn vụn vặt – tất cả đều không có liên hệ gì với nhau trong một thế giới hỗn độn hay thay đổi, một thế giới gồm toàn những chuyện bất thường, gặp chẳng hay chớ. Trông cánh chim bay, gã lý luận và có thể hiểu được cơ cấu của nó. Nhưng chưa bao giờ gã lại có ý nghĩ tìm hiểu, giải thích quá trình phát triển của giống chim,

cách cấu tạo của một cơ thể biết bay. Gã cũng chẳng nghĩ tới là lại có một quá trình như thế. Gã cũng chẳng bao giờ đoán xem giống chim sẽ phát triển đến đâu. Nó vốn như thế. Nó vẫn là thế.

Giống chim như thế, thì tất cả các loài khác cũng thế. Những cố gắng học thử triết học một cách ngu muội không có chuẩn bị trước của gã đã không đem lại cho gã một kết quả nào. Tất cả luận điểm siêu hình trung cổ của Kant[55] đã không cho gã chìa khóa để có thể mở được cái gì, tác dụng độc nhất của nó là chỉ làm cho gã đâm ra nghi ngờ cả cái năng lực tri thức của chính mình. Sự cố gắng nghiên cứu thuyết Tiến hóa luận của gã cũng đã như vậy, nó cũng chỉ trôi tròn trong một cuốn sách chuyên môn quá khó hiểu của Romanes[56]. Gã đã chẳng hiểu gì cả. Và ý nghĩ độc nhất gã đã thấu nhận được là: Tiến hóa luận là một lý thuyết khô như đá, chỉ để dành riêng cho một số ít người có một kho từ ngữ lớn lao và vô cùng bí hiểm. Nhưng bây giờ gã mới thấy rằng Tiến hóa luận không phải chỉ là một lý thuyết đơn thuần mà là một quá trình phát triển đã được thừa nhận và các nhà khoa học không còn tranh cãi gì về điểm này, những ý kiến bất đồng độc nhất của họ chỉ là ở chỗ Tiến hóa như thế nào.

Và đây Spencer đã tập hợp tất cả trí thức lại cho gã, hệ thống hóa chúng lại thành một mối, tổng hợp thành những thực tại cơ bản nhất, mở ra trước đôi mắt kinh ngạc của gã cả một thế giới rất rõ ràng cụ thể như một con thuyền mẫu mà những người thủy thủ làm và để trong chậu kính... Không có chuyện bất thường, không có chuyện ngẫu nhiên. Tất cả đều có luật, chính vì tuân theo qui luật của những giống nguyên sinh động vật sống trong bùn cựa quậy, quần quai, mọc chân mọc cánh và trở thành chim.

Martin leo từ đỉnh nọ lên đỉnh kia của đời sống tri thức, và đây, gã đã tới một đỉnh cao hơn bao giờ hết. Những sự vật bí hiểm đã để lộ trần những bí ẩn của chúng ra. Gã say sưa với hiểu biết. Đêm đêm, trong giấc ngủ, gã sống cùng các vị thiên thần trong một giấc mộng lớn, và ban ngày khi thức dậy gã đi lang thang như một kẻ mộng du, mắt lơ đãng nhìn vào cái thế giới mà gã vừa khám phá ra. Lúc ngồi ăn, gã không để tai tới những câu chuyện nhỏ mọn, tầm thường, trí óc sôi nổi của gã đang tìm kiếm theo dõi nguyên nhân và kết quả của mọi thứ trước mắt. Trong miếng thịt ở trên đĩa kia, gã trông thấy mặt trời sáng chói, và gã còn nghĩ xa xôi hơn, tới nguồn nhiệt năng qua bao nhiêu sự diễn biến từ nơi phát sinh ra nó cách xa hàng trăm vạn dặm, hay là nghĩ tới cái nguồn nhiệt năng đã khiến cho bắp thịt trong cánh tay gã đã chuyển động để gã có thể cắt được miếng thịt và bộ óc đã sai khiến những bắp thịt chuyển động để cắt miếng thịt, cho đến tận khi trong trí tưởng tượng, gã nhìn thấy cũng một mặt trời ấy đang soi rọi trí óc gã. Gã mê man trong ánh sáng đó, không nghe thấy Jim thì thầm “Thằng điên,” không nhìn thấy bộ mặt lo lắng của bà chị, cũng không nhận thấy ngón tay Higginbotham cứ xoay tròn, trông thấy ngón tay ấy gã tưởng như có những bánh xe đang quay trong đầu lão anh rể.

Cái đã gây ra cho Martin một ấn tượng sâu sắc nhất là sự quan hệ tương hỗ giữa trí thức - giữa mọi tri thức. Gã vốn là người tò mò muốn hiểu sự vật, và bất cứ gã thấu nhận được điều gì gã đều phân loại sắp xếp chúng vào những ô riêng của ký ức. Vì vậy, tri thức về nghề biển, gã có cả một kho tàng vĩ đại. Về đàn bà, gã cũng có cả một kho tàng lớn lao. Nhưng hai vấn đề này cũng không có liên quan gì với nhau cả. Giữa hai cái ô của ký ức ấy, không có một mối quan hệ gì. Vì thế, nếu trong cơ cấu tri thức mà lại có một quan hệ nào đó giữa một người đàn bà mắc chứng loạn thần kinh với một chiếc thuyền buồm mang trên đầu mũi một cái máy đo gió, hay dừng lại trong cơn bão táp, thì gã thấy thật là nực cười và không thể nào có được. Nhưng Herbert Spencer đã chỉ cho gã thấy không những nó không nực cười chút nào, mà giữa những cái đó không thể nào không có một mối quan hệ. Mọi vật đều có quan hệ với tất cả những vật khác, từ những vì sao xa xôi nhất trong khoảng không bao la đến hàng hà sa số những nguyên tử trong hạt cát dưới chân ta. Quan niệm mới này làm cho Martin không ngừng kinh ngạc, gã thấy mình luôn luôn đi tìm mối quan hệ giữa các sự vật dưới ánh mặt trời và ở phía bên kia mặt trời. Gã liệt kê một bảng danh sách những sự vật rời rạc không có liên quan tới nhau nhất, và gã bản khoản bút rút cho đến tận khi gã tìm ra được mối quan hệ giữa chúng với nhau - mối quan hệ giữa ái tình, thi ca, động đất, lửa, rắn đuôi kền, cầu vồng, ngọc quý, những quái vật,

mặt trời lặn, tiếng gầm của sư tử, hơi đốt, tục ăn thịt người, cái đẹp, sát nhân, những kẻ yêu đương, những điểm tựa và thuốc lá. Như vậy, gã đã tổng hợp vũ trụ lại thành một chính thể, giờ cao lên, nhìn vào đó đi lang thang qua những ngõ hẻm, đường mòn, rừng rậm, không phải như một kẻ lữ hành kinh hãi đi trong sự huyền bí dày đặc, tìm một mục tiêu chưa rõ, mà là một người quan sát, theo dõi tỉ mỉ như trên một tấm hải đồ và dần trở nên quen thuộc với tất cả những điểm cần phải biết. Và càng biết, gã càng say sưa thán phục vũ trụ, cuộc sống nói chung và cuộc sống của riêng gã trong vũ trụ đó.

“Mày điên!” Gã hét to vào bóng mình ở trong gương. “Mày muốn viết, mày đã thử viết, nhưng trong óc mày không có cái gì để mà viết cả. Thử hỏi, trong đầu óc mày có cái gì? Một vài ý niệm ấu trĩ, một ít tình cảm chưa chín, một lô những cái đẹp chưa tiêu hóa được, một đồng ngu muội tối tăm, một trái tim đầy ứ yêu đương, một tham vọng cũng lớn như tình yêu của mày và cũng vô giá trị như sự ngu muội của mày. Thế mà mày lại muốn viết! Sao, mày chỉ mới bắt đầu tạo cho bản thân mày được đôi chút để viết. Mày muốn sáng tạo cái đẹp, nhưng mày sáng tạo sao được khi mày không biết gì về bản chất của cái đẹp? Mày muốn viết về cuộc sống trong khi mày không hiểu chút gì về những đặc trưng cơ bản của cuộc sống. Mày muốn viết về thế gian và sự sinh tồn trong khi thế gian đối với mày là một cái gì bí hiểm, và tất cả những cái mày viết ra chỉ có thể là những điều mày không hiểu gì về sự sinh tồn. Nhưng cứ vui lên, Martin cậu bé của tôi! Cứ viết đi! Cậu cũng biết một chút đây, một tí chút, và bây giờ cậu đang đi đúng đường để hiểu biết hơn đây. Một ngày nào đó, nếu gặp may, cậu có thể biết được hầu hết những cái cần phải biết. Lúc đó cậu sẽ viết.”

Gã đem điều khám phá vĩ đại này nói với Ruth và chia sẻ cùng nàng tất cả niềm vui và sự kinh ngạc của gã. Nhưng coi bộ nàng không nhiệt tình hưởng ứng lắm. Nàng lặng lẽ nghe gã nói, không phát biểu gì, tựa hồ như nàng cũng đã biết rồi, qua sự nghiên cứu học tập của nàng. Nó không gây cho nàng niềm phấn khởi một cách sâu sắc như nó đã gây cho gã, và gã sẽ rất ngạc nhiên nếu gã không lý luận ra rằng học thuyết này đối với nàng không có gì mới mẻ như đối với gã. Gã thấy Arthur và Norman, cũng tin ở thuyết Tiến hóa luận và cũng có đọc Spencer; tuy học thuyết đó chẳng có một tác dụng gì mạnh mẽ lắm đối với họ, nhưng anh chàng trẻ tuổi đeo kính cận thị, tóc dày cộm Will Olney thì cứ giễu cợt Spencer một cách khó chịu, nhắc đi nhắc lại câu dí dỏm: “Không có Thượng đế, chỉ có cái Bất khả tri, và Herbert Spencer là tiên tri của nó.”

Nhưng Martin sẵn sàng tha thứ cho cái cười giễu cợt ấy của anh ta, vì gã bắt đầu khám phá thấy Olney không yêu Ruth. Về sau, qua những sự việc nhỏ xảy ra gã lại càng ngạc nhiên đến lặng người đi khi thấy không những Olney không để ý đến Ruth mà lại còn ghét nàng thực sự nữa. Martin không thể nào hiểu nổi được điều đó. Đó là một hiện tượng mà gã thấy không thể nào liên hệ được với những hiện tượng khác trong vũ trụ. Nhưng dù sao gã cũng thấy thương cho cái anh chàng trẻ tuổi này vì trong bản chất của anh ta có một thiếu sót lớn nó ngăn không cho anh ta đánh giá đúng đắn về tế nhị và cái đẹp của Ruth. Một vài chủ nhật họ đạp xe lên đồi chơi và Martin có nhiều dịp để quan sát “cuộc đình chiến tạm thời” giữa Ruth và Olney. Anh chàng này hợp với Norman, mặc cho Arthur và Martin đi theo Ruth; như thế Martin càng biết ơn hân.

Những ngày chủ nhật ấy là những ngày vui lớn đối với Martin, lớn nhất vì gã cùng đi với Ruth, và còn vui lớn vì họ đặt gã ngày càng ngang hàng với những chàng trai cùng giai cấp với nàng. Mặc dù họ được học tập có hệ thống chặt chẽ trong nhiều năm, gã thấy về mặt tri thức, gã cũng không thua kém gì họ, và những lúc chuyện trò lâu với họ là những lúc gã được thực hành nhiều môn văn phạm mà gã đã học tập gian khổ. Gã đã vứt bỏ những cuốn sách xã giao, quay lại dùng lối quan sát để biết nên xử sự thế nào cho đúng. Chỉ trừ khi nào vì nhiệt tình sôi nổi quá gã quên khuấy mất, còn luôn luôn gã để ý đề phòng, chăm chú theo dõi những cử chỉ, học tất cả những phép xã giao nhỏ và lối lịch thiệp của họ.

Việc người ta ít đọc Spencer, có một lúc nào đó đối với Martin là một điều đáng ngạc nhiên.

“Herbert Spencer,” người ngồi bàn giấy ở Thư viện nói. “Ồ, vâng, thật là một bộ óc vĩ đại.” Nhưng ông ta hình như không biết một chút gì về nội dung của cái bộ óc vĩ đại ấy cả. Một buổi tối, trong bữa ăn, khi ông Butler cũng có mặt, Martin hướng câu chuyện về Spencer. Ông Morse chỉ trích một cách cay độc thuyết “bất khả tri” của nhà triết học Anh ấy, nhưng ông cũng thú nhận chưa hề đọc cuốn “Những nguyên lý cơ bản.” Còn ông Butler thì nói rằng ông ta không thể nào chịu nổi được Spencer, chưa hề đọc một dòng nào của anh chàng này, và không có Spencer thì mọi việc của ông ta vẫn cứ ổn cả. Martin thấy nghi ngờ, và nếu gã không tự tin ở bản thân mình, thì có lẽ gã đã công nhận ý kiến chung của mọi người và bỏ Herbert Spencer rồi đấy. Có thể là gã thấy những lời giải thích của Spencer về sự vật có sức thuyết phục: và nhiều lúc gã tự nhủ, bỏ Spencer thì không khác gì một nhà hàng hải vứt bỏ kim chỉ nam và đồng hồ đo tốc độ xuống biển. Vì thế Martin tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng thuyết Tiến hóa luận, và dần dần nắm được vấn đề một cách chắc chắn hơn, và nhờ có những xác minh vững chắc của hàng ngàn tác giả độc lập nghiên cứu, gã lại càng thêm tin tưởng. Càng nghiên cứu, gã càng thấy có rất nhiều lĩnh vực tri thức chưa được khám phá; gã tiếc rằng ngày lại chỉ có hai mươi bốn tiếng và đối với gã đó là điều buồn bực triền miên.

Vì ngày quá ngắn, nên một hôm gã quyết định bỏ Đại số và Hình học. Môn lượng giác gã không đụng đến. Rồi gã cắt nốt môn Hóa trong chương trình học tập của gã, chỉ giữ lại môn Vật lý.

“Tôi không phải là một nhà chuyên môn!” Gã nói với Ruth để tự bào chữa. “Mà tôi cũng sẽ không cố gắng để trở thành một nhà chuyên môn. Có nhiều lĩnh vực chuyên môn quá, đối với bất cứ một người có học suốt cả đời cũng không thể nắm được lấy một phần mười. Tôi phải tìm học để có tri thức phổ thông. Khi nào cần đến công trình của những nhà chuyên môn, tôi sẽ tra cứu sách của họ.”

“Nhưng như thế thì không giống như là tự ông đã có tri thức,” nàng phản đối.

“Nhưng không cần thiết phải có như thế. Ta phải biết lợi dụng những công trình của các nhà chuyên môn chứ. Chúng chỉ để sử dụng vào những việc ấy thôi. Khi tôi bước vào đây, tôi thấy có những người quét ống khói lò sưởi đang làm việc. Họ là những nhà chuyên môn, khi họ làm xong công việc, cô sẽ được hưởng cái lò sưởi sạch sẽ, mà cũng chẳng cần gì phải biết đến cách cấu tạo của ống khói lò sưởi làm gì.”

“Tôi e rằng ông nói thế hơi nguy hiểm.”

Nàng nhìn gã vẻ lạ lùng, gã cảm thấy trong cái nhìn ấy và trong cử chỉ của nàng có ý trách móc. Nhưng gã tin chắc quan điểm của gã là đúng.

“Tất cả những nhà tư tưởng về những vấn đề chung, những bộ óc vĩ đại nhất của thế giới thực ra cũng đều dựa vào những nhà chuyên môn. Herbert Spencer cũng đã làm như vậy. Ông khái quát hóa tất cả những phát kiến của hàng ngàn nhà nghiên cứu. Ông phải sống hàng ngàn cuộc sống mới có thể chính mình làm được tất cả những cái đó. Darwin^[57] cũng vậy. Ông đã lợi dụng tất cả những cái gì các người trồng hoa và các nhà chăn nuôi đã thu lượm được.”

“Anh nói đúng, Martin,” Olney nói. “Anh biết anh đang theo đuổi cái gì, Ruth có biết đâu. Đến chính cô ấy đang theo đuổi cái gì, cô ấy cũng còn chả biết nữa là.”

“Ồ, đúng như vậy đấy,” không để cho Ruth kịp phản đối, Olney cứ nói tiếp. “Tôi biết anh gọi đó là tri thức phổ thông. Nhưng nếu anh cần tri thức phổ thông thì anh học cái gì mà chả được.

Anh có thể học tiếng Pháp, hay là anh có thể học tiếng Đức, hay là anh có thể bỏ cả hai thứ tiếng đó mà học Quốc tế ngữ, anh cũng vẫn có được cái vẻ tri thức như thường. Anh có thể học tiếng Hy Lạp, tiếng Latinh nữa cũng với mục đích đó tuy rằng nó sẽ chẳng bao giờ giúp ích được gì cho anh. Nhưng nó vẫn cứ là tri thức. Sao, cô Ruth đã học tiếng Saxon, và đã thạo - đó là hai năm trước đây - bây giờ tất cả những cái cô ấy còn nhớ lại là “Whan that sweet aprile with his showers soote” [58]- Có đúng thế không nào?”

“Đấy, thì nó vẫn cho cô cái vẻ tri thức đấy,” anh ta cười lớn và vẫn không cho Ruth phát biểu. “Tôi biết chứ. Chúng ta cùng học một lớp mà.”

“Nhưng anh nói như thể tri thức phải là một phương tiện để làm gì ấy,” Ruth nói to, mắt long lanh, hai má đỏ ửng. “Kiến thức tự nó là mục đích rồi!”

“Nhưng nó không phải là điều Martin cần.”

“Sao anh biết?”

“Anh cần gì nào, Martin?” Olney quay phắt lại phía Martin, hỏi.

Martin cảm thấy rất lúng túng, gã nhìn Ruth cầu cứu.

“Vâng, anh cần cái gì?” Ruth hỏi. “Như thế mới giải quyết được vấn đề.”

“Vâng, tất nhiên, tôi cần tri thức,” Martin đáp ứng. “Tôi yêu cái đẹp, và tri thức sẽ giúp tôi đánh giá cái đẹp một cách sâu sắc hơn, tinh tế hơn.”

Nàng gật đầu, nom bộ đắc thắng.

“Nói bậy, cô cũng thừa biết thế.” Olney đập luôn. “Martin đi tìm sự nghiệp chứ không phải tri thức. Ngẫu nhiên trong trường hợp của anh ấy, tri thức lại gắn liền với sự nghiệp. Nếu anh ấy muốn trở anh một nhà hóa học thì tri thức sẽ không cần thiết. Martin muốn viết văn, nhưng anh ấy không dám nói ra, sợ nói ra thì ý của cô lại thành sai.”

“Mà tại sao Martin lại muốn viết văn?” Anh nói tiếp. “Bởi vì anh ấy không sống trong phú quý. Còn cô thì sao cô lại chất đầy đầu tiếng Saxon và tri thức phổ thông. Bởi vì cô có phải lo chuyện làm ăn đâu. Ông cụ đã lo hộ cho cô rồi. Ông cụ mua cho cô quần áo và tất cả mọi thứ khác. Thử hỏi học vấn của chúng ta có làm nên cái trò trống gì, học vấn của cô, của tôi, của Arthur, của Norman? Chúng ta đắm mình trong tri thức phổ thông, nên một ngày kia, các ông bố chúng ta có bị phá sản, thì lập tức là ngày hôm sau chúng ta lại chẳng xin thì làm nghề gõ đầu trẻ ấy à. Cô Ruth ạ, lúc bấy giờ công việc tốt nhất mà cô có thể kiếm được là một cái trường nhà quê, hay làm cô giáo dạy nhạc trong một trường nữ học lưu trú.”

“Thế thì xin hỏi, anh sẽ làm gì?” Ruth hỏi.

“Cũng chả làm được cái gì ghê gớm lắm đâu. Tôi có thể đi làm công mỗi ngày một đôla rưỡi, tôi cũng có thể kiếm chân dạy học ở cái trường của lão Hanley. Tôi nói có thể thôi đấy, cô nhớ cho, và cuối một tuần là tôi bị tổng cổ ra vì bất lực.”

Martin chăm chú nghe hai người tranh luận, gã thấy Olney nói đúng nhưng đồng thời gã cảm thấy bức bối vì một thái độ khá ngạo mạn của anh ta đối với Ruth. Một quan niệm mới về tình yêu hình thành trong đầu gã, khi gã nghe hai người tranh luận. Lý trí không có dính dáng gì đến

tình yêu. Người đàn bà gã yêu lý luận có đúng hay không cũng chẳng quan hệ gì. Tình yêu ở trên lý trí. Nếu quả thực nàng chưa đánh giá được đầy đủ sự khẩn thiết của gã là tìm một sự nghiệp, thì điều đó cũng chẳng làm cho nàng kém phần đáng yêu đi chút nào. Nàng hoàn toàn đáng yêu. Và những điều nàng nghĩ không có dính dáng gì đến cái đáng yêu của nàng.

Olney hỏi một câu làm gián đoạn luồng tư tưởng của gã, Martin hỏi lại. “Anh nói gì?”

“Tôi nói, tôi hy vọng anh không đến nổi điên mà đánh vào cái tiếng Latin.”

“Nhưng tiếng Latin không những cho ta tri thức,” Ruth ngắt lời, “nó còn là một công cụ cần thiết.”

“Thế anh có định đánh vào nó không nào?” Olney hỏi Martin về thúc bách.

Martin khó nói quá. Gã thấy rõ Ruth đang nóng lòng đợi câu trả lời của mình.

“Tôi e rằng tôi không có thì giờ,” cuối cùng, gã nói. “Tôi cũng thích lắm, nhưng tôi không có thì giờ.”

“Cô thấy chưa! Không phải Martin đi tìm tri thức đâu.” Olney đắc ý. “Anh ấy đang cố gắng đạt tới một cái gì, làm được một cái gì.”

“Ồ, nhưng đó là sự rèn luyện trí óc, là kỷ luật của trí óc. Chính cái đó làm cho trí óc có kỷ luật.” Ruth nhìn Martin có vẻ chờ đợi, dường như muốn gã thay đổi cái suy nghĩ của mình. “Anh biết đấy, những cầu thủ bóng đá trước một trận đấu lớn cũng phải tập luyện. Đối với một nhà tư tưởng, tiếng Latin cũng có tác dụng như vậy. Nó rèn luyện trí óc.”

“Vớ vẩn vô lý! Đây là điều người ta bảo ta khi chúng ta còn là con nít. Nhưng lúc đó có một điều người ta chưa bảo, người ta để mặc cho chúng ta sau này tự tìm hiểu lấy.” Olney ngừng lại để cho câu nói của mình thêm mạnh, rồi nói tiếp. “Cái điều họ không nói với chúng ta là, tất cả mọi người lịch sự đều phải học tiếng Latin, nhưng không một người lịch sự nào cần phải biết tiếng Latin.”

“Nói thế là quá đáng,” Ruth kêu lên. “Tôi biết anh định xoay câu chuyện cốt để tránh một cái gì.”

“Khôn ngoan thì cũng đúng,” Olney đối lại. “Nhưng lại rất công bằng. Những người duy nhất biết tiếng Latin của họ là những ông bào chế, những ông luật sư và những ông giáo dạy tiếng Latin. Nếu Martin muốn trở nên một người như thế, thì tôi nói sai. Nhưng như thế thì anh ấy nghiên cứu Herbert Spencer để làm gì? Martin vừa mới phát hiện ra Spencer, thế là cuồng lên ngay. Tại sao? Bởi vì Spencer đã mang anh ấy đến một nơi nào đó. Spencer không thể mang tôi tới một nơi nào, mà cũng không thể mang cô. Chúng ta không có nơi nào mà đi cả. Một ngày kia cô sẽ đi lấy chồng. Còn tôi, cũng chẳng có việc gì mà làm ngoài cái việc lại theo nghề luật sư hay nghề kinh doanh để mà giữ gìn lấy cái gia tài cha tôi sắp để lại cho tôi.”

Olney đứng dậy đi, nhưng ra đến cửa anh còn quay lại, bồi thêm một phát cuối cùng:

“Cô Ruth, xin cô để cho anh Martin được yên. Những cái gì đó lợi cho anh nhất, anh ấy cũng tự biết. Cô cứ xem anh ấy đã làm được những gì thì rõ. Anh ấy làm cho tôi đôi khi thấy chán, chán và xấu hổ cho cái thân tôi. Bây giờ anh ấy biết về thế giới, về cuộc đời, về địa vị của con người, về tất cả mọi thứ hơn là Arthur, hơn là Norman, hơn tôi, hơn cả cô nữa, mặc dù chúng ta

biết tiếng Latin, tiếng Pháp, tiếng Saxon và có tri thức.”

“Nhưng Ruth là cô giáo của tôi.” Martin trả lời có vẻ nghĩa hiệp. “Cô ấy có trách nhiệm về những điều tôi học.”

“Khỉ thật!” Olney nhìn Ruth có vẻ ranh mãnh. “Tôi chắc rồi anh lại sẽ nói với tôi là do cô ta khuyên nên anh mới đọc Spencer, có điều là anh không nói thế. Mà cô ta cũng chẳng biết gì về Darwin và Tiến hóa luận hơn là tôi biết về những mỏ vàng của vua Solomon. Thế còn những định nghĩa hắc búa, vỡ đầu về vấn đề này, vấn đề khác của Spencer mà hôm nọ anh ném cho chúng tôi – nào tính bất định, nào tính vô tổ chức, tính đồng loại. Anh cứ thử ném cho cô ấy, xem cô ấy có hiểu một chữ nào không. Đó có phải là tri thức đâu, anh cũng biết đấy. A ta-ra-la, Martin này, nếu anh mà dánh vào tiếng Latin là tôi không còn kính nể anh đâu đấy!”

Tuy thích thú với cuộc tranh luận, Martin vẫn thấy có một cái gì đó khó chịu bên trong. Đó là những vấn đề nghiên cứu, những bài học bàn về những tri thức cơ bản. Thế nhưng giọng nói học trò trẻ con nó trái ngược hẳn với những sự lớn lao làm cho gã rung động, trái ngược hẳn với cuộc sống mà gã đã bấu chặt lấy khiến những ngón tay gã đến bây giờ còn cong lại như móng của con đại bàng, trái ngược hẳn với những rung động vũ trụ làm gã đau nhói, trái ngược với ý thức mình đã làm chủ được mọi vấn đề đang chớm nở trong óc. Gã ví mình như một nhà thơ, trôi dạt đến những bến bờ, của một miền đất lạ, óc chứa đầy sức mạnh của cái đẹp, ngập ngừng ấp ủ, cố hát lên bằng một thứ ngôn ngữ man rợ, thô bạo của những người đồng loại với gã trên miền đất này mà vô hiệu. Tình trạng của gã chính là như vậy. Gã đang sống, sống một cách đau đớn trước những sự vật to lớn của vũ trụ, ấy thế mà gã lại cứ phải ngồi vợ vẫn mất thì giờ, mò mẫm với những câu chuyện của bọn học trò trẻ con, đắn đo suy nghĩ xem có nên học tiếng Latin hay không?

“Tiếng Latin thì dùng làm cái quái gì được?” Đêm hôm đó, gã đứng trước gương tự hỏi. “Ta muốn rằng những kẻ đã chết cứ mặc cho chúng nằm đấy mà chết. Tại sao ta và cái đẹp trong ta lại bị những kẻ đã chết chi phối? Cái đẹp sống và sống mãi mãi. Ngôn ngữ tồn tại và mất đi. Nó là cái bụi của những kẻ đã chết.”

Và ngay sau đó gã nghĩ rằng gã đã diễn đạt tư tưởng của mình rất rõ ràng, gã lên giường, tự hỏi không hiểu tại sao gã không thể nói được như vậy khi ngồi với Ruth. Lúc ở trước mặt nàng, gã chỉ là một cậu học trò, với ngôn ngữ của một cậu học trò.

“Hãy cho ta thời gian!” Gã nói lớn, “chỉ cần cho ta thời gian.”

Thời gian! Thời gian! Đó là lời than không dứt của gã.

CHƯƠNG 14

Không phải vì Olney, nhưng bất chấp cả Ruth, cả tình yêu của gã đối với cô, cuối cùng, gã quyết định không học tiếng Latin. Tiền của gã là thời gian. Có rất nhiều cái quan trọng hơn tiếng Latin, còn nhiều vấn đề nghiên cứu đang ra mệnh lệnh thúc bách gã. Và gã phải viết. Gã đã kiếm tiền. Gã vẫn chưa có một bài nào được báo nhận đăng. Bốn mươi tập bản thảo cứ đi vòng mãi không ngừng, quanh các tạp chí. Không biết những người khác làm thế nào với tác phẩm của mình? Gã ngồi hàng giờ trong phòng đọc công cộng, đọc đi đọc lại những cái mà người khác viết, nghiên cứu tác phẩm của họ một cách say sưa và có phê phán, so sánh với tác phẩm của gã, và cứ ngạc nhiên hoài về cái mảnh lời bí mật họ đã khám phá ra khiến họ có thể bán được tác phẩm của họ.

Gã ngạc nhiên về số lượng khổng lồ của những cái đã được in bây giờ đang nằm chết dí một xó. Không một chút ánh sáng, không một sức sống, không một chút màu sắc nào xuyên qua nó. Không có một chút hơi thở nào của cuộc sống trong đó, thế mà chúng vẫn bán được, hai xu một chữ, hai mươi đôla một ngàn chữ - những bài cắt trong tờ báo hàng ngày đã nói thế. Gã lạ lùng thấy có biết bao nhiêu truyện ngắn, nhiều không thể đếm được, viết thì cũng thanh thoát, khéo léo - gã thừa nhận như vậy - nhưng hoàn toàn không sinh khí, không hiện thực.

Cuộc sống lạ lùng và kỳ ảo biết bao nhiêu, nó chứa đầy những vấn đề to lớn, những giấc mơ, những hành động anh hùng, ấy vậy mà những truyện này chỉ nói nói đến những cái tầm thường của nó. Gã cảm thấy sức mạnh và sự thôi thúc của cuộc sống, những cơn sốt nóng, những giọt mồ hôi, những sự dấy loạn hung bạo - chắc chắn đó là những cái cần phải viết. Gã muốn ca ngợi những kẻ dẫn đường cho những niềm hy vọng bị lãng quên, những kẻ cuồng si, những người khổng lồ chiến đấu trong gian lao khổ ải, trong khủng khiếp và bi thảm, đem hết sức mạnh của mình làm cho cuộc sống rạn nứt ra. Ấy thế mà những truyện ngắn trong các tạp chí kia hình như chỉ chăm chăm chú ca ngợi những hạng người như ông Butler, những kẻ chạy theo đồng đôla bẩn thỉu, những mẩu chuyện tình ái nhỏ bé, tầm thường của những người đàn ông, đàn bà nhỏ bé tầm thường. Phải chăng những ông chủ bút của những tờ tạp chí kia cũng tầm thường? Gã tự hỏi. Hay là những nhà văn, những ông chủ bút, nhưng người đọc bản thảo họ sợ cuộc sống?

Nhưng khó khăn chủ yếu của gã là gã không quen một ông chủ bút hay một nhà văn nào. Không những gã không quen một nhà văn nào, mà còn chẳng biết một người nào có ý định viết văn nữa. Không có ai là người bảo cho gã biết, gợi ý cho gã, khuyên gã lấy một lời. Gã bắt đầu nghi ngờ những ông chủ bút không phải là những con người thực. Họ hình như chỉ là những răng cưa bánh xe trong một bộ máy. Đúng thế đấy, một cái máy. Gã đã dốc hết tâm hồn mình vào những truyện ngắn, những bài báo, những bài thơ và đã đem giao phó chúng cho một cái máy. Cũng như vậy, gã đã gấp chúng lại, gửi tem đúng qui định kèm theo với bản thảo bên trong chiếc phong bì dài, gán si lại, dán thêm tem bên ngoài và bỏ vào hòm thư. Nó đã chu du khắp lục địa và sau một thời gian, người đưa thư lại đem trả lại gã bản thảo trong một chiếc phong bì dài khác, bên ngoài dán những con tem gã đã gửi kèm đi. Ở đầu bên kia không có một người chủ bút nào, mà chỉ có một bộ máy tinh quái đã chuyển tập bản thảo từ phong bì này sang phong bì khác và dán tem lên đó. Thật đúng như một cái máy bán hàng tự động, bỏ một đồng xu vào đó, máy kêu xồng xọc và nhả ra một thanh kẹo cao su, hay một thỏi sôcôla. Tùy

theo bỏ xu vào khe nào thì sẽ được hoặc sôcôla hay kẹo cao su. Với cỗ máy xuất bản cũng vậy, khe này thì nhả ra những ngân phiếu, khe kia những thư từ chối. Cho đến bây giờ gã chỉ thấy khe kia thôi.

Chính những mảnh thư từ chối ấy đã hoàn thành quá trình làm việc như máy đánh kinh sợ ấy. Chúng đều in sẵn theo mẫu cố định và gã đã nhận được hàng trăm mảnh, mỗi bản trong những bản thảo đầu tiên ít nhất cũng nhận được hàng tá, hay hơn nữa. Chỉ cần gã nhận được một dòng, dòng viết tay cùng với một mảnh thư từ chối trong tất cả những mảnh thư từ chối kia, gã cũng đủ thấy sung sướng rồi. Nhưng không có một ông chủ bút nào đã tỏ ra ông ta đang tồn tại. Và gã chỉ có thể kết luận rằng ở đầu bên kia không những không có con người bằng da bằng thịt có tấm lòng ấm áp, mà chỉ có những răng cưa dầu mỡ trơn tru, quay thật đều, thật đẹp trong bộ máy này.

Gã là một kẻ chiến đấu kiên cường, nhiệt thành bất khuất, gã sẽ vui lòng tiếp tục nuôi dưỡng cái bộ máy đó nhiều năm nữa. Nhưng gã đã đổ máu đến kiệt sức, bây giờ không phải hàng năm, mà là hàng tuần sẽ quyết định cuộc chiến đấu. Mỗi tuần tờ hóa đơn thu tiền trợ lại đưa gã tới gần chỗ chết hơn, trong khi số tiền mua tem cho bốn mươi tập bản thảo kia cũng làm gã đổ máu nhiều không kém. Gã không mua sách nữa. Gã tiết kiệm đến mức ti tiện, cố tìm cách trì hoãn cái kết thúc không thể tránh khỏi được ấy; tuy nhiên, gã vẫn không biết tiết kiệm ra sao, gã đã cho Marian năm đô la để may áo, và như thế, ngày chết của gã lại rất gần thêm một tuần nữa.

Gã vật lộn trong đêm tối, không nhận được một lời khuyên bảo, không một lời khuyến khích và ở trong một tình trạng gần như tuyệt vọng. Đến ngay chị Gertrude cũng đã bắt đầu không tin gã nữa. Lúc đầu, chị còn tha thứ cho gã với tình thương yêu của một người chị những cái mà chị cho là xuẩn ngốc, nhưng bây giờ vì nỗi băn khoăn của một người chị, chị đâm ra lo lắng. Đối với chị, sự xuẩn ngốc đã trở thành sự điên rồ, Martin hiểu điều đó và thấy đau đớn thấm thía hơn sự khinh bỉ ra mặt và đếu cáng của Bernard Higginbotham. Martin tin ở mình, nhưng gã đơn độc trong niềm tin ấy. Ngay cả Ruth cũng không có lòng tin. Nàng muốn gã chuyên tâm vào việc học, và tuy nàng không phản đối ra mặt công việc viết lách của gã nhưng nàng cũng không bao giờ tán thành cả.

Gã chưa bao giờ đưa cho nàng xem tác phẩm của mình. Một sự thận trọng ngại ngùng đã ngăn cản gã. Hơn nữa, nàng đang phải học rất căng ở trường đại học, gã cảm thấy không đành lòng phải lấy mất thời gian của nàng, nhưng khi nàng thi đỗ xong, chính nàng đã hỏi gã cho xem một số những bài gã đã viết. Martin thấy vừa sung sướng vừa ngượng ngùng. Đã có một nhà bình luận rồi đây. Nàng, một cử nhân văn chương. Nàng đã nghiên cứu văn học dưới sự chỉ dẫn của các giáo sư có tài. Có thể những ông chủ bút cũng là những nhà bình luận có khả năng? Nhưng nàng sẽ khác những ông đó. Nàng sẽ không đưa cho gã một mảnh thư từ chối in sẵn theo mẫu cố định, nàng cũng sẽ không nói rằng tác phẩm của gã không được ưa thích, nhất thiết không phải vì nó không có một giá trị gì. Nàng sẽ nói như một con người có một tấm lòng ấm áp, nói hoạt bát, nói trong sáng, và quan trọng hơn hết, nàng sẽ thấy được con người Martin Eden thật. Trong tác phẩm của gã, nàng sẽ thấy rõ trái tim và tâm hồn gã như thế nào, nàng sẽ đi tới một chỗ hiểu một đôi chút, một đôi chút ít ỏi thôi về những giấc mơ của gã, và năng lực mạnh mẽ của gã.

Martin thu thập một số bản thảo đánh máy, những truyện ngắn, rồi do dự một lúc, gã thêm vào đó cả tập *"Những bài ca về biển."* Một buổi chiều cuối tháng sáu, gã cùng nàng đi xe đạp lên đồi. Đây là lần thứ hai, gã đi chơi một mình với nàng, và trong khi người đi trong bầu không khí ấm áp ngát hương, mát lạnh vì có gió biển thổi về, gã cảm thấy một cách sâu xa rằng thế giới chung quanh thật là đẹp, thật có trật tự, được sống và được yêu là một điều hạnh phúc. Họ để xe đạp bên lề đường, trèo lên một đỉnh đồi trọc đất nâu, cỏ cháy nắng tỏa ra hương vị của mùa gặt dồi dào, khô khô, dễ chịu.

“Công việc của nó đã làm xong,” Martin nói, khi hai người ngồi xuống, nàng ngồi lên áo của gã, còn gã thì nằm dài trên mặt đất ẩm áp. Gã hít mạnh mùi hương dịu dịu của cỏ xém nắng. Hương cỏ thấm vào óc gã, làm cho tư tưởng của gã quay cuồng suy từ cái riêng đến cái chung. “Nó đã hoàn thành lý do để tồn tại,” gã nói tiếp, tay mân mê đám cỏ khô một cách triu mến. “Nó vươn lên rất nhanh với tham vọng dưới những trận mưa ảm đạm của mùa đông vừa qua, nó chiến đấu với mùa xuân sớm dữ dội, bùng nổ hoa, quyến rũ những côn trùng và loài ong, gieo rắc hạt giống, hoàn thành nhiệm vụ trước cuộc đời và...”

“Tại sao anh luôn luôn nhìn sự vật bằng một con mắt thực tế khủng khiếp như vậy?” Nàng ngắt lời.

“Bởi vì tôi đang nghiên cứu Tiến hóa luận, tôi chắc thế. Nói thực ra thì chỉ gần đây tôi mới biết nhìn.”

“Nhưng đối với tôi, hình như cứ nhìn một cách thực tế như vậy, thì anh đã để mất cái nhìn về đẹp, anh sẽ tàn phá cái đẹp, chẳng khác gì những cậu bé bắt bướm rồi đem tuốt nhung tơ ra khỏi đôi cánh đẹp của chúng.”

Gã lắc đầu.

“Cái đẹp có ý nghĩa, nhưng trước đây tôi không hề biết ý nghĩa của nó. Tôi đã thừa nhận cái đẹp như một cái gì vô nghĩa, như một cái gì chỉ đẹp thôi, chẳng có ý nghĩa lý gì. Tôi không hiểu một chút gì về cái đẹp. Nhưng bây giờ tôi đã hiểu, hay nói cho đúng hơn, tôi vừa mới bắt đầu hiểu. Giờ đây, ngọn cỏ này đối với tôi đẹp hơn vì tôi biết được tại sao nó là cỏ, biết được những tác dụng hóa hợp bí ẩn của mặt trời, của mưa, của đất đã tạo nó thành cỏ. Chứ sao, trong lịch sử cuộc sống của bất cứ ngọn cỏ nào cũng đều có chuyện mơ mộng, đúng thế, mà còn có cả phiêu lưu mạo hiểm nữa. Chỉ nghĩ thế thôi cũng đủ làm cho lòng tôi rung động. Khi nghĩ tới tác dụng của lực và vật chất và tất cả cuộc vật lộn sống còn khủng khiếp của nó, thì tôi cảm thấy dường như tôi có thể viết được một thiên anh hùng ca về cỏ.”

“Anh nói hay quá!” Nàng nói, vẻ lơ đãng và gã nhận thấy nàng đang dăm dăm nhìn gã.

Trong giây lát, gã thấy bối rối, lúng túng, máu dồn lên đỏ rực cả mặt, và cổ.

“Tôi hy vọng rằng tôi đang học tập để nói,” gã đáp ứng. “Hình như trong tôi có nhiều cái tôi muốn nói, nhưng những cái đó lớn quá, tôi không thể tìm được cách nào để nói ra những cái thật sự trong tôi. Đôi khi tôi thấy hình như cả thế giới, cả cuộc đời, mọi vật ngự trị trong tôi, chúng thúc giục tôi phải thay chúng mà nói lên. Tôi cảm thấy, ôi... tôi không thể nào diễn đạt được. Tôi cảm thấy cái lớn lao của nó, nhưng khi nói tôi lại bập bẹ như một đứa trẻ thơ. Biến đổi những ý nghĩ, nhưng cảm giác được thành lời – viết hay nói – làm sao khi vào trong người đọc, người nghe, lời ấy biến đổi trở lại cũng thành những ý nghĩ, những cảm giác giống hệt như trước, thì đây là một việc làm lớn lao. Đó là một nhiệm vụ cao quý. Cô nhìn xem, tôi vui mặt tôi vào đám cỏ, làn hương tôi hít qua lỗ mũi làm cho tôi run lên với trăm ngàn ý nghĩa và mộng tưởng. Đó là hơi thở của vũ trụ mà tôi thở hít, tôi đã biết câu ca và tiếng cười, thành công và đau khổ, đấu tranh và chết chóc; và qua làn hương thơm của cỏ vì lý do này khác tôi trông thấy những hình ảnh trời đất trong óc tôi, tôi muốn kể lại những cái ấy với cô, với mọi người. Nhưng tôi biết làm thế nào? Lưỡi tôi bị buộc chặt. Tôi đã thử bằng lời nói, như bây giờ, để miêu tả cho cô rõ cái tác động của hương cỏ đối với tôi. Nhưng tôi đã không thành công. Tôi chỉ mới đả động được đến một chút bằng những lời nói vụng về. Những lời nói của tôi, tự tôi cũng thấy lúng búng, ấy thế nhưng tôi vẫn thấy như ghen lại với niềm ao ước muốn nói. Ôi!” Gã vung tay lên với dáng điệu thất vọng. “Không thể được! Không thể hiểu được! Không thể

truyền đạt được!”

“Nhưng anh nói hay đấy chứ!” Nàng nhắc lại. “Cứ thử nghĩ anh đã tiến bộ như thế nào trong thời gian ngắn từ khi tôi biết anh. Ông Butler là một diễn giả có tiếng. Trong những kỳ bầu cử ông ấy luôn luôn được Hội đồng Nhà nước mời đi diễn thuyết, thế mà tối hôm nọ trong bữa ăn anh đã nói hay chẳng kém gì ông ta. Có điều là ông ta diêm tĩnh hơn. Còn anh thì sôi nổi quá, nhưng rồi dần dần nhờ luyện tập, anh cũng sẽ khắc phục được cái đó. Sao, rồi anh cũng sẽ thành một diễn giả có tài. Anh có thể đi xa nếu anh muốn. Anh là người có tài. Anh có thể lãnh đạo được người khác, tôi tin chắc như vậy. Bất cứ một việc gì mà anh đã nhúng tay vào thì không có lý do gì anh không thành công, như anh đã từng thành công với cuốn ngữ pháp. Anh có thể trở thành một luật sư giỏi, một nhà hoạt động chính trị xuất sắc. Không gì có thể ngăn anh đạt được những thành công lớn như ông Butler. Và chỉ kém cái bệnh khó tiêu.” Nàng nói thêm và mỉm cười.

Hai người tiếp tục nói chuyện, nàng vẫn cứ nhắc đi nhắc lại một cách nhẹ nhàng thân ái, sự cần thiết phải có một nền học vấn cơ bản đầy đủ, và ích lợi của tiếng Latin; muốn làm nên sự nghiệp gì cũng phải lấy nó làm nền tảng. Nàng vẽ lên con người thành đạt lý tưởng của mình, phần lớn dựa vào hình ảnh của cha nàng, và một vài đường nét, màu sắc không thể chèn vào đâu được của hình ảnh ông Butler. Gã nghe say sưa, nằm ngược mắt lên, thích thú nhìn đôi môi nàng cử động khi nàng nói, tai lắng nghe, nhưng óc không thể tiếp thu được lời nào. Những bức tranh nàng vẽ lên chẳng có gì quyến rũ cả. Gã cảm thấy một nỗi thất vọng đau đớn, và tình yêu của gã đối với nàng lại càng làm cho gã cảm thấy đau đớn thấm thía hơn. Trong tất cả những lời nàng nói, không một lời nào đã động đến chuyện viết lách của gã, và những tập bản thảo gã mang theo để đọc bị bỏ quên trên mặt đất.

Sau cùng, ngừng lại một lát, nhìn mặt trời xem còn cách chân trời bao xa, gã cầm tập bản thảo lên để nhắc khéo nàng.

“Ấy tôi quên mất,” nàng nói nhanh, “tôi muốn nghe lắm.”

Gã đọc cho nàng nghe một truyện ngắn, một truyện mà gã tự hào cho là một trong những truyện hay nhất. Gã đặt tên cho nó là: *“Men rượu của cuộc đời.”* Chất men ấy đã thấm vào óc gã khi gã viết, bây giờ lại thấm vào óc gã khi gã đọc. Có một cái gì kỳ diệu khi cốt truyện hình thành trong óc gã lúc ban đầu, và gã đã tô điểm nó nhờ sức mạnh kỳ diệu hơn của lời và từ. Tất cả ngọn lửa, tất cả nhiệt tình lúc gã bắt đầu viết lúc bấy giờ lại sống dậy trong gã; gã bị xô đẩy, lôi cuốn đi, đến nỗi gã không còn trông thấy, không còn nghe thấy những thiếu sót của nó nữa. Nhưng đối với Ruth thì không như vậy. Cái tai đã được rèn luyện của nàng thấy ngay những chỗ yếu, những chỗ quá đáng, quá cường điệu của người mới tập viết, và nàng nhận ra ngay mỗi khi nhịp câu bị hẫng và sai. Thực ra, nàng hầu như cũng không thấy rõ nhịp điệu của câu văn, chỉ trừ những đoạn quá khoa trương, những lúc ấy nàng cảm thấy rất khó chịu vì lối viết vụng về, non kém của nó. Ý kiến nhận xét cuối cùng của nàng về toàn bộ câu chuyện là – còn non kém, tuy nàng không nói ra với gã. Trái lại, khi gã đọc xong, nàng chỉ nêu lên một vài nhược điểm nhỏ và nói là nàng thích truyện này.

Nhưng gã đã thất vọng. Những lời phê bình của nàng là đúng. Gã thừa nhận điều đó, nhưng gã lại thấy rằng không phải gã mang tác phẩm của gã đọc cho nàng nghe với mục đích để nàng sửa chữa theo kiểu học trò như vậy. Những chi tiết nhỏ nhặt ấy có gì đáng kể. Tự chúng rồi cũng sẽ giải quyết được thôi. Gã có thể sửa chữa chúng, có thể học để sửa chữa chúng. Gã đã bắt được một cái gì lớn lao từ cuộc sống và gã, muốn nắm giữ nó trong truyện của mình. Gã đã đọc cho nàng nghe cái lớn lao ấy từ cuộc sống chứ không phải những câu cú, những dấu chấm phẩy. Gã muốn nàng cũng cùng cảm thấy với gã cái lớn lao ấy, cái mà gã đã nhìn thấy bằng chính đôi mắt, đã nắm được bằng chính bộ óc, đã ghi chúng lên những trang giấy đánh máy bằng chính đôi tay của gã. Phải, mình đã thất bại rồi, gã thầm nghĩ như vậy. Có lẽ các ông chủ

bút đúng chẳng. Gã cảm thấy cái lớn lao, nhưng truyền cảm lại thì gã đã thất bại. Gã giấu nỗi thất vọng của mình, và tiếp thu lời phê bình của nàng một cách dễ dàng đến nỗi nàng không thể nhìn thấy là sâu xa trong lòng gã đang rộn lên một phản ứng ngầm mãnh liệt.

“Còn truyện sau đây tôi đặt tên là *“Cái soong,”*” gã vừa nói vừa giở tập bản thảo. “Nó bị bốn, năm tạp chí từ chối không đăng, nhưng tôi vẫn cho là nó hay. Thực ra, tôi cũng không biết nghĩ về nó thế nào, có điều tôi thấy ở nó có một cái gì đó. Có thể không làm cho cô xúc động như nó đã làm cho tôi xúc động. Đó là một truyện ngắn – chỉ có hai ngàn chữ thôi.”

“Sao mà rùng rợn thế,” nàng kêu lên khi gã đọc xong. “Thật là khủng khiếp, khủng khiếp quá!”

Gã nhận thấy mặt nàng tái nhợt, mắt gã mở to căng ra, tay nắm chặt lại, và trong thâm tâm gã thấy thỏa mãn. Gã đã thành công. Gã đã truyền đạt được những ảo tưởng và cảm giác từ trong óc gã ra. Câu chuyện đã trúng đích bất luận nàng thích hay không thích nó, nhưng nó đã nắm được nàng, chinh phục được nàng, bắt nàng ngồi đó nghe và quên đi những chi tiết vụn vặt.

“Đó là cuộc sống,” gã nói, “và cuộc sống thì không phải lúc nào cũng đẹp. Tuy nhiên, có thể là tại vì tôi sinh ra khác với người khác nên tôi vẫn thấy có một cái gì đẹp ở trong đó. Đối với tôi cái đẹp hình như tăng lên bội phần vì ở trong đó...”

“Nhưng tại sao người đàn bà đáng thương ấy lại không thể...” nàng ngắt lời gã, giọng dứt quãng và để lộ sự phản ứng trong tư tưởng, nàng chỉ kêu lên: “Ồi! Thật là sa đọa! Không đẹp một chút nào! Thật là bẩn thỉu!”

Trong giây lát tim gã hình như ngừng đập. Bẩn thỉu! Gã không bao giờ ngờ tới điều đó. Ý gã không phải như thế. Cả câu chuyện hiện ra trước mắt gã, bằng những nét chữ lửa, tỏa ánh hào quang rực rỡ, gã không tìm đâu thấy cái gì là bẩn thỉu cả. Rồi tim gã lại đập. Gã không có tội.

“Tại sao anh không chọn một đề tài đẹp hơn?” Nàng nói. “Chúng ta biết trên đời này có nhiều cái bẩn thỉu nhưng không có lý do gì...”

Nàng nói tiếp có vẻ bực bội lắm, nhưng gã không nghe nàng nói. Gã mỉm cười với mình khi gã ngược nhìn bộ mặt trong trắng của nàng, nó ngây thơ quá, ngây thơ một cách lạ lùng, sự trong trắng của nó hình như luôn luôn thấm vào người gã, gột sạch những dơ bẩn khỏi người gã, tắm gã trong bầu ánh sáng trong nhẹ lâng lâng, mát dịu, mượt như ánh sao *“Chúng ta biết trên đời này có nhiều cái bẩn thỉu,”* gã mỉm cười, thậm thích thú thấy nàng tưởng mình thực sự hiểu biết.

Ngay sau đó hằng hà sa số những chi tiết sự việc vụt hiện ra trong trí gã, gã trông thấy biển cả mênh mông tràn ngập những cái bẩn thỉu của cuộc đời nơi mà gã đã từng biết và qua lại bao lần, gã tha thứ cho nàng vì đã không hiểu câu chuyện. Nếu nàng không thể hiểu được thì cũng không phải là lỗi tại nàng. Gã cảm ơn Thượng đế vì nàng đã được sinh ra và được che chở để ngây thơ như vậy. Nhưng gã đã hiểu đời, với tất cả sự bẩn thỉu cũng như tất cả cái đẹp của nó, tất cả cái vĩ đại của nó mặc dù có bị bùn nhơ làm cho ô uế, và trời ơi! Gã sẽ nói hết về những cái đó ra với mọi người. Các thánh thần trên Trời! – nhất định là phải đẹp để trong trắng, còn khác sao được? Không cần phải khen họ. Nhưng thánh thần trong bùn nhơ, - A! Đó mới thật là một sự kỳ diệu vĩnh cửu. Đó chính là cái làm cho cuộc đời đáng sống. Trông thấy đạo đức cao cả vượt ra khỏi vũng bùn nhơ của tội lỗi: tự vươn mình lên nhìn thấy cái đẹp ban sơ, mờ mờ, xa xăm qua đôi mắt hầy còn dính bùn; trông thấy sức mạnh, chân lý và phẩm chất tinh thần cao quý vượt ra khỏi sự yêu đuối, mỏng manh, xấu xa và thô bỉ...

Gã chợt nghe thấy một câu nàng thốt ra.

“Lời văn đều tầm thường. Mà trên đời này thì có bao nhiêu là cái cao cả. Chẳng hạn như tác phẩm “Kỷ niệm.”” [59]

Gã định dẫn chứng bài “Locksley Hall” và có lẽ đã nói ra nếu như gã không bị cái ảo ảnh nắm giữ lại khiến gã chỉ chăm chăm nhìn nàng, người đàn bà đồng loại với gã, cái người mà từ chất men đầu tiên đã bỏ ra leo lên cái thang bao la của cuộc sống, qua hàng trăm ngàn thế kỷ đã tới được bậc cao nhất để trở thành Ruth ngày nay trong trắng, đẹp đẽ, thần tiên, có sức mạnh làm cho gã biết yêu đương, biết vươn tới cái trong trắng, ao ước được hưởng cái thần tiên; và gã – Martin Eden, do một sự biến ảo kỳ lạ, cũng đã vươn lên ra khỏi vùng bùn nhơ rác rưởi, và muốn ngăn những sai lầm, những thất bại trong quá trình thai nghén sáng tạo khôn cùng. Đó là ảo mộng, là kỳ diệu, là huy hoàng. Đó là cái để mà viết, chỉ cần gã tìm được lời. Các thánh thần trên trời! Họ chỉ là thánh thần và không thể làm gì khác được. Nhưng gã là một con người.

“Anh có sức mạnh,” gã chợt nghe thấy tiếng nàng nói. “Nhưng đó là một sức mạnh thiếu rèn luyện.”

“Như một con bò mộng trong cửa hàng đồ sứ,” gã nói đùa và nàng mỉm cười.

“Anh cần phải phát triển óc suy luận, cần phải để ý tới khiếu thẩm mỹ, sự tế nhị và phong cách nữa.”

“Cái gì tôi cũng dám làm hết,” gã lẩm bẩm.

Nàng mỉm cười tán thành, và chuẩn bị lắng nghe một truyện khác.

“Tôi không biết cô sẽ nghĩ gì về truyện này,” gã biện bạch. “Nó kỳ lạ lắm. Tôi e rằng tôi làm quá sức mình. Nhưng những ý định của tôi là tốt. Xin cô đừng quan tâm tới những nét nhỏ nhặt. Cô thử xem cô có thể cảm thấy được cái lớn lao trong đó không. Nó lớn lao, chân thật, nhưng rất có thể là tôi diễn đạt không được rõ ràng.”

Gã đọc, vừa đọc vừa nhìn nàng. Cuối cùng, gã đã tới được nàng, gã nghĩ thế. Nàng ngồi không động đậy, mắt đăm đăm nhìn gã, nín thở, bị cuốn đi, mê man, gã nghĩ thế, bởi sức dụ hoặc của cái mà gã đã sáng tạo ra. Gã đặt tên cho truyện đó là “Mao hiểm.” Đó là sự thần thánh hóa mao hiểm, không phải là mao hiểm hư cấu trong tiểu thuyết mà là mao hiểm thực: một tên đốc công tàn nhẫn, rất khe khắt, khi trừng phạt cũng rất rộng rãi như khi khen thưởng, tính tình kỳ quặc, bất tín, đòi hỏi người làm phải hết sức kiên nhẫn, ngày đêm khổ ải, trả công cho họ bằng ánh mặt trời cháy bỏng, hay là cái chết tối tăm sau những cơn đói khát, những cơn sốt mê man kinh khủng kéo dài; qua máu, mồ hôi, và những con bọ đốt tê buốt trên những con người lao khổ, nhờ những mảnh khốê đê hèn bỉ ổi hần đã leo tới những thành tựu hiển hách và tột bậc huy hoàng.

Chính cái đó, tất cả cái đó và nhiều cái khác nữa là những cái gã đã viết trong truyện, và gã tin rằng chính những cái đó làm cho nàng rạo rực trong khi ngồi nghe. Mắt nàng mở to, đôi má xanh xao của nàng ửng hồng, và trước khi gã đọc hết, hình như gã thấy nàng thở gấp. Thật vậy, nàng đã rạo rực, nhưng rạo rực không phải vì truyện mà chính vì gã. Nàng cũng chẳng cho nó có giá trị gì nhiều, chính sức mạnh của Martin, cái sức mạnh tràn trề mà nàng đã quen biết hình như ào ra khỏi cơ thể gã, trùm lấp lấy người nàng. Điều trái ngược là chính truyện đã chứa chất trong nó tất cả sức mạnh của gã, nó như một eo biển, từ đó sức mạnh của gã ào tới nàng. Nàng chỉ thấy sức mạnh mà không thấy vật trung gian ấy, và trong khi hình như nàng bị cuốn

đi mạnh nhất bởi những cái gã viết, thì thực ra nàng đã bị cuốn đi bởi một cái gì hoàn toàn xa lạ với nó, - bởi một ý nghĩ kinh khủng, nguy hiểm, vô tình thành hình trong óc nàng. Bất giác nàng tự hỏi hôn nhân là gì, và nàng thấy ý nghĩ đó táo bạo quá, sôi nổi quá, khiến nàng run sợ. Đó không phải là ý nghĩ của một người con gái đoan trang, nàng không phải là hạng con gái như thế. Nàng chưa hề để cho niềm tâm sự của một người đàn ông giày vò mình, nàng chỉ sống trong xứ mơ của thơ Tennyson, nhưng không hiểu được cái ý nghĩa đầy đủ của nhà đại thi hào tể nhị ấy, ám chỉ một cách tể nhị đến những cuộc tình duyên ám muội của những bà hoàng hậu và những chàng hiệp sĩ. Từ trước đến giờ nàng vẫn ngủ say, và bây giờ cuộc sống cấp bách gõ rầm rầm vào mọi cánh cửa của cuộc đời nàng. Trong thâm tâm nàng thấy hoảng loạn, muốn cài then đóng gióng trong khi bản năng dục tình lại thôi thúc nàng mở rộng cửa để đón mời người khách lạ kỳ thú kia bước vào.

Martin đặc ý đợi chờ lời phán quyết của nàng. Nó sẽ như thế nào, gã không còn nghi ngờ gì nữa, nhưng gã đã ngạc nhiên khi thấy nàng nói:

“Câu chuyện đẹp thật!”

“Câu chuyện đẹp thật,” nàng nhắc lại, nhấn mạnh sau khi ngừng một lát.

“Tất nhiên là nó đẹp rồi, nhưng trong truyện còn có một cái gì hơn cái đẹp đó, một cái gì huy hoàng rực rỡ khiến cho cái đẹp kia chỉ đành phận tôi đòi. Martin nằm yên lặng trên mặt đất, nhìn cái hình thù quái dị của mối nghi ngờ lớn đang hiển hiện trước mắt. Gã đã thất bại. Gã không diễn đạt nổi ý của mình. Gã đã nhìn thấy một trong những cái vĩ đại nhất của cuộc đời, và gã đã không diễn đạt được.

“Cô nghĩ thế nào về...” Gã ngập ngừng, ngượng ngập vì lần đầu tiên dùng một từ lạ. “Về chủ đề?” Gã hỏi.

“Chủ đề không rõ ràng,” nàng trả lời. “Đó là ý kiến phê bình độc nhất của tôi đứng về đại thể. Tôi hiểu nội dung truyện, nhưng trong đó hình như còn nhiều cái khác nữa. Anh dùng lắm lời quá. Anh thêm vào cốt truyện nhiều tình tiết thừa...”

Gã vội vàng giảng giải:

“Đó là chủ đề chính, chủ đề lớn bao trùm của truyện, nó có ý nghĩa vũ trụ và thế giới. Tôi cố gắng viết sao cho chủ đề khớp với câu chuyện mà dù sao tôi cũng thấy rất nông cạn. Con đường của tôi đi đúng nhưng tôi cho rằng tôi thể hiện chưa tốt. Tôi không thành công trong việc diễn đạt những điều mình muốn nói. Nhưng tôi sẽ kịp thời học tập.”

Nàng không hiểu ý gã. Nàng là một cử nhân văn chương thật đấy, nhưng gã đã vượt quá tầm hiểu biết hạn chế của nàng. Chính nàng không hiểu ý gã, nhưng nàng lại cho rằng tại gã diễn đạt thiếu mạch lạc.

“Anh nhiều lời quá! Nhưng có nhiều đoạn thật đẹp.”

Tiếng nói của nàng, gã nghe như từ một nơi xa xăm nào vọng lại, vì gã còn đương mải dẫn đo không biết có nên đọc cho nàng nghe tập *“Những bài ca về biển”* không? Gã nằm đó, thất vọng tê điếng, trong khi nàng nhìn gã như tìm kiếm, miên man với những ý nghĩ táo bạo về hôn nhân vô tình đã thành hình trong óc nàng.

“Anh muốn nổi tiếng ư?” Nàng hỏi đột ngột.

“Vâng, cũng muốn đôi chút,” gã thú thật. “Đó là một phần của cuộc phiêu lưu. Không phải là sự nổi tiếng mà là quá trình để trở thành nổi tiếng, đó là điều mà tôi quan tâm. Và nổi tiếng đối với tôi chỉ là một phương tiện để đạt tới một cái gì khác. Tôi rất muốn được nổi tiếng vì cái đó và cũng chỉ vì lý do đó.”

“Vì em!” Gã muốn nói thêm như vậy và có lẽ gã đã nói rồi nếu như nàng tỏ ra nhiệt tình tán thưởng những cái mà gã đã đọc cho nàng nghe.

Nhưng nàng còn đang quá bận tâm, cố tạo ra cho gã một sự nghiệp mà ít nhất gã có thể thành công, nên cũng chẳng buồn hỏi tới “cái khác” cuối cùng gã muốn nói ấy là cái gì. Gã không thể xây dựng sự nghiệp văn chương được. Nàng tin chắc như vậy. Hôm nay gã đã chứng tỏ điều đó qua những tác phẩm có tính chất non kém vụng về của một cậu sinh viên năm thứ hai. Gã có thể nói hay, nhưng gã bất lực không diễn đạt nổi tư tưởng của mình bằng văn chương. Nàng đem Tennyson, Browning và những nhà văn khác mà nàng ưa thích ra so sánh, làm cho gã càng thêm thất vọng. Tuy nhiên, nàng vẫn không nói hết ý nghĩ của mình. Sự thích thú kỳ lạ của nàng đối với gã khiến nàng nhẹ lời đi. Sự ham mê viết lách của gã xét đến cùng chỉ là một nhược điểm nhỏ và với thời gian cũng sẽ mất đi thôi. Rồi đây, gã sẽ chuyên tâm vào những việc đúng đắn của cuộc sống và gã cũng sẽ thành công. Nàng biết như vậy. Gã mạnh mẽ lắm, không thể nào thất bại được – chỉ có điều là giá gã thôi đừng viết nữa.

“Anh Eden, tôi mong anh cho tôi được xem tất cả những cái anh đã viết.”

Gã đỏ mặt sung sướng. Nàng cũng thấy thích thú, điều đó gã không còn nghi ngờ gì nữa. Và, ít nhất, nàng không đưa cho gã một mảnh thư từ chối. Nàng đã cho một vài đoạn trong tác phẩm của gã là đẹp, và đó là lời khuyến khích đầu tiên gã nhận được.

“Vâng, tôi sẽ đưa cô xem,” gã say sưa nói. “Tôi xin hứa với cô, cô Morse, là tôi sẽ thành công. Tôi đã đi xa, tôi biết như vậy, và tôi còn phải đi xa nữa, tôi sẽ đi hết con đường của tôi dù có phải quỳ lết mà đi.” Gã giơ lên một tập bản thảo. “Đây là *“Những bài ca về biển,”* khi cô trở về nhà, tôi sẽ đưa để cô đọc trong lúc rỗi. Cô phải hứa với tôi là cô sẽ nói thật những ý nghĩ của cô về tập thơ này. Cô biết đấy, cái mà tôi cần hơn hết mọi thứ là phê bình. Xin cô cứ thành thực với tôi.”

“Tôi sẽ hoàn toàn thành thực.” Nàng hứa như vậy, nhưng trong lòng bực bội thấy mình không thành thực và ngờ rằng không biết lần sau có thể hoàn toàn thành thực với gã được không.

CHƯƠNG 15

“Cuộc chiến đấu đầu tiên đã đánh và kết thúc,” Martin nói với cái gương mười ngày sau. “Nhưng sẽ có những cuộc chiến đấu thứ hai, thứ ba, ta sẽ chiến đấu mãi, trừ phi...”

Gã không nói hết câu, và nhìn quanh gian phòng nhỏ bé tầm thường và để đôi mắt ngừng lại buồn bã trên đồng bản thảo bị gửi trả về, vẫn ở trong những chiếc phong bì dài nằm ở một góc trên sàn. Gã không có tem để chúng tiếp tục đi chu du, đã một tháng nay, chúng nằm chất đống ở đó. Rồi thì sẽ còn nhiều bản thảo nữa trở về, ngày mai, ngày kia, ngày kìa, cho đến khi chúng trở về hết. Gã không còn cách nào để lại tiếp tục cho chúng ra đi lần nữa. Tiền thuê máy chữ tháng đó gã còn chịu lại, vì gã chỉ còn vừa đủ tiền trả tiền trọ trong tuần và tiền ký quỹ cho Sở tìm việc.

Gã ngồi xuống và nhìn chiếc bàn một cách suy nghĩ. Có những vết mực trên đó, bất giác gã thấy rằng gã rất yêu nó.

“Ôi, bàn cũ kỹ thân mến,” gã nói. “Ta đã từng sống qua những giờ phút sung sướng với ngươi, rốt cục ngươi vẫn là người bạn tốt của ta. Ngươi không bao giờ ruồng rẫy ta, không bao giờ gửi thư từ chối, cho những tác phẩm của ta là vô giá trị, không bao giờ ngươi phàn nàn vì phải làm việc quá giờ.”

Gã để rơi đôi cánh tay trên bàn và vùi mặt vào đó. Cổ họng gã đau nhói, gã muốn khóc to lên. Điều đó làm gã nhớ lại cuộc chiến đấu đầu tiên hồi gã mới lên tám, nước mắt chảy ròng ròng xuống má, gã xông vào đám thằng bé kia, lớn hơn gã hai tuổi, nó đánh gã, nện gã cho đến khi gã kiệt sức. Gã trông thấy một lũ trẻ con đứng vòng quanh gào thét như những kẻ man rợ, khi cuối cùng gã gục xuống, quần quai đau đớn, nôn oẹ, máu trào ra khỏi mũi, nước mắt chảy ròng ròng từ đôi mắt thâm tím.

“Hỡi thằng bé đáng thương kia,” gã lẩm bẩm, “lần này mày lại vẫn bị đánh gục một cách thảm hại như thế. Mày đã bị đánh tơi bời. Mày đã gục ngã và kiệt lực rồi.”

Nhưng hình ảnh của một cuộc chiến đấu đầu tiên ấy vẫn còn vương lại trước mắt gã và trong khi gã ngẩng nhìn, gã thấy nó tan đi rồi lại hợp thành một chuỗi những trận đánh nhau nối tiếp. Sáu tháng sau, thằng Mặt phó mát (tên thằng bé) lại đánh gã gục một lần nữa, nhưng lần này gã cũng đã đánh cho nó tím mắt. Như vậy cũng đã khá đấy chứ! Gã trông thấy những trận đánh nhau, nối tiếp xảy ra, gã luôn luôn bị đánh gục, còn thằng Mặt phó mát thì dương dương đắc ý. Nhưng không bao giờ gã bỏ chạy. Nhớ lại chuyện đó, gã cảm thấy như có thêm sức mạnh. Gã luôn luôn đứng lại và chịu đòn. Mặt phó mát là một thằng đánh nhau sừng sỏ có phần hung ác, không một lần nào nó tỏ ra thương hại gã. Những gã đã đứng lại! Đã đứng lại đến cùng!

Rồi gã nhìn thấy một ngõ hẻm chật hẹp giữa những dãy nhà xiêu vẹo ọp ẹp. Cuối ngõ có một cái nhà gạch hai tầng đứng án ngữ. Từ đó phát ra tiếng rập đều đều của máy in, in những số phát hành đợt đầu tiên của tờ “*Người điều tra*.” Gã mười một tuổi, thằng Mặt phó mát mười ba, cả hai cùng đi bán báo, vì thế cho nên hai đứa mới đứng ở đây đợi. Và tất nhiên, thằng Mặt phó mát lại lao vào đánh nhau với gã, và lại một lần nữa trận đấu vẫn chưa ngã ngũ, vì bốn giờ kém mười lăm, buổi sáng máy in mở cửa, lũ trẻ con con ụa vào gấp báo.

“Đến mai tao sẽ cho mày biết tay!” Gã nghe thấy thằng Mặt phó mát đe dọa, gã nghe thấy chính tiếng nói của gã, yếu ớt, run run, cổ kìm nước mắt, nhận lời thách thức ngày mai sẽ lại đến đây.

Hôm sau, tan học, gã chạy vội tới chỗ đó, đến trước thằng Mặt phó mát hai phút. Bọn trẻ con xui gã cứ đánh đi, được đấy, chúng mách nước và vạch ra những chỗ yếu trong cách đánh của gã, cam đoan thể nào gã cũng thắng nếu nghe lời chúng. Chính những thằng ấy cũng lại mách nước cho Mặt phó mát. Chúng khoái cái trận này lắm! Gã ngừng lại trong ký ức một lúc lâu, thèm muốn địa vị của chúng được đứng xem cái cảnh gã và thằng Mặt phó mát đánh nhau. Trận đấu bắt đầu, và tiếp tục, không phân thành hiệp liên tiếp trong ba mươi phút cho đến khi chuông máy in mở cửa.

Gã nhìn cái bóng cũ ngày bé của mình ngày này qua ngày khác, ở trường vội vã chạy về ngõ hẻm toà báo “*Người điều tra*”. Gã không thể đi nhanh được. Người gã cứng đờ, chân khập khiễng vì đánh nhau liên mien. Từ cổ tay đến khuỷu tay, thâm tím lại, vì gã đã giơ lên để đỡ không biết bao nhiêu cú đấm, và một vài chỗ bị loét ra đã mưng mủ, sưng tấy lên. Đầu, cánh tay, bả vai, sống lưng, đau nhức nhối, khắp người đau nhức nhối. Đầu óc gã nặng nề, quay cuồng. Đến trường gã không đùa nghịch, mà cũng chẳng học hành gì hết. Ngay cứ phải ngồi yên suốt ngày ở bàn học đối với gã cũng là một điều khổ não. Từ khi mà hàng ngày cứ phải đi đánh nhau như thế, thời gian dài tưởng chừng như hàng thế kỷ trôi đi trong cơn ác mộng, trong cái tương lai vô định của những trận đánh nhau hàng ngày. Gã thường nghĩ tại sao không đánh gục được thằng Mặt phó mát để cho mình thoát khỏi cảnh khổ này, gã không bao giờ nghĩ đến chuyện ngừng đánh, để cho thằng Mặt phó mát ngang nhiên bắt nạt.

Và thế là hàng ngày gã cứ lê bước đến cái ngõ này, tâm hồn cũng như thể xác đau đớn, nhưng gã đã học tập được đức kiên nhẫn để mà đương đầu với kẻ thù muôn thuở - thằng Mặt phó mát. Thằng này cũng mệt mỏi đau đớn chẳng kém gì, và có lẽ cũng muốn thôi không đánh nhau nữa, nếu không vì bọn trẻ con bán báo nhìn vào; trước mặt chúng, nó không muốn để cho lòng kiêu hãnh của nó bị tổn thương. Một buổi chiều, theo đúng như những quy định không được đá, không được đấm vào bụng dưới, không được đánh khi một bên đã ngã, trong hai mươi phút liên hai đũa quần nhau chỉ từ hông đánh gục nhau. Thằng Mặt phó mát, thở hồng hộc, lảo đảo đề nghị thôi đấu. Martin gục đầu trong tay, lòng kích động khi nhớ lại hình ảnh của chính gã, vào buổi chiều xa xưa đó, lảo đảo thở hồng hộc, máu ở môi bị đánh toạc sặc vào mồm, trôi xuống cổ họng, loạng choạng tiến về thằng thằng Mặt phó mát, nhổ ra một bãi máu để có thể nói được, rồi hét vào mặt nó rằng gã nhất định không thôi, nếu nó muốn thì nó cứ xin hàng đi. Thằng Mặt phó mát không hàng, và cuộc đánh nhau lại tiếp tục.

Ngày hôm sau, rồi những ngày hôm sau nữa, tưởng như không bao giờ hết, đã chứng kiến những buổi chiều đánh nhau ấy. Mỗi ngày khi giơ tay lên để bắt đầu đánh, tay gã đau ghê gớm, và những cú đầu tiên đấm và bị đấm làm cho tâm hồn gã rã rời; nhưng rồi sau đó tất cả như tê điếng, gã lao vào đánh không còn biết gì nữa, như trong một giấc mộng, gã thấy bộ mặt to bạnh, đôi mắt thú dữ bốc lửa của thằng Mặt phó mát lác lư, giởn múa. Gã cứ nhắm vào cái bộ mặt ấy, tất cả những cái khác chung quanh chỉ còn là một khoảng không quay lộn. Trên đời này, không còn cái gì khác, chỉ có bộ mặt ấy thôi. Và gã không thể biết đến nghỉ ngơi, nghỉ ngơi sung sướng, chừng nào gã chưa đánh được cho cái bộ mặt ấy nát ra như tương, bằng những đốt ngón tay dầm máu của gã, hoặc là cho đến lúc những đốt ngón tay dầm máu của cái bộ mặt kia dầm cho gã nát như tương. Lúc đó có sao nữa, gã mới nghỉ ngơi được. Nhưng thôi đấu đối với gã, đối với Martin này, thôi không đánh nhau nữa, - không thể được.

Rồi một hôm, khi gã lê đến ngõ hẻm tờ báo “*Người điều tra*” thì không thấy thằng Mặt phó mát đâu. Thằng Mặt phó mát không đến. Bọn trẻ con tán tụng gã, nói rằng gã đã hạ được thằng Mặt phó mát. Nhưng Martin không hài lòng. Gã chưa hạ được thằng Mặt phó mát, mà thằng

Mặt phó mát cũng chưa hạ được gã. Vấn đề vẫn chưa được giải quyết. Mãi về sau gã mới biết là bồ thằng Mặt phó mát đã chết bất thành linh ngày hôm đó.

Rồi, gã nhớ lại sau đó mấy năm, một đêm gã ngồi trong khu rẻ tiền trên thượng tầng Nhà hát lớn. Lúc ấy gã mười bảy và vừa đi biển về. Một cuộc xô xát xảy ra, một kẻ nào đang trêu ghẹo ai đó. Martin xông vào can thiệp và thấy mình đang đứng trước đôi mắt bốc lửa của thằng Mặt phó mát.

“Tan hát, tao sẽ cho mày biết tay,” kẻ địch của gã rít lên.

Martin gật đầu. Thằng cha du côn[60] gác khu vực này chạy lại chỗ xảy ra nhốn nháo.

“Sau màn cuối, tao sẽ gặp mày ở ngoài cửa.” Martin nói khẽ, trong lúc đó gã vẫn chăm chú theo dõi “điệu vũ của người da đen” trên sân khấu.

Tên du côn quắc mắt nhìn và bước đi chỗ khác.

“Mày có bọn chứ?” gã hỏi thằng Mặt phó mát, lúc tan hát.

“Hẳn rồi!”

“Thế thì tao cũng sẽ rủ bọn.” Martin nói.

Trong lúc nghỉ giải lao giữa hai màn, gã đi tập hợp bọn của gã – ba tay mà gã quen trong xưởng kim đỉnh, một thợ đốt lò ở Sở hỏa xa, năm sáu tay anh chị khu rạp hát và một số ở khu Chợ - Mười tám đáng ghê sợ.

Tan hát ra, hai bọn cứ lặng lẽ đi ở hai bên lề đường. Đến một góc phố yên tĩnh chúng họp lại, thành lập một “hội nghị quân sự.”

“Địa điểm là ở cầu Phố Tám,” một thằng tóc đỏ trong bọn thằng Mặt phó mát nói. “Cứ đánh nhau ngay ở giữa cầu dưới ánh đèn điện, bọn cóm có tới theo lối nào ta cũng có thể lẩn đi được.”

“Đối với tao, được lắm!” Martin nói, sau khi bàn bạc với những tên đầu sỏ trong bọn.

Cầu Phố Tám bắc ngang qua một nhánh của sông Antonio, dài ba dãy phố. Giữa cầu và ở hai đầu có đèn điện. Không một người cảnh sát nào đi qua những chỗ đầu cầu có ánh đèn ấy mà không bị nhìn thấy. Cái địa điểm yên ổn cho cuộc đánh nhau này như sống lại dưới mắt gã. Gã nhìn thấy hai bọn, lăm lăm, dữ tợn, giữ đúng khoảng cách nhau và ở sau đầu thủ của mình. Gã thấy gã và thằng Mặt phó mát cởi trần trùng trục. Cách đó một quãng ngắn, có bố trí người canh, nhiệm vụ là phải luôn luôn nhìn về phía ánh đèn ở đầu cầu. Một tên trong bọn anh chị rạp hát cầm áo ngoài, áo sơ mi và mũ của Martin sẵn sàng chuồn đến chỗ yên ổn nếu cảnh sát tới. Martin thấy mình đi vào giữa, đối diện với thằng Mặt phó mát, và gã lại nghe thấy tiếng gã nói, tay giờ lên đe dọa:

“Lần này, không có bắt tay giảng hoà. Hiểu không? Chỉ có đánh thôi! Không có ném khăn. Đây là một trận đánh nhau để thanh toán món nợ cũ, phải đánh cho đến cùng. Hiểu không? Nhất định phải có thằng gục.”

Thằng Mặt phó mát ra ý do dự - Martin thấy rõ như vậy – nhưng trước mặt hai bọn, tính kiêu

căng nguy hại cũ của nó bị động chạm.

“Được, chơi đi,” nó trả lời. “Lãi nhải làm cái gì, tao sẽ đánh đến cùng với mày.”

Thế rồi hai đứa lao vào nhau, như hai con bò tót non, đương độ sung sức, với những nắm tay trần, với lòng căm thù, với ý muốn làm cho đau đớn, tổn thương, huỷ diệt. Tất cả những cái gì mà con người thu hoạch được qua hàng ngàn năm đau khổ trong quá trình sáng tạo thì bây giờ đã mất hết. Chỉ còn lại ánh đèn điện, cái mốc đá trên con đường của cuộc phiêu lưu lớn của con người. Martin và Mặt phó mát là hai kẻ mọi rợ của thời kỳ đồ đá, sống ở những nơi hang hốc, những gốc cây. Chúng ngập xuống càng ngày càng sâu trong cái vực thăm bùn nhơ, trở về trong cái căn bã của cuộc sống ban đầu man dại, vật lộn mù quáng như một chất hoá học, như những nguyên tử, như những mảnh sao trên trời, va vào nhau, lùi lại, rồi lại va vào nhau, cứ thế khôn cùng.

“Trời ơi! Chỉ là những con vật! Những con vật man rợ.” Martin lẩm bẩm khi gã hình dung lại cuộc đánh nhau. Đối với gã, với trí tưởng tượng vô cùng mạnh mẽ, hình như gã đang nhìn vào một cái máy hoạt cảnh. Gã vừa là khán giả, vừa là diễn viên. Những tháng dài học tập, trau dồi làm cho gã rung mình trước cảnh đó, rồi hiện tại bị xoá mờ đi trước ý thức của gã, những bóng mà của quá khứ chế ngự gã, gã lại là Martin Eden vừa mới ở biển về và đang đánh nhau với thằng Mặt phó mát ở Cầu Phố Tám. Gã đã phải chịu đựng, đem hết sức lực, đổ mồ hôi đổ máu, và sung sướng mỗi khi nắm tay trần của gã nện trúng đích.

Cả hai đều là những cơn lốc căm thù, xoay lộn chung quanh nhau một cách khủng khiếp. Thời gian trôi qua, và hai bọn đối địch đứng lặng đi. Chưa bao giờ chúng được chứng kiến một cuộc đánh nhau hung bạo đến như vậy, và chúng kinh hãi. Hai kẻ đánh nhau còn là những kẻ tàn bạo hơn chúng. Tất cả cái liều lĩnh, tất cả sức lực của tuổi trẻ được đem dốc ra lúc đầu, sau đó chúng đánh thân trọng hơn, có suy tính hơn. Hai bên chưa ai thắng ai. Martin nghe thấy có đứa nói: “Đánh thế này chưa biết ai thắng ai bại.” Rồi, gã làm một động tác giả, né trái né phải, nhưng bị đánh một cú kinh khủng và gã cảm thấy má bị toác lòi cả xương ra. Không một nắm tay trần nào có thể dẫm được như vậy. Gã nghe thấy tiếng xì xào kinh ngạc khi gã bị thương một cách đáng sợ như thế; má gã dẫm máu. Nhưng gã không nao núng. Gã bắt đầu hết sức thận trọng, bởi vì gã khôn ngoan thừa biết tất cả những mánh lới bần tiện và những thủ đoạn bần thủ của đồng loại. Gã để ý nhìn, chờ đợi rồi gã giả vờ lao vào một cách điên cuồng nhưng nửa chừng ngừng ngay lại, vì gã trông thấy ánh kim khí loé lên.

“Giơ tay lên!” Gã thét. “Mày đã dùng quả dấm đồng để đánh tao!”

Hai bọn xông lên, gầm ghè. Chỉ trong một giây là sẽ thành một cuộc loạn đả và như thế là gã mất cơ hội trả thù. Gã như điên lên.

“Chúng mày giãn ra!” Gã rút lên khăn khăn. “Hiếu không? Chúng mày hiếu không?”

Cả hai bọn lùi lại. Chúng là những kẻ dã man, nhưng gã còn là kẻ dã man hơn, một sinh vật khủng khiếp vượt lên trên chúng, chế ngự chúng.

“Đây là việc của tao, không đứa nào được dính vào. Đưa ngay quả dấm đồng đây!”

Thằng Mặt phó mát, đã dụi đi một chút và hơi sợ đưa nộp ngay cá vũ khí bần tiện.

“Chính mày đã lén đưa cho nó, cái thằng tóc đỏ đang lẩn vào trong bọn kia,” Martin nói tiếp rồi quẳng quả dấm xuống nước. “Tao đã trông thấy mày, nhưng không hiếu mày định làm cái trò gì. Nếu mày còn giở cái ngón ấy ra nữa, tao đánh cho mất xác. Hiếu không?”

Chúng lại đánh tiếp, tuy đã mệt hết sức, mệt không thể tưởng tượng được. Hai bọn dã man, tính khất máu đã thỏa mãn, lúc này kinh hãi trước cảnh đó, phải cùng nhau xin hai đứa thôi đánh nhau nữa. Và thằng Mặt phó mát sẵn sàng gục xuống mà chết, hay là cứ đứng mà chết, một con quỷ xám ngoét, hình thù không còn gì là của thằng Mặt phó mát nữa; bị đánh toi bời, nó đã dao động, nao núng lắm, nhưng Martin vẫn cứ lao vào, đâm túi bụi.

Rồi, sau một giây lát dài tưởng chừng một thế kỷ, thằng Mặt phó mát đuối sức rất nhanh, trong cuộc hỗn chiến giữa những cú đâm giáng xuống như mưa bỗng nghe một tiếng rắc, cánh tay phải của Martin thông ngay xuống. Một cái xương đã bị gãy. Mọi người đều nghe rõ và biết như vậy. Thằng Mặt phó mát cũng biết như vậy, như một con hổ nó lao vào kẻ địch đánh liên hồi. Bọn của Martin ào ra can thiệp. Choáng váng vì những cú đâm tới tấp ấy, Martin chửi bới thô tục, quát chúng lùi lại, nấc lên, gào lên trong sự đau khổ và tuyệt vọng đến cực độ.

Nhưng gã cứ đâm, đâm một cách ngoan cường, chỉ với cánh tay trái, trong một tình trạng nửa mê nửa tỉnh, và như từ ở một nơi xa xăm nào, gã nghe thấy tiếng thì thào kinh hãi của hai bọn và một kẻ nào đó run run nói: “Chúng mày ơi, đây không phải là để đánh nhau nữa, đây là giết nhau, phải ngăn chúng nó lại.”

Nhưng không đứa nào ngăn lại cả, và gã sung sướng đâm tiếp, đâm một cách mệt mỏi, đâm liên miên không ngớt chỉ bằng một tay, cứ nện xuống một cái gì đâm máu trước mặt gã, không phải là một bộ mặt nữa, mà là một cái gì khủng khiếp, một vật không tên, lắc lư, ghê tởm, rền rĩ, nó cứ đứng ở trước con mắt đã hoa lên của gã, cứ đứng đó không đi. Gã lại đâm tiếp, đâm tiếp, chậm hơn, chậm hơn: chút sức lực cuối cùng của gã vừa ứa ra hết, qua hàng bao thế kỷ qua bao chẳng thời gian dài vô tận, chỉ mờ mờ, gã cũng thấy cái vật không tên kia khuyu dần chậm chậm xuống cái sàn gỗ gồ ghề của mặt cầu. Lát sau, gã đứng cúi mình trên vật đó, lão đảo lắc lư trên đôi chân run run, nắm lấy không khí để đứng cho vững, và nói bằng một giọng mà chính gã cũng không nhận ra nữa.

“Mày có muốn nữa không? Nói đi, mày có muốn nữa không?”

Gã cứ nói đi nói lại mãi mỗi câu đó - hỏi, thúc giục, đe dọa để xem nó có muốn nữa không - trong khi đó gã cảm thấy mấy đứa bạn đặt tay lên người gã, vỗ vào lưng gã, cổ khoác áo cho gã. Rồi như có một tấm màn đen kịt, quên lãng ào tới.

Chiếc đồng hồ báo thức để trên bàn reo lên, nhưng Martin Eden đầu vẫn gục trong hai cánh tay, không nghe thấy. Gã không nghe thấy gì cả. Gã không nghĩ gì cả. Gã hoàn toàn sống lại cuộc sống cũ đến nỗi gã mê lịm đi như gã đã từng mê lịm mấy năm trước đây ở Cầu Phố Tám. Hoàn toàn trong giây phút dài đặc, tấm màn đen quên lãng bao trùm lấy gã. Rồi như một người từ cõi chết trở về, gã vùng đứng lên, mắt bốc lửa, mồ hôi toát ra đầm đìa cả mặt, gã hét lớn:

“Tao đã đánh gục được mày, thằng Mặt phó mát kia! Tao đã mất mười một năm trời, nhưng tao đã đánh gục được mày!”

Đầu gối đã run lên, gã cảm thấy ngậy ngất, gã lão đảo lùi lại giường, gieo mình xuống ngồi trên thành giường. Gã hãy còn chìm trong quá khứ. Gã nhìn quanh phòng, bối rối, hoảng hốt tự hỏi không hiểu mình ở đâu, cho đến tận khi gã chợt trông thấy những bản thảo ở góc phòng. Rồi những bánh xe của ký ức lại lăn về phía trước qua bốn năm của thời gian, gã nhận thức hiện tại với những cuốn sách mà gã đã mở, với vũ trụ mà gã đã chinh phục từ những trang sách đó, với những giấc mơ tham vọng của gã và với tình yêu đối với người con gái trong trắng đa cảm, yếu ớt, thần tiên, người con gái ấy sẽ chết vì kinh hãi nếu được chứng kiến, dù chỉ một phút thôi, những cái gã đã từng sống qua, một phút thôi trong tất cả sự ngợp ngụa của cuộc đời

mà gã đã lội qua.

Gã đứng lên, và tới trước gương.

Gã nói một cách long trọng: “Martin Eden, thế là người đã từ bùn lầy mà vươn lên đây! Người đã rửa mắt của người trong ánh sáng huy hoàng, người đã vươn đôi vai tới các vì sao, đã làm tất cả những gì mà cuộc đời đã làm, đã để cho tất cả “những thú tính chết đi”[\[61\]](#); vật lộn để nắm lấy cái di sản cao quý nhất của khả năng nhân loại.”

CHƯƠNG 16

Chuông đồng hồ báo thức réo lên, giật Martin ra khỏi giấc ngủ, đột ngột đến nỗi có thể làm một người thể chất yếu hơn phải nhức đầu. Tuy ngủ say, gã vẫn tỉnh dậy ngay – như một con mèo; và gã trở dậy một cách hăm hở, sung sướng vì năm giờ đồng hồ vô tri giác đã qua đi. Gã ghét trạng thái quên lãng hoàn toàn của giấc ngủ. Có rất nhiều việc phải làm, rất nhiều cái của cuộc sống cần phải sống. Gã cảm ghét giấc ngủ đã lấy đi của gã từng giây phút của cuộc sống, và trước khi cái đồng hồ ngừng tiếng rung lạnh lạnh của nó, gã đã vục đầu vào chậu rửa mặt, run lên trong làn nước lạnh thấm vào da thịt.

Nhưng gã không theo chương trình thường ngày. Không còn một truyện cũ nào chưa xong chờ gã viết nốt, không có một truyện mới đòi hỏi gã bắt đầu. Đêm qua học khuya, bây giờ trở dậy đã gần đến bữa ăn sáng. Gã định đọc một chương của Fiske[62], nhưng đầu óc bồn chồn, gã gấp sách lại. Hôm nay là ngày chứng kiến sự bắt đầu của một chiến đấu mới, cần đòi hỏi một thời gian ngừng viết. Gã cảm thấy một nỗi buồn giống như khi người ta từ biệt căn nhà và gia đình của mình. Gã nhìn chồng bản thảo ở góc phòng. Thế đấy, gã phải xa cách chúng, những đứa con tội nghiệp không được người đời trọng vọng, không được nơi nào đón tiếp. Gã bước tới, lục lại chồng bản thảo, đọc đây đó một vài đoạn mà gã ưa thích. Gã đánh giá cao truyện “Cái xoong” và đọc nó to lên cũng như gã đọc “Mạo hiểm” “Niềm vui” - tác phẩm cuối cùng của gã, mới viết xong ngay hôm trước, bị quăng vào góc phòng vì không có tem để gửi đi, là đứa con mà gã yêu thích nhất.

“Ta không thể nào hiểu được,” gã lẩm bẩm. “Hay có thể chính những ông chủ bút không thể nào hiểu được. Trong đó không có gì sai trái cả. Thằng nào họ cũng cho in những tác phẩm tồi hơn nhiều. Tất cả những cái họ cho in đều tồi hơn - hầu như tất cả...”

Ăn sáng xong, gã cho máy chữ vào trong hộp, mang xuống khu Oakland. Gã nói với người thư ký cửa hàng: “Tôi còn nợ một tháng tiền thuê máy, nhưng ông nói hộ với ông quản lý, tôi sắp đi làm và trong khoảng một tháng gì đó, tôi sẽ thanh toán hết.”

Gã qua phà sang bên **San Francisco**, tìm đường tới Sở tìm việc. Gã nói với người nhân viên: “Bất cứ việc gì cũng được, trừ đi buôn.” Gã đương nói thì bị ngắt quãng bởi một gã mới tới, ăn mặc hơi cầu kỳ, giống như một vài anh thợ bản năng thích diện. Người nhân viên lắc đầu chán nản.

“Không xoay được hử?” Gã kia nói. “Hôm nay thế nào tớ cũng phải tìm được người.”

Gã quay lại và nhìn vào mặt Martin. Martin cũng nhìn lại; trông thấy bộ mặt xị ra, tái mét, đom đóm và yếu ớt gã biết ngay thằng cha đã thức trắng đêm trác táng.

“Tìm việc hử?” Gã hỏi. “Cậu biết làm gì?”

“Mọi công việc nặng nhọc, đi biển, đánh máy chữ nhưng không biết tốc ký, cưới ngựa được. Làm gì cũng được, được hết.”

Gã kia gật đầu.

“Nghe cũng được đấy. Tên tớ là Dawson, Joe Dawson. Tớ đang cần một người thợ giặt.”

“Việc ấy tớ không kham được,” gã chợt thấy mình mỉm cười hóm hỉnh khi nghĩ tới phải là những bộ đồ trắng mịn mượt của đàn bà. Nhưng gã thấy thú cái gã này và gã nói thêm. “Giặt không thì tớ cũng làm được. Hồi đi biển tớ cũng đã làm nhiều.”

Joe Dawson có vẻ suy nghĩ một lát.

“Này, chúng ta cùng thương lượng với nhau. Cậu muốn nghe tớ nói không?”

Martin gật đầu.

“Đây là một cửa hiệu giặt nhỏ, ở vùng quê thuộc khách sạn *“Shelly Hot Springs,”* cậu biết đấy. Cần hai người làm, một người chủ, một người giúp việc. Tớ là chủ, cậu không phải làm cho tớ đâu, nhưng làm dưới quyền tớ. Cậu có ưng không?”

Martin suy nghĩ. Triển vọng cũng sáng sủa đây. Mất vài tháng, rồi gã sẽ có thì giờ để học. Gã có thể làm việc cật lực mà học cũng cật lực.

“Ăn tốt và có buồng riêng cho cậu.” Joe nói.

Thế là công việc thu xếp xong. Một buồng riêng, ở đó gã có thể đốt đèn cho đến tận nửa đêm không ai quấy rầy.

“Nhưng làm việc thì như khổ sai đấy,” Joe nói thêm.

Martin vuốt ve bắp thịt vai nhô lên của gã một cách có ý nghĩa. “Cái này cũng do làm việc cật lực mà có đấy!”

“Thôi thế thì chúng ta bàn vào việc.” Joe để tay lên trán một chút. “Ôi chao, đầu tớ cứ vầng cả lên, mắt hoa không nhìn thấy gì. Đêm qua, uống một chén say mềm... Điều kiện là như thế này nhé. Lương của cả hai thằng là một trăm và được ăn ở. Lương tớ sáu chục, phần người kia là bốn chục. Nhưng hẳn ta đã thạo việc. Cậu thì còn lớ ngớ. Nên lấy cậu vào, lúc đầu, tớ còn phải làm thay nhiều. Giả dụ lúc đầu tớ đưa cậu ba chục nhé, rồi dần dần sẽ lên bốn chục. Tớ chơi sòng phẳng. Hễ cậu làm được phần việc của cậu, thì cậu sẽ lĩnh bốn mươi.”

“Đồng ý.” Martin nói vừa chìa tay cho gã kia bắt. “Có cho vay trước không? Để lấy vé tàu, chi tiêu lát vạt chứ!”

“Tớ hết nhẵn cả rồi.” Joe trả lời buồn bã, tay lại bóp bóp cái đầu đau nhức. “Nhân thân tớ chỉ còn mỗi một cái vé khứ hồi.”

“Tớ trả tiền trọ thì chẳng còn đồng xu dính túi.”

“Chưa trả vội.” Joe mách nước.

“Không được, nợ bà chị tớ mà...”

Joe huýt một tiếng sáo dài, bối rối, cố vắt óc nghĩ kế nhưng cũng không ra.

“Tớ còn đủ để hai đứa làm chén rượu.” Joe nói. “Thôi cứ đi, có thể rồi chúng ta cũng sẽ nghĩ

kể xoay được.”

Martin từ chối.

“Kiêng à?” Joe hỏi.

Martin gật đầu, còn Joe thì rên rĩ. “Giá mà tớ cũng được như cậu! Nhưng không hiểu sao, tớ không tài nào kiêng nổi.” Joe nói như để làm nhẹ lỗi của mình đi. “Sau một tuần lễ làm việc quần quật như trâu, như chó, tớ phải nốc cho say. Nếu không uống thì có lẽ tớ phải cứa cổ tớ đi hay đốt nhà mất. Thấy cậu kiêng được, tớ cũng mừng. Cứ kiêng đi cậu ạ!”

Martin thấy rõ cái vực thẳm mênh mông giữa gã và anh chàng này – cái vực thẳm do sách vở tạo nên, nhưng gã thấy bước trở lại qua cái vực thẳm đó cũng không khó khăn gì. Suốt đời gã đã sống trong thế giới của những người lao động, và tình bạn trong lao động là thiên tính thứ hai của gã. Gã đã giải quyết được vấn đề chuyên chở của mình, một vấn đề nan giải đối với cái đầu óc đau nhức của Joe. Gã sẽ gửi chiếc vali nhờ Joe mang lên tàu đi trước đến khách sạn Shelly **Hot Springs**. Còn gã thì đã có xe đạp. Đường dài bảy mươi dặm, gã có thể đi ngay chủ nhật, sáng thứ hai đã sẵn sàng làm việc. Bây giờ gã sẽ về nhà thu xếp đồ đạc, quần áo. Chả có ai để mà từ biệt. Ruth và cả gia đình đã đi nghỉ hè ở Sierra, bên hồ Tahoe.

Gã tới Shelly **Hot Springs** mệt nhoài, người đầy bụi bặm, vào đêm chủ nhật. Joe mừng rỡ đón tiếp gã. Joe đã làm việc suốt ngày với một chiếc khăn thấm nước quấn quanh cái đầu đau nhức.

“Mấy ngày tuần lễ trước đi để kiểm cậu, quần áo giặt ùn cả lại thế kia đấy!” Anh ta giảng giải. “Vali của cậu đến, ổn rồi, ở trong buồng cậu ấy. Vali quý gì mà nặng khiếp! Có cái gì trong ấy thế? Vàng thoi chắc.”

Joe ngồi ở trên giường trong khi Martin mở vali ra. Thực ra nó vốn chỉ là một cái hòm đựng những đồ hộp ăn sáng, lão Higginbotham đã bán lại cho anh ấy một nửa đô la. Martin đã đóng vào đó hai cái quai bằng thùng và đã khéo léo biến nó thành một cái vali dùng để mang hành lý đi đây đi đó được. Joe trở mắt nhìn, chỉ thấy vài ba cái áo sơ mi, còn toàn là sách.

“Dễ thường sách đến tận đây chắc?” anh ta hỏi.

Martin gật đầu, và cứ tiếp tục xếp sách lên một cái bàn nhà bếp kê ở trong phòng dùng làm bàn rửa mặt.

“Hừ!” Joe kêu lên, và yên lặng chờ đợi một ý suy đoán đang hình thành trong óc. Cuối cùng, ý đã tới.

“Này, cậu không để ý gì đến gái à. Thật không?” Anh ta hỏi.

“Không, trước khi mê sách tớ cũng săn gái gớm lắm, nhưng từ độ ham đọc thì chẳng có thì giờ đâu.”

Ở đây cũng chẳng có thì giờ. Chỉ có làm việc với ngủ cũng đủ hết ngày.

Martin nghĩ đến năm giờ đồng hồ ngủ trong một đêm của gã và mỉm cười. Căn phòng của gã ở ngay trên xưởng giặt, cùng ở một toà nhà với cái máy bơm nước, vừa phát điện, vừa tiếp điện cho máy giặt. Anh thợ máy ở phòng bên cạnh cũng tạt vào thăm Martin và giúp gã nối dây lắp bóng điện, dây điện chạy dài suốt từ bàn tới giường.

Sáu giờ mười lăm sáng hôm sau Martin bị lôi dậy để đi ăn sáng vào lúc bảy giờ kém mười lăm. Trong khu nhà giặt có một chiếc bồn tắm giành cho những người làm. Gã tắm bằng nước lạnh, khiến Joe choáng cả người.

“Gớm! cậu thật tài!” Joe nói khi hai người ngồi ăn sáng ở góc bếp của khách sạn.

Cùng ăn còn có anh thợ máy, anh làm vườn, anh phụ việc và hai ba người coi chuồng ngựa. Họ ăn vội vàng, buồn bã, chuyện trò với nhau rất ít. Martin Eden ngồi im, lắng nghe và gã thấy mình đã vượt quá xa chỗ đứng của họ. Tầm hiểu biết chật hẹp của họ làm cho gã chán ngán, và gã muốn mau mau rời xa họ. Cũng vội vàng như học, gã nuốt tống nuốt tháo chỗ thức ăn nghèo nàn, lũng bưng, và thở dài thoát nạn khi bước qua cửa bếp.

Đó là một xưởng giặt nhỏ có máy hơi nước, trang bị hoàn toàn bằng máy móc hiện đại nhất, máy móc làm tất cả mọi việc mà nó có thể làm được. Sau khi được chỉ dẫn, Martin phân loại đồng quần áo bẩn to tướng, trong khi Joe bắt đầu cho chạy máy đập chuyển những bánh xà phòng mềm làm bằng những chất hóa học độc; anh ta phải lấy khăn bông tắm bọt cả mồm, mũi, mắt lại, trông chẳng khác gì một cái thầy liệm vải. Sau khi phân loại xong, Martin giúp anh ta vắt quần áo. Việc làm là tống chúng tất cả vào trong một cái thùng quay, một phút có thể quay mấy ngàn vòng, dùng lực ly tâm để vắt kiệt nước. Martin bắt đầu chạy hết từ cái máy sấy, đến cái máy vắt, đồng thời rũ rũ những chiếc bút tất dài và bút tất ngắn. Đến chiều thì một người đưa, một người cứ chất những chiếc bút tất vào cái máy ép, trong khi những chiếc bàn là được đốt nóng. Rồi đến công việc là những bộ đồ lót cho đến tận sáu giờ chiều, lúc ấy Joe lắc đầu ngán ngại.

“Không hết mất,” anh ta nói. “Cơm tối xong phải lại phải làm thôi.”

Cơm tối xong, họ phải làm cho đến tận 10 giờ đêm dưới ánh đèn điện sáng chói cho đến tận khi chiếc áo lót cuối cùng được là xong, gấp lại và chuyển sang phòng trả. Đó là một đêm oi bức miền California, tuy cửa sổ đã mở toang mà căn phòng, với cái lò đốt bàn là đỏ rực rực, vẫn nóng chẳng khác gì một cái lò lửa. Martin và Joe chỉ còn mặc độc một chiếc áo lót, cánh tay để trần, mồ hôi vã ra, hơi thở nặng nhọc.

“Chẳng khác gì ở trong một cái tàu hàng ở biển miền nhiệt đới.” Martin nói, khi hai người lên gác.

“Rồi sẽ quen đi thôi,” Joe trả lời. “Cậu khá lắm, nếu cứ làm như thế thì chỉ tháng đầu thôi là lĩnh ba mươi đô la. Tháng thứ hai đã được bốn mươi. Nhưng đừng có nói là trước kia cậu chưa hề là quần áo bao giờ. Tớ tỉnh lắm chứ.”

“Nói thực với cậu, cả đời tớ chưa hề là cái gì bao giờ, hôm nay mới là lần đầu,” Martin cãi lại.

Bước vào phòng, Martin ngạc nhiên thấy mình mệt mỏi, gã quên dứt đi mất là mình đã từng làm việc liên không nghỉ trong mười bốn tiếng đồng hồ. Gã để đồng hồ báo thức vào lúc sáu giờ, tính lùi lại sẽ đi ngủ từ một giờ đêm và như thế là được ngủ năm tiếng. Từ giờ đến lúc đó gã có thể đọc sách. Tụt giày ra cho đôi chân sưng phồng của mình được thoải mái hơn, gã ngồi vào bàn với những cuốn sách. Gã mở Fiske ra ở trang mà hai ngày hôm nay gã bỏ dở không rờ đến, và bắt đầu đọc. Nhưng ngay đoạn đầu, gã cũng đã thấy khó hiểu và phải đọc lại lần thứ hai. Rồi bỗng gã bừng tỉnh dậy, bắp thịt cứng đờ, đau như dằm, gã rung mình ớn lạnh vì gió núi thổi vào qua cửa sổ bỏ ngỏ. Gã nhìn đồng hồ. Hai giờ. Gã đã ngủ được bốn tiếng. Gã cởi áo và bò vào giường, đầu vừa đặt xuống gối, gã đã ngủ thiếp đi.

Thứ ba cũng vẫn phải làm việc liên tục như vậy. Tốc độ làm việc của Joe khiến cho Martin phải thán phục. Sức làm việc của anh ta ngang với hai con quỷ. Anh ta dốc hết sức, và trong suốt một ngày dài dặc, không có lúc nào ngơi tay. Anh ta tập trung hết tinh thần vào công việc và nghĩ cách làm thế nào để tiết kiệm thời gian, thỉnh thoảng lại chỉ dẫn cho Martin thấy có những việc đáng lý phải mất năm động tác thì chỉ cần ba cũng đủ, có những việc đáng lý phải ba chỉ cần hai. “Phương pháp loại những động tác thừa,” Martin nói như vậy trong khi gã ngắm nhìn và làm theo. Chính gã vốn là một công nhân giỏi nhanh nhẹn và khéo léo; gã thường vẫn tự hào là không một ai có thể làm thay được gã trong bất cứ công việc gì. Vì vậy gã cũng tập trung hết tinh thần để làm việc. Joe gợi ý hay chỉ dẫn điều gì, gã nắm lấy ngay. Gã vò những cái cổ cồng và măng-sét^[63], vò sạch lượt hồ cáu lại ở giữa hai lần vải dày, và làm sao để đến khi là không có những chỗ bị phồng lên. Gã làm việc với một tốc độ nhanh đến nỗi Joe phải khen ngợi.

Không lúc nào là lúc không có việc làm. Joe không chờ gì, chẳng đợi gì, cứ làm hết việc này đến việc khác. Họ phải hồ hai trăm cái áo sơ mi trắng, làm thế nào chỉ với một cái là cổ, cầu vai, ngực, cổ tay của chiếc áo sơ mi phải chò ra khỏi vòng nắm tay phải, đồng thời tay trái giữ lấy thân áo để cho hồ khỏi dính vào, trong khi tay phải nhúng xuống hồ, hồ nóng quá đến nỗi muốn vắt được áo họ cứ phải nhúng tay luôn luôn vào thùng nước lạnh. Đêm hôm đó, họ làm việc đến tận mười giờ rưỡi, ra công hồ “những bộ quần áo cầu kỳ” - những bộ đồ mỏng, nhẹ, thêu ren của các bà, các cô.

“Tớ thà đi biển nhiệt đới còn hơn làm cái trò giặt giũ này.” Martin mỉm cười.

“Còn tớ bỏ nghề này là thất nghiệp,” Joe trả lời nghiêm trang. “Tớ chẳng biết làm cái gì ngoài nghề thợ giặt.”

“Cậu thạo nghề lắm!”

“Phải thế thôi, tớ bắt đầu đi làm từ năm mười một tuổi ở Contra Costa, vùng Oakland, đứng máy ép. Đã mười tám năm rồi, và từ đó đến giờ tớ chả làm nghề gì khác. Nhưng quả thật công việc ở đây là gay nhất. Đáng lý ít nhất cũng phải có thêm một người nữa. Đêm mai chúng mình lại phải làm thôi. Đêm thứ tư là bao giờ cũng phải cho máy chạy - rồi lại cổ cồng, măng-sét.”

Martin để chuông báo thức, ngồi vào bàn và mở Fiske ra. Gã không đọc hết chương đầu. Những dòng chữ mờ đi ríu vào nhau, đầu gã gà gât. Gã đứng lên, đi đi lại lại, lấy tay ôm vào đầu một cách điên dại, nhưng gã cũng không thể thắng nỗi giấc ngủ đè trĩu lên gã. Gã dựng quyển sách lên trước mặt, lấy ngón tay vành mắt ra, nhưng gã vẫn cứ ngủ thiếp đi với đôi mắt mở to. Gã đành phải đầu hàng và hầu như không biết mình làm gì nữa, gã cởi quần áo trèo lên giường. Gã ngủ bả tiếng liền, một giấc ngủ nặng nề như của thú vật, gã bừng tỉnh khi tiếng chuông báo thức réo lên, và vẫn còn cảm thấy chưa đủ.

“Có đọc được nhiều không?” Joe hỏi.

Martin lắc đầu.

“Cứ yên trí. Tối hôm nay cho máy chạy, nhưng thứ Năm ta sẽ nghỉ từ sáu giờ. Như thế cậu có thì giờ đấy.”

Hôm nay Martin giặt đồ len, bằng tay, trong một chiếc chậu lớn đầy xà phòng mềm, với một cái máy là, là một cái trục bánh xe, buộc vào một cái cần, cần này lại nối vào một cái sào có

nhíp ở bên trên.

“Sáng kiến của tớ đấy.” Joe kiêu hãnh nói, “mạnh hơn là dùng bàn giặt và tay nhiều và hơn nữa, ít nhất cũng bớt được mỗi tuần mười lăm phút. Mà mười lăm phút trong cái địa ngục này không phải là chuyện chơi.”

Cách xếp cổ cồng và măng-sét đưa vào máy ép cũng là sáng kiến của Joe. Đêm ấy, trong khi hai người làm việc dưới ánh đèn điện, Joe đã giải thích cho gã rõ.

“Các hiệu khác không làm theo kiểu này, chỉ có ở đây thôi. Nhờ đó mà cứ chiều thứ bảy là ba giờ đã được nghỉ rồi. Chỉ hơn nhau ở cái chỗ là biết cách làm. Phải đốt cho đủ sức nóng, đủ sức ép, và phải đưa chúng vào ba lần. Cậu cứ nhìn đây này...” Joe giơ cao một cái măng-sét lên. “Dùng tay hay dùng máy cũng chẳng bằng thế này được!”

Thứ Năm, Joe như phát điên lên. Lại có thêm một đồng những “bộ đồ cầu kỳ” của các bà các cô đem giặt.

Joe nói lớn:

“Ông thì bỏ mặc. Không chịu được nữa. Bỏ mặc xác nó đấy. Làm việc suốt cả tuần như một tên nô lệ, giành từng phút một, thế mà nó lại tổng thêm vào cho ông một đồng quần áo thế này. Tớ sẽ nói cho thằng Hà-lan béo phì ấy biết tớ nghĩ gì về nó. Tớ không nói bằng tiếng Pháp đâu nhé. Cái tiếng Mỹ thông thường cũng đủ tốt cho tớ rồi. Cái thằng khốn kiếp lại tổng thêm cho mình một đồng quần áo thế kia cơ chứ?”

Nhưng rồi anh thay đổi ý kiến, đầu hàng số phận. Và nói ngay: “Chúng ta phải làm việc đêm nay thôi.”

Đêm hôm đó, Martin không đọc gì cả. Suốt tuần gã không rờ đến tờ báo hàng ngày; mà đối với gã kể cũng lạ, gã không muốn đọc một tờ báo nào cả. Gã không quan tâm đến tin tức. Gã quá mệt, quá rã rời, không còn thiết đến bất cứ cái gì, tuy gã đã định chiều thứ bảy nếu ba giờ mà xong việc, gã sẽ đạp xe đi Oakland. Bảy mươi dặm đường đi, và bảy mươi dặm đường về vào buổi chiều chủ nhật sẽ khiến gã không được nghỉ ngơi một tí để lại tiếp tục làm việc tuần thứ hai. Đi tàu thì dễ chịu hơn nhưng cả đi lẫn về mất những hai đô la rưỡi, mà gã thì đang định để dành tiền.

CHƯƠNG 17

Martin học làm được nhiều thứ. Trong tuần lễ đầu tiên có một buổi chiều gã và Joe phải thanh toán hai trăm cái áo sơ mi trắng. Joe đứng máy, một cái máy trong đó chiếc bàn là nóng được móc vào một cái lò xo thép để tạo ra sức ép. Bằng cách này, Joe là cầu vai, cổ tay, cổ còng, gấp sao cho cổ còng thẳng góc và cuối cùng là ngực cho thật bóng. Ngay sau khi là xong, anh vắt áo vào một cái giá đặt ở giữa anh và Martin. Martin nhặt ngay lên làm nốt phần còn lại, là tất cả những chỗ không hồ của áo.

Đây là một công việc mệt nhọc, giờ nọ kế tiếp giờ kia, phải làm với một tốc độ rất nhanh. Ở ngoài kia, trên những hàng hiên rộng của khách sạn, đàn ông, đàn bà trong những bộ quần áo trắng mát, nhấp những cốc nước ướp đá cho hạ nhiệt. Nhưng ở trong xưởng giặt, không khí thật là ngột ngạt. Cái lò khổng lồ gầm réo, nóng đỏ, nóng trắng lên, trong khi bàn là miết trên vải ẩm làm bốc lên từng đợt hơi. Sức nóng của những cái bàn là này khác hẳn với sức nóng của những cái mà các bà nội trợ thường dùng. Một cái bàn là nếu lấy ngón tay ướm thử vào thử theo lối thường mà chịu được thì đối với Joe và Martin hẳn còn quá lạnh, lối thử như thế vô dụng. Phải để nó sát vào má, lường sức nóng của nó bằng một bí quyết nào đó của bộ óc mà Martin chỉ có thể thán phục chứ không sao hiểu nổi. Khi bàn là mới lấy ra còn quá nóng, họ móc vào những móc sắt và nhúng xuống nước lạnh. Việc làm này cũng đòi hỏi một mức độ tính toán chính xác tinh vi. Chỉ để quá một phần giây trong nước lạnh là mất các sức nóng cần thiết để là cho lụa đẹp và bóng lên. Martin có thì giờ để ngạc nhiên về sự chính xác, gã đã tạo ra được cho mình một sự chính xác máy móc - dựa trên tiêu chuẩn nhất định giống như cái máy, không thể nhầm lẫn được.

Nhưng gã cũng chẳng có nhiều thì giờ để mà ngạc nhiên. Tất cả tâm trí gã đều tập trung vào công việc. Hoạt động không ngừng, cả đầu cả tay, một cái máy thông minh, tất cả những cái gì đó tạo gã thành con người, gã đem cống hiến hết để nuôi dưỡng cái trí thông minh ấy. Trong óc gã chẳng còn chỗ nào để mà nghĩ đến vũ trụ và những vấn đề lớn lao của nó. Tất cả những dây hành lang mệnh mông rộng lớn của trí óc gã đều bị đóng chặt lại, niêm phong kỹ lưỡng. Căn phòng âm vang trong tâm hồn gã là một căn phòng chật hẹp, một buồng lái điều khiển những bắp thịt cánh tay và bả vai, mười ngón tay khéo léo đưa rà cái bàn là nhanh vun vút trên con đường bốc hơi của nó bằng những nhát rộng, chỉ cần đủ từng ấy nhát không hơn, trong phạm vi nhất định không được vượt quá một ly, đưa lướt đi trên những ống tay áo, lưng áo, đuôi áo, rồi cất cái áo là xong, không được nhàu, vào một cái khung đã để sẵn. Tâm hồn vội vã còn đang bị xô đẩy thì gã đã phải với lấy một chiếc áo sơ mi khác. Công việc cứ tiếp diễn hết giờ này qua giờ khác trong khi bên ngoài, mọi vật như ngất lịm dưới sức nóng của mặt trời California. Nhưng trong căn phòng nóng đến cực độ này thì lại không thể ngất đi được. Những ông khách mát mẻ trên những hàng hiên kia đang cần những bộ quần áo sạch.

Martin người đầm mồ hôi. Gã uống nước nhiều vô kể. Nhưng trời nóng quá, gã dùng sức nhiều, nước cứ ứa ra qua những kẽ hở của da thịt, qua những lỗ chân lông. Ở biển, chỉ trừ một đôi khi quá bận còn công việc của gã làm luôn luôn cho phép gã có nhiều dịp quay về với tâm tư của mình. Trước kia, chủ tàu làm chủ thời gian của gã, nhưng ở đây lão quản lý khách sạn này còn làm chủ cả ý nghĩ của gã nữa. Gã còn nghĩ gì được, chỉ còn ý nghĩ về cái công việc đã làm cho não cân rã rời, thể xác bạc nhược. Ngoài cái đó ra, không thể còn nghĩ gì được nữa. Gã không biết rằng mình đang yêu Ruth. Nàng như không còn tồn tại nữa, vì tâm hồn bị giầy vò của gã không còn có thì giờ để mà nhớ tới nàng. Chỉ cứ về đêm khi gã bò vào giường, hoặc buổi sớm mai lúc ăn sáng, thì hình ảnh nàng mới thấp thoáng hiện ra trong ký ức mờ ảo của gã.

“Đây là địa ngục, có phải không?” Có một lần Joe nói như vậy.

Martin gật đầu, nhưng bất giác gã cảm thấy hết sức bức bối với lời nhận định quá rõ không cần thiết. Trong khi làm việc họ không nói chuyện. Chuyện trò làm cho họ lỡ tay, như lần này nó đã làm cho Martin hụt mất một đường là, và sau đó để bắt kịp gã phải làm thêm hai động tác thừa.

Sáng thứ sáu, máy giặt chạy. Một tuần lễ hai lần phải giặt các đồ vải của khách sạn – nào là khăn trải giường, áo gối, áo chăn, nào là khăn bàn, khăn ăn. Làm xong, lại phải vục đầu vào việc “hồ những bộ cầu kỳ.” Công việc này chậm chạp, tỉ mỉ, tinh vi, Martin làm được cũng không phải là dễ. Mà thực ra gã cũng không dám làm. Làm hỏng thì thật là tai hại.

“Cậu trông đây,” Joe nói, vừa giơ lên chiếc nịt vú mỏng tang, vò lại có thể để gọn lỏn trong nắm tay mà không ai trông thấy. “Làm rách cái này mà chơi, cứ gọi là hai mươi đô la khấu vào lương đấy.”

Vì vậy, Martin không làm rách, gã phải nhẹ tay, không dám căng bấp thịt lên mà vò, tuy thần kinh gã càng ngày càng căng thẳng hơn bao giờ hết; gã nghe và đồng tình với những lời chửi rủa của Joe trong khi anh chàng làm việc khổ sở với những bộ đồ đẹp để mà các bà các cô mặc, nhưng không bao giờ phải mó tay vào giặt. “Những bộ đồ cầu kỳ: là cơn ác mộng của Martin, chúng cũng là cơn ác mộng của Joe nữa. Chính những bộ đồ cầu kỳ này đã cướp đi mất những giây phút mà họ phải gian khổ mới giành được. Họ phải quần quật với chúng suốt ngày. Bảy giờ tối, họ tạm ngừng để đưa các đồ vải của khách sạn vào máy ép. Đến mười giờ trong khi khách khứa đã đi ngủ cả thì hai anh chàng thợ giặt này vẫn còn đổ mồ hôi trên “những bộ đồ cầu kỳ” cho đến tận nửa đêm, cho đến một giờ, hai giờ. Đến hai giờ rưỡi sáng họ mới nghỉ.

Sáng thứ bảy, vẫn “bộ đồ cầu kỳ,” và những thứ linh tinh, ba giờ chiều công việc của cả tuần mới gọi là xong.

“Mệt thế này, chắc cậu không phóng xe đạp bảy mươi dặm đi Oakland nữa chứ?” Joe hỏi về hoan hỉ khi hai người ngồi trên bục cầu thang và hút một điếu thuốc.

“Đi chứ.” Martin trả lời.

“Đi làm gì? Thăm mèo à?”

“Không, cốt chỉ để tiết kiệm hai đô la rưỡi tiền tàu, tớ muốn đổi một vài quyển sách ở thư viện.”

“Tại sao không gửi qua bưu điện, mỗi lần chỉ mất một phần tư đô la.”

Martin suy nghĩ.

“Ngày mai cần phải nghỉ ngơi một chút.” Joe ép. “Cậu cần phải nghỉ. Tớ thấy tớ cũng vậy. Một chết người.”

Joe quả có mệt như vậy thật. Một người không hề nào núng, không bao giờ nghỉ ngơi, vật lộn từng giây từng phút suốt tuần lễ, khắc phục mọi chậm trễ, san bằng mọi trở ngại, một nguồn năng lượng không gì chế ngự nổi, một bộ máy bằng da bằng thịt mở hết tốc độ, một con quỷ ra sức làm việc, bây giờ sau khi đã làm xong công việc của một tuần, anh ta ở trong một trạng thái suy sụp. Joe bơ phờ, hốc hác. Bộ mặt đẹp trai của anh sụp đi, mệt mỏi. Anh bập bập điếu thuốc,

vẻ lờ mờ. Giọng nói của anh đều đều như chết rồi. Tất cả ngọn lửa và lòng hăng say của anh đã tiêu tan. Chiến thắng của anh là một chiến thắng thê thảm.

“Tuần sau lại phải lặp lại một công việc như thế,” Joe buồn bã nói. “Mà được cái gì kia chứ? Lắm lúc tớ chỉ muốn làm một thằng lang thang. Chúng nó không phải làm việc mà vẫn sống. Trời ôi, tớ chỉ muốn có một cốc bia, nhưng tớ chẳng có gan lê được xuống phố để uống. Thôi cậu đừng đi nữa, cứ gửi sách qua nhà bưu điện cũng được. Nếu không, cậu thật là một thằng rồ khốn kiếp.”

“Nhưng tớ biết làm gì ở đây suốt cả ngày chủ nhật?” Martin hỏi.

“Nghỉ ngơi. Cậu không biết là cậu đã mệt lắm rồi à... Sao, ngày chủ nhật tớ mệt đến nỗi tờ báo cũng không đọc nổi nữa. Có lần tớ đã bị ốm bệnh thương hàn. Ở nhà thương hai tháng rưỡi. Suốt thời gian đó, tớ không làm một chút việc gì cả. Thật là tuyệt.”

“Thật là tuyệt!” Joe mơ màng nhắc lại một phút sau.

Martin đi tắm. Tắm xong, gã thấy cái anh chàng thợ cả của xưởng giặt đã biến đâu mất. Rất có thể là anh ta đã đi kiếm cốc bia – Martin cá như vậy, nhưng nửa dặm đường xuống phố để xem xem có đúng không đối với gã lúc này chừng như là một cuộc hành trình dài. Gã cởi giày nằm lên giường để tĩnh trí lại. Gã không với tay ra lấy sách. Gã mệt quá không còn cảm thấy buồn ngủ; gã nằm dài ra hầu như không nghĩ gì cả, trong một trạng thái nửa ngủ nửa tỉnh cho đến tận lúc ăn chiều. Lúc ấy, không thấy mặt mũi Joe đâu, nghe người làm vườn hoa, chắc hẳn anh ta đang phá phách ở quán rượu. Martin hiểu ngay, ăn xong, gã lập tức vào giường và đến sáng hôm sau gã thấy gã đã nghỉ ngơi được nhiều. Joe vẫn chưa về. Martin lấy tờ báo ngày chủ nhật và nằm dưới bóng cây. Buổi sáng trôi qua, gã không biết nó đã trôi đi như thế nào. Gã không ngủ, không có ai đến quấy rầy gã, thế mà vẫn không đọc xong tờ báo. Sau khi ăn trưa xong, gã lại mở báo ra, nhưng rồi ngủ thiếp đi mất.

Thế là ngày chủ nhật trôi qua. Sáng thứ hai gã lại tắt bật, vắt vẻo phân loại quần áo, còn Joe, khăn buộc chặt lên đầu, mồm rên rỉ chửi rửa, đứng cho máy chạy và quấy xà phòng.

Anh ta giảng giải: “Tớ không thể nào nhịn được. Cứ tối thứ bảy là phải đi uống.”

Lại một tuần lễ nữa trôi qua, cuộc chiến đấu ghê rợn lại tiếp diễn đêm đêm dưới ánh đèn điện, và kết thúc vào ba giờ chiều ngày thứ bảy; Joe lại tận hưởng cái phút chiến thắng thê thảm ấy và rồi lại vội vã xuống phố để quên. Ngày chủ nhật của Martin lại giống ngày chủ nhật tuần trước. Gã ngủ dưới bóng mát của hàng cây, vật lộn tờ báo không mục đích, nằm ngửa hàng giờ liền không làm gì, không nghĩ gì hết. Gã choáng váng quá không còn nghĩ gì được nữa, tuy gã không bằng lòng với mình. Gã tự ghê tởm mình, dường như gã đã làm một việc gì sa đoạ, dơ bẩn tự trong tâm hồn. Tất cả những điều thần thánh trong con người gã đã bị xóa sạch đi rồi. Sự thôi thúc của tham vọng đã chùn bước, gã không còn sức sống để cảm thấy sự thôi thúc ấy nữa. Gã đã chết rồi. Gã là một con vật, một con vật biết làm việc. Gã không còn thấy vẻ đẹp trong ánh nắng luồn qua những đám lá xanh, mà cũng không còn thấy vòm trời ngăn ngắt đang thì thào như những ngày xưa cũ, nhắc nhở gã về sự bao la của vũ trụ, những điều thần bí đang run lên chờ đợi được khám phá. Cuộc sống buồn nản và ngu ngốc không thể nào tha thứ được, hương vị của nó đắng chát trong miệng gã. Một tấm màn đen giăng qua tấm gương của cặp mắt nhìn nội tâm của gã và trí tưởng tượng nằm liệt trong căn phòng bệnh nhân tâm tối, nơi không một tia sáng nào lọt vào được. Gã thêm được như Joe, lê bước xuống phố phá phách để cho sâu rượu gặm nhấm trí óc, để say sưa một cách chán chường với những mùi vị chán chường, uống tuý lúy, uống không còn biết gì trời đất, quên đi cái buổi sáng thứ hai và cả một tuần lễ lao khổ kinh khủng sắp tới.

Tuần lễ thứ ba lại trôi đi. Martin cảm giận mình, cảm giận cuộc đời. Gã bị ám ảnh bởi một tư tưởng thất bại choán ngợp. Cũng có lý do để những ông chủ bút từ chối những bản thảo của gã. Bây giờ gã có thể nhìn thấy điều đó rõ ràng. Gã tự cười mình, cười những giấc mơ gã đã từng mơ. Ruth gửi trả gã tập “Những bài ca về biển” qua bưu điện. Gã dừng dừng đọc thư nàng. Rõ ràng là nàng đã phải hết sức cố gắng để nói rằng nàng thích những bài thơ đó lắm và chúng thật là đẹp. Nhưng nàng không thể nói dối được, nàng không thể tự mình che giấu sự thật được. Nàng biết những bài thơ ấy thất bại. Qua mỗi dòng thơ ơ nhạt nhẽo, thiếu nhiệt tình trong bức thư của nàng, gã thấy rõ nàng không tán thưởng chúng. Và nàng có lý. Gã tin chắc như vậy khi gã đọc lại tập thơ. Cái đẹp và cái kỳ diệu đã rời bỏ gã đi mất, và khi đọc lại những bài thơ, gã thấy ngạc nhiên về những ý nghĩ gã có ở trong đầu khi gã viết chúng. Những câu văn táo bạo nghe thật kỳ cục, cách diễn đạt ví von bóng bẩy thật quái đản, tất cả đều vô nghĩa, không thực, không thể nào có được. Gã có thể đốt ngay tập “Những bài ca về biển” nếu như ý chí của gã đủ mạnh mẽ mà đốt chúng đi. Có buồng máy kia, nhưng tập thơ không xứng để cho gã mất công sức đem đi vứt vào lò. Công sức của gã còn phải dùng để giặt những bộ quần áo của người khác. Gã không còn một chút công sức nào để làm việc riêng tư.

Gã quyết định đến chủ nhật sẽ cố gắng tập trung tư tưởng để viết thư trả lời Ruth. Nhưng chiều thứ bảy, công việc xong sau khi tắm, ý nghĩ muốn quên đi tất cả choán ngợp lấy gã. “Có lẽ mình phải xuống phố xem thằng Joe tiêu thì giờ ra sao?” Gã lại tự nói với mình như vậy, và đồng thời gã cũng thấy mình đã tự dối mình. Nhưng gã không còn đủ nghị lực để mà suy nghĩ về sự dối mình đó. Nếu như gã còn nghị lực chẳng nữa thì gã cũng không muốn suy nghĩ đến nó, bởi vì gã muốn quên đi. Gã đi xuống phố, thần thờ, chậm chạp, nhưng khi gần tới quán rượu, vô tình gã đã rảo bước.

“Tớ nghĩ rằng cậu vẫn kiên.” Joe đón chào gã bằng câu nói đó.

Martin cũng không buồn tìm cách bào chữa nữa, gã gọi lấy Whiskey rót đầy tràn một cốc rượu trước khi gã đưa trả lại chai rượu.

“Đừng có ngâm hết đêm đấy nhé!” Gã nói thô lỗ.

Joe đang ngả nghiêng khề khà bên chai rượu. Martin không đợi được, ngửa cổ nốc thẳng một hơi rồi lại rót đầy cốc khác.

“Bây giờ thì tớ đợi cậu được,” gã cau có, “nhưng nhanh nhanh lên”

Joe uống nhanh và cả hai cùng uống.

“Công việc khiến cậu phải như vậy hử?” Joe hỏi.

Martin không muốn bàn đến chuyện đó.

“Thật là một địa ngục, tớ biết, nhưng Martin à, tớ không muốn cậu lại sa vào vòng rượu chè - ồ, như vậy đấy!”

Martin lặng lẽ uống, căn cẩu gọi hết chầu nọ đến chầu kia khiến chú bồi bàn - một chú bé nhà quê ẻo lả như con gái, mắt xanh ướt, tóc rẽ giữa - phát sợ lên.

“Thật là nhục nhã, chúng nó bắt bọn mình làm như trâu như ngựa thế này.” Joe nói. “Nếu không say tuý lúy thì tớ đã nổi xung lên mà đốt mẹ nó cái địa ngục ấy đi rồi. Tớ nói để cậu biết

tớ uống say là phúc chúng nó đấy!”

Nhưng Martin không trả lời. Uống thêm vài cốc nữa, gã bắt đầu cảm thấy con sâu rượu say sưa đã bắt đầu bò trong óc gã. A, thế này mới là sống, hơi thở đầu tiên của cuộc sống mà ba tuần lễ nay gã mới được thở. Những giấc mơ lại quay về với với gã. Áo ảnh lại từ trong phòng tối bay ra, quấy rầy gã, bốc lửa huy hoàng. Tấm gương áo ảnh trong như bạc, một bản ghi hình ảnh loé sáng, chói lọi. Cái đẹp và cái kỳ diệu lại cùng đi với gã, tay trong tay, tất cả sức mạnh của gã. Gã muốn nói với Joe điều đó, nhưng Joe cũng có những ảo tưởng riêng của mình, những kế hoạch không thể nào thất bại được, nhờ chúng anh ta sẽ thoát khỏi cái cảnh nô lệ của nghề thợ giặt và chính mình sẽ trở thành ông chủ của một xưởng giặt lớn chạy bằng máy hơi nước.

“Này, Martin ạ, trong xưởng giặt của tớ tuyệt đối không dùng trẻ con đâu nhé, tớ thề với cậu. Và nhất định sau sáu giờ chiều là không có một người nào phải làm việc nữa. Cậu nghe tớ nói chứ! Có đủ máy móc, có đủ người, làm việc có giờ giấc hợp lý, cậu sẽ giúp tớ, trông nom tất cả Martin ạ, tớ sẽ để cậu làm quản lý, trông nom xưởng trông nom tất cả tất cả. Kế hoạch của tớ như thế này, tớ sẽ thôi rượu, để dành và lúc đó...”

Nhưng Martin đã quay đi, mặc cho Joe nói với chú bồi bàn, cho đến lúc chú này phải đi lấy rượu cho hai bác nông dân mới vào, họ đã nhận lời mời của Martin. Martin vùng tiền rộng rãi như ông hoàng mời hết thầy mọi người, những bác nông dân, anh bồi ngựa, anh phụ vườn của khách sạn, chú bồi bàn và cả thằng ma cà bông lén lút lên vào như một cái bóng, rồi như một cái bóng, lướt xuống cuối tiệm.

CHƯƠNG 18

Sáng thứ hai, thấy chiếc xe đầu tiên chất đầy quần áo đến chỗ máy giặt, Joe rên lên.

“Tớ đã bảo mà,” anh ta nói.

“Đừng nói với tớ làm gì,” Martin cầu nhàu.

“Joe, xin lỗi cậu,” Martin nói, khi hai người ngừng việc để đi ăn trưa.

Joe long lanh nước mắt.

“Không hề gì đâu, bạn ạ,” anh ta nói. “Chúng ta đang sống trong một cái địa ngục, chúng ta không thể tìm được mình. Cậu biết đấy, tớ mến cậu lắm. Vì thế nên tớ mới buồn. Ngay từ lúc đầu, tớ đã có cảm tình với cậu rồi.”

Martin, lắc lắc tay Joe.

“Thôi, bỏ mẹ nó đi,” Joe gợi ý. “Bỏ mẹ cái nghề này để đi lang thang. Tớ cũng chưa thử làm cái nghề ấy bao giờ, nhưng chắc phải dễ chịu lắm. Chả phải làm gì. Cậu cứ nghĩ mà xem, chả phải làm gì. Đã có lần tớ bị ốm thương hàn trong bệnh viện. Thật là tuyệt, tớ chỉ mong lại ốm lần nữa.”

Tuần lễ trôi qua. Khách sạn đông nghìn nghịt, “những bộ đồ cầu kì” ngoại lệ thường ùn ùn đổ vào đầu họ. Họ phải đem hết sức dũng cảm ra mà làm. Đêm đêm, họ phải chiến đấu đến tận khuya, dưới ánh đèn điện, ăn vội ăn vàng và ngay trước khi ăn sáng cũng phải tranh thủ làm nửa tiếng. Martin không tắm nước lạnh nữa. Bất cứ lúc nào cũng là làm, làm, làm. Joe như một mục đồng lành nghề chặn dắt thời gian, rất cẩn thận, không để mất một giây phút nào, chỉ li như một anh hà tiện đếm tiền vàng, làm việc như điên cuồng, một cái máy lên cơn sốt, được một cái máy khác giúp đỡ. Cái máy này xưa kia đã có lần nghĩ rằng nó là Martin Eden - một con người.

Nhưng thực ra Martin hiếm có thì giờ để nghĩ. Căn nhà của tư tưởng đã khóa chặt, cửa sổ đã đóng kín, gã chỉ còn là cái bóng người coi nhà. Gã là một cái bóng, Joe có lý. Cả hai đều là những cái bóng và nơi đây là địa ngục của lao khổ khốn cùng. Hay phải chăng đây là một ác mộng? Đôi lúc, trong sức nóng sôi réo, bốc hơi lên, khi gã đưa đi đưa lại những chiếc bàn là nặng nề trên những bộ quần áo trắng, gã thấy rằng đây thực là một giấc mộng. Trong một thời gian ngắn ngủi thôi, hay là phải hàng năm, gã mới trở dậy trong căn phòng nhỏ hẹp của mình, với chiếc bàn giấy mực, và lại tiếp tục viết đoạn gã đã bỏ dở hôm trước. Hay có thể đó chỉ là một giấc mộng, và tỉnh dậy chỉ là để đổi phiên canh, từ cái phản gỗ trong hầm ngủ, gã sẽ nhảy xuống, bước lên boong tàu dưới trời sao miền nhiệt đới để bẻ bánh lái, để cảm thấy luồng gió mậu dịch mát rượi thấm vào da thịt.

Thứ bảy, cái chiến thắng rồng tuếch lại tới vào lúc ba giờ chiều.

“Tớ phải xuống phố làm một cốc bia.” Joe nói với giọng đều đều, kỳ lạ, nó đánh giá sự ngã gục cuối tuần của anh ta.

Martin dường như bừng tỉnh dậy. Gã mang hộp đồ chứa xe ra, cho dầu vào trục bánh và xích, vặn lại cái ốc. Joe đi được nửa đường xuống quán rượu, thì Martin đạp xe qua; gã cúi rạp mình trên ghi đông, chân đạp mạnh đều đều trên cái vòng đĩa chín mươi sáu răng, mặt căng ra để chuẩn bị cho con đường dài bảy mươi dặm, lên dốc xuống đèo, đầy bụi bặm. Đêm đó gã ngủ lại ở Oakland và sáng chủ nhật lại đạp bảy mươi dặm trở về. Và đến sáng thứ hai, mệt mỏi, gã bắt đầu công việc của tuần lễ mới, nhưng gã đã không uống rượu.

Tuần lễ thứ năm trôi qua, rồi tuần lễ thứ sáu, trong suốt thời gian đó, gã đã sống và làm việc như một cái máy, với tia lửa của một cái gì trong con người gã, chỉ một mảnh tâm hồn le lói, nó đã buộc gã cứ đến cuối tuần là phải đạp một trăm bốn mươi dặm đường. Nhưng đó không phải là nghỉ ngơi. Sống như thế không khác gì cái máy, nó chỉ làm tắt đi nốt cái mảnh tâm hồn le lói, cái duy nhất còn lại của cuộc sống trước đây của gã. Cuối tuần thứ bảy, không định tâm nhưng quá yếu ớt không cưỡng lại nổi, gã đã lê bước xuống phố cùng Joe để nhận chìm cuộc đời và lại tìm cuộc đời cho đến sáng thứ hai.

Và rồi, cứ đến cuối tuần gã lại đạp một trăm bốn mươi dặm đường, để xóa đi sự tê bại do việc dùng sức nhiều hơn nữa. Cuối tháng thứ ba, gã lại xuống phố một lần thứ ba với Joe. Gã đã quên đi, rồi lại sống lại, và sống lại thì gã thấy rõ rằng gã đã tự biến mình thành một con vật, không phải vì rượu mà chính vì cái việc làm này. Rượu chỉ là kết quả chứ không phải là nguyên nhân. Nó đi theo công việc, không thể tránh khỏi được, cũng như ngày nối tiếp đêm. Không phải biến mình thành một con vật kéo nặng mà có thể đạt tới đỉnh cao của cuộc sống, rượu whiskey đã thì thào vào tai gã, gã gật đầu đồng ý. Rượu whiskey khôn ngoan lắm. Nó đã thổ lộ những điều bí mật về nó.

Gã gọi lấy giấy, bút chì và gọi rượu mời tất cả mọi người; và trong khi mọi người uống chúc mừng gã, gã bám lấy cái quầy, nguệch ngoạc viết:

“Bức điện đây, Joe đọc đi,” gã nói.

Joe đưa cặp mắt say mềm giấu cột đọc. Nhưng cái mà gã đọc dường như làm cho gã tỉnh rượu. Gã nhìn Martin trách móc, nước mắt ứa ra lăn trên gò má.

“Cậu không định bỏ rơi tớ đấy chứ, Mart?” Joe hỏi, giọng thiếu não.

Martin gật đầu, và gọi một chú bé đứng vợ vẫn ở đó nhờ mang bức điện ra nhà dây thép.

“Khoan đã,” Joe lẩm bẩm không thành tiếng. “Để tớ nghĩ đã.”

Joe gục xuống quầy rượu, chân đu đưa, Martin vòng tay qua lưng đỡ lấy Joe trong khi anh ta nghĩ ngợi.

“Cứ ghi vào là có hai thẳng thợ giặt,” Joe bật nói. “Đây để tớ ghi cho.”

“Cậu bỏ nghề để làm gì?” Martin hỏi.

“Cũng với những lý do như cậu thôi.”

“Nhưng tớ sẽ đi biển. Cậu không đi được.”

“Phải, nhưng tớ có thể đi lang thang được, được, được lắm chứ!”

Martin nhìn Joe như dò hỏi một lúc rồi kêu lên.

“Trời ơi! Tớ nghĩ rằng cậu có lý đấy, thà là một thằng ma cà bông còn hơn làm thân trâu ngựa. Chứ sao! Cậu sẽ sống, và thế còn hơn cuộc sống từ trước đến nay của cậu nhiều.”

“Trước kia, đã có lần tớ ở bệnh viện,” Joe chữa lại. “Thật là tuyệt. Bệnh thương hàn – Tớ đã kể cho cậu nghe rồi chứ?”

Trong khi Martin sửa bức điện thành “hai người thợ giặt” thì Joe nói tiếp.

“Hồi ở bệnh viện tớ không bao giờ muốn uống rượu. Kể cũng lạ có phải không? Nhưng khi tớ làm việc ở đây suốt tuần như một thằng nô lệ, thì thế nào tớ cũng phải uống cho say mềm. Cậu có để ý thấy bọn làm bếp cũng uống như quý? Và bọn làm bánh nữa? Tại công việc đấy. Nhất định họ phải uống. Nay, cậu để tớ giả nửa tiền bức điện”

“Thôi để tớ giả cả.”

“Nào, tất cả anh em uống đi!” Joe hô lớn, trong lúc mọi người đang lắc những con súc sắc và đổ chúng ra trên mặt quầy ẩm ướt.

Sáng thứ hai, Joe nóng lòng chờ đợi đến phát điên lên. Anh cũng chẳng để ý đến cái đầu nhức nhối của mình mà cũng chẳng thiết gì công việc nữa. Hàng bày thời gian lén trốn đi và biến mất, trong khi anh mục đồng lơ đãng nhìn ánh sáng mặt trời và hàng cây bên ngoài cửa sổ.

“Cứ nhìn mà xem,” anh ta kêu lên. “Tất cả cửa là của tớ đấy. Tự do hưởng. Tớ có thể nằm dưới hàng cây kia ngủ hàng năm nếu tớ muốn. Nào, Martin à, ta bỏ quách cái nghề này đi. Cần gì phải đợi. Bên ngoài kia, là nơi không phải làm gì cả, tớ đã có vé đây rồi, và không có vé khứ hồi, trời ơi!”

Một vài phút sau, trong khi chất những quần áo bẩn lên xe để đưa đến máy giặt, Joe nhận ra cái áo sơ-mi của lão quản lý khách sạn. Joe biết dấu của nó; một cảm giác tự do thống khoái bất chợt đến với anh, Joe vút cái áo xuống sàn, lấy chân giẫm lên.

“Tao mong mày ở trong cái áo này, thằng đồ lợn Hà Lan.” Joe hét lên. “Ở trong này, đúng ở cái chỗ chân ông đang giẫm lên đây. Nay! Nay! Nay! Tiên sư mày! Giữ tôi lại, có ai không! Giữ tôi lại!”

Martin cười và lôi anh ta về với công việc. Tối thứ ba, những người thợ giặt mới tới, những ngày còn lại của tuần lễ được dùng để đưa họ vào việc làm thường lệ. Joe ngồi bên cạnh giảng giải cho họ cách làm của anh ta nhưng anh ta không làm nữa.

“Không làm một tí nào,” Joe tuyên bố, “không làm một tí nào hết! Nếu chúng nó muốn, chúng nó cứ đuổi ông đi; đuổi ông, ông thôi ngay. Đừng hòng ông làm nữa, rất cảm ơn các ngài. Việc của ông là ngồi xe hàng và nằm khểnh dưới bóng mát. Làm đi, đổ mồ hôi ra! Khi chúng mày chết thì xác chúng mày cũng rửa nát như ông thôi, mà chúng mày sống hay chết thì có ai cần gì?”

Đến chiều thứ bảy, Martin và Joe lĩnh lương, hai người cùng đi tới ngã ba đường. Joe thất

vọng hỏi:

“Có lẽ tớ chẳng cần bảo cậu thay đổi ý nghĩ và cùng đi theo con đường với tớ?”

Martin lắc đầu. Gã đứng bên chiếc xe đạp, sắp sửa đi. Họ bắt tay nhau. Joe nắm lấy tay gã một phút và nói:

“Tớ sẽ còn gặp lại cậu, Martin ạ, trước khi cậu và tớ chết. Đúng thế đấy. Tớ cảm thấy như vậy tận trong xương tủy. Thôi chào cậu, Mart, chúc cậu mạnh khỏe. Cậu biết đấy, tớ yêu cậu ghê lắm.”

Joe đứng lại, một bóng hình lơ lửng ở giữa đường nhìn theo cho đến khi Martin rẽ vào chỗ ngoặt và đi khuất. Joe lẩm bẩm:

“Thằng cha tốt thật. Tốt thật.”

Rồi anh ta nặng nề lê bước về chỗ bể nước; sáu bảy chiếc thùng không đang nằm bên lề đường đợi chuyển xe lên.

CHƯƠNG 19

Ruth và gia đình đi nghỉ mát đã trở về, Martin quay lại Oakland, gặp nàng luôn. Sau khi đã tốt nghiệp, nàng thôi không học nữa; và gã, sau khi đã dốc hết cả trí óc và thể xác ra làm việc cũng thôi không viết nữa. Cái đó cho họ nhiều thì giờ để gặp nhau, điều mà trước kia họ không thể có được. Sự thân mật giữa hai người tăng lên rất nhanh.

Lúc đầu, Martin chỉ nghỉ, không làm gì hết. Gã ngủ rất nhiều, hàng giờ ngồi nghiền ngẫm, suy nghĩ mà không làm gì hết. Gã như người phục hồi lại sau một thời gian làm việc nặng nề kinh khủng. Những dấu hiệu đầu tiên của sự bùng tỉnh dấy thể hiện khi gã khám phá ra có một cái gì thú vị hơn cái thú uể oải đọc tờ báo hàng ngày. Rồi gã lại bắt đầu đọc những cuốn tiểu thuyết nhẹ nhàng, những bài thơ. Vài ngày sau, gã vui đầu đọc mê man tác phẩm của Fiske mà gã đã bỏ bằng lâu ngày. Cơ thể cường tráng, sức khỏe của gã tạo cho gã nhựa sống mới, gã có tất cả sự dẻo dai và sôi nổi của tuổi trẻ.

Ruth tỏ vẻ thất vọng ra mặt khi gã nói sau khi phục hồi được sức khỏe, gã sẽ lại đi biển một chuyến nữa. Nàng hỏi:

“Tại sao anh lại cần đi như vậy?”

“Kiếm tiền,” gã trả lời. “Tôi cần phải có dự trữ cho cuộc tấn công sau vào bọn chủ bút. Tiền là động lực của chiến tranh. Ở trường hợp tôi, cần có tiền và kiên nhẫn.”

“Nhưng nếu tất cả cái mà anh cần chỉ là tiền, thì tại sao anh không ở lại xưởng giặt?”

“Vì xưởng giặt đã biến tôi thành con vật. Công việc nhiều, kiểu như vậy, sẽ đẩy người ta đến chỗ phải bê tha rượu chè.”

Nàng nhìn gã chăm chăm với đôi mắt kinh hãi. Nàng nói run run:

“Anh định nói là anh đã...?”

Đối với gã, muốn thoát khỏi sự tù túng này cũng dễ thôi, nhưng bản chất gã là người thành thật, và gã nhớ lại quyết định cũ của mình: dù thể nào chăng nữa cũng cứ thành thật.

“Vâng.” Gã trả lời. “Đúng đấy. Nhiều lần.”

Nàng run lên và nhích ra xa.

“Những người tôi quen biết không một ai uống rượu, không bao giờ.”

“Như vậy nghĩa là họ chưa bao giờ làm việc ở xưởng giặt của khách sạn Shelly Hot Springs.” Gã cười chua chát. “Làm việc là điều tốt. Nó cần thiết cho sức khỏe của con người, tất cả các

ngài giáo sĩ đều thuyết như thế; có trời chứng giám tôi không hề sợ làm việc. Nhưng cũng có những công việc quá tốt, và cái công việc ở xưởng giặt kia là một trong những loại công việc đó. Vì thế tôi mới phải đi biến một chuyến nữa. Tôi nghĩ rằng đó là chuyến cuối cùng, vì khi trở về, tôi sẽ tấn công được vào những tờ tạp chí, tôi dám chắc như vậy.”

Ruth yên lặng, không đồng tình. Gã buồn bã nhìn nàng, thấy nàng không thể nào hiểu nổi những điều gã đã trải qua.

“Một ngày nào đó, tôi sẽ viết những điều này ra: *“Sự sa đọa của lao dịch”* hay là *“Tâm lý học về tật uống rượu trong giai cấp công nhân”* hoặc là một đầu đề tương tự như vậy.”

Từ ngày đầu gặp gỡ đến nay chưa bao giờ họ lại cảm thấy xa nhau như ngày hôm ấy. Điều gã bộc lộ, nói ra một cách thành thật, ngầm mang một ý chống đối, đã làm nàng khó chịu. Nhưng nàng thấy xúc động chính vì sự khó chịu đó nhiều hơn là vì nguyên nhân đã gây ra nó. Nó đã chỉ cho nàng thấy nàng đã nhích lại gần gã biết chừng nào, và một khi điều đó được thừa nhận, nó sẽ dọn đường cho sự thân mật, gần gũi hơn. Tình thương nữa, cùng với những ý nghĩ lý tưởng gây thơ cái tạo gã bùng lên. Nàng sẽ cứu cái anh chàng trẻ tuổi thô lỗ đã đi quá xa kia; nàng sẽ cứu anh khỏi những cái nguy hại của môi trường sống trước đây; nàng sẽ cứu anh ra khỏi con người anh, dù anh muốn hay không. Tất cả những cái đó làm cho nàng xúc động, dường như đó là một nhận thức rất cao quý, nhưng nàng không thể ngờ được rằng ngầm trong đó, ẩn trong đó, chính là sự ghen tuông và lòng ao ước của tình yêu.

Hai người đi chơi bằng xe đạp trong tiết thu êm dịu, và trên ngọn đồi họ đọc to những bài thơ, hết bài này, đến bài khác, những bài thơ cao quý, tao nhã, nâng tư tưởng của con người tới những vấn đề cao siêu hơn. Quên mình, hi sinh, kiên nhẫn, cần cù, nỗ lực chính là những nguyên tắc mà nàng muốn thuyết giáo cho gã một cách gián tiếp - Tất cả những cái trừu tượng đó đã được cụ thể hóa trong óc nàng bởi hình ảnh cha nàng, ông Butler và Andrew Carnegie, một người từ một cậu bé lưu lạc di cư trở thành ông vua sách của thế giới.

Tất cả những điều đó, Martin cũng tán thành và lấy làm thú vị. Bây giờ gã đã theo dõi được diễn biến trong trí óc nàng một cách rõ ràng hơn, và tâm hồn nàng không còn là một điều kỳ ảo gần kín như trước kia. Về mặt trí tuệ, gã không thua kém gì nàng. Nhưng những điểm bất đồng không làm giảm bớt tình yêu của gã. Tình yêu của gã sôi nổi hơn bao giờ hết bởi gã yêu những gì nàng có, và trong mắt gã, ngay cả sự yếu đuối, mảnh dẻ của cơ thể nàng cũng khiến gã thấy nàng thêm duyên dáng. Gã đã đọc truyện nàng Elizabeth Barrett bệnh hoạn, hàng năm không hề đặt chân xuống đất cho đến ngày lửa tình bùng lên cùng Browning, nàng trốn đi và đứng thẳng trên mặt đất, dưới bầu trời lồng lộng; và những cái gì Browning đã làm cho nàng, Martin cũng sẽ có thể làm cho Ruth được. Nhưng trước tiên là nàng phải yêu gã. Tất cả những cái còn lại cũng dễ thôi. Gã sẽ cho nàng sức mạnh và sức khỏe. Gã mừng rỡ trông thấy cuộc đời của hai người trong những năm tới đây, làm việc và sống trong khung cảnh đầm ấm, sung túc. Gã nhìn thấy gã và Ruth đọc sách và bàn luận về thơ ca, nàng ngồi tựa trên đồng gối đặt trên mặt đất, đọc to những bài thơ cho gã nghe. Đó là cái chìa khóa mở cho cuộc đời mà họ sẽ sống. Và gã luôn luôn nhìn thấy bức tranh đặc biệt ấy. Đôi khi nàng ngồi tựa vào gã trong khi gã đọc, một tay ôm lấy người nàng, đầu nàng ngả vào vai gã. Đôi khi cả hai cùng cúi xuống thưởng thức cái đẹp in trên trang sách. Rồi nàng cũng yêu thiên nhiên, và với trí tưởng tượng phong phú, gã biến đổi cảnh đọc sách của hai người, đôi khi họ đọc sách trong những thung lũng giữa những vách đá cheo leo, hay trong những cánh đồng cỏ trên ngọn núi cao, hay bên những đụn cát xám, sóng biển cuộn cuộn dưới chân, hoặc xa xôi ở nơi hải đảo có núi lửa miền nhiệt đới, nơi có những thác nước đổ xuống, biến thành sương mù cuốn ra biển cả thành những màn hơi nước bồng bềnh, rung rinh theo mỗi làn gió nhẹ. Nhưng luôn luôn nổi bật ở phía trước là gã với Ruth, chúa tể của cái đẹp, không màng đọc thơ, cùng nhau tâm đồng hợp ý và luôn ở phía xa, sau cái bối cảnh của thiên nhiên mờ ảo như sương mù là công việc, là thành công, là tiền tài kiếm được khiến họ có thể tự do trên đời để mà hưởng tất cả những kho tàng quý báu của nó.

“Mẹ thấy cần khuyên con gái mẹ phải cẩn thận.” Một hôm mẹ Ruth răn bảo nàng như vậy.

“Con biết ý mẹ nói gì. Nhưng điều đó không thể nào xảy ra được. Anh ta không...”

Ruth đỏ bừng mặt, nhưng đó là cái đỏ mặt của một cô gái lần đầu tiên được gọi để bàn đến những chuyện thiêng liêng của cuộc đời với một bà mẹ mà cô cũng coi thiêng liêng không kém.

“Không xứng với con.” Bà mẹ nói hết câu hộ con gái. Ruth gật đầu.

“Con không muốn nói thế, nhưng anh ấy thực không xứng. Một người thô lỗ, tàn bạo, khỏe, khỏe quá. Anh ấy không...”

Nàng ngập ngừng và không thể nói tiếp được. Nói những chuyện này với mẹ thật là một điều mới mẻ đối với nàng. Và lại một lần nữa mẹ nàng đã nói hết giùm những ý nghĩ của nàng.

“Anh ta không sống một cuộc đời trong sạch, đó là điều con muốn nói?”

Ruth lại gật đầu, và mặt nàng lại đỏ ửng lên. Nàng nói:

“Đúng như vậy, cái đó không phải lỗi tại anh ấy, nhưng anh ấy đã giao du nhiều với... với bọn người cặn bã. Anh ấy làm cho con sợ. Đôi khi anh ấy làm cho con kinh khiếp thực sự khi anh ấy kể lại một cách rất tự nhiên, thoải mái về những việc anh ấy đã làm, y như không có gì là quan trọng cả. Nó quan trọng lắm chứ, mẹ nhỉ?”

Hai mẹ con ngồi ôm lấy cánh tay nhau, và khi nàng ngừng nói, mẹ nàng khẽ vỗ vào tay nàng, đợi nàng nói tiếp.

“Nhưng con thấy con quan tâm đến anh ấy một cách ghê gớm,” nàng nói tiếp. “Đứng về một mặt nào đó mà nói, anh ấy là người con muốn che chở. Anh ấy lại là người bạn trai đầu tiên của con. Cũng có lúc, khi anh ấy làm con sợ, con có cảm tưởng anh ấy giống một con chó lòi con nuôi để chơi như bọn nữ sinh viên ở trường; anh ấy lồng lộn, nhe răng, dọa dút dút xích.”

Mẹ nàng lại đợi.

“Anh ấy làm con thích thú, con giả dụ, như thích thú một con chó lòi. Anh ấy cũng có nhiều cái tốt, nhưng mặt khác có nhiều cái trong anh ấy con không thích. Mẹ thấy đấy, con suy nghĩ nhiều. Anh ấy nói tục, hút thuốc lá, uống rượu, đấm đá nhau, (anh ấy nói với con như vậy, anh ấy thích đánh nhau, anh ấy thường nói thế). Anh có tất cả cái mà một người đàn ông không nên như vậy, một người đàn ông mà con muốn lấy làm...” giọng nàng trầm xuống rất thấp, “... làm chồng. Anh ấy khỏe quá. Ông hoàng của lòng con phải cao dong dỏng, đen – một ông hoàng duyên dáng quyến rũ. Không, mẹ cứ yên tâm. Không có cái chuyện con yêu Martin Eden đâu. Nếu yêu thì thật là số mệnh tam tối nhất đã giáng xuống đầu con.”

“Nhưng đó không phải là cái mà mẹ muốn nói.” Mẹ nàng tế nhị nói. “Con có bao giờ nghĩ đến hẳn ta không à? Con biết đấy, về mọi mặt, hẳn chả có gì xứng với con cả, thế nhưng, giả dụ hẳn yêu con thì sao?”

“Nhưng anh ấy đã yêu, yêu con rồi.” Ruth kêu lên.

“Việc tất phải xảy ra như vậy thôi,” bà Morse nói dịu dàng. “Ai quen biết con mà lại không

yêu con cho được.”

“Ấy thế mà Olney lại ghét con đấy!” Nàng sôi nổi nói. “Con cũng ghét Olney, cứ có mặt anh ta là con cảm thấy con như một con mèo. Con thấy con phải bất lịch sự với anh ta. Dù con không nghĩ thế nữa, thì anh ta vẫn bất lịch sự với con. Nhưng với Martin Eden, con cảm thấy sung sướng. Trước kia chưa có ai yêu con, con muốn nói chưa có một người đàn ông nào yêu con như thế. Và được yêu như thế, thật là êm dịu. Mẹ thân yêu, chắc mẹ cũng hiểu ý con chứ, thật là êm dịu khi cảm thấy mình thực sự là một người đàn bà, đúng là một người đàn bà.” Nàng vùi mặt vào lòng mẹ, nức nở. “Con biết, mẹ cho con là hạng tồi tệ, nhưng con thành thật, nghĩ thế nào thì nói với mẹ thế.”

Bà Morse vừa buồn vừa sung sướng một cách kì lạ. Cô gái bé bỏng của bà, cô tú tài văn chương không còn nữa, thế vào đó là một cô gái trưởng thành. Sự thí nghiệm của bà đã thành công.

“Tay anh ấy run lên.” Nàng thú nhận, và vì xấu hổ nên cô vẫn vùi đầu vào lòng mẹ. “Thật cũng thú vị và buồn cười, nhưng con cảm thấy thương anh ấy. Và khi tay anh ấy run quá, và mắt anh ấy quá long lanh, thì con đã thuyết cho anh ấy hay về cuộc đời của anh, và con đường lầm lạc anh đã đi qua để anh ấy sửa chữa. Nhưng anh ấy tôn thờ con, con biết. Đôi mắt, đôi bàn tay của anh ấy đã nói hết sự thật. Và ý nghĩ đó, chính ý nghĩ đó làm cho con cảm thấy mình lớn lên. Con cảm thấy con đã nắm được một cái gì mà con có quyền chiếm hữu, làm cho con giống những cô gái khác... và... và những người đàn bà trẻ tuổi khác. Con cũng biết rằng trước đây con không giống họ và điều đó đã làm mẹ băn khoăn. Mẹ nghĩ mẹ không muốn để con biết nỗi băn khoăn thân yêu ấy, nhưng con biết, và con muốn, muốn “cố hết sức mình,” như Martin Eden thường nói.”

Đó là giờ phút thiêng liêng đối với bà mẹ và cô con gái. Họ ngồi nói chuyện với nhau vào lúc hoàng hôn, mắt rơm rớm lệ; Ruth hoàn toàn ngây thơ và thành thật, mẹ nàng lắng nghe, thông cảm, bà giảng giải và khuyên nhủ con một cách bình tĩnh. Bà nói:

“Hắn trẻ hơn con bốn tuổi, không có địa vị gì trong xã hội, nghề nghiệp lương lậu cũng không. Hắn ta không có đầu óc thực tế. Yêu con, đáng lý hắn phải làm một cái khiến hắn có thể lấy được con, hơn là cứ lẩn quẩn với những truyền ngán, và những giấc mơ trẻ con. Mẹ e rằng Martin Eden không thể nào khá lên được. Hắn không có tinh thần trách nhiệm, mà công việc của một người đàn ông trong xã hội như ba con đòi hỏi phải có, như tất cả bạn bè nhà ta, như ông Butler chẳng hạn. Mẹ e rằng Martin Eden không bao giờ là người có thể kiếm ra tiền. Mà quy luật của cái xã hội này là muốn có hạnh phúc không thể thiếu tiền được. Ô, không cần phải giàu nứt đổ đổ vách, nhưng cũng phải có đủ để sống cho sung túc, tử tế chứ. Hắn... hắn không bao giờ nói à?”

“Anh ấy không hề nói một lời, anh ấy không hề ướm thử, nhưng nếu anh ấy có nói, con cũng sẽ gạt đi, vì mẹ biết đấy, con có yêu anh ấy đâu.”

“Như vậy, mẹ rất mừng. Mẹ không muốn thấy con gái của mẹ, con gái độc nhất của mẹ, trong sạch như vậy, trinh trắng như vậy lại đi yêu một người như hắn. Trong xã hội này có những người đàn ông cao quý, những người đàn ông trong sạch, thành thật, có chí khí. Hãy đợi họ. Rồi một ngày kia con sẽ tìm thấy một người, con sẽ yêu người ta, con sẽ được người ta yêu lại, con sẽ sống hạnh phúc với người ta như ba với mẹ đã sống với nhau. Và còn điều này con phải luôn nhớ...”

“Vâng, thưa mẹ.”

Giọng bà Morse thấp xuống, dịu dàng: “Đó là con cái.”

“Con... con cũng đã có nghĩ tới điều đó,” Ruth thú nhận. Nàng nhớ lại những ý nghĩ phóng dăng đã giày vò nàng trước đây, nàng lại đỏ bừng mặt thẹn thùng của một cô gái khi bắt buộc phải nói đến những chuyện như vậy.

“Chính thế đây, chính chuyện con cái đã làm cho Eden không thể xứng với con được.” Bà Morse nói tiếp một cách gay gắt. “Dòng dõi của chúng ta phải trong sạch mà anh ta thì mẹ e rằng không trong sạch. Ba con vẫn kể cho mẹ nghe cuộc đời của bọn thủy thủ và... và chắc con đã hiểu.”

Ruth nắm chặt tay mẹ tỏ vẻ đồng tình, nàng cảm thấy mình đã thực sự hiểu, tuy quan niệm của nàng vẫn có một cái gì mơ hồ, xa xôi và ghê rợn, vượt quá trí tưởng tượng của nàng. Nàng nói:

“Mẹ biết đấy, con không làm điều gì mà không kể cho mẹ nghe. Có điều là, đôi khi mẹ phải hỏi con như lần này mới được. Con muốn nói với mẹ, nhưng không biết nói thế nào. Đó chỉ là khiêm tốn giả tạo. Con cũng biết vậy, nhưng mẹ phải làm cho dễ nói ra. Thỉnh thoảng, cũng như lần này, mẹ phải hỏi con, mẹ phải tạo cho con dịp để nói.”

“Chứ sao, mẹ... mẹ cũng là đàn bà!” Nàng hoan hỉ kêu lên, khi hai mẹ con đứng dậy. Nàng nắm lấy tay mẹ, đứng thẳng người nhìn vào mặt mẹ trong ánh hoàng hôn, và cảm thấy giữa hai mẹ con có một sự bình đẳng êm dịu lạ kỳ. “Nếu không có buổi nói chuyện hôm nay thì có lẽ không bao giờ con nghĩ về mẹ như thế. Con phải biết con là một người đàn bà để hiểu được mẹ cũng là một người đàn bà.”

“Chúng ta cùng là đàn bà!” Mẹ nàng nói, vừa kéo nàng lại gần và hôn nàng. “Chúng ta cùng là đàn bà,” mẹ nàng nhắc lại khi hai người quàng lưng nhau bước ra khỏi phòng, lòng họ rộn lên một ý niệm mới về tình bầu bạn.

“Đứa con gái bé bỏng của chúng ta đã trở thành một người đàn bà rồi đấy.” Bà Morse kiêu hãnh nói với chồng một tiếng đồng hồ sau.

Ông chồng nhìn vợ một lúc lâu rồi nói:

“Thế nghĩa là... nghĩa là nó đang yêu.”

“Không, nó được yêu,” bà vợ mỉm cười trả lời. “Cuộc thí nghiệm đã thành công. Cuối cùng, nó cũng đã được đánh thức dậy đấy.”

“Thế thì chúng ta phải tống khứ cái thằng ấy đi thôi.” Ông Morse nói nhanh, giọng con buôn, thực tế.

Nhưng bà vợ lắc đầu: “Không cần thiết, Ruth nói rằng vài hôm nữa hẳn ta sẽ đi biển. Khi hẳn ta trở về thì con Ruth sẽ không còn ở đây nữa. Chúng ta sẽ gửi nó đến nhà dì Clara. Và hơn nữa, một năm ở miền Đông với sự thay đổi khí hậu, thay đổi con người, ý nghĩ và mọi thứ sẽ giúp ích cho nó rất nhiều.”

CHƯƠNG 20

Ý muốn viết lại rộn lên trong lòng Martin. Những truyện ngắn, những bài thơ nảy ra trong óc gã một cách rất tự nhiên, gã ghi tất cả lại để trong tương lai sẽ viết ra. Nhưng gã chưa viết. Thời gian này là thời gian nghỉ ngơi ngắn ngủi của gã. Gã quyết định dùng nó để nghỉ, để yêu, và về cả hai mặt này gã đã thành công. Chẳng bao lâu gã đã lại tràn trề sức khỏe, hàng ngày gã đến thăm Ruth; lúc gặp gỡ, nàng lại cảm thấy sức mạnh, sự cường tráng của gã làm cho nàng xúc động như những ngày trước đây.

“Cẩn thận đấy,” mẹ nàng nhắc nhở nàng một lần nữa. “Mẹ e rằng con đã gặp gỡ Martin Eden quá nhiều đấy!”

Nhưng Ruth cười lớn, tự tin. Nàng tin ở mình lắm, vả lại, chỉ vài hôm nữa thôi anh ấy sẽ đi biển. Đến hôm anh ấy về, thì nàng đã đi chơi xa, ở miền Đông rồi. Tuy nhiên, trong sự cường tráng, trong sức mạnh của Martin dường như có một ma lực. Gã cũng được biết về dự định của nàng đi chơi miền Đông, và gã cảm thấy cần phải giải quyết gấp. Tuy nhiên, gã không biết cách tỏ tình như thế nào với một người con gái như Ruth. Hơn nữa, chính cái kho tàng kinh nghiệm đối với đàn bà, con gái ở một tầng lớp hoàn toàn khác Ruth, lại là một điều bất lợi cho gã. Họ đã biết về tình yêu, cuộc sống và những chuyện ve vãn, còn nàng thì không biết một chút gì về những chuyện đó. Sự trong trắng kì diệu của nàng làm cho gã sợ hãi, làm tê giá những lời nói nồng nàn trên đôi môi gã, và vô hình chung, gã cảm thấy mình không xứng đáng. Hơn nữa, gã còn bị bất lợi ở khía cạnh khác. Chính gã cũng chưa hề yêu bao giờ. Trước đây gã có thích những người đàn bà trong cuộc sống quá khứ từng trải của gã, gã từng bị một vài người trong bọn họ làm mê hoặc, nhưng gã chưa hề biết yêu họ là cái gì. Gã chỉ cần huýt sáo một cái, một cách kẻ cả, là họ chạy đến với gã rồi. Chỉ là trò giải trí, những chuyện tình cò, một phần trong những thú tiêu khiển của đàn ông, nhưng chỉ là một phần hết sức nhỏ. Thế mà bây giờ lần đầu tiên gã là một kẻ đi cầu xin, yếu mềm, nhút nhát, không tự tin. Gã không biết cách yêu mà cũng không biết ngôn ngữ của tình yêu, gã sợ hãi trước sự ngây thơ của người gã yêu.

Trong khi làm quen với cuộc sống phức tạp, cuồn cuộn trôi đi với những sự việc biến đổi khôn cùng, gã đã học được cách xử thế có kết quả, là mỗi khi chơi một trò chơi lạ, thì phải để cho đối phương chơi trước. Biện pháp này trong rất nhiều trường hợp đã đặt gã vào thế có lợi, đồng thời đã luyện cho gã trở thành một người quan sát thành thạo. Gã biết cách quan sát những sự vật mới lạ, và đợi cho những nhược điểm và những kẽ hở của nó tự bộc lộ ra. Cũng giống như trong một cuộc đấu quyền, một mặt vẫn nhử đánh, một mặt vẫn rình những chỗ sơ hở của đối phương. Và khi chỗ sơ hở ấy lộ ra, do kinh nghiệm lâu dài, gã biết cách nắm lấy và tấn công quyết liệt.

Vì vậy, đối với Ruth, gã cũng chờ đợi, quan sát, muốn thổ lộ tình yêu nhưng còn không dám. Gã sợ làm cho nàng xúc động quá mạnh, và gã đã không tin ở mình. Gã không biết rằng chính gã đang đi theo một con đường đúng để xử sự với nàng. Trên đời này tình yêu ra đời trước khi có lời nói, và ngay từ lúc ban sơ, nó có những biện pháp, những phương tiện mà không bao giờ nó có thể quên được. Chính Martin cũng đã tỏ tình với Ruth theo cái kiểu cổ xưa, ban sơ ấy. Lúc đầu gã không biết rằng chính mình đã tỏ tình, tuy về sau gã mới đoán ra. Bàn tay gã đặt lên bàn tay nàng, còn mạnh hơn bao nhiêu lần bất cứ một lời nào mà gã có thể thổ lộ ra được, và sức

lực của cơ thể gã đập vào trí tưởng tượng của nàng còn quyến rũ hơn bao nhiêu bài thơ đã được in, hơn bao nhiêu lời nói say mê từ muôn ngàn thể hệ của những kẻ si tình. Bất cứ tình cảm gì qua lời nói của gã thể hiện được nó cũng chỉ gây được phần nào ấn tượng đối với lý trí của nàng, nhưng khi bàn tay gã chạm vào tay nàng, một cái va chạm chỉ thoáng qua, nó lại đi thẳng ngay vào bản năng của nàng. Lý trí của nàng cũng chỉ trẻ như nàng thôi, nhưng bản năng của nàng thì già như loài người và còn hơn nữa. Bản năng ấy trẻ khi tình yêu còn trẻ, và nó khôn ngoan hơn mọi tập tục, dư luận và tất cả những điều mới nảy sinh. Vì vậy lý trí của nàng vẫn nằm yên. Nó không bị tác động đến và nàng không nhận ra những cố gắng của Martin từng giờ từng phút muốn viện đến bản năng yêu thương của nàng. Mặt khác, việc gã yêu nàng thì đã rõ như ban ngày, và nàng sung sướng một cách có ý thức trước những biểu lộ của tình yêu ấy: đôi mắt long lanh với những ánh dịu dàng, bàn tay run run, cái nét đỏ ửng không bao giờ giấu được, lộ ra dưới làn da sạm nắng. Nàng còn đi xa hơn nữa, nàng đã kích thích gã một cách rụt rè, nhưng tế nhị quá đến nỗi gã không ngờ, và nàng làm gần như không có ý thức, đến nỗi chính nàng hầu như không thể ngờ như vậy. Lòng nàng rộn lên trước những biểu hiện sức mạnh của nàng, cái sức mạnh nói lên rằng nàng là một người đàn bà; nàng cảm thấy niềm sung sướng giống như niềm sung sướng của nàng Eva trong việc giày vò gã, đùa cợt gã.

Do không có kinh nghiệm, do quá si mê mà lại không nói lên được, Martin tiếp tục tỏ tình với nàng một cách vô tình và vụng về bằng những va chạm. Sự va chạm của bàn tay đối với nàng là một điều thú vị, một cái gì kỳ thú hơn là thú vị. Martin không biết điều đó, nhưng gã biết rõ rằng sự va chạm bàn tay, ngoài những khi gặp gỡ và những lúc chia tay; trong những lúc dắt xe đạp, buộc những tập thơ để mang lên đồi, hoặc trong lúc cùng say sưa đọc những trang sách bên nhau, có rất nhiều cơ hội để bàn tay lướt nhẹ bàn tay. Và cũng có rất nhiều cơ hội để cho tóc nàng ve vuốt má gã, cho vai nàng chạm vai gã, khi hai người cùng cúi xuống thưởng thức vẻ đẹp của trang sách. Nàng mỉm cười một mình vì những thói thúc da diết không biết từ đâu mà có, nó khiến nàng muốn ôm lấy đầu gã mà vò mái tóc; còn gã thì ao ước khi đã đọc mệt được đặt đầu vào lòng nàng, nhắm mắt lại mà mơ tới tương lai của hai người. Trước kia, trong những buổi đi chơi ngày chủ nhật ở công viên Shellmound, và Schuetzen, gã đặt đầu mình vào lòng biết bao nhiêu cô gái và thường là gã đã ngủ say một cách ích kỷ trong khi những cô gái này ngồi che nắng cho gã, mắt nhìn xuống mặt gã, các cô yêu gã và ngạc nhiên tại sao đối với tình yêu của họ, gã lại có thể thờ ơ, lãnh đạm như vậy. Trước kia, đối với gã đặt đầu vào lòng một người con gái là điều dễ nhất trên đời, nhưng bây giờ, gã thấy lòng Ruth là nơi không thể nào đặt đầu vào được, không thể được. Tuy nhiên, chính ở điểm này, chính sự kín đáo của gã là tất cả sức mạnh tỏ tình đấy. Chính nhờ sự kín đáo ấy, gã không làm cho nàng kinh hãi. Nàng vốn là người dễ xúc cảm, rụt rè; nàng chưa hề nghĩ rằng sự gặp gỡ giữa hai người sẽ dẫn tới con đường nguy hiểm. Rất tinh tế và vô tình, nàng cứ càng ngày càng xích lại bên gã, gần gã hơn; và gã, gã cũng nhận thấy sự gần gũi ngày một tăng này, muốn liêu, nhưng lại sợ.

Có một lần, một buổi chiều, gã đã liêu, đó là lần gã gặp nàng trong phòng khách tối, nàng đang bị nhức đầu ghê gớm.

“Không có cách gì chữa khỏi được.” Nàng trả lời câu hỏi của gã. “Hơn nữa, tôi cũng không uống được thuốc nhức đầu, bác sĩ Hall đã cấm.”

“Tôi nghĩ tôi có thể chữa được không cần phải thuốc. Tất nhiên, tôi cũng không dám chắc lắm, nhưng tôi muốn cứ thử xem. Chỉ cần xoa bóp thôi. Đầu tiên tôi học được cách này của một người Nhật. Người Nhật rất giỏi về khoa này, cô cũng biết đấy. Sau này, tôi còn học được của người Hawaii thêm nhiều cách khác. Họ gọi là LOMI-LOMI. Nó có thể chữa được hầu hết các thứ bệnh mà thuốc chữa được, thậm chí còn chữa được một số bệnh mà thuốc cũng chịu.”

Bàn tay gã vừa chạm vào trán, nàng đã thở một hơi dài.

“Dễ chịu lắm,” nàng nói.

Và nàng nhắc lại câu này một lần nữa, nửa giờ sau, lúc nàng hỏi. “Anh có mệt không?”

Câu hỏi là thừa, nàng đã biết câu trả lời sẽ như thế nào. Rồi nàng thiếp đi, mơ màng thưởng ngoạn cái hương thơm êm dịu từ sức mạnh của gã. Sức sống trào ra từ mười đầu ngón tay gã, đã thực sự xua tan mọi đau đớn, hay nàng chỉ cảm thấy thế, cho đến khi cơn đau dịu dần, nàng ngủ thiếp đi và gã lên đi ra.

Tối hôm đó, nàng gọi đây nói để cảm ơn gã:

“Tôi ngủ cho đến bữa ăn tối. Anh đã chữa cho tôi khỏi hẳn anh Eden ạ, tôi không biết lấy gì cảm ơn anh.”

Lòng gã ấm lên, gã sung sướng, lúng túng không biết trả lời nàng thế nào, và suốt lúc nói chuyện bằng dây nói, hình ảnh của Browning và nàng Elizabeth Baret bệnh tật như giỡn múa trong óc gã. Những cái gì mà người ta đã làm sẽ có thể làm lại được nữa, và gã, Martin Eden, gã có thể làm và sẽ làm được điều đó cho Ruth Morse. Gã quay về buồng, quay về với cuốn *Xã hội học* của Spencer vẫn để mở trên giường. Nhưng gã không thể đọc được. Tình yêu giày vò gã, gạt đi ý chí của gã, đến nỗi, mặc dù gã đã quyết tâm không viết, gã vẫn thấy mình đến ngồi trước cái bàn nhỏ lấm tấm vết mực. Bài “sonnet” gã làm đêm hôm ấy là bài thơ tình yêu đầu tiên trong số năm mươi bài mà gã hoàn thành trong hai tháng. Trong khi viết, tập *Những bài thơ tình của người Bồ Đào Nha* vẫn vương vấn trong trí óc gã, gã đã viết trong những hoàn cảnh đặc biệt thuận lợi để sáng tác nên những tác phẩm lớn, trong lúc sức sống lên tới độ cao nhất, trong sự giày vò của tình yêu điên cuồng dịu ngọt.

Những giờ không ở bên Ruth, gã miệt mài với tập *Thơ tình*, đọc sách ở nhà, đọc sách ở thư viện; ở đó, gã tiếp xúc một cách chặt chẽ với những tạp chí đương thời, nắm được tính chất, nội dung và chủ trương của chúng. Những giờ phút bên Ruth, lúc nào gã cũng thấy điên lên vì hi vọng cũng như vì tình trạng lúng lờ. Một tuần lễ sau khi gã chữa cho Ruth khỏi nhức đầu, Norman đã đề nghị đi chơi trăng bằng thuyền buồm bên hồ Merritt, đề nghị này được Arthur và Olney tán thành. Martin là người duy nhất trong bọn biết lái thuyền và họ cố ép gã phải đi cùng để lái giúp. Ruth ngồi bên gã ở đằng mũi, còn ba anh chàng trẻ tuổi nằm ườn ở giữa thuyền, sôi nổi tranh luận về những chuyện “nhà trường.”

Trăng chưa lên, Ruth ngược nhìn vòm trời đầy sao, không nói với Martin lời nào. Nàng bỗng cảm thấy hiu quạnh. Nàng liếc nhìn gã. Một đợt gió ào tới làm nghiêng thuyền, nước mấp mé tràn vào khoang. Martin một tay giữ bánh lái, một tay nắm lấy dây buồm, nhẹ nhàng lái thuyền theo gió, mắt nhìn về phía trước, ngó tìm bờ bắc gần đó. Gã không để ý tới nàng đang nhìn mình; và nàng chăm chú nhìn gã, suy nghĩ miên man không biết sự mù quáng kỳ dị nào đã đưa gã, một con người trẻ tuổi, có sức mạnh khác thường đến chỗ phỉ hoài cả thời gian để đi viết những chuyện ngắn, những bài thơ mà chắc chắn sẽ rất tồi và nhất định sẽ thất bại.

Nàng đưa mắt nhìn cái cổ khỏe mạnh mờ mờ trong ánh sao, nhìn lên cái đầu vững chắc và nổi ước muốn trước đây được đặt bàn tay lên cổ gã trở lại với nàng. Cái sức mạnh mà nàng kinh sợ ấy quyến rũ nàng. Cảm giác hiu quạnh rõ rệt, và nàng thấy mệt mỏi. Con thuyền bị xô nghiêng làm cho nàng nôn nao khó chịu, nàng nhớ lại cơn nhức đầu mà gã đã chữa cho nàng khỏi, và cái cảm giác nghỉ ngơi lại toát ra từ con người gã. Gã ngồi bên nàng, gần sát nàng và con thuyền như xô nàng sát lại bên gã. Nàng bỗng thấy một sự thôi thúc muốn ngã mình vào người gã, muốn dựa vào sức mạnh của gã mà nghỉ ngơi – một sự thôi thúc mơ hồ chưa thành hình rõ rệt, nhưng dù cho nàng có đắn đo đi nữa thì nó vẫn chế ngự nàng, bắt nàng phải ngã mình vào người gã. Hay là tại thuyền nghiêng? Nàng không biết. Nàng không bao giờ biết được. Nàng chỉ biết rằng nàng đang tựa vào người gã và nàng thấy êm dịu quá, an tâm quá. Có

thể đó là lỗi tại cái thuyền, nhưng nàng cũng không nghĩ tới chuyện sửa cái lỗi ấy nữa. Nàng chỉ tựa nhẹ vào vai gã, nhưng vẫn là tựa và nàng cứ tiếp tục tựa khi gã đổi tư thế ngồi để làm cho nàng dễ chịu hơn.

Thật là một sự điên rồ, nhưng nàng không để ý tới sự điên rồ ấy. Nàng không còn là nàng nữa, chỉ là một người đàn bà thôi, với tất cả những đòi hỏi da diết của một người đàn bà. Và tuy nàng chỉ tựa rất nhẹ, nhưng sự đòi hỏi ấy hình như đã được thỏa mãn. Nàng không thấy mệt nhọc nữa. Martin không nói gì cả; chỉ cần nói một lời là cái giây phút mê li này tiêu tan đi mất. Chính tình yêu thầm lặng của gã đã làm cho giây phút đó kéo dài. Gã bàng hoàng, ngây ngất. Gã không thể hiểu được cái gì đã xảy ra. Nó kì ảo quá, không thể là thực được, chỉ là mê. Gã chế ngự được cái ý muốn điên cuồng buông tay bánh lái, buông dây buồm, để ghì chặt lấy nàng trong cánh tay. Trục giác của gã đã bảo cho gã biết làm như thế không được, và gã sung sướng vì bánh lái, vì dây buồm đã làm cho tay gã bận bịu và kìm ý muốn của gã lại. Nhưng gã lái con thuyền không khéo léo như trước, ngượng ngùng mặc cho gió thổi chệch cánh buồm, cốt để kéo dài thời gian tới bờ bắc. Đến bờ gã sẽ phải đứng lên, và sự gần gũi như thế là hết. Gã lái con thuyền một cách rất tài tình, bắt nó đi chậm chậm mà vẫn không để cho mấy anh tán gẫu kia nhận thấy; trong thâm tâm gã thầm tha thứ cho những chuyến đi hết sức vất vả trước đây của gã, nhờ chúng mới có cái đêm kỳ diệu này, nhờ chúng mà gã đã chế ngự được biển cả, được con thuyền, được gió để gã có thể lái con thuyền với nàng ở bên cạnh, với cái sức nặng thân yêu tựa vào vai gã.

Khi những tia sáng đầu tiên của mặt trăng đang lên chiếu vào cánh buồm làm con thuyền rực lên trong ánh sáng lồng lộng như ngọc, Ruth ngồi nhích ra. Và khi nàng nhích ra, thì nàng cảm thấy gã cũng nhích ra xa. Cả hai người cùng muốn tránh không để cho người khác trông thấy. Sự thân mật ấy chỉ là thầm kín, hai người ngăm hiểu với nhau. Nàng ngồi nhích ra, hai má nóng bừng, lúc này nàng mới thấy hết ý nghĩa của việc vừa làm. Nàng cảm thấy như mình có lỗi, và nàng không muốn cho các anh nàng hay Olney thấy. Tại sao nàng lại làm như thế? Trong đời nàng, nàng chưa hề làm một việc như thế bao giờ, tuy trước đây nàng đã cùng nhiều thanh niên đi chơi thuyền vào đêm trăng. Nàng không bao giờ có ý muốn làm một việc như thế. Nàng cảm thấy xấu hổ quá, nàng thấy sự bí ẩn nữ tính đã nảy nở và choán ngợp lấy nàng. Nàng liếc trộm Martin đang lái con thuyền đổi hướng, và nàng cảm thấy căm ghét gã đã để cho nàng phạm phải một hành động phóng dăng đáng hổ thẹn. Mà ai chứ, lại chính anh chàng này à! Có lẽ mẹ nàng nói đúng, nàng đã gặp gỡ anh ta quá nhiều chẳng. Nàng nhất định sẽ không để xảy ra một lần nữa như thế, sau đây sẽ gặp gỡ anh ta ít thôi. Nàng nuôi một ý nghĩ điên rồ là ngày hôm nào hai người gặp nhau riêng, nàng sẽ nói dối là đêm hôm ấy trước khi trăng lên, nàng bất chợt thấy trong người choáng váng không biết gì nữa. Nhưng nàng lại nhớ ra rằng trước ánh trăng soi mới kia, cả hai người cùng nhích ra và thế thì anh ta biết mình nói dối mất. Những ngày sau trôi qua nhanh, nàng không còn là nàng nữa, mà là một người xa lạ đầy băn khoăn, bối rối, suy nghĩ miên man, tự phân tích để mà khinh rẻ mình, không muốn nhìn vào tương lai, không muốn nghĩ về mình nữa, không biết rằng mình sẽ trôi nổi đến đâu. Nàng sống trong một cơn sốt của những điều thần bí rờn rợn, lúc thì làm cho nàng sợ hãi, lúc thì làm cho nàng mê mẩn, nhưng luôn luôn ở trong trạng thái bàng hoàng. Tuy nhiên, nàng vẫn có một ý nghĩ kiên định, nó khiến cho nàng yên tâm. Nàng sẽ không để cho Martin thổ lộ tình yêu. Chừng nào mà nàng vẫn giữ được như thế, thì mọi việc đều yên ổn. Chỉ vài ngày nữa thôi, anh ta sẽ đi biển. Và ngay cho anh ta có nói ra nữa, mọi việc vẫn cứ yên ổn. Có thể nào khác được, vì nàng có yêu anh ta đâu. Tất nhiên, điều đó cũng làm anh ta đau khổ trong nửa tiếng đồng hồ, và cũng làm cho nàng bối rối trong nửa tiếng, bởi vì đó là lần đầu tiên nàng có người cầu hôn. Nghĩ tới điều này, nàng rung mình sung sướng. Nàng thực sự là một người đàn bà; đã có một người đàn ông ao ước muốn hỏi nàng làm vợ. Đó là một điều quyến rũ đối với tất cả những cái gì là cơ bản của nữ tính. Tất cả những cái gì cấu thành ra cuộc sống của nàng, tất cả những cái gì tạo ra cơ thể nàng đều run lên, rung động. Ý nghĩ đó cứ vỗ cánh trong trí óc nàng như một con thiêu thân bị ánh lửa quyến rũ. Nàng còn đi tới chỗ tưởng tượng lúc Martin cầu hôn mình, chính nàng nói lên thay anh ta những lời cầu hôn ấy, và chính nàng lại nhắc lại những lời cự tuyệt của mình, nói một cách êm ái, và lại còn khuyên nhủ anh ta nên cố gắng để trở thành một con người chân

chính và cao quý. Nhất là anh ta phải thôi không được hút thuốc lá nữa. Đây là điều nàng quan tâm nhất. Nhưng không, nàng sẽ không để cho anh ta nói câu gì. Nàng có thể ngăn anh ta, nàng đã hứa với mẹ nàng như vậy. Mặt đỏ ửng, người nóng bừng, nàng tiếc hận xua đuổi những ý nghĩ tưởng tượng đó đi. Lời cầu hôn đầu tiên trong đời nàng phải đến vào một ngày tốt đẹp và phải do miệng một người xứng đáng với nàng hơn nói lên.

CHƯƠNG 21

Một ngày thu đẹp ấm áp, hiu hiu buồn, lặng lẽ một buổi giao mùa, một ngày cuối hạ miền California với mặt trời mờ sương, với những làn gió nhẹ thoảng đưa, không lay động nổi giấc ngủ triền miên của không khí. Những màn sương tím ngắt, không phải là hơi nước mà là những sợi tơ màu đan lại, vương vất, ẩn trong lòng những dãy đồi. San Francisco như một làn khói mờ nằm trên những đỉnh cao. Cái vịnh nằm giữa là một tấm kim khí dát mỏng mờ mờ, có những chiếc thuyền buồm nằm bất động lơ lửng trôi theo ngọn thủy triều lười biếng. Dãy núi Tamalpais xa xa, lẩn trong màn sương bạc, vươn lên sừng sững bên Kim môn^[64]. Kim môn trông như một con đường dát vàng nhạt dưới ánh mặt trời đã ngả về tây. Xa xa, Thái bình dương mờ mờ, mênh mông đang tung những đợt mây ở phía chân trời, mây ùn ùn kéo về lục địa mang hơi thở ào ào đầu tiên của mùa đông.

Mùa hạ đã đến ngày tàn. Nhưng mùa hạ vẫn còn vương vấn, nó mờ đi, yếu đi giữa những dãy đồi, làm thắm thêm màu tím ngắt của thung lũng, nó dùng sức mạnh đã tàn suy và sự say mê đã thỏa mãn dẹt nên một tấm khăn liệm bằng hơi sương, bình thản lịm chết dần, hài lòng vì đã sống và đã sống đầy đủ. Và ở giữa những dãy đồi ấy, trên đỉnh mà họ ưa thích nhất, Martin và Ruth ngồi bên nhau, đầu chụm lại trên trang sách, gã đọc to cho nàng nghe những bài thơ tình của người đàn bà đã yêu Browning, một mối tình mà ít người đàn ông trên đời có điểm phúc được hưởng.

Nhưng tiếng đọc yếu dần. Ma lực của cái đẹp sắp tàn ở chung quanh quá mạnh. Năm đẹp dễ đang chết đi như nó đã sống, một cuộc sống đắm say không hối tiếc, đẹp vô cùng, kỷ niệm về những phút mê ly và thỏa mãn đã trĩu nặng không gian. Nó thấm dần vào tâm hồn hai người uể oải với những giấc mơ, nó làm yếu đi những quyết tâm, và làm mờ đi nét mặt của đạo đức và lý trí với màn sương tím ngắt. Martin cảm thấy người mềm đi, tan ra, thỉnh thoảng những tia lửa ấm dâng lên trong lòng gã. Đầu gã gần đầu nàng quá, khi những làn gió nhẹ như những bóng ma lang thang thổi động tóc nàng cho nó ve vuốt mặt gã, thì những trang sách in cũng rung rinh trước mặt gã.

“Tôi tin rằng anh đọc mà không hiểu một chữ mình đang đọc,” nàng nói khi thấy gã quên mất không biết là mình đọc tới đâu.

Gã nhìn nàng với cặp mắt bốc lửa, đang lúng túng thì một câu trả lời đến kịp.

“Tôi tin rằng cô cũng không hiểu nốt. Bài thơ cuối cùng vừa đọc nói gì nào?”

“Tôi cũng không biết,” nàng cười thánh thiện. “Tôi quên mất rồi. Thôi ta đừng đọc nữa. Hôm nay trời đẹp quá.”

“Có lẽ đây là lần cuối cùng chúng ta đến đồi này trong một thời gian,” gã nói nghiêm trang. “Có cơn bão đang nổi lên ở phía chân trời.”

Cuốn sách tuột khỏi tay gã rơi xuống đất. Họ ngồi không, yên lặng, nhìn về phía vịnh đang ngủ say, mắt mơ màng không nhìn thấy gì hết. Ruth liếc nhìn cái cổ của gã. Nàng không tựa

người vào người gã. Nàng đang bị một sức mạnh, vượt ra khỏi ý chí của nàng, mạnh hơn cả sức hút của trái đất, mạnh như định mệnh, kéo nàng đi. Chỉ có một lý thôi là tựa được vào, dù nàng không muốn nàng vẫn cứ tựa vào người gã. Vai nàng chạm nhẹ vai gã như một con bướm chạm vào bông hoa, và vai gã cũng nhẹ chạm vào vai nàng. Nàng cảm thấy vai gã ép vào vai nàng; và gã rung mình. Đây là lúc nàng phải nhích ra, nhưng nàng đã thành một người máy rồi. Hành động của nàng vượt ra khỏi sự kiểm chế của lý trí – nàng cũng không hề nghĩ đến kiểm chế, đến lý trí trong giây phút điên cuồng mê ly đang choán ngập lấy người nàng. Cánh tay gã bắt đầu lên đặt lên lưng nàng, vòng lấy người nàng. Nàng chờ đợi cái cánh tay chậm chạp ấy, đầy khoái cảm, dần vật. Nàng chờ đợi, không biết chờ đợi cái gì, nàng thở gấp, môi khô lại, nóng bừng, mạch đập rộn, máu sôi lên trong cơn sốt chờ đợi. Cánh tay vòng sau lưng nàng đưa cao lên, kéo nàng sát lại, kéo chậm chậm, ve vuốt, nàng không đợi lâu hơn được nữa. Với một tiếng thở dài mệt mỏi, toàn thân nàng run lên thôi thúc, không suy nghĩ; bị kích thích đến cực độ, nàng ngã đầu vào ngực gã. Đầu gã cúi nhanh xuống, và khi môi gã sát gần, môi nàng dướn lên ghì chặt lấy.

Đây phải là tình yêu, nàng nghĩ như vậy trong một phút có đủ lý trí cho phép nàng có thể suy nghĩ. Nếu không phải là tình yêu, thì thật đáng xấu hổ quá. Không thể là một cái gì khác được ngoài tình yêu. Nàng yêu cái con người mà cánh tay đang ôm nàng và đôi môi đang ghì chặt lấy môi nàng. Nàng ép sát hơn nữa vào người gã. Một lát sau, nàng cựa người ra, rồi bất chợt mê man, nàng nhồm lên đặt cả hai bàn tay vào cái cổ rám nắng của Martin Eden. Sự giầy vò của tình yêu và lòng dục được thỏa mãn làm cho nàng run lên khoái cảm, nàng rên lên khe khẽ, buông lỏng tay và nằm như ngất đi trong cánh tay gã.

Không ai nói với ai một lời, không một lời nào suốt khoảng thời gian dài đó. Hai lần gã cúi xuống hôn nàng, lần nào môi nàng cũng e thẹn gặp môi gã, và thân nàng sung sướng nép gọn trong cánh tay gã. Nàng bám chặt lấy gã, không rời ra được; và ngồi đó gã đỡ lấy người nàng, đưa cặp mắt không còn trông thấy gì hết nhìn cái khoảng mờ mờ của thành phố lớn bên kia vịnh. Đây là lần đầu tiên trong óc gã không có một hình ảnh nào cả. Chỉ có màu sắc, ánh sáng và ánh hào quang rộn ràng trong đó, ấm áp như ban ngày, ấm áp như tình yêu của gã. Gã cúi xuống nàng. Nàng đang nói:

“Anh yêu em từ bao giờ?” Nàng thì thầm.

“Ngay từ lúc đầu, từ buổi đầu, từ phút đầu tiên anh nhìn thấy em. Lúc đó anh đã yêu em như điên cuồng, và từ ngày đó trở đi càng ngày anh càng yêu điên cuồng hơn... Em yêu, lúc này là lúc anh điên cuồng nhất. Anh gần như một thằng điên. Đầu óc anh điên lên vì vui sướng.”

“Em sung sướng vì em là một người đàn bà, anh Martin yêu quý,” nàng nói, sau một tiếng thở dài.

Gã lại ghì chặt, ghì chặt nàng trong cánh tay rồi hỏi:

“Thế còn em? Em biết từ khi nào?”

“Ồ, em biết ngay, biết ngay từ lúc đầu.”

“Thế mà anh vẫn cứ mù như một con dơi,” gã kêu lên, giọng như tự giận mình, “anh không bao giờ ngờ được như thế, mãi đến tận hôm nay, đến tận khi – khi anh hôn em.”

“Em định không nói như thế đâu,” nàng ngồi nhích ra một chút, nhìn gã. “Em định nói là em biết anh yêu em hầu như ngay từ buổi đầu.”

“Thế còn em?” Gã hỏi.

“Nó đến với em bất thành hình,” nàng nói rất chậm, mắt nàng ăm lên, chớp chớp, mờ đi, má nàng ửng lên, và nét hồng còn đọng mãi. “Em không biết cho mãi đến tận bây giờ, khi anh vòng tay qua lưng em. Không bao giờ em nghĩ đến chuyện lấy anh, Martin ạ, ngay lúc này cũng vậy. Anh đã làm thế nào để khiến em yêu anh thế?”

“Anh cũng không biết nữa,” gã cười. “Anh chỉ biết là anh yêu em thôi, vì anh yêu em say đắm quá, đến nỗi có thể làm cho một trái tim bằng đá cũng phải tan ra nữa là trái tim của một người đàn bà đang sống và biết thở là em.”

“Cái đó hoàn toàn khác với những ý nghĩ của em về tình yêu,” nàng nói bằng quơ.

“Thế em cho tình yêu phải như thế nào?”

“Em không cho rằng nó giống như thế này,” nàng vừa hôn vừa nhìn vào mắt gã rồi cúi xuống, nói tiếp. “Anh biết đấy, trước đây, em không biết tình yêu lại như thế này.”

Gã lại kéo nàng sát gần, nhưng không dùng đến sức mạnh cảm dỗ của bắp thịt cánh tay ghì chặt vì gã sợ như thế sẽ quá tham. Gã cảm thấy nàng đã phó mặc cho gã và một lần nữa nàng lại ép chặt mình trong cánh tay gã, môi lại ghì chặt lấy môi.

“Gia đình em sẽ nói thế nào đây?” Nàng bỗng thấy lo lắng và hỏi, lúc hai người ngừng hôn nhau.

“Anh cũng không biết nữa, khi nào chúng ta về nói với gia đình thì sẽ rõ.”

“Nhưng nếu mẹ em không đồng ý? Em biết chắc là em sợ không dám nói với mẹ đâu.”

“Để anh nói,” gã đảm nhận một cách dũng cảm. “Anh biết mẹ em không ưa anh, nhưng anh có cách thuyết phục được. Một người đã chinh phục được em thì có thể chinh phục được bất cứ cái gì. Và nếu chúng ta không...”

“Thế nào?”

“Sao, chúng ta sẽ là của nhau. Nhưng dù cho không thuyết phục được mẹ em, dù cho bà cứ không đồng ý cho chúng ta lấy nhau thì cũng chẳng có gì đáng sợ. Mẹ em yêu em lắm mà.”

“Em không muốn làm cho mẹ em đau lòng,” nàng nói có vẻ buồn.

Gã muốn an ủi nàng rằng trái tim của các bà mẹ chẳng dễ gì mà tan nát đâu, nhưng gã lại nói: “Tình yêu là cái lớn nhất trên đời này.”

“Anh Martin ạ, anh có biết rằng đôi khi anh làm cho em sợ hãi không. Ngay lúc này khi nghĩ đến anh và nghĩ đến anh trước đây em vẫn thấy sợ. Đối với em, anh cần phải thật, thật tốt. Anh nên nhớ dù sao em cũng chỉ là một đứa trẻ con. Trước kia em chưa hề yêu.”

“Anh cũng thế. Cả hai chúng ta đều là trẻ con. Và chúng ta là những người có hạnh phúc nhất vì đã cùng tìm thấy mối tình đầu ở nhau.”

“Không thể như vậy được,” nàng kêu kên, và vùng ra khỏi cánh tay gã, nhanh và sôi nổi. “Đối với anh không thể như vậy được. Anh là thủy thủ, mà những người thủy thủ thì em nghe nói rằng... rằng...”

Giọng nàng run run và yếu dần đi.

“Ở mỗi bến đều có một vợ. Em định nói thế chứ gì?” Gã nói.

“Vâng.” Nàng trả lời khe khẽ.

“Nhưng cái đó đâu phải là tình yêu.” Gã nói nghiêm trang. “Anh đã dừng chân ở nhiều bến cảng, nhưng anh chưa biết một chút nào về tình yêu cho đến tận khi anh gặp em cái đêm đầu tiên ấy. Em có biết là sau khi từ biệt em ra về, anh suýt bị bắt không?”

“Bị bắt?”

“Phải, lão cảnh sát trưởng tưởng anh say rượu. Mà anh cũng say thật – say vì yêu em.”

“Nhưng anh đang nói rằng chúng ta đều là trẻ con và em thì bảo rằng, đối với anh không thể như vậy được, chúng ta đã đi lạc quá xa câu chuyện rồi.”

“Anh nói anh chưa hề yêu ai ngoài em,” gã trả lời. “Em là mối tình đầu, chính là mối tình đầu của anh.”

“Nhưng anh lại đã là một người thủy thủ.”

“Điều đó không hề ngăn anh yêu em là người đầu tiên.”

“Nhưng còn những người đàn bà... Những người đàn bà khác... trời ơi!”

Martin Eden ngạc nhiên hết sức khi thấy nàng òa lên khóc như mưa, gã đã phải hôn nhiều, phải dỗ dành vuốt ve nhiều nàng mới nín. Trong suốt khoảng thời gian đó, câu thơ của Kipling cứ vương vấn trong đầu gã *“Đại tá phu nhân và Judy O’Grady, bởi màu da, đều là chị em.”* Quả thật là như vậy, gã cả quyết thế, dù là những cuốn tiểu thuyết gã đã đọc có làm cho gã nghĩ khác đi. Chính những cuốn tiểu thuyết đó đã làm cho gã nghĩ rằng chỉ ở những tầng lớp trên mới có những cuộc đính hôn hình thức. Ở tầng lớp mà gã xuất thân, con trai, con gái gặp nhau, yêu nhau thế là đủ để lấy nhau rồi, nhưng đối với những người cao quý ở cái tầng lớp cao quý kia, yêu nhau theo cái kiểu như thế dường như là chuyện không thể nghĩ tới được. Nhưng những cuốn tiểu thuyết đã nhầm. Đây là một chứng cứ. Những cái ôm ấp, những cái vuốt ve kèm theo những lời tán tỉnh, có hiệu nghiệm với các cô gái của giai cấp công nhân thì cũng hiệu nghiệm như thế đối với những cô gái ở tầng lớp trên giai cấp công nhân. Thì họ cũng là da là thịt cả, qua làn da của họ, họ đều là chị em; đáng lý gã phải biết rõ điều này lắm nếu như gã nhớ lại Spencer. Trong khi ôm Ruth, an ủi nàng, gã rất yêu lắm khi nghĩ rằng đại tá phu nhân và Judy O’Grady, qua làn da của họ thật giống nhau như đúc. Điều đó đã đem Ruth lại gần gã hơn, chiếm nàng là việc có thể được. Da thịt thân yêu của nàng cũng giống như da thịt của bất cứ một người nào khác, cũng giống da thịt gã. Không có gì cản cuộc hôn nhân của họ. Sự khác biệt về giai cấp là sự khác biệt duy nhất, nhưng giai cấp là cái ở ngoài. Sự khác biệt đó có thể xóa bỏ đi được. Gã đã đọc trong sách có người nô lệ vươn tới địa vị cao quý khoác áo đỏ ở La Mã. Như vậy, gã cũng có thể vươn tới Ruth. Dưới cái trong trắng, vẻ thần thánh, học thức, cái đẹp cao quý của linh hồn, thì nàng với tất cả những gì là căn bản trong người đàn bà, vẫn giống như Lizzie Connolly, giống như tất cả những Lizzie Connolly. Những gì mà gã có thể chiếm được ở

những cô gái kia, gã cũng có thể chiếm được ở nàng. Nàng cũng có thể biết yêu, biết ghét, biết xúc động, và chắc chắn nàng cũng có thể biết ghen, như lúc này nàng đang ghen và khóc nức nở trong cánh tay gã.

“Hơn nữa, em lại nhiều tuổi hơn anh,” nàng bỗng mở mắt ngược nhìn lên, nói. “Hơn ba tuổi.”

“Em đừng nói, em chỉ là một đứa trẻ thôi, anh già hơn em bốn mươi tuổi về kinh nghiệm.”

Thực ra, về mặt tình yêu, họ đều là trẻ con, họ đều ngây thơ, vụng dại trong cách tỏ tình như hai đứa trẻ mặc dầu đầu óc nàng chứa đầy kiến thức đại học, và đầu óc gã chứa đầy kiến thức triết học, khoa học và những nỗi gian truân của cuộc đời.

Họ vẫn ngồi trong ánh nắng rực rỡ của một ngày đang trôi qua, chuyện trò như những người yêu thường chuyện trò, ngạc nhiên về sự kỳ diệu của tình yêu, về định mệnh đã đưa hai người lại với nhau một cách kỳ lạ như vậy, và họ tin một cách độc đoán rằng họ đã yêu nhau đến mức chưa một đôi tình nhân nào trước đây yêu nhau như thế. Họ cứ nói đi nói lại mãi những ấn tượng ban đầu của họ đối với nhau, và cứ cố phân tích mà vẫn không thấy rõ xem những cảm nghĩ thực của họ đối với nhau, yêu nhau thấm thiết đến thể nào.

Những đám mây ở phía tây tiếp đón mặt trời đang lặn, vùng chân trời chuyển sang màu hồng, bầu trời cũng rực lên cùng một màu ấm áp. Ánh hồng chan hòa chung quanh họ, tràn ngập người họ, trong khi nàng cất tiếng hát: “Tạm biệt, một ngày êm đềm.” Nàng hát khe khẽ, ngả mình trong chiếc nôi của cánh tay gã, tay nàng trong tay gã, trái tim họ trong tay nhau.

CHƯƠNG 22

Bà Morse chẳng cần phải có linh cảm của một người mẹ cũng thấy rõ được những nét biểu hiện trên mặt Ruth khi nàng trở về nhà. Nét ửng hồng vẫn còn trên đôi má đã nói lên hết sự việc giản đơn ấy, đôi mắt mở to long lanh phản chiếu ánh hào quang bên trong không thể nhầm lẫn được lại càng nói rõ một cách hùng hồn hơn.

“Có chuyện gì thế con?” Bà Morse đợi đến lúc Ruth lên giường nằm mới hỏi.

“Mẹ biết rồi ư hả mẹ?” Ruth hỏi, môi run run.

Để trả lời, bà Moose vòng tay ôm lưng con gái, và một tay nhẹ nhàng vuốt tóc nàng.

Nàng bật nói: “Anh ấy không nói gì cả. Con không ngờ chuyện đó lại xảy ra như thế, thật không bao giờ con muốn để cho anh ấy nói - có điều anh ấy lại không nói gì hết.”

“Nếu anh ta không nói, vậy là không có việc gì xảy ra, phải không con?”

“Nhưng chuyện vẫn cứ xảy ra, mẹ à.”

“Cứ nói thật đi, con gái mẹ, con nói lắm nhảm cái gì thế?” Bà Morse bàng hoàng cả người. “Mẹ thấy mẹ không thể hiểu được đầu đuôi câu chuyện ra sao, có chuyện gì thế, con?”

Ruth ngạc nhiên nhìn mẹ.

“Thế con cứ nghĩ mẹ biết hết rồi. Sao, chúng con đã đính hôn, Martin và con.”

Bà Moose cười, bực bội, không tin.

“Không, anh ấy không nói gì cả,” Ruth giảng giải. “Anh ấy chỉ yêu con, có thể thôi. Lúc ấy con cũng ngạc nhiên như mẹ bây giờ. Anh ấy không nói một lời nào. Anh ấy chỉ vòng tay qua lưng con. Và... và con không còn là con nữa. Rồi anh ấy hôn con, và con hôn anh ấy. Con không thể nào dừng được. Con phải làm như vậy, và lúc ấy con biết rằng con đã yêu anh ấy.”

Nàng ngừng lại, chờ cái hôn chúc phúc của mẹ, nhưng bà Morse chỉ yên lặng một cách lạnh lùng.

“Đó là một chuyện bất ngờ đáng sợ, con biết.” Ruth nói, giọng thấp hảm xuống. “Con không biết có bao giờ mẹ sẽ tha thứ cho con. Nhưng con không thể dừng được. Con không bao giờ nghĩ rằng con đã yêu anh ấy cho mãi đến tận lúc đó. Mẹ phải nói với ba hộ cho con.”

“Đừng nói với ba thì có tốt hơn không? Để mẹ gặp Martin Eden, nói chuyện với anh ta, cắt nghĩa cho anh ta hiểu. Anh ta sẽ hiểu và buông tha con.”

“Không! Không!” Ruth bật dậy, kêu lên: “Con không muốn được buông tha. Con yêu anh ấy,

và tình yêu thật là dịu ngọt. Con sẽ lấy anh ấy – tất nhiên, nếu mẹ cho phép.”

“Ruth, con gái yêu của mẹ, ba và mẹ đã có những dự định khác cho con.Ồ, không, không, không phải bà người đàn ông nào cũng lấy làm chồng cho con được, không thể có chuyện như thế được. Dự định của ba mẹ cũng không ngoài việc chọn cho con một người xứng đáng với địa vị xã hội của con, một người lịch sự, tốt, có danh vọng, một người mà chính con cũng sẽ tự chọn cho mình khi con yêu người ta.”

“Nhưng con đã yêu Martin rồi ạ.” Nàng phản kháng lại một cách rầu rĩ.

“Ba mẹ không hề có ý bằng cách này hay cách khác lấy quyền cản trở sự lựa chọn của con. Nhưng con là con gái của ba, mẹ. Ba, mẹ không chịu để con lấy một người chồng như thế. Hẳn có cái gì cho con đâu ngoài cái cục cằn, thô lỗ để đổi lại tất cả những cái tệ hại, lịch thiệp ở con. Dù sao đi nữa, hẳn cũng không xứng đáng với con một chút nào. Hẳn không thể để cho con nhờ cậy được. Ba mẹ cũng không có một ý tưởng điên rồ nào về của cải đâu. Nhưng sống cho sung túc thì lại là chuyện khác, và con gái của ba mẹ thì ít nhất cũng phải lấy một người nào có thể đảm bảo nổi điều đó, chứ không phải lấy một thằng phiêu lưu, một xu không dính túi, một thằng thủy thủ, một thằng chăn bò, một thằng buôn lậu và có trời hiểu còn gì nữa, thêm vào đó lại là một thằng nông cuồng về trách nhiệm.”

Ruth yên lặng. Mỗi lời nói của mẹ, nàng đều thấy là đúng.

“Hẳn tiêu phí thời gian vào việc viết lách, muốn thực hiện những điều mà ngay những bậc thiên tài và những người rất hiếm có với một nền học vấn đại học đôi khi mới thực hiện được. Một người đã nghĩ đến chuyện lấy vợ thì phải chuẩn bị cho việc lấy vợ chứ. Hẳn thì không. Mẹ đã nói đấy, và mẹ biết con cũng đồng ý với mẹ, hẳn là thằng vô trách nhiệm. Mà còn có thể nào khác được? Bọn thủy thủ là như thế. Hẳn có bao giờ biết đến tiết kiệm, đến bỏ rượu chè. Những năm sống phóng túng đã khắc sâu vào bản chất hẳn rồi. Đó không phải là lỗi của hẳn, tất nhiên, nhưng nói thế nào thì nói, bản chất hẳn không thể thay đổi được. Con có nghĩ tới những năm hẳn sống trụy lạc, bừa bãi, nhất định không thể tránh khỏi được không? Con có nghĩ tới điều đó không, con gái của mẹ? Con biết đấy, chuyện vợ chồng có ý nghĩa như thế nào.”

Ruth rùng mình, nép sát vào mẹ.

“Con đã nghĩ tới,” Ruth phải đợi một lúc cho những ý nghĩ thành hình trong đầu nàng. “Thật là khủng khiếp. Nghĩ tới điều đó, người của con nôn nao. Con đã nói với mẹ, chuyện con yêu anh ta thật là một chuyện bất ngờ đáng sợ, nhưng con không thể nào kìm được mình. Mẹ có thể nào ngăn không yêu ba được không. Đối với con cũng thế thôi. Có một cái gì đó ở con, ở anh ấy – con không biết nó là cái gì cho mãi đến tận hôm nay – nhưng nó đấy và nó đã làm cho con yêu anh ấy. Con không bao giờ nghĩ con có thể yêu anh ấy, nhưng mẹ thấy đấy, con đã yêu rồi.” Nàng kết luận, một tia chiến thắng yếu ớt nào đó rung lên trong giọng nói của nàng.

Hai mẹ con nói chuyện nhưng không đi đến kết quả gì. Cuối cùng, hai người chỉ thỏa thuận hãy chờ không nên làm gì vội trong một thời gian không định rõ là bao lâu.

Muộn hơn một chút, đêm hôm đó, sau khi bà Morse thú thật với chồng kế hoạch của bà bị hỏng, thì hai vợ chồng cũng chỉ đi đến một kết luận như thế thôi.

“Còn có thể nào khác được nữa.” Ông Morse nói. “Cái thằng thủy thủ ấy là người đàn ông độc nhất mà con gái mình tiếp xúc. Sớm muộn gì thì lửa gần rơm lâu ngày cũng bén, mà nó đã bén thật, mình thấy đấy. Thằng thủy thủ ấy, là thằng đàn ông duy nhất con gái mình gần gũi lúc này và tất nhiên nó phải yêu ngay thằng ấy, hay nó tưởng rằng nó yêu, thì cũng thế.”

Bà Morse quyết định hành động từ từ và gián tiếp đối với Ruth hơn là công kích nàng. Còn nhiều thời gian chán vì hoàn cảnh Martin cũng chưa thể cưới ngay được.

Ông Morse khuyên:

“Nếu nó muốn cứ để cho nó gặp thằng ấy. Càng hiểu rõ thằng ấy, tình yêu của nó càng giảm đi. Tôi cam đoan như thế. Chỉ cho nó thấy nhiều điểm để so sánh. Nên mời nhiều thanh niên đến nhà chơi, thanh niên nam nữ đủ các loại, những người trai trẻ, những người thông minh, những người đã làm nên sự nghiệp hay đang xây dựng sự nghiệp, những người cùng ở giai cấp với nó, những người lịch sự. Nó có thể đánh giá đúng thằng ấy khi đem ra so sánh với họ. Họ sẽ, làm cho nó lộ ra nó là cái hạng người như thế nào. Vả lại, dù sao nó cũng chỉ mới là một thằng con trai hai mươi một tuổi. Con Ruth thì cũng không hơn gì một đứa trẻ. Đó chỉ là tình yêu trẻ con, đối với hai đứa, rồi chúng cũng qua đi thôi.”

Thế là câu chuyện được sắp xếp như vậy. Trong gia đình thì vẫn coi như Ruth và Martin đã đính hôn nhưng không có tuyên bố gì cả. Gia đình cho rằng không cần thiết. Hơn nữa tất cả đều ngầm hiểu đó là một cuộc đính hôn kéo dài. Họ cũng không đòi hỏi Martin phải đi làm, mà cũng không đòi hỏi gã phải ngưng viết. Họ cũng không có ý khuyến khích gã sửa đổi bản thân, và gã thì lại giúp đỡ, ủng hộ những kế hoạch thiếu thiện chí ấy của họ, vì đã làm chuyện quá xa xôi đối với ý nghĩ của gã.

“Anh không hiểu em có thích những việc anh làm không?” Vài ngày sau, gã nói với Ruth. “Anh thấy trọ ở nhà chị anh đắt quá, anh sắp dọn đi chỗ khác. Anh đã thuê được một căn phòng nhỏ ở phía bắc Oakland, em biết đấy, đó là một nơi biệt lập không dính dáng đến ai, anh đã mua một chiếc bếp dầu để nấu ăn.”

Ruth rất vui. Chiếc bếp dầu làm cho nàng đặc biệt thích thú. Nàng nói:

“Đó chính là cách ông Butler bắt đầu cuộc đời.”

Martin thầm cau mày, khi thấy Ruth nhắc tới con người lịch sự danh giá ấy, gã nói: “Anh đã dán tem lên tất cả các bản thảo và gửi chúng đến các ông chủ bút. Hôm nay anh dọn nhà, ngày mai anh sẽ bắt đầu làm việc.”

“Một chức vụ!” Nàng kêu lên, để lộ tất cả sự sung sướng, nhạc nhiên của mình, nàng nép sát vào người gã, nắm chặt lấy tay gã và mỉm cười: “Thế mà anh chả nói gì với em! Chức vụ gì thế?”

Martin lắc đầu:

“Anh muốn nói là anh lại bắt đầu làm công việc viết văn của anh.” Mặt nàng xịu đi, gã vội nói tiếp: “Đừng xét nhằm anh, lần này anh không mang một ý nghĩ viển vông nào đâu. Đây là một việc làm rất thực tế, không xốc nổi, không mơ mộng. Nó còn hơn là lại đi biển. Làm việc này anh sẽ kiếm được nhiều tiền hơn bất cứ một chức vụ nào khác ở Oakland đối với một người không có chuyên môn.”

“Em biết không, thời gian anh nghỉ ngơi này đã cho anh nhìn thấy tiền đồ. Từ trước đến giờ, anh chưa dồn hết sức trong người ra để làm việc, anh chưa viết thực sự, ít nhất là anh chưa viết để xuất bản. Tất cả những cái anh làm trước đây là để yêu em, để suy nghĩ. Anh cũng đã đọc một số sách vở, nhưng đó chỉ là một phần trong sự suy nghĩ của anh thôi, chủ yếu anh nghĩ lại

chỉ đọc các tạp chí. Anh đã suy nghĩ rộng về anh, về cuộc đời và địa vị của anh trong đó, về dịp may để anh chiếm được một địa vị xứng đáng với em. Hơn nữa anh đã đọc cuốn “Văn thể luận” [65] của Spencer và khám phá ra rất nhiều vấn đề cần thiết đối với anh, hay nói cho đúng hơn đối với cách viết của anh và thấy rất nhiều vấn đề đối với hầu hết cách viết của những bài đã được in hàng tháng trên các tạp chí.

“Nhưng kết quả của tất cả những công việc đó, việc suy nghĩ, việc đọc, việc yêu đương là anh sắp sửa phải dọn đến phố Grub. Anh sẽ để những tác phẩm lớn sang một bên, và viết về những cái tầm thường – những chuyện hài hước, những tiểu phẩm, loại đặc tả, những bài thơ trào phúng, những bài thơ đả kích nhẹ nhàng, tất cả những cái dớ dẩn mà hình như hiện nay người ta đòi hỏi nhiều. Đã có những nghiệp đoàn cung cấp tin, những nghiệp đoàn cung cấp truyện ngắn cho báo hàng ngày và những nghiệp đoàn cho những tờ phụ trương chủ nhật. Anh sẽ ra công bóp óc viết ra những cái họ cần và sẽ kiếm được khá. Em biết đấy, có những người viết tự do [66] mỗi tháng cũng kiếm được bốn, năm trăm đô la. Anh chẳng muốn trở thành như họ đâu, nhưng anh có thể sống phong lưu, lại có nhiều thì giờ riêng cho mình mà làm nghề khác thì không thể có được.”

(1) Freelance: những người viết báo tự do không ở trong nghiệp đoàn báo chí.

“Rồi anh sẽ có thời gian để học và làm những công việc thật sự của mình. Trong lúc phải kiếm sống, anh vẫn sẽ cố gắng viết những tác phẩm lớn, anh sẽ nghiên cứu, chuẩn bị để viết những tác phẩm lớn. Sao, chính anh cũng ngạc nhiên về quãng đường anh đã đi được. Khi anh mới bắt đầu viết, trong đầu óc chẳng có một ý niệm gì ngoài một ít kinh nghiệm tầm thường mà chính anh cũng không hiểu mà cũng không đánh giá được. Nhưng anh chẳng có một tư tưởng nào cả, thực sự là như vậy. Anh không có đủ ngay đến cả từ để mà suy nghĩ. Kinh nghiệm của anh chỉ là những bức tranh vô nghĩa. Nhưng khi thu thập được kiến thức, bồi bổ được vốn từ cho mình, thì anh thấy trong những kinh nghiệm có một cái gì hơn, không phải chỉ là những bức tranh. Anh giữ lại những bức tranh đó và đã tìm được lời minh họa. Đó là lúc anh bắt đầu viết được những tác phẩm tốt, anh đã viết “Mạo hiểm,” “Niềm vui,” “Cái xong,” “Men rượu của cuộc đời,” “Khu phố hỗn độn,” “Tập thơ tình” và “Những bài ca về biển.” Anh sẽ viết những loại như thế nhiều hơn và tốt hơn. Nhưng anh chỉ viết nó trong những lúc rỗi thôi. Bây giờ chân anh đã đứng yên trên mảnh đất vững chắc rồi. Viết những cái lặt vặt và kiếm được tiền trước đã, những tác phẩm lớn để sau. Đây cho em xem, đêm qua anh đã viết được sáu truyện hài hước, cho tờ báo trào phúng hàng tuần, và đúng lúc sắp sửa đi ngủ anh lại chợt nghĩ ra được một bài thơ tám câu, một bài thơ khôi hài và trong một tiếng đồng hồ, anh viết được bốn bài. Mỗi bài cũng phải đáng giá một đô la. Sắp sửa đi ngủ nghĩ chơi một tí mà đã được bốn đô la.

“Tất nhiên đó chỉ là những bài vô giá trị, một việc làm ti tiện, đáng ngán, nhưng nó còn không đáng ngán, không ti tiện bằng làm một anh kế toán, sáu mươi đô la một tháng, cộng cộng, trừ trừ những hàng sổ vô nghĩa cho đến lúc chết. Hơn nữa viết lách lặt vặt như vậy khiến anh có thể tiếp xúc với những chuyện văn chương và cho phép anh có thời gian để thử làm những công việc lớn lao hơn.”

“Nhưng những công việc lớn lao ấy, những tác phẩm lớn ấy phỏng ích gì,” Ruth nói. “Anh có bán được chúng đâu!”

“Ờ, có thể bán được lắm chứ!” Gã nói, nhưng nàng ngắt lời.

“Tất cả những cái anh kể ra, những cái mà anh cho là tốt, anh có bán được cái nào đâu. Chúng ta không thể nào lấy nhau bằng những tác phẩm lớn không bán được.”

“Thế thì chúng ta lấy nhau bằng những bài thơ tám câu sẽ bán được vậy.” Gã trả lời một cách chắc chắn, vòng tay ôm lấy nàng, kéo người không có vẻ gì phấn khởi về phía mình.

Cổ làm ra vui vẻ, gã nói: “Em nghe này, đây không phải là nghệ thuật, nhưng là một đô la:

Anh đi vào

khi tôi đi ra

Để vay vài hào

Đó là có anh đi vào

và tay không anh đi ra

Vì thế tôi đi vào

Và anh đi ra.

Cái âm luật vui nhộn gã đưa vào trong bài thơ không phù hợp với vẻ thất vọng trên nét mặt gã khi gã đọc xong. Gã không làm được cho Ruth cười. Nàng nhìn gã với nét mặt vừa nghiêm trang vừa bức bối. Nàng nói:

“Có thể được một đô la. Nhưng đó là một đô la của một anh pha trò, đồng lương của một thằng hề. Anh có thấy không, Martin, cả một sự hạ thấp mình đến thế nào. Em muốn người em yêu và quý trọng phải là một người tế nhị hơn, cao quý hơn là một anh pha trò, một anh đặt vè.”

“Em muốn người ấy sẽ như ông Butler phải không?” Gã gợi ý.

“Em biết anh không ưa ông Butler,” nàng nói, nhưng Martin ngắt lời:

“Ông Butler thì cũng được thôi. Anh chỉ thấy ở ông ấy có một khuyết điểm là cái chứng khó tiêu. Nhưng quả thật anh không thấy gì khác giữa việc viết truyện khôi hài, làm thơ trào phúng với việc đánh máy chữ, ghi chép, hoặc giữ sổ sách. Tất cả đều là phương tiện để đạt tới một mục đích. Thuyết lý của em là muốn anh phải bắt đầu bằng nghề kế toán để rồi trở thành một anh luật sư đắt khách hay một anh nhà buôn. Còn thuyết lý của anh thì lại là bắt đầu viết những cái lật vạt này để rồi trở thành một nhà văn có tài.”

“Có khác nhau đấy!” Nàng nhấn mạnh. “Sao, những tác phẩm tốt của anh, những cái mà anh cho là tốt, anh lại không thể bán được. Anh đã gửi đi nhiều nơi. Chính anh cũng biết đấy, nhưng các ông chủ bút lại không mua.”

“Hãy cho anh thời gian, em ạ.” Gã năn nỉ. “Những cái lật vạt này chỉ là tạm bợ, anh không coi là quan trọng. Hãy cho anh hai năm. Lúc đó anh sẽ thành công và các ông chủ bút sẽ phải sung sướng khi mua được những tác phẩm tốt của anh. Anh biết chắc những điều anh nói, anh tin ở anh. Anh biết ở trong con người anh có cái gì, bây giờ anh đã biết văn chương là thế nào, anh đã biết rõ những bài văn tầm thường của rất nhiều những con người nhỏ bé viết ra, và anh biết chắc sau hai năm, anh sẽ bước chân đi đường hoàng trên đại lộ dẫn tới thành công. Còn trong những chuyện kinh doanh, buôn bán, anh không bao giờ có thể thành công được. Anh

không có thiện cảm đối với những công việc đáng ngán, ngu ngốc, làm tiền, thủ đoạn. Dù sao đi nữa, anh không có khả năng làm những chuyện đó, anh sẽ không bao giờ có thể vượt qua được cái chân thư ký, mà em với anh có thể nào sống hạnh phúc được với đồng lương khốn khổ của một anh thư ký? Anh muốn cái tốt đẹp nhất ở trên đời này cho em, khi nào anh thành công hơn, anh sẽ không cần phải làm những bài thơ lặt vặt ấy nữa. Nhất định anh sẽ đạt tới cái tốt đẹp nhất, đạt được tất cả. So với tiền nhuận bút của một nhà văn thành công, số tiền ông Butler kiếm được thực không đáng kể. Một tác phẩm bán chạy nhất bất cứ ở đâu sẽ có thể thu được từ năm mươi đến một trăm ngàn đô la, có khi còn hơn thế, có khi kém thế, nhưng nhất định theo lệ thường thì vào khoảng như vậy.”

Ruth yên lặng, sự thất vọng của nàng rõ rệt.

“Thế nào em?” Gã hỏi.

“Em hy vọng và có dự kiến khác. Trước kia em đã nghĩ, và bây giờ em vẫn nghĩ rằng tốt nhất là anh đi học tốc ký – anh đã biết đánh máy chữ rồi – và vào làm việc ở văn phòng của ba. Anh có bộ óc tốt, em tin rằng thế nào anh cũng sẽ trở thành một luật sư có tài.”

CHƯƠNG 23

Điều Ruth không tin ở khả năng viết văn của Martin, cũng không khiến dưới con mắt gã, nàng có gì thay đổi hoặc giảm giá. Trong thời gian nghỉ ngơi để lấy lại sức, gã đã mất nhiều thì giờ tự phân tích mình và nhờ thế mà hiểu nhiều về mình hơn. Gã khám phá ra rằng gã yêu cái đẹp hơn danh vọng và lòng hám danh của gã chẳng qua phần lớn là vì Ruth. Chính vì lý do này mà lòng hám danh của gã mạnh mẽ. Gã muốn trở thành vĩ đại trước con mắt của người đời, “phải thành công” như gã thường nói, để cho người đàn bà mà gã yêu sẽ kiêu hãnh vì gã và thấy ở gã một con người xứng đáng.

Còn riêng gã, gã yêu cái đẹp một cách say mê và niềm vui được phục vụ cái đẹp đối với gã đã là đồng lương xứng đáng rồi. Và gã còn yêu Ruth hơn cái đẹp nữa. Gã cho rằng tình yêu là cái đẹp dễ nhất trên đời. Chính tình yêu đã tạo nên một cuộc cách mạng trong con người gã, biến gã từ một gã thủy thủ ngu dốt thành một sinh viên, một nghệ sĩ, và vì thế đối với gã, cái đẹp dễ nhất là tình yêu. Gã đã thấy trí óc gã vượt xa trí óc Ruth cũng như nó đã vượt xa trí óc của các anh em nàng, vượt xa trí óc cha nàng. Mặc dù nàng có cái thuận lợi được học tập ở trường đại học, mặc dù nàng có mảnh bằng tú tài văn chương, năng lực trí thức của gã đã vượt năng lực trí thức của nàng, chỉ trong vòng trên dưới một năm, tự học, tự vũ trang kiến thức cho mình, gã đã nắm được thấu đáo sự việc trên đời, nắm được nghệ thuật, được cuộc sống mà nàng không bao giờ có thể hy vọng đạt được.

Tất cả những điều đó gã đều đã nhận thấy nhưng nó không hề ảnh hưởng đến tình yêu của gã đối với nàng, cũng không hề ảnh hưởng đến tình yêu của nàng đối với gã. Tình yêu quá đẹp dễ, quá cao quý và gã là một người yêu quá trung thành không thể làm ô bấn tình yêu bằng những lời bình phẩm. Tình yêu có can dự gì đến những quan điểm bất đồng của Ruth về nghệ thuật, về cách xử thế, về cuộc cách mạng Pháp, hoặc về quyền bình đẳng trong việc bỏ phiếu? Những cái đó là những hoạt động tinh thần, nhưng tình yêu thì vượt lên trên lý trí, nó có tính chất siêu lý tính. Gã không thể tâm thường hóa tình yêu được. Gã tôn thờ nó, tình yêu nằm trên những đỉnh núi cao, quá xa thung lũng của lý trí. Tình yêu là một điều kiện thiêng liêng của tồn tại, là đỉnh cao nhất của cuộc sống, nó rất hiếm. Nhờ trường phái của những nhà triết học khoa học mà gã yêu thích, gã đã biết được ý nghĩa sinh vật học của tình yêu, nhưng qua một quá trình suy nghĩ tinh tế, với cùng một phương pháp suy luận khoa học ấy, gã đã đi tới kết luận con người chỉ có thể hoàn thiện được tới đỉnh cao nhất của nó trong tình yêu, không được nghi ngờ tình yêu, phải thừa nhận nó như một phần thưởng cao quý nhất của cuộc sống. Vì thế, gã cho rằng con người đang yêu đương hạnh phúc hơn hết mọi sinh vật ở đời, và gã thích thú khi nghĩ tới “người tình say đắm” vượt lên trên mọi sự vật trên trái đất, vượt lên trên của cải, trên sự suy xét, trên dư luận, trên mọi sự khen chê, vượt lên trên chính cuộc sống và chết đi trên một chiếc hòm.

Hầu hết những điều đó Martin đã suy luận ra, còn một vài điều nữa gã suy luận sau này. Trong khoảng thời gian đó gã làm việc, không một phút nghỉ ngơi trừ những lúc đến thăm Ruth, gã sống như một người Sparta^[67]. Gã trả hai đô la thuê tiền nhà của chủ nhà người Bồ Đào Nha Maria Silva, một phụ nữ góa chồng chưa ngoa lắm điều. Phụ nữ phải làm việc quần quật, vì thế tính tình càng thêm cáu bẳn, bằng cách này hay cách khác, phụ nữ phải xoay xở nuôi một đàn con, thỉnh thoảng để nhấn chìm cái buồn, cái mệt, phụ nữ lại nốc một bình rượu nhạt phèo, chua loét, mua mười lăm xu ở cửa hàng vừa bán thực phẩm vừa là quán rượu ở góc phố. Từ chỗ ghét phụ nữ, ghét cái miệng lưỡi thô tục của phụ nữ lúc ban đầu, dần dần Martin thán phục phụ nữ, khi quan sát cuộc vật lộn dằng dặc của phụ nữ. Trong căn nhà nhỏ bé cả thầy chỉ có bốn buồng –

trừ buồng của Martin ra chỉ còn lại có ba. Một trong những cái buồng đó, buồng tiếp khách, trông vui mắt vì một tấm thảm dệt màu, nhưng lại ảm đạm vì một mảnh giấy báo tang và tấm ảnh của một đứa con đã chết trong lũ con lúc nhúc của mẹ, buồng này chỉ để tiếp khách thôi. Màn cửa lúc nào cũng buông; và lũ con chân dầm đất tuyệt đối không được bước vào khu vực thiêng liêng này, trừ những dịp long trọng. Mẹ nấu ăn, và cả nhà đều ăn ở bếp, ở đó mẹ vừa giặt, vừa hồ vừa là quần áo suốt cả tuần lễ trừ ngày chủ nhật. Tiền thu nhập của mẹ phần lớn nhờ ở công việc giặt quần áo cho những nhà hàng xóm khấm khá hơn. Chỉ còn lại một buồng ngủ, nhỏ như buồng của Martin, mẹ và bảy đứa con nhỏ sống chen chúc và ngủ ở đó. Làm thế nào mà thực hiện được cái việc đi ngủ ấy, đối với Martin thật mãi mãi là một điều kỳ lạ, bên này bức vách mỏng, đêm đêm gã nghe rõ từng chi tiết, những tiếng cãi nhau, những tiếng nô đùa, những chuyện trò to nhỏ, những tiếng líu ríu ngái ngủ như tiếng một bầy chim. Một nguồn thu nhập khác nữa của mẹ Maria là hai con bò cái, mỗi ngày mẹ vắt sữa hai lần vào buổi tối và buổi sáng. Hai con bò này lén lút ăn cỏ ở những chỗ vắng người hoặc ở bờ đường cái quan, lúc nào cũng có một đứa con của mẹ quần áo rách rưới đi chặn, nhiệm vụ chính của chúng là để ý không cho lão gác khu nhốt súc vật lạc nhìn thấy.

Trong căn buồng nhỏ của mình, Martin sống, ngủ, học tập, viết lách và lo lấy mọi việc. Trước cửa sổ độc nhất trông ra cái cổng nhà, đằng trước kê một cái bàn nhà bếp vừa dùng làm bàn viết, giá sách, chỗ để máy chữ. Chiếc giường kê sát bức tường sau chiếm mất hai phần ba căn buồng rồi. Bên cạnh bàn có một cái tủ gương lờ lợt, người làm ra nó cốt chỉ kiếm lời chứ không cốt để dùng, gỗ mặt tủ mỏng, cứ mỗi ngày bong ra một ít. Chiếc tủ gương ấy được kê ở một góc. Đối diện với nó ở góc bên kia cạnh bàn là bếp - một cái bếp dầu để trên một hòm gỗ trước kia để đóng hàng tơ lụa, trong có đựng bát đĩa, dụng cụ nấu nướng trên tường có giá để thức ăn, và ở trên sàn có sẵn một xô nước. Martin phải lấy nước từ bể nước trong bếp vì trong phòng gã không có vòi. Vào những hôm có đun bếp, khói xông lên mù mịt, thì những mảnh gỗ trên mặt của chiếc tủ gương lại bong ra một cách ghê gớm. Chiếc xe đạp của gã được treo vào một cái móc trên trần ngay ở đầu giường. Lúc đầu, gã vẫn để ở dưới đất, nhưng lũ con mẹ Silva quấy phá, tháo cả ốc chọc thủng cả lớp làm gã phát điên lên. Sau gã đem nó ra để ở chỗ cổng nhỏ đằng trước, nhưng một đêm gió đông nam kéo tới, mưa ướt hết xe. Thế rồi gã đành phải cất nó vào phòng và treo lên cao. Một cái tủ nhỏ để quần áo và sách vở, những cuốn sách gã mua tích lũy ngày càng chồng chất, trên bàn, dưới bàn, không còn chỗ để nữa. Cùng với việc đọc, gã đã tạo cho mình thói quen ghi chép, gã ghi nhiều đến nỗi, nếu không móc những tờ giấy ghi ấy vào những dây phơi quần áo chẳng dăng dịt khắp phòng thì có lẽ gã không còn chỗ nào để mà thở trong căn phòng chật hẹp này nữa. Ngay thế nữa, phòng vẫn bừa bộn chật chội quá đến nỗi đi lại ở trong đó là cả một chuyện khó khăn. Không thể nào mở được cửa ra vào nếu như không đóng cửa tủ, và ngược lại. Không thể nào đi từ chỗ này đến chỗ kia bằng một con đường thẳng. Từ cửa đến đầu giường cũng phải đi vòng đi vèo, lúc tối chẳng va vào cái nọ cũng đụng vào cái kia. Tránh được những cái cửa luôn luôn mâu thuẫn với nhau, thì phải tạt ngang sang phải để tránh cái bếp, rồi lại phải tạt ngay sang trái để tránh chân giường, nhưng nếu lại tạt mạnh quá thì lại va phải góc bàn. Vặn mình, đảo người một cách đột ngột đi hết con đường vòng là tới một cái gác, một bên là giường, một bên là bàn. Nếu cái ghế độc nhất của căn phòng mà cứ để nguyên ở chỗ thường lệ của nó trước bàn thì lại không thể nào đi qua được cái gác đó. Khi không dùng đến ghế, gã đem đặt nó ở đầu giường, tuy nhiên, đôi khi gã cũng dùng nó ngồi để khi nấu ăn, gã đọc sách chờ nước sôi - gã còn đủ khéo léo thu xếp đọc được một vài đoạn trong khi đợi miếng thịt bò rán chín. Hơn nữa, chỗ dành để làm bếp quá nhỏ, cứ ngồi nguyên một chỗ, gã cũng có thể với lấy được mọi thứ cần dùng. Thực ra, cứ ngồi mà làm lại tiện, đứng dậy chỉ tổ vướng.

Vốn đã có một cái dạ dày rất khỏe, ăn gì cũng tiêu, gã lại biết làm nhiều món ăn vừa bổ vừa rẻ tiền. Súp đậu hòa lan là món thường xuyên của gã, cũng như món khoai tây với đậu biển, những củ thật to, nâu xám, gã nấu theo kiểu Mexico. Mỗi ngày ít nhất cũng có trên bàn ăn của gã một lần thứ gạo thổi theo một lối đặc biệt mà các bà nội trợ Mỹ không bao giờ thổi và cũng không thể nào học được cách thổi như thế. Quả khô rẻ hơn quả tươi, lúc nào gã cũng có sẵn một hộp vì gã thường dùng nó thay bơ để ăn với bánh mì. Thỉnh thoảng, gã lại tô điểm thêm

cho bàn ăn của mình một món bít tết hay một ít xương nấu súp. Cà phê không kem và sữa, mỗi ngày gã uống hai lần, thay bữa trà buổi tối, nhưng cả cà phê lẫn trà gã pha rất ngon.

Gã cần phải tiết kiệm. Trong thời gian nghỉ ngơi gã đã tiêu mất gần hết số tiền dành dụm được ở xưởng giặt. Và việc bán những tác phẩm hãy còn xa xôi lắm, còn mất nhiều tuần lễ nữa mới hy vọng nhận được số tiền nhuận bút đầu tiên của những bài lật vạt. Chỉ trừ những khi gặp Ruth, hoặc thỉnh thoảng đến thăm chị Gertrude, còn gã sống như một người ẩn dật, mỗi ngày gã làm việc ít nhất bằng ba ngày của một người bình thường. Gã chỉ ngủ vển vện năm tiếng đồng hồ. Chỉ một cơ thể bằng sắt mới có thể chịu đựng nổi không bị gục ngã như gã, ngày này qua ngày khác, cứ làm việc cật lực liên tiếp mười chín tiếng đồng hồ liền. Gã không bỏ phí một phút nào. Gã dán lên mặt gương những mảnh giấy ghi đầy đủ những định nghĩa và cách phát âm, khi cao râu, khi mặc quần áo, khi chải đầu gã đều đọc hết lại một lượt. Gã cũng dán những mảnh giấy như thế lên tường, trên cái bếp và cũng lại đọc suốt lượt khi làm bếp hay khi rửa bát đĩa. Những mảnh giấy mới luôn luôn thay thế cho những mảnh giấy cũ. Cứ mỗi khi đọc gặp chữ lạ hay chưa thực sự rõ, gã lập tức ghi ngay lại, và sau khi thu thập được khá nhiều, gã đem đánh máy rồi dán lên tường hoặc lên giường. Gã đặt chúng cả vào túi, khi đi ở phố, khi đứng chờ ở cửa hàng thịt hoặc hàng thực phẩm, gã cũng đem nó ra ôn lại.

Gã còn đi xa hơn nữa trong việc học tập. Đọc tác phẩm của những người đã nổi tiếng, gã ghi tất cả những thành công của họ, nghiên cứu những kỹ thuật nhờ nó mà họ đã đạt được kết quả, lối trần thuật, cách diễn đạt, bút pháp, những quan điểm, cách đối tỉ, những cách nói dí dỏm. Gã ghi tất cả lại vào những mảnh giấy để nghiên cứu. Gã không bắt chước đâu, gã đi tìm những nguyên tắc. Gã ghi chép tất cả những lối hành văn hay và tìm hiểu văn phong cho đến khi từ lối viết văn của nhiều tác giả, gã có thể rút ra một nguyên tắc chung, và sau khi đã trang bị như vậy, gã tự tạo lấy một văn phong riêng, mới, độc đáo cho mình; đánh giá, phê bình, tán thưởng văn phong của người khác một cách đúng đắn. Gã cũng ghi chép cả những câu văn mạnh mẽ, những câu sống động, những câu rất bóng như chất cường toan, những câu bốc lên như lửa, hay những câu sáng ngời, êm ái, dịu ngọt giữa cái sa mạc khô cằn của một thứ ngôn ngữ tầm thường. Gã luôn luôn đi tìm nguyên tắc ẩn ở bên trong, ở đằng sau những câu văn đó. Gã muốn biết người ta đã viết nó như thế nào để rồi chính mình sẽ viết. Gã không chỉ hài lòng với bộ mặt xinh tươi của cái đẹp. Gã đem cái đẹp ra mổ xẻ trong căn phòng thí nghiệm chật chội nhỏ bé của mình, nơi mà mùi bếp núc hòa lẫn với tiếng nô đùa ầm ĩ bên ngoài của bầy con mụ Silva, và sau khi đã mổ xẻ, đã phân tích được cái đẹp, gã đi gần tới chỗ tự mình sáng tạo nên cái đẹp.

Bản chất gã vốn là người chỉ có thể làm một việc gì khi đã hiểu rõ tính chất của việc đó. Gã không thể làm việc mù quáng, trong bóng tối, không biết mình đang sáng tạo ra cái gì, chỉ tin ở sự may rủi, ở ngôi sao định mệnh sẽ đem lại kết quả tốt đẹp cho mình. Gã không đợi ở may rủi, gã muốn biết tại sao và thế nào. Thiên tài của gã là một thiên tài sáng tạo có ý thức, trước khi gã viết một truyện ngắn hoặc một vài bài thơ thì nó đã sống trong óc gã, gã đã nhìn thấy rõ mục đích và trong ý thức, gã đã có đầy đủ phương tiện để đạt tới mục đích đó. Nếu không thì mọi cố gắng của gã nhất định dẫn tới thất bại mà thôi. Mặt khác, gã đánh giá cao những từ và câu đến dễ dàng, nhẹ nhàng trong óc gã, và sau này, những từ và thành ngữ đó trải qua mọi thử thách về cái đẹp và sức mạnh phát triển thành những ý nghĩa rộng kỳ lạ không truyền đạt nổi. Trước những từ và câu như thế, gã cúi mình thán phục, biết rằng nó vượt lên mọi sáng tạo có ý thức của bất cứ ai. Và bất kể gã đã mổ xẻ cái đẹp cận kề đến thế nào để tìm những nguyên tắc ẩn trong cái đẹp để với tới được cái đẹp cuối cùng, gã vẫn cảm thấy cái bí mật nằm sâu kín bên trong cái đẹp mà gã không thể thâm nhập vào được, và xưa nay không ai đã thâm nhập vào được. Nhờ Spencer của gã, gã biết rất rõ rằng con người không bao giờ có thể đạt được trí thức tuyệt đối của bất cứ một vấn đề gì, rằng cái bí mật của cái đẹp thật không kém gì bí mật của cuộc sống – không, còn hơn thế nữa – những đường gân thớ thịt của cái đẹp và của cuộc sống bện chặt lại với nhau, chính gã cũng chỉ là một mảnh nhỏ của cùng một cơ cấu không thể giải thích được ấy do ánh mặt trời, các vàng sao xa mờ, và sự kỳ ảo dật thành.

Sự thực là, đầu óc gã chứa đầy những tư tưởng đó khi gã viết tập tiểu luận nhan đề “Vầng sao xa mờ,” trong đó đối tượng gã tấn công không phải là những nguyên tắc của phê bình mà là những nhà phê bình nổi tiếng nhất. Bài tiểu luận đó, viết rất tài, sâu sắc, có ý nghĩa triết học, lại đượm vẻ hài hước một cách nhẹ nhàng. Cho nên, cứ đến các tạp chí là nó bị trả về ngay không biết bao nhiêu lần. Nhưng giờ đây gã không bận tâm vì chuyện bản thảo bị trả lại, nên gã vẫn bình tĩnh tiếp tục con đường của mình. Gã đã tạo cho mình thói quen suy nghĩ thật kỹ càng chín chắn về một vấn đề gì, rồi sau đó lao ngay vào máy chữ đánh.

Những cái đó không được in đối với gã bây giờ chỉ là một vấn đề nhỏ. Dem những điều đó mà viết ra là đỉnh cao nhất của một quá trình suy nghĩ lâu dài, là tập hợp tất cả những mảnh tài liệu chứa nặng trong đầu óc gã. Viết được một bài như vậy tức là một sự cố gắng có ý thức giải phóng đầu óc mình khiến nó có thể tiếp thu được những tài liệu và những vấn đề mới. Cái đó cũng có một điểm nào đó giống như thói quen thông thường của những người đàn ông đàn bà bị giằng vặt bởi những nỗi đau khổ thực sự hoặc chỉ là tưởng tượng, thỉnh thoảng lại muốn phá tan sự căm lạng chịu đựng từ bao lâu của mình và “nói thối ra” cho đến lời cuối cùng.

CHƯƠNG 24

Tuần tiếp tuần, nhiều tuần trôi qua. Martin hết sạch cả tiền mà những tấm ngân phiếu của các nhà xuất bản thì vẫn còn xa xôi như bao giờ. Tất cả những bản thảo quan trọng của gã đều trở lại rồi lại được gửi đi, cả số phần những bài viết cốt để kiếm tiền cũng không hơn gì. Cái bếp nhỏ của gã không còn được điểm xuyết bằng những món ăn nhiều màu mè nữa. Gieo neo quá, chỉ còn một phần túi gạo và một vài cân mạn khô, gạo và mạn khô là món ăn ba lần trong một ngày của gã, đã năm ngày liền như vậy. Rồi gã bắt đầu thấy mình mắc nợ. Lão bán hàng thực phẩm người Bồ Đào Nha, trước đây mua gì gã đều trả tiền ngay, bây giờ thấy tiền nợ của gã đến lên tới con số ghê gớm là ba đôla tám mươi nhăm xu thì không bán chịu nữa. Lão nói:

“Anh biết đấy. Anh chả chịu đi làm đi ăn gì, thì tôi đến mất toi tiền.”

Martin không thể trả lời được, không có cách gì giải thích cả. Nguyên tắc làm ăn buôn bán nhất định không thể cho phép bán chịu cho một anh chàng còn trai trẻ sức vóc, xuất thân trong tầng lớp công nhân mà lại quá lười biếng, không chịu đi làm.

“Anh cứ đi kiếm việc làm đi. Tôi sẽ bán chịu thêm cho anh.” Lão cam đoan với Martin “Không có việc làm, không bán chịu. Công việc buôn bán là phải thế.” Rồi để chứng tỏ đó chỉ là sự lo xa trong việc buôn bán chứ không phải vì thành kiến, lão nói tiếp “Vào làm chén rượu đã, ta vẫn là bạn tốt với nhau mà.”

Thế là Martin nhận lời uống, theo cái lối tự nhiên dễ dãi của gã, để tỏ ra gã vẫn là bạn tốt với nhà hàng; rồi về giường đi ngủ, bụng rỗng không.

Cửa hàng bán hoa quả tươi, nơi Martin thường mua rau, chủ là một người Mỹ, nguyên tắc buôn bán của lão này lỏng lẻo đến nỗi đã để cho Martin nợ năm đôla rồi mới thôi không bán chịu nữa. Lão bán bánh cho nợ đến hai đôla thì thôi, lão hàng thịt, bốn đôla. Martin cộng các món lại và thấy mình mang ở trên đời một món nợ tổng cộng là mười bốn đôla tám mươi nhăm xu. Gã còn nợ tiền thuê máy chữ, nhưng gã còn có thể chịu được hai tháng như thế là tám đôla. Đến lúc đó gã sẽ không còn trông vào đâu được nữa.

Lần mua cuối cùng ở cửa hiệu hoa quả là một túi khoai tây và suốt một tuần lễ liền gã chỉ có khoai tây, không gì khác ngoài khoai tây, ba lần một ngày. Họ hoàn ăn ở nhà Ruth giúp gã giữ được sức khỏe của cơ thể, tuy gã cũng thấy khá khổ tâm khi từ chối không lấy thức ăn thêm, trong khi bụng đói cào cào thèm khát những thức ăn bày la liệt trên bàn. Thỉnh thoảng, tuy trong thâm tâm cảm thấy xấu hổ, những gã vẫn tạt vào nhà bà chị đứng vào lúc bữa cơm và ăn no, ăn nhiều, nhiều hơn ở bàn ăn nhà ông Morse.

Gã làm việc hết ngày nợ đến ngày kia, và hết ngày nợ đến ngày kia, người đưa thư vẫn mang cho gã những tập bản thảo bị ném trả về. Gã không có tiền mua tem, vì thế mà bản thảo chất thành đống ở gầm bàn. Rồi một hôm, suốt bốn mươi tiếng đồng hồ gã không được nếm một chút thức ăn nào. Gã không thể hy vọng một bữa ăn ở đằng nhà Ruth, vì nàng đã đi San Raphael chơi hai tuần; và cũng vì xấu hổ gã không thể tới nhà bà chị. Không may hơn nữa, người đưa thư đi phát chuyển thư chiều đã mang tới cho gã năm tập bản thảo bị trả về. Rồi vì thế mà Martin phải mặc áo khoác ngoài xuống Oakland, lúc trở về không còn áo, nhưng có năm đôla lằng xằng trong túi. Gã trả bớt cho bốn cửa hiệu, mỗi người một đôla, và về bếp rán thịt bò với

tỏi, pha cà phê, trộn một xoong mận to tướng. Ăn xong, gã ngồi vào bàn hoàn thành trước nửa đêm một bài luận văn mà đặt tên cho nó là “Giá trị của sự cho vay lãi.” Đánh máy xong, gã quẳng nó xuống gầm bàn vì cũng không còn lại xu nào trong số năm đôla trên để mua tem.

Sau đó gã đem cầm đồng hồ, rồi sau đó lại cầm cả xe đạp, bớt tiền mua thức ăn để mua tem dán vào tất cả các bản thảo và gửi đi. Gã đã thất vọng đối với những bài viết cốt để kiếm tiền của mình. Không ai cần mua cả. So sánh chúng với cái gã thấy trên các tờ báo hàng ngày, các tuần báo, các tạp chí rẻ tiền, gã quả quyết rằng những bài của gã hơn những bài thông thường được đăng nhiều, hơn rất nhiều, ấy vậy mà chúng vẫn không bán được. Rồi gã khám phá ra hầu hết các báo chí hàng ngày đăng phần lớn những bài “do các nghiệp đoàn cung ứng đưa đến,” và gã tìm được địa chỉ của cái tổ chức cung cấp những tài liệu đó. Nhưng những bài của gã gửi đi vẫn bị trả về kèm theo một bức thư in sẵn báo cho gã biết rằng ban biên tập đã cung cấp đủ tất cả những bài cần thiết.

Ở một trong những tờ báo thiếu niên lớn, gã thấy bao nhiêu cột đăng khi những giai thoại, những mẩu chuyện tạp nhạp. Lại một cơ hội đây rồi. Nhưng những mẩu chuyện của gã lại bị trả về; mặc dù gã đã cố gửi đi gửi lại nhiều lần, vẫn không một truyện nào gửi lọt. Mãi về sau, khi không cần đến nữa, gã mới rõ bọn chủ bút và bọn phụ việc đã tự tay viết những chuyện đó để tăng lương của chúng lên. Những tờ tuần báo trào phúng cũng gửi trả lại những mẩu chuyện khôi hài và những bài thơ châm biếm của gã, những bài thơ đả kích nhẹ nhàng gã viết cho những tạp chí lớn cũng không có chỗ dung thân. Lại còn những truyện ngắn trên báo hàng ngày nữa. Gã biết gã có thể viết hay hơn những cái đã được đăng. Tìm được địa chỉ của hai tổ chức cung cấp tài liệu cho các báo hàng ngày, gã tới tấp gửi truyện ngắn của mình đến, khi đã viết xong tới hai mươi truyện mà vẫn không được nhận đăng truyện nào, gã thôi không viết nữa. Tuy vậy, hàng ngày, đọc những truyện ngắn trên các báo hàng ngày, hàng tuần, biết bao là truyện, gã không thấy một truyện nào có thể sánh nổi với truyện của gã. Thất vọng, gã kết luận rằng gã không biết đánh giá một chút nào, rằng gã bị mê hoặc vì những cái mình viết, rằng gã chỉ là một thằng kiêu căng tự lừa dối mình.

Cái bộ máy biên tập không có tính chất con người cứ chạy một cách trơn tru như thường. Gã dán tem lên bản thảo, gấp lại, bỏ vào thùng thư, và cứ từ ba tuần đến một tháng sau người đưa thư lại bước lên bậc cầu thang, đưa trả lại gã. Chắc chắn rằng ở đầu bên kia không có một ban biên tập con người. Đó chỉ toàn là những bánh xe, những răng cưa, những ổ dầu – một hệ thống máy móc tinh xảo được điều khiển bởi những người máy. Gã đã thất vọng tới mức nghi ngờ không biết bọn biên tập có thực tồn tại hay không. Gã không bao giờ nhận thức được một dấu hiệu gì về sự tồn tại của một tên chủ bút nào, và cái việc không có một lời nhận định mà cứ vút trả lại tất cả những cái gã viết, dường như là một bằng chứng cụ thể tỏ ra rằng bọn chúng chỉ là những vật hoang đường được tạo ra, được nuôi dưỡng bởi một lũ lau nhau phụ việc, lũ thợ xếp chữ, bọn thợ in.

Những giờ phút bên Ruth là những giờ phút sung sướng độc nhất của gã, mà cũng không phải mọi giây phút đều sung sướng. Gã luôn luôn bị dẫn dắt bởi một sự day dứt gặm nhấm tâm hồn, nó còn làm cho gã đau khổ hơn là những ngày xưa kia khi gã chưa chiếm được tình yêu của nàng; bởi vì bây giờ tuy đã chiếm được tình yêu của nàng rồi, những chiếm được nàng vẫn còn là chuyện xa xôi hơn bao giờ hết. Gã đã xin nàng hai năm. Thời gian qua đi như bay, gã vẫn chưa đạt được cái gì cả. Hơn nữa, gã luôn luôn nhận thức thấy một sự thật là nàng không tán thành cái việc gã đang làm. Nàng không nói thẳng như vậy. Nhưng gián tiếp nàng đã để cho gã hiểu một cách rõ ràng, dứt khoát y như nàng đã nói ra. Nàng không tỏ ý bực bội, nhưng không tán thành; những người đàn bà khác không hiền dịu như nàng có lẽ đã tỏ ra bực bội lắm trong khi nàng chỉ tỏ ra thất vọng. Sự thất vọng của nàng là ở chỗ con người mà nàng định nhào nặn này lại từ chối không chịu để cho nhào nặn. Trước đây, nàng vẫn cứ cho rằng đến một mức độ nào đấy chất đất sét trong con người này sẽ dẻo lắm, thế mà nó hóa ra bướng bỉnh, từ chối không để cho nặn theo hình dáng của cha nàng hay của ông Butler.

Những cái lớn lao, mạnh mẽ trong con người gã, nàng đều không nhìn thấy, hay tệ hơn nữa, nàng đã hiểu nhầm nó. Cái con người này, mà chất đất sét mềm dẻo đến độ có thể sống trong bất cứ một cái ổ nào trong cuộc sống của con người, nàng lại cho là bướng bỉnh, là ngoan cố nhất, bởi vì nàng không thể nắn được nó, không bắt được nó phải sống trong cái ổ chim câu của nàng, cái ổ duy nhất mà nàng biết. Nàng không thể nào theo được đôi cánh bay bổng của tư tưởng gã, và khi trí óc gã đã vượt quá xa nàng, thì nàng lại cho gã là một con người kỳ quái. Từ xưa đến nay, chưa trí óc một ai vượt qua trí óc nàng. Nàng vẫn có thể hiểu được cha nàng, mẹ nàng, các anh em nàng, và Olney, và vì thế khi không hiểu nổi Martin thì nàng tin rằng lỗi là ở gã. Đó chính là tấn bi kịch cổ xưa khi cái thiện cận lại muốn làm thầy cho toàn vũ trụ.

“Em sùng bái tư tưởng chính thống.” Một lần gã đã nói với nàng, khi hai người thảo luận với nhau về Prap và Vanderwater. “Anh thừa nhận rằng kể đúng về mặt những người có uy tín để trích dẫn, thì họ là những người xuất sắc nhất – hai nhà phê bình văn học tiên tiến của Mỹ. Tất cả các ông giáo ở các trường trên đất này đều ngưỡng mộ coi Vanderwater như ông thần trong giới phê bình văn học ở Mỹ. Ấy vậy mà, anh đã đọc những bài viết lảm nhảm của hần ta, và đối với anh hình như đó là biểu hiện đầy đủ nhất, của một thằng ngốc. Thật thế, hần ta không hơn gì một tay nói sáo buồn tẻ như Gelett Burgess[68] nói. Prap thì cũng chẳng hơn gì. Như cuốn “Rêu độc” của hần chẳng hạn, viết thì văn hoa lảm, không đặt sai một dấu phẩy, giọng văn thì ái chà... chà, mới cao quý, cao quý chứ. Hần là một nhà phê bình được trả hậu hĩ nhất ở nước Mỹ này. Nhưng, trời ơi! Hần không phải là một nhà phê bình chút nào. Ở Anh người ta làm công việc phê bình tốt hơn.

“Nhưng điểm lý thú là lời lẽ nghe ra có vẻ hợp với đại chúng lắm, văn hoa, đạo lý, và có vẻ tự mãn. Những bài phê bình của các ông ấy làm cho anh nhớ tới một ngày Chủ nhật ở Anh[69]. Họ là cái loa của đại chúng. Họ tôn các ông giáo sư văn học Anh của em lên, và các ông giáo sư văn học em cũng tôn họ lên. Nhưng trong bất cứ một cái sọ nào của bọn họ cũng chẳng có lấy được một tư tưởng độc đáo. Họ chỉ biết những cái đã được xác định. Tâm hồn họ yếu đuối và những cái đã được xác định nó in ngay vào con người họ dễ dàng như nhãn hiệu in vào một chai bia. Công việc của họ là bắt tất cả những chàng trai trẻ học ở Trường đại học phải xua đuổi khỏi đầu óc mình bất cứ một tư tưởng độc đáo le lói nào may ra có được ở trong đó và in vào đầu các chàng trai ấy tất cả những nhãn hiệu đã được xác định.”

Nàng trả lời:

“Khi em đứng về phía tư tưởng chính thống, thì em nghĩ rằng em gần với chân lý hơn anh là con người cứ hồ hê quay cuồng như một gã đã phá thần tượng ở đảo Nam Hải.”

“Chính những nhà truyền giáo là những kẻ đã phá thần tượng,” gã cười lớn, “bất hạnh thay, tất cả những giáo sĩ đều vắng đi truyền giáo trong đám vô thần, vì thế ở nhà chẳng còn ai để mà phá hủy những thần tượng cổ lỗ là ông Vanderwater và ông Prap.”

“Và cả những giáo sư Đại học nữa chứ!” Nàng thêm.

Gã lắc đầu quả quyết. “Không, những giáo sư khoa học phải tồn tại. Họ là những người thực sự vĩ đại. Nhưng nên đem mà chặt cổ hết chín phần mười các ngài giáo sư văn học Anh, những con vẹt đầu óc nhỏ bé ấy đi!”

Đối với các giáo sư, lời nhận xét trên có phần nghiêm khắc, nhưng đối với Ruth đây là một lời báng bổ. Nàng không thể không so sánh những giáo sư, quần áo gọn gàng tề chỉnh, có vẻ học giả, lời nói uyển chuyển, lời nói ra là học thức, là tế nhị, với anh chàng trẻ tuổi hầu như không thể tả được này, con người mà không hiểu làm sao nàng đã yêu, con người mà quần áo không

bao giờ vừa với thân hình, bắp thịt to, chắc, chúng tỏ đã phải lao khổ cực nhọc, con người mà mỗi lần nói là sôi nổi, là dùng những lời lẽ cộc cằn thay cho những nhận định bình tĩnh; những lời lẽ nóng nảy dễ bốc thay cho sự tự chủ trầm tĩnh. Ít nhất thì lượng các giáo sư cũng nhiều và – phải, nàng buộc lòng phải nhận thấy điều này – họ là những người thượng lưu, còn gã thì không thể kiếm được một đồng xu, và không như họ.

Nàng không coi trọng những lời nói của Martin mà cũng không căn cứ vào những lời nói đó để mà phê phán lý lẽ của gã. Nàng kết luận lý lẽ của gã sai bằng cách so sánh những cái bề ngoài giữa gã và họ, đành rằng việc so sánh nàng làm không có chủ tâm. Họ, những vị giáo sư, những lời phê bình văn học của họ là đúng, vì họ là những người thành công. Những lời phê bình văn học của Martin là sai bởi vì gã đã không bán được tác phẩm của mình. Hay là nói theo câu nói của gã, họ đã thành công, còn gã thì không thành công. Hơn nữa, hình như gã đúng là không hợp lẽ - gã, cái con người mà vừa mới độ nào thôi còn đứng, cũng ở trong cái phòng khách này, mặt đỏ dừ, vụng về đáp lễ khi được giới thiệu, sợ hãi nhìn quanh, chỉ lo cái vai đu đưa va phải làm vỡ đồ đạc, con người hỏi Swinburne chết từ bao giờ và khoe mình đã đọc “Vươn lên mãi” và “Bài ca cuộc sống.”

Vô tình, Ruth đã tự chứng minh cho quan điểm của gã, rằng nàng là một kẻ tôn thờ những cái đã được xác định. Martin theo dõi quá trình diễn biến của tư tưởng nàng, nhưng gã cố nén không tranh luận thêm nữa. Gã không yêu nàng vì những cái nàng nghĩ về Prap, về Vanderwater, về những ngài giáo sư văn học Anh. Gã bắt đầu thấy rõ và càng ngày càng thấy chắc chắn rằng gã đã nắm được những lĩnh vực của tri thức và tầm hiểu biết sâu rộng mà nàng không bao giờ có thể hiểu nổi, thậm chí cũng không biết rằng những cái đó tồn tại.

Về âm nhạc, thì nàng cho gã thật ra không hiểu biết, còn về nhạc kịch thì không những gã không hiểu biết mà còn bướng bỉnh một cách khó chịu.

“Anh có thích vở nhạc kịch không?” Nàng hỏi gã vào một buổi tối hai người ở nhà hát nhạc kịch về.

Đó là một đêm mà gã phải hết sức tiết kiệm, nhịn ăn trong một tháng mới mua được vé mời nàng. Đợi mãi không thấy gã phát biểu gì về vở nhạc kịch, nàng mới hỏi gã câu ấy, trông người nàng hãy còn bàng hoàng kích động vì những cái nàng vừa được xem và nghe.

“Anh thích màn mở đầu. Hay lắm.”

“Đúng, nhưng còn chính vở thì sao?”

“Cũng hay lắm. Anh muốn nói là ban nhạc ấy. Giá mà những con rối yên đi đứng ra trò thì anh thấy còn thú hơn nhiều.”

Ruth lặng người đi.

“Anh không định nói về Tetralani hay Barillo đấy chứ?” nàng hỏi.

“Tất cả bọn họ.”

“Nhưng họ là những tài tử vĩ đại chứ,” nàng cãi.

“Thì họ vẫn cứ làm hỏng cả bản nhạc, với những trò múa may và những cái không chân thực của họ.”

“Nhưng anh có thích giọng hát của Barillo không? Người ta cho rằng chỉ kém có Caruso[70] thôi.”

“Tất nhiên là có thích và anh còn thích giọng của Tetralani hơn nữa. Giọng của nàng thật là tuyệt diệu – hay ít nhất anh cũng nghĩ như thế.”

“Nhưng, nhưng...” Ruth đáp ứng, “em không hiểu ý anh là thế nào. Anh thán phục giọng của họ, thế mà lại nói là họ làm hỏng cả bản nhạc.”

“Đúng thế đấy. Nghe họ cùng hát, thì mất gì anh cũng muốn nghe, nhưng giá không phải nghe họ hát khi ban nhạc chơi thì anh còn thấy thú vị hơn nhiều. Anh e rằng anh là một anh chàng hiện thực khó tính. Ca sĩ vĩ đại không hẳn là diễn viên vĩ đại. Nghe Barillo hát một đoạn tình ca với một giọng thiên thần, nghe Tetralani hát đối cũng với một giọng thiên thần như thế, hòa theo với điệu nhạc phong phú đầy màu sắc, sáng ngời thì thật là tuyệt diệu, vô cùng tuyệt diệu. Không phải là anh chỉ thừa nhận, anh khẳng định như thế. Nhưng bao nhiêu cái hay cái đẹp đều hỏng hết khi nhìn họ – đào Tetralani cao năm bộ[71] mười đi tất ngắn không giày, thân hình nặng có đến một trăm chín mươi “pao”[72], kép Barillo ngắn ngủn năm thước tư, mặt bự mõ, ngực ngang phè, trông như một anh thợ rèn lùn tịt, hai đào kép nhún nhảy điệu bộ, ôm ngực, vung tay lên không khí như những kẻ mất trí trong nhà thương điên, thế mà người ta đòi anh thừa nhận tất cả những cái đó là một cảnh trung thành với cảnh yêu đương giữa một nàng công chúa kiêu diễm mảnh dẻ với một hoàng tử trẻ tuổi lãng mạn, đẹp trai, thì anh làm sao có thể thừa nhận được, có thể thôi. Thật là dơ dáy, thật là phi lý, không thực chút nào. Vấn đề là như vậy. Nó không thực. Không có một kẻ nào trên đời lại tỏ tình với nhau, theo cái kiểu như vậy. Chứ sao, nếu anh tỏ tình với em theo cái kiểu như vậy, thì có lẽ em đã bộp tai anh rồi.”

“Nhưng anh nhầm,” Ruth phản đối, “bất cứ hình thức nghệ thuật nào cũng đều có giới hạn của nó. (Nàng đang cố nhớ lại một bài thuyết trình về những quy ước của nghệ thuật mà nàng được nghe ở trường Đại học). Trong hội họa chỉ có hai chiều, trên nền vải, ấy thế mà anh vẫn phải thừa nhận trong tưởng tượng là có ba chiều mà nghệ thuật của một họa sĩ giúp anh ta có thể đưa lên nền vải. Hay nói đến chuyện viết văn nữa, tác giả phải là một người có quyền vô hạn. Anh phải thừa nhận là hợp lý tất cả những đoạn tác giả thuật những những ý nghĩ thầm kín của một nữ nhân vật chính trong truyện, thế mà thực ra như anh biết đấy, nhân vật khi nghĩ những tư tưởng đó thì chỉ có một mình, tác giả cũng như không một người nào khác có thể nghe thấy được. Trong sân khấu, trong điêu khắc, trong nhạc kịch, trong tất cả các hình thức của nghệ thuật đều như vậy cả. Ta phải thừa nhận một vài cái không thể hòa hợp với nhau được.”

“Đúng, anh hiểu điều đó. Nghệ thuật nào cũng đều có những quy ước của nó.”

Ruth ngạc nhiên khi gã dùng danh từ đó, y như thể chính gã đã từng theo học ở Đại học, chứ không phải là tự trang bị cho mình rất tồi bằng cách vớ được quyển nào đọc quyển ấy ở Thư viện.

“Nhưng ngay cả quy ước đi nữa cũng phải chân thực. Những cây cối vẽ trên tấm phông phẳng bằng bìa cứng đặt ở hai bên sân khấu, ta phải thừa nhận đó là một khu rừng. Đó là một quy ước khá chân thực. Nhưng, trái lại, ta không thể nào thừa nhận cảnh biển là cảnh rừng được. Không thể nào thừa nhận được. Nó trái với lẽ phải. Ngay cả em nữa, em cũng sẽ, hay nói đúng hơn em không thể thừa nhận cái lối quần quai vắn vẹo đau đớn như sắp chết của hai kẻ điên rồ ấy trên sân khấu đêm nay, coi đó là một biểu hiện của tình yêu có sức thuyết phục người khác.”

“Nhưng anh không tự cho mình là giỏi hơn tất cả những nhà phê bình âm nhạc chứ,” nàng

vẫn lại.

“Không, không, không khi nào. Anh chỉ giữ cái quyền của một cá nhân. Anh chỉ nói với em những điều anh nghĩ, cái để giải thích cho em hiểu tại sao đối với anh những điều nhảy nhót nặng nề ịch ịch như voi của bà Tetralani, đã làm hỏng cả ban nhạc. Những nhà phê bình âm nhạc trên thế giới này có thể là đúng cả. Nhưng anh là anh, anh không thể nào uốn cái sở thích của anh theo những lời bình phẩm chung của thiên hạ được. Nếu anh không thích một cái gì đó thì có nghĩa là anh không thích nó, có thể thôi; dưới bầu trời này không có một lý do gì khiến anh cứ phải đi bắt chước như một chú khỉ thích theo cái thích của người khác, chỉ vì đa số những người đồng loại với anh thích hay làm ra vẻ thích. Anh không thể nào đi theo một trong việc anh thích hay không thích.”

“Nhưng âm nhạc, anh biết đấy, là một vấn đề đòi hỏi phải tập luyện,” Ruth cãi lý, “mà nhạc kịch thì lại càng là một vấn đề đòi hỏi phải tập luyện lắm. Có thể là...”

“... anh không được tập luyện để hiểu nhạc kịch chứ gì?” Gã nói chặn ngay.

Nàng gật đầu.

“Đúng thế,” gã đồng ý. “Và anh tự coi là may mắn khi còn trẻ, anh không bị những cái đó hấp dẫn. Nếu không thì đêm nay chắc chắn anh đã phải nhỏ những giọt nước mắt tầm thường và những trò hề của đôi đào kép quý hóa kia có lẽ đã làm tăng cái đẹp của giọng hát của họ, cái đẹp của ban nhạc hòa theo. Em nói đúng đấy. Đó chính là một vấn đề đòi hỏi phải tập luyện. Bây giờ anh quá già rồi. Anh phải có những cái chân thực hoặc không có gì hết. Một ảo ảnh không có sức thuyết phục nổi ai thì chỉ là một điều dối trá trắng trợn, và đối với anh bản nhạc kịch cũng thế thôi, khi anh chàng Barillo lùn tịt lên cơn, ghì chặt lấy nàng Tetralani béo ị trong cánh tay (bà này cũng đang lên cơn) và thổ lộ là chàng đã yêu nàng say đắm biết chừng nào.”

Ruth lại đánh giá tư tưởng của gã bằng cách so sánh những cái bề ngoài phù hợp với niềm tin của mình vào những cái đã được xác định. Anh là ai mà lại có thể đứng còn cả thế giới học thức đều sai? Lời nói và tư tưởng của gã không gây một tác động nào đối với nàng. Nàng đã tin tưởng một cách quá vững chắc ở những cái đã được xác định nên không có thể có được một chút thiện cảm nào đối với những tư tưởng cách mạng. Nàng đã quá quen thuộc với âm nhạc, nàng đã đi xem nhạc kịch từ hồi còn nhỏ, và những người cùng tầng lớp với nàng cũng thích nhạc kịch. Thế thì cái anh chàng Martin Eden kia, một con người vừa mới nhoi lên khỏi những điều nhạc xô bồ của giai cấp công nhân có quyền gì mà dám phê phán âm nhạc của thế giới? Nàng bực bội với gã, và trong khi đi bên cạnh gã, nàng có một cảm giác mơ hồ như đang bị sỉ nhục. Nhưng với lòng bao dung của mình, nàng nghĩ cho cùng ra, nàng coi những quan điểm của gã chẳng qua cũng chỉ là một ý nghĩ bất thường, hơi xấu tính, một lời đùa cợt không đúng lúc, bạ đâu nói đó. Nhưng khi gã ôm nàng trong cánh tay ở trước cửa nhà, hôn nàng từ biệt một cách rất dịu dàng, thì nàng quên hết, trong sự rộn ràng của tình yêu đối với gã và đêm khuya hôm đó, trần trọc trên chiếc gối nàng bối rối, như nàng vẫn thường bối rối trong những ngày gần đây khi nàng tự hỏi không hiểu tại sao mình lại yêu được một con người kỳ lạ như vậy, yêu bất chấp cả sự không đồng ý của gia đình.

Ngày hôm sau, Martin vứt hết những bài viết lật vặt sang một bên, gã say sưa mê mẩn gõ một bài luận văn của gã đặt tên là: “Triết lý của tư tưởng.” Một cái tem dán lên đưa nó đi chu du, nhưng nó lại chịu chung cái số phận phải nhận nhiều cái tem dán lên mình để đi chu du nhiều chuyến trong những tháng tiếp theo.

CHƯƠNG 25

Maria Silva nghèo, và mọi cảnh nghèo khổ chị đều đã rõ. Còn nghèo khổ đối với nàng Ruth chỉ là một danh từ có nghĩa là một hoàn cảnh sống không đẹp. Đó là toàn bộ sự hiểu biết của nàng về vấn đề này. Nàng biết Martin nghèo và trong trí óc mình nàng liên hệ hoàn cảnh sống của gã với thời thơ ấu của Abraham Lincoln, của ông Butler và của những người đàn ông khác đã thành đạt. Hơn nữa, trong khi quan niệm rằng nghèo khổ chỉ là một cái thú vị, nàng có một cảm giác thoải mái tiểu tư sản, nghèo khổ là trong sạch, là một cái đỉnh nhọn thúc đẩy những con người không sa đọa, những con người phải làm việc khổ cực một cách tuyệt vọng đi tới thành công. Vì thế, biết Martin nghèo đến nỗi phải đem cả đồng hồ, cả áo ngoài, nàng cũng không bận tâm. Nàng còn cho rằng đó là khía cạnh đầy hy vọng của hoàn cảnh, nàng tin rằng chẳng sớm thì muộn điều đó cũng làm cho gã thức tỉnh, buộc gã phải bỏ cái trò viết lách đi.

Ruth không hề đọc thấy cái đói trên gương mặt Martin, gương mặt đó giờ đây gầy gò, hai hốc má sâu thêm. Trái lại, nàng lấy làm hài lòng khi nhận thấy những nét thay đổi trên khuôn mặt đó. Hình như nó làm cho gã thanh tú hơn, làm mất đi cả cái khối thịt vô dụng, cái sức mạnh quá cực sức vừa quyến rũ nàng vừa làm cho nàng khinh ghét. Đôi khi ở bên gã nàng nhận thấy một tia sáng khác thường trong cặp mắt gã, nàng rất tán phục vì nó làm cho gã giống một nhà thơ, một học giả hơn – điều mà gã muốn có, điều mà nàng muốn cho gã có. Nhưng Maria Silva thì lại nhìn thấy chuyện khác trong đôi má hóp, trong cặp mắt bùng bùng ấy; chị nhận thấy những thay đổi của chúng hàng ngày, nó chứng tỏ gã sa sút nghèo túng hay có tiền. Chị nhìn thấy gã lúc ở nhà đi ra có áo khoác ngoài, lúc về lại không, tuy trời rét căm căm, rồi chị thấy má gã đã hơi hơi đầy lại và ngọn lửa của đói khát đã rời cặp mắt gã. Chị cũng nhìn thấy chiếc xe đạp và cái đồng hồ của gã ra đi như thế, và sau mỗi lần chị lại thấy sức mạnh của gã sống lại.

Chị cũng để ý theo dõi công việc làm cực nhọc của gã và để biết rõ lượng dầu gã thắp đến tận nửa đêm. Làm việc! Chị biết gã vất vả hơn chị nhiều, tuy công việc của gã là một loại công việc khác. Và chị ngạc nhiên thấy càng ăn ít gã càng làm việc nhiều hơn. Đôi khi, nghĩ cơn đói đang hành hạ gã đến cùng cực, chị làm ra vẻ như ngẫu nhiên, đưa biếu gã một khoanh bánh mới nướng, chị vụng về che giấu hành động của mình, nói đùa là gã nướng bánh chẳng thể nào khéo được bằng chị. Có khi chị sai một đĩa trong lũ con lố nhố của chị mang cho gã một liễn to súp nóng, trong thâm tâm chị cũng suy nghĩ không hiểu giết miếng ăn ra khỏi miệng của máu, của thịt mình đem cho đi như thế có đúng không. Martin cũng không phải là không biết ơn, vì gã đã hiểu rõ cuộc sống của những người nghèo khổ, và nếu ở trên đời có cái gì gọi là lòng nhân ái thì đây chính là lòng nhân ái.

Một hôm, sau khi đã cho lũ con ăn những thứ còn lại trong nhà, Maria dốc nốt mười lăm xu cuối cùng của chị mua một bình rượu rẻ tiền. Martin vào bếp lấy nước được chị mời ngồi cùng uống. Gã uống chúc sức khỏe chị, chị uống chúc gã làm ăn phát đạt; gã cũng chúc chị có hy vọng là lão James Grant đừng đánh bài lảng và sẽ đến trả chị nốt tiền giết còn chịu lại. James Grant là một gã thợ mộc rong, chẳng bao giờ chịu trả hết tiền nợ, lão còn chịu Maria ba đôla.

Cả Maria và Martin đều uống cái thứ rượu mời chua lét ấy vào da dày trống rỗng của mình, men rượu bốc nhanh lên đầu. Và tuy họ là những con người hoàn toàn khác nhau; họ cũng cảm thấy cô đơn trong đói khổ, và tuy họ đều ngầm muốn tránh không nói tới, sự đói khổ ấy vẫn là sợi dây nối họ lại gần gũi nhau. Maria rất ngạc nhiên khi biết rằng gã đã từng sống ở vùng

Azores[73], nơi mà chị đã sống cho đến năm mười một tuổi. Chị lại càng ngạc nhiên hơn khi biết gã đã sống ở những hòn đảo Hawaii, nơi chị đã di cư từ Azores đến cùng với gia đình. Nhưng sự ngạc nhiên của chị lên đến cực độ khi gã nói gã đã ở Maui[74], một hòn đảo đặc biệt nơi chị đã trưởng thành và lấy chồng. Kahului[75], nơi lần đầu chị gặp gỡ chồng chị thì gã, Martin đã từng đến đó hai lần! Chị nhớ những tàu biển chờ đường, và gã đã từng ở trên đó – đúng rồi, đúng rồi, đó là một thế giới nhỏ. Và, Wailuku[76]! Cả nơi đó nữa! Gã có biết lão quản lý khu đồn điền chẳng? Có chứ, gã đã từng uống rượu với lão đôi ba lần.

Thế là họ nhớ lại những chuyện xưa và dìm cơn đói của mình trong bình rượu chua lết. Đối với Martin, tương lai hình như chưa đến nổi mờ mịt lắm. Thành công đang rung lên ngay trước mắt gã. Gã sắp sửa nắm được nó rồi. Gã ngắm nhìn khuôn mặt hằn sâu đường nét của người đàn bà lao khổ đang ngồi trước mặt, gã nhớ lại những liễn súp, những khoanh bánh mới nướng của chị, và gã thấy một niềm biết ơn, một tình nhân ái vô cùng ấm áp rộn lên trong lòng.

Gã bỗng nói:

“Này chị Maria, chị muốn có cái gì nào?”

Chị nhìn gã bối rối.

“Nếu có thể ước được, thì chị muốn ước có cái gì bây giờ, ngay bây giờ nào?”

“Mấy đôi giày cho các cháu, bảy đôi tất cả.”

“Chị sẽ có,” gã nói, chị nghe và gật đầu một cách nghiêm trang. “Nhưng ý tôi muốn nói một điều mong ước lớn cơ, một cái gì lớn mà chị mong ước cơ.”

Mắt chị long lanh một cách hiền hậu. Gã đang muốn nói đùa chị đây, với Maria, người mà những ngày gần đây chẳng ai buồn nói đùa.

“Chị cứ nghĩ kỹ đi đã.” Maria vừa định mở miệng thì gã ngăn lại.

“Tôi nghĩ kỹ rồi. Tôi chỉ muốn có một cái nhà, một cái nhà hoàn toàn là của riêng tôi, không phải trả tiền thuê bảy đôla một tháng.”

“Chị sẽ có,” hần quả quyết. “Chỉ một thời gian ngắn nữa thôi. Bây giờ chị hãy ước một cái gì thật lớn đi. Chị cứ tin như tôi là Thượng đế và tôi nói với chị là chị muốn gì được nấy. Và rồi chị ước, tôi nghe.”

Maria suy nghĩ nghiêm trang một lát.

“Cậu không sợ à?” Chị hỏi như có ý răn đe.

“Không, không,” gã cười. “Tôi không sợ, chị nói đi.”

“Tôi ước một điều lớn cực kỳ đây này,” chị lại răn đe.

“Được, chị cứ nói ngay đi!”

“À, thế này nhé!” Chị thở một hơi dài như một đứa trẻ khi chị gắng hết sức mình nói lên điều

mà chị ao ước nhất đời. “Tôi chỉ ao ước có được một cái trại bò sữa, một cái trại thật tốt, có nhiều bò cái, nhiều đất, nhiều cỏ. Tôi muốn có một cái ở gần San Le-an^[77]; em gái tôi sống ở đó mà. Tôi sẽ đem sữa ra Oakland bán. Tôi sẽ có nhiều tiền. Thằng Joe và thằng Nick sẽ không phải chăn bò. Chúng nó sẽ đi học. Có thể chúng sẽ trở thành kỹ sư giỏi, đi làm đường xe hỏa. Phải, tôi muốn có một trại nuôi bò sữa.”

Chị ngừng lại, nhìn Martin với đôi mắt long lanh.

“Chị sẽ có,” gã trả lời ngay.

Chị gật đầu và khẽ để môi vào cốc rượu một cách trân trọng, đưa cốc rượu cho người tặng chị cái vật mà chị biết không bao giờ có thể có được. Tâm địa gã tốt và trong thâm tâm chị cũng cảm động trước ý định của gã. Y như gã đã thực sự cho chị tặng vật rồi vậy.

“Không, chị Maria,” gã nói tiếp. “Thằng Nick và thằng Joe sẽ không phải đi bán sữa rong đâu. Tất cả các cháu sẽ được đi học, sẽ có giày đi quanh năm. Nhất định trại của chị sẽ là trại loại nhất – mọi thứ đầy đủ. Sẽ có một cái nhà để ở, một chuồng ngựa, nhiều chuồng bò, tất nhiên. Sẽ có gà, lợn, rau cỏ, cây ăn quả, mọi thứ. Sẽ có nhiều bò, phải thuê một, hai người trông nom. Rồi chị sẽ không phải làm gì cả, chỉ trông nom con cái thôi. Còn như, nếu chị gặp được một người tốt, chị có thể lấy người ta. Anh ấy sẽ trông nom trang trại, còn chị thì cứ sống an nhàn.”

Và rồi từ tặng vật lớn lao mà gã thu xếp để tặng trong tương lai ấy, Martin quay về lấy bộ quần áo tốt độc nhất của mình mang ra hiệu cầm đồ. Phải làm điều đó, hoàn cảnh của gã thật tuyệt vọng, vì nó cắt mất con đường đi lại của gã với Ruth. Gã không có một bộ đồ thứ hai nào khả dĩ có thể coi được, và tuy gã có thể đi ra hàng thịt, hàng bánh hay thậm chí khi có việc đến nhà chị gã nữa, nhưng gã thật không dám nghĩ tới chuyện bước chân vào nhà ông Morse với bộ đồ tồi tàn mất phẩm cách như thế.

Gã cứ tiếp tục làm việc, cực khổ gần như vô hy vọng. Hình như gã bắt đầu thấy cuộc chiến đấu thứ hai này đã thất bại và gã lại phải đi tìm việc làm. Như thế gã sẽ làm cho mọi người hài lòng – ông hàng thịt, bà chị, Ruth và ngay cả Maria, người mà gã còn chịu lại một tháng tiền thuê phòng. Gã còn nợ tiền thuê máy chữ hai tháng, cửa hiệu đã thúc tiền, nếu không trả được tiền thì phải đem trả lại máy. Tuyệt vọng, đành phải đình chiến, đầu hàng với số mệnh, đợi một thời cơ khác lại bắt đầu lại, gã thi vào Cục Bưu điện Đường sắt. Gã ngạc nhiên thấy mình đổ đầu. Công ăn việc làm như thế là đảm bảo, tuy nhiên đến bao giờ người ta mới gọi gã đi làm thì không ai biết cả.

Đúng vào thời gian này, trong lúc gã gặp vận bi nhất thì cái bộ máy tòa soạn chạy đều đặn trơn tru đã gãy gục. Một chiếc đinh ốc hần là đã bị tuột hay ổ đựng dầu đã khô, vì một buổi sáng người đưa thư đã mang đến cho gã, một chiếc phong bì nhỏ, mỏng. Martin liếc nhìn vào góc phía trên, đọc tên và địa chỉ của tờ nguyệt san Trans Continental (Xuyên lục địa). Tim gã đập rộn, gã bỗng cảm thấy người xủ đi, cái cảm giác bủn rủn tiếp theo là đầu gối run lên một cách kỳ lạ. Gã lão đảo bước vào phòng, ngồi lên giường, chiếc phong bì vẫn còn chưa bóc. Lúc ấy gã mới hiểu tại sao có người chết bất thành linh khi nhận được một tin vui bất thường.

Tất nhiên, đây là một tin vui. Không có bản thảo trong chiếc phong bì mỏng này, thế tức là nhận rồi. Gã biết truyện ngắn của gã đã ở trong tay tờ Xuyên lục địa nguyệt san, đó là “Tiếng chuông,” một trong những truyện rừng rợn vừa chẵn năm ngàn từ. Và vì theo thường lệ, những tạp chí loại nhất khi nhận đăng bài là trả tiền ngay, trong phong bì có một ngân phiếu. Hai xu một từ, hai mươi đôla một ngàn từ, ngân phiếu này nhất định phải là một trăm đôla. Một trăm đôla! Trong khi gã xé phong bì, tất cả những khoản nợ lại hiện lên trong trí óc gã – 3,85 đôla chịu của hàng thực phẩm; ông hàng thịt, 4 đôla chẵn; 2 đôla của ông hàng bánh; 5 đôla ở cửa

hàng thực phẩm. Tổng cộng 14,85 đôla. Rồi còn tiền thuê buồng, 2,50 đôla nữa; 8 đôla tiền thuê máy chữ hai tháng, 4 đôla đặt trước một tháng. Tổng cộng 21,85 đôla. Cuối cùng, thêm vào đó lại còn những món đang cầm cố, cộng thêm khoản chịu lãi ở cửa hiệu cầm đồ: đồng hồ 5,50 đôla; áo khoác ngoài, 5 đôla; xe đạp, 7,75 đôla; bộ com-lê 5,5 đôla (lãi 60%; nhưng điều đó có hề chi?), tổng cộng là 56,10 đôla – gã nhìn thấy dường như là rất rõ trong khoảng không trước mắt gã, những con số sáng ngời, tổng số tiền nợ và số tiền trừ đi còn lại là 43,90 đôla. Khi gã đã trang trải hết nợ rồi, lấy lại những đồ đem cầm, thì trong túi gã vẫn còn rủng rỉnh như một ông hoàng với 43,90 đôla. Và hơn nữa, gã đã trả trước một tháng tiền thuê phòng và tiền thuê máy chữ.

Gã rút ở phong bì ra một bức thư đánh máy trên một mảnh giấy và mở ra. Không có một tấm ngân phiếu nào cả. Gã nhìn vào trong phong bì, giờ nó lên ánh sáng, nhưng gã không thể tin ở mắt mình, run run, vội vã gã xé chiếc phong bì ra. Không có một tấm ngân phiếu nào cả. Gã đọc bức thư, đọc lướt đi dòng nọ qua dòng kia, đọc lướt qua lời khen ngợi của ông chủ bút về truyền ngẩn của gã, tìm chỗ cốt yếu của bức thư xem sao không có ngân phiếu gửi kèm theo. Gã không thấy đoạn nào trong bức thư nói về điều đó, nhưng gã lại thấy một câu làm cho gã bỗng nhiên xấu đi. Bức thư tuột khỏi tay. Mắt gã tối sầm lại, gã nắm vật xuống kéo chân lên đập kín tới cảm.

Năm đôla truyện “Tiếng chuông,” - Năm đôla năm ngàn từ! Đáng lẽ hai xu một từ hóa ra mười từ một xu! Ấy là thằng cha chủ bút còn khen đấy! Sau khi truyện được đăng gã sẽ nhận được ngân phiếu. Toàn là những truyện hảo huyền cả, nào là ít nhất hai xu một từ, nào là được tiền ngay khi tòa soạn nhận đăng. Đó là một điều dối trá, có lẽ không bao giờ gã viết cả, và gã đã đi làm – đi làm cho Ruth, gã nhớ lại ngày đầu tiên gã thử viết và gã kinh hãi thấy cái khoảng thời gian bỏ phí thật là ghê tởm - tất cả chỉ để được mười từ một xu. Và tất cả những món tiền nhuận bút cao khác của những nhà văn, mà gã đã đọc thấy, ắt hẳn cũng chỉ là những điều dối trá. Những lời gã nghe đồn về nghề văn cũng đều là sai cả, vì đây là một chứng cứ.

“Xuyên lục địa nguyệt san,” giá bán hơn hai mươi năm xu một tờ, cái bìa ngoài sang trọng, trình bày mỹ thuật chứng tỏ nó là một trong những tạp chí loại nhất. Đó là một tạp chí đứng đắn, có tín nhiệm, liên tục xuất bản từ lâu, từ trước khi gã ra đời. Đúng thế, ở ngay bìa ngoài có in những lời của một trong những nhà văn lớn của thế giới, những lời nói lên cái sứ mệnh thiêng liêng của tờ “Xuyên lục địa nguyệt san,” những lời nói của một ngôi sao của nền văn học mà những tia sáng rực rỡ đầu tiên đã xuất hiện ngay ở bên trong tờ bìa. Ấy thế mà cái tờ nguyệt san cao quý giữ cái sứ mệnh thiêng liêng Thượng đế trao cho ấy lại chỉ trả có năm đôla năm ngàn từ! Thế thì – Martin nhớ lại – câu chuyện nhà văn lớn mới chết gần đây, nơi đất khách quê người trong cảnh khốn cùng cũng chẳng phải là chuyện gì đáng ngạc nhiên, cứ xem cái số tiền hậu hĩ mà các tác giả nhận được thì đủ rõ.

Phải, gã đã bị mắc mồi: tờ báo hàng ngày đã dối trá về các nhà văn và tiền nhuận bút của họ; và gã đã phải mất hai năm trời để làm công việc đó. Nhưng bây giờ gã sẽ gỡ ra. Gã sẽ không viết một dòng nào nữa. Gã sẽ làm cái mà Ruth muốn gã làm, cái mà mọi người muốn gã làm: kiếm công việc làm ăn. Ý nghĩ đi làm khiến gã nhớ tới Joe – Joe, con người đã từng lang thang khắp mảnh đất của vô công rồi nghề. Martin thở dài thêm muốn. Cái phản ứng của bao nhiêu ngày, mỗi ngày cầm cùi mười chín tiếng đồng hồ thật là mạnh trong con người gã. Nhưng mà Joe có yêu đâu, có trách nhiệm gì đối với tình yêu đâu, và có thể lang thang khắp mảnh đất của vô công rồi nghề được. Còn gã, Martin, gã còn cái để vì nó mà làm việc và nhất định gã sẽ đi làm. Sớm mai, gã sẽ đi tìm việc. Gã sẽ để cho Ruth biết gã đã sửa lại đường đi của gã và gã vui lòng vào làm việc ở phòng luật sư của cha nàng.

Năm đôla cho năm ngàn từ, mười từ một xu, đó là cái giá thị trường cho nghệ thuật. Nỗi thất vọng, sự dối trá, sự sỉ nhục về cái giá đó choán ngợp trí óc gã. Dưới đôi mắt nhắm nghiền con số 3,85 đôla nợ lão chủ hàng thực phẩm rùng rục thành những con số bốc lửa. Gã rùng mình, gã

thấy đau nhói trong xương, nhất là sống lưng thì đau dữ dội. Đầu gã đau buốt, nhất là đỉnh đầu, cả phía sau nữa, cả bộ não ở bên trong cũng đau và hình như nó đang sưng tấy lên, ở chỗ lông mày thì nhức không thể chịu nổi. Phía dưới lông mày, bên trong mi mắt, sưng sưng con số tàn nhẫn 3,85 đôla. Gã mở mắt ra để trốn thoát nó, nhưng ánh sáng chói chang của căn phòng hình như muốn xé con người gã, buộc gã phải nhắm mắt lại, con số 3,85 đôla lại sưng sưng hiện về.

Năm đôla cho năm ngàn từ, mười từ một xu. Ý nghĩ kỳ quặc ấy cứ bám riết lấy trí óc gã, gã không thể nào trốn thoát được nó cũng như gã không thể nào trốn thoát con số 3,85 đôla dưới mi mắt gã. Con số này, bỗng hình như có thay đổi, và gã tò mò theo dõi cho đến khi con số 2 đôla sáng rực lên thay thế cho nó. A, gã nghĩ, đây là khoản nợ thẳng cha hàng bánh đây, số tiền tiếp theo hiện ra là 2,50 đôla. Nó làm cho gã luống cuống, gã suy nghĩ miên man dường như cái sống và cái chết đang lơ lửng trên lời giải đáp! Gã có nợ của ai 2,50 đôla, chắc chắn là có, nhưng ai? Tìm cho ra là nhiệm vụ mà cả cái thế gian độc ác và hách dịch này bắt gã phải làm; gã lang thang qua khắp tất cả những dãy hành lang dài vô tận của trí óc, mở toang tất cả những căn phòng chứa những đồ cồng kềnh tạp nhạp, những ngóc ngách chông chất ký ức và tri thức hỗn độn, nhưng tìm mãi vẫn không thấy lời giải đáp. Sau bao thế kỷ tìm tòi, tự nhiên nó lại đến với gã dễ dàng, không cần mất một chút cố gắng nào; người đó là Maria. Bất yên tâm, gã lại để tâm hồn quay về với tấm màn giầy vò gã bên trong mi mắt. Gã đã giải đáp được rồi, bây giờ gã có thể nghỉ ngơi. Nhưng không, con số 2,5 đôla mờ dần và thay thế vào đó, cháy rực lên con số 8 đôla. Ai nhỉ? Ấy thế là gã, lại phải làm một cuộc đi vòng khùng khiếp nữa trong trí óc để tìm cho ra.

Đi tìm như thế mất bao lâu, gã không biết nữa, chỉ biết sau một thời gian dường như dài ghê gớm, gã bừng tỉnh bởi tiếng gõ cửa, và tiếng Maria hỏi có phải gã ốm không. Gã trả lời là gã không ốm, chỉ đang ngủ trưa thôi, giọng nói của gã bị nghẹt, lạc hẳn đi đến nỗi gã không nhận ra được nữa. Gã ngạc nhiên thấy căn phòng tối đen. Lúc gã nhận được thư mới hai giờ trưa, bây giờ gã mới biết là mình đang ốm.

Thế rồi con số 8 đô la lại âm ỉ cháy dưới mi mắt, gã lại quay lại con đường khổ cực. Nhưng gã đã khôn ngoan hơn. Gã không cần phải lang thang khắp trí óc mình mãi làm gì. Gã đã là một thằng điên. Gã kéo cái đòn bẩy và bắt trí óc gã quay vòng xung quanh gã, cái bánh xe khùng khiếp của số mệnh, đu quay của ký ức, cuộc vận hành của trí tuệ. Nó cứ quay ngày càng nhanh cho đến khi cơn lốc qua những vực thẳm hỗn độn đen ngòm.

Tự nhiên, gã thấy mình đứng ở chỗ máy giặt đang tổng những cổ tay áo sơ mi đã hồ vào máy. Nhưng trong khi làm gã thấy những con số in trên những cổ tay áo ấy. Đây là một kiểu đánh dấu mới vào quần áo đưa giặt đây, gã nghĩ thế. Nhìn kỹ hơn, gã thấy con số 3,85 đôla trên một cổ tay áo. Gã chợt nhớ ra đó là khoản nợ lão chủ hàng thực phẩm, và tất cả những cổ tay áo này là những giấy biên nợ đang bay quanh cái thùng hình trụ của máy giặt. Một ý nghĩ ranh mãnh đến với gã. Gã sẽ ném tất cả những giấy biên nợ này xuống bàn và thế là gã thoát không phải trả, nghĩ thế gã làm luôn, gã hẳn học vô nhàu tất cả những cổ tay áo và ném chúng nó xuống bàn bằng một cách kinh khủng. Đồng giấy nợ cứ cao ùn ùn lên, và tuy mỗi tờ lại được sao thành hàng ngàn hàng vạn bản, gã chỉ thấy có một tờ trên đó ghi số tiền 2,5 đôla, số tiền gã nợ Maria. Thế có nghĩa là Maria không thúc gã phải trả và gã quyết định một cách rất cao thượng đây là món nợ độc nhất gã sẽ trả, và thế là gã bắt đầu lục lọi khắp đồng giấy vớt ngổn ngang để tìm tờ giấy biên nợ Maria. Gã tìm một cách tuyệt vọng, tìm hàng thế kỷ, gã vẫn đang tìm thì lão quản lý khách sạn bước vào, thẳng cha người Hà Lan béo phì, mặt bùng bùng giận dữ, lão quát tháo, tiếng oang oang dội vào vũ trụ: "Tao sẽ khấu lương của mày để đền vào những cổ tay áo này." Đồng cổ tay áo chất lên như núi và Martin biết rằng gã sẽ phải làm việc cực khổ hàng ngàn năm mới trả hết được tiền đền. Đúng rồi, chỉ còn mỗi một cách là giết lão quản lý và đốt cái xưởng giặt này ra tro. Nhưng thẳng cha người Hà Lan béo phì đã làm mưu toan của gã thất bại, lão nắm lấy gáy gã, nhắc gã lên dìm xuống. Lão tung gã qua những cái bàn để là, qua cái lò lửa, qua cái máy giặt, vào trong buồng, qua cái máy vắt, qua cái chậu giặt. Gã cứ bị tung lên như thế cho

đến khi rằng gã va vào nhau lập cập, đầu gối nhúc nhối, và gã lấy làm lạ không hiểu sao thằng cha Hà Lan này lại khỏe đến thế.

Và rồi gã lại thấy mình đứng bên máy giặt, lần này gã nhận những cổ tay áo do một lão chủ bút tống vào từ đầu máy bên kia. Mỗi cái là một ngân phiếu, Martin nhìn chúng một cách lo âu, trong cơn sốt cao đợi chờ, nhưng chúng đều để trắng cả. Gã đứng đó và nhận những tấm ngân phiếu để trắng ấy một vạn năm hay khoảng thế, không để sót một tấm nào sợ rằng người ra sẽ đem ghi đầy vào đó. Cuối cùng, gã tìm thấy ngón tay run run giờ nó lên ánh sáng. Năm đôla. “Ha, hà,” tên chủ bút ở đầu máy bên kia cười lớn. “Được, tao sẽ giết mày,” Martin nói. Gã chạy vào buồng giặt để lấy cái riu và trông thấy Joe đang hồ những bản thảo. Gã bắt Joe phải ngừng tay, ném cái riu cho anh ta. Nhưng cái riu cứ lơ lửng trong không khí và Martin lại thấy mình quay về buồng là quần áo, trong cơn bão tuyết. Không, không phải là tuyết rơi mà là những tấm ngân phiếu ghi những số tiền khổng lồ, số nhỏ nhất cũng không kém một ngàn đôla. Gã bắt đầu thu nhặt chúng lại, phân loại ra thành từng gói một trăm tấm một, mỗi gói lại lấy dây buộc thật chặt.

Vừa làm gã vừa ngược mắt nhìn lên, thấy Joe đứng trước mặt đang làm trò tung hứng nhưng chiếc bàn là, những cái áo sơ mi đã hồ rồi và những bản thảo. Thỉnh thoảng, Joe lại chạy ra ngoài tung thêm một bộ những tấm ngân phiếu vào cái đám hỗn độn đang bay bổng qua mái nhà và mắt hút trong cái vòng khủng khiếp. Martin xô lại đánh Joe, nhưng Joe đã nắm lấy cái riu và ném nó vào cái vòng đang bay kia. Rồi Joe túm chặt lấy Martin tung gã vào đó. Martin bay bổng qua mái nhà, gã vợ lấy những tập bản thảo, lúc quay về, gã ôm đầy một tay. Nhưng vừa xuống đến đất gã lại bị tung bổng lên, một lần, hai lần, ba lần, hằng hà sa số lần, gã cứ bay vòng, bay vòng trong cái vòng ấy. Từ ở nơi xa xôi, gã nghe thấy tiếng lạnh lạnh của trẻ con hát: “Willi, Willi, hãy cùng ta lại nhảy một điệu waltz, một điệu waltz.”

Gã lấy lại được cái riu giữa dòng sông Ngân Hà những ngân phiếu, những chiếc áo sơ mi đã hồ xong và những tập bản thảo, gã chuẩn bị lúc trở xuống sẽ giết Joe. Nhưng gã không trở xuống. Vào lúc hai giờ sáng qua tấm vách mỏng nghe thấy tiếng gã rên rỉ, Maria chạy sang, chị đặt những chiếc bàn là nóng sát vào người gã và đắp khăn ướt lên cặp mắt đau nhói của gã.

CHƯƠNG 26

Sáng hôm đó, Martin Eden không đi tìm việc. Mãi đến gần chiều gã mới dứt cơn mê sảng, gã đưa cặp mắt nhúc nhối nhìn quanh phòng. Mary, một đứa trong lũ con của Maria Silva lên tám tuổi, đang ngồi trông nom gã; thấy gã hồi tỉnh lại, nó rú lên. Maria đang ở bếp vội chạy vào. Chị đặt bàn tay đầy chai lên trán nóng rùng rục của gã và bắt mạch.

“Cậu muốn ăn không?” Chị hỏi.

Gã lắc đầu. Gã không thấy thèm ăn chút nào, và gã tự hỏi trong đời gã có lúc nào gã thấy đói không.

“Tôi ốm, chị Maria ạ.” Tiếng gã nói yếu ớt. “Bệnh gì thế nhỉ? Chị có biết không?”

“Cúm đấy!” Maria trả lời. “Chỉ một, hai ngày rồi lại khoẻ thôi. Bây giờ đừng ăn thì hơn. Rồi tha hồ ăn, có thể là mai sẽ ăn được.”

Martin không quen với ốm đau, khi Maria và cháu nhỏ ra khỏi phòng, gã cố gượng dậy mặc quần áo. Với một ý chí mãnh liệt, tuy đầu óc vẫn còn choáng váng, mắt vẫn còn nhúc nhối không mở ra được, gã cố lê ra giường chỉ để đứng chết lặng đi bên bàn làm việc, giác quan như tê liệt. Nửa giờ sau, gã cố quay được về giường, và gã đành phải nằm xuống, nhắm nghiền mắt lại, phân tích bệnh trạng của mình và những cơn đau khắp mình mẩy. Lúc lúc, Maria lại vào để thay cái khăn đắp nước lạnh trên trán gã. Còn chị để cho gã nằm yên, khéo léo không hỏi chuyện, sợ làm gã bức dọc. Điều đó làm cho Martin cảm động, thầm biết ơn và gã khẽ nói một mình: “Maria, chị sẽ có một trại bò sữa, chắc chắn là có, chắc chắn như vậy.”

Rồi gã nhớ lại tất cả cái quá khứ ngày hôm qua đã bị chôn vùi từ lâu. Hình như có cả một quãng đời đã trôi qua từ lúc gã nhận được bức thư của tờ Xuyên lục địa nguyệt san: cả một quãng đời đã trôi qua từ lúc mọi chuyện thế là kết thúc và một trang mới đã mở ra. Gã đã dốc sức, dốc hết sức và bây giờ thì gã bị gục, nằm xuống ở đây. Nếu gã không tự để mình chết đói, thì bệnh cúm đã chẳng có thể tấn công được gã thế này. Gã đã bị đánh gục và không còn đủ sức mạnh để đẩy lùi mầm bệnh xâm nhập vào cơ thể. Kết quả là như thế này đây.

“Viết sách chứa đầy một thư viện để rồi mà chết thì phỏng được cái lợi gì?” Gã hỏi to. “Đấy không phải là chỗ đứng của ta. Ta không dính vào chuyện văn chương nữa. Chỗ của ta là phòng kế toán, là sổ sách chi thu, là đồng lương hàng tháng và một căn nhà nhỏ với Ruth.”

Hai hôm sau, sau khi ăn hết một quả trứng, hai khoanh bánh nướng và uống một tách trà, gã đòi Maria cho xem thư từ của gã, nhưng mắt gã còn đau quá chưa thể đọc được.

“Chị đọc dùm tôi, chị Maria,” gã nói. “Đừng đọc những bức thư lớn, dày. Vứt chúng xuống gầm bàn ấy, chị đọc những bức nhỏ thôi.”

“Tôi không biết đọc. Cháu Teresa, nó đi học, nó đọc được đấy.”

Và thế là Teresa Silva, con bé chín tuổi, mở những bức thư ra và đọc cho gã nghe. Gã lơ đãng nghe bức thư đòi nợ dài dằng dặc của hiệu cho thuê máy chữ, óc gã còn đương bàn phương tính kế kiếm việc làm. Bỗng gã tỉnh hẳn người.

“Chúng tôi xin trả 40 đô la tiền nhuận bút về chuyện đăng nhiều kỳ của ông.” Cháu Teresa đánh vần, đọc thông thả, “với điều kiện là ông cho phép sửa một vài đoạn mà chúng tôi đề nghị.”

“Tạp chí nào thế?” Martin hét to. “Đưa cho chú xem nào?”

Bây giờ mắt gã có thể nhìn để đọc, gã không thấy lúc đọc nó vẫn đau nhức nhối. Tờ “Con chuột bạch” đã đề nghị trả gã 40 đô la, và truyện ngắn đó là “Con lốc,” một trong những truyện rùng rợn đầu tay của gã. Gã đọc đi đọc lại bức thư. Người chủ bút nói thẳng cho gã biết là gã xử lý đề tài chưa tốt lắm, nhưng chính do đề tài của truyện mà họ ưng mua, vì nó độc đáo. Nếu gã đồng ý cho cắt bớt một phần ba, họ sẽ nhận đăng và gửi trả gã ngay 40 đô la khi nhận được thư trả lời.

Gã đòi lấy bút và mực, trả lời người chủ bút rằng nếu muốn, ông ta có thể cắt cả ba phần ba đi cũng được và đề nghị gửi ngay số tiền 40 đô la.

Khi Teresa đã đem bỏ thư vào thùng, Martin lại nằm xuống suy nghĩ: “Vây cuối cùng cũng không phải là một điều dối trá.” Tờ “Con chuột bạch” trả tiền ngay khi nhận đăng. Truyện “Con lốc” dài ba nghìn từ, cắt đi một phần ba, còn lại hai ngàn. Trả bốn mươi đô la, như vậy là hai xu một từ. Trả tiền ngay và hai xu một từ, những tờ báo hàng ngày đã nói thật. Thế mà trước gã vẫn cứ nghĩ tờ “Con chuột bạch” là thuộc loại báo hạng ba. Đúng là gã chưa hiểu nhiều về các tạp chí. Gã vẫn cứ cho tờ Xuyên lục địa nguyệt san là tạp chí loại nhất, ấy thế mà nó chỉ trả gã mười từ một xu. Gã vẫn liệt tờ “Con chuột bạch,” vào loại xoàng, nó lại trả gã gấp hai mươi lần hơn tờ Xuyên lục địa nguyệt san, mà lại trả tiền ngay khi nhận đăng.

Ờ, có một điều chắc chắn là khi khỏi gã sẽ không đi kiếm việc nữa. Trong óc gã còn nhiều truyện hay chẳng kém gì “Con lốc”; cứ tính 40 đô la một truyện, gã có thể kiếm được nhiều tiền hơn bất cứ một công việc hay một chức vụ nào khác. Đúng vào lúc gã nghĩ cuộc chiến đấu đã thất bại thì nó lại thắng lợi. Gã đã được thử thách và thành công trên con đường sự nghiệp của mình. Đường đi đã rõ ràng. Bắt đầu bằng tờ “Con chuột bạch,” rồi đây, ngày càng có nhiều tạp chí được xếp vào danh sách những người đỡ đầu của gã. Gã sẽ thôi không viết những bài lật vặt nữa. Nó chỉ làm mất thì giờ vì chẳng mang lại cho gã được đồng nào. Gã sẽ dốc hết tâm lực để làm việc, viết những tác phẩm tốt, viết ra tất cả những gì hay nhất chứa chất trong trí óc. Gã mong giá có Ruth ở đây lúc này để cùng chia sẻ niềm vui; và khi gã giở hết tập thư còn lại ở trên giường, gã thấy có một bức thư của nàng. Nàng trách gã một cách nhẹ nhàng, không hiểu có cái gì đã làm gã xa nàng một thời gian dài ghê gớm như thế. Gã âu yếm đọc đi đọc lại bức thư, ngắm nhìn nét chữ của nàng, yêu từng nét viết của nàng và, cuối cùng hôn lên chữ ký.

Khi gã viết thư trả lời, không giữ gìn ý tứ gì, gã nói cho nàng biết là đã lâu lắm gã không dám đến gặp nàng vì bộ quần áo sang trọng nhất của gã, đã bị đem cầm. Gã cũng kể cho nàng biết gã bị ốm nhưng hiện nay đã gần khỏi và chỉ trong khoảng mười ngày hay hai tuần lễ (khoảng thời gian từ lúc gã gửi thư đi New York City đến lúc có thư trả lời) gã sẽ chuộc lại quần áo và đến thăm nàng.

Nhưng Ruth không muốn phải đợi đến mười ngày hay hai tuần lễ. Hơn nữa, người yêu của nàng lại đang ốm. Chiều hôm sau, có Arthur đi kèm, nàng đến thăm gã bằng xe ngựa riêng của gia đình; lũ con nhà Silvas và bầy trẻ ở phố thích quá, còn Maria thì ngạc nhiên quá đỗi. Chị bọp tai lũ con cái cứ đứng vây chặt lấy hai người khách lạ ở chỗ cổng đằng trước hẹp tanh tanh,

và bằng một thứ tiếng Anh nói sai kinh khủng hơn lúc thường, chị cứ xin lỗi đi xin lỗi lại mãi vì cái bề ngoài của chị. Tay áo vén ngược lên, chỗ cánh tay để trần toàn bọt xà phòng, một mảnh khố tải ướt buộc ngang lưng nói lên rất rõ công việc chị đang làm trước mặt hai người trẻ tuổi sang trọng đến hỏi người ở trọ nhà chị, chị quên cả mời họ ngồi xuống trong cái phòng khách nhỏ xíu của chị. Muốn vào phòng Martin, họ phải đi qua nhà bếp nóng rùng rục, ẩm ướt, hơi bốc mùi mìt vì đang giặt giũ ngổn ngang. Martin trong lúc hối hả đem đóng áp cánh cửa buồng và cánh cửa tủ vào với nhau, và trong năm phút đồng hồ qua cánh cửa để mở, hơi nước, mùi xà phòng, mùi rác rưởi ủa vào phòng người ốm.

Ruth khéo lách mình sang phải, sang trái rồi lại sang phải, đi dọc theo cái quãng chật hẹp giữa bàn và giường đến bên Martin. Nhưng Arthur thì hết va cái nọ lại chạm vào cái kia, đụng vào những xoong, chảo kêu loảng xoảng ở góc phòng nơi Martin nấu nướng. Arthur không ở lại lâu trong phòng. Ruth đã ngồi xuống cái ghế độc nhất rồi. Sau khi làm xong nhiệm vụ của mình, anh ta bước ra ngoài, đứng ở cửa giữa, bảy đứa con nhà Silva đang trầm trồ nhìn anh ta như nhìn một cái gì kỳ lạ lắm trong đám xiếc. Bọn trẻ con hàng phố thì vây quanh cái xe ngựa, nóng lòng đợi chờ một cái gì thê thảm khủng khiếp sắp xảy ra. Xe ngựa chỉ đến phố chúng nó vào những dịp có đám cưới hay đám tang, ở đây chẳng có cưới mà cũng chẳng có tang, thế thì hẳn có chuyện gì hay ho đặc biệt lắm, đáng mất công chờ xem.

Martin sung sướng điên người khi được gặp Ruth. Bản chất gã là một người khao khát tình yêu, gã giàu tình cảm hơn bất cứ một người bình thường nào. Gã thêm khát tình cảm, đối với gã, tình cảm là sự cảm thông về tinh thần, nhưng gã vẫn chưa thấy rõ tình cảm của Ruth chỉ là đa cảm, chỉ là lịch thiệp xuất phát từ bản chất dịu dàng nhiều hơn từ sự hiểu biết thấu đáo đối tượng nàng yêu. Vì thế khi Martin cầm tay nàng sung sướng trò chuyện thì tình yêu của nàng đối với gã đã thúc giục nàng nắm lấy tay gã, mắt nàng rung rung và ánh lên khi nhìn thấy cảnh thiếu thốn của gã, những dấu vết của chịu đựng hằn trên khuôn mặt gã.

Nhưng khi gã kể lại cho nàng nghe về hai bức thư nhận đăng bài, về nỗi thất vọng của gã khi nhận được thư của tờ “Xuyên lục địa nguyệt san” và nỗi vui sướng đối lại khi nhận được thư của tờ “Con chuột bạch” thì nàng không để ý nghe. Nàng nghe rõ những lời gã nói, và hiểu nghĩa từng từ, nhưng nàng không cùng chia sẻ với gã niềm thất vọng cũng như niềm vui sướng. Nàng không thể nào thoát ra khỏi con người mình được. Nàng không để tâm gì đến việc bán tác phẩm cho các tạp chí. Hôn nhân mới là điều quan trọng đối với nàng. Tuy nhiên, chính nàng cũng không nhận thức thấy điều đó cũng như nàng không nhận thức thấy lòng mong muốn Martin có một chức vụ chính là sự thôi thúc bản năng chuẩn bị làm mẹ. Nếu có ai nói thẳng, nói rõ ra thì hẳn nàng sẽ đỏ mặt, rồi có thể sẽ phẫn nộ và cãi lại rằng điều quan tâm duy nhất của nàng là người mà nàng yêu, và nàng chỉ ao ước sao cho người đó phát huy hết tài năng. Vì thế trong khi Martin thổ lộ nỗi lòng, hân hoan với thắng lợi đầu tiên mà những tác phẩm chọn lọc của gã đã được tiếp nhận cuộc đời thì nàng chỉ để ý tới những từ trần trụi, lúc lúc lại đưa mắt nhìn quanh căn phòng, phát kinh lên vì những cái nàng nhìn thấy.

Lần đầu tiên Ruth nhìn rõ bộ mặt nhóp nhúa của nghèo khổ. Đối với nàng, những người tình đói khổ hình như bao giờ cũng lãng mạn, nhưng những người tình đói khổ ấy sống ra sao thì thật nàng không có một ý niệm nào cả. Nàng chưa bao giờ tưởng tượng được nó lại có thể như thế này. Nàng cứ đưa mắt nhìn từ căn phòng đến gã rồi lại từ gã tới căn phòng. Mùi quần áo bẩn bốc hơi theo nàng từ bếp vào thật buồn nôn. Nàng cho rằng nếu con mụ gớm ghiếc kia mà cứ giặt liên miên, thì nhất định cái mùi ấy phải thấm vào da thịt Martin, sự lây lan của sa đọa là thế đấy. Khi nhìn Martin, nàng tưởng như nhìn thấy tất cả những cái bẩn thỉu của mọi vật chung quanh in vết lên người gã. Chưa bao giờ nàng thấy gã, lúc chưa cạo mặt: râu ria gã lởm chồm ba ngày chưa cạo, làm nàng phát ốm. Không những nó làm cho gã trông tối tăm bẩn thỉu chẳng khác gì căn nhà của mụ Silva, bẩn từ ngoài vào trong mà như còn làm lộ rõ sức mạnh thú vật của gã, cái mà nàng không thích. Và giờ đây, vững tâm trong sự điên rồ của mình vì hai bức thư nhận đăng bài mà gã rất kiêu hãnh kể cho nàng nghe. Giá nó chỉ đến chậm ít lâu

nữ thì gã đã phải đầu hàng và đi làm. Bây giờ thì gã vẫn cứ tiếp tục sống trong cái nhà kinh khiếp này, viết lách và chết đói dần thêm vài tháng nữa.

“Mùi gì thế nhỉ?” Nàng bỗng hỏi.

“Chắc là mùi quần áo giặt của chị Maria đấy, anh quen với những mùi ấy lắm rồi.”

“Không, không, không phải mùi ấy. Mùi gì khác cơ. Mùi mốc buồn nôn lắm, ôi thôi, tởm lợm!”

Martin hít hít không khí trước khi trả lời.

“Anh chả ngửi thấy mùi gì khác cả, chỉ có mùi khói thuốc lá mốc thôi.”

“Đúng rồi, kinh quá. Tại sao anh hút nhiều thế, Martin?”

“Anh cũng chẳng hiểu tại sao, có điều là lúc nào có một mình anh lại càng hút nhiều. Đó cũng là một thói quen từ lâu, từ ngày anh còn ít tuổi.”

“Thói quen ấy chẳng hay ho gì, anh biết đấy. Ngửi mùi kinh lắm.”

“Đấy là tại thuốc. Anh chỉ có thể mua loại rẻ tiền nhất. Để đến khi nào lĩnh cái ngân phiếu 40 đô la, anh sẽ hút loại thuốc mà ngay cả đến tiền ngửi cũng thấy dễ chịu. Nhưng cứ kể trong ba ngày mà nhận được hai bức thư liền thế này thì cũng không phải là tồi em nhỉ? Với bốn mươi năm đô la này, đủ để anh trả hết nợ.”

“Công hai năm trời làm việc?” Nàng hỏi.

“Không, không đầy một tuần lễ. Em làm ơn đưa cho anh quyển sách ở góc bàn đằng kia, quyển sổ ghi bì a xám ấy.” Anh mở sổ ra và ghi nhanh, “Đúng, anh nói đúng: “Tiếng chuông” bốn ngày, “Cơn lốc” hai ngày. Làm việc một tuần lễ được bốn mươi đô la; một tháng một trăm tám mươi đô la. Nó vượt mọi số lương anh có thể kiếm được. Hơn nữa, đây cũng mới chỉ là bắt đầu. Rồi đây, một ngàn đô la mỗi tháng để mua cho em tất cả những cái mà anh muốn em có cũng không phải là quá nhiều. Lương năm trăm đô la một tháng sẽ là quá ít. Bốn mươi năm đô la này chỉ là bước khởi động. Em hãy đợi anh ổn định. Rồi em sẽ thấy “khói” của anh.”

Ruth hiểu nhầm tiếng lóng ấy, nên quay lại chuyện thuốc lá.

“Anh hút thế này là nhiều quá đấy. Hút loại thuốc gì thì cũng vậy. Bản thân việc hút thuốc lá là không hay, không kể hút thuốc loại gì. Anh là một cái ống khói, một núi lửa đang phun, một ống khói tàu di chuyển thật là sa đoạ, Martin thân yêu, anh biết đấy!”

Nàng ngả người về phía gã, ánh mắt cầu khẩn. Nhìn khuôn mặt thanh tú và đôi mắt trong sáng của nàng, gã lại cảm thấy như trước đây, tất cả sự không xứng đáng của mình.

“Em muốn anh đừng hút nữa,” nàng thì thầm, “đừng hút nữa, vì... em.”

“Được, anh sẽ thôi không hút nữa,” gã nói to. “Anh sẽ làm tất cả những gì mà em muốn, tất cả, em thân yêu, em biết đấy.”

Một ý định táo bạo choán lấy nàng. Nàng nhìn thấy rất rõ khía cạnh rộng rãi, phóng khoáng

trong bản chất của gã và nàng cảm thấy chắc chắn rằng nếu như nàng yêu cầu gã thôi không viết nữa, gã cũng sẽ làm cho nàng vui lòng. Trong một giây phút thoáng qua, những lời ấy run run trên môi nàng. Nhưng nàng không thốt ra được. Nàng không đủ can đảm, nàng không dám, nàng chỉ ngả người sát vào gã, trong cánh tay gã, nàng thì thầm:

“Anh biết đấy, thực ra không phải vì em, Martin à, mà chính vì anh. Em dám chắc chắn hút thuốc lá có hại cho anh. Vả lại chẳng tốt đẹp gì khi phải làm nô lệ cho bất cứ một cái gì. Nhất là làm nô lệ cho một chất ma túy thì lại càng tồi tệ.”

“Anh sẽ mãi mãi là nô lệ của em,” gã mỉm cười.

“Nếu thế, thì em sẽ bắt đầu ra lệnh”

Nàng nhìn gã ranh mãnh, nhưng trong thâm tâm nàng thấy tiếc đã không dấn động tới yêu cầu lớn nhất của mình.

“Tâu Nữ hoàng, tôi sống chỉ là để tuân lệnh.”

“Được, thế thì lệnh thứ nhất là: hàng ngày người không được quên cạo râu. Anh xem, râu của anh làm xước cả má em đây này.”

Và thế là câu chuyện kết thúc bằng những cái vuốt ve, những tiếng cười yêu đương. Nhưng nàng đã đạt được một điểm, nàng cũng không mong có thể đạt được nhiều hơn nữa trong một lúc. Nàng cảm thấy niềm kiêu hãnh của một người đàn bà ở chỗ đã bắt được gã bỏ thuốc lá. Lần khác, nàng sẽ thuyết phục gã phải kiếm một chức vụ gì, anh ấy chẳng nói là sẽ làm tất cả những gì nàng muốn đấy ư?

Nàng rời gã đứng dậy đi thăm khắp căn phòng, xem kỹ những mẫu giấy ghi ở dây phơi quần áo trên đầu, tìm hiểu bí mật của cái móc treo xe đạp trên trần nhà, buồn rầu nhìn tập bản thảo chất đống dưới gầm bàn, chứng tỏ Martin đã lãng phí bao thời gian. Nàng rất thích cái bếp dầu, nhưng nhìn lên cái giá để thức ăn nàng thấy nó trống trơn.

“Sao, anh không có gì ăn à, tội nghiệp!” Nàng nói giọng thương cảm dịu dàng. “Anh đến chết đói mất.”

“Anh cất nhờ ở chạn trong bếp của chị Maria,” gã nói dối. “Để đấy tốt hơn, lo gì có chuyện chết đói. Em nhìn đây này?”

Nàng đã quay lại bên gã và thấy gã co gập cánh tay vào, bấp thịt cuộn cuộn dưới tay áo sơ mi nổi lên thành một cái u to và rắn chắc. Nàng trông mà phát khiếp. Về mặt tình cảm, nàng không thích nó. Nhưng máu nàng, từng mạch máu, từng đường gân thớ thịt của nàng lại yêu nó, thèm muốn nó, và cũng như trước đây, không sao giải thích được, nàng cứ ngả người vào gã chứ không lùi ra xa. Những giây phút tiếp theo đó, khi gã ghì chặt nàng trong cánh tay; óc nàng với những ý niệm rất nông cạn về cuộc sống thì phản kháng mãnh liệt, nhưng tim nàng, người đàn bà trong nàng đang háo hức với cuộc sống thì lại rộn lên chiến thắng. Chính trong những giây phút như thế, nàng cảm thấy tất cả sự lớn lao vô cùng tận của tình yêu của nàng đối với Martin. Đối với nàng, gần như là một khoái cảm ngây ngất khi đôi cánh tay rắn chắc của gã, ghì chặt lấy nàng, làm cho nàng đau lên vì sự cuồng nhiệt của nó. Chính trong những lúc ấy nàng đã thấy những lý lẽ để bào chữa tại sao nàng đã phản bội giai cấp mình, đã vi phạm những lý tưởng cao cả của mình và nhất là đã ngấm ngấm không nghe lời bố mẹ. Bố mẹ nàng không muốn nàng lấy con người này. Họ rất kinh ngạc khi thấy nàng lại có thể yêu con người này được; nhiều khi chính nàng cũng kinh ngạc, những lúc nàng xa gã và trở về với con người bình tĩnh biết suy

luận trong nòng. Nhưng ở bên gã thì nòng lại yêu gã - thực ra, có nhiều lúc đó là một mối tình khó chịu, bức bối, nhưng đó là tình yêu, một tình yêu mạnh mẽ hơn chính nòng.

“Bệnh cúm này thì ăn thua gì?” Gã nói. “Chỉ đau người và nhức đầu qua loa, thấm vào đầu với những trận sốt kinh khủng rồi rồi xương cốt.”

“Anh cũng đã từng bị sốt như vậy rồi à?” Nòng lơ đãng hỏi, óc đang miên man với những lý lẽ bào chữa cho niềm hạnh phúc nòng thấy trong cánh tay gã.

Và cứ như thế, nòng đưa ra những câu hỏi lơ đãng, cho đến lúc chợt một lời nói của gã làm cho nòng giật mình.

Gã đã bị mắc bệnh sốt đó trong một trại bí mật có ba mươi người hủi ở trên một hòn đảo của quần đảo Hawaii.

“Nhưng tại sao anh lại đến đây?” Nòng hỏi.

Sự bừa bãi không giữ mình như vậy dường như là một trọng tội.

“Vì anh không biết,” gã trả lời. “Anh không bao giờ nghĩ là có những người hủi. Khi anh trốn khỏi con thuyền buồm và bơi được vào bờ, anh cứ đi thẳng vào phía trong tìm một chỗ để ẩn náu. Trong ba ngày liền anh toàn ăn vả, táo dại và chuối, những thứ này mọc đầy trong rừng. Đến ngày thứ tư, anh thấy một con đường mòn, một con đường chỉ vừa bước chân đi. Nó dẫn vào đất liền, ngược lên núi. Đó là con đường anh đang muốn đi. Có những dấu vết chứng tỏ có người mới qua lại ở đây. Có một chỗ nó chạy dọc theo đỉnh núi mảnh như lưỡi dao. Con đường mòn hẹp ở trên đỉnh núi rộng chưa đầy ba bộ, hai bên vách núi đổ xuống thành vực sâu thăm thẳm hàng mấy trăm bộ. Một người có đủ vũ khí, có thể giữ được chỗ đó chống lại hàng trăm ngàn người.

Đó là con đường duy nhất dẫn tới chỗ ẩn náu. Ba giờ sau khi thấy con đường, anh đã đến chỗ đó, trong một thung lũng nhỏ trên núi, một cái túi giữa những đỉnh núi phun thạch. Cả khoảng đất đã được san bằng để trồng khoai sọ, có cả những cây ăn quả mọc; có chín, mười túp lều cỏ. Nhưng vừa trông thấy những người ở đó, anh biết ngay anh đã gặp phải những người gì. Thoáng nhìn cũng đủ rõ.

“Rồi anh làm thế nào?” Ruth nín thở hỏi, chăm chú nghe như một nàng Desdemona, kinh hãi và mê say.

“Còn làm gì được. Trưởng trại là một ông già tử tế, bệnh đã khá nặng, nhưng lão cai quản cứ y như một ông vua. Lão đã khám phá ra cái thung lũng nhỏ này và dựng nên khu trại. Tất cả việc làm ấy đều trái với pháp luật. Nhưng lão có đủ súng ống và rất nhiều đạn dược, những người Kanakas ấy được tập luyện bắn thú dữ và lợn rừng đều là những tay súng cừ. Không. Martin Eden này không còn cách nào trốn thoát được. Đành phải ở lại – ba tháng.”

“Nhưng rồi anh làm thế nào mà trốn được?”

“Nếu không có một cô gái, nửa lai Trung hoa, phần tư lai Âu, phần tư lai Hawaii thì có lẽ đến bây giờ anh cũng vẫn còn ở đó. Cô ta rất đẹp và là người có học thức, thật tội nghiệp. Mẹ cô ta ở Honolulu, giàu có bạc triệu. Cuối cùng, cô ấy đã cứu anh ra khỏi trại. Mẹ cô ta đã cấp tiền cho bọn họ xây dựng khu trại này, vì thế cô ta không sợ bị họ trừng phạt về tội để anh trốn đi. Nhưng trước hết cô ấy bắt anh thề không bao giờ được tiết lộ cho ai biết nơi có khu trại đó. Và

anh không hề nói cho ai hay. Đây là lần đầu tiên anh nói ra. Cô gái ấy đã có những triệu chứng đầu tiên của bệnh hủi. Những ngón ở bên tay phải hơi cong lại và trên cánh tay có một chấm nhỏ. Câu chuyện thế đấy. Anh nghĩ bây giờ thì cô ấy đã chết rồi!”

“Thế anh không sợ ư? Thoát khỏi nơi đó, không nhiễm phải cái bệnh kinh khiếp ấy, anh có mừng không?”

“Ồ, anh thú thật, “lúc đầu anh cũng hơi run nhưng rồi về sau quen đi. Vả lại, anh cảm thấy thương cô gái tội nghiệp. Điều đó làm cho anh quên cả sợ. Cô ấy đẹp lắm, đẹp cả tâm hồn lẫn vẻ bề ngoài; cô ấy mới chỉ bị nhẹ thôi, ấy thế mà phải dày đọa sống ở đây, sống cuộc sống của một người nguyên thủy man rợ, thối rữa dần mòn. Bệnh hủi kinh khủng lắm, em không thể tưởng tượng nổi đâu.”

“Thật tội nghiệp!” Ruth khẽ lắm bầm. “Thật là một điều kỳ lạ cô ấy đã để cho anh trốn đi.”

“Ý em muốn nói gì?” Martin bất giác hỏi.

“Vì hẳn là cô ấy phải yêu anh,” Ruth nói vẫn nhẹ nhàng. “Yêu một cách chân thực phải không?”

Công việc làm trong xưởng giặt và cuộc sống giữa bốn bức tường đã làm nhạt đi cái màu r ám nắng trên khuôn mặt gã, đôi khát ồm đau lại làm cho nó xanh thêm; và trên khuôn mặt xanh xao ấy, máu dần dần dồn lên đỏ ửng. Gã mở miệng nói, nhưng Ruth ngăn lại.

“Không sao, đừng trả lời, không cần thiết anh ạ.” Nàng cười to.

Nhưng đối với gã, tiếng cười ấy hình như có một cái gì lạnh lạnh như tiếng kim khí, và ánh mắt nàng thì rất lạnh lùng. Ngay lúc đó, gã bỗng nhớ lại một trận cuồng phong gã đã gặp ngày nào ở Bắc Thái bình dương. Trong giây lát trận cuồng phong hiện lên rõ ràng trước mắt - một trận cuồng phong về đêm, bầu trời trong sáng, trăng tròn đầy, biển cả mênh mông, lạnh lẽo, lấp lánh dưới ánh trăng. Và rồi gã nhìn thấy cô gái trong trại hủi, nhớ lại chính vì yêu gã mà cô đã để gã đi thoát.

“Cô ta thật cao thượng,” gã nói đơn giản. “Cô ấy đã cho anh cuộc sống.”

Chỉ là một câu chuyện ngẫu nhiên nhưng gã nghe thấy Ruth cố nén một tiếng khóc nức khô khan trong cổ họng và thấy nàng quay mặt đi, nhìn ra ngoài cửa sổ. Khi nàng quay lại thì nét mặt đã bình tĩnh, không còn một dấu vết gì của trận cuồng phong trong khoé mắt nữa.

“Em thật ngớ ngẩn quá,” nàng rầu rĩ. “Nhưng em không sao ngăn được. Em yêu anh, Martin à, yêu lắm, yêu lắm. Rồi đây em sẽ khoan dung hơn, nhưng bây giờ thì em không thể nào ngăn nổi mình không ghen với những bóng ma ấy của quá khứ. Mà anh biết đấy, quá khứ của anh thì đầy những bóng ma.”

Gã định nói nhưng nàng đã ngăn lại. “Hẳn là phải như thế, không thể khác được. Mà anh Arthur tội nghiệp đang ra hiệu cho em lại kia kìa. Anh ấy chờ đến phát ngán lên rồi. Bây giờ thì tạm biệt anh nhé, anh thân yêu.”

“À, mà cửa hàng bào chế, có bán một thứ thuốc để cai thuốc lá đấy anh ạ,” đi ra đến cửa nàng còn ngoái cổ lại nói, “em sẽ gửi cho anh một ít.”

Cửa đã đóng rồi lại mở.

“Em yêu anh, yêu anh lắm,” nàng thì thầm. Và lần này thì nàng mới đi hẳn.

Maria đưa nàng ra xe, đôi mắt chị đầy vẻ chiêm ngưỡng nhưng vẫn rất tỉnh, nhận ra ngay thứ hàng và kiểu may của bộ quần áo của nàng đang mặc (một kiểu may lạ làm tôn vẻ đẹp một cách rất thần bí). Bọn trẻ con thì thất vọng, dõi mắt nhìn theo cho đến khi chiếc xe ngựa đi khuất; rồi chúng quay lại nhìn Maria. Chị bỗng trở nên một nhân vật quan trọng nhất phố này. Nhưng chính một trong những đứa con của chị đã làm cho chị mất cả cái tiếng tăm ấy, nó nói là hai vị khách sang trọng ấy đến thăm cái chú ở trọ nhà nó. Và sau đó Maria lại quay về với cái cảnh âm thầm tăm tối cũ của mình. Còn Martin thì bắt đầu nhận thấy bọn trẻ hàng xóm đối với mình có vẻ vị nể hơn. Còn đối với Maria, giá trị của Martin trong con mắt của chị được tăng lên một trăm phần trăm, và nếu như lão chủ hàng thực phẩm người Bồ Đào Nha mà được chính mắt trông thấy chiếc xe ngựa sang trọng buổi chiều hôm ấy thì lão đã để cho Martin mua chịu thêm ba đô la tám mươi nhăm xu nữa.

Mặt trời vận may của Martin đã mọc. Ngay sau hôm Ruth đến thăm, gã nhận được một tấm ngân phiếu ba đô la của một tờ tuần báo trào phúng ở New York trả tiền ba bài thơ tám câu. Hai hôm sau, một tờ báo hàng ngày xuất bản ở Chicago nhận truyện “Những người đi tìm châu báu,” hứa trả mười đô la khi đăng bài. Số tiền thì nhỏ, nhưng đó là bài viết đầu tiên của gã, lần đầu tiên gã thử diễn đạt ý tưởng của mình trên trang giấy in. Và, đặc biệt là, ngay cuối tuần ấy, truyện phiêu lưu nhiều kỳ viết cho thiếu nhi, tập truyện thứ hai của gã, cũng được một tờ báo thiếu niên hàng tháng tự mệnh danh là “Thiếu niên và Thời đại” nhận đăng. Truyện gần hai mươi một ngàn từ, và họ đề nghị trả mười sáu đô la khi đăng, tính như thế là khoảng bảy mươi năm xu một ngàn từ, điều đó là sự thực; nhưng cũng là sự thực đây là truyện thứ hai gã thử viết và chính gã cũng hoàn toàn nhận thấy nó vụng về, chẳng có giá trị gì.

Nhưng ngay những cố gắng đầu tay ấy của gã cũng không có những cái vụng về tầm thường. Cái vụng về của nó là do ở chỗ quá dồi dào sức mạnh, cái vụng về của một anh chàng mới vào nghề non tay, đập bướm mà phải dùng mái chèo, bẻ hoa mà phải dùng đến gậy tay. Martin rất sung sướng bán được những cố gắng đầu tay ấy dù với giá rẻ mạt. Gã biết giá trị của chúng, mà cũng phải lâu la gì gã mới nhận ra điều đó. Cái mà gã đặt sự tin tưởng vào chính là những tác phẩm viết về sau này. Gã đã phấn đấu trở thành một cái gì hơn là một nhà văn chỉ chuyên viết tiểu thuyết cho các tạp chí. Gã đã hết sức trang bị cho mình những công cụ của nghệ thuật. Mặt khác, gã không đem hy sinh sức mạnh. Mục đích có ý thức của gã là tăng cường sức mạnh bằng cách tránh quá lạm dụng nó. Mà gã cũng không rời bỏ lòng yêu sự thật của mình. Những tác phẩm của gã đều mang tính chất hiện thực dù gã có cố lồng vào đó những cái hư ảo, vẻ đẹp của tưởng tượng. Cái mà gã tìm tòi là chủ nghĩa hiện thực sôi nổi, mãnh liệt, chứa đựng tất cả những mong ước và niềm tin của nhân loại. Cái mà gã muốn là cuộc sống đúng với thực chất của nó, với tất cả những ước mơ tinh thần, những khát vọng lý tưởng của nó.

Trong quá trình đọc, gã khám phá thấy có hai trường phái tiểu thuyết. Một, coi con người như là thần thánh, quên hẳn cái nguồn gốc trần tục của nó. Một lại coi con người như một cục đất, quên hẳn những giấc mơ bay bổng lên tận thiên đàng và những khả năng thần thánh của nó. Theo gã, cả hai trường phái “thần thánh” và “cục đất” đều lầm, và lầm chỉ vì cách nhìn và mục đích của họ quá một chiều. Có một cách nhìn thoả hiệp tiếp cận với chân lý, tuy nó không tán thành trường phái “thần thánh” nhưng lại không có cái quan niệm thô bạo man rợ của trường phái “cục đất.” Chính truyện “Mao hiểm” của gã, một truyện đã không thu hút được sự chú ý của Ruth - khiến gã tin rằng gã đã đạt lý tưởng của mình về tính chân thực trong tiểu thuyết; và chính trong tiểu luận “Thần thánh và Cục đất” gã đã trình bày quan điểm của mình về toàn bộ vấn đề.

Nhưng “Mao hiểm” và tất cả những truyện mà gã đã đánh giá là hay nhất thì vẫn còn đi ăn mày, ăn xin khắp tất cả các tòa soạn. Theo gã, những sáng tác đầu tiên của gã thật không có một chút giá trị gì ngoài các việc chúng đã mang lại cho gã một số tiền; và những truyện rùng rợn, cả hai truyện mà gã đã bán được, gã còn không cho là những tác phẩm có giá trị cao mà cũng không phải là những tác phẩm hay nhất. Đối với gã, những truyện đó vẫn có tính chất kỳ quặc, giàu tưởng tượng một cách chân thật, dù nó có mang tất cả cái vẻ quyến rũ của hiện thực, sức mạnh của nó nằm ở đó. Đưa cái kỳ quái, cái không thể có được vào cái hiện thực, gã chỉ coi là một mảnh khốe - một mảnh khốe tài tình, có thể thôi. Văn chương lớn không ở trong những loại như vậy. Hình thức nghệ thuật của nó có cao, nhưng gã không thừa nhận giá trị nghệ thuật khi nó tách rời tình người. Mảnh khốe là ở chỗ đem ném lên bộ mặt của nghệ thuật một cái mặt nạ con người, và điều đó gã đã làm trong một số năm sáu truyện ngắn rùng rợn trước khi

gã vượt lên tới những đỉnh cao trong “Mạo hiểm,” “Niềm vui,” “Cái xong,” “Men rượu cuộc đời.”

Trong khi chờ đợi tấm ngân phiếu của tờ “Con chuột bạch” gã đem dùng ba đô la, số tiền nhận được về mấy bài thơ tám câu, tạm giải quyết cảnh gièo neo trước mắt. Gã lĩnh tấm ngân phiếu đầu tiên dưới con mắt ngờ vực của lão chủ hiệu thực phẩm người Bồ Đào Nha; gã trả cho lão ấy một đô la, còn lại trả cho người hàng bánh và người bán hoa quả mỗi người một đô la. Martin chưa có đủ tiền để ăn thịt và vẫn phải ăn uống dè sẻn thì nhận được ngân phiếu của tờ “Con chuột bạch.” Gã phân vân về cách lĩnh tiền. Từ bố đến giờ gã chưa hề bước chân vào một nhà ngân hàng, lại cũng chưa hề vào đây để giao thiệp tiền nong, gã có một ý muốn trả con và ngâm thơ là bước vào một trong những ngân hàng to nhất ở Oakland, rút tấm ngân phiếu ra để lĩnh bốn mươi đô la. Mặt khác, gã lại thấy nên thực tế hơn, cứ đem đến chỗ hiệu thực phẩm mà lĩnh, sẽ gây được ấn tượng tốt để sau này còn có thể mua chịu nhiều hơn. Martin miễn cưỡng chịu trả hết nợ cho lão chủ hiệu thực phẩm, và lĩnh về đây một túi tiền đồng rủng rỉnh. Gã cũng thanh toán hết những món nợ khác, chuộc lại bộ quần áo và cái xe đạp, trả nốt tiền thuê máy chữ, trả Maria tiền phòng một tháng còn chịu lại và trả thêm một tháng trước. Như vậy trong túi chỉ còn lại gần ba đô la để phòng tiêu vào những món bất chợt cần đến.

Số tiền nhỏ bé này, bản thân nó, dường như là cả một gia tài. Chuộc được quần áo về, gã đến thăm Ruth liền. Và trên đường đi gã không thể nào ngăn được mình không lắc lắc nắm tiền ít ỏi rủng rỉnh trong túi. Đã lâu lắm gã không có tiền, nên cũng giống một người sắp chết đói được cứu cho ăn, mắt không thể nào rời khỏi đĩa thức ăn chưa ăn hết, tay gã không thể rời khỏi mấy đồng tiền. Gã không phải là người ti tiện, cũng không phải là người keo bẩn, nhưng tiền đối với gã còn có ý nghĩa hơn là con số những đồng đô la, đồng xu ấy. Nó có nghĩa là sự thành công và mỗi con đại bàng[78] khắc trên những đồng tiền đối với gã là một vị thần chiến thắng[79] có cánh.

Bất giác, gã thấy cuộc đời thật là tốt đẹp. Chắc chắn là đối với gã nó đẹp hơn lên. Bao tuần nay, cuộc đời thật ảm đạm, buồn nản, nhưng bây giờ nợ nần trả gần hết, trong túi vẫn còn rủng rỉnh ba đô la, và trong tâm trí thì có ý thức rõ rệt về sự thành công: mặt trời chiếu sáng rực rỡ, ầm ập và ngay một trận mưa rào có bất ngờ đổ xuống làm ướt sạch những người khách bộ hành không chuẩn bị thì đối với gã, vẫn cứ là vui. Khi gã từng đói, gã nghĩ tới hàng ngàn hàng vạn những người mà gã biết cũng đang chết đói dở trên khắp thế gian này. Nhưng bây giờ, gã no rồi, cảnh hàng ngàn người đang chết đói không còn đậm nét trong trí óc gã nữa. Gã quên họ, và vì gã đang yêu, gã chỉ nhớ đến những người đang yêu nhiều không kể xiết trên trái đất này. Không chú tâm suy nghĩ về nó, nhưng những đề tài cho những bản tình ca lại bắt đầu xáo động trí óc gã. Bị cuốn đi trong sự thôi thúc sáng tạo ấy, gã đi quá mất hai quãng đường mới nhảy xuống xe điện mà vẫn không cảm thấy bức bối gì.

Đến nhà ông Morse, gã thấy đã có một số người ở đó. Có hai người chị em họ của Ruth từ San Rafael về chơi. Bà Morse lấy có đón tiếp họ đã mời nhiều nam nữ thanh niên quây quanh Ruth, cốt để thực hiện kế hoạch của mình. Chiến dịch được bắt đầu ngay trong thời gian Martin lại bắt buộc không thể đến được, và bây giờ nó đang tiến triển mạnh. Bà Morse chủ trương chỉ mời những người đã có nghề nghiệp chức vụ trong tay. Vì thế, ngoài hai cô chị em họ của nàng, Dorothy và Florence, Martin còn gặp hai vị giáo sư đại học, một là giáo sư tiếng La tinh, một là giáo sư tiếng Anh. Một sĩ quan trẻ tuổi vừa ở Philippin về, bạn học cũ của Ruth; một anh chàng hầy còn trẻ tên là Melville, thư ký riêng của Joseph Perkins, giám đốc một ngân hàng tín dụng lớn ở San Francisco, và đặc biệt có một anh chàng là thủ quỹ một nhà băng tên là Charley Hapgood, một gã vui vẻ trẻ trung, tuổi ba mươi nhăm, tốt nghiệp ở trường Đại học Stanford, hội viên câu lạc bộ Nile và câu lạc bộ Thống Nhất, và là một diễn giả bảo thủ của Đảng cộng hoà trong các dịp tranh cử, tóm lại đúng là một anh chàng đang lên về mọi phương diện. Về phía nữ thì có một họa sĩ chuyên vẽ chân dung, một nhạc sĩ nhà nghề, và một người đã đỗ tiến sĩ xã hội học, nổi tiếng khắp vùng về cái tổ chức xã hội của chị ta trong những khu xóm nhà ổ chuột ở

San Francisco. Thực ra, trong kế hoạch của bà Morse, các vị khách nữ không đóng một vai trò quan trọng lắm. Cùng lắm thì họ cũng chỉ là những vai phụ cần thiết. Những người đàn ông có nghề nghiệp chức vụ, nhất thiết phải được thu hút đến cái nhà này.

“Lúc nói chuyện thì anh đừng nổi nóng đấy,” Ruth dặn dò gã trước khi bắt đầu cái công việc nặng nề giới thiệu gã với mọi người.

Bị ám ảnh bởi ý nghĩ mình vụng về, nhất là đôi vai cứ quen cái thói chực va vào cái nọ hích vào cái kia làm đổ vỡ lung tung, nên lúc đầu gã cảm thấy ngượng ngịu, người cứ cứng đờ. Hơn nữa, đám đông làm cho gã lúng túng. Gã chưa bao giờ giao tiếp với những người thượng lưu thanh lịch mà nhất lại đông như thế này, Melville, anh chàng thủ quỹ nhà ngân hàng, thu hút tâm trí gã, và gã quyết định hễ có dịp là tìm hiểu anh chàng này đầu tiên. Bởi vì đằng sau sự sợ hãi của gã, có ẩn một bản ngã tự tin. Gã cảm thấy sự thôi thúc muốn đem mình ra độ với những người đàn ông đàn bà ngồi kia để xem họ đã học được những gì mà gã chưa học được trong sách vở và trong cuộc đời.

Ruth lúc lúc lại đưa mắt nhìn gã ra sao. Nàng ngạc nhiên và vui sướng thấy gã làm quen một cách thoải mái dễ dàng với Dorothy và Florence. Chắc chắn là gã không bị kích động vì khi đã ngồi xuống, gã không còn phải băn khoăn gì về đôi vai của mình nữa. Ruth biết Dorothy và Florence là những cô gái thông minh, linh lợi nhưng chỉ hơi hợt nông cạn; và nàng hầu như không hiểu được lời họ khen ngợi gã, đêm hôm ấy khi đi ngủ. Nhưng về phía Martin, gã vốn là một tay thông minh dí dỏm đối với những người trong tầng lớp gã, ăn nói lém lỉnh có duyên hay pha trò trong những cuộc khiêu vũ và những buổi đi chơi ngày chủ nhật, gã thấy cái việc bông đùa, tranh luận nhẹ nhàng trong đám thượng lưu này cũng không có gì là khó khăn cả. Buổi tối hôm ấy, sự thành công đã đứng sau lưng gã, vỗ vai gã, nói cho gã hay gã đang đi trên con đường thẳng lợi, gã có thể cười, làm cho người ta cười mà vẫn không việc gì phải ngượng ngập.

Một lát sau, nỗi lo lắng của Ruth tỏ ra là đúng. Martin và giáo sư Caldwell cùng ngồi nói chuyện với nhau ở một góc phòng rất dễ nhìn thấy, và tuy Martin không hoa tay múa chân, nhưng dưới con mắt khắt khe của nàng thì hình như gã đã cho phép mắt của gã long lên, quắc lên nhiều quá, gã nói nhanh quá, sôi nổi quá, nóng nảy quá, và đã để cho máu dồn lên mặt đỏ quá. Gã không còn giữ được vẻ lịch sự, mất cả bình tĩnh, trông gã thật trái ngược với vị giáo sư tiếng Anh trẻ tuổi mà gã đang nói chuyện.

Nhưng Martin thì hoàn toàn không để ý đến những cái bề ngoài ấy. Gã nhận thấy rất nhanh giáo sư Caldwell là người có một bộ óc được rèn luyện và gã đánh giá cao sự hiểu biết của ông ta. Còn giáo sư Caldwell thì chưa nhận thấy hết được quan niệm của Martin về một giáo sư tiếng Anh bình thường là thế nào. Martin muốn ông ta nói về nghề nghiệp chuyên môn của mình, và tuy lúc đầu ông ta có ý không bằng lòng, nhưng rồi sau gã cũng đã làm được cho ông ta phải nói đến. Bởi vì gã thấy không có lý do gì người ta lại không nói đến chuyện nghề nghiệp chuyên môn.

Mấy tuần trước đây, đã có lần gã tranh luận với Ruth về vấn đề này: “Phản đối nói chuyện về nghề nghiệp chuyên môn thì thật là không đúng, thật là vô lý. Còn có lý do gì nữa ở dưới ánh mặt trời này để cho đàn ông đàn bà gặp nhau nếu không phải là để trao đổi những điều mà người ta hiểu biết cận kề nhất. Và những điều hiểu biết cận kề nhất chỉ có thể có được ở những công việc mà người ta thích thú, ở công việc nhờ nó người ta sinh sống, ở công việc chuyên môn mà đêm ngày người ta phải suy nghĩ và cả ước mơ nữa. Thủ tướng tượng ông Butler muốn sống cho thật đúng phép lịch sự xã giao, lúc nào cũng nói đến quan điểm của mình về Paul Verlaine^[80], về bi kịch Đức, hoặc tiểu thuyết của D’Annunzio^[81]. Như thế thì chán ngấy đến chết mất. Anh chẳng hạn, nếu có phải nghe ông Butler nói chuyện thì anh thích được nghe ông ấy nói về luật pháp hơn. Đó là cái mà ông ấy hiểu biết cận kề nhất. Đời ngắn lắm và anh

muốn được biết tất cả những điều hiểu biết cặn kẽ nhất ở từng người đàn ông đàn bà anh gặp.”

Và Ruth đã phản đối: “Nhưng có những vấn đề chung cho tất cả mọi người.”

“Đấy, em lầm rồi.” Gã nói ngay. “Tất cả mọi người trong xã hội, tất cả mọi tập đoàn trong xã hội – hay nói cho đúng hơn, hầu hết mọi người, mọi tập đoàn – đều bắt chước những kẻ hơn mình – Mà những kẻ hơn mình nhất là ai? Là những bọn vô công rồi nghề, những bọn vô công rồi nghề lắm tiền nhiều của. Thói thường, bọn họ có biết gì về những cái mà chỉ có những người lao động mới biết được. Nghe nói chuyện với những cái đó sẽ chán, do đó bọn vô công rồi nghề mới quy định cho những cái đó là chuyện nghề nghiệp chuyên môn không được nói đến. Và những cái mà họ cho không phải là chuyện nghề nghiệp chuyên môn có thể nói với nhau được là những vở nhạc kịch mới nhất, những cuốn tiểu thuyết mới nhất, chuyện đánh bài, chuyện đánh bi-a, chuyện uống rượu, chuyện ô-tô, chuyện đua ngựa, chuyện câu cá hồi, chuyện câu cá ngừ, chuyện đi săn, chuyện đi thuyền buồm vân vân và vân vân... em thấy không. Những cái đó là những cái mà bọn vô công rồi nghề hiểu biết. Nói cho thật đúng, những cái đó chẳng phải là chuyện nghề nghiệp chuyên môn của bọn vô công rồi nghề đó sao. Khôi hài là ở chỗ, nhiều người thông minh và tất cả những người làm ra vẻ là mình thông minh lại cứ chịu để cho bọn vô công rồi nghề bắt phải tuân theo cái luật lệ ấy. Còn anh, anh muốn được biết những cái gì mà một người hiểu biết cặn kẽ nhất, cái đó muốn cho nó là tầm thường hay gì nữa, tùy em.”

Ruth không hiểu gã. Cuộc tấn công này của gã vào cái chính thống đối với nàng dường như là những ý kiến hết sức ngang bướng.

Thế là Martin đã làm cho giáo sư Caldwell chịu lấy cái sôi nổi của gã sang; bắt ông ta phải nói lên ý kiến của mình. Khi Ruth đứng lại bên cạnh hai người, nàng nghe thấy Martin nói:

“Chắc chắn là giáo sư không phát biểu những tà thuyết ấy ở trường Đại học California chứ?”

Giáo sư Caldwell nhún vai: “Ông biết đấy, đây là truyện ngụ ngôn người nộp thuế chân thực và nhà chính trị! Sacramento[82] cấp cho chúng tôi kinh phí, vì thế chúng tôi phải quy lụy Sacramento, quy lụy cả Hội đồng giáo sư, cả báo đảng hay là báo của cả hai đảng.”

“Vâng, rõ rồi; nhưng còn chính giáo sư thì sao?” Martin hỏi dồn. “Ngài hẳn như một con cá mắc cạn.”

“Tôi nghĩ rằng có rất ít người như tôi trong cái ao tù của trường Đại học. Nhiều khi tôi cho rằng chắc chắn mình đã bị mắc cạn, và tôi thấy tôi phải ở Paris, ở phố Grub, trong hang của một ẩn sĩ, hay đi lang thang đây đó với đoàn người bôhêmiêng buồn bã man dại nào đó, uống rượu vang đỏ - mà ở San Francisco, người ta khinh bỉ gọi là rượu của bọn người Dago – ăn ở những quán ăn rẻ tiền ở xóm La tinh, và trình bày một cách rất ồm sòm những quan điểm cấp tiến của mình về mọi vấn đề về sáng tạo thì mới đúng. Thực vậy, luôn luôn tôi hầu như tin rằng tôi sinh ra để là một người cấp tiến. Nhưng còn có nhiều vấn đề mà tôi chưa nắm chắc. Tôi tỏ ra rụt rè khi đứng trước sự yếu đuối của bản thân; nó đã luôn luôn ngăn không cho tôi nắm hết những yếu tố của bất cứ một vấn đề nào - những vấn đề lớn của con người, những vấn đề quan trọng, ông biết đấy.”

Trong khi giáo sư Caldwell nói, Martin chợt thấy môi mình mấp máy hát những lời trong “Bài ca mậu dịch phong.”

Ta thổi mạnh nhất lúc giữa trưa;

Nhưng dưới ánh trăng

Ta làm cho

Rối buồn cứng đờ.

Gã khẽ ngâm nga thầm trong miệng những lời thơ; giáo sư Caldwell đã làm cho gã nhớ tới những cơn gió mậu dịch, những cơn gió đông bắc, thổi mạnh lồng lộng, mát lạnh. Ông ta điềm đăm tin cậy được, nhưng bên trong vẫn có một cái gì khiến ông ta phải dè dặt. Martin có cảm giác: Ông ta không bao giờ nói hết những ý nghĩ của mình, cũng như gã vẫn thường có cảm giác những cơn gió mậu dịch chưa bao giờ thổi hết sức mạnh của nó, mà bao giờ cũng dự trữ lại một phần sức lực không bao giờ dùng đến. Trí tưởng tượng của Martin lại hoạt động mạnh mẽ. Óc gã là một kho rất dễ vào của những sự việc để nhớ lại và những ảo tưởng và hình như những sự việc, những ảo tưởng ấy luôn luôn được sắp xếp ngăn nắp và sẵn sàng bày ra để cho gã kiểm soát. Bất cứ cái gì xảy ra trong hiện tại, trí óc gã đều liên hệ ngay tới một cái tương tự hoặc một cái đối lập, những cái đó thường biểu hiện ra thành những hình ảnh ở trước mắt gã. Nó xảy ra một cách hoàn toàn tự động và óc tưởng tượng của gã luôn luôn đi kèm theo cái hiện tại đang sống. Cũng như khuôn mặt của Ruth trong giây phút ghen tuông thoáng lát đã làm sống dậy trước mắt gã trận cuồng phong một đêm trăng non nào mà gã đã quên; và vì giáo sư Caldwell đã làm cho gã, lại nhìn thấy cơn gió mậu dịch đông bắc dồn những ngọn sóng trắng xoá trên mặt biển màu tím ngắt, nên từng lúc từng lúc, những hình ảnh mới của ký ức lại hiện lên trước mắt gã, hoặc trải ra dưới mi mắt, hoặc in hình lên trên cái màn ảnh trong ý thức, không làm rối mà lại đồng hoá với những hành động hoặc những sự việc đã qua và có phân loại. Những hình ảnh đó nảy ra từ những hành động và cảm xúc của quá khứ, tức những sự việc, những biến cố, những sách vở của ngày hôm qua, của tuần trước - hàng hà sa số những hình ảnh tràn ngập trí óc gã, lúc ngủ cũng như lúc thức.

Vì thế, trong khi nghe giáo sư Caldwell nói dễ dàng thao thao bất tuyệt, lời nói của một người thông minh, có học thức, - Martin liên tưởng lời quá khứ của mình. Gã nhớ lại gã, ngày xưa khi hoàn toàn là một côn đồ anh chị, đội cái mũ Stetson vành cứng, mặc một cái áo cộc cỡn khuy ngực cài hai bên, vai đi đung đưa, với một lý tưởng sống ngang tàng tới cái mức mà bọn cảnh sát cho phép. Gã không nguy trang nó để lừa dối mình, mà gã cũng không tìm những lý lẽ để biện hộ cho nó. Đã có một thời trong cuộc đời gã, gã chỉ là một anh chị tầm thường đứng đầu một bọn côn đồ đã từng làm cho cảnh sát phải lo lắng, làm cho những người lao động lương thiện phải kinh hãi. Nhưng lý tưởng của gã đã thay đổi. Trong khi gã đưa mắt nhìn những người đàn ông đàn bà quần áo sang trọng, ăn uống no nê chung quanh, trong khi gã hít vào buồng phổi của mình làn không khí thanh nhã, học thức này thì cùng lúc đó, cái bóng của thời thanh niên xa xưa với cái mũ vành cứng, cái áo cộc cỡn, đôi vai đung đưa, cử chỉ ngang tàng lại hiện ra nghênh ngang bước qua gian phòng. Cái bóng của gã côn đồ ấy, gã thấy nó nhập vào gã, đang ngồi đây nói chuyện với một vị giáo sư đại học thật sự.

Bởi vì, nói cho cùng, gã chưa bao giờ tìm thấy một nơi trú chân vĩnh viễn cho mình. Ở đâu, gã cũng thích nghi được. Ở bất cứ nơi nào, gã cũng luôn luôn được mọi người yêu mến vì gã giữ được bản lĩnh của mình trong khi làm việc cũng như lúc vui chơi và vì cái ý chí và khả năng đấu tranh cho quyền lợi của mình, khiến mọi người phải kính nể. Nhưng gã chưa bắt rễ sâu ở nơi nào. Ở đâu, gã cũng có thể thích nghi đủ để làm cho bạn bè thoả mãn, nhưng không đủ để cho mình thoả mãn. Một nỗi băn khoăn luôn luôn day dứt tâm trí gã. Luôn luôn gã nghe thấy tiếng gọi của một cái gì từ nơi xa xôi, và gã đã đi lang thang suốt đời mình để tìm cái đó cho đến khi gã tìm thấy sách vở, nghệ thuật và tình yêu. Và bây giờ gã ngồi đây, giữa tất cả những cái này; trong tất cả những bạn bè đã cùng gã sống một cuộc đời giang hồ lang bạt, gã là người độc nhất đã tự làm cho mình có đủ tư cách để được vào ngồi trong phòng khách của gia đình nhà Morse này.

Nhưng những ý nghĩ và những hình ảnh ấy cũng không ngăn nổi gã, theo sát câu chuyện của

giáo sư Caldwell. Gã lắng nghe có lĩnh hội, có phê phán, và gã thấy vốn hiểu biết của ông ta thật là mênh mông. Từng lúc từng lúc, qua câu chuyện gã thấy rất rõ trong vốn kiến thức của gã có nhiều lỗ hổng, nhiều khoảng trống. Có nhiều vấn đề đối với gã hẳn còn xa lạ. Tuy nhiên, nhờ có Spencer, gã thấy gã đã nắm được hình thể của lĩnh vực tri thức. Lấp đầy hai cái hình thể đó chỉ là vấn đề thời gian. “Hãy coi chừng,” gã nghĩ, “coi chừng chỗ nông cạn!” Gã muốn ngồi ngay xuống chân giáo sư Caldwell, thành kính, chăm chú. Nhưng trong khi nghe, gã bắt đầu phát hiện chỗ yếu trong lập luận của ông ta. Nó tản mạn và lướt nhanh, nếu không chú ý không sao nhận thấy được. Và sau khi nắm được điều đó, lập tức gã liền thấy mình ngang hàng với ông ta.

Ruth lại gần chỗ hai người lần thứ hai, đứng vào lúc Martin bắt đầu nói:

“Tôi xin nói những điểm nào giáo sư đã làm, hoặc nói cho đúng hơn những điểm yếu trong lập luận của giáo sư. Giáo sư chưa nghiên cứu kỹ sinh vật học. Nó không có chỗ đứng trong lập luận của giáo sư. Ô, tôi muốn nói một nền sinh vật học diễn giải chân chính, bắt nguồn từ ở trái đất, từ ở phòng thí nghiệm, ở những ống nghiệm, từ những vật vô cơ cho đến những quan niệm khái quát rộng rãi nhất về mỹ học và xã hội học.”

Ruth kinh ngạc. Nàng đã dự hai khoá thuyết trình của giáo sư Caldwell và nàng coi ông ta như là một kho tri thức sống.

“Tôi chưa hiểu hết ý ông định nói gì?” Giáo sư Caldwell nói, vẻ lưỡng lự.

Martin biết thừa là ông ta hiểu rõ, nhưng gã cứ nói:

“Tôi xin cố gắng nói cho rõ hơn. Tôi nhớ đã đọc trong lịch sử Ai cập có đoạn nói rằng người ta không thể nào hiểu nổi được nghệ thuật Ai cập nếu không nghiên cứu đất nước ấy trước.”

“Rất đúng,” giáo sư Caldwell gật đầu.

“Và đối với tôi, hình như...” Martin nói tiếp: “Sự hiểu biết về một đất nước và mọi vấn đề khác cũng vậy, không thể có được nếu trước đó không có sự hiểu biết về chính ngay sự cấu tạo của cuộc sống ở nước đó. Chúng ta làm thế nào mà hiểu được luật pháp, hiểu được các chế độ, các tôn giáo, các phong tục tập quán nếu chúng ta không hiểu, không những chỉ có cái bản chất của những kẻ đã tạo ra nó mà còn phải hiểu sự cấu thành của cái bản chất đó. Có phải văn chương không có tính chất con người bằng nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc ở Ai cập không? Có một vật nào trong khắp vũ trụ mà lại không chịu khuôn theo qui luật tiến hoá? Ô, tôi biết có thuyết lý rất phức tạp về sự tiến hoá trong lĩnh vực nghệ thuật, nhưng đối với tôi, thuyết đó hình như quá máy móc. Chính sự tiến hoá của con người thì không thấy nói đến. Sự tiến hoá của một công cụ, của cây thụ cầm, của âm nhạc, của một bài ca, một điệu vũ thì đều được mô tả một cách rõ rệt. Nhưng sự tiến hoá của chính con người, sự phát triển của những phần cơ bản, nội tại trong con người trước khi con người làm ra các công cụ đầu tiên, hát lên bài ca đầu tiên thì sao? Chính cái đó là cái mà giáo sư chưa đề cập đến; chính cái đó là cái mà tôi gọi là sinh vật học, sinh vật học dưới khía cạnh cao cả nhất của nó.”

“Tôi biết rằng tôi diễn đạt chưa có hệ thống, nhưng tôi cố gắng nói hết ý của tôi. Những ý nghĩ đó đến với tôi trong khi nghe giáo sư nói, vì thế tôi chưa kịp sắp xếp lại để trình bày. Chính giáo sư cũng đã nói đến tất cả mọi yếu tố của vấn đề. Vậy mà, hình như chính giáo sư cũng đã bỏ qua yếu tố sinh vật học, một yếu tố quan trọng nhất mà từ đó mọi hình thức nghệ thuật, mọi hành động và thành tựu của con người được tạo thành.”

Ruth ngạc nhiên khi nghe thấy Martin không bị đánh quỵ ngay và nàng cho rằng cái cung cách giáo sư Caldwell trả lời gã, chỉ là thái độ khoan thứ của ông ta đối với sự bông bột sôi nổi

của tuổi trẻ. Ông ngồi yên lặng một phút, tay mân mê chiếc dây đồng hồ. Sau cùng, ông nói:

“Trước đây, đã có lần tôi cũng bị phê phán tương tự như vậy. Chính Joseph Le Conte [\[83\]](#), một con người vĩ đại, một nhà khoa học và tiến hoá luận đã phê phán tôi. Nhưng ông ấy chết rồi, và tôi đành nhìn rằng không ai thấy được chỗ yếu của tôi. Bây giờ đến lượt ông phát hiện và vạch ra. Dù sao, nghiêm túc mà nói, và đây là sự thú nhận, tôi nghĩ rằng trong cách lập luận của ông có một cái gì đúng, rất đúng, thực tế. Tôi cổ điển quá, chưa nắm được cách diễn giải của ngành khoa học và tôi chỉ còn biết trách những sự thiếu sót trong vốn học vấn của tôi, và cái tính lười biếng cố hữu nó ngăn không cho tôi đi sâu vào vấn đề như đáng lẽ ra tôi đã phải làm. Không biết ông có tin được rằng tôi chưa hề bao giờ bước chân vào một phòng thí nghiệm vật lý hoá học không? Thế mà đó là sự thực. Ông Le Conte đã nói đúng, cả ông nữa, ông Eden ạ, dù sao, ông cũng nói đúng, đến mức độ nào đó.”

Ruth kiểm soát đưa Martin đi với nàng ra một chỗ khác. Nàng khẽ nói với gã:

“Anh không nên cứ giữ giáo sư Caldwell nói chuyện với một mình anh như vậy. Còn có nhiều người khác cũng muốn nói chuyện với giáo sư chứ!”

“Ừ, anh có khuyết điểm thật.” Martin ngập ngừng nhận lỗi. “Nhưng vì anh đã buộc được cho ông ta thổ lộ một chút; và nói chuyện với ông ta thật là lý thú, nên anh cũng chẳng nghĩ ra nữa. Em biết không, ông ta quả thật là một người tài giỏi, học rộng biết nhiều, chưa bao giờ anh được nói chuyện với một người như thế. Anh sẽ nói cho em nghe một điều khác nữa. Trước kia, anh vẫn cứ nghĩ rằng tất cả những người đã học trường đại học hay là có địa vị cao trong xã hội đều thông minh và xuất chúng như ông ấy cả.”

“Ông ấy là ngoại lệ,” nàng trả lời.

“Anh cũng nghĩ thế. Bây giờ em muốn anh nói chuyện với ai nào? À, thôi được, em giới thiệu anh với anh chàng thủ quỹ ngân hàng vậy.”

Martin nói chuyện với hắn ta khoảng mười lăm phút. Và Ruth không thể chê trách thái độ của người yêu ở chỗ nào được. Mắt gã không long lên, má không đỏ lên một tí nào; gã nói chuyện rất từ tốn, rất đĩnh đạc, khiến nàng phải ngạc nhiên. Nhưng theo sự đánh giá của gã, tất cả bày lũ thủ quỹ ngân hàng đều là những kẻ vô giá trị một trăm phần trăm, và suốt buổi tối gã cứ quần quanh với ý nghĩ: “Thủ quỹ ngân hàng” và “những anh chàng nói chuyện tầm thường vô vị” chỉ là những cụm từ đồng nghĩa. Martin thấy ở anh chàng sĩ quan một thanh niên hiền lành, chất phác, khoẻ mạnh cường tráng thoả mãn với cái địa vị xã hội mà dòng dõi gia đình và số phận may mắn đã vớt cho mình. Khi biết rằng anh ta đã học hai năm ở trường Đại học, Martin rất ngạc nhiên không biết anh ta đã đem cất cái vốn kiến thức của mình vào đâu. Tuy nhiên, Martin vẫn thấy có thiện cảm đối với anh chàng này hơn là anh chàng thủ quỹ ngân hàng tầm thường kia.

“Thực ra, anh không phản đối gì những ý nghĩ tầm thường.” Về sau, gã nói với Ruth. “Cái làm cho anh khó chịu đến bức bối chính là thái độ huênh hoang rỗng tuếch, tự mãn, tự cao tự đại, cái lối khênh khang của hắn khi nói ra những ý nghĩ đó. Sao, anh có thể dạy cho hắn ta cả một bài học về toàn bộ lịch sử. Thời kỳ cải cách tôn giáo [\[84\]](#) trong lúc hắn ta lải nhải nói cho anh nghe là Đảng lao động Thống nhất đã sáp nhập với Đảng Dân chủ. Em có biết không, hắn cứ tả tởn lời nói y như một con bạc bịp chuyên nghiệp xỉa xỉa những quân bài được chia cho. Hôm nào, anh sẽ nói để em hiểu rõ hơn ý anh.”

“Em rất tiếc là anh không ưa Melville,” Ruth trả lời. “Anh ta là người thân tín của ông Butler đấy. Ông Butler thường nói anh ta là một người thật thà, có thể tin cậy được. Gọi anh ta là Rock,

là Peter, và nói anh ta có đủ khả năng để quản lý bất cứ một nhà ngân hàng nào.”

“Anh không hề nghi ngờ điều đó – dù anh chỉ mới được gặp hẳn ta chút ít, và nghe hẳn ta nói chuyện thì lại còn ít hơn. Nhưng bây giờ anh không quan tâm lắm đến những chuyện ngân hàng như trước đây. Anh nói hết ý nghĩ của anh ra như vậy, em không để tâm chứ, em yêu quý.”

“Không, không, ý kiến anh hay lắm.”

“Đúng,” Martin vui vẻ nói tiếp. “Anh cũng không hơn gì một kẻ mọi rợ với những cảm giác ban đầu về văn mình Những cảm giác ấy, người văn minh ắt là phải thấy mới lạ và lý thú lắm.”

“Thế anh thấy Dorothy và Florence thế nào?” Ruth hỏi.

“Anh thích hai cô ấy hơn những bà kia. Các cô ấy có nhiều cái hay, lại ít màu mè điệu bộ.”

“Thế còn những bà kia, anh cũng thích à?”

Martin lắc đầu.

“Cái bà đang làm công việc xã hội ấy thì thật không hơn gì một con vẹt nghiên cứu xã hội học. Anh dám chắc, cứ thử thử bà lên giữa các vì sao, như Tomlinson[85] cũng chẳng thấy được ở bà ta một tư tưởng nào gọi là độc đáo. Còn bà họa sĩ vẽ chân dung, thì thật chán ngấy. Tay thủ quỹ lấy được bà ta hẳn phải được một người vợ đảm. Còn bà nhạc sĩ nữa. Anh chẳng cần biết ngón tay bà ấy mềm dẻo thế nào, kỹ thuật của bà ấy hoàn hảo thế nào, cách biểu hiện kỳ diệu thế nào - sự thật là bà ấy không hiểu gì về âm nhạc cả.”

“Chị ấy chơi hay đấy chứ!” Ruth cãi lại.

“Đúng, đối với những công phu tập luyện bề ngoài của âm nhạc thì thật không nghi ngờ gì, bà ta thật thành thạo, nhưng còn tinh thần bên trong của âm nhạc thì bà ta không thấy được. Anh có hỏi âm nhạc có ý nghĩa như thế nào đối với bà ta – Em biết đấy, anh hay tò mò muốn biết những điều đặc biệt ấy – bà ta không biết ý nghĩa của nó ra thế nào đối với mình; chỉ biết rằng bà yêu âm nhạc lắm, rằng đó là một nghệ thuật vĩ đại nhất trong các nghệ thuật, và đối với bà ta nó còn hơn cả cuộc sống...”

“Anh lại bắt người ta nói đến chuyện nghề nghiệp chuyên môn rồi.” Ruth trách Martin.

“Anh thú thật là có thể. Nhưng nói chuyện nghề nghiệp chuyên môn của mình mà còn không xong thì em thử tưởng tượng anh khổ tâm đến thế nào nếu họ nói những vấn đề khác. Sao, anh thường vẫn cứ nghĩ rằng ở cái xã hội thượng lưu như thế này, nơi mà người ta được hưởng mọi thuận lợi của học vấn...” Gã ngừng lại một lát, ngắm nhìn cái hình bóng của gã, lúc thời trẻ với cái mũ vành cứng, cái áo cộc cộn, bước vào cửa, đôi vai đung đưa đi qua gian phòng. “... như anh đã nói, anh thường vẫn cứ nghĩ ở một nơi như thế này tất cả những người đàn ông, đàn bà đều giỏi giang tài trí. Nhưng bây giờ mới được biết họ sơ qua, anh đã thấy hầu hết chỉ là một lũ ngớ ngẩn và chín mươi phần trăm số còn lại thì toàn là đồ chán ngấy. Chỉ có giáo sư Caldwell, ông này thì khác. Ông ấy thực sự là một người từ đầu đến chân, từ một nguyên tử nhỏ trong cái chất màu xám của ông ta.”

Nét mặt Ruth rạng lên.

“Anh hãy nói cho em nghe về giáo sư,” nàng giục, “không phải những cái lớn, cái xuất sắc;

những cái đó em biết rõ rồi; em chỉ muốn biết những điểm nào anh cảm thấy chưa tán đồng. Em muốn biết lắm.”

“Có lẽ chính anh lại tự chuốc lấy cái vạ vào mình đấy.” Martin hóm hỉnh nói. “Hay là em cứ nói trước đi. Có thể là em đã thấy ở ông ta không còn cái gì ngoài những cái ưu tú nhất.”

“Em đã dự hai khoá thuyết trình của giáo sư, và biết rất rõ giáo sư hai năm nay rồi; vì thế em muốn biết cảm tưởng đầu tiên của anh.”

“Cảm tưởng xấu, ý em muốn nói thế chứ gì? Được, thế này. Chắc theo ý em thì ông ta là một người hoàn hảo. Ít nhất thì ông ta cũng là một mẫu người trí thức hoàn hảo nhất mà anh đã được gặp – Nhưng chính ông ta cũng có một điều xấu hổ ngầm đấy.”

“Ồ, không không,” gã vội nói tiếp. “Không phải là cái gì tầm thường, ti tiện đâu. Anh chỉ muốn nói ông ta có một điều khiến anh chú ý là ông ta đã đi sâu vào nhiều vấn đề, nhưng lại quá sợ hãi về những điều đã nhìn thấy đến nỗi tự dối mình làm như chưa bao giờ nhìn thấy. Có lẽ nói thế chưa thật rõ. Để anh nói một cách khác. Ông ta như một người đã tìm thấy con đường ấy; như một người có lẽ đã thoáng trông thấy toà miếu rồi nhưng còn cố tìm cách tự thuyết phục mình rằng đó chỉ là ảo ảnh, một lùm cây. Hay nói một cách khác nữa, như một người có thể làm được rất nhiều việc đẹp đẽ, nhưng không tin ở giá trị của việc làm, rồi trong thâm tâm lúc nào cũng tiếc hận sao đã không làm những công việc đó; một người trong lòng coi thường sự khen thưởng nếu ông có làm những việc ấy, nhưng sâu kín hơn từ đáy lòng lại vẫn cứ *ước ao đã làm để có được sự khen thưởng và có được niềm vui vì đã làm*.

“Em không thấy như thế, hơn nữa, em cũng chưa rõ ý anh định nói gì?”

“Đó chỉ là một cảm giác mơ hồ của anh,” Martin tìm cách hoà hoãn. “Anh cũng không có lý lẽ nào cả. Chỉ là cảm giác và chắc nó sai lầm. Chắc chắn là em còn biết ông ta rõ hơn anh nhiều.”

Từ đêm hôm ở nhà Ruth về, trong đầu óc Martin luôn luôn có những ý nghĩ trái ngược nhau, những nỗi băn khoăn bối rối kỳ lạ. Gã cảm thấy thất vọng vì cái đích đã đạt tới, vì những con người mà gã đã len lén đến nơi để tiếp xúc.

Mặt khác, gã thấy phấn khởi ở sự thành công của mình. Leo lên đến chỗ họ là một điều dễ dàng hơn là gã tưởng. Khả năng của gã còn hơn thế, - và chẳng cần gì phải khiêm tốn giả vờ, phải che đậy – gã thấy gã còn hơn những người trong đám mà gã leo tới, trừ giáo sư Caldwell, tất nhiên. Gã còn hiểu biết về cuộc sống, về sách vở nhiều hơn họ, và gã rất ngạc nhiên không biết họ đem vứt tất cả vốn học vấn của họ vào hang hốc, xó xỉnh nào. Gã không biết rằng gã, có một sức mạnh trí óc phi thường, mà cũng không biết rằng không thể tìm đâu ra được ở những phòng khách trong cái thế giới của gia đình nhà Morse này những con người có những ý nghĩ sâu sắc, những tư tưởng cao cả; mà gã cũng không bao giờ nghĩ rằng những người đó là những con đại bàng lẻ loi, bay đơn độc trên bầu trời xanh ngắt, xa trái đất, xa đàn chim đông vô kể của cuộc sống thành bầy.

CHƯƠNG 28

Nhưng thành công đã để lạc mất địa chỉ của Martin, những vị sứ giả của nó không còn đến cửa nhà gã nữa. Trong hai mươi năm ngày liền, làm việc cả ngày chủ nhật và ngày lễ, gã vùi đầu vào viết một bài luận văn dài ước độ ba mươi ngàn từ, nhan đề là “Sự hổ thẹn của mặt trời.” Đó là một cuộc tấn công có chủ định vào thuyết thần bí của trường phái Maeterlinck^[86] - một cuộc tấn công từ dinh lũy của khoa học thực nghiệm đánh vào những kẻ mơ những điều kỳ diệu; tuy nhiên, trong cuộc tấn công này gã vẫn còn giữ lại rất nhiều cái đẹp, cái kỳ diệu, những cái phù hợp với thực tế đã được xác định. Ít lâu sau, gã lại tiếp tục cuộc tấn công bằng hai bài luận văn ngắn “Những kẻ ước mơ những điều kỳ diệu” và “Cái thước của tôi.” Và cả bài dài lẫn bài ngắn gã lại bắt đầu bỏ tiền chi phí du hành cho chúng từ tạp chí này đến tạp chí khác. Trong thời gian hai mươi năm ngày viết bài “Sự hổ thẹn của mặt trời,” gã có bán được một số bài lật vạt được sáu đô la năm mươi xu. Một truyện khôi hài được năm mươi xu, một truyện khác bán cho một tờ báo trào phúng hàng tuần được một đô la. Rồi hai bài thơ trào phúng, một bài được hai, một bài được ba đô la. Kết quả là sau khi đã trả hết nợ cho mấy ông chủ hiệu (tuy số tiền gã nợ lão chủ hiệu thực phẩm đã tăng lên tới năm đô la), chiếc xe đạp và bộ quần áo lại phải quay lại hiệu cầm đồ. Hiệu cho thuê máy chữ cũng lại thúc tiền, khẳng khái nói rằng theo đúng hợp đồng thì tiền thuê bắt buộc phải trả trước.

Bán được một số bài cò con ấy, gã thêm hăng hái, lại quay lại viết những bài lật vạt. Không chừng rồi cuộc, viết thế hóa ra lại sống được. Còn chất đồng dưới gầm bàn là một lô đến hai mươi truyện bị Nghiệp đoàn cung cấp truyện ngắn cho các báo “trả về.” Gã đọc kỹ lại cả một lượt cốt để xem xem viết truyện ngắn cho các báo thì nên tránh cái gì, và làm như vậy gã đã luận ra một công thức hoàn hảo. Gã thấy rằng viết truyện ngắn cho các báo thì không nên bi thảm quá, không bao giờ được kết thúc không có hậu; ngôn ngữ không được đẹp quá; tư tưởng tình cảm không được tế nhị quá. Tất nhiên là phải có tình cảm, có nhiều, nhưng phải là những tình cảm trong trắng, cao quý theo cái kiểu mà hồi còn trẻ ngồi xem trên “lô thương tăng của rạp hát” gã thường tán thưởng, loại tình cảm “Vì-chúa-vì-Tổ-quốc-và-Sa-hoàng” hay “Tôi-có-thể-nghèo-nhưng-lương-thiện.”

Sau khi đã thấy được những điều cần phải phòng ngừa đó, gã đọc lại truyện “Bà quân chúa,” sửa lại giọng văn, thêm thắt pha trộn cho đúng với công thức. Công thức gồm ba phần: 1. Hai người yêu nhau, bị chia lìa - 2. Nhờ một hành động hay biến cố gì đó, lại đoàn tụ - 3. Hồi chuông lễ cưới. Phần thứ ba thì khối lượng không được thay đổi. Còn phần thứ nhất và phần thứ hai thì tha hồ kéo dài chừng nào cũng được. Thế đấy, đôi người yêu có thể bị chia lìa vì hiểu nhầm nhau, vì số phận rủi ro, vì có kẻ tình địch ghen tuông, vì bố mẹ nổi giận, vì người giám hộ xảo trá, vì họ hành mưu đồ xấu, vân vân và vân vân... Họ có thể được đoàn tụ nhờ một hành động nào của chàng hay một hành động tương tự của nàng, hoặc ý chàng hay ý nàng đã thay đổi, hoặc người giám hộ xảo trá bị bắt buộc phải thú nhận, hoặc kẻ tình địch ghen tuông, họ hàng mưu đồ xấu xa phải tự nguyện nhận hết tội lỗi, hoặc đã khám phá ra một âm mưu bí mật nào đó, hoặc chàng đã kiên trì tấn công trái tim nàng, hoặc chàng có những hành động quên mình vô cùng cao cả vân vân... Không kể hết được. Lúc đoàn tụ mà để cho nàng ngỏ ý trước thì lại càng hấp dẫn lắm. Dần dần Martin khám phá thấy những mảnh lối làm cho truyện nhất định phải gay cấn, hấp dẫn. Nhưng hồi chuông lễ cưới ở đoạn kết là điều duy nhất gã không được tùy tiện, dù trời có nghiêng, đất có lệch, trăng sao có sa xuống đi nữa thì chuông đám cưới ở nhà thờ cũng chỉ rung đúng như thế thôi. Còn về khối lượng thì công thức quy định là ngắn nhất thì cũng phải là một ngàn hai trăm từ, mà dài nhất thì cũng chỉ đến ngàn rưỡi là cùng.

Trước khi đi sâu vào nghệ thuật viết truyện ngắn, Martin còn tìm ra được một số hình thức thông thường khác, và cứ mỗi lần viết gã lại đem ra tham khảo. Những hình thức này giống như những bảng tổng hợp tài tình mà các nhà toán học thường dùng, nhờ chúng mà có thể đi từ đầu đến cuối, từ phải sang trái; vào truyện bao nhiêu dòng, bao nhiêu cột, chẳng cần phải lý luận, chẳng cần phải suy nghĩ cũng có thể rút ra hàng trăm hàng ngàn kết luận khác nhau, kết luận nào cũng rõ ràng; cũng đúng không còn cãi vào đâu được. Như vậy, với những hình thức đó, trong nửa tiếng đồng hồ, Martin có thể dựng lên mười mười hai truyện ngắn, cứ để sẵn đấy, lúc nào tiện thì viết. Gã thấy, gã có thể viết một mạch xong một truyện theo hình thức ấy vào lúc trước khi đi ngủ, sau một ngày liền vui đầu vào những công việc quan trọng hơn. Sau đấy, có lần gã thú nhận với Ruth, hầu như ngay trong lúc ngủ, gã cũng có thể viết được. Công việc chính chỉ là dựng lên một cái khung, mà việc làm đó thì hoàn toàn máy móc.

Gã không còn nghi ngờ một chút nào về sự hiệu nghiệm của công thức trên, và cũng là lần đầu gã nắm được tâm lý của các ông biên tập, khi gửi hai truyện đầu tiên đó, gã dám nói chắc với mình là thế nào cũng nhận được ngân phiếu. Và sau mười hai ngày, gã nhận được hai tấm ngân phiếu thật, mỗi truyện bốn đô la.

Cũng trong thời gian này, gã khám phá thấy nhiều điều mới về các tạp chí, làm cho gã hết sức kinh hoàng. Tuy tờ “Xuyên lục địa nguyệt san” đã đăng truyện “Tiếng chuông” của gã, nhưng vẫn không thấy một tấm ngân phiếu nào đến cả. Martin cần đến nó, gã viết thư đòi. Gã chỉ nhận được một bức thư trả lời nói loanh quanh và yêu cầu gã gửi thêm các bài khác nữa. Gã đã phải nhin đói mất hai ngày đợi thư trả lời, rồi gã đánh lại phải mang xe đạp trở lại hiệu cầm đồ. Đều đặn, mỗi tuần hai lần, gã viết thư cho tờ “Xuyên lục địa nguyệt san” đòi năm đô la, tuy năm thì mười họa gã mới nhận được thư trả lời. Gã không biết rằng tờ “Xuyên lục địa nguyệt san” đang lay lắt sống dở chết dở hàng mấy năm nay, và nó chỉ là một tạp chí hạng tư hay nói cho đúng hơn hạng mười, không có chút uy tín gì cả, phát hành cộc cạch, sống, phần thì nhờ vào cách làm tiền lặt vặt, kêu gọi lòng yêu nước của độc giả, phần thì nhờ vào các bài quảng cáo không hơn gì là của bố thí. Gã cũng không biết rằng cả ông chủ bút, cả tòa soạn đều chỉ trông mong vào tờ báo mà sống, và họ chỉ còn sống được là do nay dọn chỗ này, mai dọn chỗ khác để trốn tiền nhà và không bao giờ trả một cái hóa đơn nào mà họ có thể lẫn được. Mà gã không thể nghĩ được rằng số tiền năm đô la của gã đã bị ông chủ bút đem dùng vào việc quét vôi lại căn nhà của ông ấy ở Alameda. Chính ông ấy quét lấy vào những buổi chiều trừ chiều chủ nhật, vì ông ấy không có tiền trả công thợ và vì anh chàng phụ việc bị tuột thang ngã gãy một cái xương cổ phải đưa vào nhà thương.

Số tiền mười đô la về bài “Những người đi tìm châu báu” bán cho tờ Chicago cũng không thấy tấm hơi đâu. Bài đã được đăng rồi, gã biết chắc như vậy vì đã đọc thấy ở Thư viện trung ương nhưng gã vẫn chưa nhận được một lời nào của ông chủ bút cả. Thư của gã cứ bị lơ đi. Để yên trí thư sẽ đến nơi, nhiều bức gã phải gửi bảo đảm. Gã đi đến kết luận, thật không khác gì trò ăn trộm, ăn cắp táng tận lương tâm. Trong khi đang chết đói dở gã lại còn bị xoay mất cả hàng hóa, cả sản phẩm của mình, mà bán được chúng là cách duy nhất để có bánh mà ăn.

Tờ “Thiếu niên và Thời đại” là một tờ tuần báo nó đã đăng hai phần ba truyện phiêu lưu dài hai mươi một ngàn từ của gã, nhưng ngay sau đó thì nó đóng cửa. Và thế là bao hy vọng lấy được mười sáu đô la cũng bị đóng theo.

Bi đắt hơn cả là truyện “Cái xoong” mà gã cho là một trong những sáng tác hay nhất của gã, cũng bị cuốn mất. Sau khi cho nó đi chu du quay cuồng khắp các tòa báo, trong lúc thất vọng gã đã gửi nó cho tờ “Ngọn sóng,” một tuần báo xã hội ở San Francisco. Lý do chính việc gửi cho tờ báo này là từ Oakland sang bên kia chỉ phải qua vịnh, một quyết định nhanh chóng có thể đạt được. Hai tuần sau, gã sung sướng quá khi thấy toàn bài của mình được đăng trên số báo cuối cùng, có tranh minh họa và ở ngay trang danh dự. Gã trở về nhà, lòng rộn ràng bản khoăn không biết họ sẽ trả lại bao nhiêu cho một trong những sáng tác hay nhất ấy của mình. Hơn

nữa, việc họ nhận và cho đăng nhanh như thế là một điều khiến gã vui thích. Việc người chủ bút không báo cho gã biết trước là nhận đăng lại càng làm cho sự ngạc nhiên thêm trọn vẹn. Sau khi chờ đợi một tuần, hai tuần, rồi nửa tuần nữa, thất vọng đã thắng được rụt rè, gã viết thư cho ông chủ bút tờ “Ngọn sóng” nhắc có thể do một sự sơ xuất nào đó của ban quản trị, số tiền nhuận bút nhỏ bé của gã đã bị quên đi.

Gã nghĩ thầm, dù là không được năm đô la đi nữa, thì ít nhất cũng đủ để mua đậu biển và súp rau để có sức viết được năm, sáu bài theo loại ấy và có thể cũng hay không kém.

Gã nhận được của ông chủ bút một bức thư lạnh lùng, ít nhất nó cũng làm cho gã phải thán phục. Thư viết:

“Chúng tôi xin cảm ơn về sự đóng góp vô cùng quý báu của ông. Tất cả tòa soạn chúng tôi rất vui sướng khi đọc sáng tác của ông và như ông đã biết, chúng tôi cho đăng nó ngay trên trang danh dự. Chúng tôi tha thiết hy vọng rằng những bức tranh minh họa đã làm cho ông hài lòng.

“Sau khi đọc lại thư ông, chúng tôi thấy hình như ông đã hiểu nhầm là tòa báo chúng tôi có trả tiền nhuận bút cho những bài không do tòa soạn yêu cầu. Đó không phải là lệ của tòa báo chúng tôi, và tất nhiên bài của ông là bài không do tòa soạn yêu cầu. Khi cho đăng bài, chúng tôi định ninh rằng ông đã rõ điều qui định ấy. Chúng tôi chỉ còn biết là rất tiếc có sự hiểu nhầm không may ấy và mong ông tin ở sự thành thực của chúng tôi.

“Một lần nữa, xin cảm ơn ông về sự đóng góp quý báu của ông. Chúng tôi hy vọng rằng trong một ngày rất gần đây sẽ nhận được thêm nhiều bài của ông. Kính chúc...”

Trong phần tái bút lại còn viết thêm, ý nói, tuy tờ “Ngọn sóng” không có lệ biểu không một vị độc giả nào, nhưng họ rất lấy làm vui sướng khi gửi tặng gã một năm báo trong năm tới.

Từ sau cái kinh nghiệm đó, mỗi lần gửi bản thảo, gã đều đánh máy thật rõ ràng ngay ở đầu trang đầu. “Xin thanh toán theo giá quy định của quý báo.”

Gã tự an ủi, sẽ có ngày, chúng phải được thanh toán theo giá quy định của “ta.”

Trong thời gian này gã phát hiện thấy ở gã niềm say mê cái toàn thiện toàn mỹ. Bị thôi thúc bởi niềm say mê đó, gã viết lại và gọt dũa “Khu phố hỗn độn”, “Men rượu cuộc đời”, “Niềm vui”, “Những bài ca về biển” và nhiều truyện khác nữa gã viết hồi đầu. Cũng như trước đây, mười chín giờ làm việc liên hình như cũng vẫn còn quá ít đối với gã. Gã viết liên miên, đọc liên miên. Trong lúc say sưa với công việc, gã quên cả những nỗi dằn vặt trong cơ thể do bỏ thuốc lá gây ra. Lọ thuốc cai mà Ruth đã hứa, có cái nhãn hiệu màu sắc lóe mắt, gã đem đút vào một xó kín nhất ở bàn làm việc. Đặc biệt trong lúc những cơn đói kéo dài, gã mới cảm thấy tất cả sự khổ sở vì thiếu thuốc lá, dù gã đã cố nén, cơn nghiện vẫn cứ giày vò mãnh liệt. Gã coi đó là một việc làm lớn nhất mà gã có thể đạt được. Ruth thì cho rằng gã chỉ làm một việc đúng đắn, không hơn. Nàng đem thuốc cai đến cho gã, rút ở số tiền tiêu vặt ra mua và vài ngày sau, nàng cũng chẳng còn nhớ gì về việc đó nữa.

Những truyện ngắn viết như máy của gã, tuy gã không thích và mĩa mai giấu cọt thì lại thành công. Nhờ chúng mà gã có tiền chuộc lại các thứ đem cầm, trả được gần hết các món nợ và còn mua được một đôi lốp mới lắp vào xe đạp. Ít nhất, chúng cũng giữ được cho gã có nồi súp nóng và cho gã có thời gian để thực hiện những tham vọng to tát hơn, trong khi số tiền độc nhất giúp gã giữ vững tinh thần vẫn là khoản 10 đô la gã đã nhận được của tờ “Con chuột bạch.” Gã đặt lòng tin vào đó. Gã tin rằng những tạp chí thực sự thuộc loại nhất ít nhất cũng trả cho các tác giả chưa có tiếng tăm gì bằng như thế nếu không hơn. Nhưng vấn đề là làm thế nào mà lách

được vào các tạp chí loại nhất? Những truyện ngắn, những bài luận văn, những bài thơ hay nhất của gã cứ đi ăn mày hết tòa báo này sang tòa báo khác; ấy thế nhưng hàng tháng giữa những trang bìa đủ kiểu, gã vẫn chỉ đọc thấy hàng mớ những bài văn chương tầm thường, nhạt nhẽo, không có một chút gì là nghệ thuật. Đôi khi, gã tự nghĩ, giá có một chủ bút nào hạ cổ từ trên cái ghế kiêu hãnh cao vọi vọi, bước xuống viết cho gã một dòng khuyến khích! Ừ thì cứ cho là tác phẩm của gã chưa tốt, ừ thì cứ cho là nó chưa hay, chưa đăng được vì lý do thân trọng này khác... nhưng chắc chắn là trong đó cũng phải có một vài tia lửa nào, một vài thoi, ở đâu đó, để kích thích họ, để tán thưởng chứ. Và rồi gã lại lòi một trong những tập bản thảo ra – như tập “Mạo hiểm” và lại đọc đi đọc lại để trả thù một cách vô vọng sự im lặng ấy của các ông chủ bút.

Mùa xuân êm dịu của California trôi qua thì mùa thu hoạch của gã cũng chấm dứt. Hàng mấy tuần lễ liền gã băn khoăn lo lắng về sự yên lặng kỳ lạ của Nghiệp đoàn chuyên cung cấp truyện ngắn cho các báo. Rồi một hôm, gã nhận được qua nhà bưu điện một tập mười truyện ngắn viết như máy của gã còn sạch nguyên vẹn. Kèm theo có một bức thư rất ngắn ý nói là hiện nay bài còn ứ đọng nhiều quá, ít nhất vài tháng nữa thị trường mới lại cần đến những bản thảo. Martin vẫn hăng tin – thậm chí một cách ngông cuồng - ở giá trị của mười truyện ngắn này. Cho đến tận gần đây Nghiệp đoàn vẫn trả gã mỗi truyện năm đô la và nhận tất cả những bài gã gửi tới. Vì thế, gã coi mười bài kia như là đã bán xong xuôi rồi, và tiêu pha theo mức như đã có năm mươi đô la để ở ngân hàng. Thế là đột ngột gã lâm vào thời kỳ gieo neo; trong khi đó gã vẫn tiếp tục đem bán những bài viết hồi đầu của mình cho những tờ báo không chịu trả tiền và gửi những bài viết về sau này cho những tạp chí không chịu mua. Một vài mẩu chuyện vui, một vài bài thơ trào phúng bán được cho các tuần san ở New York không cho gã đủ tiền để sống. Trong thời gian này, gã đã viết thư hỏi những tạp san lớn xuất bản hàng tháng hay hàng quý, nhưng qua thư trả lời gã mới biết ít khi họ nhận đăng bài không do tòa soạn yêu cầu; hầu hết những bài trong các tạp san đó đều do các nhà chuyên môn nổi tiếng, đã có uy tín về từng lĩnh vực viết theo yêu cầu của họ.

CHƯƠNG 29

Đó là một mùa hè gay go đối với Martin. Những ông chủ bút và những người phụ trách đọc bản thảo đều đi nghỉ hè; thường lệ chỉ ba tuần là các tòa báo đã trả lời quyết định đăng hay không, và bây giờ họ sẽ giữ bản thảo của gã ba tháng hay hơn thế nữa. Sự an ủi độc nhất gã thấy được ở sự đình đốn đó là đỡ mất tiền tem. Hình như chỉ có những tòa-soạn-ăn-cướp là vẫn hoạt động tích cực. Bao nhiêu những bài viết hồi đầu, gã đã giao cho bọn này cả, như “Mò ngọc trai,” “Biển cả là sự nghiệp,” “Bắt rùa,” “Những trận mậu dịch phong đông bắc.” Tất cả những bản thảo đó, gã không nhận được một xu nhỏ nào. Thực vậy, sau sáu tháng trời, thư từ đi lại, gã cũng đành đi đến một thỏa hiệp với họ, nhận một bộ đồ cạo mặt về bài “Bắt rùa”; và tờ “Vệ hành” thỏa thuận sẽ trả cho gã năm đô la tiền mặt và năm năm báo về bài “Những trận mậu dịch phong đông bắc,” nhưng chỉ thực hiện đầy đủ có khoản thứ hai.

Gã thúc mãi mới moi được của lão chủ bút ở Boston hai đô la cho bài xonê về Stevenson[87]. Lão này làm báo với cái thị hiếu kiểu Matthew Arnold[88] và một *cái bị đầy truyện giết gân rẻ tiền*. “Nàng tiên và viên ngọc,” một bài thơ trào phúng sắc sảo dài hai trăm câu, vừa mới hoàn thành, vừa mới ra khỏi óc gã, còn nóng hổi, được lão chủ bút của một tờ tạp chí ở San Francisco rất thích. Tạp chí này xuất bản để bảo vệ quyền lợi cho một Công ty đường sắt lớn. Khi nhận được thư của lão ta đề nghị sẽ thanh toán tiền nhuận bút bằng vé đi xe lửa, gã viết thư hỏi vé có chuyển cho người khác dùng được không. Vì không chuyển được, và vì không đem bán rao được, gã đòi lại bài thơ. Bài thơ được gửi trả lại kèm theo một bức thư của lão chủ bút tỏ ý rất tiếc. Martin lại gửi đi San Francisco, lần này cho tờ “Con ong,” một tờ nguyệt san vào loại huênh hoang đã có một thời tiếng tăm lừng lẫy nhờ cái anh nhà báo tài ba sáng lập ra nó. Nhưng tiếng tăm của tờ “Con ong” cũng đã mờ đi từ lâu trước khi Martin ra đời. Lão chủ bút hứa sẽ trả cho Martin mười lăm đô la về bài thơ, nhưng khi đã đăng rồi thì hình như lão ta quên khuấy đi mất. Nhiều thư của gã bị lờ đi. Gã tổng thêm một bức nữa, lời lẽ thậm tệ. Lần này thì gã nhận được thư trả lời. Nhưng đó là của một tay chủ bút mới; hắn rất lạnh lùng báo cho Martin biết là hắn không chịu trách nhiệm gì về sự sai lầm của lão chủ bút trước, và theo ý hắn thì bài thơ “Nàng tiên và viên ngọc” không có giá trị gì lắm.

Nhưng tàn ác nhất là cách đối xử của tờ “Quả địa cầu,” một tạp chí ở Chicago. Martin đã cố giữ lại tập “Những bài ca về biển” cho đến tận khi túng đói quá không dùng được, gã mới gửi đi. Sau khi bị hàng chục tờ tạp chí quăng đi trả lại, nó mới nằm yên ở tòa soạn tờ “Quả địa cầu.” Tập thơ gần ba mươi bài, và gã sẽ được trả mỗi bài một đô la. Tháng đầu, bốn bài được đăng, và ngay sau đó gã nhận được một tấm ngân phiếu bốn đô la. Nhưng khi xem đến tờ báo, gã hết sức kinh ngạc vì thấy những bài thơ bị cắt xén một cách tàn bạo. Một vài bài bị đổi cả nhan đề, thí dụ bài “Hết” bị đổi là “Kết thúc.” “Bài ca của tảng đá ngầm ngoài khơi” bị đổi là “Bài ca của đá san hô.” Có một trường hợp nhan đề bị thay đổi hoàn toàn bằng một cái tên khác không thích hợp gì. Bài thơ nhan đề là “Ánh sáng của Medusa,” lão chủ bút khi đưa in đã chữa là “Con đường phía sau.” Nhưng sự cắt xén chính những bài thơ mới thật là kinh khủng. Martin rên lên, mồ hôi toát ra, gã vò đầu bứt tóc. Nhiều câu, nhiều dòng, nhiều đoạn bị cắt xén, thay đổi hay sắp xếp lại một cách hết sức kỳ quái không thể nào hiểu nổi. Có những dòng, những đoạn của gã bị thay hoàn toàn. Gã không thể tin được rằng một người chủ bút có lương tri lại có thể có một cách xử sự tàn ác như thế; và giả thiết mà gã cho là đúng đắn nhất là tập thơ của gã đã bị thằng bé chạy giấy của tòa soạn hoặc thằng cha ghi tốc ký sửa chữa làm sai lạc đi. Lập tức, gã viết thư cho tòa soạn yêu cầu không được tiếp tục đăng nữa và gửi trả lại gã tập thơ ngay. Hết

thư này đến thư khác, hết van nài, cầu khẩn lại đe dọa, thư gã vẫn bị lờ đi. Tháng này qua tháng khác, việc cắt xén tàn bạo ấy vẫn cứ tiếp tục cho đến khi ba mươi bài thơ được đăng hết, và tháng tháng gã vẫn cứ nhận được một tấm ngân phiếu trả tiền những bài thơ đăng trong số báo tháng ấy.

Mặc dù gặp phải những điều không may ấy, nhớ lại tấm ngân phiếu bốn mươi đô la của tờ "Con chuột bạch," gã vẫn vững lòng tin, tuy càng ngày gã càng bắt buộc phải viết những bài lật vạt nhiều hơn. Gã khám phá thấy một nơi có thể kiếm ăn được, đó là những tờ tuần san nông nghiệp và những báo thương nghiệp; còn trông mong vào những tờ báo tôn giáo thì gã thấy có thể dễ dàng bị chết đói lắm. Trong lúc gặp vận bĩ nhất, - bộ quần áo đen của gã vẫn còn ở hiệu cầm đồ - gã lại đạt được một thành công lớn (đối với gã dường như là vậy) trong một kỳ thi có giải thưởng do Quận ủy Đảng Cộng hòa tổ chức. Có ba thể loại, gã tham dự cả ba, tự mình lại chưa chát cười mình bị dồn vào cái thế túng quẫn phải xoay mà sống. Bài thơ của gã được giải nhất mười đô la, bài hát cổ động cho cuộc tổng tuyển cử được giải nhì năm đô la, và bài tiểu luận về tôn chỉ của Đảng Cộng hòa được giải nhất hai mươi năm đô la. Số tiền đó cũng là một điều vui vui đối với gã, khi nào gã nhận được. Nhưng trong Quận ủy Đảng Cộng hòa có điều trục trặc gì đó; tuy trong đám ủy viên có một ông chủ nhà băng ketch xù và một ông thương nghị sĩ, nhưng tiền thì vẫn không thấy gửi trả. Trong khi việc đó cứ trì chậm như vậy, gã lại tỏ ra rất am hiểu tôn chỉ của Đảng Dân chủ vì gã lại trúng giải nhất trong một cuộc thi tương tự. Hơn nữa, lần này gã nhận được tiền, hai mươi năm đô la. Nhưng còn bốn mươi đô la của cuộc thi trước thì biết tẩm hơi.

Vì cần phải đi thăm Ruth, và thấy con đường từ khu Bắc Oakland đến nhà nàng xa quá, mỗi lần đi đi về về mất rất nhiều thì giờ, gã đành để lại bộ quần áo đen ở hiệu cầm đồ thay thế cho chiếc xe đạp. Đi xe đạp vừa là một cách tập thể dục, vừa tiết kiệm được nhiều thời gian để làm việc, mà cũng vừa cho phép gã được gặp Ruth như thường. Một cái quần bằng vải len mỏng bó ống, một cái áo nỉ cũ mặc vào đi xe đạp trông cũng dễ coi chán, và thế cũng có thể cùng đi chơi với Ruth vào những buổi chiều được rồi. Vả lại, dạo này gã không còn có nhiều dịp gặp gỡ ở ngay nhà nàng. Bà Morse đang tích cực tiến hành kế hoạch tiếp tân của mình. Những người hào hoa phong nhã gã thường gặp ở đó và cách đây không lâu gã hằng ngưỡng mộ thì bây giờ đã làm cho gã phát ngấy lên. Họ không còn là những người hào hoa phong nhã nữa. Gã trở nên cau kỉnh, bản gắt, một là vì cuộc sống khó khăn quá, làm việc nhiều quá, lại gặp toàn chuyện thất vọng và cũng là vì chuyện trò của những người như vậy, làm cho gã phát điên lên. Không phải là gã tự thị một cách quá đáng. Đem so sánh với trí óc của những nhà tư tưởng gã được đọc trong sách, gã thấy trí óc họ chật hẹp quá. Ở nhà Ruth quả thật gã chưa hề gặp một người nào có trí óc rộng rãi, chỉ trừ giáo sư Caldwell, mà giáo sư Caldwell thì gã lại chỉ được gặp ở đó có một lần. Còn tất cả bọn kia đều chỉ là một lũ ngớ ngẩn, ngốc nghếch, nông cạn, giáo điều và ngu xuẩn. Chính sự ngu xuẩn đó đã làm cho gã ngạc nhiên. Không biết họ học hành gì? Không biết họ đem dùng vốn liếng học vấn của họ vào đâu? Họ cũng đọc những sách mà gã được đọc. Tại sao họ không rút ra được một cái gì từ những cuốn sách đó?

Gã biết rằng ở trên đời này có những bộ óc vĩ đại, có những nhà tư tưởng sâu sắc, vững vàng. Gã đã thấy những người ấy trong sách, những cuốn sách đã giúp gã có một nền học vấn vượt xa cái tiêu chuẩn của nhà Morse này. Và gã biết rằng có thể tìm thấy được ở trên đời này những nhà trí thức cao hơn cái bọn ở nhà Morse. Gã đã đọc những cuốn tiểu thuyết xã hội Anh, ở đó gã đã thấy những người đàn ông, đàn bà nói chuyện chính trị và triết học. Gã đã đọc thấy ở những thành phố lớn, ngay cả ở nước Mỹ này, có những phòng khách là nơi tụ hội của nghệ thuật và trí tuệ. Trước đây, gã đã quan niệm một cách ngớ ngẩn rằng tất cả những người ăn mặc sang trọng thuộc tầng lớp trên giai cấp công nhân đều là những người có khả năng trí tuệ và hiểu được cái đẹp. Gã đã cho rằng văn hóa và đô la luôn luôn đi đôi với nhau, gã đã bị đánh lừa để tin rằng đi học ở trường đại học và tài cao học rộng chỉ là một.

Được, gã quyết phấn đấu để đi xa hơn, lên cao hơn. Và gã sẽ mang Ruth đi với gã. Gã yêu nàng

tha thiết và gã tin rằng ở bất cứ đâu Ruth cũng sáng ngời. Gã thấy rất rõ là đã bị hạn chế nhiều trong môi trường sống ban đầu của mình, và vì thế, bây giờ gã cũng thấy nàng bị hạn chế như vậy. Nàng không có cơ hội để mở rộng tầm nhìn. Những cuốn sách trên giá sách của cha nàng, những bức tranh trên tường, bản nhạc trên chiếc dương cầm – tất cả chỉ có giá trị phô trương giả tạo. Đối với văn chương thực, hội họa thực, âm nhạc thực, gia đình nhà Morse và tất cả những người cùng loại đều là những người chết. Và lớn hơn tất cả những cái đó là cuộc sống thì họ lại càng mù mịt, tối tăm, ngu xuẩn một cách tuyệt vọng. Mặc dù có khuynh hướng duy nhất thần giáo, mặc dù đeo những mặt nạ tư tưởng rộng rãi một cách bảo thủ, họ vẫn lạc hậu đến hai thế hệ đối với nền khoa học diễn giải. Quá trình tiến triển của trí óc họ còn mang tính chất trung cổ, trong khi cách suy nghĩ của họ về những sự kiện mới nhất của cuộc sống và vũ trụ đối với gã, cũng chỉ là theo phương pháp siêu hình, nó trẻ như một chủng tộc trẻ nhất, và giá như loài người ăn lông ở lỗ, và còn già hơn – cũng một cái phương pháp đã làm cho mọi người vượt Pleistocene sợ bóng tối, đã làm cho tên Do Thái hấp tấp man rợ đầu tiên hóa thân cho Eva thành người từ cái xương sườn của Adam, đã làm cho Descartes^[89] dựng lên cả một vũ trụ quan duy tâm phản ánh đúng cái tôi nhỏ bé của ông ta, đã làm cho cái ông thầy tu người Anh nổi tiếng lên án thuyết tiến hóa luận với một thái độ hết sức mỉa mai cay độc, được thiên hạ tức khắc hoan nghênh ầm ĩ, và đã để lại trong trang sử của nhân loại một cái tên như bản mà mọi người đời ai cũng biết.

Như vậy, Martin suy nghĩ và cứ suy nghĩ mãi cho đến khi thấy lóe lên trước mắt gã, sự khác nhau giữa những ông luật sư, những công chức, những nhà kinh doanh, những ông thủ quỹ, ngân hàng mà gã đã được gặp với những người trong giai cấp công nhân mà gã được biết chỉ là sự khác nhau ở thức ăn của họ ăn, quần áo họ mặc và những người lân bang hàng xóm họ cùng chung sống. Chắc chắn là tất cả bọn họ đều thiếu một cái gì khác mà gã thấy có ở trong gã và trong sách. Gia đình nhà Morse đã cho gã thấy tất cả những cái đẹp dễ nhất mà địa vị xã hội của họ có thể tạo ra được, nhưng những cái đó không gây cho gã một ấn tượng gì. Tuy gã chỉ là một kẻ nghèo nàn, một kẻ nô lệ của bọn cho vay lãi, nhưng gã tự thấy còn hơn những người gã thường gặp ở nhà Morse này. Và khi nào bộ quần áo sang trọng duy nhất của gã được chuộc về thì gã lại đi trong đám người ấy như một ông hoàng cũng run lên với ý nghĩ mình bị sỉ nhục, giống như cảm nghĩ của một ông hoàng bị buộc tội phải cùng chung sống với bọn chăn dê.

“Ông căm ghét và sợ những người theo chủ nghĩa xã hội,” gã nhận xét nói với ông Morse vào một buổi tối, lúc bữa ăn. “Nhưng tại sao thế? Ông không biết gì về họ mà cũng không biết học thuyết của họ cơ mà?”

Chính bà Morse đã đưa câu chuyện đến chỗ đó, vì bà đã ca ngợi Hapgood một cách quá đáng nghe phát tức. Martin rất ghét anh chàng thủ quỹ ngân hàng này và khi nào có chuyện gì dính đến cái anh chàng nói năng tầm thường ấy là gã dễ nổi nóng.

“Vâng,” gã nói. “Ông Charley Hapgood thuộc vào cái loại mà người ta thường gọi là người trẻ tuổi đang lên – có người đã nói với tôi như vậy. Kể ra cũng đúng. Rồi đây trước khi hết đời, ông ấy sẽ xoay sở nhảy lên cái ghế thống đốc, và biết đâu có thể sẽ nhảy vào thượng nghị viện nước Mỹ này không chừng.”

“Cái gì đã làm cho ông nghĩ như vậy?” Bà Morse hỏi.

“Tôi đã được nghe ông ấy diễn thuyết trong một cuộc tranh cử. Nó ngớ ngẩn một cách kỳ lạ và không có một chút độc đáo, ấy thế nhưng vẫn có sức thuyết phục, khiến các ngài lãnh tụ không thể nào coi ông ta là người chắc chắn đáng tin cậy; còn những cái tầm thường thấp kém của ông ta thì cũng y như những cái tầm thường thấp kém của một cử tri bình thường... Ở phải, bà biết đấy, đem thêu hoa dệt gấm những ý nghĩ riêng của một người nào rồi trình bày lại cho người đó hay cũng là một cách nịnh khéo đấy.”

“Quả thật em nghĩ rằng anh đã ghen tức với ông Hapgood,” Ruth nói len vào.

“Trời ơi!”

Vẻ kinh hoàng trên nét mặt Martin lại càng làm cho bà Morse có thái độ khiêu khích. Bà lạnh lùng nói:

“Chắc ông không có ý nói ông Hapgood là một người ngớ ngẩn chứ gì?”

“Không hơn gì một đảng viên Cộng hòa bình thường,” gã đáp lại, “hay một đảng viên Dân chủ bình thường – thì cũng thế. Khi nào các ông ấy không khôn ngoan thì các ông ấy rất ngớ ngẩn, và trong số họ rất ít ông khôn ngoan. Đảng viên Cộng hòa mà không khôn ngoan thì chỉ có những ngài triệu phú và bọn tay sai có ý thức của các ngài ấy. Họ biết đứng về phía nào thì kiểm soát được và biết rõ tại sao.”

“Tôi là một đảng viên Cộng hòa,” ông Morse nói len vào một cách nhẹ nhàng. “Thế ông liệt tôi vào loại nào nhỉ?”

“Ồ, ông là một tay sai không có ý thức.”

“Tay sai?”

“Vâng, đúng. Ông làm việc cho tập đoàn của ông. Ông không thuộc giai cấp công nhân, ông không làm những việc có tội. Ông không trông mong vào những anh chàng đánh vợ hoặc những kẻ ăn cắp vặt để có tiền thu nhập. Ông sống nhờ vào bọn thống trị xã hội, và bất cứ kẻ nào nuôi sống một người thì kẻ ấy là ông chủ của người ấy. Vâng, đúng, ông là một người làm tay sai. Ông quan tâm tới việc tăng tiến những quyền lợi của những tập đoàn tư bản mà ông phục vụ.”

Mặt ông Morse hơi đỏ lên một chút.

“Quả thật, thưa ông, lối nói của ông không khác gì một thằng xã hội đều cẳng.”

Đúng lúc này là lúc Martin đưa ra nhận xét.

“Ông ghét và sợ những người theo chủ nghĩa xã hội lắm, nhưng tại sao nhỉ? Ông không biết gì về họ mà cũng chẳng biết gì về những học thuyết của họ.”

“Thuyết của ông nghe thật đúng là chủ nghĩa xã hội,” ông Morse trả lời, trong khi Ruth lo lắng nhìn hết người nọ đến người kia; còn bà Morse thì mặt rạng rỡ, vẻ khoái chí vì đã có cơ hội khích ông hoàng của con gái nói lên quan điểm chống đối của mình.

“Tôi nói những đảng viên Cộng hòa là ngớ ngẩn và cho rằng Tự do, Bình đẳng, Bác ái đều là những bong bóng xà-phòng vỡ tan tành, thì không phải vì thế mà tôi thành một người xã hội.” Gã mỉm cười, trả lời. “Vì tôi chất vấn Jefferson và mấy người Pháp đốt nát đã có ảnh hưởng lớn đến quan điểm của ông ta thì cũng không phải vì thế mà tôi thành một người theo chủ nghĩa xã hội đâu. Thưa ông Morse, xin ông tin cho, ông còn gần chủ nghĩa xã hội hơn tôi nhiều, tôi một kẻ đã tự nhận là kẻ thù của chủ nghĩa ấy.”

“Ý ông muốn pha trò chắc?” Ông Morse không còn biết nói thế nào hơn.

“Thưa không, tôi không pha trò một chút nào. Tôi nói rất nghiêm túc. Ông vẫn cứ tin ở bình đẳng, ấy thế nhưng ông lại làm công việc của những tập đoàn, mà các tập đoàn thì ngày này qua ngày khác chăm chú làm công việc chôn vùi bình đẳng xuống đất đen. Ông cho tôi là người xã hội chỉ vì tôi phủ nhận bình đẳng, và chỉ vì tôi nói rõ cái lẽ sống của ông. Những người Cộng hòa là những kẻ thù của bình đẳng, tuy mồm thì vẫn hò hét khẩu hiệu bình đẳng nhưng thực ra hầu hết bọn họ đang chống lại nó. Lấy danh nghĩa bình đẳng, họ tiêu diệt bình đẳng. Vì thế tôi mới gọi họ là đồ ngớ ngẩn. Còn tôi, tôi theo chủ nghĩa cá nhân. Tôi tin rằng trong một cuộc thi, ai chạy nhanh người ấy được và trong chiến đấu phần thắng thuộc về kẻ mạnh. Đó là bài học tôi đã rút ra được trong môn sinh vật học, hay ít nhất, tôi nghĩ rằng tôi đã học được như vậy. Như tôi đã nói, tôi là một kẻ theo chủ nghĩa cá nhân, mà chủ nghĩa cá nhân là kẻ thù muôn đời muôn kiếp của chủ nghĩa xã hội.”

“Nhưng ông thường dự những buổi hội họp của những người xã hội.” Ông Morse nói, vẻ thách thức.

“Nhất định rồi, cũng như những người tình báo thường phải ra vào doanh trại của đối phương luôn. Không làm thế thì làm sao mà biết được kẻ địch? Hơn nữa, tôi rất thích thú được dự những buổi họp của họ. Họ là những chiến sĩ giỏi, và dù phải hay trái họ cũng đã đọc nhiều sách. Bất cứ người nào trong bọn họ đều hiểu xã hội học và tất cả các thứ học thuyết khác hơn bất cứ ông chủ xí nghiệp bình thường nào. Vâng, tôi đã dự những buổi hội họp của họ dăm bảy lần, nhưng cái đó không thể làm cho tôi trở thành một người theo chủ nghĩa xã hội được, cũng như nghe ông Charley Hapgood diễn thuyết chẳng làm cho tôi trở thành một người Cộng hòa được.”

“Tất nhiên,” ông Morse nói, giọng đã dịu đi. “Nhưng tôi vẫn nghĩ rằng ông có khuynh hướng như vậy.”

Trời ơi, gã nghĩ thầm, ông ta không hiểu mình đang nói gì. Ông ta không hiểu một tí gì cả. Không hiểu ông ta dùng cái vốn học thức của ông ta để làm gì?

Như thế đó, trí óc gã càng phát triển, gã càng thấy mình mặt đối mặt với cái đạo đức kinh tế hay là cái đạo đức giai cấp, và chẳng bao lâu đối với gã nó trở thành một con quái vật kinh tởm. Bản thân gã là một nhà đạo đức có lý trí, và gã thấy cái lối phô trương tầm thường còn không khó chịu bằng cái đạo đức của những người xung quanh; đó là mớ hỗn độn đủ tiền tài, siêu hình, tình cảm suốt mướt và thói bắt chước lẫn nhau.

Một trong những cái mớ kỳ quái ấy, gã thấy ở gần, ngay trong gia đình gã. Em gái gã, Marian thường đi lại với một anh chàng thợ máy người Đức, trẻ tuổi, cần cù. Sau khi đã học thạo nghề, anh ta bỏ vốn ra mở một cửa hiệu sửa chữa xe đạp. Sau đó lại đứng làm đại lý cho một hãng xe loại thường, anh ta làm ăn phát đạt. Cách đây ít bữa, Marian đến tận chỗ Martin để báo cho anh trai biết hai người đã chính thức đính ước với nhau. Hôm ấy cô vui vẻ xem tướng tay cho gã. Lần sau, cô dẫn cả Hermann von Schmidt theo. Martin đón tiếp rất trang trọng và chúc mừng hai người, nhưng lời nói của gã dễ dàng quá, lịch sự quá khiến người yêu của cô em gái vốn là người đầu óc què kệch cảm thấy khó chịu lắm. Cảm tưởng xấu ấy lại càng tăng lên khi Martin đọc to mấy đoạn thơ gã làm để ghi nhớ ngày Marian đến thăm gã lần trước. Đó là một vài thơ vui, nhẹ nhàng, tế nhị mà gã đặt tên là “Người xem tướng tay.” Nhưng khi đọc xong, gã rất ngạc nhiên thấy trên nét mặt Marian không có ý gì là vui vẻ cả. Cô ta lo lắng nhìn người chồng chưa cưới của mình; Martin nhìn theo và thấy lộ rõ trên nét mặt không cân xứng của anh chàng chỉ có vẻ không tán thưởng, bức bối và khó chịu. Sự việc qua đi; hai người xin phép ra về sớm, và Martin cũng quên ngay chuyện đó, tuy lúc bấy giờ gã rất ngạc nhiên thấy có một người đàn bà dù người ấy thuộc giai cấp công nhân đi nữa – lại không thấy thích thú và sung sướng khi được người ta làm thơ về mình.

Mấy hôm sau, vào một buổi tối, Marian lại đến thăm anh, nhưng lần này đi có một mình. Cô ta không để mất thì giờ, mà đi thẳng ngay vào vấn đề, cô buồn rầu trách gã về việc gã đã làm.

“Sao, Marian?” Gã cự lại. “Em nói như thể em thấy xấu hổ về bà con họ hàng của em, xấu hổ về anh trai của em...”

“Em xấu hổ thật đấy,” cô nói tuột ra.

Martin rất bối rối khi thấy những giọt nước mắt tủi hổ của cô em gái. Dù sao chẳng nữa, tâm trạng của Marian cũng rất thành thực.

“Nhưng kìa Marian, tại sao Hermann của em lại có thể ghen tuông vì anh làm thơ về em gái anh?”

“Anh ấy không ghen đâu,” cô nức nở, “anh ấy bảo rằng làm thế bất lịch sự lắm, tục... tục tĩu lắm.”

Martin huýt một tiếng sáo dài, khe khẽ, không tin rồi gã lục ra một bản sao đánh máy bài thơ “Người xem tướng tay.” Gã đọc lại rồi đưa cho Marian.

“Anh không thấy có chỗ nào; em hãy đọc đi và chỉ cho anh xem chỗ nào là tục tĩu – em vừa dùng từ đó phải không nhỉ?”

Marian gạt tờ bản thảo ra không cần xem, vẻ căm ghét, trả lời.

“Anh ấy đã nói thế, và hẳn là anh ấy phải biết rõ. Anh ấy bảo rằng anh phải xé bài thơ đó đi. Anh ấy bảo anh ấy không muốn người ta làm thơ về vợ anh ấy để cho thiên hạ ai cũng đọc được. Anh ấy bảo đó là một điều sỉ nhục và anh ấy không chịu để thế đâu.”

“Kìa, Marian, thật vô lý quá!” Gã đáp lại, nhưng vội thay đổi ý kiến.

Gã thấy trước mặt gã một người con gái khổ sở, gã biết rằng không thể nào thuyết phục nổi cô ta hoặc chồng cô ta, nên tuy câu chuyện hết sức là vô lý và dơ bẩn, gã cũng đành chịu vậy.

“Thôi được,” gã vừa nói vừa xé bản thảo bài thơ ra làm nhiều mảnh và vứt vào sọt rác.

Gã yên chí là bản thảo chính đã nằm yên ở tòa soạn tạp chí New York rồi. Marian và chồng không bao giờ biết được điều đó, và cả gã, cả hai vợ chồng cô ta, cả thiên hạ không ai bị thiệt nếu bài thơ xinh xinh vô thưởng vô phạt ấy được đăng lên.

Marian định chạy lại chỗ sọt rác, nhưng ngừng lại.

“Em cảm về được không?” Cô khẩn khoản.

Gã gật đầu, vẻ suy nghĩ nhìn cô ta nhặt những mảnh giấy xé vụn vứt vào túi áo ngoài, - một bằng chứng cụ thể để chứng tỏ cô đã hoàn thành nhiệm vụ. Marian làm cho gã nhớ lại Lizzie Connolly. Tuy cô ta không bồng bồng sôi nổi và diêm dúa như cô gái công nhân mà gã đã được gặp hai lần ấy, nhưng hai người giống nhau trong cách ăn mặc, cách đi đứng. Gã mỉm cười, thậm thích thú vì bỗng dưng tưởng tượng một trong hai cô gái này xuất hiện trong phòng khách nhà bà Morse. Nhưng sự thích thú nhạt dần đi, gã cảm thấy một nỗi cô quạnh mênh

mông. Cái cô em gái này của gã và phòng khách nhà bà Morse là những cột mốc trên con đường gã đã đi qua. Và gã đã bỏ chúng lại xa ở đằng sau. Gã trồi mếu nhìn xung quanh, nhìn những cuốn sách ít ỏi của gã. Chỉ còn lại những cuốn sách này là bạn thôi.

“Hừ, em hỏi gì anh nhỉ?” Gã giật mình ngạc nhiên hỏi.

Marian nhắc lại câu hỏi.

“Tại sao anh lại không đi làm?”

Gã phá lên cười nhưng hơi gượng gạo: “Chắc anh chàng Hermann của em nói thế với em chứ gì?”

Cô ta lắc đầu.

“Đừng nói dối!” Gã nghiêm giọng.

Cô khẽ gật đầu khẳng định gã đã nói đúng.

“Hừ, cô hãy về bảo với anh chàng Hermann của cô là cứ lo lấy việc của mình đã; rằng tôi làm thơ về người con gái mà anh ấy sắp lấy, anh ấy muốn can thiệp thì được, còn ngoài việc đó ra thì không được nói gì hết. Hiểu chưa?”

“Thế ra cô cũng nghĩ rằng anh không thể thành công trong nghề viết văn được hả?” Gã nói tiếp. “Cô cũng nghĩ rằng anh chẳng làm nên được trò trống gì, càng ngày càng xuống dốc và làm hổ nhục cho gia đình hả?”

“Em nghĩ rằng, anh nên kiếm một việc gì đi làm thì hơn,” cô nói, giọng quả quyết, và gã thấy em gái mình rất thành thực. “Anh Hermann nói...”

“Kệ xác cái anh Hermann của cô!” Gã vui vẻ ngắt lời. “Anh chỉ muốn biết khi nào thì hai cô cậu làm lễ cưới. Cô thử hỏi xem anh chàng Hermann của cô có cho phép cô nhận đồ mừng của anh không.”

Sau khi Marian ra về, gã ngồi trầm ngâm suy nghĩ. Đôi lúc gã cười phá lên, chua chát nghĩ tới cô em gái và anh chồng chưa cưới của cô ta, nghĩ tới tất cả những người cùng giai cấp với gã và những người cùng giai cấp với Ruth sống một cuộc sống chật hẹp, nhỏ bé, - họ chỉ là những con cừu sống thành bầy thành đàn, bắt cuộc sống vào khuôn vào nếp, dập theo ý kiến của kẻ khác, không còn là những cá nhân sống một cuộc sống thực chỉ vì những công thức ấu trĩ mà họ đem thân làm nô lệ. Gã tập hợp tất cả những con người đó lại để cho những hình bóng của họ lần lượt điếu qua trước mặt gã: Bernard Higginbotham tay nắm tay với ông Butler, Hermann von Schmidt sát cánh với Charley Hapgood, và từng người một hay những đôi gã đánh giá rồi xua đuổi đi - gã đánh giá họ dựa trên những tiêu chuẩn đạo đức và tri thức mà gã đã học tập được trong sách vở. Gã hỏi mãi mà không tìm thấy câu trả lời: “Nhưng tâm hồn vĩ đại, những người đàn ông, đàn bà vĩ đại ở đâu?” Gã thấy họ không phải là đám người trí thức cầu thả, thô lỗ, ngớ ngẩn đang trở về kia trong căn phòng chật hẹp của gã theo tiếng gọi của trí tưởng tượng. Gã cảm thấy kinh tởm lũ người này, chẳng khác gì Circe^[90] kinh tởm con lợn cái của mẹ. Khi gã đã xua đuổi cái hình bóng cuối cùng đi và nghĩ rằng gã chỉ còn lại một mình thì một hình bóng đến muồn bước vào, một hình bóng mà gã không mời, cũng không chờ đợi, Martin chăm chú nhìn và thấy một gã còn đồ trẻ, đầu đội mũ vành cứng, mặc một cái áo ngắn cộc cốn, ngực áo lót đầy, vừa đi vừa đung đưa đôi vai, gã ấy chính là Martin một thời xa xưa.

“Thì mày cũng như tất cả bọn chúng nó thôi, gã trẻ tuổi kia ơ!” Gã mĩa mai. “Đạo đức của mày, kiến thức của mày thì có khác chi chúng nó. Mày có ý nghĩ, một hành động gì riêng của bản thân mày đâu. Ý kiến của mày, cũng như quần áo của mày, đều là may sẵn, hành động của mày cũng dập khuôn theo sở thích của thiên hạ. Mày cầm đầu bọn côn đồ anh chị, chẳng qua chỉ vì bọn chúng tâng bốc mày. Mày gây gỗ đánh nhau và đứng đầu bọn chúng không phải là vì mày thích, mày biết là mày thực sự khinh ghét cái việc đó là đằng khác. Nhưng chính vì chúng nó vỗ về mày. Mày đánh gục thằng Mặt-pho-mát vì mày không muốn nhượng bộ đầu hàng; mà mày không muốn nhượng đầu hàng một phần vì mày là một thằng cục súc đến cực độ, còn thì vì mày cũng tin như tất cả những đứa khác quanh mày tin rằng sự đánh giá một thằng người là căn cứ vào cái thói đã man hung bạo đầy thú tính trong việc cấu xé, đánh đập, gây tổn thương cho kẻ đồng loại. Chứ sao, đồ chó đẻ, mày phồng tay trên nhân tình của những thằng khác, không phải vì mày thích gì những đứa con gái ấy đâu, nhưng vì chính trong xương tủy những thằng chúng mày, đạo đức là theo bản năng con ngựa giống hung dữ hay con cua biển đục. Hừ, năm tháng đã trôi qua rồi, bây giờ thì mày nghĩ gì về cái đó.”

Như để trả lời, hình bóng ấy biến dạng rất nhanh. Cái mũ vành cứng và cái cổ áo cột cốn biến đi, thay thế vào đó là một bộ quần áo nhã nhặn hơn. Nét mặt không còn gân guốc nữa, đôi mắt không còn dữ tợn nữa và khuôn mặt đã được gột sạch vết nhơ, đẹp lên, ánh lên từ cuộc sống bên trong cảm thông với cái đẹp và tri thức. Càng nhìn gã càng thấy hình bóng ấy đúng là bản thân gã hiện tại. Gã nhận ra cái đèn làm việc đang tỏa ánh sáng và quyển sách mà cái bóng ấy đang cúi xuống. Gã liếc nhìn nhan đề sách: “Khoa học của thẩm mỹ.” Rồi gã nhập mình vào cái bóng đó, sửa lại bắc đèn và đọc tiếp.

CHƯƠNG 30

Một ngày thu đẹp, một ngày tiết trời cuối thu dịu dịu giống như hai người tỏ tình với nhau một năm trước đây, Martin đọc tập “Thơ tình” cho Ruth nghe. Đó là một buổi chiều cũng như một năm trước đây, hai người đi xe đạp lên ngọn đồi mà họ thích nhất. Thỉnh thoảng nàng lại thốt lên những lời tán thán thích thú, ngắt lời gã đọc. Và bây giờ, đặt tờ cuối cùng của tập bản thảo xuống bên những tờ kia, gã đợi chờ nàng phê phán.

Nàng không nói vội; cuối cùng, nàng ấp úng ngập ngừng chọn lời sao nói lên được ý nghĩ gay gắt của mình.

“Em thấy những bài thơ của anh đẹp, rất đẹp. Nhưng anh không thể bán được chúng, có phải không? Anh hiểu ý em chứ!” Nàng nói gần như năn nỉ. “Những sáng tác của anh không thực tế, có thể là có một cái gì đó chưa phù hợp với thị trường chẳng? Nó đã làm cho anh không thể nhờ nó mà sống được. Martin à, anh đừng hiểu nhầm em. Em rất sung sướng, rất tự hào anh đã làm thơ tặng em – nếu em không sung sướng không tự hào thì quả em không phải thực sự là một người đàn bà nữa. Nhưng những sáng tác của anh vẫn không thể làm cho đám cưới cũng chúng ta tiến hành được. Anh thấy không, Martin? Anh đừng nghĩ rằng em là một kẻ chỉ thích tiền. Chính tình yêu, chính ý nghĩ về tương lai của chúng ta làm cho em lo lắng. Một năm trôi qua rồi từ ngày chúng ta bắt đầu biết rõ là chúng ta yêu nhau, thế nhưng ngày cưới vẫn chẳng gần hơn. Xin anh đừng cho em là thiếu tế nhị khi em nói đến chuyện cưới xin của chúng ta, bởi vì thực sự trái tim em, và tất cả đời em, em đã gửi gắm vào đó rồi. Tại sao anh không gắng kiếm việc làm ở một tờ báo hàng ngày nếu như anh cứ tha thiết theo đuổi nghề viết đến thế? Tại sao anh không đi làm một phóng viên? – Ít nhất thì cứ làm một thời gian?”

“Nó sẽ làm hỏng mất văn phong của anh!” Gã trả lời, giọng khe khẽ, đều đều. “Em không biết anh đã rèn luyện văn phong của anh như thế nào ư?”

“Thế những truyện ngắn ấy,” nàng vặn lại, “anh gọi chúng là những bài viết lặt vặt. Thế mà anh vẫn viết rất nhiều. Nó không làm hỏng văn phong của anh hay sao?”

“Không, hai vấn đề khác nhau. Những truyện ngắn đó đã được anh viết ra, sau một ngày dài miệt mài rèn luyện văn phong. Nhưng công việc của một người phóng viên thì hoàn toàn là những công việc lặt vặt từ sáng đến tối, và đó là công việc chính trong cuộc sống của anh ta. Đó là một cuộc sống quay cuồng như cơn lốc, một cuộc sống chỉ có trước mắt, không có quá khứ, không có tương lai và chắc chắn cũng chẳng cần phải nghĩ tới văn phong văn phước gì, ngoài cái văn phong phóng sự, mà đó thì chắc chắn không phải là văn chương. Đúng vào thời kỳ văn phong của anh thành hình, kết tinh mà anh đi làm nghề phóng viên thì tức là giết chết sự nghiệp văn học của mình. Đúng thế đấy, mỗi một truyện vặt, mỗi từ trong truyện ấy là một sự xúc phạm tới bản thân anh, tới lòng tự trọng của anh, tới lòng tôn kính cái đẹp của anh. Nói thật với em, điều đó thật là khổ tâm. Anh đã phạm tội. Và trong thâm tâm, anh rất mừng khi thấy nó không bán được ở thị trường dù cho vẫn phải đem quần áo đi cầm chẳng nữa. Nhưng niềm vui khi viết tập “Thơ tình” này! Niềm vui sáng tạo dưới hình thức cao quý nhất của nó! Đó là phần thưởng đền bù cho tất cả.”

Martin không biết rằng Ruth không thông cảm được với niềm vui sáng tạo ấy. Nàng đã dùng từ đó – lần đầu tiên gã được nghe từ đó chính ở đôi môi nàng thốt ra. Nàng đã đọc, đã nghiên cứu nó ở trường đại học khi chuẩn bị thi tú tài văn chương, nhưng nàng không có một cái gì là độc đáo, là sáng tạo, và tất cả những biểu hiện về học thức của nàng chỉ là nhai đi nhai lại những lời nhai đi nhai lại của kẻ khác.

“Biết đâu ông chủ bút lại chẳng có lý khi ông ấy hiệu đính lại toàn bộ tập “Những bài ca về biển” của anh?” Nàng hỏi. “Anh nên nhớ, ít nhất người ta cũng phải có đủ tư cách nhất định nếu không đã không làm nổi chủ bút.”

“Đây cũng là một sự khẳng khẳng cố chấp sẵn của cái đã xác định,” gã trả lời, sự bực bội của gã đối với bọn chủ bút làm cho gã không giữ được bình tĩnh. “Cái gì tồn tại đều không những là có lý mà còn không có gì hơn được. Bất kỳ một vật gì, chỉ cần nó tồn tại là đủ để chứng minh lý do tồn tại của nó – em nghe nhé, em tồn tại như con người bình thường vẫn tin một cách không tự giác, không phải chỉ ở hoàn cảnh hiện tại mà ở bất cứ hoàn cảnh nào. Tất nhiên chính vì họ ngu dốt nên họ mới tin được một điều vô lý như thế - và sự ngu dốt của họ chính là cái quá trình *tự tưởng theo thuyết nhất nguyên* đã được Weininger miêu tả không hơn không kém. Họ tưởng rằng họ suy nghĩ, thế mà tất cả những sinh vật không suy nghĩ một chút nào ấy lại là những kẻ cầm cân nảy mực cho cuộc sống của một số rất ít người thực sự suy nghĩ.

Gã ngừng lại, chợt thấy mình đang nói quá sức hiểu biết của Ruth.

“Quả thực, em không biết cái anh chàng Weininger là ai,” nàng cãi lại, “và lối nói của anh kháis quát góm quá, em không sao hiểu được. Em đang nói đến những tư cách để làm chủ bút.”

“Và anh xin nói với em là...” Gã ngắt lời, “tư cách chính của chín mươi năm phần trăm các ngài chủ bút là sự thất bại. Các ngài ấy đã thất bại trong nghề viết văn. Đừng nghĩ rằng các ngài ấy thích cái công việc bàn giấy cặm cùi, chán ngấy cái công việc khốn khổ lo cho báo phát hành, lo cho công việc quản lý kinh doanh hơn cái thú viết văn đâu. Các ngài ấy đã thử viết và đã thất bại. Và điều nghịch lý đáng nguyên rủa là ở chỗ đó. Tất cả những cửa ải dẫn tới sự thành công văn chương đều được bọn chó canh cửa ấy canh giữ, chúng, một lũ đã thất bại trong văn chương. Các ngài chánh chủ bút, phó chủ bút, biên tập viên, phần lớn các ngài ấy, các ngài phụ trách đọc bản thảo cho các tạp chí, cho các nhà xuất bản, phần lớn các ngài ấy, hầu hết các ngài ấy đều muốn viết văn và đều đã thất bại. Ấy thế mà, tất cả những con người bất tài bất lực nhất dưới ánh mặt trời ấy, lại chính là những kẻ quyết định cái gì in được, cái gì không. Họ tỏ ra không có một chút gì độc đáo, tỏ ra thiếu một ngọn lửa thần kỳ, nhưng họ vẫn ngồi đó mà phê phán cái độc đáo, cái thiên tài. Và sau họ lại còn những ông biên tập – cũng toàn là những kẻ thất bại không kém. Đừng nói rằng họ không mơ giấc mơ ấy, đừng nói rằng họ không hề thử làm thơ và viết tiểu thuyết, vì họ đã mơ, đã thử, nhưng đã thất bại. Sao, một bài phê bình tầm thường còn lợm giọng hơn cả dầu cá thu. Nhưng em đã biết ý kiến của anh về bọn biên tập và bọn làm ra ta đây là những nhà phê bình rồi. Tất nhiên là có những nhà phê bình lớn, nhưng những người này thì hiếm như sao chổi vậy. Nếu anh thất bại trong nghề viết văn, anh sẽ xoay sang nghề chủ bút. Gì đi nữa, thì cũng có bánh, có bơ, có cả mút mà ăn.”

Óc nhận xét của Ruth nhạy bén, nàng thấy ngay mâu thuẫn trong cách lập luận của người yêu và nàng lại càng không tán thành những quan điểm của gã.

“Nhưng, Martin, nếu sự thực là như vậy, nếu tất cả các cửa đều đã bị đóng chặt như anh vừa kết luận, thì tại sao lại có thể có những nhà văn lớn đã từng thành công?”

“Họ thành công vì học đã đạt tới cái không thể đạt được,” gã trả lời. “Họ sáng tạo những công trình huy hoàng sáng chói, họ có thể đốt thành tro tất cả những cái gì ngăn cản họ. Họ thành

công vì họ đã làm được chuyện thần kỳ, đã chiến thắng trong một cuộc đấu gay go nghìn phần thắng một. Họ thành công vì họ là những con người khổng lồ dạn dày chiến đấu, nhất định không chịu khuất phục. Và chính đó là cái anh phải làm, anh phải đạt được cái không thể đạt được.”

“Nhưng nếu anh thất bại? Anh cũng phải nghĩ đến em nữa chứ, anh Martin!”

“Nếu anh thất bại,” gã nhìn nàng một lúc dường như ý nghĩ nàng vừa thốt ra đó là một điều không thể nghĩ tới được. Sự nhanh trí làm mắt gã sáng lên. “Nếu anh thất bại, anh sẽ trở thành một ông chủ bút, và em sẽ là vợ một ông chủ bút vậy.”

Nàng cau mày vì câu nói đùa ấy – một cái cau mày nom xinh quá, đáng yêu quá khiến gã phải ôm lấy nàng và hôn.

“Thôi thế đủ rồi,” nàng nói, cố sức tránh sự lôi cuốn mê hoặc của sức mạnh nơi Martin. “Em đã nói chuyện với ba và mẹ. Chưa bao giờ em lại trái ý ba, mẹ em như vậy. Em bắt ba, mẹ em phải nghe em. Em thật là khó bảo. Anh biết đấy, ba, mẹ em đều không ưa anh, nhưng em nói đi nói lại em nhất định chỉ yêu anh, và sau cùng ba phải đồng ý, nếu anh muốn, anh có thể đến làm việc ngay lập tức ở phòng luật sư của ba. Ba hứa rằng, ngay lúc đầu, ba sẽ trả lương cho anh đủ để hai chúng mình có thể làm lễ cưới được và có một căn nhà nho nhỏ ở đâu đó. Em nghĩ như thế là ba rất tốt, có phải không, anh?”

Martin cảm thấy nhói trong tim một nỗi thất vọng đau đớn, gã thò tay vào túi định lấy giấy và thuốc để cuốn (đã từ lâu gã không mang theo thuốc lá trong túi) vừa lẩm bẩm nói câu gì nghe không rõ. Ruth nói tiếp:

“Thành thực xin anh đừng tự ái – em phải nói thật để anh rõ ba đã nghĩ về anh như thế nào. Ba không thích những quan điểm cấp tiến của anh, và ba cho rằng anh là một người lười biếng. Tất nhiên, em thì em biết là anh không lười. Em biết rằng anh làm việc rất vất vả.”

Vất vả như thế nào thì chính cả em cũng không biết, Martin thoáng nghĩ.

“Hừ, được,” gã nói. “Thế còn em nghĩ thế nào về những quan điểm của anh? Theo ý em thì có cấp tiến không?”

Gã dăm dăm nhìn vào mắt nàng, đợi câu trả lời.

“Em thấy những quan điểm của anh làm cho người ta rối rắm khó hiểu lắm,” nàng đáp.

Câu hỏi đã được trả lời. Gã cảm thấy cuộc sống xám ngắt đè nặng lên người, nặng trĩu đến nỗi gã quên cả lời đề nghị hấp dẫn của nàng giục gã đi làm. Còn nàng, sau khi đã dăm nói ra những ý nghĩ của mình thì sẵn sàng chờ đợi câu trả lời cho đến khi nàng có thể nêu lại vấn đề.

Nàng không phải chờ đợi lâu la gì. Martin cũng có một câu hỏi cần đặt ra cho nàng. Gã muốn biết rõ lòng tin của nàng đối với gã đến đâu. Và trong tuần lễ đó cả hai đều được trả lời. Martin sớm biết được do gã đã đọc cho nàng nghe tập “Sự hổ thẹn của mặt trời.” Gã vừa đọc xong thì nàng hỏi ngay:

“Tại sao anh không trở thành một phóng viên? Anh thích viết như vậy, em tin chắc là anh sẽ thành công. Anh có thể đi lên được trong ngành báo chí, có thể có tên tuổi. Thiếu gì những đặc phái viên đã nổi danh. Lương họ cao, phạm vi hoạt động của họ là cả thế giới. Họ được cử đi

khắp nơi, đến tận trung tâm châu Phi như Stanley, được phỏng vấn cả đức Giáo hoàng hay đi thám hiểm cả miền Tây Tạng chưa ai biết tới.”

“Như thế là em không thích bài luận văn của anh phải không? Em cho rằng anh chỉ có một chút khả năng nào đó về nghề làm báo chứ không có chút gì về văn chương phải không?”

“Không, không, em thích bài luận văn lắm. Nghe hay. Nhưng em e rằng nó vượt xa tầm hiểu biết của người đọc. Ít nhất nó cũng vượt xa tầm hiểu biết của em. Nghe thì hay lắm, nhưng em không hiểu được. Những thuật ngữ khoa học của anh vượt quá sức em. Anh là một con người cực đoan, anh thân mến, anh biết đấy, những cái gì có thể hiểu được đối với anh thì tất cả những người như em có thể không sao hiểu nổi.”

“Anh nghĩ chính những thuật ngữ triết học đã làm cho em bực mình đấy.” Gã chỉ còn biết trả lời như thế.

Gã còn đang bưng bưng rung cảm vì vừa được đọc lên những tư tưởng chín chắn nhất của mình diễn đạt thành văn thì lời kết án của nàng khiến gã choáng váng. Gã gắng hỏi:

“Cho là nó viết tồi đi nữa, nhưng em có thấy một cái gì trong đó không? Ý anh muốn nói về tư tưởng của nó?”

Nàng lắc đầu:

“Không, nó hoàn toàn khác với bất cứ cái gì em đã đọc. Em đã đọc Maeterlinck và hiểu được ông ta”

“Thuyết huyền bí của ông ta, em hiểu được?” Gã nói nhanh.

“Vâng, còn bản luận văn này của anh mà anh cho là một cuộc tấn công vào ông ta, thì em không sao hiểu nổi. Tất nhiên, nếu kể đến tính chất độc đáo thì...”

Gã ngắt lời nàng bằng một cử chỉ sốt ruột, nhưng tiếp sau đó, gã không nói gì. Bỗng gã nhận thấy nàng đang nói và nói một lúc lâu lâu.

“Nói cho cùng, anh viết văn để vui chơi. Chắc hẳn anh vui chơi thế cũng mất khá nhiều thời gian rồi đấy. Đã đến lúc phải quan tâm đến cuộc sống một cách nghiêm túc – cuộc sống *của chúng ta* chứ anh Martin, cho đến nay anh mới chỉ nghĩ đến cuộc sống của riêng anh.”

“Em muốn anh đi làm ư?” Gã hỏi.

“Vâng. Ba đã cho...”

“Anh hiểu tất cả những điều đó.” Gã ngắt lời. “Nhưng điều anh muốn biết là em đã mất lòng tin ở anh rồi chẳng?”

Nàng yên lặng nắm lấy tay gã, mắt mờ đi.

“Vâng, ở việc viết lách của anh, anh thân yêu,” nàng khe khẽ thú nhận.

“Em đã đọc nhiều bài của anh viết,” gã sáng giọng nói tiếp. “Em nghĩ thế nào về những bài

viết đó? Có thật là hoàn toàn tuyệt vọng không? So sánh với những bài của người khác thì sao?”

“Nhưng họ bán được tác phẩm của họ, còn anh thì... không.”

“Nói thế là chưa trả lời câu hỏi của anh. Em có nghĩ rằng văn chương không phải là năng khiếu của anh không?”

“Thế thì em sẽ trả lời câu hỏi của anh.” Nàng ráng cứng cổ nói. “Em nghĩ rằng anh không phải sinh ra để viết văn. Tha lỗi cho em, anh thân yêu. Anh buộc em phải nói điều đó. Anh biết rằng em còn hiểu biết về văn chương nhiều hơn anh.”

“Phải, em đã có bằng tú tài văn chương,” gã trả lời, vẻ trầm ngâm, “hắn là em phải hiểu biết hơn chứ?”

“Nhưng còn nhiều điều phải nói,” gã tiếp tục sau một lát im lặng nặng nề cho cả hai. “Anh biết anh có cái gì trong anh, không ai có thể biết cái đó rõ hơn anh. Anh biết anh sẽ thành công. Nhất định anh không chịu lùi bước. Anh thấy hùng hực bốc lửa tất cả những cái anh cần phải viết ra thành thơ thành truyện, thành những bài luận văn. Dù sao, anh cũng không đòi hỏi em tin ở cái đó. Anh không đòi hỏi em tin ở anh, tin ở những sáng tác của anh. Cái mà anh đòi hỏi là em yêu anh và tin ở tình yêu.

“Một năm trước đây, anh đã nói hãy để cho anh hai năm. Còn một năm nữa cơ mà. Với cả danh dự, cả tâm hồn, anh tin chắc rằng trước khi hết thời hạn hai năm, nhất định anh sẽ thành công. Chắc em còn nhớ những điều em đã nói với anh cách đây đã lâu là anh phải qua thời kỳ tập sự trong nghề viết văn. Ừ, thì anh đã qua thời kỳ tập sự đó. Anh đã miệt mài nhồi nhét, thu nhập cô đúc. Có em chờ ở cuối chặng đường thì không bao giờ anh nao núng. Em có biết không, đã từ lâu anh không biết thế nào là một giấc ngủ êm đềm. Hình như được ngủ cho đầy giấc và bừng thức dậy sau một giấc ngủ say đối với anh là một cái gì xa xưa từ mấy ngàn năm trong quá khứ. Bây giờ anh luôn luôn thức dậy theo tiếng chuông đồng hồ báo thức. Dù đi ngủ sớm hay muộn, anh cũng phải để giờ báo thức đúng qui định. Việc đó cùng với việc tắt đèn là những hành động có ý thức cuối cùng trong ngày của anh.

“Khi bắt đầu buồn ngủ, anh đổi cuốn sách khó hiểu nặng nề, đọc một cuốn nhẹ nhàng hơn. Khi anh gà gât buồn ngủ, anh lấy những đốt ngón tay đâm vào đầu để xua đuổi giấc ngủ đi. Anh có đọc ở đâu đó về một người sợ ngủ. Kipling đã viết truyện này. Người đó cầm một cái đinh thúc thế nào đó để khi anh ta gà gât ngủ thì mũi đinh bằng sắt ấy lại đâm ngay vào chỗ cơ thể dễ trần của mình. Anh cũng làm như vậy. Anh nhìn đồng hồ và quyết định phải thức làm việc cho đến nửa đêm, một giờ sáng, hai giờ, ba giờ rồi mới được cất đinh đi. Và thế là nó bắt anh phải tỉnh cho đến hết giờ quy định. Mũi đinh thúc ấy là bạn cùng giường với anh nhiều tháng nay rồi. Anh làm việc mê mẩn đến nỗi coi việc ngủ những năm tiếng rưỡi một đêm là một điều kỳ khôi. Bây giờ anh chỉ ngủ có bốn tiếng. Lúc nào anh cũng đói ngủ. Có những lúc đầu anh như loãng ra menh mang vì thiếu ngủ. Có những lúc cái chết thực sự đã quyến rũ anh với giấc ngủ và sự nghỉ ngơi vĩnh viễn: có những lúc tâm trí anh bị ám ảnh bởi những dòng thơ của Longfellow:

Biển cả trầm lặng và thăm sâu

Muôn vật dưới đáy sâu im lìm ngủ

Chỉ một bước là xong, xong hết

Lao mình xuống,

Bọt nổi lên, và thế là hết

Tất nhiên, cái đó thật vô lý. Chính là do thần kinh bị căng thẳng, trí óc làm việc quá nhiều. Nhưng vấn đề là: tại sao anh lại làm như vậy? Vì em. Để rút ngắn thời gian tập sự. Để bắt Thành công phải đến nhanh hơn. Và bây giờ anh đã xong thời kỳ tập sự. Anh biết rõ mức trang bị của anh. Anh dám nói rằng anh học một tháng hơn một sinh viên bình thường học cả một năm. Điều đó anh biết chắc và anh dám nói với em thế. Nếu không vì sự cần thiết một cách ghê gớm phải nói ra để em hiểu anh, thì có lẽ cũng chẳng nói ra làm gì. Không phải là khoe khoang. Anh đánh giá kết quả bằng sách vở. Bây giờ các anh em của em chỉ là những kẻ man di ngu dốt nếu dám so sánh họ với anh, với những kiến thức mà anh đã bóp vắt ra được từ những cuốn sách anh đọc trong đêm khuya, lúc họ đang ngủ say. Đã từ lâu, anh luôn hằng ao ước được nổi tiếng. Bây giờ thì anh không cần gì lắm đến tiếng tăm. Cái mà anh cần là em, anh khao khát em hơn khao khát thức ăn, hơn quần áo, hơn tiếng tăm. Anh ước mơ được gối đầu vào ngực em, ngủ một giấc ngủ triền miên hàng thế kỷ, và giấc mơ của anh sẽ thành sự thật trước khi một năm nữa qua đi."

Sức mạnh của gã xô vào người nàng, như sóng cồn, từng đợt từng đợt; và đúng vào lúc mà ý chí của gã đối lập với nàng nhất thì nàng lại cảm thấy bị gã cuốn hút mãnh liệt nhất. Sức mạnh luôn luôn trào ra từ con người ấy choán lấy nàng, giờ đây cuộn cuộn chảy trong giọng nói sôi nổi say sưa, trong đôi mắt sáng ngời, trong sức sống mãnh liệt, trong khí lực của trí tuệ trào dâng trong gã. Và lúc đó, trong giây lát nàng thấy vết nứt rạn trong niềm tin có thể uốn nắn lại được gã, - qua vết nứt rạn ấy nàng nhìn thấy một Martin Eden thực đẹp vô cùng và không gì chiến thắng nổi. Và cũng như những nhà dạy thú, thường có những lúc nghi ngờ, lúc này nàng cũng nghi ngờ không biết sức mạnh của mình có thuần hóa nổi một tâm hồn cuồng nhiệt của một con người như thế này không.

"Và còn điều này nữa," gã nói tiếp. "Em yêu anh. Nhưng tại sao em yêu anh? Cái ở trong anh thôi thúc anh phải viết chính là cái đã làm cho em yêu anh đấy. Em yêu anh vì anh có chút nào khác những người đàn ông mà em biết và có thể đã yêu. Anh sinh ra không phải để ngồi bàn giấy hay trong buồng kế toán, không phải để làm công việc kinh doanh lật vật, tranh giành kiện cáo linh tinh. Bắt anh làm những việc đó, thở hít cái không khí mà họ thở hít, nuôi dưỡng những quan điểm mà họ đã tiêm nhiễm nuôi dưỡng, là em đã hủy diệt sự khác nhau ấy, hủy diệt anh, hủy diệt cái mà em yêu. Niềm ham muốn được viết là điều cốt tử nhất trong anh. Nếu anh chỉ là một cục đất, thì anh không ham muốn được viết mà em cũng chẳng muốn lấy anh làm chồng."

"Nhưng anh đã quên rằng," nàng ngắt lời, óc nhận xét nhạy bén của nàng thoáng ngay một ý đối lại. "Có nhiều nhà phát minh kỳ quặc để cho gia đình phải chết đói trong khi họ mãi mê đi tìm những điều hão huyền không tưởng, như tìm ra động cơ vĩnh cửu. Chắc chắn rằng vợ con họ vẫn yêu thương họ, vẫn phải chịu đựng, nhưng không phải là vì họ mãi mê mà mặc dù họ mãi mê với cái động cơ vĩnh cửu đó."

"Đúng," gã trả lời. "Nhưng cũng có những nhà phát minh không kỳ quặc: họ phải chịu đựng đói khổ trong khi tìm cách phát minh ra những cái rất thực tế, và đôi khi, như người ta đã ghi nhận, họ thành công. Nhất định không phải là anh đi tìm những cái không thể đạt được..."

"Thì anh vừa đã gọi đó là "đạt được những cái không thể đạt được,"" nàng nói thêm vào.

"Đó chỉ là một lời nói bóng. Anh gắng làm những cái mà nhiều người đã làm trước anh - viết và sống bằng những sáng tác của mình."

Sự yên lặng của nàng thúc gã:

“Đối với em, phải chăng mục đích anh đang theo đuổi là một điều hảo huyền, là động cơ vĩnh cửu chẳng?” Gã hỏi.

Gã đọc thấy câu trả lời của nàng trong cái xiết chặt bàn tay – bàn tay của người mẹ hiền thương đứa con đau khổ. Đối với nàng lúc này, gã là một đứa con đau khổ. Một người đang mải mê chiến đấu để đạt được những cái không thể đạt được.

Lúc hai người sắp chia tay, nàng lại nhắc lại sự phản đối của bố mẹ nàng.

“Nhưng em yêu anh chứ?” Gã hỏi và nàng kêu lên.

“Em yêu anh mà! Em yêu anh!”

“Và anh yêu em, chứ không phải yêu ba, mẹ em. Ba, mẹ em không thể làm gì khiến anh đau khổ được.” Đắc thắng vang lên trong giọng nói của gã. “Vì anh tin ở tình yêu của em, anh không sợ thái độ thù ghét của ba, mẹ em. Tất cả mọi việc trên đời đều có thể làm lạc trôi tình yêu. Tình yêu không thể nào làm lạc trôi phi yêu đương mà lại yếu hèn kiệt sức, vấp ngã trên đường.”

CHƯƠNG 31

Tình cờ, Martin gặp chị Gertrude ở Broadway – cuộc gặp gỡ thật may mắn cho gã, nhưng cũng làm gã hết sức bối rối. Chị nhìn thấy gã trước, trong khi chị đang đứng đợi xe ở góc phố. Chị nhận thấy ngay nét đói khát thèm thuồng trên khuôn mặt, vẻ thất vọng ưu tư trong con mắt gã. Quả thật, gã đang thất vọng và ưu tư. Gã vừa ở hiệu cầm đồ ra sau khi nói chuyện với chủ hiệu chẳng có kết quả gì. Gã cố điều đình vay thêm một món tiền tính vào chiếc xe đạp. Tiết thu lầy lội đã tới, Martin đã đem cầm chiếc xe đạp cách đây ít bữa và giữ lại bộ quần áo đen.

Lão chủ đã biết rõ từng thứ đồ đạc của gã, nên trả lời:

“Nhưng anh còn bộ quần áo đen cơ mà. Đừng có nói là anh đã đem cầm cho thằng cha Do Thái Lipka rồi nhé. Vì nếu anh đã...”

Trông lão có vẻ hăm dọa, gã vội kêu lên:

“Không, không. Tôi vẫn còn giữ ở nhà. Nhưng hiện nay tôi cần mặc nó có việc.”

“Được,” lão chủ đáp, thái độ đã bớt hung hăng. “Nhưng tôi cũng có việc cần đến bộ quần áo của anh trước khi cho anh vay thêm tiền. Anh tưởng nhận cầm cho anh tôi khỏe thêm ra đấy à?”

“Nhưng chiếc xe đạp của tôi cũng đáng giá bốn mươi đô la rồi, nó hãy còn tốt.” Martin nài nỉ. “Ông mới đưa tôi có bảy đô la, mà làm gì được bảy, chỉ có sáu đô la hai mươi lăm xu, ông đã khấu trước lãi đi rồi.”

“Nếu anh cần thêm, thì cứ đưa bộ quần áo đến đây.” Chính câu trả lời ấy đã tống gã ra khỏi căn nhà nhỏ bé ngọt ngào của lão chủ hiệu cầm đồ. Gã thất vọng lộ ra mặt khiến chị gã trông thấy cũng phải ái ngại.

Hai người vừa gặp nhau thì xe chạy đường “Đại lộ Điện báo” tới, đỗ lại đón khách đi mua hàng buổi chiều về. Thấy gã nắm chặt lấy cánh tay đỡ chị lên xe, chị Gertrude đoán là Martin không có ý muốn đi theo mình. Đứng trên bậc xe, chị quay lại cúi xuống nhìn gã. Nét mặt hốc hác của gã lại làm cho lòng chị nhói lên.

“Cậu không cùng đi à?” Chị hỏi.

Rồi chị xuống xe, đến bên gã.

“Em đi bộ. Cũng là một cách tập thể dục đấy, chị à,” gã giảng giải.

“Thế thì chị cùng đi với cậu một quãng vậy, có lẽ thế lại dễ chịu hơn, mấy hôm nay chị thấy

trong người không được khỏe.”

Martin đưa mắt nhìn chị và thấy chị nói đúng, cái vẻ lờ lờ thôi lốc thốc, người béo bệu, đôi vai chúc xuống, nét mặt mệt mỏi đầy vết nhăn, bước đi nặng nề, không còn cái dáng mềm dẻo nữa, - cái dáng vốn có của một người tự do và sống hạnh phúc.

“Chị nên dừng lại ở đây thôi,” gã nói, tuy lúc bấy giờ chị cũng đã đứng lại ở góc phố đầu tiên, “để đi chuyển xe sau.”

“Trời ơi, giá mà chị không thấy mệt như thế này!” Chị thở hỗn hển. “Cậu cũng như chị, đi bộ nữa làm sao được với đôi giày cậu đang đi. Nó mòn quá rồi, không chừng chưa đến khu North Oakland nó đã long ra mất.”

“Em còn một đôi nữa tốt hơn để ở nhà.”

“Mai đến chị ăn cơm nhé?” Chị mời, vụng về. “Higginbotham không có nhà đâu. Anh ấy có việc phải đi San Leandro.”

Martin lắc đầu; nhưng nghe nói đến mời ăn, gã không thể nào ngăn được và thêm khát dữ dội lóe lên trong mắt anh.

“Mart à, cậu không còn tiền, nên mới phải cuốc bộ chứ tập thể dục gì?” Chị cố khịt khịt khinh bỉ, nhưng chỉ thốt ra được một tiếng khịt khịt khe khẽ. “Nào để chị xem...”

Và, thò tay vào lục túi, chị lấy ra một đồng năm đô la ấn vào tay gã và ngập ngừng nói: “Chị quên dứt đi mất ngày sinh nhật vừa rồi của cậu, Mart à...”

Tay gã tự nhiên nắm chặt lấy đồng tiền. Nhưng cùng lúc đó gã thấy rằng không nên nhận, lòng gã day dứt trong nỗi dằn vặt lương tâm. Đồng tiền vàng nhỏ bé này là thức ăn, là sự sống, là ánh sáng cho cơ thể và trí óc gã, là sức mạnh giúp gã viết tiếp, và biết đâu? Có thể viết được một cái gì đó mang lại cho gã nhiều đồng tiền vàng. Rõ ràng trong trí tưởng tượng của bưng sáng lên tập bản thảo hai bài luận văn gã vừa mới viết xong. Gã nhìn thấy chúng ở dưới gầm bàn ngay trên đầu đồng bản thảo bị gửi trả về và vì không có tem nên chưa gửi đi. Gã nhìn thấy nhan đề của chúng, đúng như gã đã đánh máy. “Những vị tu sĩ của thần bí,” “Chiếc nôi của cái đẹp.” Những bài này gã chưa gửi cho tạp chí nào. Nó cũng hay như tất cả những bài khác gã viết cùng loại. Nếu như gã có tiền mua tem cho chúng! Một niềm tin chắc chắn ở sự thành công cuối cùng rộn lên trong gã, một bạn đồng minh đặc lực của đói khát, và gã dứt nhanh đồng tiền vào túi.

“Em sẽ trả lại chị, chị Gertrude, - trả lại chị một trăm lần hơn,” gã nghen ngào, cổ họng se lại, đau đớn mắt thoáng ướt. “Chị cứ nhớ lời em!” Gã bỗng nói to quả quyết. “Trước khi hết năm, nhất định em sẽ đặt vào tay chị một trăm đồng tiền vàng như thế này. Em không đòi chị phải tin em. Chị chỉ cần đợi và sẽ thấy.”

Mà chị cũng không tin ở gã thực, sự không tin đó làm cho chị lúng túng, không biết nói thế nào cho tiện, chị chỉ bảo gã:

“Chị biết là cậu đói lắm, Martin à. Đói nó lộ cả ra người. Lúc nào muốn lại đăng chị ăn thì cậu cứ lại. Chị sẽ cho một cháu đến báo cậu những khi nào anh Higginbotham đi vắng. À mà Mart này...”

Gã đợi chị nói tiếp tuy trong thâm tâm gã cũng đã biết chị định nói gì. Ý nghĩ của chị về gã đã rõ quá rồi.

“Thế cậu không nghĩ đến lúc phải kiếm lấy một việc làm à?”

“Thế chị không tin là em sẽ thành công hay sao?” Gã hỏi lại.

Chị lắc đầu.

“Không ai tin ở em cả, chị Gertrude ạ, trừ em.” Giọng nói của gã chống đối một cách gay gắt. “Em đã viết được những tác phẩm tốt, nhiều tác phẩm tốt và sớm muộn thế nào cũng bán được.”

“Sao em biết là tốt?”

“Vì...” Gã ngập ngừng, cả cái lĩnh vực văn chương và văn học sử mệnh mông bát ngát rộn lên trong trí óc gã, chỉ cho gã thấy rằng đem trình bày những lý lẽ để bênh vực niềm tin của gã với chị lúc này là vô ích. “À, vì nó còn hay hơn chín mươi phần trăm những bài đã được đăng trên các tạp chí.”

“Chị mong rằng cậu nên nghe theo lẽ phải.” Chị trả lời yếu ớt, nhưng vẫn tin chắc rằng sự suy nghĩ của mình về những cái đang dày vò gã là không sai. “Chị mong rằng cậu nên nghe theo lẽ phải.” Chị nhắc lại. “Mai lại đăng chị ăn cơm nhé!”

Sau khi Martin đã đưa chị lên xe, gã vội chạy đến nhà bưu điện, lấy ba trong số năm đô la đó mua tem. Và ngay buổi chiều hôm ấy, trên con đường đến nhà Ruth, gã đứng lại ở nhà bưu điện, vào cân một loạt những phong bì dài, dày cộm, dán tất cả số tem vừa mua chỉ để lại có ba cái loại hai xu.

Đối với Martin, buổi tối hôm đó là một buổi tối đáng ghi nhớ vì sau bữa ăn gã đã gặp Russ Brissenden. Vì một sự tình cờ nào mà anh ta đến đây, anh ta là bạn của ai, ai đưa anh ta đến, Martin đều không rõ. Gã cũng không có ý tò mò hỏi Ruth về anh ta. Tóm lại, gã chỉ thấy ở Brissenden, một anh chàng xanh xao, thiếu máu, có vẻ ngớ ngẩn, thể thôi, và ngay sau đó gã không để ý gì tới anh ta cả. Một giờ sau, gã thấy Brissenden là một gã thô kệch nữa với cái cung cách cứ đi vờ vẩn hết phòng này sang phòng khác, ngắm nghía những bức tranh, hoặc dí mũi vào những quyển sách hay những tạp chí anh ta nhặt được ở trên bàn, hay lấy ở giá xuống. Tuy là một người khách lạ đối với gia đình, nhưng, cuối cùng anh ta vẫn tách mình ra khỏi đám đông khách khứa, ngồi cách biệt trong một chiếc ghế bành kiểu Morris, chăm chú đọc một cuốn sách mỏng rút ở túi ra. Vừa đọc, anh ta vừa lơ đãng đưa ra những ngón tay lên vuốt nhẹ mái tóc. Buổi tối hôm ấy Martin cũng không để ý gì thêm tới anh ta, chỉ trừ có một lần gã thấy anh ta nói chuyện bông đùa với mấy bà trẻ tuổi có vẻ rôm rả lắm.

Tình cờ khi Martin ra về, anh gặp Brissenden lúc này đã đi được nửa quãng đường ra phố.

“Chào cậu, cậu đấy hả?” Martin nói.

Anh ta trả lời bằng một tiếng ầm ừ không lấy gì làm lịch sự lắm, nhưng cũng bước lại đi bên cạnh gã, Martin cũng không gọi chuyện thêm, và hai người cố yên lặng đi như thế qua mấy dãy nhà liền.

“Thật là đồ lừa già huênh hoang!”

Lời nói mỉa mai cay độc bất chợt của anh ta làm cho Martin sửng sốt. Gã cảm thấy hay hay, nhưng đồng thời gã cũng thấy không thích cái anh chàng này.

“Cậu đến một nơi như thế để làm gì?” Brissenden thỉnh linh ném câu hỏi ấy vào mặt gã sau khi yên lặng đi qua thêm một dãy nhà nữa.

“Thế tại sao cậu cũng đến đây?” Martin hỏi lại.

“Lạy chúa, tớ cũng không biết nữa. Ít nhất đó cũng là một hành động thiếu suy nghĩ đầu tiên của tớ. Mỗi ngày có những hai mươi bốn tiếng đồng hồ và bằng cách này cách khác, phải làm gì cho hết ngày chứ. Đi uống cái gì với tớ đi.”

“Được thôi,” Martin trả lời.

Ngay sau đó, gã rất lúng túng tại sao lại có thể nhận lời vội vã thế được. Còn rất nhiều việc đợi gã ở nhà, phải thanh toán một số bài lặt vặt trước khi đi ngủ. Và vào giường rồi còn cuốn của Weismann^[91] đang đợi, ấy là chưa kể tập “tự thuật”^[92] của Herbert Spencer, một tác phẩm đối với gã cũng đầy những tình tiết lãng mạn chẳng kém gì một cuốn tiểu thuyết rung cảm. Tại sao lại đem tiêu phí thời gian một cách vô ích với một người mà gã không thích? Gã nghĩ thầm. Tuy nhiên, ai mời hay uống gì không phải là điều quan trọng mà chính là cái không khí quanh bàn rượu ánh đèn rực rỡ, những tấm gương, những dây cốc sáng lóe, những bộ mặt bừng bừng rạng rỡ và tiếng nói vang vang của những con người. Chính cái đó, chính tiếng nói của những con người, những con người lạc quan yêu đời, những con người đã thành công và đem tiêu xài tiền kiếm được vào rượu mạnh như những con người. Gã lẽ loi quá, tâm trạng gã là như thế, và vì thế, khi Brissenden mời, gã nhận lời ngay như một con cá giắc vội đón mảnh giẻ trắng buộc ở đầu lưỡi câu. Từ ngày còn sống với Joe ở Shelly Hot Springs đến nay, chỉ trừ có một lần gã uống rượu vang với lão chủ hiệu thực phẩm người Bồ Đào Nha, gã chưa hề bước chân vào tiệm rượu một lần nào. Sự mệt mỏi về tinh thần không đòi hỏi người ta phải dùng đến rượu mạnh như sự mệt mỏi về thể xác, và vì thế gã không cảm thấy cần phải uống. Nhưng bây giờ tự nhiên gã thấy thèm rượu, hay đúng hơn gã thấy thèm cái không khí của một nơi sẵn có rượu để uống. Không khí ấy có ở tiệm Grotto, nơi mà gã và Brissenden ngồi ngả người ra trong chiếc ghế da rộng, uống whiskey pha soda.

Hai người nói chuyện. Họ nói về nhiều vấn đề và lúc lúc lại thay lượt nhau gọi whiskey và soda. Martin vốn là một tay rượu cừ thế mà cũng phải ngạc nhiên trước tử lượng của Brissenden. Thỉnh thoảng, đang uống, gã phải ngừng lại, rất thán phục những ý kiến của anh ta trong câu chuyện. Chẳng cần lâu la gì gã thấy rõ ngay Brissenden là người am hiểu mọi điều và gã cho rằng đây là một người trí thức thứ hai mà gã được gặp. Nhưng gã nhận thấy ở Brissenden có những cái mà giáo sư Caldwell thiếu – đó là ngọn lửa, đó là sự minh mẫn, sự nhạy cảm sắc bén, ngọn lửa của thiên tài rừng rực cháy không gì kiềm chế được. Từ trong cơn người anh ta lời nói sinh động trào ra. Đôi môi mỏng của anh, như những bàn đập của một cái máy làm bật ra những câu nói sắc nhọn, xuyên thẳng vào lòng người, hay là ve vuốt giữ lại cái âm thanh mới thoát ra trong cổ họng, đôi môi mỏng ấy nói lên những lời êm nhẹ mượt như nhung, những lời dịu dịu của ánh sáng, của hào quang, của cái đẹp vương vấn phản ánh tất cả cái bí mật, cái khôn cùng của cuộc sống, nhưng cũng vẫn đôi môi mỏng ấy có lúc lại như chiếc kèn đồng, vang lên những tiếng hỗn độn, dồn dập, xô xát của cuộc vật lộn trong vũ trụ, những lời nói trong như tiếng hạc, ngời sáng như bầu trời đầy sao, thấu tóm được tất cả lời nói cuối cùng của khoa học và còn hơn thế nữa – đó là lời nói của nhà thơ, một chân lý cao xa bay bổng không sao nắm được, khó có thể diễn đạt bằng lời; ấy thế nhưng bằng những lời lẽ thông thường nhưng không kém tinh vi, anh vẫn nói lên được ý nghĩa sâu sắc của nó. Nhờ có một trí tưởng tượng kỳ diệu, anh đã nhìn quá xa nơi tiền đồn xa xôi nhất của kinh nghiệm chủ nghĩa, nơi mà không một ngôn ngữ nào có thể tả lại được, nhưng nhờ có tiếng nói thần kỳ trác tuyệt,

dùng những từ rất quen biết để diễn đạt những ý xa lạ, anh đã làm cho Martin nhận thức thấy những vấn đề mà những tâm hồn bình thường không sao hiểu nổi.

Martin quên hẳn cảm tưởng ban đầu không ưa Brissenden. Đây chính là những điều hay nhất mà sách vở có thể hiển cho gã đã thành sự thật. Đây chính là trí tuệ, là một con người sống để gã ngưỡng vọng. “Tôi quý sát đất dưới chân anh,” Martin cứ nhắc đi nhắc lại hoài câu nói đó.

“Chắc cậu có nghiên cứu sinh vật học,” Martin hỏi to, câu hỏi hàm ý nghĩa.

Nhưng gã ngạc nhiên thấy Brissenden lắc đầu.

“Nhưng những chân lý anh vừa nói ra chỉ có sinh vật học mới có thể chứng minh được,” Martin gắng hỏi và được đáp lại bằng cái nhìn bối rối. “Những kết luận của anh giống như những kết luận trong các sách mà hẳn là anh đã đọc.”

“Tớ rất sung sướng được nghe điều này,” Brissenden trả lời. “Việc cái kiến thức nông cạn của tớ đã cho tớ rút ngắn được con đường tới chân lý làm tớ vững dạ lắm. Còn đối với tớ, thì không bao giờ tớ quan tâm khám phá xem tớ đúng hay sai. Dù sao cũng có giá trị gì đâu. Con người không bao giờ có thể biết được những chân lý cuối cùng.”

“Cậu đích là môn đệ của Spencer rồi!” Martin kêu lên một cách đắc thắng.

“Tớ không hề đọc ông ta từ hồi bước vào tuổi thanh niên, trước đó tớ chỉ đọc mỗi cuốn “Giáo dục học”[\[93\]](#) của ông ta.”

“Tớ cũng chỉ mong sao xây dựng được vốn tri thức cho mình một cách dễ dàng như vậy.” Một lúc sau, Martin nói thốt ra. Gã gắng phân tích kỹ cái vốn trang bị tinh thần của Brissenden. “Câu chỉ là một người vô đoán, và chính điều đó mới làm cho nó thật kỳ lạ. Cậu khẳng định một cách vô đoán tất cả những chân lý cuối cùng mà khoa học chỉ có thể xác nhận được qua phương pháp thực nghiệm. Cậu nhảy vọt tới những kết luận đúng đắn. Quả thật cậu đã rút ngắn được con đường một cách phi thường. Bằng tốc độ của ánh sáng, với khả năng suy luận siêu phàm, cậu đã tìm thấy con đường tới chân lý.”

“Đúng, và chính cái đó cũng thường đã làm cho cha Joseph và thầy dòng Dutton băn khoăn,” Brissenden trả lời. “Ồ, nhưng mà không,” anh nói thêm. “Tớ chẳng là cái thá gì cả. Cũng là do số may tớ được gửi vào học trong một trường đạo. Thế những điều cậu hiểu biết, cậu thu nhặt được ở đâu?”

Và trong khi kể lại quá trình học tập của mình, Martin vẫn chăm chú nhìn Brissenden từ khuôn mặt dài, gầy, có vẻ quý phái đến đôi vai xuôi thông, nhìn cái áo bành tô vắt trên chiếc ghế bên cạnh, túi áo phình ra, xệ xuống vì trong chứa đầy sách. Mặt Brissenden, và đôi bàn tay dài thon thon của anh bị rám nắng – rám nắng một cách quá đáng, Martin nghĩ thầm. Nước da rám nắng ấy làm cho Martin băn khoăn. Chắc hẳn Brissenden không phải là một người sống ở ngoài trời lang thang đây đó, thế thì tại sao nước da của anh lại bị ánh mặt trời tàn phá như thế kia? Có một cái gì bệnh hoạn và có ý nghĩa kín đáo trong cái nước da rám nắng ấy – Martin thầm nghĩ khi gã lại ngược nhìn khuôn mặt gầy choắt, gò mà cao, má hóp sâu được tôn lên bằng một cái mũi hơi khoằm, một cái mũi thanh thanh và đẹp gã chưa từng thấy. Mắt anh ta không có gì đáng chú ý, không to mà cũng không nhỏ với một màu nâu khó tả; nhưng trong cặp mắt sâu ấy âm ỉ cháy một ngọn lửa, hay nói đúng hơn ẩn một vẻ gì có tính chất hai mặt trái ngược nhau một cách lạ kỳ. Nó có vẻ thách thức, bướng bỉnh, dữ tợn đến ghê gớm nữa, nhưng đồng thời nó cũng gợi niềm thương xót. Martin thấy thương anh ta không hiểu vì sao; nhưng mà rồi gã cũng sớm rõ.

“Ồ, tớ là một thằng bị bệnh phổi,” Brissenden nói thẳng, không giấu giếm, ngay một lát sau đó, sau khi đã cho Martin hay, là anh vừa ở Arizona về. “Tớ phải xuống đó sống ở cái khí hậu ấy liền hai năm.”

“Cậu không sợ liệu về sống với khí hậu ở đây à?”

“Sợ?”

Brissenden không có ý gì nhấn mạnh đặc biệt vào việc nhắc lại từ Martin dùng; nhưng Martin thấy ngay trên nét mặt khắc khổ của anh ta hiện lên vẻ như muốn nói không có cái gì đáng sợ cả. Cặp mắt anh ta nheo lại cho đến khi trông như mắt chim đại bàng, và Martin gần như nín thở khi gã nhận thấy cái mũi đại bàng với hai lỗ mũi nở to ra, thách thức, quả quyết, ngang tàng. Đẹp thật, gã nghĩ thầm và máu gã rạo rực. Gã ngâm to:

Mặc cho búa số mệnh nện phũ phàng

Đầu ta chảy máu, nhưng không bao giờ cúi[\[94\]](#)

“Cậu thích Henley,” Brissenden nói, thái độ của anh ta bỗng đổi ra dịu dàng, ôn hòa. “Tất nhiên, mình không thể đợi cái gì khác ở cậu được. Ôi Henley! Một tâm hồn dũng cảm. Anh ta nổi bật lên giữa bọn thợ ghép vắn hiện tại – bọn thợ ghép vắn của các tạp chí, chẳng khác gì một võ sĩ đấu bò nổi bật lên giữa đám hoạn quan.”

“Cậu không ưa các tạp chí?” Martin thấp giọng, trách.

“Thế cậu ưa à?” Brissenden vặn lại, gay gắt, làm Martin giật mình.

“Tớ... tớ viết, hay nói đúng hơn tớ đang thử viết cho các tạp chí.” Martin ngập ngừng.

“Thế là hơn,” Brissenden đã dịu đi, trả lời “Cậu thử viết nhưng cậu không thành công. Tớ kính trọng và khâm phục sự thất bại của cậu. Tớ biết là cậu viết cái gì. Chỉ cần liếc mắt qua cũng biết rồi; có một cái chất làm cho nó không lọt được vào cửa các tạp chí. Đó chính là cái dũng khí, mà các tạp chí thì không quen với cái món hàng đặc biệt đó. Họ cần những cái gì yếu đuối, ủy mị cơ, và họ tìm thấy cái ấy ở đâu, có trời biết, nhưng nhất định không phải ở cậu.”

“Tớ không vượt xa hơn được những bài lật vặt,” Martin đáp lại.

“Trái lại...” Brissenden ngừng một lát, đưa cặp mắt xắc xược nhìn cái bề ngoài nghèo khổ của Martin, từ cái ca-vát tàng tàng đến cái cổ áo sờn rách, từ cái ống tay áo nhả bóng đến cái cổ tay lộ chỉ, rồi lại ngược nhìn chằm chằm vào đôi má hõm sâu của gã. “Trái lại, những bài lật vặt vượt xa tài năng của cậu đến nỗi cậu không hy vọng gì với tới được chúng đâu. Này anh bạn, tớ có thể sỉ nhục cậu bằng cách mời cậu đi chén một chút gì đi.”

Martin bất giác thấy mau dần lên mặt nóng bừng: Brissenden cười lớn vẻ đắc thắng.

“Một người no đủ không bao giờ lại cho là bị sỉ nhục vì một lời như vậy,” anh ta kết luận.

“Cậu ác quá!” Martin kêu lên, bực bội.

“Mà nào tớ đã mời cậu đâu?”

“Cậu không dám...”

“Cái đó tớ không biết, còn xem đã. Thế bây giờ tớ mời cậu nào.”

Brissenden vừa nói vừa nhấp nhồm đứng dậy, dường như anh ta có ý định đi đến tiệm ăn ngay lúc đó.

Tay Martin nắm chặt lại, mạch máu gã đập thành thịch ở hai bên thái dương.

“Này cẩn thận! Nó nuốt sống chúng mày đấy! Nó nuốt sống chúng mày đấy!” Brissenden hét to lên, bắt chước tiếng hét ông bầu của một anh chàng ăn thịt rắn nổi tiếng trong vùng.

“Chắc chắn là tớ có thể ăn sống, nuốt tươi được cậu,” Martin nói, và cũng đưa cặp mắt xấc xược nhìn từ đầu đến chân cái thân hình bị bệnh tật tàn phá của Brissenden.

“Chỉ có điều là tớ không đáng để cậu ăn thôi.”

“Trái lại,” Martin gật gù. “Chỉ vì chưa đúng lúc đấy thôi,” gã phá lên cười, thân mật, thẳng thắn. “Nói thật, cậu đã coi tớ như một thằng xuẩn ngốc, Brissenden ạ. Tớ đói và cậu biết là tớ đói, thì đó cũng chỉ là một hiện tượng bình thường, có gì là nhục nhã đâu. Cậu thấy không, tớ coi thường tất cả những lễ thói đạo đức nhỏ nhặt của người đời, ấy thế mà cậu mới nói có một từ rất đúng, rất thật, tớ đã lập tức thấy rõ mình là kẻ nô lệ của chính những lễ thói đạo đức nhỏ nhặt ấy.”

“Cậu nghĩ cậu bị sỉ nhục đấy à?”

“Lúc này, tớ có thấy như thế thật. Những định kiến của thời còn ít tuổi, cậu biết đấy. Tớ học được những điều đó hồi còn ít tuổi. Giờ đây đôi khi vẫn còn rơi rớt chút ít. Một thứ bảo tàng trong phòng kín của mình.”

“Thế bây giờ cậu đã cất kỹ chúng đi rồi chứ?”

“Chắc chắc là kỹ rồi!”

“Chắc chứ?”

“Chắc!”

“Nếu vậy thì chúng ta hãy đi chén một chút gì đi!”

“Ừ, tớ theo cậu,” Martin trả lời, gã định dùng số tiền lẻ còn lại ở hai đô la sẽ trả tiền whiskey và soda, nhưng Brissenden nhất định bắt người hầu bàn phải để lại số tiền đó trên bàn. Martin đành nhăn mặt cầm lấy đút vào túi; vừa lúc đó gã cảm thấy bàn tay thân mật của Brissenden đặt lên vai mình.

CHƯƠNG 32

Ngay buổi chiều hôm sau, Maria rời rít lên tiếp đón người khách thứ hai của Martin. Nhưng lần này chị không đến nổi mụ mẫm như lần trước, chị đã mời Brissenden vào ngồi trong phòng khách của chị, thái độ vẻ hết sức tôn kính.

“Hy vọng là cậu không lấy làm phiền vì tớ đến thăm chứ?” Brissenden bắt đầu.

“Không, không, không hề gì,” Martin trả lời, vừa bắt tay, vừa ra ý mời anh ta ngồi xuống cái ghế độc nhất, còn gã thì đi về phía giường. “Nhưng làm sao mà cậu biết được chỗ ở của tớ?”

“Gọi đây nói hỏi nhà Morse. Cô Morse trả lời. Và thế là tớ lên đây.” Brissenden rút ở túi áo ra một cuốn sách mỏng, vút lên bàn. “Có cuốn sách này của một nhà thơ, cậu đọc đi và giữ lấy.” Và khi thấy Martin từ chối, anh ta nói luôn: “Tớ giữ sách làm cái gì? Sáng hôm nay tớ lại bị thổ huyết. Cậu có whiskey không? Không hả, tất nhiên rồi. Đợi tớ một lát.”

Gã đứng dậy đi ra. Martin nhìn theo cái thân hình cao gầy bước xuống bậc hè bên ngoài; và khi quay lại đóng cửa, gã nhìn thấy rõ đôi vai trước khi hãn rộng và to, bây giờ so rúm lại trên cái lồng ngực hom hem vì bệnh tật; lòng gã đau nhói lên. Martin sắp sẵn hai cốc to, giở cuốn sách ra đọc; đó là tuyển tập thơ mới nhất của Henry Vaughn Marlow.

“Không có rượu Scotch,” Brissenden trở về nói. “Thằng ăn mày chỉ bán whiskey Mỹ thôi. Nhưng mà cũng mua một phần tư lít đấy!”

“Để tớ bảo một cháu đi mua cho mấy quả chanh về pha toddy,” [95] Martin nói.

“Không biết một cuốn như thế này, Marlow được độ bao nhiêu tiền?” Gã nói tiếp, tay giơ cuốn sách lên có ý hỏi.

“Có thể được năm mươi đô la,” Brissenden trả lời. “Nhưng cũng phải là may hăn mới lĩnh được số tiền ấy hay cây cọc được nhà xuất bản nó liều mạng in cho.”

“Nếu thế thì làm thơ không sống được à?” Cả giọng nói và nét mặt Martin đều lộ vẻ thất vọng.

“Nhất định là không rồi. Có thằng nào điên mới hy vọng chuyện đó. Làm về thì sống được đấy. Như bọn Bruce, Virginia Spring, và Sedgwick, chúng sống đường hoàng. Còn thơ thì... Cậu có biết Vaughn Marlow kiếm sống như thế nào không? Dạy học ở một cái lớp luyện thi cho bọn trẻ con ở Pennsylvania; trong những công việc làm tư nhỏ nhoi khổ nhọc thì một việc như thế là hết mức đấy. Dù anh ta còn sống được năm mươi năm nữa, tớ cũng chẳng đánh đổi lấy địa vị của anh ta. Ấy thế mà tác phẩm của anh ấy nổi bật lên giữa đồng thơ của bọn thợ ghép văn hiện tại, chẳng khác chi một hòn ngọc quý giữa những củ cà rốt. Thế nhưng chúng nó phê phán anh ấy ghê lắm đấy! Thật khốn khiếp cả bọn chúng nó, lũ ngu xuẩn!”

“Nhiều kẻ không biết viết lách gì đã viết quá nhiều về những người viết thực sự,” Martin nói

thêm vào. “Chà, tớ phát khiếp lên vì số lượng quá nhiều của những bài rơm rác phê bình Stevenson và tác phẩm của ông.”

“Lũ quỷ, lũ hút máu,” Brissenden nói gay gắt giữa hai hàm răng nghiến lại. “Đúng, tớ biết rõ lũ vô lại ấy. Chúng hòa nhau chỉ trích ông ta một cách đặc ý về bức thư của ông viết gửi cho Damien, chúng phân tích, chúng đánh giá ông.”

“Lấy thước đo của con người vô giá trị của chúng để đo ông ta,” Martin nói.

“Đúng thế, nói hay lắm, chúng nó ba hoa tán dóc, bôi bẩn chân, thiện, mỹ rồi vỗ vỗ vào vai ông ta mà nói: “Con chó khá lắm. Trung thành lắm! Mẹ khỉ, một lũ khướu ba hoa. Richard Realf[96] đã gọi chúng nó như thế đêm hôm ông ta mất.”

“Lấy mỏ mỗ sao trên trời,” Martin sôi nổi nói. “Chỉ trích ánh sao băng của các bậc thầy. Đã có lần tớ đã viết bài chửi cho bọn chúng một trận - bọn phê bình, nhất là bọn duyệt bài.”

“Đưa tớ xem,” Brissenden háo hức giục.

Martin lôi ra một bản sao đánh máy tập “Mảnh sao.” Brissenden vừa đọc, vừa cười khúc khích, quên cả uống rượu, hai tay cứ xoa xoa vào nhau.

“Tớ thấy rõ chính cậu cũng là một mảnh sao, bị ném vào cái thế giới toàn những thần lùn giữ của, đầu đội mũ thầy tu, không nhìn thấy gì hết.” Anh ta bình luận sau khi đọc xong. “Nhất định tờ tạp chí đầu tiên nhận được bài cậu gửi đến hẳn phải vỗ lấy đống ngay, có đúng không nào?”

Martin lật giở những trang trong quyển sổ ghi ra và nói:

“Nó đã bị hai mươi bảy tạp chí gửi trả về đấy.”

Brissenden định cười một hồi dài, sáng khoái, nhưng tiếng cười của anh bị ngắt quãng vì một cơn ho rũ rượi.

“Này, cậu chẳng cần phải nói với tớ là cậu đã không thử làm thơ,” anh ta nói hỏn hển, “hãy cho tớ xem một vài bài thơ của cậu.”

“Đừng đọc bây giờ vội,” Martin khẩn khoản. “Tớ muốn được nói chuyện với cậu. Tớ sẽ gói một bọc và cậu có thể mang về nhà.”

Lúc ra về Brissenden mang theo cả tập “Thơ tình” và bài “Nàng tiên và viên ngọc.” Hôm sau, anh ta trở lại chào Martin bằng câu:

“Tớ muốn đọc thêm nữa!”

Không những anh khẳng định Martin là một nhà thơ, mà Martin còn biết rằng Brissenden cũng là một nhà thơ. Martin bị cuốn đi trong những lời thơ của anh và rất ngạc nhiên tại sao Brissenden chưa hề gửi những tác phẩm của mình để xuất bản.

“Ôn dịch bắt hết bọn xuất bản chúng đi!” Brissenden trả lời khi Martin tình nguyện đem bán những tác phẩm ấy giúp anh. “Hãy yêu cái đẹp! Vì cái đẹp!” Anh khuyên. “Hãy để mặc các tờ tạp chí đấy. Hãy quay về với những con tàu, với biển cả của cậu, Martin Eden à, đó là lời tớ

khuyên cậu. Cậu cần gì trong những thành phố ốm yếu, thối nát của những con người. Mỗi ngày cậu lãng phí ở những nơi đó, là cậu tự cắt cổ mình, đem đánh đi cái đẹp vì nhu cầu của tạp chí. Hôm nọ cậu đã trích dẫn một câu gì cho tớ nghe nhỉ? À, phải rồi “Người, con phù du cuối cùng của loài phù du, thì cần chi đến danh tiếng?” Cậu có được tiếng tăm chẳng nữa, thì cũng chỉ là thuốc độc đối với cậu thôi. Tớ nói thật, cậu quá giản đơn, quá chân thực, quá duy lý, không thể nào mở mày mở mặt được trong cái đám bùn sệt ấy đâu. Tớ mong rằng cậu không bao giờ đem bán một dòng thơ nào cho các tạp chí. Cái đẹp là người thầy duy nhất để phụng sự. Hãy phụng sự nó và mặc thầy đám quần chúng đông đảo! Thành công! Thành công còn ở chỗ quái quỷ nào nữa nếu không phải ở chính ngay trong tập “Thơ tình”, trong những bài thơ về biển, trong bài sonnet về Stevenson của cậu, một bài còn hay hơn cả “U linh” của Henley.

“Không phải là thành công trong công việc làm mới tìm thấy niềm vui, mà niềm vui ở ngay chính trong công việc làm đó. Cậu không thể giải thích với tớ được. Tớ biết rõ như vậy, cậu biết rõ như vậy. Cái đẹp làm cho cậu đau đớn. Đó là một nỗi đau đớn triền miên trong cậu, một vết thương không bao giờ lành, một con dao lửa. Tại sao cậu cứ phải loanh quanh với các tạp chí làm gì? Hãy lấy cái đẹp làm mục đích của đời cậu. Tại sao cậu cứ phải biến nó thành vàng? Dù sao cậu cũng không thể làm được việc đó, vì thế, cũng chẳng cần tớ phải băn khoăn về chuyện này làm gì. Cậu có thể đọc các tạp chí hàng trăm, hàng ngàn năm mà vẫn không thể thấy có gì giá trị như một dòng thơ của Keats [\[97\]](#). Hãy bỏ tiếng tăm, tiền tài đấy, hãy bỏ hết và ngày mai xuống một con tàu nào đó mà quay về với biển cả của cậu.”

“Không phải vì tiếng tăm mà vì tình yêu.” Martin cười. “Hình như tình yêu không có chỗ đứng trong vũ trụ của cậu. Trong vũ trụ của tớ, cái đẹp là một thị nữ của tình yêu.”

Brissenden nhìn gã vừa thương hại vừa thán phục. “Cậu Martin, cậu còn trẻ lắm, trẻ lắm. Cậu sẽ bay cao, nhưng đôi cánh của cậu là dệt bằng những sợi tơ mịn màng phủ bụi màu rực rỡ nhất. Đừng làm cháy mất đôi cánh của cậu đi. Nhưng tất nhiên cậu đã làm cháy mất nó rồi còn đâu. Tập thơ tình này hẳn phải ca tụng một cái váy huy hoàng nào, và điều đó mới thật là xấu hổ.”

“Nó vừa ca tụng tình yêu cũng như ca tụng cái váy,” Martin cười.

“Triết lý của điên rồ,” Brissenden vặn lại. “Chính tớ cũng đã nghĩ như vậy khi lang thang trong những giấc mơ phiêu diêu. Nhưng hãy dè chừng, những thành phố tư sản này sẽ giết chết cậu đấy. Cậu thử nhìn lại cái sào huyết của bọn phản bội, nơi trước kia tớ đã gặp cậu. Gọi là thối nát, mục rữa cũng chưa đủ. Người ta không thể giữ được sự lạnh mạnh của mình trong một cái không khí như vậy. Thật là sa đọa. Không có một đứa nào trong bọn chúng không sa đọa, tất cả đều chỉ là những cái dạ dày hoạt động, chi phối bởi sự thôi thúc nghệ thuật và tri thức của loài trai hèn...”

Anh bỗng ngừng lời, và nhìn chằm chằm vào Martin. Rồi anh ta vụt đoán ra thấy hết sự việc. Vẻ ngạc nhiên ghê khiếp lộ ra trên nét mặt anh.

“À, thế ra cậu viết “Tập thơ tình” ghê gớm này để tặng cô ta – cô ả xanh xao, dúm dó ấy đấy!”

Lập tức, bàn tay phải của Martin bóp chặt ngay lấy cổ anh ta và lắc cho đến khi hai hàm răng anh ta va vào nhau lập cập. Nhưng Martin nhìn vào cặp mắt anh ta vẫn không thấy một vẻ gì là sợ hãi – Không một vẻ gì khác mà vẫn chỉ là một con quỷ sứ kỳ quái, ngạo nghễ. Martin chợt tỉnh lại, nắm cổ Brissenden rồi buông tay ra, ném anh ta sóng soài xuống giường.

Brissenden thở hắt hắt đau đớn một lúc, rồi bắt đầu cười khúc khích.

“Giá mà cậu lắc cho xong đời tớ đi, thì tớ phải mang ơn cậu mãi mãi đấy.”

“Thần kinh tớ ít bữa nay bị căng thẳng quá,” Martin xin lỗi. “Tớ không làm cậu đau quá chứ? Để tớ làm cho cậu một cốc toddy nữa”

“A, cậu khoẻ lắm!” Brissenden nói tiếp. “Không biết có bao giờ cậu tự hào về cái cơ thể của cậu không? Cậu khoẻ như vâm. Cậu là một con báo non, một con sư tử non. Đây, này, rồi đây chính cậu phải trả giá cho cái sức khoẻ ấy đấy!”

“Cậu nói thế là thế nào?” Martin tò mò hỏi, tay đưa cốc rượu cho Brissenden. “Đây, uống cạn đi cho tỉnh lại.”

“Vì...” Brixendon nhăm nháp cốc toddy của mình và mỉm cười thích thú về cốc rượu. “Vì bọn đàn bà. Họ sẽ quấy rầy cậu cho đến khi cậu xuống lỗ mới thôi, cũng như họ đã quấy rầy cậu rồi đấy. Tớ mà nói sai thì tớ chỉ bé lại như mới đẻ ngày hôm qua. Đây, đừng có bóp cổ tớ vô ích. Tớ sẽ nói hết. Mỗi tình của cậu là mỗi tình con nít, cái đó đúng quá đi rồi, nhưng vì cái đẹp, lần sau cậu nên tỏ ra có khiếu thẩm mỹ hơn. Vì có gì mà cậu lại đi yêu một ả thuộc tầng lớp tư sản? Hãy bỏ mặc chúng đấy. Hãy chọn một người đàn bà nào bùng bùng sức sống mãnh liệt, biết cười lớn với cuộc đời, ngạo nghễ với cái chết, biết yêu khi có thể yêu. Trên đời này có những người đàn bà như thế đấy. Họ sẽ sẵn sàng yêu cậu như bất cứ một ả yếu hèn, uỷ mị, sản phẩm của một cuộc sống trưởng giả, trưởng rủ mần che nào khác.”

“Yếu hèn!” Martin cãi lại.

“Đúng thế, yếu hèn: luôn luôn lải nhải những lẽ thói đạo đức nhỏ nhặt, những điều đó được nhồi nhét vào đầu óc họ, và sợ sống cuộc sống thực sự. Họ sẽ yêu cậu, Martin à, nhưng họ còn yêu những lẽ thói đạo đức nhỏ nhặt của họ hơn. Cái mà cậu cần chính là một cuộc sống phóng khoáng lồng lộng, là những tâm hồn rộng lớn, tự do, là những con bướm rực rỡ chứ không phải những con thiêu thân nhỏ bé xám ngoét. Ô, rồi cậu cũng sẽ chán ngấy họ, cậu sẽ chán ngấy tất cả cái giống đàn bà nếu không may mà còn sống. Nhưng cậu sẽ không sống được đâu. Cậu không quay về với biển cả và những con tàu của cậu, vậy là cậu sẽ còn cứ loay hoay mãi trong những thành phố - ổ bệnh hoạn này cho đến khi xương cốt của cậu thối mục ra rồi cậu sẽ chết.”

“Cậu có thể lên lớp tớ, nhưng chẳng thể khiến tớ thay đổi ý kiến được,” Martin nói. “Nói cho cùng, cậu chỉ có cái khôn ngoan theo tính khí cậu, còn cái khôn ngoan theo tính khí tớ cũng không có gì đánh chê trách, như của cậu.”

Họ bất đồng ý kiến về tình yêu, về các tạp chí, về nhiều vấn đề, nhưng họ vẫn mến nhau, và về phía Martin, đó là một sự yêu mến không kém phần sâu sắc. Ngày nào họ cũng gặp nhau, nếu không hơn thì ít nhất cũng là trong giờ khắc Brissenden ở chơi trong căn phòng chật chội của Martin. Không lần nào Brissenden đến mà lại không mang theo chai rượu whiskey, và khi hai người cùng nhau đi ăn tiệm ở dưới phố, suốt bữa, anh ta uống scotch và soda. Lần nào anh ta cũng trả tiền cho cả hai, và chính nhờ anh ta mà Martin đã biết những món ăn cầu kỳ sang trọng, được uống sâm banh lần đầu tiên và làm quen với rượu vang sông Ranh.

Nhưng Brissenden vẫn là một cái gì rất khó hiểu. Nét mặt anh khắc khổ như một thầy tu khổ hạnh và mặc dù sức khoẻ của anh đã suy yếu, anh vẫn thực sự là một người ham thích khoái lạc. Anh không sợ chết, chua chát, chán ghét mọi lẽ lối sống, ấy thế nhưng, tuy đang chết mòn, anh vẫn yêu cuộc sống, yêu cho đến phần tử cuối cùng của nó. Anh ham muốn sống đến điên cuồng, ham muốn được rung động, được “quần quại trong khoảng không nhỏ bé, trong đám cát bụi vũ trụ nơi mà ta sinh ra đời” – như đã có lần chính anh nói như vậy. Anh đã hút đủ thứ

ma túy, làm những việc lạ kỳ để tìm những rung động mới, những cảm xúc mới. Như anh đã kể lại cho Martin nghe, có lần anh đã nhìn nước trong ba ngày liền, nhìn một cách hết sức tự nguyện, cốt chỉ để trải qua cái thú kỳ diệu được uống sau một cơn khát kinh khủng. Anh ta là ai, là một người thế nào, Martin không bao giờ biết được. Anh ta là một người không có quá khứ, một người mà tương lại là nắm mờ hiển hiện trước mắt, còn hiện tại là một cuộc sống đau đớn thác loạn.

CHƯƠNG 33

Martin vẫn cứ bại trận liên tiếp. Tuy đã hết sức tận tiện nhưng số tiền bán được những bài lật vật vẫn không cân bằng các món chi tiêu. Ngày lễ Tạ ơn Chúa đã tới mà bộ quần áo đen vẫn còn ở hiệu cầm đồ, gã không thể nhận lời mời đến ăn của gia đình Morse. Ruth tỏ ra không vui vì cái lý do gã không đến được, nên gã thấy buồn. Cuối cùng, gã phải nói với nàng rằng thế nào gã cũng đến, gã sẽ sang San Francisco, đến toà báo “Xuyên lục địa nguyệt san” đòi số tiền năm đô la họ còn nợ, để lấy tiền chuộc bộ quần áo về.

Buổi sáng hôm ấy, gã vay chị Maria mười xu. Lẽ ra gã muốn vay Brissenden hơn, nhưng con người đồng bóng ấy đã biến đi đâu mất. Đã hai tuần rồi, Martin không gặp anh ta, và gã cứ bóp óc nghĩ mãi không ra xem mình có làm điều gì để anh ta phật ý không. Mười xu ấy đã đưa Martin qua phà San Francisco, và trong khi cuộc bộ ngược lên Phố Chợ, gã suy tính không biết sẽ xoay xở ra sao nếu không đòi được tiền. Sẽ không có cách nào cho gã trở lại Oakland, mà ở San Francisco thì gã không quen biết một ai để có thể vay được mười xu nữa.

Cửa ra vào của toà báo “Xuyên lục địa nguyệt san” hé mở. Martin định đẩy cửa bước vào, bỗng dừng ngay lại vì một tiếng nói to từ trong vọng ra.

“Nhưng đó không phải là vấn đề, thưa ông Ford (qua thư từ, Martin biết Ford là tên lão chủ bút). Vấn đề là các ông đã sẵn sàng thanh toán chưa? – Thanh toán ngay tiền mặt, tôi muốn nói như vậy. Tôi không cần biết những triển vọng của tờ Xuyên lục địa của các ông định làm những trò gì. Tôi chỉ cần các ông thanh toán ngay cho những việc tôi đã làm. Ngay bây giờ tôi nói cho ông biết tờ Xuyên lục địa nguyệt san số Noel sẽ không lên khuôn khi mà chúng tôi chưa nắm được tiền trong tay. Thôi chào ông. Khi nào có tiền, mời ông lại gặp tôi.”

Cánh cửa bật mở, người đó giận dữ sầm sầm bước qua mặt Martin, đi dọc theo hành lang, mồm lẩm bẩm chửi rủa, hai tay nắm chặt. Martin thấy không nên vào vội, gã nấn ná ở chỗ lối đi khoảng mười lăm phút. Rồi gã đẩy cửa bước vào. Thật là một việc mới đối với gã, vì đây là lần đầu tiên gã ở trong phòng làm việc của một ông chủ bút. Rõ ràng là ở đây không cần phải đưa danh thiếp, vì có một chú bé chạy vào phòng trong và báo miệng rằng có một người muốn gặp ông Ford. Rồi quay lại, đến nửa quãng đường chú bé vẫy gọi gã và đưa gã vào phòng riêng của ông chủ bút. Cảm tưởng đầu tiên của gã là căn phòng bừa bãi, hỗn độn quá. Sau đó, gã mới nhận thấy một người đàn ông đáng còn trẻ, để râu quai nón ngồi ở một cái bàn mặt xoay. Hắn ta nhìn gã vẻ lạ lùng. Martin rất ngạc nhiên thấy nét mặt hắn vẫn cứ thản nhiên như không. Rõ ràng là cuộc cãi lộn với ông nhà in vừa rồi không làm cho hắn mất bình tĩnh chút nào.

“Tôi... tôi là Martin Eden,” gã bắt đầu vào chuyện (và gã đã định nói thêm “Tôi cần lấy năm đô la của tôi”).

Nhưng đây là lần đầu tiên gã tiếp xúc với một tay chủ bút và trong hoàn cảnh này, gã không muốn làm cho hắn sợ hãi một cách quá đột ngột. Gã rất ngạc nhiên thấy hắn nháy chồm ngay dậy, mồm hỏi “Thật à!” và ngay sau đó, hai tay nắm lấy bắt tay gã rồi rít.

“Ồ, ông Eden, không thể nào nói hết được gặp ông tôi sung sướng biết chừng nào. Tôi thường cứ tự hỏi không biết ông là người thế nào!”

Rồi hắn đứng lại ra cách gã một sải tay đưa cặp mắt rang rỡ nhìn suốt bộ quần áo đẹp thứ nhì của gã, và cũng là bộ quần áo tồi nhất, nó đã rách tả không còn vá được nữa, tuy quần thì vẫn còn thẳng nếp vì trước khi đi gã đã lấy bàn là của Maria là lại cẩn thận.

“Thú thật chứ, tôi vẫn cứ đinh ninh rằng ông già hơn nhiều chứ không như thế này. Ông biết đấy, truyện của ông, thật là khoáng đạt, mạnh mẽ, tư tưởng thật thâm trầm chín chắn, sâu sắc. Truyện đó, thật là một kiệt tác. Đọc một vài dòng đầu thôi, là tôi thấy rõ ngay. Xin ông cho phép tôi nói lại lần đầu tiên tôi đã đọc tác phẩm của ông như thế nào. Nhưng thôi, cho phép tôi giới thiệu ông với các anh em trong toà soạn trước đã.”

Vừa nói, Ford vừa dẫn gã sang phòng làm việc chung ở đó, hắn giới thiệu gã với tay phó chủ bút, White, một người nhỏ bé, mảnh khảnh, râu thưa mềm óng, bàn tay lạnh một cách kỳ lạ, dường như hắn ta đương bị tê cóng.

“Và đây là ông Ends, thừa ông Eden, ông Ends là quản lý của chúng tôi, chắc ông đã biết.”

Và Martin thấy mình bắt tay với một anh chàng có đôi mắt xắc lắc, đầu hói, và qua một phần ít ỏi lộ ra trên khuôn mặt – vì hầu như nó đã bị hoàn toàn che lấp bởi một bộ râu trắng xoá được bà vợ sang sửa cho cẩn thận – thì trông hắn còn khá trẻ trung. Mẹ vợ thường sửa râu cho hắn vào những ngày chủ nhật và còn cạo cả gáy cho hắn nữa.

Cả ba đứng vây quanh Martin, tranh nhau tán dương, khiến Martin tưởng như họ thi nhau nói để tranh giải tranh cuộc gì.

“Chúng tôi vẫn cứ băn khoăn tại sao không thấy ông đến.” White nói.

“Tôi không có tiền lấy vé ô tô, tôi ở bên kia vịnh,” Martin trả lời thẳng, cố ý để cho họ hiểu rằng, gã đang rất cần tiền.

Gã nghĩ thầm, nguyên bộ quần áo “mời” này, chắc hẳn cũng đã nói lên một cách hùng hồn sự cần tiền của gã rồi. Lúc lúc hể có cơ hội là gã lại dấn động đến mục đích của việc đến đây. Nhưng tai của các vị ngưỡng mộ gã điếc đặc. Và họ cứ tán dương, nào là đọc qua lần đầu tiên câu chuyện của gã họ đã nghĩ thế nào, sau đó họ nghĩ gì, nào là vợ con họ, gia đình họ nghĩ thế nào, nhưng tuyệt nhiên họ không nói gì đến chuyện trả tiền.

“Tôi đã kể lại ông hay lần đầu tiên tôi đã đọc tác phẩm của ông như thế nào rồi nhỉ!” Ford nói. “À, mà chưa. Hôm ấy tôi ở New York về miền Tây. Tàu đỗ lại ở Ogden, chú bé phục vụ chuyển đi ấy mang lên tàu tờ Xuyền lục địa nguyệt san số mới nhất.

“Lạy chúa tôi!” Martin nghĩ thầm. “Mày có thể đi tàu loại sang nhất trong khi ông thoi thóp ngóng chờ năm đô la mày nợ ông.” Con giận trào lên trong người gã. Điều sai trái của bọn này đối với gã hiện ra lù lù; những ngày tháng ảm đạm mong đợi tiền một cách vô vọng, đói rách, thiếu thốn đè nặng tâm trí gã; và cơn đói lúc này lại trỗi dậy, giày xé gã làm cho gã nhớ lại rằng từ hôm kia đến nay gã chưa có gì vào bụng, mà lúc ăn thì cũng có thảm tháp gì đâu. Lúc này gã tức điên lên. Gợi bọn này là kẻ trộm cũng không đáng, chúng chỉ là một bọn ăn cắp vặt. Đối trá, hứa hẹn hão huyền, chúng đã đánh cắp bài của gã. Được, gã sẽ cho chúng biết tay. Và vụt lên trong trí óc gã một ý định kiên quyết là chưa lấy được tiền nhất định gã không ra khỏi cái toà báo này. Gã chợt nhớ nếu không lấy được tiền thì gã cũng không có cách nào mà trở về Oakland được. Gã cố nén để giữ bình tĩnh, nhưng vẻ mặt dữ như chó sói của gã đã làm cho chúng kinh khiếp và hoảng hốt.

Chúng càng liến láu hơn bao giờ hết. Ford lại kể lại lần đầu tiên hắn đã đọc truyện “Tiếng chuông” của gã như thế nào, cùng lúc đó, Ends cố nhắc lại lời cháu gái hắn ta ca ngợi truyện ấy. Cháu gái hắn là một giáo viên ở Alameda.

Cuối cùng, Martin nói.

“Tôi sẽ nói các ông rõ mục đích tôi đến đây để làm gì. Để các ông thanh toán cho số tiền nhuận bút về cái truyện mà tất cả các ông đều rất thích đó. Năm đô la, tôi nghĩ như vậy, đó là số tiền các ông hứa sẽ trả khi đăng.”

Ford, với nét mặt biến đổi rất nhanh ra vẻ đồng ý ngay, vui vẻ lắm, thọc tay vào túi, nhưng chợt hắn quay về phía Ends và nói là hắn để quên mất tiền ở nhà. Rõ ràng là Ends ức lắm, Martin trông thấy hắn ta co ngay cánh tay lại như muốn bảo vệ cái túi quần, gã biết chắc là tiền ở trong đó.

“Thật tiếc quá,” Ends nói. “Tôi vừa trả tiền ông nhà in, chưa đầy một giờ, ông ta lấy mất hết cả tiền mặt. Tôi thật sơ xuất đem theo ít quá... Đúng ra thì hoá đơn ấy chưa đến kỳ phải thanh toán, nhưng ông ta cứ nài mãi, xin ân xin huệ ứng trước ngay cho một món, thật bất ngờ quá.”

Cả hai quay lại nhìn White có vẻ như chờ đợi, nhưng anh chàng này chỉ cười và nhún vai. Dù sao thì lương tâm hắn ta cũng rất trong sạch, hắn đến đây để học nghề viết báo, nhưng lại chỉ học được cái chính là vấn đề tài chính. Tờ “Xuyên lục địa nguyệt san” còn nợ hắn ta bốn tháng lương, nhưng hắn ta cũng thừa hiểu rằng cần phải thoả mãn ông chủ nhà in trước khi thoả mãn một ông phó chủ bút.

“Thật là không ra làm sao, ông Eden ạ, ông đến đúng vào lúc chúng tôi thế này,” Ford đưa đẩy nói khéo. “Chỉ tại sơ xuất cả thôi, cam đoan là đúng thế. Nhưng xin thưa để ông rõ điều chúng tôi sẽ làm sáng mai, việc đầu tiên là sẽ gửi ngay tới ông một tấm ngân phiếu qua nhà bưu điện. Ông Ends, ông có địa chỉ của ông Eden rồi phải không?”

Vâng. Ông Ends đã có địa chỉ, và việc làm đầu tiên sang ngày mai là gửi ngay một tấm ngân phiếu. Vốn hiểu biết của Martin về những chuyện ngân hàng, ngân phiếu rất mơ hồ, nhưng gã cũng có thể thấy ngay không có lý do gì họ không đưa ngân phiếu cho gã ngay bây giờ mà lại phải đợi đến ngày mai.

“Ông Eden, như thế là ta thoả thuận với nhau để sáng mai chúng tôi sẽ gửi ngân phiếu phải không?” Ford nói.

“Tôi cần tiền ngay hôm nay,” Martin lăm lè trả lời.

“Thật không may quá, - giá ông đến cho vào một ngày hôm khác,” giọng Ford ngọt xót, nhưng Ends đã ngắt lời - hắn ta vốn tính nóng nảy, hèn chi mà mắt hắn trông quàu quàu.

“Ông Ford đã giải thích rõ,” Ends nói, giọng xác lắc, “và cả tôi cũng đã nói. Ngày mai là ngân phiếu sẽ được gửi đi...”

“Còn tôi,” Martin ngắt lời nói, “tôi cần tiền ngay hôm nay.”

Trước thái độ cộc cằn của tên quản lý, gã thấy mạch máu đập nhanh lên một chút; gã phải để mắt cẩn thận tới thằng cha này, vì gã đoán chắc là tiền mặt của Toà báo, hắn ta giữ ở trong túi quần kia.

“Thật là tệ quá!” Ford lại nói.

Nhưng đúng lúc ấy, với một cử động sốt ruột. Ends quay đi như định bước ra khỏi phòng. Cũng đúng lúc ấy, Martin nhảy chồm tới, một tay bóp lấy cổ hắn, bóp theo các kiểu làm cho bộ râu trắng xoá của hắn vẫn giữ được vẻ đom đống chải chuốt, chỉ vênh ngược lên phía trần nhà, làm thành một góc bốn mươi độ, trông thấy lão quản lý bị lắc như một tấm thảm lông cừu, Ford và White sợ xanh mặt.

“Moi ra ngay, đồ khốn nạn phá hoại hi vọng của những tài năng trẻ tuổi,” gã quát. “Moi ra ngay, nếu không ông lắc cho đến bật ra, dù toàn chỉ là tiền kền.” Rồi quay lại phía hai người đang sợ rúm lại. “Còn chúng mày, đứng tránh ra. Thằng nào can thiệp vào, ông cho dừ đòn!”

Ends nghệt thở; mãi đến lúc Martin nói tay ra; hắn mới có thể làm nổi được cái việc “vui lòng moi ra ngay.” Móc mãi, móc mãi mới lôi ra được có bốn đô la mười lăm xu.

“Lộn hắn túi quần ra,” Martin ra lệnh.

Một đồng hào nửa rơi ra. Martin đếm lại một lần nữa cho chắc chắn.

“Còn thằng này!” Gã hét vào mặt Ford. “Tao cần bảy mươi nhăm xu nữa!”

Không chậm trễ, Ford vội vàng móc hết các túi cũng chỉ lôi ra được có sáu mươi xu.

“Thật hết chưa?” Martin nắm lấy tiền, sừng sộ hỏi. “Mày có cái gì trong túi áo gi-lê kia?”

Để tỏ ra mình thực thà, Ford lộn cả hai túi áo gi-lê ra. Một mảnh bìa cứng ở một túi rơi xuống sàn. Hắn cúi xuống nhặt và định bỏ vào túi thì Martin đã quát lên.

“Cái gì đó! - một cái vé phà hử? Đưa đây – Nó giá mười xu đấy. Tao sẽ tính vào số tiền chúng mày nợ. Kể cả cái vé như thế là bốn đô la chín mươi nhăm xu. Còn nợ lại tao năm xu.”

Gã nhìn White một cách dữ tợn. Anh chàng gầy gò yếu ớt này vội đưa ngay ra một đồng kền.

“Cảm ơn các vị,” gã nói với cả ba. “Chúc các vị vui vẻ.”

“Đồ kẻ cướp!” Ends lầu bầu tức tối.

“Đồ ăn cướp!” Gã chửi lại, và bước ra khỏi phòng, đóng sầm cửa lại.

Martin khoái chí quá – khoái chí đến nỗi gã chợt nhớ là tờ “Con Ong” cũng còn thiếu của gã mười lăm đô la bài “Nàng tiên và viên ngọc,” gã quyết định đến thẳng ngay toà báo để đòi. Nhưng bọn “Con Ong” gồm toàn những thằng cha trẻ tuổi mày râu nhẵn nhụi, lực lưỡng, một bọn cướp bề thực thụ. Chúng ăn cướp tất cả mọi thứ, tất cả mọi người, chẳng từ chuyện ăn cướp lẫn nhau. Sau một hồi ẩu đả gây mất vài cái bàn vài cái ghế, thằng cha chủ bút (vốn trước đây là một vận động viên ở trường đại học) được sự hỗ trợ tích cực của mấy tên quản lý, phụ trách quảng cáo và chạy giấy, đã tổng được Martin ra khỏi phòng, hắn đẩy mạnh một cái ngay từ bậc đầu tiên để gã lăn xuống cầu thang được nhiều hơn.

“Ông Eden, mời ông lại chơi luôn nhé. Chúng tôi rất sung sướng được gặp ông bất cứ lúc

nào.” Tất cả bọn đứng ở đầu cầu thang nhìn xuống, cười hô hố.

“Hừm!” Martin nhồm dậy cười gằn. Gã lẩm bẩm trả lời. Bọn “Xuyên lục địa nguyệt san” đều là hạng dê cái, còn chúng mày toàn những thằng võ sĩ nhà nghề cả.”

Tiếng cười lại vang lên hưởng ứng câu nói đó.

“Ông Eden này!” Thằng cha chủ bút gọi với xuống. “Tôi phải nói rằng đứng về mặt thi sĩ mà nói thì ông cũng là tay cứng đấy. Xin cho phép tôi hỏi ông học được ở đâu quả móc phải thế?”

“Thế ông học được ở đâu cái miếng khóa tay?” Martin trả lời. “Dù sao mắt ông cũng bị tím bầm đấy.”

“Mong rằng cổ ông không bị cứng đơ,” thằng cha chủ bút nói, vẻ băn khoăn. “Tất cả bọn mình cùng nhau đi uống một chầu đi, tất nhiên là không phải để mừng cái cổ của cậu, mà để mừng cuộc tỉ thí nho nhỏ này, cậu thấy thế nào?”

“Được, nếu tớ thua, tớ sẽ bao hết.” [\[98\]](#) Martin nhận lời.

Và thế là cả kẻ cướp lẫn kẻ bị ăn cướp cùng uống một chầu thoả thuận với nhau một cách thân ái rằng chiến thắng thuộc về kẻ mạnh, và số tiền mười lăm đô la về bài “Nàng tiên và viên ngọc” thuộc quyền sở hữu của Toàn soạn tờ “Con Ong.”

CHƯƠNG 34

Arthur đứng lại ở cổng trong khi Ruth bước lên những bậc hè ở cửa đằng trước nhà chị Maria. Nàng nghe thấy tiếng lách cách rất nhanh của máy chữ, và khi Maria đưa nàng vào, nàng thấy gã đã đánh đến trang cuối cùng của bản thảo. Nàng đến để biết chắc là gã có đến ăn cơm vào ngày lễ Tạ ơn Chúa hay không, nhưng nàng chưa kịp hỏi thì gã đã nói ngay vào một vấn đề mà gã đang say sưa.

“Để anh đọc em nghe cái này,” gã vừa nói vừa tháo tờ giấy than, sắp xếp lại tập bản thảo cho đúng số trang. “Đây là bài viết mới nhất của anh. Nó khác xa những bài anh đã viết, hoàn toàn khác đến nỗi chính anh cũng thấy sợ, nhưng anh vẫn thầm có ý nghĩ rằng nó hay lắm. Em sẽ cho ý kiến. Đây là một câu chuyện ở Hawaii, anh đặt tên cho nó là: “Wiki, Wiki.”

Khuôn mặt gã rạng lên bừng bừng hào quang của sáng tạo, mặc dù Ruth rùng mình trong căn phòng giá lạnh, và lúc bắt tay, nàng vẫn ngạc nhiên về bàn tay gã quá lạnh. Nàng chăm chú nghe khi gã đọc; tuy thỉnh thoảng ngược mắt lên, gã chỉ nhìn thấy vẻ chê bai trên nét mặt nàng, nhưng lúc đọc xong, gã vẫn hỏi:

“Xin em nói thực, em nghĩ thế nào về bài này?”

“Em... em cũng không biết nữa. Liệu nó... anh nghĩ nó có thể bán được không?”

“Anh e rằng không,” gã thú nhận. “Nó quá mạnh mẽ đối với các tạp chí. Nhưng nó là sự thực – anh dám nói thế, hoàn toàn sự thực.”

“Nhưng tại sao anh cứ mất công viết mãi những cái mà anh biết rõ là không bán được?” Nàng nói, không chút mỉa mai. “Mục đích của anh viết là để kiếm sống có phải không nào?”

“Đúng, đúng là như thế; nhưng câu chuyện khốn khổ này cứ bám dai dẳng trong trí óc anh. Anh không thể nào không viết nó ra được – nó đòi hỏi phải được viết ra.”

“Nhưng nhân vật chính trong truyện, cái gã Wiki Wiki đó, tại sao anh lại để cho gã ăn nói thô tục như vậy? Chắc chắn là độc giả sẽ thấy khó chịu, và chắc chắn vì thế mà bọn chủ bút rất có lý khi từ chối không nhận bài của anh.”

“Vì Wiki Wiki trong thực tế hẳn cũng ăn nói như vậy.”

“Văn chương viết thế không nhẽ.”

“Nhưng đó là cuộc sống,” gã trả lời thẳng thắn. “Nó là thực tế. Nó là sự thực. Anh phải mô tả cuộc sống như anh đã trông thấy.”

Nàng không trả lời, trong một lúc lúng túng, hai người ngồi yên lặng. Chính vì gã yêu nên gã đã không hiểu nàng một cách đầy đủ, còn nàng thì không thể nào hiểu nổi được gã vì gã lớn lao quá, vượt xa cái chân trời của nàng.

“À, anh đã lấy được tiền của bọn “Xuyên lục địa nguyệt san” rồi, gã nói, và cố lái câu chuyện

sang một vấn đề khác vui vẻ hơn. Hình ảnh ba anh chàng râu ria xồm xoàm mà gã vừa gặp gần đây và đã bị bắt buộc phải lòi ra bốn đô la chín mươi xu với một cái vé phà làm cho gã cười khúc khích.

“Thế thì hẳn anh sẽ đến nhé!” Nàng reo lên sung sướng. “Mục đích em đến đây cũng chỉ là để xem anh có đến hay không?”

“Đến?” Gã làm bầm một cách lơ đãng. “Đến đâu?”

“Kìa, ngày mai đến ăn ở nhà em. Anh chả đã nói là lấy được món tiền ấy anh sẽ chuộc quần áo về mà.”

“Anh quên bằng đi mất chuyện ấy,” gã nói, ngượng ngập. “Sáng nay, lão gác khu nhốt súc vật để lạc đà bắt mất hai con bò cái và con bê của chị Maria. Chị ấy chẳng còn một đồng nào, anh phải bỏ tiền ra nộp phạt cho chị ấy để lấy bò về. Tiền lấy được của bọn “Xuyên lục địa nguyệt san” tiêu vào việc ấy cả. Tiền nhuận bút của truyện “Tiếng chuông” thế là vào túi ông gác.”

“Vậy thế là anh không đến à?”

Gã cúi xuống nhìn bộ quần áo của mình.

“Anh không thể đến được!”

Mấy giọt nước mắt thất vọng và trách móc long lanh trong đôi mắt xanh của nàng, nhưng nàng không nói gì hết.

“Ngày lễ Tạ ơn Chúa sang năm, chúng ta sẽ cùng ăn với nhau ở Delmonico.”[\[99\]](#) Gã vui vẻ nói. “Hoặc ở London, hoặc ở Paris, hay ở bất cứ nơi nào em thích. Anh biết chắc như vậy!”

“Cách đây vài hôm, em có đọc thấy ở báo,” nàng nói đột ngột. “Sở bưu điện hỏa xa đã bổ nhiệm nhiều người làm việc ở địa phương. Anh thi vào đó để đầu phải không?”

Gã đành phải thú nhận là họ đã gọi gã đi làm, nhưng gã từ chối không đi. “Anh tin, rất tin ở anh.” Gã kết luận, chỉ một năm nữa thôi, anh sẽ kiếm được gấp mười lần một anh công chức sở Bưu điện hỏa xa. Em cứ đợi rồi sẽ thấy.”

“Ồ,” nàng chỉ nói thế khi gã nói hết câu, rồi đứng dậy, đeo bút tắt tay vào. “Em phải đi chơi, anh Martin ạ, anh Arthur đang đợi em.”

Gã ôm nàng trong cánh tay và hôn, nhưng nàng tỏ ra rất thụ động, người nàng không vươn lên căng ra, cánh tay nàng không quàng lấy người gã, môi nàng không ghì chặt lấy môi gã như thường lệ.

Hẳn là Ruth giận mình, gã thầm nghĩ khi ở cổng quay vào. Nhưng tại sao? Thật là không may, lão gác lại bắt mất đôi bò của chị Maria. Đúng chỉ tại số cả. Chẳng có ai đáng trách trong chuyện này. Mà gã tự nghĩ cũng không thể nào làm khác việc gã đã làm. Ừ, nhưng kể ra mình cũng đáng chê trách một chút, liền đó gã nghĩ vì đã từ chối không nhận việc ở Sở Bưu điện hỏa xa. Và xem ra nàng cũng không ưa gì cái truyện Wiki Wiki.

Ở chỗ bậc hè gã quay lại gặp người đưa thư đi chuyển buổi chiều. Một nỗi bồn chồn mong đợi như bao giờ lại choán lấy Martin khi gã cầm lấy tập phong bì dài. Có một phong bì không

dài. Nó ngắn và mỏng, bên ngoài có in địa chỉ của tờ “Quan điểm New York.” Gã đứng lại, xé ra. Chắc chắn đây không phải là thư nhận đăng bài. Gã không gửi một bản thảo nào cho tờ này cả. Có thể tìm gã gần như ngừng đập vì cái ý nghĩ ngông cuồng này – có lẽ họ yêu cầu gã viết bài, nhưng gã vội gặt đi ngay, cho rằng đó là một chuyện không thể nào có được.

Bức thư viết rất ngắn, theo lối công thức, dưới có chữ ký của người chủ bút, báo cho gã biết là tòa soạn có nhận được một bức thư nặc danh (có gửi kèm theo) và mong gã cứ yên tâm là bất cứ trong trường hợp nào tòa soạn tờ “Quan điểm New York” cũng không bao giờ quan tâm tới những loại thư nặc danh đó.

Bức thư gửi kèm theo là một bức thư viết tay, nét chữ thô. Một mớ hỗn độn những lời chửi rủa vô học, tố cáo cái anh chàng “tên gọi là Martin Eden” thường đem bán những truyện ngắn cho các tạp chí không phải là văn sĩ gì cả mà thực ra là một anh chuyên môn ăn cắp những truyện của các tạp chí cũ, đánh máy lại, gửi đi và mạo nhận là của mình. Ngoài phong bì có đóng dấu bưu điện “San Leandro.” Chẳng cần phải nghĩ lâu, Martin cũng biết ngay tác giả của nó. Những lỗi ngữ pháp, những câu thô tục, những mảnh khoé lấu tấu của Higginbotham lộ ra rất rõ từ đầu đến cuối bức thư. Qua từng dòng, Martin thấy không phải lỗi chữ viết nắn nót hoa mỹ mà đúng là kiểu chữ của một anh chủ hiệu bán thực phẩm thô lỗ, lão anh rể của gã.

Nhưng tại sao nhỉ? Gã tự hỏi mãi mà vẫn không tìm ra câu trả lời. Gã đã làm gì hại Bernard Higginbotham? Thật là vô lý, thật là chó đẻ. Không thể nào giải thích nổi được việc làm ấy của lão. Trong suốt tuần ấy, gã nhận liên tiếp được đến mười hai bức thư tương tự của các chủ bút của những tạp chí ở miền Đông gửi đến cho gã. Martin phải kết luận là những người chủ bút này đã xử sự đúng đắn. Đối với họ, gã là người hoàn toàn không quen biết, nhưng nhiều người, tỏ ra có thiện cảm với gã. Rõ ràng là họ rất ghét cái lối viết thư nặc danh; và rõ ràng là mưu toan thâm hiểm định hãm hại gã đã thất bại. Thực ra, không chừng lại là điều hay cho gã, vì ít nhất tên gã cũng đã làm cho một số chủ bút các tạp chí chú ý tới. Và biết đâu sau đây, gã có gửi bản thảo tới, họ có thể lại chẳng nhớ đến cái anh chàng bị người ta viết thư nặc danh bôi xấu này. Và biết đâu chẳng vì nhớ lại như thế mà họ sẽ đánh giá bài hản một cách có lợi cho gã hơn một chút.

Vào khoảng thời gian này, cách nhìn nhận của Martin về gã khác trước nhiều. Một buổi sáng vào bếp, gã thấy chị Maria đang rên rỉ đau đớn, những giọt nước mắt yếu đuối chảy dòng dòng trên má. Chị đang gồng là cho xong một đồng quần áo lớn, nhưng không thể nào làm được. Gã đoán ngay là chị bị cúm, liền cho chị uống một ít rượu whiskey nóng (chỗ còn lại trong những chai mà Brissenden mang đến) và bắt chị phải đi nằm. Nhưng chị nhất định không nghe. Thế nào cũng phải là cho xong chỗ quần áo, và đem trả ngay đêm ấy, nếu không thì hôm sau không có gì vào bụng cho bấy đứa con nhỏ đói khát của chị.

Chị ngạc nhiên hết sức (cho đến khi chết chị vẫn không ngớt nhắc đi nhắc lại điều này) khi thấy Martin nhấc cái bàn là ra khỏi lò và trải một cái áo sơ mi nữ hạng sang lên tấm phản là. Đó là cái áo sômi diện nhất để mặc ngày chủ nhật của cô Kate Flanagan. Trong những khách hàng của chị thì không có ai là kỹ tính về ăn mặc diêm dúa như cô này. Hơn nữa, cô ta đã đặc biệt dặn dò thế nào chị cũng phải đem trả áo vào tối hôm ấy. Ai cũng biết dạo này cô ta đi lại với anh chàng John Collins, một anh thợ rèn. Và riêng chị còn biết cả chuyện sáng mai hai người sẽ đưa nhau đi chơi ở công viên Golden Gate. Chị Maria giăng lại cái áo thế nào cũng không được. Martin dìu chị lảo đảo ra một cái ghế. Chị trở mắt ra mà nhìn gã. Chỉ một loáng - chị làm thì phải mất bốn lần thời gian như thế - gã đã đưa cho chị xem cái áo đã được là xong, không hỏng, không cháy và chị phải công nhận là giá chị có là thì cũng chỉ đẹp đến thế thôi.

“Tôi còn có thể là nhanh hơn nữa, nếu bàn là của chị nóng hơn,” gã nói.

Đối với chị, bàn là gã để nóng quá, không bao giờ chị dám để như thế.

“Chị vẩy nước thế này là hỏng,” gã phàn nàn. “Đây này, để tôi bày cho chị cách vẩy nước. Cần phải ép nữa cơ. Vẩy nước xong rồi ép lại nếu chị muốn là nhanh.”

Gã vào buồng kho lục lọi đồng củi lấy ra một cái hòm gỗ, làm một cái nắp dầy, rồi kiểm những thanh sắt trong đồng sắt vụn bọn trẻ còn nhặt nhanh để bán cho hàng đồng nát. Quần áo mới vẩy nước được xếp vào, mảnh gỗ đặt lên trên, rồi những thanh sắt nén chặt xuống; thế là cái máy ép đã xong và bắt đầu hoạt động.

“Bây giờ chị nhìn tôi làm nhé, chị Maria.” Gã vừa nói vừa cởi hết áo ngoài ra chỉ còn độc một cái áo lót mình; tay nắm chặt lấy cái bàn là mà gã cho là “thực sự nóng.”

Về sau đây, chị hay kể lại. “Là xong anh ấy lại đi giặt những bộ đồ len. Anh ấy bảo, này chị Maria, chị giặt kẻo lắm. Tôi sẽ bày cho chị cách giặt đồ len nhé. Và anh ấy bày thật. Chỉ mười phút, anh ấy đã làm xong một cái máy – nào có gì đâu, chỉ là một cái thùng, một cái trục bánh xe, hai cái sào, thế thôi, đúng như cái này này...”

Martin đã học được cái mẹo này của Joe khi còn ở Shelly Hot Springs. Một cái trục bánh xe cũ đóng chặt vào đầu cái sào thật thẳng dùng làm cần nhúng. Cần này được buộc vào một đầu cái sào bật, sào này được buộc chặt vào sà bếp, như vậy, trục xe quay trên những bộ đồ len trong thùng và chỉ cần một tay, gã cũng có thể vò được.

Và bao giờ chị cũng kết thúc câu chuyện như thế này. “Thế là từ đó Maria này không phải làm nữa. Cứ sai lũ con đưa đi đưa lại cái cần quay cái bánh xe trong thùng, thế là ổn. Cái anh Martin Eden, anh ấy tài thật.”

Tuy nhiên, chính do cái tài ấy và những cải tiến trong “xưởng giặt nhà bếp” của chị mà chị thấy gã không còn quá xa cách như trước nữa. Ánh hào quang kỳ ảo mà trí tưởng tượng của chị đã khoác vào cho gã dần dần mờ nhạt đi trong cái ánh sáng lạnh lùng của sự thật là trước đây gã cũng chỉ là một người thợ giặt. Tất cả những sách vở của gã, những bạn bè sang trọng đi xe ngựa đến thăm gã, hay mang theo không biết bao nhiêu là chai rượu whiskey bây giờ đều không có nghĩa gì to lớn lắm. Rút cục gã cũng chỉ là một người lao động, một thành viên trong cùng một giai cấp và tầng lớp với chị. Gã có vẻ người hơn và dễ gần hơn, gã không còn là một cái gì huyền bí nữa.

Mối bất hoà giữa Martin và gia đình vẫn tiếp tục. Sau cuộc tấn công ngầm của Higginbotham, thì đến Hermann von Schmidt ra tay. Nhờ may mắn bán được ít truyện ngắn, vài bài thơ trào phúng và mấy mẩu chuyện vui, Martin tạm thời cũng phong lưu. Không những gã đã trang trải được các món nợ, mà còn có đủ tiền chuộc về cái xe đạp và bộ quần áo đen. Cái xe đạp, trục bị vênh, cần phải đem chữa, và để tỏ tình thân thiện với cậu em rể tương lai, gã đưa đến hiệu của Von Schmidt.

Ngay buổi chiều hôm đó Martin rất hài lòng thấy một đứa bé con đem xe đến trả. Thấy có sự ưu đãi đặc biệt như vậy, gã thầm nghĩ chắc cậu ta cũng muốn làm lành với mình đây, vì thường là xe đạp đưa chữa là phải đi tự đích thân đến lấy. Nhưng khi gã xem lại xe, thì thấy chỗ hỏng vẫn còn nguyên chưa được sửa gì cả. Gã gọi đây nói hỏi anh chồng chưa cưới của cô em, và lúc đó mới biết là, hẳn ta không muốn dính dáng gì với gã “bất cứ theo kiểu, lối, hay hình thức nào.”

“Này Hermann von Schmidt,” gã nói vui vẻ. “Tớ đang muốn đến véo cái mũi Đức của cậu một cái chơi.”

“Anh cứ đến cửa hiệu tôi,” Von Schmidt trả lời. “Tôi sẽ cho gọi cảnh sát ngay, và cho anh biết tay. Ô, tôi đã thừa biết anh đi rồi, nhưng anh đừng có hòng gây ầu đả được với tôi. Tôi không muốn dính dáng gì với cái hạng người như anh. Anh là một thằng vô công rồi nghề, đúng thế, tôi không mù đâu. Anh đừng tưởng là tôi sắp sửa lấy em gái anh mà anh hòng bắt nạt được. Nay tôi bảo thật, tại sao anh không đi kiếm việc làm để sống cho lương thiện! Trả lời đi xem nào!”

Nghĩ đến triết lý sống của mình, Martin thấy hơi đầu mà giận dữ với hấn làm gì, gã mắc ống nói lên, huýt một tiếng sáo dài, trong lòng thấy vui vui một cách kỳ lạ. Nhưng sau lúc vui vui ấy, gã thấy ngay sự phản ứng, gã cảm thấy mình cô đơn quá. Không ai hiểu gã cả, không ai quan tâm đến gã, chỉ trừ có Brissenden, mà Brissenden thì lại đã biến đi đâu mất rồi, có họa trời mới biết anh chàng này biến đi đâu.

Hoàng hôn đã buông xuống lúc Martin ở cửa hiệu hoa quả ra, trở về nhà, tay xách mấy thứ lật vạt vừa mua được. Một chiếc xe điện đỗ ở góc phố, trong thấy một dáng người gầy còm, quen quen bước từ trên xe xuống, lòng gã rộn lên vui sướng. Đúng là Brissenden, vừa mới thoáng trông thấy, trước khi xe điện đi tiếp, gã đã nhận thấy ngay hai cái túi áo ngoài, một cái thì to phình ra đầy sách, còn cái kia thì còm cộm một chai rượu whiskey.

CHƯƠNG 35

Brissenden không giải thích tại sao anh vắng mặt lâu thế, mà Martin cũng không tò mò hỏi làm gì. Được nhìn bộ mặt xanh xao hốc hác của bạn, qua làn hơi nhẹ nhẹ bốc lên từ cốc toddy, thế là thỏa mãn rồi.

Sau khi nghe Martin kể lại những công việc đã làm trong thời gian qua, Brissenden nói:

“Thì tớ cũng có ngồi không đâu.” Anh rút ở túi áo trong ra một tập bản thảo đưa cho Martin nhìn nhan đề rồi ngước mắt lên, vẻ tò mò.

Brissenden cười: “Thì đúng thế. Cái tên cũng khá hay đấy chứ? *Phù du*” – đúng là danh từ ấy đấy. Chính cậu phải chịu trách nhiệm về cái tên đó, vì đây là con người theo quan niệm của cậu, là một vật vô cơ luôn luôn đứng thẳng, đầy sức sống, một phù du hoàn chỉnh nhất, một sinh vật mà thời tiết chỉ nhích lên một chút là nở ra với cái thân hình nhỏ bé hiên ngang đi trong ống hàn thử biểu. Ý nghĩ đó đã thâm nhập vào đầu óc tớ, và tớ phải viết nó ra để tổng khứ nó đi. Cậu đọc đi và cho mình biết ý kiến.”

Mặt Martin ửng đỏ, nhưng dần dần tái nhợt đi khi gã đọc tiếp. Đây là nghệ thuật tận thiện tận mỹ. Hình thức đã chiến thắng được nội dung, nếu có thể nói được là như thế khi tất cả những khía cạnh nhỏ nhất của nội dung được thể hiện bằng một hình thức hoàn mỹ, khiến đầu óc gã bơi trong một niềm khoái cảm kỳ thú, mắt gã trào ra những dòng lệ say sưa, sống lưng gã run lên ớn lạnh. Đó là một bài thơ dài khoảng sáu bảy trăm câu, một cái gì thật quái đản, kỳ lạ, siêu phàm. Nó kinh khủng quá, không thể có được, thế mà nó có đấy, được ghi bằng mực đen trên những tờ giấy trắng. Bài thơ nói về con người trong mối quan hệ cuối cùng với tâm hồn mò mẫm, thăm dò những vực sâu thẳm của vũ trụ bao la để tìm chứng cứ của mặt trời đã tắt và ánh phản quang của cầu vồng. Đây là một cuộc truy hoan điên cuồng của trí tưởng tượng, sự say sưa điên cuồng của một người sắp chết, lúc thăm nức nở, lúc rộn ràng theo nhịp hỗn độn của một trái tim đang yếu dần. Bài thơ oai nghiêm bay lên tới vùng hỗn độn lạnh lẽo của những trận xô xát giữa các vì sao, tới vùng hỗn mang của những mặt trời để trở nên băng giá, và đến đám tinh vân bốc lửa soi sáng khoảng không tăm tối; qua tất cả những cái đó, không ngừng và yếu ớt như tiếng con thoi bạc là tiếng nói như tiếng sáo yếu ớt của con người, tiếng kêu chiêm chiếp than vãn giữa tiếng thét của các hành tinh và tiếng va chạm ầm ầm của các hệ thống tinh cầu.

“Một cái như thế này trong văn học chưa hề có!” Martin nói khi cuối cùng gã có thể nói được. “Thật là kỳ diệu, kỳ diệu! Đọc nó, mình thấy chóng mặt. Mình say sưa nó. Vấn đề vĩ đại, vô cùng kỳ diệu ấy mình không thể nào xua đuổi ra khỏi ý nghĩ của mình được. Tiếng nói yếu ớt như than vãn của con người, tiếng nói dò hỏi bất diệt, cứ luôn luôn nhắc đi nhắc lại ấy vẫn ngân vang trong tai mình. Nó như một khúc tang hành của một con bọ mạt giữa những tiếng rống của voi và tiếng gầm của sư tử. Không bao giờ thỏa mãn được nỗi khao khát vô cùng nhỏ bé. Mình cũng biết lúc này đây mình thực đáng buồn cười, nhưng cái đó nó cứ ám ảnh mình hoài. Cậu thật là, mình cũng không biết cậu là thế nào nữa – cậu thật là kỳ diệu, có thể thôi. Nhưng làm thế nào mà cậu viết được như vậy? Làm thế nào?”

Martin ngừng lại trong lời ca ngợi say sưa của mình, để rồi lại nói tiếp:

“Mình sẽ không bao giờ viết nữa. Mình chỉ là một anh thợ nặn vụng về. Cậu đã cho mình xem tác phẩm của một người thợ chân chính, kĩ xảo tuyệt vời. Thiên tài! Cái này còn là một cái gì hơn cả thiên tài. Đó là sự thực đến cùng cực. Hàng hàng đều là sự thực. Mình không biết cậu có nhận thấy điều đó không, cậu, một con người võ đoán. Khoa học cũng không thể chứng minh được là cậu sai. Đây là mĩa mai mà chân thực, ngôn từ luyện thép màu của vũ trụ, dệt bằng những nhịp điệu hung mạnh của âm thanh thành một tấm thảm huy hoàng và đẹp đẽ. Và bây giờ mình không nói thêm một lời nào nữa. Nó khuấy phục mình, nó bóp nghẹt mình, phải, đúng thế. Ừ, mình cũng muốn. Để mình đưa bài thơ của cậu cho họ xuất bản.”

Brissenden cười:

“Dám chắc là không một tạp chí nào trong cái thế giới theo đạo thiên chúa này lại dám in bài thơ ấy của mình. Chắc cậu cũng biết thế.”

“Mình không biết gì cả. Mình tin rằng không có một tạp chí nào trong cái thế giới theo đạo thiên chúa này lại không vồ lấy mà đăng ngay, không phải ngày nào họ cũng nhận được những bài hay như thế này. Đây không phải là một bài thơ của năm tháng mà là bài thơ của thế kỷ.”

“Tớ muốn được đúng như cậu nói.”

“Không nên quá khinh đời.” Martin cãi lại. “Không phải tất cả bọn chủ bút các tạp chí đều là ngu xuẩn cả. Mình biết chắc như vậy. Mình dám đánh cuộc với cậu. Dám đánh cuộc bằng bất cứ giá nào là chỉ gửi đi lần thứ nhất hay lần thứ hai là cùng, bài *“Phù du”* nhất định sẽ được đăng.”

Brissenden ngồi im một lát rồi nói:

“Chỉ có một điều làm cho tớ không theo ý cậu được. Đó là một bài thơ lớn – lớn nhất trong các bài tớ đã sang tác từ xưa đến nay. Tớ biết lắm. Đó là tác phẩm cuối cùng của mình. Tớ rất tự hào về nó, còn hơn cả rượu whiskey. Đó là cái tớ vẫn hằng mơ ước – cái vĩ đại và hoàn mỹ – ngay từ khi tớ hãy còn là một chàng trai chân thực với những ảo mộng êm đềm, những lý tưởng trong trắng. Và bây giờ, tớ đã nắm được nó trong tay, trong cái nắm tay cuối cùng của đời tớ. Không, tớ không nhận đánh cuộc với cậu. Bài thơ của tớ. Tớ đã sáng tác ra nó và cũng một phần là của cậu.”

“Nhưng hãy nghĩ tới những người khác nữa.” Martin phản đối. “Chức năng của cái đẹp là mang lại niềm vui.”

“Đó là cái đẹp của riêng tớ.”

“Không nên ích kỷ.”

“Tớ không ích kỷ,” Brissenden cười diềm đạm y như những lúc anh thích thú một điều gì mà đôi môi mỏng của anh sắp sửa nói ra. “Tớ không ích kỷ hơn một con chó đói.”

Martin hết sức thuyết phục Brissenden bỏ cái ý định đó, nhưng vô ích. Gã nói với Brissenden rằng sự căm ghét của Brissenden đối với các tạp chí là điên cuồng, là quá khích và thái độ của Brissenden còn trăm ngàn lần đáng khinh hơn cái anh chàng trai trẻ nào đó đã đem đốt tòa miếu cổ của thần Diana ở Ephesus. Trước những lời buộc tội gắt gao ấy, Brissenden vẫn cứ bình thản ngồi nhấp rượu. Anh đồng ý là tất cả những điều Martin nói đều hoàn toàn đúng, chỉ trừ những ý kiến về bọn chủ bút các tạp chí. Sự căm ghét của anh đối với bọn này thật không có

giới hạn nào, và khi buộc tội chúng, anh còn gay gắt hơn Martin nhiều.

“Tớ muốn cậu đánh máy hộ,” anh nói. “Cậu còn thạo một ngàn lần hơn bất cứ một anh chàng ghi tốc ký nào. Bây giờ tớ có mấy lời khuyên cậu.” Anh rút ở túi ngoài ra một tập bản thảo dày cộm. “Đây là tập *Sự hổ thẹn của mặt trời* của cậu. Tớ đã đọc, không phải chỉ một lần, mà hai lần, ba lần. Đó là lời khen ngợi tốt đẹp nhất mà tớ có thể tặng cậu. Sau tất cả những ý kiến cậu nói về tập *Phù du* của tớ, thì tớ đành phải yên lặng thôi. Nhưng có một điều này thì tớ phải nói: Khi tập *Sự hổ thẹn của mặt trời* được xuất bản, nhất định nó sẽ gây một tiếng vang và làm nổ ra một cuộc tranh luận sôi nổi còn đáng giá gấp trăm ngàn lần hơn những bài quảng cáo.”

Martin cười lớn. “Hẳn cậu cũng sẽ khuyên mình gửi nó cho các tạp chí chứ gì.”

“Nhất định không – có nghĩa nếu cậu muốn bài thơ ấy được in thì không nên. Hãy gửi nó đến những nhà xuất bản nổi tiếng nhất. Một anh chàng biên tập nào đó của nhà xuất bản có thể khá mê công, khá say sưa để mà đề xuất những ý kiến có lợi cho cậu. Cậu đã đọc nhiều sách. Tinh túy của những cuốn sách đã biến đổi trong cái nồi đất của trí óc cậu chảy ra thành *Sự hổ thẹn của mặt trời* và một ngày kia Martin Eden sẽ nổi tiếng, tiếng tăm của anh ta nhờ vào tác phẩm này không ít. Thế nào cậu cũng phải tìm một nhà xuất bản cho nó, càng sớm càng tốt.”

Đêm ấy, khuya lắm, Brissenden mới ra về; vừa bước lên bậc thứ nhất của chiếc xe điện, anh chợt quay lại, giúi vào tay Martin một mảnh giấy vo tròn.

“Cầm lấy cái này,” anh nói. “Hôm nay tớ đi chơi cá ngựa và bỏ được đúng mồi.”

Chuông kêu leng keng, và xe điện chạy, để lại Martin đứng đó băn khoăn không hiểu mảnh giấy vo tròn nhòn nhòn gã đang nắm trong tay là cái gì. Trở về phòng, gã giở ra thấy tờ một trăm đô la.

Martin chẳng cần phải câu nệ gì mà không tiêu số tiền đó. Gã biết Brissenden luôn luôn có nhiều tiền và với một niềm tin tưởng sâu xa, gã cũng biết rồi đây sự thành công của gã sẽ giúp gã trả lại được. Sáng hôm sau, gã đem thanh toán tất cả các món nợ, đưa cho chị Maria ba tháng trước tiền thuê phòng, và chuộc lại tất cả những thứ ở hiệu cầm đồ về. Sau đó, gã mua một bộ đồ mừng cưới cho cô Marian, và một vài tặng phẩm giản dị hơn, thích hợp với ngày lễ Noel để tặng Ruth và Gertrude. Cuối cùng, với số tiền còn lại, gã đưa cả nhà Maria xuống khu Oakland. Gã để chậm mất một mùa đông mới thực hiện được lời hứa của mình, nhưng cuối cùng thì lời hứa ấy đã được thành sự thật. Mỗi đứa, ngay đứa bé nhất, và cả chị Maria nữa cũng được một đôi giày mới. Và lại còn, nào là mấy cái còi, nào là búp bê, đủ thứ đồ chơi, kẹo bánh, hạt dẻ, gói to gói nhỏ chất đầy tay lũ trẻ con nhà chị Maria đến nỗi chúng không còn ôm được nữa.

Đúng vào lúc cái đám người kỳ lạ ấy bám sát gót gã và chị Maria đi vào một cửa hàng bánh kẹo, hỏi mua một hộp mứt to tướng thì gã gặp Ruth và mẹ nàng. Bà Morse khó chịu lắm. Ruth cũng bực mình, vì nàng vốn hay kỹ tính về bề ngoài, thế mà cái cảnh người yêu của mình đi sánh vai cùng với mẹ Maria, dẫn đầu một bọn lau nhau người Bồ Đào Nha, quần áo rách như tổ đĩa, thì thực là một cảnh không đẹp chút nào. Nhưng điều đó cũng không làm cho nàng bực mình bằng cái điều mà nàng cho là gã thiếu tự tôn tự trọng đến như vậy. Hơn nữa, thậm chí hơn cả là qua sự việc trên nàng thấy rõ gã không thể nào gột bỏ được cái nguồn gốc công nhân của mình. Nguyên sự việc ấy thôi cũng đủ là một sự tủi hổ rồi, thế mà lại còn vênh vang phô bày nó ra một cách vô liêm sỉ trước mặt xã hội – cái xã hội của nàng – thì thật là quá lắm. Tuy việc nàng đính ước với Martin vẫn còn giữ bí mật, nhưng sự đi lại thân mật giữa hai người trong một thời gian dài như vậy, không phải là không gây nên những lời xì xào bàn tán và ở trong cửa hiệu lúc bấy giờ có rất nhiều người quen biết nàng đang kín đáo nhìn người yêu của

nàng với cả một đàn lũ theo sau ấy. Nàng không có một tâm hồn khoáng đạt rộng rãi như Martin, và không thể vượt lên trên cái môi trường nàng đang sống được. Nàng bức mình đến phát uất lên, và bản chất nhạy cảm của nàng làm cho nàng run lên vì xấu hổ. Vì thế, sau đó, lúc về chiều, khi đến thăm nàng, gã cứ giữ cái tặng phẩm trong túi áo trong không dám đưa ra vội, đành đợi đến một dịp khác thuận lợi hơn. Ruth nước mắt giàn dụa – những giọt nước mắt giận dữ, phần nộ - là một điều mới lạ đối với gã. Vẻ đau khổ của nàng làm cho gã càng thấy quả thật gã là một thằng thô lỗ, nhưng trong đáy sâu tâm hồn, gã vẫn không thể nào thấy được vì lẽ gì, và tại sao lại như vậy. Không bao giờ gã lại có ý nghĩ xấu hổ vì những người mình quen biết, và hình như đối với gã, đưa mẹ con chị Maria đi chơi mua cho họ một ít quà tặng nhân ngày Noel thì có gì là thiếu tôn trọng Ruth. Mặt khác, sau khi nàng giải thích, gã mới thấy rõ quan điểm của nàng. Gã coi đó chỉ là một sự yếu đuối đàn bà, người đàn bà nào cũng vậy, ngay cả những người tốt nhất cũng thường có những điểm yếu đuối như thế.

CHƯƠNG 36

“Đi với tớ. Tớ sẽ cho cậu biết bọn hạ lưu chân chính,” Brissenden nói với gã một buổi chiều tháng giêng.

Hai người cùng ăn cơm với nhau ở San Francisco, và ở chỗ bến phà trở về Oakland, thì bỗng Brissenden nảy ra ý nghĩ đưa Martin đến chỗ “bọn hạ lưu chân chính.” Anh quay lại và chạy qua khu nhà ở ven mép nước, một cái bóng gầy gò lờng trong một cái áo khoác ngoài bay phấp phật, Martin cố gắng chạy theo sau cho kịp. Ở một cửa hàng rượu, anh mua hai chai rượu vang cũ rồi mỗi tay xách một chai nhảy lên xe điện tuyến đường Nhà Chung. Martin bám sát, tay khệ nệ ôm một lô chai whiskey loại mỗi chai một lít.

Nếu Ruth trông thấy mình lúc này, gã thầm nghĩ trong khi bắn khoản tự hỏi bọn “hạ lưu chân chính” là hạng người thế nào.

“Có thể là không có thằng nào ở đấy,” Brissenden nói khi hai người xuống xe và lao mình sang bên phải đi vào khu trung tâm của xóm công nhân, phía nam phố Chợ. “Như thế thì cậu sẽ không được gặp cái mà cậu kiếm từ lâu.”

“Nhưng cái ấy là cái quỷ gì mới được chứ?” Martin hỏi.

“Những con người, những con người thông minh, chứ không phải cái hạng nói năng rỗng tuếch mà tớ đã thấy giao thiệp với cậu ở cái ổ của tên lái buôn ấy đâu. Cậu đọc nhiều sách và

câu thấy hoàn toàn cô độc. Được, đêm nay tớ sẽ dẫn cậu đến với một số người khác cũng đọc nhiều sách, để cho cậu không còn cảm thấy cô độc nữa. Tớ không hề bận óc về những cuộc tranh luận không bao giờ chấm dứt của họ.” Anh nói khi đi hết một dãy phố. “Tớ không thích thú gì cái triết lý sách vở. Nhưng rồi cậu sẽ thấy họ là những người thông minh chứ không phải là bọn lộn tư sản. Nhưng coi chừng đấy, bất cứ về một vấn đề gì dưới ánh mặt trời này, họ cũng có thể nói không dứt được đấy.”

“Hy vọng rằng Norton có mặt ở đó,” một lát sau anh thở hắt hển nói, nhất định không đồng ý cho Martin cầm đỡ hộ hai chai rượu. “Norton là một gã duy tâm, hắn tốt nghiệp ở Harvard. Trí nhớ của hắn cừ khôi lắm. Duy tâm chủ nghĩa đã đưa hắn ta đến chỗ vô chính phủ về triết học và gia đình hắn ta tổng cổ hủ đi. Bố là chủ tịch một công ty xe lửa vào cái loại tỷ phú, nhưng anh con thì chết đói ở Frisco, làm biên tập cho một tờ báo vô chính phủ, lương tháng hai mươi nhăm đô la.”

Martin không quen thuộc phố phường ở San Francisco lắm, nhất là khu nam phố Chợ thì lại không biết tí gì, nên gã không hiểu mình đang được dẫn đi đến đâu.

“Nào!” Gã nói. “Cậu hãy nói cho mình biết trước về họ đã. Họ làm gì để sống? Tại sao họ lại ở khu vực này?”

“Hi vọng rằng Hamilton cũng có mặt ở đó.” Brissenden dừng lại, nghỉ tay. “Tên hắn là Strawn-Hamilton, không phải người gốc Mỹ, cậu biết đấy, xuất thân từ một dòng họ lâu đời ở miền Nam. Hắn là một thằng ma cà bông – lười thượng hạng chưa bao giờ tớ thấy một thằng nào lười như thế, tuy hắn cũng có đi làm thư ký – hoặc là thử làm, cho một cửa hàng hợp tác, được sáu đô la một tuần. Nhưng hắn là một thằng ma cà bông thực thụ lang bạt đến thành phố này. Có hôm tớ đã thấy hắn ngồi suốt ngày trên cái ghế dài, không một miếng gì bỏ mồm, thế mà đến buổi chiều, tớ mời hắn đi ăn – hiệu ăn chỉ cách có hai dãy nhà – hắn bảo: “Mất công lắm cậu ạ. Thôi mua cho tớ bao thuốc lá.” Hắn cũng đã từng là đệ tử của Spencer như cậu, cho đến khi Kreis đã làm cho hắn tin ở thuyết nhất nguyên luận duy vật. Nếu có thể, tớ sẽ làm cho hắn phải nói đến thuyết nhất nguyên luận. Norton cũng là một anh chàng nhất nguyên luận, duy có một điều là hắn ta chẳng thừa nhận một cái gì ngoài tinh thần. Kreis và Hamilton cần chi hắn cũng có thể cho được.”

“Kreis là ai?” Martin hỏi.

“Chúng mình đang đến nhà hắn đây. Đã có thời hắn là giáo sư bị tổng cổ ra khỏi trường đại học; chuyện cũng thường thôi. Một bộ óc như một cái bẫy thép. Kiếm sống bằng đủ mọi cách cũ kĩ. Tớ biết có hồi hắn xuống dốc quá phải đi làm fakir[100] ở đầu đường. Chẳng cậu nệ gì hết. Lấy trộm cả vài liệm của xác chết, chẳng từ cái gì. Có điều khác giữa hắn ta với bọn tư sản là hắn ăn trộm mà không có ảo tưởng gì cả. Hắn nói về Nietzsche, hoặc Schopenhauer, hoặc Kant hoặc bất cứ cái gì, nhưng cái duy nhất ở trên đời này mà hắn thực sự quan tâm tới – không trừ cả Mary – là thuyết nhất nguyên luận của hắn. Haeckel[101] là thần tượng bằng thiếc[102] của hắn đấy. Cách đọc nhất để chửi hắn là cho Haeckel một cái tát. Đây là nơi họ thường lui tới!” Brissenden đặt chai rượu ở bậc cửa lên cầu thang lối vào, chuẩn bị trèo lên. Đó là một căn nhà hai tầng thông thường của góc phố, bên dưới có quán rượu và cửa hàng thực phẩm. “Họ ở đây – chiếm cả tầng trên. Nhưng Kreis là anh chàng độc nhất có hai buồng. Đi thôi.”

Không có một tí ánh sáng nào ở lầu trên, nhưng Brissenden lần qua nơi tối om om ấy như một bóng ma quen thuộc. Anh ngừng lại để nói với Martin:

“Còn có một thằng cha tên là Stevens, một anh chàng theo thuyết thần trí? Hắn mà mở

miệng ra là làm đảo lộn cả trời đất. Bây giờ hẳn ta làm nghề rửa bát ở tiệm ăn. Thích xì gà ngon. Tớ đã trông thấy gã ăn cơm có mười xu, nhưng lại chịu trả năm mươi xu một điếu xì gà để hút ngay sau đó. Tớ có sẵn hai điếu trong túi để cho hẳn nếu hẳn có nhà.

Còn một thằng cha khác nữa – Parry, người Úc, một nhà thống kê học, một quyển bách khoa toàn thư trung thực. Cứ hỏi hẳn ta sản lượng thóc của Paraguay năm 1903, hay số lượng vải Anh, xuất khẩu sang Trung Quốc năm 1890, hoặc Jimmy Britt đã hạ Battling Nelson ở loại nào hoặc võ sĩ nào vô địch Hoa Kỳ hạng gà[103] năm 1808, cậu sẽ nhận được câu trả lời chính xác với một tốc độ máy móc của một cái máy bắn tự động. Còn Andy nữa, một anh thợ xây đá, vấn đề gì cũng có ý kiến, đánh cò vào loại giỏi và một gã khác nữa, Harry, thợ làm bánh, một đảng viên xã hội đỏ chóa, một tay hoạt động công đoàn rất hăng. À, mà chắc cậu cũng còn nhớ cuộc đình công của những người thợ nấu bếp và hầu bàn chứ. Chính Hamilton là kẻ tổ chức công đoàn và cho tiến hành cuộc đình công đó – hẳn đặt mọi kế hoạch từ trước, ngay ở trong những căn phòng của Kreis này. Hẳn ta làm thế chỉ để đùa chơi, nhưng hẳn lười quá không thể nào giúp đỡ công đoàn được. Tuy nhiên, nếu hẳn muốn, hẳn vẫn có thể tiến xa. Ví mà hẳn ta không lười một cách ghê gớm quá đến như vậy thì trong con người ấy khả năng thật là vô tận.”

Brissenden tiến sâu qua nơi tối om om cho đến khi thấy một vệt sáng, soi rõ chỗ ngưỡng cửa ra vào. Một tiếng gõ cửa, có tiếng trả lời, cửa mở ra và Martin thấy mình bắt tay Kreis, một người đẹp trai, tóc đen, răng trắng bóng, ria mép đen cụp xuống, mắt đen to, long lanh. Mary, một người đàn bà trẻ, tóc nâu, trông đứng đắn, đang rửa bát trong một buồng nhỏ ở đằng sau dùng làm nơi nấu bếp và buồng ăn. Căn buồng đằng trước dùng làm buồng ngủ và buồng tiếp khách. Trên đầu là những quần áo giặt trong tuần, treo lòa xòa xuống thấp quá đến nỗi thoát đầu, Martin không nhìn thấy hai người đàn ông đang nói chuyện ở góc phòng. Họ reo ầm lên đón chào Brissenden và hai chai rượu. Qua giới thiệu, Martin biết đó là Andy và Parry. Anh nhập bọn với họ và chăm chú nghe Parry thuật lại cuộc đấu quyền anh nhà nghề, anh ta đi xem đêm trước. Trong lúc đó, Brissenden hứng chí, tíu tít pha toddy, rót rượu vang, whiskey và soda mời khắp lượt. Theo lệnh của anh: “bảo chúng nó sang cả đây,” Andy đi quanh một lượt khắp các phòng để gọi.

“May mắn cho bọn mình là hầu hết chúng nó đều có nhà cả.” Brissenden thì thầm với Martin. “Có cả Norton và Hamilton. Lại gặp họ đi. Stevens không có nhà, nghe chừng thế. Nếu có thể, tớ sẽ làm cho họ nói về thuyết nhất nguyên luận. Cứ đợi sau khi uống ít nhiều, họ sẽ bốc.”

Thoạt đầu, câu chuyện còn tản mạn linh tinh. Tuy nhiên, Martin không thể nào không tán thưởng sự sắc sảo của trí óc họ. Họ là những người có ý kiến, tuy ý kiến của họ thường va chạm nhau, và tuy họ là những người nhanh trí, thông minh, nhưng họ không nông cạn. Gã thấy rất nhanh, bất luận nói về một vấn đề gì, người nào cũng ứng dụng mỗi tương quan của trí thức và đều có một quan niệm thống nhất, sâu sắc về xã hội và vũ trụ. Không có ai tạo ra những ý kiến cho họ; họ đều là những kẻ chống đối thuộc loại này hay loại khác, và đôi khi của họ xa lạ với những lời nói tầm thường vô vị. Ở nhà Morse, chưa bao giờ Martin được nghe thấy người ta tranh luận về nhiều vấn đề kỳ lạ như thế. Hình như không có một giới hạn nào, trừ thời gian, đối với những việc mà họ nhận thức. Câu chuyện của họ lan man từ tác phẩm mới của bà Humphry Ward[104], đến vở kịch cuối cùng của Bernard Shaw[105], qua tương lai của bi kịch đến những ký ức của Mansfield[106]. Họ khen ngợi hay mỉa mai những bài xã luận của các tờ báo buổi sáng, nhảy từ những điều kiện lao động ở New Zealand đến Henry James[107] và Brander Mathew[108] chuyển sang những ý đồ của Đức ở Viễn Đông, tình hình kinh tế của cái “họa da vàng,”[109] tranh cãi sôi nổi về cuộc bầu cử ở Đức, về bài diễn thuyết cuối cùng của Bebel[110], rồi bàn luận đến tình hình chính trị ở địa phương, những kế hoạch mới nhất và những chuyện bê bối trong chính quyền Công đảng, những kẻ bị giật dây tổ chức cuộc đình công của những người thủy thủ miền Coast. Martin rất ngạc nhiên về những chuyện bí mật mà họ nắm được. Họ biết những điều mà trên báo không bao giờ đăng: những dây thép, dây thừng và những bàn tay bí mật đã làm những con rối nhảy múa. Martin lại càng ngạc nhiên khi thấy

người đàn bà – Mary – cũng góp chuyện và tỏ ra có một trí thông minh mà gã chưa bao giờ thấy ở một số ít những người đàn bà gã đã được gặp. Họ cùng nhau nói đến Swinburne và Rossetti[111], sau đó chị Mary đã dẫn gã vượt qua tầm hiểu biết của gã vào những góc ngách của nền văn học Pháp. Gã đã có dịp rửa hận khi chị bênh vực Maeterlinck và gã đưa ra luận điểm đã được suy nghĩ cẩn thận trong *Sự hổ thẹn của mặt trời*.

Nhiều người khác cũng xen vào, và không khí mù mịt khói thuốc lá khi Brissenden vung lên lá cờ đỏ.

“Kreis, đây là miếng thịt tươi cho lưỡi rìu của cậu,” Brissenden nói. “Một thanh niên trong trắng với nhiệt tình, một đệ tử trung thành của Herbert Spencer đấy. Nếu cậu có thể, hãy biến cậu ta thành một đồ đệ của Haeckel đi.”

Kreis hình như bừng tỉnh và lóe lên như một chất kim khí có từ thạch, trong khi Norton nhìn Martin một cách có cảm tình, mỉm cười dịu dàng như con gái, dường như muốn nói anh sẽ được bảo vệ đến cùng.

Kreis bắt đầu nói thẳng với Martin nhưng dần dần Norton xen vào, cho đến khi hai người bốc lên cãi nhau tay đôi. Martin lắng nghe và muốn dụi mắt. Không thể nào như vậy được, nhất là lại ở xóm lao động khu nam phố Chợ. Sách vở sống động trong những con người này. Họ nói say sưa, đầy nhiệt tình. Chất kích thích tri thức làm cho họ sôi lên y như gã đã từng trông thấy men rượu và sự giận dữ làm cho những người khác sôi lên. Những điều gã nghe thấy không còn là triết học của những tờ khô khan in trên giấy do một loại á – thánh – nửa thần thoại như Kant và Spencer viết nữa. Đó là triết học sống có màu, độ nóng ấm hiện thân trong hai con người này cho đến khi chính những nét đặc trưng của nó hoạt động sôi nổi. Đôi lúc những người khác cũng xen vào, và mọi người đều theo dõi cuộc tranh luận với những điều thuốc lá vẫn cháy đều trong tay, và những bộ mặt chăm chú căng thẳng.

Chủ nghĩa duy tâm chưa bao giờ lôi cuốn được Martin, nhưng bây giờ được bàn tay của Norton làm cho sống động, nó quả là một phát hiện mới đối với gã. Tính chất hợp lý logic của nó đã thức tỉnh lý tính của gã, cái này hình như Kreis và Hamilton đã bỏ qua. Họ giễu Norton siêu hình, và Norton cũng giễu lại họ là những nhà siêu hình. Hai từ “hiện tượng” và “thể chất” cứ bị trao qua đổi lại nhiều lần. Họ công kích Norton có ý định giải thích ý thức bằng ý thức. Anh ta công kích họ là chỉ biết chơi chữ, suy luận từ lời nói đến lý luận chứ không từ sự việc đi tới lý luận. Về điểm này, họ rất kinh ngạc. Nguyên tắc cơ bản trong phương pháp biện luận của họ là xuất phát từ những sự việc và đặt tên cho những sự việc ấy.

Khi Norton đi vào những chỗ mắc mớ khó hiểu của Kant, thì Kreis nhắc anh rằng tất cả những trường phái triết học tầm thường của Đức khi chết đều đi tới Oxford. Một lát sau, Norton nhắc họ về “luật Tản Tiệm” của Hamilton[112], họ lập tức thừa nhận rằng họ đã áp dụng luật ấy trong tất cả mọi quá trình lập luận của họ. Và Martin ngồi ôm chặt lấy đầu gối, rất thú vị. Nhưng Norton cũng không phải là một đệ tử của Spencer, và anh ta cũng không tán thành quan điểm triết học của Martin, cũng đả Martin chẳng kém gì đả hai đối thủ của anh.

“Cậu biết đấy, chưa ai trả lời được Berkeley.[113]” Anh ta vừa nói vừa nhìn thẳng vào Martin. “Herbert Spencer là người tới gần nhất, nhưng chưa phải là gần lắm đâu. Những tín đồ trung thành nhất của Spencer cũng sẽ không đi xa hơn được. Hôm nọ tớ đã đọc một bài tiểu luận của Saleeby[114]; cái hay nhất có thể nói được thì mới chỉ là cái mà Spencer gần thành công khi trả lời Berkeley thôi.”

“Chắc cậu cũng biết những điều Hume[115] nói chứ?” Hamilton hỏi. Norton gật đầu. Nhưng muốn để cho mọi người khác đều rõ, Hamilton cứ nói: “Ông ta nói rằng những luận điểm của

Berkeley không ai trả lời được, và cũng không ai tin được.”

“Trong đầu óc của ông ta, đầu óc của Hume,” Norton trả lời, “và đầu óc của Hume thì cũng y như đầu óc của cậu, chỉ có điều khác là ông ta cũng khá khôn ngoan để thừa nhận rằng không ai trả lời được Berkeley.”

Norton dễ xúc động, dễ bị kích thích, tuy anh ta chưa hề bao giờ mất bình tĩnh trong khi Kreis và Hamilton như hai kẻ man rợ lạnh lùng cứ tìm đúng những điểm yếu của anh mà chọc vào, đâm vào. Trời đã tối, Norton, cứ bị họ công kích liên tiếp là siêu hình, bực mình nắm chặt lấy thành ghế để khỏi nhảy chồm lên, đôi mắt màu xám càu càu, bộ mặt như con gái đánh lại, nghiêm trang, anh quyết định mở một cuộc tấn công lớn vào quan điểm của họ.

“Được lắm, các cậu tin đồ của Haeckel. Tớ có thể lập luận như một người thầy thuốc, nhưng thử hỏi các cậu lập luận như thế nào? Các cậu không có cái gì để bảo vệ, các cậu đúng là những con người vô đoán với cái thuyết khoa học thực nghiệm mà chỗ nào các cậu cũng nhét vào, cả những chỗ không thích đáng. Từ lâu, trước khi trường phái nhất nguyên luận duy vật được dựng lên, nền đất đã bị chuyển đi rồi, không còn có thể có nền móng nữa đâu. Locke[116] chính là người đã làm việc đó – John Locke. Hai trăm năm trước đây – còn hơn thế nữa – trong *Luận về sự hiểu biết của con người*[117] ông ta đã chứng minh là không hề có những quan niệm tiên thiên. Cái hay nhất trong cuốn đó đúng là cái các cậu đang khẳng định. Đêm nay, các cậu cứ lải nhải mãi về sự không hề có của những quan niệm tiên thiên.

Cái đó có nghĩa gì? Có nghĩa là không bao giờ các cậu có thể biết được cái thực tại cuối cùng. Khi các cậu sinh ra thì đầu óc các cậu trống rỗng. Những cái bề ngoài, những hiện tượng là tất cả những cái mà trí óc các cậu tiếp thu được qua giác quan của mình. Còn thể chất, cái mà không có trong trí óc các cậu khi các cậu sinh ra đời, thì không có đường nào vào cả.”

“Tớ phủ nhận điều đó,” Kreis ngắt lời.

“Cậu cứ để tớ nói hết đã,” Norton hét lên. “Các cậu chỉ biết tác dụng, phản tác dụng của lực và vật chất qua các giác quan, giải thích bằng cách này hay cách khác. Các cậu thấy đấy, để bênh vực cho quan điểm của tớ, tớ thừa nhận rằng vật chất tồn tại, và cái việc tớ sắp sửa làm đây là dùng chính quan điểm của các cậu để đánh bại các cậu. Tớ không thể làm khác được, và cả hai cậu vốn dĩ không thể hiểu nổi sự trừu tượng của triết học.

Nào thử hỏi, theo quan điểm khoa học thực nghiệm của các cậu, các cậu hiểu thế nào về vật chất. Các cậu hiểu nó chẳng qua chỉ qua những hiện tượng, những bề ngoài của nó mà thôi. Các cậu chỉ nhận thức thấy những thay đổi của nó, hay là những sự thay đổi đã gây ra những sự thay đổi trong nhận thức của các cậu. Khoa học thực nghiệm chỉ nghiên cứu những hiện tượng, nhưng các cậu lại quá ngu ngốc không thể trở thành những nhà thực thể luận và nghiên cứu thể chất được. Phải, theo đúng như định nghĩa của khoa học thực nghiệm, khoa học chỉ có liên quan đến những cái bề ngoài thôi. Như có người đã nói, tri thức về hiện tượng không thể nào vượt quá bản thân hiện tượng được.

Các cậu không trả lời nổi Berkeley, ngay dù các cậu có thủ tiêu cả Kant đi nữa, tuy nhiên, vì bắt buộc, các cậu vẫn cứ phải nói rằng Berkeley là sai khi các cậu khẳng định khoa học chứng minh về sự tồn tại của Thượng đế, hay nói thẳng vào vấn đề, khoa học chứng minh sự tồn tại của vật chất. Các cậu biết rằng tớ thừa nhận sự tồn tại của vật chất chỉ là để cho các cậu dễ hiểu tớ mà thôi. Các cậu là những nhà khoa học thực nghiệm ời, nếu các cậu thích, nhưng thực thể luận không có chỗ đứng trong khoa học thực nghiệm đâu, xin bỏ nó đấy cho Spencer có lý trong cái thuyết “Bất khả tri” của ông ta, song nếu Spencer...”

Nhưng đã đến giờ phải ra cho kịp chuyển phà cuối cùng về Oakland, Brissenden và Martin chuồn ra, bỏ mặc Norton vẫn còn đương nói, Kreis và Hamilton còn đang chờ đối phương nói hết để chồm lên mà cắn xé như đôi chó săn.

“Cậu đã hé cho mình xem một cảnh thiên đường,” Martin nói khi hai người ở trên phà. “Gặp những con người như thế làm cuộc đời đáng sống. Trí óc mình phấn chấn hẳn lên. Trước kia, mình chưa đánh giá hết chủ nghĩa duy tâm. Tuy nhiên mình không thể thừa nhận nó được. Mình biết rằng bao giờ mình cũng là một người hiện thực. Có lẽ mình sinh ra đã như thế mất rồi. Nhưng mình cũng muốn trả lời cho Kreis, Hamilton và mình cũng muốn nói đôi ba câu với Norton. Mình không thấy địa vị của Spencer đã bị lung lay ở chỗ nào. Mình bị kích thích như một chú bé lần đầu tiên đi xem xiếc. Mình phải đọc thêm nữa mới được. Mình sẽ nắm được Saleeby. Mình vẫn nghĩ rằng Spencer, không ai có thể tấn công nổi. Lần sau mình sẽ ra tay.”

Nhưng Brissenden đang thở một cách đau đớn và đã ngủ gục lúc nào không biết, cắm vùi trong chiếc khăn quàng, gục xuống bộ ngực hom hem, thân hình anh cuộn trong chiếc áo choàng dài run lên theo sự rung động của cái máy chân vịt.

CHƯƠNG 37

Sáng hôm sau, việc đầu tiên Martin làm, trái với cả lời khuyên răn và nhắc nhở của Brissenden, là gói tác phẩm “Sự hổ thẹn của mặt trời” gửi ngay cho tờ “Vệ thành”. Gã tin rằng có thể các tạp chí sẽ đăng tác phẩm này, và gã cảm thấy một khi các tạp chí đã nhận thì có thể đưa đến các nhà xuất bản được. Gã cũng gói bài thơ “Phù du” gửi cho một nhà xuất bản khác.

Mặc dù những thành kiến của Brissenden đối với các tạp chí – đây là một thứ bệnh cuồng rờ ràng của anh ta – Martin vẫn cho rằng bài thơ vĩ đại ấy phải được in. Tuy nhiên, gã cũng không định cho xuất bản nếu không được phép của Brissenden. Kế hoạch của gã là trước hết tác phẩm đó phải được một trong những tạp chí có tên tuổi nhận đã, rồi mới lấy cái đó làm vũ khí đấu tranh với Brissenden, ép anh ta phải đồng ý.

Sáng hôm đó, Martin bắt tay vào viết một truyện ngắn mà gã đã phác thảo từ mấy tuần trước, và từ bấy đến nay nó luôn luôn làm gã bận tâm dai dẳng, đòi phải được sáng tạo. Đó hiển nhiên là một câu chuyện đẹp về biển, một câu chuyện phiêu lưu và lãng mạn của thế kỷ thứ hai mươi, mô tả những nhân vật chân thực. Nhưng ngoài những nhân vật chân thực trong một thế giới chân thực và trong những hoàn cảnh chân thực; ngoài những tình tiết, nhịp điệu của câu chuyện ra còn có một cái gì khác – cái mà một độc giả nông cạn không thể thấy được, nhưng đối với một độc giả tinh ý, nó lại rất hấp dẫn và hứng thú. Chính cái đó đã thúc Martin viết, chứ không phải bản thân câu chuyện. Nói cho đúng ra, chính cái chủ đề vĩ đại, có tính chất vũ trụ đã gọi cho gã những tình tiết của truyện. Sau khi đã tìm ra chủ đề, gã suy nghĩ xem nên lấy những nhân vật đặc biệt nào, trong điều kiện không gian và thời gian như thế nào để biểu hiện cái chủ đề có tính chất vũ trụ ấy của mình. “Quá hạn” đó là cái tên mà gã định đặt cho truyện, chiều dài của nó, gã tin rằng không quá sáu mươi ngàn chữ - đối với sức sáng tạo mạnh mẽ của gã, thì nó không có nghĩa lý gì. Hôm đầu gã bắt tay vào viết, lòng vui sướng rộn ràng, thấy mình đã nắm chắc được những công cụ. Gã không còn lo lắng gì, không còn sợ những lưỡi dao sắc bén sẽ tuột mất và làm hỏng tác phẩm của mình nữa. Những tháng trời đằng đẵng học tập căng thẳng và ứng dụng đã đem lại phần thưởng cho hẳn. Bây giờ gã có thể đem toàn tâm toàn ý với bàn tay chắc chắn đưa cái mà gã tạo nên tới một phạm vi rộng hơn, và càng làm việc giờ nọ qua giờ kia, gã càng cảm thấy gã nắm được chắc chắn và rộng rãi cuộc sống, điều mà trước kia gã không hề cảm thấy. “Quá hạn” với những nhân vật đặc biệt, những sự kiện đặc biệt của nó sẽ là một truyện chân thực, nhưng gã tin chắc, nó cũng còn nói lên những điều vĩ đại và trọng yếu, những cái chân thực với mọi thời gian, mọi vùng và mọi cuộc sống; cái đó nhờ có Herbert Spencer, gã nghĩ bụng và ngả mình ra khỏi bàn một lát. Phải, chính nhờ Herbert Spencer, nhờ tiến hóa luận, cái chìa khóa mở được mọi cánh cửa của cuộc sống mà Spencer đã đặt vào tay gã.

Gã thấy mình đang viết một tác phẩm vĩ đại.

“Nhất định thành công! Nhất định thành công!” Đó là cái điệp khúc cứ vang lên trong tai gã. Tất nhiên nó sẽ thành công. Cuối cùng, gã đang viết ra những cái mà chính các tạp chí sẽ phải vồ lấy. Cả câu chuyện cứ hiển hiện ra trước mắt gã trong những tia chớp loang loáng. Gã ngừng lại một lúc khá lâu để viết một đoạn vào sổ tay. Đó là đoạn cuối của truyện “Quá hạn”, nhưng vì toàn bộ câu chuyện đã thành hình một cách rất rõ rệt trong óc gã rồi, gã có thể viết đoạn kết này nhiều tuần lễ trước khi viết đến phần kết thúc. Gã đem so sánh truyện này, lúc đó chưa viết

xong, với những truyện của các nhà văn khác viết về biển và gã thấy nó vượt xa các truyện đó một cách không thể lường được. “Chỉ có một người có thể đựng đến đề tài này,” gã nói to. “Đó là Conrad[118]. Và tác phẩm này sẽ làm cho ngay cả ông ta cũng phải đứng dậy, bắt tay mình và nói: Khá lắm, Martin, khá lắm, cậu cả của tôi.”

Gã cặm cụi làm việc suốt ngày, cho đến phút cuối mới nhớ ra rằng có hẹn ăn cơm tại nhà Morse. Nhờ có Brissenden, bộ quần áo đen của gã được chuộc ở hiệu cầm đồ về, và gã lại có thể đi dự tiệc. Vào đến thành phố, gã còn dừng lại khá lâu để vào thư viện tìm những tác phẩm của Saleeby. Gã mượn cuốn “Vòng luân chuyển của cuộc sống”[119] và khi ngồi trên xe, gã mở ra xem bài luận văn về Spencer mà Norton nói đến. Martin đọc và nổi giận. Mặt gã nóng bừng, quai hàm banh ra và bất giác bàn tay gã nắm lại rồi lại buông ra, rồi lại nắm lại, y như thể gã đang nắm lấy một vật gì đáng ghét, bóp cho nó tắt thở. Khi ở trên xe bước xuống, gã bước dọc theo bờ hè như một kẻ giận dữ. Gã rung chuông nhà ông Morse mạnh đến nỗi nó làm gã búng tỉnh, tự mỉm cười với mình, vui vẻ bước vào. Nhưng vừa bước vào trong nhà gã đã lại cảm thấy chán ngán vô cùng. Gã đã ngã xuống từ đỉnh cao nơi gã bay bổng suốt ngày trên đôi cánh của cảm hứng. “Tư sản”, “sào huyệt của tên con buôn” - những hình dung từ của Brissenden cứ nhắc đi nhắc lại trong trí óc gã. Nhưng thế thì làm sao mới được chứ? Gã tự hỏi một cách giận dữ. Gã sẽ lấy Ruth chứ có phải lấy gia đình nàng đâu.

Hình như gã chưa bao giờ thấy Ruth kiều diễm, cao quý, thoát tục, mà lại vừa khỏe mạnh như hôm nay. Má nàng ửng hồng, và đôi mắt của nàng luôn luôn hấp dẫn gã – đôi mắt ở trong đó lần đầu tiên gã đã đọc thấy sự bất tử. Gần đây, gã đã quên mất hai chữ bất tử, vì những tác phẩm khoa học gã đọc xa cách với khái niệm đó, nhưng ở đây, trong đôi mắt Ruth, gã đã đọc thấy một bằng chứng không lời vượt lên trên hẳn mọi bằng chứng có lời. Gã thấy điều đó trong đôi mắt nàng. Trước đôi mắt ấy, mọi lý lẽ tranh cãi đều phải bay biến đi bởi vì gã nhìn thấy tình yêu trong đó. Và chính trong mắt gã cũng là tình yêu, và tình yêu là cái không thể trả lời được. Đó là cái học thuyết say mê của gã.

Nửa giờ bên nàng trước khi hai người vào phòng ăn, làm gã vô cùng sung sướng, vô cùng mãn nguyện với cuộc đời. Tuy nhiên, khi ngồi vào bàn ăn, cái phản ứng không thể nào tránh được, sự mệt mỏi rã rời, hậu quả của một ngày làm việc gian khổ choán lấy gã. Gã cảm thấy đôi mắt mình mệt mỏi, tâm trạng bức dọc. Gã nhớ lại cũng ở bàn ăn này, nơi lần đầu tiên gã ăn uống với những con người văn minh trong một bầu không khí mà gã tưởng tượng đầy học thức, cao cả và tế nhị, thì bây giờ gã lại cười nhạo, luôn luôn cảm thấy chán ngấy. Gã thoáng nhìn thấy cái bộ mặt đáng thương ấy của mình, cách đây đã lâu lắm rồi, một kẻ man rợ vụng về, lúng túng, mồ hôi vã ra từ khắp các lỗ chân lông, mê mẩn vì sợ hãi, bối rối trước những cái tỉ mỉ đáng sợ của những dụng cụ ăn uống, bị dẫn dắt bởi anh người hầu như con quỷ, nhảy một bước lên cái đỉnh cao của xã hội làm cho người ta choáng váng này, rồi cuối cùng lại quyết định phải thành thực với mình, không tìm cách che giấu những kiến thức mình không biết, những cái tao nhã mà mình không có.

Gã đưa mắt nhìn Ruth để yên tâm, giống như một khách đi tàu thủy, bỗng lo sợ khi nghĩ tới con tàu có thể đắm, đưa mắt tìm những chiếc phao cứu đắm.

Phải, tất cả những cái còn lại được gọi là tình yêu và Ruth. Còn tất cả những cái khác đều không chịu đựng được sự thử thách của sách vở. Nhưng Ruth và tình yêu thì đã chịu đựng được; gã đã tìm thấy một chứng thực sinh vật học về cả hai điều đó. Tình yêu là biểu hiện cao quý nhất của cuộc sống. Tạo hóa đã vì tình yêu mà mất công sức để tạo ra gã, cũng như đã mất công sức để tạo ra tất cả những con người bình thường khác. Tạo hóa đã phải tốn mất hàng vạn thế kỷ - không, hàng mười vạn thế kỷ, hàng trăm vạn thế kỷ để làm nhiệm vụ này, và gã chính là cái kiểu mẫu hoàn thiện hoàn mỹ nhất mà tạo hóa có thể sáng tạo được. Tạo hóa đã làm cho tình yêu thành cái mạnh mẽ nhất trong con người gã, đã tặng gã trí tưởng tượng để làm cho sức mạnh của tình yêu tăng lên gấp vạn lần, rồi biến gã thành con phù du để mà

rung động, mà tan ra, mà yêu đương. Bàn tay gã tìm bàn tay Ruth bên cạnh gã, lấp dưới bàn, hai người xiết chặt tay nhau nồng nhiệt. Nàng liếc nhìn gã một thoáng nhanh, đôi mắt nàng long lanh. Đôi mắt gã trong niềm xúc động rộn ràng cũng liếc nhìn lại; gã cũng không nhận ra cái đẹp long lanh trong cặp mắt nàng chỉ là phản ánh cái đẹp long lanh mà nàng nhìn thấy trong mắt gã.

Bên kia bàn ở góc đối diện với gã, bên phải ông Morse là ông thẩm phán Blount, một viên thẩm phán ở tòa thượng thẩm địa phương. Martin đã gặp ông ta vài lần và không sao có thể ưa được con người này. Ông ta và cha Ruth đang bàn về đường lối chính trị của Hiệp hội lao động, về tình hình địa phương và về chủ nghĩa xã hội. Ông Morse có ý chê trách Martin về vấn đề này. Cuối cùng, ông thẩm phán Blount nhìn qua bàn với vẻ độ lượng và thương hại của một người cha. Martin mỉm cười một mình.

“Rồi cũng qua thôi, anh bạn trẻ ạ,” ông ta nói an ủi. “Thời gian là phương thuốc tốt nhất để trị những loại bệnh ngông cuồng ấy của tuổi trẻ.” Rồi ông ta quay sang nói với ông Morse. “Tôi cho rằng trong những trường hợp thế này thì bàn luận cũng không ích gì. Nó chỉ làm cho người bệnh thêm khó chữa.”

“Thật thế,” ông Morse đồng ý một cách trang trọng. “Nhưng cũng nên thỉnh thoảng báo trước cho người bệnh biết bệnh trạng của họ.”

Martin cười vui vẻ, hơi gượng gạo. Ngày đã quá dài, những cố gắng đã quá căng, khiến gã thấy khó chịu. Gã nói:

“Chắc hẳn hai ông đều là những vị bác sĩ giỏi, nhưng nếu hai ông để ý một chút ý kiến của người bệnh, thì xin hãy để cho anh ta nói rằng, các ông là những nhà chẩn bệnh tồi. Thực ra, cả hai ông đều mắc cái chứng bệnh mà các ông nghĩ rằng các ông đã tìm thấy ở tôi. Còn tôi, tôi không nhiễm bệnh gì hết. Cái triết học xã hội đang lục đục, chưa tiêu hóa trong mạch máu các ông không hề đụng đến tôi.”

“Giỏi, giỏi!” Viên thẩm phán lẩm bẩm. “Một mưu tuyệt diệu đảo lộn vị trí trong tranh luận.”

“Tôi đánh giá ông qua chính những lời nói.” Mắt Martin tóe lửa, nhưng gã kìm được mình. “Thưa ông thẩm phán, tôi đã được nghe những bài diễn thuyết trong các cuộc tranh cử. Theo phương pháp tự kỷ ám thị, phải, tự kỷ ám thị là cái danh từ tôi ưa thích mà không ai có thể hiểu được, theo phương pháp tự kỷ ám thị nào đó ông tự thuyết phục mình rằng ông tin vào chế độ cạnh tranh và nguyên tắc kẻ nào mạnh, kẻ ấy sống, nhưng đồng thời ông lại đem hết sức tán thành mọi biện pháp làm giảm sức lực của kẻ mạnh.”

“Anh bạn trẻ của tôi...”

“Xin ông nhớ cho rằng tôi đã nghe những bài diễn thuyết của ông trong các cuộc tranh cử,” Martin nói chặn trước. “Nó là sự thực hiển nhiên, chủ trương của ông về sự điều chỉnh việc buôn bán giữa các bang, việc điều chỉnh công ty đường sắt, công ty dầu lửa, bảo vệ rừng và một nghìn lẻ một các biện pháp hạn chế, những biện pháp không có tính chất nào khác ngoài cái tính chất xã hội chủ nghĩa.”

“Có nghĩa anh định nói với tôi rằng anh không tin ở sự điều chỉnh những sự lạm dụng quyền hạn một cách ghê gớm ấy chứ gì?”

“Vấn đề không phải như vậy. Tôi chỉ muốn nói với ông rằng ông là một nhà chẩn bệnh tồi. Tôi chỉ muốn nói với ông rằng tôi không bị vi trùng của chủ nghĩa xã hội nhiễm bệnh đâu. Tôi

chỉ muốn nói với ông rằng chính ông đang bị thứ vi trùng ấy tàn phá. Còn tôi, tôi là kẻ thù không đội trời chung của chế độ dân chủ lai giống của ông, nó không phải cái gì khác mà chính là cái thứ chủ nghĩa xã hội giả hiệu, núp dưới một cái áo khoác ngụy trang toàn những danh từ không sao có thể chịu đựng nổi sự thử thách của từ điển.

Tôi là một phần tử phản động - phản động đến nỗi các ông nghe mà không thể hiểu nổi ý kiến tôi, các ông, những người sống trong sự dối trá của một tổ chức xã hội, mà mắt các ông lại không đủ sắc để chọc thủng được bức màn che đậy ấy. Ông làm ra vẻ là ông tin ở nguyên tắc kẻ nào mạnh kẻ ấy sống sót và kẻ mạnh cai trị người khác. Tôi cũng tin vào điều đó. Chỗ khác nhau chính là ở đó. Khi tôi còn trẻ tuổi hơn một chút, vài tháng trước đây thôi, tôi cũng tin như vậy. Ông thấy đấy, tư tưởng của các ông đã ảnh hưởng đến tôi. Nhưng những con buôn, những bọn thương nhân, có giỏi lắm cũng chỉ là những kẻ thống trị hèn nhát; họ chỉ biết ủn ỉn, cúi đầu suốt đời vào cái máng tiền và xin ông tha lỗi cho, tôi đã quay lại phía quý tộc. Tôi là kẻ cá nhân chủ nghĩa độc nhất trong gian phòng này. Tôi không mong đợi gì ở quốc gia cả. Tôi chỉ mong đợi ở kẻ mạnh, một hiệp sĩ cưỡi ngựa đến cứu quốc gia khỏi cảnh phù phiếm, hủ bại thối rữa của nó.

Nietzsche nói đúng. Tôi không muốn mất nhiều thì giờ để giải thích cho ông biết Nietzsche là ai, nhưng ông ta đã nói đúng. Thế giới thuộc về những kẻ mạnh - những kẻ mạnh cũng là những kẻ cao quý, họ không hục đầu vào chiếc máng lợn của buôn bán, trao đổi. Thế giới thuộc về những người cao quý chân chính, những con dã thú lông vàng[120], những con người làm chủ được mình. Và họ sẽ nuốt sống ông, các ông, những con người xã hội chủ nghĩa, và nghĩ rằng mình là những kẻ cá nhân chủ nghĩa. Cái đạo lý nô lệ của kẻ hèn, kẻ yếu các ông vĩnh viễn không thể cứu nổi các ông đâu. Ô, thật khó hiểu, tôi biết, thôi, tôi chẳng đem nó ra để làm phiền các ông làm gì nữa. Nhưng xin các ông nhớ cho một điều này. Ở Oakland chưa có lấy nổi đám người cá nhân chủ nghĩa, nhưng Martin Eden này là một trong bọn họ.”

Gã ra ý không muốn tranh luận nữa và quay sang Ruth.

“Hôm nay anh kích động quá,” gã nói nhỏ với nàng. “Thực ra anh chỉ muốn yêu đương thôi chứ có muốn nói đâu.”

Gã không để ý tới ông Morse đang nói:

“Tôi vẫn không tin. Tất cả những người xã hội chủ nghĩa đều là những người Jesuits[121] cả. Phải gọi họ như thế mới đúng.”

“Ấy vậy mà chúng tôi sẽ làm anh trở thành một đảng viên xuất sắc của đảng Cộng hòa đấy.” Ông thẩm phán Blount nói.

“Nhưng người hiệp sĩ cưỡi ngựa sẽ đến trước lúc đó cơ.” Martin vui vẻ đáp lại, và quay về phía Ruth.

Nhưng ông Morse không hài lòng. Ông không thích sự lười biếng và cái khuynh hướng sai lạc, không chịu tìm lấy một công việc làm ăn đứng đắn, chính đáng của cậu con rể tương lai của ông, cái con người mà tư tưởng thì ông không tôn trọng, và bản chất thì ông không hiểu nổi. Ông lại hướng câu chuyện tới Herbert Spencer. Thẩm phán Blount nhiệt liệt tán thành, và Martin, ngay từ phút đầu nghe thấy nhắc đến Spencer, tai gã đã đóng lên lắng nghe. Viên thẩm phán thốt ra những lời công kích có vẻ tự mãn và trang trọng chống lại Spencer. Thỉnh thoảng ông Morse lại đưa mắt nhìn Martin như muốn nói: “Đấy, anh thấy chưa?”

“Những con người ba hoa thẩm hại.” Martin lăm bắm trong miệng tiếp tục nói chuyện với

Ruth và Arthur.

Nhưng một ngày dài làm việc cật lực và “những người hạ lưu chân chính” đêm trước đã ảnh hưởng tới gã, ngoài ra những cái gã đọc trên xe đã làm gã giận dữ, vẫn bưng bưng trong đầu óc gã.

“Anh làm sao thế?” Ruth bỗng hỏi, nàng kinh ngạc thấy gã phải dùng hết sức để tự kiềm chế mình.

“Không có thương đế, chỉ có “Bất khả tri, và Herbert Spencer là người tiên tri của nó.” Vừa lúc đó, lão thẩm phán Blount thốt ra nói.

Martin quay về phía ông ta.

“Thật là một nhận định rẻ tiền,” gã bình tĩnh nói. “Lần đầu tiên tôi nghe thấy câu đó tại công viên City Hall, ở cửa miệng một người công nhân, đáng nhẽ anh ta phải hiểu rõ hơn mới phải. Từ đó đến nay tôi thường nghe người ta nhắc đến câu ấy, và lần nào câu nói khoa trương ấy cũng làm tôi buồn nôn. Ông phải tự lấy làm xấu hổ. Nghe thấy tên con người cao quý vĩ đại ấy ở môi ông thốt ra thực chẳng khác gì thấy một bông hoa trong sọt rác. Ông ăn nói kinh tởm quá.”

Thật chẳng khác gì một tiếng sét. Thẩm phán Blount nhìn gã, mặt ngó ra như người bị trúng phong; một sự yên lặng nặng nề bao trùm. Ông Morse thích thú thẳm. Ông thấy cô con gái ông đang bị choáng váng. Đó chính là điều ông mong muốn làm lòi ra cái bản chất cục cằn thô bạo của con người này mà ông không ưa.

Bàn tay Ruth nắn nỉ tìm bàn tay Martin ở dưới bàn, nhưng máu gã đã bốc lên rồi. Gã sôi máu vì sự tự phụ, giả dối làm ra vẻ trí thức của những con người ngồi ở địa vị cao trong xã hội này. Một ông thẩm phán tòa thượng thẩm! Thế mà chỉ mới cách đây vài năm thôi, từ dưới bùn lầy tăm tối, gã ngược mắt nhìn lên những con người danh giá ấy và coi họ như những thánh thần!

Thẩm phán Blount đã trấn tĩnh lại, ông ta định nói tiếp, cố làm ra vẻ lịch sự, Martin thừa hiểu ông ta làm như thế chỉ vì có mấy người phụ nữ ngồi đây. Chính điều đó lại làm cho gã nổi giận thêm. Trên đời này không có sự thành thật hay sao?

“Ông không thể tranh luận về Spencer với tôi đâu?” Gã kêu lên. “Ông không biết gì về Spencer hơn những bọn đồng hương của ông ta đâu. Nhưng đó không phải lỗi ở ông, tôi thừa nhận như thế. Đó chỉ là một giai đoạn của sự ngu dốt đáng khinh của thời đại mà thôi. Tôi đã tìm thấy một dẫn chứng trên đường tới đây chiều hôm nay. Ông nên đọc bài đó. Kiểm nó rất dễ. Ông có thể ra mua ở bất cứ hiệu sách nào hoặc mượn nó ở thư viện. Ông phải cảm thấy xấu hổ vì những lời báng bổ quá ít ỏi và sự không hiểu biết gì của ông về con người cao quý ấy so với những cái mà Saleeby đã thu thập được. Đó là sự xấu hổ cùng cực, nó sẽ làm xấu cả sự xấu hổ của ông.

“Triết gia của những kẻ học thức dở” một triết gia viện sĩ không xứng đáng được hít thở, làm bẩn cái bầu không khí mà Spencer thở hít đã gọi ông ta như vậy. Tôi nghĩ rằng ông chưa đọc đến mười trang của Spencer, nhưng đã có những nhà phê bình, hẳn là còn thông minh hơn ông, vậy mà họ công khai thách thức những môn đồ của Spencer viện dẫn ra được một tư tưởng trong toàn bộ tác phẩm của ông ta, trong toàn bộ tác phẩm của Spencer, con người đã đóng dấu ấn thiên tài của mình trong mọi lĩnh vực tìm tòi khoa học, và những tư tưởng hiện đại, người cha của tâm lý học, người đã cách tân cả khoa sư phạm, để cho ngày nay con em người nông dân lao động Pháp được học đọc, học viết, học tính theo những nguyên tắc mà ông đã đặt ra. Thế mà những kẻ tiểu nhân sâu bọ lại làm ố bẩn thanh danh của ông ta trong khi chúng vẫn

dựa vào những ứng dụng chuyên môn của những tư tưởng của ông ta để kiểm lấy chính khoanh bánh miếng bơ của chúng. Trong đầu óc chúng có được một chút giá trị ít ỏi nào, phần lớn đều là nhờ ông ta. Chắc chắn nếu không có ông ta thì hầu hết những cái gì gọi là đúng trong cái tri thức học vẹt của chúng đều không thể có được.

Thế mà một người như ông Fairbanks, hiệu trưởng trường đại học Oxford – một người ở địa vị còn cao hơn ông, ông thẩm phán Blount ạ - đã nói rằng Spencer sẽ bị hậu thế gạt xuống, coi ông ta chỉ là một nhà thơ, là một người mơ mộng hơn là một nhà tư tưởng. Bọn chó sữa nhăng, bọn bẻm mép nói láo, cả lũ chúng nó! Một kẻ trong bọn chúng nói: *Nguyên lý cơ bản* không phải hoàn toàn không có một giá trị văn học nào. Có những kẻ khác lại nói rằng Spencer là một kẻ lao khổ cần cù, hơn là một nhà tư tưởng độc đáo. Thật là một lũ chó sữa nhăng, một lũ bẻm mép nói láo! Một lũ chó sữa nhăng, một lũ bẻm mép nói láo!”

Martin ngừng lại đột ngột, không khí im phăng phắc. Mọi người trong gia đình Ruth vẫn coi ông thẩm phán Blount là một người có quyền lực, một nhân vật thành đạt, nay họ kinh sợ về những lời nói bóp chát của Martin. Từ lúc ấy, bữa ăn diễn ra như nhà có đám, ông thẩm phán và ông Morse chỉ nói chuyện riêng với nhau, những người khác chuyện trò hết sức rời rạc. Cuối cùng, khi chỉ còn Ruth với Martin, hai người mới tranh cãi nhau.

“Anh thật không thể nào chịu được,” nàng vừa nói vừa khóc.

Nhưng cơn giận ở Martin vẫn chưa nguôi, gã vẫn lăm bắm: “Đồ súc vật! Đồ súc vật!”

Khi nàng cả quyết rằng gã đã sỉ nhục ông thẩm phán, gã cãi lại:

“Anh nói sự thật với ông ấy mà bảo là sỉ nhục ư?”

“Em không cần biết đó là sự thật hay không,” nàng nhấn mạnh. “Phải có một giới hạn nào đó trong phép lịch sự không được vượt qua chứ, anh không có quyền sỉ nhục ai cả.”

“Thế thì ông thẩm phán Blount kia có quyền gì mà công kích chân lý?” Martin hỏi. “Chắc chắn công kích chân lý còn là một tội lỗi nặng hơn là sỉ nhục một nhân cách bé bỏng như nhân cách của ông thẩm phán. Ông ta còn làm một điều tồi tệ hơn thế nữa. Ông ta đã bôi nhọ tên của một người cao quý, một người vĩ đại đã chết. Ôi! Thật là đồ súc vật! Đồ súc vật!”

Cơn giận dữ phức tạp của gã lại bùng bùng bốc lửa lên, khiến Ruth kinh sợ. Chưa bao giờ nàng thấy gã giận dữ như vậy, mà nó thật là hoàn toàn vô lý, khó hiểu đối với sự hiểu biết của nàng. Tuy vậy, qua sự kinh hãi, nàng vẫn thấy những sợi dây quyến rũ say đắm đã từng kéo nàng lại với gã, và trong phút say sưa cuồng nhiệt nhất, đã khiến nàng đặt tay lên cổ gã. Nàng đang bị tổn thương, xúc phạm vì những chuyện đã xảy ra, tuy nhiên, nàng vẫn nằm trong cánh tay gã và run lên, trong khi gã cứ lăm bắm: “Đồ súc vật! Đồ súc vật!” và nàng vẫn còn nằm trong cánh tay gã khi gã nói: “Em yêu quý, anh sẽ không bao giờ đến làm phiền cái bàn ăn nhà em nữa đâu. Họ không ưa anh, anh thật là sai lầm khi cứ vác cái bộ mặt khó chịu đến với họ. Hơn nữa, đối với anh, những bộ mặt của họ cũng rất đáng khó chịu. Hừ! Họ thật đáng lộn mửa. Nghĩ mà xem, anh đã ngây thơ tưởng rằng những người ở địa vị cao trong xã hội, những người sống trong những căn nhà lộng lẫy, có học thức, có tiền gửi ngân hàng đều là ghê gớm lắm!”

CHƯƠNG 38

“Nào, chúng ta đến trụ sở đi.”

Brissenden nói, người anh yếu hèn vì bị thổ huyết nửa tiếng đồng hồ trước đây, lần thổ huyết thứ hai trong ba ngày. Cầm cốc rượu whiskey “thường trực” trong tay, ngón tay run run, anh nâng lên uống cạn.

“Tôi cần gì với chủ nghĩa xã hội?” Martin hỏi.

“Những người ngoài đảng được năm phút để phát biểu,” anh bạn ốm yếu thúc giục. “Đứng đây, đi mà trở tài hùng biện. Hãy nói với họ tại sao cậu không cần đến chủ nghĩa xã hội. Hãy nói cho họ biết cần nghĩ thế nào về họ và về cái đạo đức công nhân của họ. Đem Nietzsche mà nhét vào đầu óc họ, và hãy cho họ đập cho cậu tơi bời ra. Hãy tranh luận cho thật căng vào. Cái đó sẽ làm cho họ sáng mắt ra. Họ rất thích tranh luận và cả cậu nữa. Cậu biết đấy, trước khi tớ nhắm mắt, tớ muốn được thấy cậu trở thành một người theo chủ nghĩa xã hội. Như thế nó mới làm cho sự tồn tại của cậu có ý nghĩa. Chỉ có cái đó mới có thể cứu cậu trong những lúc thất vọng sẽ đến với cậu.”

“Mình vẫn không thể hiểu tại sao trong tất cả mọi người, cậu lại theo chủ nghĩa xã hội.” Martin trầm ngâm. “Cậu ghét quần chúng lắm cơ mà. Chắc chắn không có một cái gì ở cái chốn đề tiện ấy hợp với tâm hồn yêu cái đẹp của cậu?” Martin giơ tay chỉ vào cốc rượu whiskey Brissenden đang lại rót đầy, như buộc tội. “Chủ nghĩa xã hội hình như cũng không cứu nổi cậu.”

“Tớ ốm lắm,” Brissenden trả lời. “Với cậu lại khác. Cậu có sức khỏe, có nhiều cái để mà sống, và dù sao cậu cũng bị ràng buộc vào cuộc đời. Còn như đối với tớ, cậu không hiểu tại sao tớ lại là một người theo chủ nghĩa xã hội. Tớ sẽ nói để cậu rõ. Chính vì chủ nghĩa xã hội là cái không thể nào tránh được, bởi vì cái chế độ hiện tại thối nát và phi lý không thể nào kéo dài được, bởi vì cái thời một con người hùng trên lưng ngựa của cậu đã qua rồi. Những người nô lệ không chịu để yên đâu. Họ rất đông, dù muốn hay không họ cũng sẽ lật cái anh chàng cứ làm vẻ như là hiệp sĩ anh hùng kia xuống, trước khi anh kịp ngồi lên mình ngựa. Cậu không thể tránh họ được và cậu sẽ phải nuốt tất cả đạo đức nô lệ. Tớ thừa nhận rằng những cái đó không hay ho gì. Nhưng rượu đã rót ra, cậu phải uống thôi. Dù sao cậu đã quá lỗi thời với những tư tưởng Nietzsche của cậu. Quá khứ là quá khứ, và kẻ nào nói rằng lịch sử sẽ tự điều lại là kẻ ấy nói dối. Tất nhiên, tớ không ưa gì quần chúng, nhưng một kẻ tội nghiệp như tớ còn làm gì được? Chúng ta không thể có con người hùng trên lưng ngựa, và gì gì đi nữa thì cũng còn hơn cái bọn lợn nhút nhát đang trị vì hiện nay. Thôi, dù sao thì cậu cũng nên đến đấy. Rượu đã ngập đến cổ tớ rồi, nếu tớ ngồi đây lâu hơn nữa, tớ sẽ say mất. Và cậu biết bác sĩ nói – mẹ kiếp cái anh bác sĩ. Tớ sẽ lừa nó lần nữa cho mà xem!”

Đêm đó là đêm chủ nhật, họ thấy cái gian phòng nhỏ chật ních những người thuộc đảng xã hội khu Oakland, phần lớn đều là những người thuộc giai cấp công nhân. Diễn giả, một người Do Thái thông minh, ngay từ phút đầu đã chiếm được sự cảm phục của Martin, nhưng đồng thời cũng làm gã đối lập lại. Dáng gù gù, vai hẹp, ngực lép, chứng tỏ anh ta là một người con chân chính của khu lao động đông dân cư; và ấn tượng về cuộc chiến tranh dai dẳng của những người yêu, của những người nô lệ khốn khổ chống lại một nhóm người thống trị, đã thống trị

và sẽ còn thống trị họ cho đến ngày tận thế, đã khiến Martin xúc động mạnh. Đối với gã, cái mẫu người gầy còm này là một biểu tượng. Anh ta là hình ảnh nổi bật đại diện cho tất cả đám quần chúng khốn cùng, những kẻ yếu đuối, bất tài đã bị chết đi theo qui luật sinh vật học của cuộc sống phức tạp. Họ là những người không có sức đấu tranh để tồn tại. Mặc cái triết học khôn ngoan của họ, mặc cái khuynh hướng hợp tác như một bầy kiến của họ, tạo hóa cứ đào thải họ, dành chỗ cho con người kiệt xuất. Tạo hóa tung từ bàn tay màu mỡ của mình ra rất nhiều mầm sống, nhưng tạo hóa chỉ chọn những mầm tốt nhất. Bất chước tạo hóa, con người cũng áp dụng một phương pháp như thế để nuôi ngựa đua hoặc trồng dưa. Tất nhiên, kẻ sáng tạo ra vũ trụ có thể áp dụng một phương pháp tốt hơn; nhưng những sinh vật của cái vũ trụ đặc biệt này phải khuôn theo phương pháp đặc biệt ấy. Đương nhiên, những sinh vật đó có thể quần quai vùng vẫy khi bị hủy diệt, cũng như những người thuộc đảng xã hội quần quai vùng vẫy, cũng như người diễn giả đang đứng trên bục kia, và đám quần chúng mồ hôi mồ kê nhễ nhại ngay lúc này cũng đang quần quai vùng vẫy, bàn bạc cùng nhau để cùng nhau tìm ra một phương sách mới nào đó; đang làm giảm bớt hình phạt của cuộc sống và chiến thắng vũ trụ.

Martin nghĩ như vậy, và gã nói như vậy khi Brissenden giục gã quát cho họ một vố. Gã theo lời, bước lên bục diễn đàn, theo như tập quán ở hội trường và xin phép chủ tịch hội nghị. Gã bắt đầu nói khẽ, vấp vấp, sắp xếp lại cho có thứ tự những ý nghĩ nảy ra trong đầu óc gã trong khi người Do Thái nói. Trong những buổi họp như thế này, mỗi diễn giả chỉ được phép phát biểu năm phút, nhưng khi năm phút của Martin đã hết, gã nói đang sôi nổi, lời phát biểu tấn công vào chủ nghĩa của họ mới chỉ được một nửa. Gã đã lôi cuốn được sự hứng thú của họ, thánh giả hò reo xin chủ tịch hội nghị kéo dài thêm thời gian phát biểu của Martin. Họ thấy gã là một địch thủ xứng đáng với trí tuệ của họ, họ chăm chú nghe, theo dõi từng lời. Gã nói say sưa và tin tưởng, không dè dặt trong khi gã tấn công vào bọn người nô lệ, vào quan niệm đạo đức của đám người này, vào sách lược đấu tranh của họ – gã nói thẳng không rào đón, ám chỉ chính đám thánh giả là những người nô lệ gã đang nói đến. Gã trích dẫn Spencer và Malthus, nói lên qui luật phát triển của sinh vật học.

“Vì thế,” gã kết luận vắn tắt, “không một quốc gia nào gồm toàn những loại người nô lệ lại có thể tồn tại. Cái quy luật có từ xưa về sự phát triển vẫn còn thích dụng. Trong cuộc đấu tranh sinh tồn, như tôi đã nói, kẻ mạnh và dòng giống của kẻ mạnh sẽ sống sót, và chừng nào mà đấu tranh còn tồn tại, thì sức mạnh của mỗi thế hệ càng lớn lên. Đó là sự phát triển. Nhưng những người nô lệ các bạn – làm nô lệ thật là quá tồi tệ, tôi thừa nhận là như thế – nhưng những người nô lệ các bạn lại mơ tưởng một xã hội, nơi mà quy luật phát triển sẽ bị thủ tiêu, nơi mà không một kẻ yếu đuối, không một kẻ bất tài nào sẽ bị tiêu diệt, nơi mà mọi kẻ bất tài trong xã hội muốn ăn bao nhiêu cũng có, một ngày muốn ăn bao nhiêu bữa cũng được, nơi mà mọi người đều lập gia đình và sinh con đẻ cái – kẻ yếu cũng như kẻ mạnh. Kết quả sẽ như thế nào? – kết quả là sức mạnh và giá trị của cuộc sống ở mỗi thế hệ sẽ không còn tăng lên nữa. Trái lại, nó sẽ giảm đi. Đó là thần Nemesis[122] đối với cái triết học nô lệ của các bạn. Cái xã hội nô lệ của các bạn – của những người nô lệ, bởi những người nô lệ và vì những người nô lệ – nhất định phải yếu đi không sao có thể tránh khỏi được và sẽ tan vụn ra từng mảnh vì cuộc sống của nó sẽ yếu đi và tan vụn ra từng mảnh.

“Hãy nhớ rằng, tôi giải thích theo sinh vật học chứ không phải đạo đức tình cảm đâu. Không một quốc gia của những người nô lệ nào có thể đứng vững...”

“Thế nước Mỹ thì sao?” Một người trong đám thánh giả hét lên.

“Còn sao nữa?” Martin trả lời. “Mười ba nước thuộc địa lật đổ kẻ thống trị của họ và lập nên cái gọi là nước Cộng Hoà.[123] Những người nô lệ tự làm chủ mình, không còn những ông chủ thống trị bằng gươm giáo. Nhưng không thể kéo dài tình trạng không thể có một thứ ông chủ nào đó, và thế lại là có một loại chủ mới lại nảy ra – không phải là những con người cao quý, cường tráng, vĩ đại mà là bọn con buôn, bọn cho vay lãi lấu cá và quay quắt. Bọn chúng lại nô

dịch các bạn một lần nữa, nhưng không phải thẳng thắn như những người chân chính cao quý vẫn làm với sức mạnh của chính cái vũ khí thích hợp của họ, mà bằng cách lén lút, dùng những thủ đoạn quay quắt, bằng cách lừa lọc, tán tỉnh, dối trá. Bọn chúng đã mua chuộc những tên chánh án nô lệ của các bạn, bọn chúng đã truy lạc hóa những viên lập pháp nô lệ của các bạn, bọn chúng còn cưỡng bức nam nữ thanh niên nô lệ của các bạn làm việc còn tồi tệ hơn cả bầy nô lệ như súc vật nữa. Hai triệu con em của các bạn đang phải quần quật làm việc trong cái chế độ thiếu số con buôn ấy ở cái nước Mỹ này. Mười triệu những người nô lệ các bạn hiện nay đang không có một chỗ ở cho thơm mát, mà cũng không được ăn cho no đủ.

“Nhưng ta trở lại vấn đề. Tôi đã nói rằng không một xã hội nào của những người nô lệ có thể tồn tại lâu dài bởi vì theo chính bản chất của nó, một xã hội như thế sẽ thủ tiêu mất quy luật phát triển. Một xã hội nô lệ vừa lập lên thì lập tức sự suy sụp sẽ tới ngay. Các bạn nói đến thủ tiêu quy luật phát triển thì dễ, nhưng thử hỏi đâu là cái quy luật phát triển mới nó sẽ giữ vững sức mạnh phát triển của các bạn? Các bạn hãy nói ra đi? Nó đã được đặt ra chưa? Các bạn nói xem?”

Martin ngồi xuống giữa những tiếng reo hò ồn ào náo nhiệt. Hai chục người đứng lên tranh nhau đề nghị chủ tịch cho họ được phát biểu trước. Và lần lượt, được sự cổ vũ ầm ĩ của thính giả, họ phát biểu sôi nổi, đầy nhiệt tình với những cử chỉ nóng nảy trả lời lại cuộc tấn công của Martin. Đó là một đêm cuồng nhiệt – nhưng cuồng nhiệt một cách có tri thức, một cuộc chiến đấu về tư tưởng. Một vài người đi lạc đề, nhưng hầu hết những diễn giả đã trực tiếp trả lời Martin. Họ làm gã kinh ngạc với những tư tưởng rất mới đối với gã: họ làm cho gã nhìn một cách sâu sắc hơn, không phải là về những quy luật mới về sinh vật học mà chính là ở trong cách áp dụng mới những quy luật cũ. Họ hăng say quá, luôn luôn quên cả lịch sự, nhiều lần chủ tịch phải gõ và đập xuống bàn để lấy lại trật tự. Lúc đó, trong những thính giả tình cờ có một anh chàng ký giả non choẹt, anh ta ngồi nghe vì hôm đó thiếu tin tức và tòa soạn cần những tin giật gân.

Anh ta không phải là một ký giả có tài. Anh ta chỉ là một ký giả nói năng giáo hoạt, lém lỏm. Anh ta quá ngốc nghếch không theo dõi được cuộc tranh luận. Thực ra, anh ta có một cảm giác thoải mái rằng mình hơn cái bọn điên lảm lòi thuộc giai cấp công nhân này nhiều. Hơn nữa, anh ta còn hết sức kính trọng những người ở địa vị cao, những người đặt ra chính sách của quốc gia và của báo chí. Đi xa hơn nữa, anh ta còn có một lý tưởng là trở thành một ký giả toàn thiện, toàn mỹ, một con người từ chỗ không có gì cả mà có thể làm nên một sự nghiệp nào đó – một sự nghiệp lớn nữa cơ.

Anh ta không hiểu tất cả câu chuyện bàn tới cái gì. Cái đó không cần thiết. Những từ như cách mạng, thế là đủ rồi. Giống như một nhà cổ-sinh-vật-học chỉ căn cứ vào một mẫu xương hoá thạch mà có thể dựng được cấu tạo của toàn bộ bộ xương, anh ta cũng chỉ căn cứ vào từ “cách mạng” là có thể dựng lại toàn bộ bài nói chuyện của người khác. Đến hôm nay, anh ta đã làm như thế đấy, và đã thành công: và vì hôm đó Martin bị kích động ghê gớm cho nên anh ta đặt những câu nói đó vào miệng Martin, biến Martin trở thành một kẻ cực kỳ vô chính phủ, trong tấn trò, biến cái chủ nghĩa cá nhân phản động của gã thành lời lẽ một người theo chủ nghĩa xã hội một cách cuồng tín nhất. Cái anh ký giả non choẹt này quả là một nghệ sĩ – anh ta đã phác một nét vẽ lớn lên các màu sắc của hội nghị – những con người tóc dài, mắt dữ tợn, những người mắc bệnh thần kinh và sa đọa, giọng nói run lên vì giận dữ, tay nắm lại gờ cao, tất cả những cái đó được phóng lên một bối cảnh đầy những lời chửi rủa, hò hét, và những tiếng gầm gừ của những con người giận dữ.

CHƯƠNG 39

Trong căn phòng nhỏ của mình, Martin vừa uống cà phê vừa đọc báo buổi sáng. Thật là mới lạ khi thấy tên mình ở dòng đầu, hơn nữa lại trên trang nhất của tờ báo; và ngạc nhiên khi được biết rằng gã là người thủ lĩnh nổi tiếng nhất của những người thuộc đảng xã hội Oakland. Gã đọc lướt qua những lời phát biểu mãnh liệt mà cái anh chàng ký giả non choẹt kia gán cho gã – tuy lúc đầu gã giận giữ vì những lời bịa đặt ấy, nhưng cuối cùng gã quăng tờ báo sang bên, cười lớn:

“Hoặc là thằng cha ấy say rượu, hoặc là nó có ác ý giết người.” Chiều hôm đó Martin ngồi trên giường nói như vậy khi Brissenden tới, khẽ buông mình xuống cái ghế độc nhất.

“Nhưng mà cậu cần gì cơ chứ?” Brissenden hỏi. “Chắc chắn cậu không thèm cần đến những lời tán thưởng của bọn lợn ỉ tư sản khi chúng đọc từ báo này chứ?”

Martin suy nghĩ một lúc, rồi nói:

“Không, mình thực không cần đến những lời tán thưởng của bọn chúng, không cần một tí

nào. Nhưng mặt khác, chúng làm cho quan hệ của mình với gia đình Ruth thêm khó xử một chút. Cha nàng luôn luôn đả mình là người theo chủ nghĩa xã hội, và cái bài báo đốn mạt này lại càng làm ông ta tin chắc hơn nữa. Không phải là mình quan tâm đến những ý kiến của ông ta – nhưng cần gì cái đó? Bây giờ mình muốn đọc cậu nghe những cái mình đã viết hôm nay. Tất nhiên đó là truyện “*Quá hạn*” mình mới viết xong được một nửa.”

Gã đang đọc thì Maria đẩy cửa dẫn vào một người đàn ông trẻ tuổi ăn mặc chỉnh tề, anh ta đưa mắt sắc sảo mình quanh, chú ý đến chiếc bếp dầu và cái bếp ở góc buồng rồi mới nhìn đến Martin.

“Mời ngồi.” Brissenden nói.

Martin nhường chỗ trên giường cho người trẻ tuổi đó và đợi anh ta nói mục đích cái việc anh ta đến đây.

“Ông Eden, tối hôm qua tôi được nghe ông diễn thuyết, hôm nay, tôi đến đây để phỏng vấn ông,” ông ta bắt đầu.

Brissenden bật cười lớn.

“Đây có phải là người anh em trong đảng xã hội không?” Người ký giả vừa hỏi vừa đưa mắt nhìn vội Brissenden, đánh giá cái sắc nhợt nhạt của con người sắp chết trắng bệch như cái thây ma đó.

“Chính hắn viết bài báo đó?” Martin nói khẽ. “Sao, hắn chỉ là một tên oắt!”

“Sao cậu không tấn cho hắn một mẻ?” Brissenden hỏi. “Tớ sẵn sàng bỏ ra 1000 đô la để có lại được buồng phổi trước kia của tớ chỉ trong năm phút thôi.”

Cái gã ký giả non choẹt đó xem chừng hơi bối rối vì câu chuyện của hai người đang bàn về anh ta, chung quanh anh ta, nhằm vào anh ta. Nhưng anh chàng đã được người ta khen về cái bài xuất sắc tường thuật lại cuộc hội nghị của đảng xã hội, và anh chàng được chỉ định đi phỏng vấn riêng Martin Eden, vị lãnh tụ của cái tổ chức đang đe dọa xã hội ấy.

“Thưa ông Eden, ông không phản đối việc cho chụp ảnh ông chứ?” Anh ta hỏi. “Nhà nhiếp ảnh của chúng tôi đang ở ngoài kia. Ông thấy đấy, anh ta nói nên chụp ảnh ông ngay trước khi mặt trời xuống thấp hơn. Rồi chúng tôi sẽ xin phỏng vấn sau.”

“Một nhà nhiếp ảnh,” Brissenden nói, có vẻ trầm ngâm. “Martin, cho nó mấy quả! Cho nó mấy quả!”

Martin trả lời:

“Mình cho rằng mình đã già rồi. Mình biết rằng nện cho nó là đúng, nhưng mình thực không đành lòng. Xem ra chẳng cần thiết.”

“Thì vì mẹ nó!” Brissenden giục.

“Nên suy nghĩ xem đã,” Martin trả lời. “Nhưng mình thấy hình như không đáng để mình phải mệt người. Cậu thấy đấy, cũng cần phải có nghị lực mới đánh được người chứ? Vả lại, để làm gì?”

“Đúng đấy! Nên làm như vậy.” Anh chàng ký giả nói, vẻ bình tĩnh, mặc dù anh ta đã bắt đầu nhìn ra cửa một cách lo lắng.

“Nhưng không một lời nào hần viết là đúng sự thật cả,” Martin tiếp tục nói riêng với Brissenden.

“Xin ông hiểu cho, đó là cách mô tả đại thể,” anh chàng ký giả đánh bạo nói. “Hơn nữa, đó là một lời quảng cáo đặc sắc. Ăn nhau ở chỗ đó. Đó là điều đặc biệt đối với ông.”

“Martin, anh bạn, đó là lời quảng cáo đặc sắc.” Brissenden nhắc lại một cách trịnh trọng.

“Đó là một đặc ân đối với mình nữa - nghĩ mà xem!” Martin nói thêm.

“Xin ông cho biết... ông sinh ở đâu, thưa ng Eden?” Cái anh chàng non choẹt này lại hỏi, và cố làm ra vẻ hết sức chăm chú chờ đợi.

“Hần không hề ghi chép.” Brissenden nói. “Hần nhớ tất cả!”

“Đối với tôi cái đó không cần thiết,” anh chàng ký giả cố giấu sự bối rối của mình. “Không một ký giả vững nào nào cần đến ghi chép.”

“Đêm hôm qua hần cũng không cần phải ghi chép,” Brissenden vốn không phải là một tính đồ của đạo ngọt ngào, anh bỗng thay đổi thái độ đột ngột. “Martin, nếu cậu không quật cho nó một trận, thì tớ sẽ làm lấy vậy, dù một phút sau, tớ có chết trên sàn này cũng được.”

“Phát vào đít có được không?” Martin hỏi.

Brissenden suy nghĩ một cách cẩn thận rồi gật đầu.

Một phút sau Martin đã ngồi ở thành giường, anh ký giả nằm sấp mặt trên đầu gối gã.

“Đừng có cắn đấy nhé!” Martin cảnh cáo. “Nếu không tao sẽ đập nát mặt mày ra. Như thế thì tội nghiệp lắm vì cái mặt mày rất ư là đẹp.”

Martin giơ tay lên rồi hạ xuống, giơ lên hạ xuống, nhịp điệu nhanh nhẹn, chắc chắn. Anh chàng ký giả dấy dựa, chửi rửa, quần quai, nhưng không dám cắn. Brissenden nhìn một cách nghiêm nghị, có một lúc anh bị kích thích, tay nắm lấy chai wishky nói:

“Nào, cho tớ quật hần một cái.”

“Tội nghiệp cho cái bàn tay mình,” Martin nói, khi cuối cùng, gã ngừng tay. “Nó tê hần đi...”

Gã dựng anh chàng ký giả dậy, đặt hần ngồi lên giường:

“Ông sẽ cho mày ngồi tù vì chuyện này!” Anh chàng ký giả gầm gừ, những giọt nước mắt trẻ con, bức bối chảy ràn rụa trên đôi má đỏ bừng của hần. “Ông sẽ làm cho mày điều đúng. Rồi mày sẽ biết tay.”

“Thằng bé hay thật!” Martin nhận xét. “Hần không biết rằng hần đang đi vào con đường

xuống dốc. Nói năng những lời dối trá về người khác như hắn đã làm là không trung thực, không thẳng thắn, không phải việc làm của một trượng phu, thế mà hắn vẫn không hay biết.”

“Hắn đã đến để bọn mình dạy cho biết.” Brissenden thêm vào lúc Martin ngừng lại.

“Phải, hắn đã đến với mình, người đã bị hắn sỉ nhục và chơi xỏ. Lão chủ cửa hàng thực phẩm chắc chắn bây giờ sẽ không bán chịu cho mình nữa. Cái tệ hại nhất là thằng bé đáng thương này cứ tiếp tục trên con đường như vậy cho đến khi nó sa đọa trở thành một ký giả bậc nhất và đồng thời cũng là một thằng vô lại bậc nhất.”

“Nhưng hãy còn thời gian,” Brissenden nói. “Ai biết được có thể chính cậu là cái công cụ tầm thường đã cứu hắn. Tại sao cậu không để tớ quật hắn chỉ lấy một lần? Tớ thích được nhúng tay vào đó.”

“Ông sẽ cho tổng giam cả hai thằng chúng mày, đồ s... s... súc sinh khốn nạn,” cái tâm hồn lầm lạc kia nức nở.

“Ồ không, cái mõm của nó đẹp đẽ quá,” Martin lắc đầu buồn bã. “Mình sợ rằng mình đã làm bàn tay mình tê dại đi một cách vô ích. Thằng ranh con này không thể cải tạo được đâu. Rồi thế nào cũng trở thành một ký giả rất thành công và vĩ đại. Nó không có lương tâm. Riêng điều đó cũng đủ làm cho nó vĩ đại rồi.”

Nghe thấy thế, gã ký giả non choẹt run sợ lùi ra cửa, gã sợ Brissenden sẽ quật vào lưng hắn cái chai anh còn đang nắm trong tay.

Ở tờ báo sáng hôm nay, Martin đọc thấy nhiều điều hơn nói về gã, những điều đối với gã rất là mới lạ. “Chúng tôi là những kẻ thù không đội trời chung với xã hội.” Gã thấy trong một bài phỏng vấn người ta nói rằng đây là lời gã phát biểu. “Không, chúng tôi không phải là những người vô chính phủ, chúng tôi là những người theo chủ nghĩa xã hội.” Khi cái anh chàng ký giả ấy cho rằng hình như giữa hai trường phái này không có gì khác nhau lắm. Martin nhún vai im lặng thừa nhận. Bộ mặt gã được miêu tả thành hai phần không cân xứng, và còn rất nhiều dấu hiệu suy đồi khác nữa. Đáng chú ý nhất là đôi bàn tay gã giống như đôi bàn tay của một tên ác ôn, cặp mắt ngầu máu của gã đã bắn ra những tia lóe sáng hung dữ.

Gã còn đọc trên báo nói rằng đêm nào gã cũng diễn thuyết cho công nhân nghe ở công viên City Hall, rằng trong những kẻ vô chính phủ, trong những kẻ gây phiền động kích thích trí óc của quần chúng thì gã là một diễn giả thu hút được nhiều quần chúng, và phát biểu những lời lẽ cách mạng nhất. Anh chàng ký giả nọ còn vẽ nên một bức tranh sinh động của gian phòng nhỏ tối tăm của gã, một cái bếp dầu, một cái ghế độc nhất và một thằng ma cà bông trông như một xác chết nằm bện với gã, một thằng cha trông như vừa mới ở ngục tối của một pháo đài nào đó chui ra sau hai mươi năm bị giam cầm cố.

Cái anh chàng ký giả này thật là đã chịu khó. Anh ta đã chạy ngược chạy xuôi thế nào, mà lôi ra được cái lịch sử của gia đình Martin, chụp được tấm ảnh “Higghinbotham thương điểm” với ông chủ Bernard Higghinbotham đứng ở trước cửa hiệu. Ông này được tả như một người thông minh, một nhà kinh doanh đứng đắn, không chịu được những quan điểm chủ nghĩa xã hội của cậu em rể và cũng không chịu được nổi chính cậu em rể ấy, người mà ông cho là một kẻ điển hình lười biếng, không được cái tích sự gì. Người ta đưa việc cho mà làm thì không chịu làm, rồi chắc chắn cũng đến phải ngồi tù thôi. Hermann Von Schmidt, chồng của Maria cũng được phỏng vấn như vậy. Gã này gọi Martin là con chiên ghẻ của gia đình và tuyên bố rằng mình đã từ Martin. “Hắn đình bòn rút tôi, nhưng tôi cắt đứt ngay, nhanh và gọn.” Von Schmidt tuyên bố với anh chàng ký giả như vậy. “Hắn biết rằng quanh quẩn ăn bám vào tôi cũng chẳng

ăn thua gì, một kẻ không làm việc quyết không phải là một kẻ lương thiện, tôi đoán với ông như thế.”

Lần này thì Martin nổi giận thật sự. Brissenden coi chuyện này như một chuyện đùa lý thú, nhưng già không sao có thể an ủi Martin, vì Martin thấy rằng giải thích chuyện này để Ruth hiểu ra thật không phải dễ. Còn đối với cha nàng, già biết rất rõ hẳn ông ta sẽ rất sung sướng vì những chuyện đã xảy ra và ông ta sẽ tận dụng chuyện này để phá cuộc hôn nhân. Không phải lâu la gì, Martin cũng biết được hậu quả của nó tai hại như thế nào. Chuyến thư chiều mang đến cho già một bức thư của Ruth. Martin bóc thư với linh tính sẽ có một tai họa xảy ra, già cứ đứng ở chỗ cửa bỏ ngỏ, nơi người phụ trạm trao thư cho già và đọc. Già vừa đọc, vừa như một cái máy, thọc tay vào túi tìm thuốc lá và cuộn giấy nâu của những ngày già còn hút xưa kia. Già không biết rằng túi già lúc này rỗng không, mà cũng không biết ngay cả mình đã thọc tay vào túi tìm giấy và thuốc để cuộn một điếu thuốc lá nữa.

Đó không phải là một bức thư gay gắt. Lời lẽ trong thư cũng không một tí gì là giận dữ. Nhưng suốt cả bức thư, từ đầu đến cuối, đều toát lên lòng tự ái bị xúc phạm và nỗi thất vọng. Nàng vốn chờ đợi ở già, những cái tốt đẹp hơn. Nàng những tưởng già đã qua sự ngông cuồng của tuổi trẻ, rằng tình yêu của nàng đã xứng đáng để già sống nghiêm chỉnh hơn, đứng đắn hơn. Bây giờ cha nàng và mẹ nàng đã nhất định kiên quyết bắt nàng từ bỏ đính ước. Nàng chỉ còn có thể thừa nhận là cha mẹ nàng làm như thế là đúng. Mối quan hệ giữa hai người không thể có hạnh phúc được. Nó đã bất hạnh ngay từ phút đầu. Nhưng toàn bộ bức thư chỉ toát lên một sự tiếc hận nơi nàng, điều này làm Martin cay đắng hơn cả. “Giá như anh đã tạo cho mình một địa vị nào đó, cố gắng xây dựng lấy một cái gì,” nàng viết. “Nhưng những cái đó đều không có. Cuộc đời quá khứ của anh quá ư phóng túng, quá ư vô định. Tôi hiểu rằng anh không đáng trách. Anh chỉ có thể hành động theo bản tính của anh, theo lối giáo dục từ khi còn bé của anh. Vì thế tôi không trách anh đâu, Martin ạ. Xin anh nhớ cho điều đó. Đó chỉ là một sự lầm lỗi thôi. Như cha tôi và mẹ tôi vẫn nói, chúng ta không phải sinh ra để hợp nhau, và cả hai chúng ta nên lấy làm sung sướng vì điều đó đã được phát hiện ra chưa đến nỗi quá ư là muộn.”

“... Anh đừng tìm gặp tôi làm gì nữa,” nàng nói ở cuối bức thư. “Một cuộc gặp gỡ như thế sẽ là một cuộc gặp gỡ bất hạnh cho cả hai người chúng ta và cho cả mẹ tôi. Tôi cảm thấy, thực sự, tôi đã làm cho mẹ tôi sầu muộn và đau đớn. Phải lâu lắm, tôi mới có thể chuộc lại tội lỗi được.”

Già đọc bức thư cẩn thận từ đầu đến cuối, cẩn thận một lần thứ hai, rồi ngồi xuống, và viết thư trả lời. Già đã viết lại những lời già đã phát biểu ở hội nghị của những người thuộc đảng xã hội, nói rõ ràng những lời già phát biểu đều ngược lại với những lời mà tờ báo đã gán cho già. Đoạn cuối bức thư, già đã dùng lời lẽ của một người tình say đắm, tha thiết xin được yêu đương. “Xin em hãy trả lời anh,” già viết. “Và trong thư trả lời, em chỉ cần nói cho anh một điều. Em có yêu anh không? Thế thôi. Em chỉ trả lời một câu hỏi đó thôi.”

Nhưng hôm sau, rồi hôm sau nữa, vẫn không có thư trả lời. “*Quá hạn*” vẫn nằm yên trên bàn, và ngày nọ qua ngày kia những tập bản thảo bị gửi trả về dưới gầm bàn lại càng ùn lên hơn. Lần đầu tiên trong đời, giấc ngủ say sưa của Martin bị cắt đứt, già đã phải trằn trọc bao nhiêu đêm dài. Ba lần già đến nhà ông Morse, nhưng lần nào cũng bị người đầy tớ mở cửa đuổi đi. Brissenden nằm ốm liệt trong khách sạn của anh ta, yếu quá không bước chân ra ngoài được, và tuy Martin lại thăm Brissenden luôn, anh cũng không đem những nỗi phiền khổ của mình làm phiền bạn.

Bởi vì những nỗi phiền khổ của Martin thì nhiều. Tác hại của việc làm của tên ký giả kia lớn hơn Martin dự đoán. Lão chủ hiệu thực phẩm người Bồ Đào Nha không bán chịu cho già nữa; lão bán hoa quả người Mỹ – hẳn ta vẫn tự hào về điều này – gọi già là kẻ phản quốc, và từ chối không bán chác giao tiếp gì với già nữa. Mức độ yêu nước của lão ghê gớm đến nỗi lão đã hủy bỏ cả số tiền Martin nợ và cấm anh không được trả nữa. Câu chuyện của bà con hàng xóm cũng

nói lên cùng một ý như vậy, sự tức giận của mọi người đối với Martin ngày càng tăng. Không ai muốn dính dáng gì đến một thằng phản bội theo chủ nghĩa xã hội. Chị Maria tội nghiệp ngơ vực và sợ hãi, nhưng chị vẫn trung thành với Martin. Trẻ con hàng xóm đã thôi không kinh sợ về cái chuyện chiếc xe song mã lớn trước đây có lần đã đến thăm nhà Martin nữa, bây giờ chúng đứng tít ở đằng xa, gọi gã là “thằng ma cà bông,” “thằng vô công rồi nghề.” Tuy nhiên lũ con nhà Sylva vẫn bảo vệ gã một cách kiên quyết, và nhiều lần vì danh dự của gã, chúng đã đánh nhau dữ dội, mất thâm quầng, mũi toác máu là chuyện thường ngày, chuyện đó lại làm Maria thêm phiền hà khó xử.

Có một lần Martin gặp chị Gertrude ở dưới khu Oakland, và gã đã biết một điều mà gã thấy là không thể nào khác được – Bernard Higginbotham rất giận gã, vì gã đã đưa gia đình tới chỗ để cho thiên hạ phỉ nhổ, và hắt ta cấm cửa gã.

“Martin ơi, tại sao em không đi nơi khác khác đi?” Chị Gertrude van vãn. “Đi đi, kiếm lấy một công ăn việc làm ở một nơi nào đó, rồi mà sinh sống. Sau đây, khi tất cả những chuyện tai hại này qua đi, em lại có thể trở về.”

Martin lắc đầu nhưng không giải thích gì cả. Gã biết giải thích thế nào? Gã kinh hãi vì cái vực sâu đáng sợ của tri thức ngăn gã với những người trong gia đình gã. Gã sẽ không bao giờ bước qua được cái vực đó và giảng giải cho họ hiểu được quan điểm của mình, quan điểm của Nietzsche đối với chủ nghĩa xã hội[124]. Trong ngôn ngữ Anh cũng như trong bất kỳ một ngôn ngữ nào đều không đủ từ để có thể làm cho họ hiểu thái độ và hành vi của gã. Quan niệm cao nhất của họ coi hành vi đứng đắn trong trường hợp của gã, là tìm một công việc. Đó là tiếng nói đầu tiên và cũng là cuối cùng của họ. Đó là toàn bộ từ vựng tư tưởng của họ. Kiếm một việc làm! Đi làm! Thương thay! Những kẻ nô lệ ngu xuẩn, gã nghĩ như vậy, trong khi chị gã nói. Không còn la lung gì nữa, thế giới thuộc về kẻ mạnh. Những kẻ nô lệ bị ám ảnh bởi cái thân phận nô lệ của chính họ. Công việc đối với họ là một thần tượng bằng vàng mà họ sẽ quỳ xuống và tôn thờ.

Gã lại lắc đầu khi chị Gertrude đưa cho gã tiền, tuy gã biết rằng trong ngày hôm nay gã lại phải bước chân tới một hiệu cầm đồ.

“Bây giờ em đừng tới gần anh Bernard,” chị gã căn dặn. “Nếu em có muốn đến để ở vài tháng nữa, đợi anh ấy nguôi đi; lúc ấy em có thể đến lái xe giao hàng cho anh ấy. Còn bất cứ lúc nào cần đến chị, em cứ gọi, chị sẽ tới ngay. Đừng quên điều đó, em nhé!”

Chị vừa bước đi vừa nức nở khóc thành tiếng; gã thấy một nỗi buồn đau nhói xuyên qua người khi nhìn thân hình nặng nề, dáng đi xiêu vẹo của chị. Nhìn chị bước đi, cái cơ sở lý luận triết học Nietzsche hình như lung lay, xiêu vẹo. Cái giai cấp nô lệ trừu tượng chung chung thì được, không hề gì, nhưng một khi nó cụ thể trong gia đình gã thì không phải là chuyện hoàn toàn thỏa mãn lắm. Thật vậy, nếu có một người nô lệ nào bị kẻ mạnh chà đạp, thì người nô lệ đó chính là chị Gertrude của gã. Gã cười lên man rợ vì cái điều ngược đời ấy. Một tín đồ của Nietzsche xuất sắc như gã, mà lại để cho quan niệm lý tính của mình bị dao động vì một chút tình cảm, một phút xúc động đầu tiên vương vẩn trong đầu – ôi, mà lại bị dao động bởi chính cái quan niệm đạo đức nô lệ, vì đó thực sự là tình thương của gã đối với chị. Những người cao quý chân chính là những người vượt lên trên được tình thương và lòng trắc ẩn. Tình thương và lòng trắc ẩn phát sinh ra trong những hầm ở dưới đất nhốt những người nô lệ, nó không hơn những nỗi đau khổ, những giọt mồ hôi của đám đông những kẻ khốn khổ, yếu hèn.

CHƯƠNG 40

“*Quá hạn*” vẫn còn bị nằm lảng quên trên mặt bàn. Tất cả bản thảo của gã gửi đi đều quay trở về nằm dưới gầm bàn. Chỉ có một tập bản thảo hãy còn gửi đi, đó là tập “*Phù du*” của Brissenden. Chiếc xe đạp và bộ quần áo đen của gã lại nằm ở hiệu cầm đồ, người chủ hiệu cho thuê máy chữ lại thúc tiền. Gã đang đi tìm một phương hướng mới và cho đến khi phương hướng đó được tìm ra, cuộc sống của gã phải ngừng lại đây.

Sau bao nhiêu tuần lễ, điều mà gã chờ đợi đã đến. Gã đã gặp Ruth ở ngoài phố. Đúng thế, nàng đi cùng với cậu em, Norman; đúng thế, họ cố lờ gã đi, và Norman còn định gạt gã sang một bên.

“Nếu anh còn dính dáng với chị tôi, tôi sẽ gọi cảnh sát.” Norman dọa. “Chị tôi không muốn nói chuyện với anh, và sự nài ép của anh là một sự sỉ nhục.”

“Nếu anh muốn, anh cứ việc đi gọi cảnh sát, lần này thì tên anh sẽ được đăng lên báo đấy.” Martin trả lời một cách dữ tợn. “Thôi, bây giờ thì hãy tránh ra, và đi mà gọi cảnh sát đi, nếu anh muốn. Tôi sẽ cứ nói chuyện với Ruth.” Và gã nói với nàng: “Anh muốn chính môi em nói ra.”

Nàng tái mặt và run run, nhưng rồi nàng trấn tĩnh lại được và nhìn gã vẻ dò hỏi.

“Câu hỏi mà anh viết trong thư.” Gã nói ngay.

Norman tỏ vẻ sốt ruột, nhưng Martin đưa mắt nhìn nhanh một cái để ngăn anh chàng lại.

Ruth lắc đầu.

“Có phải đó là ý muốn tự nguyện của em không?” Gã hỏi.

“Chính thế,” nàng nói nhỏ, giọng cứng rắn và rành rọt. “Đó là ý muốn tự nguyện của tôi. Anh làm mất danh dự của tôi đến nỗi tôi xấu hổ khi gặp mặt bạn bè. Tôi biết họ đang bàn tán về tôi. Đó là tất cả những điều tôi có thể nói với anh. Anh làm cho tôi vô cùng khổ sở, tôi không bao giờ muốn nhìn mặt anh nữa.”

“Bạn bè! Những lời bàn tán! Những bài báo láo toét! Chắc chắn rằng những thứ đó không thể nào mạnh hơn tình yêu được. Tôi chỉ có thể tin rằng cô không hề bao giờ yêu tôi cả.”

Một nét ửng hồng xưa tan vẻ nhợt nhạt trên mặt nàng.

“Sau tất cả những sự việc đã xảy ra ư?” Nàng nói yếu ớt. “Martin, anh không biết anh đang nói gì. Tôi không phải là một người bình thường đâu!”

“Anh thấy đấy, chị tôi không muốn dính dáng gì với anh nữa.” Norman nói tuột ra, rồi kéo chị bước đi.

Martin đứng sang bên, nhường chỗ cho hai chị em họ đi; bất giác gã thọc tay vào túi áo ngoài tìm thuốc lá và cuộn giấy nâu không có ở đó.

Đường về Bắc Oakland rất xa, nhưng mãi đến khi bước chân lên bậc thềm, vào đến trong buồng, gã mới biết là mình đã đi hết con đường ấy. Gã thấy mình ngồi trên thành giường, nhìn ngơ ngác xung quanh như một kẻ mộng du bừng tỉnh dậy. Gã thấy tập “*Quá hạn*” nằm trên bàn, gã kéo ghế lại, giơ tay với lấy chiếc bút. Trong bản chất gã có sự thôi thúc logic đã làm gì thì hoàn thành cho xong. Và đây là một cái gì chưa được hoàn thành. Vì phải hoàn thành một việc khác nên việc này đã bị tạm gác lại. Bây giờ thì cái việc khác kia đã xong rồi, gã sẽ dốc lực làm việc này cho đến khi xong. Sau đó, sẽ làm gì, gã cũng chưa biết. Gã chỉ biết rằng giai đoạn khủng hoảng cao độ nhất của đời gã đã đến. Một giai đoạn đã đạt tới và gã đã hoàn thành nó theo kiểu của một người công nhân. Gã không nghĩ gì nữa về tương lai. Chẳng bao lâu rồi gã sẽ thấy nó diễn ra trước mắt gã. Nó là gì cũng không hề trọng. Giờ đây dường như không có gì là hệ trọng cả.

Năm ngày liền, gã miệt mài viết, không đi đâu, không gặp ai, ăn uống rất ít. Sáng ngày thứ sáu, người đưa thư mang lại cho gã một bức thư mỏng của người chủ bút tờ “*Parthenon*”. Nhìn qua gã biết rằng “*Phù du*” đã được chấp nhận. “Chúng tôi đã đưa bài thơ nhờ ông Cartwright Bruce đọc,” người chủ bút viết tiếp, “ông ta rất khen bài thơ đó, khiến chúng tôi nhất định sẽ đăng nó. Trong niềm sung sướng được đăng bài thơ, chúng tôi cũng xin báo cho ông biết rằng chúng tôi sẽ xếp nó vào số tháng tám, bài của tháng bảy đã xếp xong cả rồi. Xin ông vui lòng chuyển hộ niềm sung sướng và lời cảm ơn của chúng tôi tới ông Brissenden. Xin ông gửi cho qua bưu điện tấm ảnh và tiểu sử sơ lược của ông ấy. Nếu ông chưa hài lòng với số tiền nhuận bút của chúng tôi, xin ông làm ơn điện cho chúng tôi và cho chúng tôi biết ông thấy giá nào là thích đáng?”

Vì số tiền nhuận bút của họ trả là ba trăm năm mươi đô la, nên Martin thấy không cần phải đánh điện nữa. Nhưng còn có sự đồng ý của Brissenden. Phải, cuối cùng gã đã nghĩ đúng. Đã có một ông chủ bút của một tờ tạp chí hiểu thế nào là một bài thơ chân chính khi ông ta đọc bài thơ đó. Và tiền thù lao họ trả cũng hậu, dù đây là một bài của thế kỷ. Còn đối với Cartwright Bruce, Martin biết ông ta là một nhà phê bình độc nhất mà Brissenden phần nào vẫn tôn trọng.

Martin đi xe điện xuống phố, và trong khi ngắm nhìn những ngôi nhà, những ngã tư đường phố lướt qua, gã thấy một niềm tiếc nuối rằng cả thành công của bạn và cả điểm báo hiệu sự thắng lợi của gã cũng không làm cho gã phấn khởi mạnh nữa. Nhà phê bình độc nhất ở Mỹ khen ngợi bài thơ, sự khẳng định của gã cho rằng những bài hay có thể tin tưởng được các tạp chí đăng chứng tỏ là đúng. Nhưng nhiệt tình đã mất hết sức bật trong gã, rồi gã thấy mình lại nóng lòng muốn lại thăm Brissenden hơn là đem đến cho bạn tin tức tốt lành này. Tờ “*Parthenon*” nhận bài thơ đã làm gã nhớ ra rằng năm ngày miệt mài với “*Quá hạn*,” gã đã không nhận được tin tức nào của Brissenden, thậm chí cũng không hề nghĩ tới bạn nữa. Lần đầu tiên Martin cảm thấy mình ở trong một trạng thái mê mụ, và gã cảm thấy xấu hổ vì đã quên bạn. Nhưng ngay cả sự xấu hổ nữa cũng không còn bùng lên mãnh liệt. Gã đã chai đá với mọi xúc cảm, trừ xúc cảm nghệ thuật trong khi gã viết tập “*Quá hạn*.” Đối với tất cả những việc khác, gã như người trong mộng. Ngay cả bây giờ đây gã cũng vẫn như người trong mộng. Tất cả cuộc sống trong đó, xe điện đang chạy rầm rầm, vùn vụt, hình như lúc này cũng xa lắc xa lơ, không thực chút nào, và gã cũng sẽ không quan tâm, không choáng váng, nếu như cái tháp chuông nhà thờ xây bằng đá kia có bỗng dưng đổ sụp xuống tan tành ngay trên đầu gã đi nữa.

Đến khách sạn, gã chạy vội lên buồng của Brissenden, rồi lại vội chạy xuống. Căn buồng trống không. Không còn đồ đạc hành lý gì trong đó cả.

“Ông Brissenden có để lại địa chỉ không?” Gã hỏi viên quản lý đang tò mò nhìn gã một lát.

“Ông không nghe tin tức gì sao?” Người kia hỏi.

Martin lắc đầu.

“Sao, báo nào chẳng đăng tin về chuyện này. Người ta tìm thấy ông ta chết ở trên giường. Tự tử – một phát đạn qua sọ.”

“Đã chôn cất chưa?” Martin nghe giọng nói của mình dường như là của một người nào khác, từ một nơi rất xa xôi vọng về hỏi câu đó.

“Không có chuyện chôn cất. Sau khi thẩm tra xong, tử thi được cho xuống tàu, chuyển ngay về miền đông. Những luật sư do gia đình ông ta muốn đã thu xếp việc này.”

“Chắc họ làm nhanh lắm!” Martin nói.

“Ồ, tôi cũng không rõ. Cách đây năm ngày rồi.”

“Cách đây năm ngày?”

“Vâng, cách đây năm ngày.”

“Ồi!” Martin thốt lên rồi quay gót bước ra.

Đến góc phố, gã bước vào “Phòng điện báo phía Tây” đánh điện cho tờ “Parthenon” bảo họ cứ in bài thơ. Trong túi gã chỉ còn năm xu để đi xe điện về nên gã đánh điện theo lối bên nhận trả tiền.

Về đến phòng của mình, gã lại bắt tay vào viết. Ngày nối ngày, đêm tiếp đêm trôi qua, gã vẫn ngồi trên bàn cầm cúi viết. Gã không bước chân đi đâu, trừ những lúc phải ra hiệu cầm đồ, gã không vận động gì cả, ăn lấy lệ khi đói và có cái để mà nấu ăn và cũng nhìn một cách rất đều đặn khi không có cái gì để nấu. Truyện đã rất dày, chương nọ tiếp chương kia, thế mà gã vẫn muốn phát triển đoạn mở đầu để làm tăng thêm sức mạnh của nó, tuy viết thế thì phải thêm đến hai vạn từ. Không phải là có một sự khẩn thiết gì buộc gã phải viết truyện này hoàn hảo, nhưng nguyên tắc sáng tác nghệ thuật của gã bắt gã phải làm hoàn hảo. Gã cứ tiếp tục làm việc như trong cơn mê sảng, tách rời một cách kỳ lạ với thế giới xung quanh; gã thấy mình như một bóng ma thông tỏ đường lối giữa những cái bẫy văn học của cuộc sống quá khứ của gã. Gã nhớ hình như có người đã nói rằng bóng ma là linh hồn của một người đã chết, nhưng lại không đủ trí suy xét để biết rằng mình đã chết; gã ngừng lại một phút để tự hỏi, không biết có phải gã đã chết thật rồi, mà không biết rằng mình đã chết không.

Rồi đến cái ngày mà tập “Quá hạn” được viết xong. Nhân viên của hiệu cho thuê máy chữ đến đòi máy, anh ta ngồi trên giường, còn Martin thì ngồi trên chiếc ghế độc nhất, đánh nốt những trang cuối của chương cuối cùng. “HẾT”. Gã đánh chữ hoa ở cuối truyện, và đối với gã, nó cũng thật là hết. Gã nắm chiếc máy chữ được mang ra khỏi cửa với một cảm giác nhẹ nhõm, rồi gã trèo lên nằm dài trên giường. Gã bị lả đi vì đói. Ba mươi sáu tiếng đồng hồ qua, không một chút thức ăn gì vào trong miệng, nhưng gã không nghĩ tới điều đó. Gã nằm ngửa, mắt nhắm nghiền, không nghĩ gì cả, trong khi cơn bàng hoàng hoảng, sự mê mụ cứ dần dần dâng lên ứ đầy, bịt chặt lấy nhận thức của gã. Nửa như mê sảng, gã cất giọng đọc to những vần thơ vô danh mà Brissenden vẫn thích đọc cho gã nghe. Chị Maria lo lắng đứng nghe ở ngoài cửa, chị kinh hoàng thấy giọng đọc đều đều của gã. Bản thân những lời đó đối với chị không có nghĩa gì. Nhưng cái

việc gã ngâm những lời đó lên đối với chị có nhiều ý nghĩa. “Ta đã hát xong lời ca” là điệp khúc của bài thơ.

“Ta đã hát xong lời ca

Đàn kia để xuống

Bài hát, câu ca bây giờ đã hết

Nó bay xa như những chiếc bóng nhẹ nhàng

Bay trong những vòm cây tím ngắt

Ta đã hát xong lời ca

Đàn kia để xuống

Xưa kia ta đã cao tiếng hát

Như những con họa mi buổi sớm

Hót trong những bụi cây ẩm sương

Bây giờ ta lặng câm

Như con chim khuyển mệt mỏi

Trong cổ họng ta không còn lời ca

Ta đã hát hết rồi

Ta đã hát xong lời ca

Đàn kia để xuống bên ta.”

Maria không thể chịu được lâu nữa, chị vội quay về bếp lò, múc đầy “súp” vào bát, lấy muối vét ở trong nồi ra rất nhiều thịt thái nhỏ và rau.

Martin nhồm dậy, ngồi lên và bắt đầu ăn, cứ húp được một thìa gã lại an ủi chị Maria rằng gã không nói mê đâu và cũng không ốm sốt gì cả.

Sau khi chị Maria đi rồi, gã ngồi buồn bã ở thành giường, hai vai thông xuống, gã ngơ ngác nhìn quanh với cặp mắt lơ đãng không thấy gì hết, mãi đến khi tờ giấy bọc rách của tờ tạp chí gửi đến từ buổi sáng mà vẫn còn nằm nguyên chưa được bóc ra, làm lộ lên một tia sáng trong trí óc tối đặc của gã. Đó là tờ “Parthenon,” gã nghĩ như vậy, tờ “Parthenon” số tháng tám, và hẳn là phải có bài “Phù du.” “Giá mà Brissenden còn ở đây mà nhìn thấy nhỉ?”

Lật giở từng trang tờ tạp chí, bỗng gã dừng lại. “Phù du” đã được đăng, với cái đầu đề lộng lẫy, mép bài thơ được trình bày theo kiểu Beardsley, một bên đầu bài thơ là ảnh của

Brissenden, một bên là ảnh của Ngài John Value, đại sứ Anh. Trong lời nói đầu của tòa soạn có trích dẫn lời của Ngài John Value nói rằng ở Mỹ không có nhà thơ, và tờ “Parthenon” đã đăng bài “Phù du” như muốn nói: “Thưa Ngài John Value, ngài hãy xem đây!” Cartwright Bruce được coi là nhà phê bình lớn nhất nước Mỹ, và người ta đã trích dẫn câu ông nói cho rằng “Phù du” là một bài thơ lớn nhất từ xưa đến nay ở Mỹ. Và cuối cùng lời nói đầu của người chủ bút kết luận như thế này:

“Chúng tôi chưa có những nhận định đầy đủ về giá trị của bài thơ “Phù du,” có lẽ không bao giờ chúng tôi có thể làm được việc đó. Nhưng chúng tôi đã đọc đi đọc lại bài thơ và ngạc nhiên trước những từ và cách sắp xếp của nó, chúng tôi tự hỏi không hiểu ông Brissenden đã làm thế nào mà viết được những từ đó, làm thế nào mà có thể ghép chúng lại với nhau một cách chặt chẽ như vậy.” Tiếp theo là đến bài thơ.

“Briss ơi, anh chết như thế là hay lắm anh ạ.” Martin lẩm bẩm và để tờ báo lọt giữa hai đầu gối rơi xuống sàn.

Sự tầm thường, sự rẻ tiền của sự việc làm gã buồn nôn, nhưng Martin nhận thấy một cách thờ ơ không chút cảm xúc rằng sự buồn nôn ấy cũng không lấy gì làm ghê gớm lắm. Gã mong mình có thể nổi giận, nhưng gã không còn đủ nghị lực để mà nổi giận nữa. Gã đã quá tê dại mất rồi. Máu của gã đã quá đông lại, không bốc lên được theo với sự bức bối dâng tràn lên như nước thủy triều. Xét cho cùng thì có hề gì cơ chứ? Nó cũng như tất cả những cái khác mà Brissenden đã lên án trong xã hội tư bản. “Tội nghiệp cho Briss!” Martin tự nhủ. “Anh ấy sẽ không bao giờ tha thứ cho mình.”

Cố gắng đứng dậy, gã với lấy cái hộp trước kia vẫn dùng để đựng giấy đánh máy. Lục lọi một lúc, gã lôi ra mười một bài thơ bạn đã viết. Gã xé ngang xé dọc những bài thơ đó rồi vứt vào sọt rác. Gã làm việc đó uể oải, khi đã xé xong, gã ngồi trên thành giường, đưa mắt nhìn vào khoảng không về phía trước.

Gã ngồi như thế bao lâu, gã cũng không biết nữa, mãi đến khi, qua cặp mắt không nhìn thấy gì của gã, gã bỗng thấy một đường chân trời dài trắng muốt. Kỳ lạ. Nhưng khi ngẩng nhìn đường chân trời ngày một rõ ra, gã thấy, đó là một giải đá ngầm san hô bốc hơi lên trong những đợt sóng bạc đầu của Thái bình dương.

Rồi, gã thấy nhấp nhô trên sóng một chiếc thuyền con, một chiếc thuyền có móc chèo. Ở đằng mũi, gã trông thấy một chàng trai trẻ, mặt đen bóng, trông như một thiên thần với một mảnh vải đỏ thắm quấn ngang hông đang khua mái chèo lấp lánh trên mặt nước. Martin nhận ra chàng ta. Đó là Moti, con út của tù trưởng Tati và đây là Tahiti; xa hơn giải san hô bốc hơi kia là mảnh đất tươi đẹp của Papara và căn nhà bằng cỏ gần cửa sông của người tù trưởng. Ngày đã tàn và Moti đánh cá trở về. Chàng đang chờ một đợt sóng lớn xô tới để gởi sóng vượt qua dãy đá ngầm. Rồi Martin thấy mình cũng ngồi phía trước con thuyền đó, như gã vẫn thường ngồi khi xưa khua mái chèo và chỉ đợi Moti nói một tiếng là chèo thuyền lao đi như điên khi những đợt sóng lớn như một bức tường màu ngọc lam dựng đứng lên sau lưng họ. Rồi, gã không còn là người đứng nhìn nữa, mà chính gã ở trên con thuyền, Moti hét lên, cả hai đều cố sống cố chết chèo như bay, trên mặt dốc của đợt sóng màu ngọc lam đang lao đi. Dưới thuyền, nước sôi réo lên như máy hơi nước, sóng bắn tung tóe đầy trời, chỉ nghe thấy thấy những tiếng rú, tiếng rít, tiếng gầm âm vang, và chiếc thuyền con lại trôi đi trên mặt vịnh êm ả. Moti cười lớn, và lắc rũ cho những giọt nước mặn rơi khỏi mắt, và cả hai cùng chèo về phía bờ bể do san hô tạo thành, nơi những bức tường bằng cỏ của ngôi nhà của Tati, qua những cành lá dừa sáng lóe lên như vàng trong ánh mặt trời tà.

Bức tranh nhạt dần, và trước mặt gã trải ra cái cảnh hỗn độn của gian phòng tắm gội gã ở. Gã cố gắng một cách vô vọng hình dung lại cái cảnh Tahiti. Gã biết có những bài ca, câu hát cất

lên giữa những hàng cây, và các cô gái đang nhảy múa dưới trăng, nhưng gã không làm sao có thể hình dung lại được. Gã chỉ nhìn thấy cái bàn viết bừa bộn, cái khoảng trống nơi trước kia để chiếc máy chữ, cái ô cửa kính không ai lau chùi. Gã nhắm mắt lại, rên lên một tiếng và ngủ thiếp đi.

CHƯƠNG 41

Suốt đêm hôm đó gã ngủ một giấc nặng nề, không cựa mình, mãi đến khi người đưa thư đi chuyển sáng tới, đánh thức gã dậy. Gã cảm thấy trong người mệt mỏi, không buồn cất nhắc chân tay, gã lật giở những bức thư đó không nhằm một mục đích gì. Có một chiếc phong bì nhỏ mỏng, của một tờ tạp chí ăn cướp, trong có một ngân phiếu hai mươi hai đôla. Gã đã thúc đòi nó một năm rưỡi nay. Gã nhìn số tiền một cách dửng dưng không xúc động. Cái rộn ràng trước kia mỗi khi nhận được ngân phiếu của một nhà xuất bản nay đã qua rồi. Không giống như những ngân phiếu đầu tiên, ngân phiếu này không hứa hẹn những điều to tát vĩ đại sẽ tới. Đối với gã, đó chỉ là một tờ ngân phiếu hai mươi hai đôla, thế thôi, và nó sẽ giúp gã mua được một thức gì ăn dễ dàng.

Trong chuyển thư đó, còn có một ngân phiếu khác của tờ “New York tuần báo” trả cho một bài thơ trào phúng nào đó của gã đã được nhận đăng từ mấy tháng trước. Một ngân phiếu mười đôla. Một ý nghĩ đến với gã, và gã bình tĩnh suy xét. Gã không biết mình sẽ làm gì, gã cảm thấy không cần vội vàng làm một việc gì cả. Trong lúc đó thì gã phải sống. Gã cũng còn đang nợ rất nhiều món. Đem mua tem dán lên tất cả đồng bản thảo khổng lồ ở dưới bàn kia, và cho chúng đi chu du một chuyến nữa, biết đâu lại chẳng là một chuyến đầu tư có lời. Một, hai bản thảo sẽ có thể được nhận. Cái đó sẽ giúp gã sống. Gã quyết định làm cái chuyện đầu tư này, và sau khi đem ngân phiếu ra lĩnh tiền ở ngân hàng khu Oakland, gã mua mười đô la tiền tem. Ý nghĩ quay về nhà nấu ăn sáng trong căn phòng nhỏ hẹp, ẩm mốc làm gã thấy khó chịu. Lần đầu tiên, gã mặc kệ không nghĩ gì đến những món nợ. Gã biết gã có thể nấu một bữa sáng có đầy đủ chất bổ trong căn phòng của gã với giá tiền chỉ mười lăm đến hai mươi xu. Nhưng gã vẫn đi tới tiệm “Forum” gọi bữa ăn sáng mất hai đô la. Gã cho người hầu hai hào rưỡi, và bỏ ra năm mươi xu mua một gói thuốc lá Ai cập. Đây là lần đầu tiên gã hút thuốc kể từ khi Ruth bảo gã đừng hút nữa. Nhưng bây giờ gã thấy không vì có gì lại không hút, hơn nữa, gã lại muốn hút. Tiền xong thì có kể gì? Bỏ ra năm xu gã có thể mua một gói thuốc lá chưa cuộn Durham^[125] và một tập giấy nâu để cuốn bốn mươi điều – nhưng hà tiện thế để làm gì? Đối với gã, tiền bây giờ không có nghĩa lý gì ngoài những thứ nó có thể mua ngay được. Gã không có hải đồ, không có bánh lái, không có bến bờ nào để cập, mặc cho cuộc đời trôi đi tức là sống ít nhất, vì sống là đau khổ.

Ngày giờ cứ trôi qua, mỗi đêm gã ngủ đều đặn tám tiếng. Tuy bây giờ, trong khi chờ đợi thêm tiền nhuận bút, gã vẫn ăn ở quán ăn Nhật bản, mỗi bữa mất mười xu, nhưng cái cơ thể bị sụp đi của gã cũng đã đẩy lại, cũng như đôi má hóp của gã. Gã không tự hành mình bằng những giấc ngủ ngắn, bằng làm việc quá mức, học tập quá mức nữa. Gã không viết gì cả, sách đọc cũng gấp lại. Gã đi bộ nhiều, lên các ngọn đồi, lang thang hàng giờ trong các công viên yên tĩnh. Gã không có bạn hữu, không có người quen mà gã cũng chẳng làm quen với ai. Gã không còn có một hứng thú gì cả. Gã đang đợi chờ một sự thúc đẩy nào đó, mà cũng không biết ở đâu tới nữa, để làm cho cuộc sống bị ngưng trệ của gã lại hoạt động. Trong lúc đó thì cuộc sống của gã vẫn cứ trôi đi, không kế hoạch, trống rỗng và biếng nhác.

Có một lần gã đến San Francisco để thăm “bạn hạ lưu chân chính.” Nhưng đến phút cuối, khi đã bước chân lên lối cầu thang, gã bỗng lùi lại, quay ra, rồi chạy trốn qua cái khu công nhân lúc nhúc những người ấy; gã sợ hãi khi nghĩ rằng gã sẽ lại phải nghe tranh luận về triết học, gã chạy trốn một cách lén lút, sợ sẽ có người nào đó trong “bạn hạ lưu chân chính” tình cờ bắt gặp và nhận ra gã.

Đôi khi gã liếc nhìn các tờ tạp chí, các tờ báo để xem bài thơ “Phù du” đã bị rầy khổ như thế nào. Nó đã được hoan nghênh. Nhưng mà hoan nghênh cái kiểu gì không biết. Mọi người đều đọc và mọi người đều tranh luận xem nó có thực là thơ không. Những tờ báo địa phương hàng ngày nêu vấn đề, và hàng ngày có những cột đăng những bài phê bình có tính chất học thuật, những bài xã luận hài hước và cả những bức thư đứng đắn của độc giả nữa.

Helen Della Delmar (được công bố rùm beng là một nữ sĩ vĩ đại của nước Mỹ) đã cự tuyệt không để cho Brissenden có một chỗ ngồi bên cạnh mình trên con Pegasus[126], cô ta viết cơ man nào là thư cho công chúng chứng minh rằng Brissenden không phải là nhà thơ thần gì cả.

Tờ “Parthenon” ra số sau, tự tán tụng mình đã gây được một dư luận sôi nổi, một mặt thì cười nhạo Ngài John Value, một mặt thì bóc lột cái chết của Brissenden bằng một lối buôn bán vô cùng bất nhân. Một tờ báo hàng ngày đã tăng số phát hành lên tới mức kinh khủng, một nửa triệu số, đăng một bài thơ độc đáo thanh thoát của Helen Della Delmar cười nhạo Brissenden. Cô ta cũng chính là thủ phạm một bài thơ thứ hai trong đó cô ta nhại Brissenden.

Martin nhiều lần thấy sung sướng vì Brissenden đã chết. Brissenden vô cùng căm ghét quần chúng, và đây, tất cả cái tốt đẹp nhất, thiêng liêng nhất của anh, đã bị ném cho quần chúng. Hàng ngày người ta vẫn tiếp tục mổ xẻ Cái Đẹp. Bất cứ một thằng ngốc nào trong nước cũng đua nhau đưa bài in bừa bãi, đem cái tôi khô xác nhỏ bé của nó trôi nổi trước công chúng trên cái vĩ đại như sóng cồn của Brissenden. Một tờ báo viết: “Cách đây ít lâu, chúng tôi nhận được thư của một độc giả, ông đã viết một bài thơ giống như bài thơ đó, duy có điều là hay hơn.” Một tờ báo khác, hết sức trang nghiêm đã trách Helen Della Delmar về bài thơ nhại của cô ta: “Chắc chắn rằng cô Delmar viết bài đó trong một lúc bông đùa và tỏ ra thiếu sự kính trọng mà một nhà thơ lớn cần phải có đối với một nhà thơ khác, có thể là một nhà thơ lớn nhất. Tuy nhiên, dù cô Delmar có ghen ghét hay không đối với người đã sáng tạo ra bài “Phù du” chắc chắn rằng cô, cũng như hàng nghìn người khác, vẫn bị bài thơ làm cho say mê, và rồi một ngày nào đó cô cũng sẽ cố gắng viết được những dòng thơ như thơ của Brissenden.”

Các giáo sĩ đã bắt đầu lên tiếng công kích bài “Phù du” trong những bài thuyết pháp, có một giáo sĩ và quá hăng hái ủng hộ đại bộ phận nội dung bài thơ đó, đã bị trục xuất vì tội tà giáo. Cái bài thơ vĩ đại này đã đóng góp vào sự vui vẻ của người đời. Những anh chàng viết thơ trào phúng, những kẻ biếm họa năm lấy đề tài này, và cười lớn trong mục “việc riêng” ở những tờ báo của tầng lớp thượng lưu thường có xen vào những câu chuyện đùa đến nỗi Charley Frensham đã phải nói riêng với Archie Jennings rằng năm dòng của bài “Phù du” sẽ làm người ta đánh què người khác, mười dòng sẽ làm cho có người đâm đầu xuống sông.

Martin không cười mà gã cũng không nghiêng răng lại vì tức giận. Kết quả chỉ làm cho gã thấy buồn ghê gớm.

Trong sự đổ vỡ của cả cái thế giới của gã với tình yêu ở đỉnh cao nhất thì sự đổ vỡ của giới báo chí, và những độc giả thân mến thực chỉ là một sự đổ vỡ nhỏ bé. Brissenden hoàn toàn đúng khi nhận định về báo chí, còn gã, Martin, đã phải tổn mất bao nhiêu năm trời gian khổ, vô ích để tìm ra điều đó cho mình. Báo chí là tất cả những cái mà Brissenden đã nói, thậm chí còn tồi tệ hơn nữa. Phải, gã đã hát xong lời ca, gã tự an ủi mình như vậy. Gã đã kéo cái xe của gã lên tới một vì sao, và bị rơi xuống một bãi lầy độc hại. Cảnh Tahiti - Tahiti thanh tao êm đềm - đến với gã nhiều hơn. Và cả đảo Paumotus thâm thấp và đảo Marquesas[127] cao cao. Bây giờ gã thường thấy mình trên những chiếc tàu buôn lớn hay trên những chiếc thuyền nhỏ nhẹ ra đi từ lúc bình minh qua dải đá ngầm ở Papeete[128], bắt đầu cuộc hành trình qua những hòn đảo san hô màu ngọc bích tới Nukahiva và vịnh Taiohae, nơi mà gã biết rằng Tamari sẽ giết lợn ăn mừng gã đến, nơi mà các cô gái của Tamari đeo những vòng hoa, sẽ nắm lấy tay gã cất tiếng hát, tiếng cười và khoác vào cổ gã những vòng hoa. Biển miền Nam đang gọi, và gã

biết rằng không sớm thì muộn gã sẽ trả lời tiếng gọi đó.

Trong lúc này thì gã cứ sống buông trôi, nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng cho hồi sức sau một cuộc hành trình dài qua lĩnh vực của tri thức. Khi tờ “Parthenon” gửi cho gã tấm ngân phiếu ba trăm năm mươi đô la, gã đã chuyển cho người luật sư đảm nhiệm những công việc của Brissenden để trao cho gia đình. Martin đưa ngân phiếu và lấy biên nhận, đồng thời viết giấy nhận nợ một trăm đô la mà Brissenden đã đưa cho gã trước đây. Cái thời gian mà Martin không còn là khách quen ở quán ăn Nhật bản cũng không lâu la gì nữa. Chính lúc gã từ bỏ cuộc đấu tranh thì thời vận lại đến. Nhưng nó đã đến quá muộn. Gã mở chiếc phong bì mỏng của tờ “Millennium,” lòng không một chút rung động, gã đưa mắt nhìn tấm ngân phiếu ba trăm đô la, và biết rằng đây là số tiền trả cho truyện ngắn “Mạo hiểm” được nhận đăng. Mọi món nợ của gã ở trên đời này, kể cả món ở cửa hiệu cầm đồ này với tiền lãi của nó, cũng chưa đến một trăm đô la. Khi đã trả xong các khoản nợ và đến nhà luật sư của Brissenden thanh toán với ông ta một trăm đô la, gã vẫn còn hơn một trăm đô la trong túi. Gã đến hiệu thợ may may một bộ quần áo và ăn tại hiệu ăn ngon nhất thành phố. Gã vẫn ngủ tại gian phòng nhỏ nhà Maria, nhưng những bộ quần áo mới của gã đã khiến lũ trẻ hàng xóm thôi không đứng trên mái nhà kho để cúi, hoặc ở hàng rào đằng sau gọi gã là “thằng mà cà bông” hay “đồ vô công rồi nghề” nữa.

“Wiki - Wiki” truyện ngắn viết về Hawaii của gã cũng được tờ “nguyệt san Warren” mua với giá hai trăm năm mươi đô la. Tờ “Bình luận phương Bắc” cũng nhận bài luận văn “Chiếc nôi của cái đẹp,” tờ tạp chí “Mackintosh” nhận bài “Người xem tướng tay,” bài thơ gã viết tặng Marian.

Những ông chủ bút, những người soát bài đã đi nghỉ hè về, và những bản thảo của gã được nhận ngay. Martin không thể hiểu được một sự thay đổi tính nết kỳ quặc nào đã khiến các ông ấy đồng lòng nhận những tác phẩm mà các ông ấy đã khăng khăng gạt bỏ đi trong hai năm trời. Trước kia, không có một cái gì của gã được đăng. Trừ khu Oakland, còn không ở đâu người ta biết đến tên gã và ở Oakland với một số ít người tưởng rằng họ biết gã, thì gã được nổi tiếng là một kẻ áo đỏ, một kẻ thuộc đảng xã hội.

Vậy là, không có gì để giải thích việc bất chợt những món hàng của gã được người ta nhận. Đó chỉ là một trò mua rồi của số mệnh.

Sau khi bị nhiều tạp chí từ chối, gã làm theo lời khuyên của Brissenden mà trước đây gã đã không chấp nhận là gửi tập “Sự hổ thẹn của mặt trời” đến khắp lượt các nhà xuất bản. Sau nhiều lần từ chối, công ty xuất bản Singletree Darnley đã nhận và hứa sẽ cho xuất bản vào mùa thu. Khi Martin viết thư đề nghị trả trước một số tiền ứng trước về bản quyền tác giả, họ trả lời là nhà xuất bản không có lệ như vậy, sách loại này khó bán được hòa vốn, họ còn ngại sách của gã không biết có bán nổi một nghìn cuốn không. Martin phác tính gã sẽ được bao nhiêu tiền với con số sách xuất bản như vậy. Mỗi cuốn bán một đô la, tiền bản quyền tác giả mười lăm phần trăm, như vậy gã sẽ được một trăm năm mươi đô la. Gã quyết định nếu phải làm lại từ đầu thì gã sẽ chỉ chuyên viết tiểu thuyết. Truyện ngắn “Mạo hiểm” chỉ dài bằng một phần tư thôi là gã đã nhận được của tờ “Millennium” một món tiền gấp đôi. Té ra, bài báo về tiền nhuận bút mà gã đã đọc từ lâu là đúng sự thật. Những tạp chí loại nhất khi nhận đăng bài là trả tiền ngay, và họ trả khá hậu. Tờ “Millennium” đã trả gã không phải là hai xu mà là bốn xu một chữ. Họ còn mua những tác phẩm hay, vì họ đã chả mua tác phẩm của gã là gì? Nghĩ như thế, gã cười gằn một tiếng.

Gã viết thư cho công ty xuất bản Singletree Darnley ngỏ ý muốn bán bản quyền bài “Sự hổ thẹn của mặt trời” lấy một trăm đô la, nhưng họ không muốn làm chuyện mạo hiểm như thế. Lúc này gã cũng không cần tiền, bởi vì rất nhiều truyện ngắn của gã đã được nhận và đã được trả tiền. Gã hiện thời đã mở một tài khoản ở Ngân hàng. Không còn nợ nần gì ai ở trên đời, ở Ngân hàng gã đã có mấy trăm đô la.

“*Quá hạn*” sau khi bị một số tạp chí cự tuyệt, cuối cùng đã đến nằm yên vị tại Công ty xuất bản “Meredith-Lowell.” Martin nhớ tới năm đô la mà chị Gertrude đã cho gã, gã quyết định trả lại chị một trăm lần hơn; vì vậy gã viết thư cho nhà xuất bản yêu cầu đặt trước năm trăm đô la tính vào bản quyền tác giả. Gã ngạc nhiên khi nhận được một ngân phiếu ghi số tiền đó có kèm theo một tờ hợp đồng gửi qua bưu điện. Gã đem tờ ngân phiếu đi lĩnh toàn những đồng năm đô la tiền vàng và gọi điện cho chị Gertrude bảo gã cần gặp chị.

Bà chị tới, thở hổn hển vì quá vội. Bà sợ có chuyện không hay xảy ra cho cậu em, nên đã thủ sẵn mấy đô la, số vốn liếng ít ỏi của chị, đút vào một cái túi nhỏ mang theo; định nhìn cậu em đã gặp chuyện bất hạnh, chị vừa khóc nức nở vừa lảo đảo bước vào, ngã vào cánh tay Martin, đồng thời chị yên lặng dúm cái túi cho gã. Gã nói:

“Đáng lẽ em đến chỗ nhà chị mới phải. Nhưng em không muốn xô xát với ông Higginbotham và chuyện đó chắc chắn thế nào cũng xảy ra.”

“Sau một thời gian anh ấy cũng sẽ quên đi thôi,” chị an ủi. Chị vẫn chưa hiểu chuyện gì xảy ra với Martin. “Trước hết, tốt nhất em nên kiếm một công ăn việc làm lương thiện. Báo chí đăng cái chuyện đó làm anh ấy giận sôi lên. Chưa bao giờ chị thấy anh ấy giận như thế?”

“Em chẳng đi kiếm việc gì hết.” Martin vừa nói vừa cười. “Chị có thể nói lại với anh ấy như thế hộ em. Em không cần kiếm công việc, và đây là chứng cứ.”

Gã dốc một trăm đồng vàng vào lòng chị, tiền đổ xuống lanh canh, sáng lóe.

“Chị có còn nhớ chị đã cho em năm đô la khi em không có tiền đi xe không? Vâng, đây, nó đây, với chín mươi chín đồng anh em của nó, tuy tuổi tác khác nhau nhưng cùng một khuôn khổ.”

Lúc bước chân đến đây, Gertrude đã sợ hãi, bây giờ chị lại vô cùng kinh hoàng. Nỗi kinh hoàng của chị đến mức trở thành sự thật. Chị không còn nghi ngờ. Chị đã tin chắc. Chị kinh hãi nhìn Martin, dòng suối vàng làm đầu gối nặng nề của chị quy xuống, như nó đang đốt cháy da thịt chị.

“Số tiền này là của chị đấy,” gã cười.

Chị bật lên khóc và bắt đầu rên rỉ: “Cậu em tội nghiệp của chị! Cậu em tội nghiệp của chị!”

Gã bối rối một phút. Rồi đoán được nguyên nhân nổi kích động của chị, gã liền đưa chị xem bức thư của nhà xuất bản “Meredith-Lowell” gửi kèm theo tờ ngân phiếu. Chị ngập ngừng đọc, thỉnh thoảng lại dừng lại để lau nước mắt; khi đọc xong, chị nói:

“Có nghĩa là cậu đã kiếm được tiền một cách lương thiện?”

“Còn lương thiện hơn là trúng xổ số nữa. Tiền làm việc khó nhọc kiếm ra đấy.”

Dần dần niềm tin trở lại với chị, chị đọc lại bức thư một cách cẩn thận. Gã đã phải mất một lúc lâu hơn nữa để nói cho chị hiểu rằng số tiền này thực là của chị và gã không cần đến nó.

“Chị sẽ gửi nó vào ngân hàng cho em,” cuối cùng, bà chị nói.

“Chị đừng làm thế. Nó là của chị đấy, chị muốn dùng nó làm gì tùy chị, nếu chị không nhận, em sẽ đem cho chị Maria. Chị ấy sẽ biết cách dùng nó. Tuy nhiên em cũng khuyên chị nên thuê một người làm và chị thì hãy nghỉ ngơi một thời gian dài cho khỏe.”

“Chị sẽ kể hết với Bernard,” chị nói khi ra về.

Martin nháy mắt rồi cười.

“Vâng, chị cứ kể,” gã nói. “Rồi ông ấy sẽ lại mời em đến ăn cơm không chừng!”

“Tất nhiên, anh ấy sẽ mời cậu. Chị chắc thế nào anh ấy cũng sẽ mời cậu!” Chị kêu lên một cách nhiệt thành; rồi kéo gã lại gần, chị ôm chặt lấy gã mà hôn

CHƯƠNG 42

Một hôm Martin cảm thấy mình cô đơn. Gã khỏe mạnh cường tráng và gã không có việc gì làm. Sự ngừng viết, ngừng học tập, cái chết của Brissenden, sự đoạn tuyệt với Ruth là một lỗ hổng lớn trong đời gã; và cuộc đời gã lại từ chối không muốn đóng đinh trong sự sung sướng, nhàn hạ, trong quán cà phê, trong việc hút những điều thuốc Ai cập. Biển miền Nam đương gọi gã thật, nhưng gã có cảm tưởng rằng ván bài còn chưa chơi xong ở đất Mỹ này. Ít lâu sau, hai cuốn sách của gã đã được xuất bản và gã còn nhiều cuốn nữa có thể xuất bản tiếp. Sách in ra là có tiền, gã sẽ đợi để mang một túi đầy tới biển miền Nam. Gã biết ở Marquesas, có một thung lũng và một cái vịnh có thể mua được với giá một nghìn đô la tiền Chile. Thung lũng đó chạy dài từ vịnh hình móng ngựa, có đất bao quanh tới tận đỉnh những dãy núi mờ mờ cao tít tắp tận chân mây, diện tích có lẽ phải đến mười mấy nghìn mẫu[129]. Thung lũng đầy cây quả nhiệt đới, đầy những gà rừng, lợn rừng, thỉnh thoảng lại có từng đàn thú rừng, và ở tít trên cao giữa những đỉnh núi, là những đoàn dê rừng vẫn bị đàn chó rừng quấy đảo. Một nơi thật là hoang dại, không có một người nào sống ở đó. Gã có thể mua cả thung lũng lẫn vịnh kia với giá một nghìn đô la tiền Chile.

Gã nhớ lại, cái vịnh đó thật là đẹp, nước sâu đủ để một chiếc thuyền cỡ to nhất có thể đi vào, và lại rất an toàn. Công ty Nam Thái Bình Dương đã nói đó là một nơi trú chân tốt nhất cho những tàu ở quanh đây hàng trăm dặm. Gã sẽ mua một chiếc thuyền buồm - một loại thuyền nhẹ, loại bằng đồng lao nhanh như tên bắn - để đi bán dầu lửa, đi kiếm ngọc trai trong các đảo. Gã sẽ làm cho cái thung lũng và cái vịnh đó trở thành đại bản doanh của gã. Gã sẽ dựng một căn nhà cỏ theo kiểu của các tộc trưởng giống như nhà của Tati, trong căn nhà đó, trong thung lũng, trên thuyền, gã sẽ thuê những người làm công da đen. Vâng, gã sẽ tiếp đãi người đại diện ở Taiohae, những thuyền trưởng các tàu buôn lui tới và tất cả những người đứng đầu trong đám tiên dân ở Nam Thái Bình Dương. Gã sẽ mở rộng cửa, đãi khách như một ông hoàng. Gã sẽ quên đi tất cả những sách vở mà gã đã đọc, và quên đi tất cả cuộc đời cũ được chứng tỏ chỉ là một ảo mộng.

Để thực hiện những cái đó, gã phải đợi ở California để có đầy túi tiền đã. Mà tiền cũng đã bắt đầu tủa đến rồi. Nếu một trong những tác phẩm của gã đột nhiên thành công, nó sẽ giúp gã có thể bán được tất cả cái đồng bản thảo. Gã còn có thể thu thập cả những truyện ngắn, những bài thơ thành công thành những tập, và như vậy thì cái thung lũng, cái vịnh và con thuyền kia, càng thêm chắc chắn gã sẽ mua được. Gã sẽ không bao giờ lại viết nữa. Gã quyết định như vậy. Nhưng trong thời gian đợi sách in ra, gã phải làm một cái gì đó hơn là cứ sống ngầy ngái chờ đợi trong trạng thái hôn mê, không suy nghĩ gì như tình trạng hiện nay.

Một sáng chủ nhật, gã được biết ở công viên Shell Mound có cuộc vui ngoài trời của những người thợ nề, thế là gã liền tới công viên Shell Mound. Trước kia, gã đã từng tới dự các cuộc vui của những công nhân luôn nên đã biết nó như thế nào rồi; vừa bước chân vào đến công viên, gã lại thấy rộn ràng trở lại những cảm giác cũ xưa. Rốt cục, những người lao động này là những người cùng một loại với gã. Gã đã sinh ra đời giữa những con người này, gã đã sống với họ, và tuy đã lạc lõng xa họ một thời gian, nay gã lại thấy sung sướng quay về với họ.

“Có phải Mart đấy không nhỉ?” Gã nghe thấy có tiếng một người nói và ngay sau đó, một bàn tay đầy nhiệt tình đã nắm lấy vai gã. “Cậu đi đâu mà biệt thế? Đi biển hả? Lại đây làm một

chầu.”

Gã lại thấy mình ở giữa cái đám đông ngày xưa – cái đám đông ngày xưa, vắng vài bộ mặt và có một vài bộ mặt mới xuất hiện. Nhiều người không phải là thợ nề, nhưng cũng như ngày xưa, họ tham gia tất cả những cuộc vui ngoài trời ngày chủ nhật, để nhảy, để đánh nhau, và để nô đùa. Martin cùng uống với họ, một lần nữa gã lại bắt đầu cảm thấy mình là một con người thực sự. Gã quả là một thằng ngốc vì đã xa rời họ, gã nghĩ bụng, gã dám chắc hạnh phúc của gã sẽ lớn hơn nếu như gã vẫn ở bên họ và bỏ mặc những cuốn sách, bỏ mặc những kẻ ngồi ở địa vị cao sang. Nhưng mà bia hình như không được ngon như ngày xưa. Mùi vị của nó không được như mùi vị ngày xưa. Brissenden đã dùng bia hơi làm hại gã rồi, gã kết luận và tự hỏi, không hiểu có phải những cuốn sách đó rốt cuộc đã làm hỏng tình bè bạn của gã với những người bạn thời trẻ không. Gã cả quyết không để cho nó làm hỏng mình đến như vậy, và bước vào lều nhảy, gã gặp ở đó anh thợ nguội Jimmy đang đi cùng một cô gái vóc người cao, tóc vàng hoe; cô gái liền bỏ ngay Jimmy tiến đến chỗ Martin.

“Đây, y như ngày xưa,” Jimmy cắt nghĩa cho cái bọn đứng cạnh đang cười nhạo hần, trong khi Martin và cô gái tóc vàng hoa quay lướt một điệu van. “Nhưng tớ cũng không để bụng. Tớ rất sung sướng thấy cậu ta trở lại. Trông cậu ấy nhảy van kìa. Cứ nhẹ như lụa ấy. Trách gì người con gái?”

Nhưng Martin đã đưa cô gái tóc vàng hoe trả lại Jimmy và cả ba cùng mười người bạn nữa đứng ngắm những cặp khác nhảy, vừa cười vừa nói đùa với nhau. Thấy Martin trở lại ai cũng tỏ ra sung sướng. Chưa có một quyển sách nào của gã được in ra cả, họ không biết gì về công việc viết văn của gã. Họ quý gã chỉ và gã thôi. Gã cảm thấy mình như một ông hoàng bị đi đày trở về và trái tim cô đơn của gã lại bùng lên, tấm mát trong niềm thân thương. Gã tha hồ vui đùa ngày hôm đó và rất thỏa mãn. Hơn nữa, trong túi lại có tiền và cũng như ngày xưa sau khi đi biển về có lương, gã đã tung tiền ra.

Có một lần, trên sàn nhảy, gã trông thấy Lizzie Connolly khoác tay một người công nhân trẻ tuổi lướt qua; và một lát sau, khi gã đi quanh lều nhảy, gã thấy nàng ngồi ở bàn giải khát. Sửng sốt ngạc nhiên và thăm hỏi nhau xong, gã dẫn nàng ra ngoài vườn, để có thể chuyện trò với nhau khỏi bị tiếng nhạc át đi. Từ lúc gã nói chuyện với nàng là nàng đã là của gã rồi. Gã biết như thế. Và nàng cũng tỏ ra như thế trong đôi mắt kiêu hãnh phục tùng của nàng, trong mỗi động tác ve vuốt của cái dáng đi kiêu hãnh của nàng, và trong lối nàng lắng nghe như nuốt lấy những lời gã nói. Nàng không còn là một cô gái trẻ mà gã đã biết trước đây nữa. Bây giờ nàng đã là một người đàn bà, và Martin nhận thấy vẻ đẹp thách thức man rợ của nàng càng tăng lên, không kém đi một chút man rợ nào, còn sự thách thức và ngọn lửa bùng bùng ở nàng dường như nàng đã kiềm chế lại được hơn. “Một sắc đẹp, một sắc đẹp hoàn toàn,” gã lẩm bẩm khe khẽ nói một cách ngưỡng mộ. Và gã biết rằng nàng là của gã, tất cả những cái gã cần làm chỉ là nói lên một tiếng “Đi,” và nàng sẽ đi cùng gã tới nơi chân trời cuối đất.

Ý đó vừa mới lóe qua óc gã, thì gã bỗng bị một quả dấm vào thái dương làm gã suýt ngã. Đó là nắm dấm của một người đàn ông - một người đàn ông nào đó quá tức giận và quá vội vàng đã dấm trượt quai hàm, cái đích mà y nhắm đánh tới. Martin đảo đầu quay lại, gã thấy quả dấm tiếp theo đang hung dữ bay vọt tới. Vội vã, gã cúi đầu xuống, nắm dấm không trúng đích, lướt qua, anh chàng kia chúi người đi, Martin dùng sức mạnh toàn thân lấy tay trái bồi cho anh chàng đang chúi xuống ấy một quả trời giáng. Anh chàng ngã nghiêng xuống đất, nhưng lại nhảy bật ngay dậy, lao vào như điên. Martin nhìn thấy bộ mặt nhún nhúm vì tức giận của anh ta và tự hỏi không hiểu nguyên nhân vì đâu đã làm cho anh ta giận dữ như vậy. Nhưng trong khi tự hỏi như vậy thì gã lại dùng sức mạnh toàn thân, nắm tay trái dấm thẳng một quả. Anh chàng kia ngửa người ra, ngã đánh rầm xuống thành một đồng co rúm lại. Jimmy và những người khác chạy tới.

Martin rùng mình. Đây lại như ngày xưa với những cuộc trả thù, với những điệu nhảy, những trận đánh nhau, những chuyện vui đùa. Gã vừa dè chừng địch thủ của mình, vừa liếc nhìn Lizzie. Thường thường khi những người đàn ông đánh nhau thì bọn con gái hay kêu thét lên, nhưng nàng không kêu. Nàng đang nín thở đứng nhìn, người hơi ngả về phía trước, theo dõi chăm chú, một tay giữ chặt lấy ngực, má ửng hồng lên, vẻ hết sức kính phục và ngạc nhiên ánh lên trong đôi mắt.

Anh chàng kia đã đứng dậy được và đang vùng vẫy để gỡ những bàn tay đang giữ chặt lấy anh ta.

“Cô ấy đang đợi tôi quay lại,” hắn ta lên tiếng thanh minh với mọi người. “Cô ấy đang đợi tôi quay lại, thế mà cái thằng cha mới đến khốn kiếp này nó lại thọc vào. Buông tôi ra, tôi đã bảo mà, tôi quyết sống mái với nó.”

“Cậu làm sao thế?” Jimmy vừa hỏi vừa giữ hắn ta lại. “Martin Eden đấy mà. Cậu ấy là tay đấm lão luyện, tớ bảo cho cậu biết, cậu mà lơ ngơ thì bị nuốt sống đấy!”

“Hắn không thể cướp cô ấy của tôi như thế được,” anh chàng kia thét lên.

“Này, cậu ta đánh bại cả Thuyền ma[130] đấy, cậu cũng biết cậu ta chứ!” Jimmy tiếp tục khuyên. “Cậu ta có thể đánh năm hiệp liền. Mà cậu thì không chịu được một phút đâu. Rõ không?”

Câu cảnh cáo như có một tác dụng làm dịu đi cái anh chàng đang nổi cơn thịnh nộ kia khiến anh ta đưa mắt nhìn Martin, ước lượng.

“Trông hắn không có vẻ gì là ghê gớm như thế,” anh chàng cười gằn, nhưng cái cười gằn không có gì là giận dữ nữa.

“Chính Thuyền ma cũng đã nghĩ lầm như vậy đấy.” Jimmy nói để anh chàng kia tin. “Thôi, đừng gây chuyện nữa. Thiếu gì con gái. Thôi đi!”

Cái anh chàng trai trẻ ấy thuận để cho người ta dẫn đi về phía lều nhảy, một bọn theo sau.

“Hắn là ai thế?” Martin hỏi Lizzie. “Vì chuyện gì hắn nổi điên lên như vậy?”

Cái máu hay đánh nhau rất hăng, rất bền bỉ ngày xưa, bây giờ đã chết rồi, giờ đây gã thấy mình hay tự phân tích mổ xẻ mình quá nên không thể sống vui vẻ, tin tưởng theo cái kiểu sống nguyên thủy như trước nữa.

Lizzie lắc đầu.

“Ồ, hắn ta chẳng là gì hết,” nàng nói. “Hắn ta chỉ đi với em cho có bạn.”

“Anh thấy đấy, em đành phải như vậy!” Ngừng một lúc rồi nàng giảng giải. “Em cô đơn quá. Nhưng em không bao giờ quên.” Giọng nàng thấp hẳn xuống, nàng nhìn thẳng phía trước. “Vì anh, em sẽ xua đuổi hắn đi bất cứ lúc nào.”

Martin nhìn vào gương mặt đang quay đi của nàng, gã biết chỉ cần đưa tay ra là gã nắm được nàng, nhưng vì miên man suy nghĩ cái tiếng Anh chau chuốt đúng ngữ pháp có thực sự đem lại hạnh phúc gì không nên gã đã quên không trả lời nàng.

“Anh đã cho hấn một trận ra trò,” thấy gã không trả lời, Lizzie nói ướm và cười.

“Dù sao hấn cũng là một tay khỏe đấy,” gã thừa nhận một cách độ lượng. “Nếu họ không lôi hấn đi, hấn cũng làm cho anh bận tay chứ không chơi!”

“Cái cô bạn quý phái mà em gặp cùng đi với anh tối hôm ấy là ai thế?” Nàng đột ngột hỏi.

“Ồ, chỉ là một người bạn thôi,” gã trả lời.

“Đã lâu lắm rồi nhỉ!” Nàng lăm bắm một cách tư lự. “Hình như có đến hàng ngàn năm rồi ấy nhỉ?”

Nhưng Martin không muốn đi sâu vào vấn đề. Gã đưa câu chuyện sang những phía khác. Cả hai ăn trưa trong hiệu ăn, họ gọi rượu và những món ăn đắt tiền; sau đó, gã nhảy với nàng, không nhảy với ai khác ngoài nàng cho đến lúc nàng thấm mệt. Gã nhảy rất giỏi, nàng cứ quay tròn cùng gã trong một niềm thích thú mê man, nàng ngả đầu vào vai gã và ước mơ giây phút cứ kéo dài mãi mãi. Buổi quá trưa hôm đó, hai người lang thang đi giữa các hàng cây, và cũng như ngày xưa thú vị, nàng ngồi và gã nằm dài, gối đầu vào lòng nàng. Gã nằm đó, gà gât ngủ và nàng mơn man mái tóc gã, nhìn xuống đôi mắt nhắm nghiền của gã, và yêu gã, không chút e dè. Bỗng ngược mắt nhìn lên, gã đọc được những tình ý dịu dàng ấy trên khuôn mặt nàng. Mắt nàng chớp chớp, rồi mở ra nhòm vào mắt gã với sự thách thức êm dịu.

“Những năm qua em vẫn ăn ở giữ gìn,” nàng nói, giọng nàng thấp hấn đi như một tiếng nói thầm.

Trong lòng gã, Martin biết rằng đó là sự thật kỳ lạ. Một ý định lớn lao đến nảy ra với gã. Làm cho nàng sung sướng là tùy thuộc vào gã. Chính mình bị khước từ hạnh phúc đối với nàng? Gã có thể lấy nàng, mang nàng đi với gã, cùng chung sống trong lâu đài có những bức tường cỏ ở Marquesas. Lòng ao ước muốn làm điều đó thật là mạnh, nhưng còn mạnh hơn là cái mệnh lệnh của bản chất gã, nó ngăn cản không cho gã làm việc đó, mặc dù không muốn, gã vẫn còn trung thành với “Tình yêu.” Những ngày xưa sống dễ dãi phóng túng đã một đi không trở lại. Gã không thể đem chúng trở lại mà cũng không thể quay trở lại với chúng. Gã đã thay đổi – gã đã thay đổi đến mức nào, bây giờ gã mới rõ.

“Anh sẽ không bao giờ lấy vợ, Lizzie à.” Gã nói nhẹ nhàng.

Gã có cảm giác thấy bàn tay đang ve vuốt mái tóc gã ngừng lại, rồi nó lại tiếp tục ve vuốt dịu dàng. Gã nhận thấy nét mặt đánh lại, nhưng đó là cái đánh của một quyết định, bởi vì nét ửng hồng dịu dàng vẫn còn trên đôi má nàng, nàng đang sung sướng rạng rỡ, dịu dàng.

“Em không hề muốn nói...” nàng bắt đầu, rồi ấp úng. “Hay dù sao em cũng không cần.”

“Em không cần,” nàng nhắc lại. “Được làm bạn của anh, em cũng đủ hãnh diện rồi. Em sẽ làm mọi thứ cho anh. Em sinh ra để như vậy, em thấy thế.”

Martin ngồi nhồm dậy. Gã cầm lấy bàn tay nàng trong tay gã. Gã thông thả nắm với một nỗi thông cảm ấm áp nhưng không phải với niềm thiết tha say mê; và cái ấm áp làm cho nàng ớn lạnh. Nàng nói:

“Thôi chúng ta đừng nói đến những chuyện ấy nữa!”

“Em là một người đàn bà vĩ đại và cao quý,” gã nói. “Và chính anh phải lấy làm hãnh diện vì được biết em. Và anh hãnh diện, quả là hãnh diện. Đối với anh, em là tia sáng trong cuộc đời quá ư đêm tối của anh, với em, anh muốn tỏ ra chân thực, cũng như con người chân thực của em.”

“Em không cần anh có chân thực với em hay không. Đối với em, anh muốn là gì cũng được, dù anh có thể ném em xuống đồng bùn rồi dẫm lên trên. Và chỉ có anh là người đàn ông duy nhất trên đời này có thể làm như thế,” nàng nói thêm, ánh mắt thách thức. “Từ bé em phải tự mình lo bảo vệ mình, điều đó không phải là vô ích.”

“Chính vì thế mà anh không dám,” gã nói dịu dàng. “Em vĩ đại quá, đại lượng quá khiến anh không thể không tỏ ra đại lượng bằng em. Anh sẽ không lấy vợ, anh không - ờ, giờ đây anh không muốn yêu ai mà không lấy người ta làm vợ; trước kia, anh có khác. Anh lấy làm buồn vì đã tới đây hôm nay và lại gặp em. Nhưng bây giờ thì đành vậy. Anh không ngờ rằng câu chuyện lại xoay ra như thế này. Nhưng Lizzie em, hãy nhìn đây, anh không thể nói với em anh mến em biết chừng nào. Còn hơn là mến em nữa cơ. Anh kính trọng và cảm phục em. Em thật là đẹp đẽ, tốt bụng một cách đẹp đẽ vô cùng. Nhưng những lời nói có ích lợi gì? Anh sẽ làm một việc thực tế cho em. Đời em đã khổ nhiều, để anh làm nó nhẹ bớt đi (một tia sung sướng bùng lên trong mắt nàng, rồi lại tắt đi). Chắc chắn là anh sắp được một món tiền - rất nhiều tiền.”

Lúc đó gã từ bỏ ý tưởng mua thung lũng, mua vịnh, dựng lâu đài có những bức tường cỏ, sắm chiếc thuyền buồm trắng gọn xinh. Xét cho cùng ra, như thế phỏng ích lợi gì? Gã sẽ lại đi biển, như gã vẫn thường đi ngày trước, một anh thủy thủ bình thường, trên bất cứ một con thuyền nào trôi nổi đi tới bất cứ một nơi nào đó.

“Anh muốn bàn kỹ chuyện đó với em. Chắc em cũng cần một thứ gì đó - đi học hoặc vào lớp học lớp trung cấp thương nghiệp chẳng hạn. Có lẽ em thích học để trở thành một người viết tốc ký. Anh có thể lo liệu việc đó cho em. Hay có lẽ cha mẹ em hãy còn sống - anh có thể giúp cha mẹ em có được một cửa hiệu thực phẩm hoặc gì đó. Bất cứ cái gì em muốn, em cứ nói ra, anh có thể giúp được em.”

Nàng không trả lời, nàng vẫn ngồi nguyên, nhìn thẳng phía trước không nhúc nhích, mắt ráo khô nhưng cổ họng nàng đau nhói. Martin thấy rõ, và nó cũng làm cho cổ họng gã đau nhói. Gã hối tiếc đã nói những câu ấy ra. Những cái mà gã dâng nàng dường như quá lèo loẹt tầm thường - tiền bạc đơn thuần - so với cái mà nàng đã dâng cho gã. Gã đã dâng nàng một vật ở bên ngoài mà gã có thể dứt đi không một chút đau đớn, trong khi nàng dâng cho gã cả bản thân mình với nỗi sỉ nhục, xấu hổ và tội lỗi, với cả niềm hy vọng khát khao hạnh phúc.

“Thôi ta đừng nói đến chuyện đó nữa!” Nàng nói, giọng nàng tắc lại, và nàng vội đổi thành một tiếng ho. Nàng đứng dậy. “Thôi chúng ta về đi. Em mệt lắm.”

Ngày đã tàn và những người tham dự cuộc vui đã ra về vãn cả. Nhưng Martin và Lizzie vừa ló ra khỏi những hàng cây đã thấy một bọn đang đợi họ. Martin hiểu ngay là có chuyện gì rồi. Có chuyện không hay đây. Bọn này là những người bảo vệ gã. Tất cả đi ra qua cổng công viên, phía sau có một bọn khác lượn đi lượn lại, đó là những người mà gã trai trẻ tuổi kia đã tụ tập lại để trả thù cho việc bị cướp mất người yêu. Một số đông cảnh sát và mấy viên sĩ quan tuần canh đặc biệt, phòng ngừa chuyện xô xát, theo sát để ngăn chặn, và dồn mỗi bọn đứng ra một nơi lần lượt lên chuyến tàu đi San Francisco. Martin nói với Jimmy rằng gã sẽ xuống ga khu phố thứ mười sáu và đi tàu điện về Oakland. Lizzie rất bình tĩnh, nàng không để ý gì đến chuyện có thể xảy ra. Con tàu đi vào Ga khu phố thứ mười sáu, chiếc xe điện chờ ở đó đã nom rõ, người bán vé đang sốt ruột rung chuông leng keng.

“Tàu điện đấy,” Jimmy bảo Martin. “Chạy nhanh, nhảy lên nó, bọn mình sẽ giữ chúng nó lại. Đi đi! Lên tàu đi!”

Bọn địch thủ hơi bối rối một lúc vì cái mách khéo ấy, sau đó chúng lao cả xuống tàu đuổi theo. Những người ở khu Oakland bình tĩnh và trầm ngâm ngồi trên xe điện hầu như không để ý tới một đôi thanh niên nam nữ đã nhảy lên và đang tìm chỗ ngồi ở phía trước, bên ngoài. Họ cũng không thấy mối liên quan giữa đôi thanh niên nam nữ này với Jimmy, anh chàng đang nhảy lên bậc xe điện, mồm thét lên bảo người lái:

“Cho chạy đi, ông bạn, phóng nhanh khỏi đây ngay!”

Một phút sau Jimmy đã xoay tròn người và hành khách thấy anh giáng nắm đấm vào mặt một gã đang chạy theo cổ leo lên xe. Và những quả đấm tới tấp giáng vào mặt nhau suốt dọc tàu. Cứ như thế Jimmy và đồng bọn đứng chắn ở bậc lên xuống tàu dài và thấp để đối phó với bọn địch thủ đương tấn công.

Xe điện rung chuông rồi bắt đầu chuyển bánh, khi bọn của Jimmy đã xua hết được những tên địch thủ cuối cùng xuống, họ cũng nhảy xuống theo để tiếp tục trận đánh. Xe điện lao đi, để lại trận đánh dữ dội ở phía xa, đằng sau các hành khách lặng đi vì kinh ngạc không bao giờ có thể ngờ được rằng cái người đàn ông trẻ tuổi bình tĩnh và cô gái công nhân xinh đẹp đang ngồi ở góc phía ngoài kia lại là nguyên nhân của trận loạn đả.

Martin thích thú với trận loạn đả ấy, lòng lại rộn lên sự rung động của những trận đánh nhau ngày xưa. Nhưng sự rộn ràng ấy tắt ngay và gã cảm thấy nỗi buồn ghê gớm đến xâm chiếm trong lòng. Gã cảm thấy mình già quá – già hàng thế kỷ hơn những người bạn thanh niên vong mạng, không cần gì đời ngày xưa của gã. Gã đã đi xa, đi quá xa không còn quay trở lại được nữa. Lối sống của họ, xưa kia là lối sống của gã, bây giờ đối với gã thật đáng ghê tởm. Gã thất vọng vì những cái đó. Gã đã trở thành một người xa lạ rồi. Cốc bia hơi mùi vị đã nhạt nhẽo và đối với gã tình bạn của họ hình như cũng nhạt nhẽo. Gã đã đi quá xa rồi. Hàng nghìn, hàng nghìn quyển sách đã mở ra ngăn cách gã với họ. Gã đã tự đẩy mình đi. Gã đã chu du trong cái lĩnh vực mê mông của tri thức, mãi đến lúc gã không còn có thể trở về được nữa. Mặt khác, gã là một con người, và nhu cầu có bầu có bạn của gã vẫn chưa được thỏa mãn. Gã vẫn chưa tìm thấy một ngôi nhà mới nào cả. Bọn bạn gã đã không thể hiểu được gã, gia đình gã đã không thể hiểu được gã, bọn tư sản đã không thể hiểu được gã, thì cái cô gái bên cạnh gã mà gã rất tôn trọng này cũng không thể hiểu được gã, nàng cũng không thể hiểu được sự tôn trọng gã đã dành cho nàng. Nỗi buồn của gã không phải không nhuốm chút cay đắng khi gã nghĩ tới điều đó.

“Thôi, em dàn hòa với hắn đi,” gã khuyên Lizzie lúc hai người chia tay trước căn nhà công nhân nhỏ bé nơi nàng sống, gần khu Sáu, phố Chợ. Gã định nói đến gã trai trẻ đã bị gã chiếm mất chỗ hôm nay.

“Bây giờ, em không thể dàn hòa được nữa,” nàng nói.

“Ồ, em nói gì vậy?” Gã vui vẻ nói. “Em chỉ cần huýt sáo một cái là hắn sẽ chạy đến với em ngay.”

“Ý em không phải như vậy đâu,” nàng nói giọng buồn bã. Và gã hiểu ý nàng.

Nàng ngả người về phía gã khi gã sắp sửa từ biệt. Nhưng nàng không ngả người để thúc ép, để quyến rũ, mà thiết tha e ấp. Gã cảm động quá. Một niềm bao dung rộng lớn rộn lên trong lòng gã. Gã vòng tay ôm lấy nàng, hôn nàng và gã biết rằng trên môi gã còn đọng lại một cái hôn chân thực mà chưa bao giờ một người đàn ông có thể nhận được.

“Trời ơi!” Nàng nức nở “Em có thể chết vì anh. Em có thể chết vì anh!”

Nàng bỗng vùng ra rồi chạy vụt lên bậc thềm. Gã cảm thấy mắt mình thoáng ướt.

“Martin Eden,” gã tự nhủ. “Mi không phải là một con vật, mi chỉ là một thằng tín đồ nhỏ nhoi đáng thương của Nietzsche. Nếu có thể mi sẽ lấy nàng và làm cho trái tim đang run rẩy kia của nàng tràn đầy hạnh phúc. Nhưng mi lại không thể, không thể lấy nàng được, và đó là một điều đáng xấu hổ tồi tệ.”

“Một thằng ma cà bông tội nghiệp xưa kia đang phân tích cái ung nhọt tội nghiệp của mình,” gã lẩm bẩm và nhớ lại Henly của gã. “Ta nghĩ rằng cuộc đời là một sự sai lầm, và là một điều xấu hổ.”[\[131\]](#) Chính thế - một sự sai lầm, và một điều xấu hổ.”

CHƯƠNG 43

“*Sự hổ thẹn của mặt trời*” được xuất bản vào tháng mười. Trong khi Martin cắt những sợi dây buộc bưu kiện ra, dầm bảy cuốn sách của nhà xuất bản gửi biếu tung ra trên mặt bàn, một nỗi buồn nặng nề xâm chiếm lấy gã. Gã nghĩ tới cái giây phút sung sướng điên người nếu như sự việc này xảy ra vài tháng trước đây và gã đem đổi lấy niềm vui có thể có được ấy với sự lạnh lùng thờ ơ hiện nay của mình. Cuốn sách của gã, cuốn sách đầu tiên của gã, thế mà mạch máu trong người gã không đập rộn lên một chút xúu nào, gã chỉ cảm thấy buồn thôi. Bây giờ nó chẳng có ý nghĩa gì đối với gã. Cái ý nghĩa lớn nhất giờ đây của nó là có thể đem lại một số tiền, và tiền đối với gã giờ đây cũng chẳng có nghĩa lý gì.

Gã mang một cuốn sách xuống bếp đưa cho chị Maria.

“Sách của tôi viết đấy!” Gã cắt nghĩa để làm cho chị hết bàng hoàng. “Tôi viết nó ở trong buồng kia kìa, và tôi chắc rằng một ít súp rau của chị đã giúp vào việc tạo nên cuốn sách này. Chị giữ lấy, tôi xin biếu chị đấy. Chị giữ nó để nhớ đến tôi, chị hiểu không?”

Gã không khoe khoang, không trưng trổ gì cả. Động cơ duy nhất của gã là làm cho chị sung sướng, cho chị kiêu hãnh vì gã để xác minh lòng tin vững chắc của chị đối với gã bấy lâu. Chị mang cuốn sách ra phòng ngoài đặt lên trên cuốn kinh Thánh của gia đình. Cuốn sách này là vật thiêng liêng mà người thuê nhà của chị đã tạo ra, một vật thiêng của tình bạn. Nó đã làm nhẹ nỗi gian khổ làm nghề thợ giặt của gã, và tuy không hiểu một dòng nào trong đó, chị vẫn biết rằng mỗi dòng trong đó đều vĩ đại. Chị là người chất phác, thực tế, một người đàn bà cần cù, nhưng trời phú cho lòng tin vô cùng to lớn.

Cũng không một một chút cảm động như khi nhận cuốn sách “*Sự hổ thẹn của mặt trời*” gã đọc những bài phê bình cuốn sách đó do Nghiệp đoàn Cung ứng gửi tới hàng tuần. Cuốn sách đã thành công, điều đó là rõ ràng. Như thế có nghĩa là túi tiền của gã có thêm nhiều vàng. Gã sẽ lo liệu cho Lizzie, thực hiện những lời hứa của gã, gã vẫn còn đủ tiền để dựng một lâu đài với những bức tường bằng cỏ.

Công ty xuất bản Singletree Darnley đã thận trọng chỉ cho xuất bản một nghìn năm trăm bản, nhưng bài phê bình đầu tiên đã khiến phải cho tái bản lần thứ hai với số in gấp đôi, trước khi sách phát hành thì đã đặt in đợt thứ ba với số lượng năm nghìn cuốn. Một nhà xuất bản ở London đánh điện điều đình xin xuất bản ở Anh, liền theo đó là có tin bản dịch tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Scandivanian đang được tiến hành.

Sự công kích trường phái Maeterlinck không thể nào hợp thời hơn nữa. Một trận bút chiến kịch liệt nổ ra. Saleeby và Haeckel ủng hộ và bảo vệ tác phẩm “*Sự hổ thẹn của mặt trời*” vì họ có cùng quan điểm. Crookes và Wallace^[132] đứng ở phía đối địch, còn ngài Oliver Lodge^[133] thì định đề xuất một quan điểm dung hòa để cho nó phù hợp với cái lý luận đặc biệt về vũ trụ của ông ta. Những môn đồ của Maeterlinck tập hợp quanh lá cờ của chủ nghĩa thần bí. Về vấn đề này Chesterton viết một loạt bài được cho là không đứng về phía bên nào, làm mọi người được một mẻ cười, vì tất cả sự việc đó, cả cuộc tranh luận và những người tranh luận đều hầu như bị gạt xuống hố bởi một bài phê bình sắc sảo của George Bernard Shaw. Chả cần phải nói thêm là vũ đài chật ních những người có tài năng kém hơn, bụi, mồ hôi, tiếng rầm rầm vẫn kinh

khủng.

“Thật là một điều hết sức kỳ lạ,” Công ty xuất bản Singletree Darnley viết cho Martin. “Một tác phẩm luận văn phê bình triết học lại bán chạy như một cuốn tiểu thuyết. Ông không thể nào chọn một đề tài tốt hơn như vậy; tất cả những nhân tố đóng góp vào thuận lợi một cách không giải thích được. Cũng chẳng cần nói với ông rằng chúng tôi đang cướp lấy thời cơ. Hơn bốn mươi ngàn cuốn đã được bán ở Mỹ và Canada, trên khuôn còn đang in một lần tái bản nữa với số in hai mươi ngàn cuốn. Chúng tôi đang làm việc quá sức, cố gắng làm thỏa mãn nhu cầu của thị trường. Tuy nhiên, chúng tôi cũng đã phải mất nhiều công sức để tạo ra nhu cầu ấy. Chúng tôi đã tiêu mất năm nghìn đô la để quảng cáo. Cuốn sách này nhất định là đã phá kỷ lục về số phát hành.

“Xin ông nhận ở đây bản sao tờ hợp đồng cho cuốn sách sau mà chúng tôi đã mạo muội gửi tới ông. Chắc ông cũng sẽ lấy làm hài lòng mà thấy rằng chúng tôi đã tặng bản quyền tác giả lên hai mươi phần trăm, đó là giá tiền cao nhất mà một nhà xuất bản bảo thủ dám trả. Nếu đề nghị này hợp ý ông, xin ông làm ơn điền vào chỗ trống tên cuốn sách của ông. Chúng tôi không qui định gì về tính chất của cuốn sách. Bất cứ cuốn sách nào về bất cứ chủ đề nào cũng được. Nếu ông có cuốn nào đã viết rồi thì càng tốt. Đây là thời cơ cần phải ra lò. Sắt không thể nung nóng hơn được nữa.

“Nhận được bản hợp đồng có ký tên của ông, chúng tôi sẽ rất vui mừng gửi ngay ứng trước cho ông một số tiền bản quyền tác giả là năm ngàn đô la. Như ông rõ, chúng tôi tin ở ông, chúng tôi đang tiếp tục làm cái việc lớn này. Chúng tôi cũng đang muốn bàn với ông làm những hợp đồng dài hạn nhiều năm, có thể là mười năm, chúng tôi sẽ được độc quyền in thành sách tất cả những tác phẩm ông viết ra. Nhưng chuyện này chúng ta sẽ bàn thêm sau.”

Martin đặt bức thư xuống, gã làm một con tính nhân, nhân mười lăm xu lên sáu mươi nghìn lần như thể là được chín nghìn đô la. Gã ký vào tờ hợp đồng mới, rồi điền tên “Khối của niềm vui” [134] vào chỗ trống, rồi gửi lại cho nhà xuất bản cùng với hai mươi truyện ngắn của gã đã viết từ những ngày gã còn chưa biết công thức viết những truyện ngắn để đăng báo như thế nào. Và ngay lập tức, rất nhanh, nhanh chừng nào mà thư tín ở Mỹ có thể tới nơi và trở lại, gã nhận được ngân phiếu năm ngàn đô la của Công ty Singletree Darnley.

“Chị Maria, chiều nay, khoảng hai giờ tôi muốn chị xuống phố với tôi.” Martin nói sáng hôm đó, khi tấm ngân phiếu tới. “Hay tốt hơn là chị hãy đợi tôi ở Broadway, đường mười bốn, lúc hai giờ. Tôi sẽ tìm chị ở đó.”

Đúng giờ hẹn, chị Maria đã ở đó, nhưng “giày” là đầu mối duy nhất của các điều bí hiểm mà đầu óc chị có thể suy ra, và chị thấy thất vọng rõ ràng khi Martin dắt chị thẳng qua hiệu giày đến phòng văn khế thực sự. Những điều đã xảy ra ở đó còn đọng lại mãi mãi về sau trong óc chị như một giấc mộng. Những người quý phái lịch sự ở đó mỉm cười với chị một cách nhân từ khi họ nói chuyện với Martin hoặc nói chuyện với nhau; một cái máy chữ lách cách, những chữ ký được ký trên một tờ văn tự nom trang trọng, người chủ nhà của chị cũng ở đó và cũng ký vào. Khi đã xong dấu vào đấy và khi đã ra tới hè phố, người chủ nhà nói với chị:

“Bà Maria, tháng này bà không phải trả tôi bảy đô la rưỡi nữa.”

Maria quá mừng rỡ không nói được nữa.

“Cả tháng sau, tháng sau, tháng sau nữa cũng vậy,” người chủ nhà nói thêm.

Chị ấp úng cảm ơn ông ta, coi đấy như một ân huệ. Mãi đến lúc chị quay về nhà ở khu

Oakland, hỏi bà con láng giềng và nhờ lão chủ hiệu thực phẩm Bồ đào nha xem kỹ lại cho, chị mới thật biết rằng chị đã là chủ nhân của căn nhà nhỏ mà chị đã sống và đã phải trả tiền thuê bao lâu nay.

“Tại sao ông lại thôi không giao thiệp mua bán hàng của tôi nữa?” lão chủ hiệu thực phẩm Bồ đào nha hỏi Martin chiều hôm đó; lão bước ra gọi gã khi gã ở trên xe điện xuống. Martin cắt nghĩa là gã đã thôi không nấu ăn lấy nữa, và rồi bước vào cửa hiệu, cùng uống rượu với chủ nhân. Gã nhận thấy đây là thứ rượu ngon nhất mà lão Bồ đào nha có trong kho.

“Chị Maria ạ,” Martin nói đêm hôm đó. “Tôi sắp sửa từ biệt chị đây. Cả chị nữa cũng sắp sửa từ biệt đây thôi. Chị có thể đem cái nhà này mà cho thuê, và trở thành chủ nhà. Chị có một người em trai ở San Leandro hoặc ở Haywards thì phải, anh ta buôn sữa mà. Tôi muốn chị trả lại tất cả những bộ quần áo người ta đem đến giặt này, cứ để nguyên thế trả lại không giặt, chị hiểu không, không giặt và ngày mai chị sẽ đi ngay San Leandro hoặc Haywards, hoặc một nơi nào đó, để gặp cậu em của chị. Bảo anh ta đến gặp tôi. Tôi sẽ ở khách sạn Metropole khu Oakland. Anh ta hẳn biết thế nào là một trại bò sữa tốt.”

Thế là Maria thành bà chủ nhà và bà chủ duy nhất của một trại sản xuất bò sữa, có hai người làm thuê giúp việc, có một tài khoản ở ngân hàng, tài khoản này cứ ngày một tăng lên một cách chắc chắn mặc dù đàn con chị đứa nào cũng có giày đi và đứa nào cũng được đi học. Rất ít người có may mắn được gặp những chàng hoàng tử trong truyện tiên mà họ hằng mơ tới, nhưng Maria, một con người suốt đời vất vả, đầu óc đã chai cứng, không bao giờ mơ tới những chàng hoàng tử trong truyện tiên thì đã lại gặp chàng hoàng tử của mình, chàng hoàng tử mà xưa kia đã từng làm nghề thợ giặt.

Trong lúc đó thì thiên hạ đã bắt đầu hỏi: “Martin Eden này là ai nhỉ?” Gã đã cự tuyệt không cung cấp cho nhà xuất bản một chút gì tiểu sử của mình, nhưng đối với báo chí thì không thể nào giấu được. Oakland là thành phố quê hương của gã, bọn ký giả moi ra được rất nhiều người có thể cung cấp tài liệu cho họ. Tất cả những cái có thật và không có thật về gã, tất cả những cái gã đã làm và hầu hết những cái gã không làm đều được tung ra để đáp lại cái thích thú của quần chúng, kèm theo những bức ảnh chụp vội, những tấm ảnh của gã – những tấm ảnh này do một người thợ ảnh trong vùng trước kia đã có lần chụp cho Martin, bây giờ anh ta vội phóng lại, tung ra bán. Lúc đầu, do sự ác cảm ghê gớm của gã đối với các tạp chí và đối với toàn bộ xã hội tư bản, gã phản đối kịch liệt cái việc quảng cáo đó, nhưng cuối cùng, bởi vì thà đừng phản đối nữa lại dễ chịu hơn nên gã đã phải đầu hàng. Gã thấy mình không thể nào từ chối không tiếp các nhà văn đặc biệt từ những miền rất xa xôi đến để gặp gã. Thế rồi hàng ngày cứ phải tiếp như vậy hàng giờ, nhưng vì gã không còn bận viết, bận học tập nữa, thì những giờ đó cũng phải dùng vào một việc gì đó chứ. Vì thế gã đành nhượng bộ, một điều mà đối với gã là một sự thay đổi bất thường – để cho phỏng vấn, và phát biểu ý kiến về văn học và về triết học, thậm chí còn nhận lời mời của bọn tư sản nữa. Gã đã tạo cho mình một tâm trạng lạ lùng và yên ổn. Gã không còn cần gì nữa. Gã tha thứ cho mọi người; ngay cả gã ký giả non choẹt đã tô vẽ gã là một “tên đỏ,” gã còn để cho gã ta viết bài đăng đầy một trang với những bức ảnh chụp theo các kiểu đặc biệt.

Thỉnh thoảng gã gặp Lizzie, rõ ràng là nàng thấy tiếc vì danh vọng đã đến với gã. Nó càng làm rộng thêm khoảng cách giữa hai người. Có lẽ với hy vọng làm hẹp bớt cái khoảng cách ấy mà nàng thuận theo lời gã thuyết phục, đi học lớp buổi tối và học ở viện thương nghiệp; chỉ mặc quần áo do một tay thợ may kỳ tài cắt, thằng cha chém một giá kinh khủng. Dần dần nàng tiến bộ trông thấy đến nỗi Martin phải tự hỏi gã làm như thế có đúng không, bởi gã biết rằng nàng thuận theo như vậy, cố gắng như vậy là vì gã. Nàng cố gắng làm cho mình xứng đáng trong con mắt gã – một loại xứng đáng mà hình như gã coi trọng. Tuy nhiên, gã vẫn không cho nàng một chút hy vọng nào, gã đối xử với nàng như một người anh trai và rất ít khi đến tìm nàng.

“*Quá hạn*” được Công ty xuất bản Meredith-Lowell tung ra thị trường trong lúc gã đang được người ta ngưỡng mộ nhất, và vì là tiểu thuyết nên số sách bán được còn lớn hơn “*Sự hổ thẹn của mặt trời*.” Tuần nọ kế tiếp tuần kia, trong bản thống kê những sách bán chạy nhất thì hai tác phẩm của gã đứng đầu bảng, một sự thành công xưa nay chưa từng có. Truyện của gã không phải chỉ những độc giả thích tiểu thuyết đọc, mà cả những người đã đọc ngốn ngấu cuốn “*Sự hổ thẹn của mặt trời*” cũng bị câu chuyện về biển ấy hấp dẫn, vì sự hiểu thấu vũ trụ bậc thầy của gã đã dùng để xử lý câu chuyện. Trước hết, gã đã công kích thứ văn học thần bí chủ nghĩa, và gã đã rất thành công; sau đó, gã còn thành công trong việc cung cấp chính loại văn học mà gã muốn trình bày, gã đã tỏ ra mình là một thiên tài hiếm có, một nhà phê bình và đồng thời là một nhà sáng tạo.

Tiền bạc ùn ùn kéo đến, danh vọng cũng ùn ùn kéo đến với gã, gã lóe sáng, như một vì sao chổi qua cái thế giới của văn học, nhưng gã chỉ cảm thấy hay hay hơn là thích thú vì sự chấn động gã gây ra đó. Có một điều làm gã lúng túng, một điều nhỏ, mà nếu như thiên hạ biết thì hẳn cũng sẽ lấy làm lúng túng. Nhưng thiên hạ sẽ chỉ lúng túng vì sự lúng túng của gã thôi chứ không vì cái chuyện nhỏ nhất mà đối với gã lại hiện ra lù lù to lớn. Thẩm phán Blount mời gã đến ăn. Đó là một chuyện nhỏ, hay là bắt đầu một chuyện nhỏ rồi chẳng bao lâu nó sẽ trở thành một chuyện lớn. Gã đã sỉ nhục thẩm phán Blount, đối xử với ông ta một cách tồi tệ, và thẩm phán Blount gặp gã ở ngoài phố lại mời gã đến nhà ăn. Martin nhớ lại rất nhiều lần gã đã gặp thẩm phán Blount ở nhà ông Morse, và hồi đó không lần nào ông ta mời gã đến ăn cả. Tại sao lúc đó ông ta lại không mời gã đến ăn? Gã tự hỏi. Gã vẫn không thay đổi gì. Gã vẫn là cái anh chàng Martin Eden ấy thôi. Cái gì đã làm nên sự khác nhau đó? Có phải những cái gã đã viết từ xưa đã xuất hiện bên trong các bìa sách không? Nhưng đó là tác phẩm đã viết xong từ lâu rồi. Đó có phải là cái gã làm ra từ đó đến giờ đâu. Những tác phẩm ấy hoàn thành chính ngay từ lúc thẩm phán Blount cũng cùng chung một quan điểm này, vừa nhạo Spencer của gã và cả cái tri thức của gã. Vì thế, không phải vì một giá trị thực sự nào, mà chỉ là vì một giá trị hoàn toàn hư cấu đã khiến thẩm phán Blount mời gã đến ăn.

Martin cười gằn và nhận lời, trong khi đó gã vẫn lạ lẫm về sự dễ tính của mình, Ở bàn ăn, giữa sáu bảy người có địa vị cao cùng các phu nhân, Martin hoàn toàn thấy mình như một vị chúa tể; thẩm phán Blount được thẩm phán Hanwell ủng hộ một cách nồng nhiệt, đã đề nghị riêng với Martin cho phép ghi tên gã vào câu lạc bộ Styx – một câu lạc bộ chọn lọc bậc nhất, trong đó không phải chỉ những người có tiền tham gia mà cả những người đã thành đạt, có địa vị. Martin từ chối vì gã càng thấy lúng túng hơn bao giờ hết.

Gã đang bận túi bụi sắp đặt cho đồng bản thảo của gã. Gã đang bị dồn thúc bởi những đòi hỏi của các chủ bút. Người ta đã phát hiện ra gã là một nhà văn có phong cách đặc biệt, phong cách kèm theo cả tư tưởng nữa. Tờ “*Bình luận phương Bắc*,” sau khi đăng bài luận văn “*Chiếc nôi của cái Đẹp*” đã viết thư yêu cầu gã gửi cho năm sáu bài như thế nữa, những bài này đáng lý có thể lấy ngay từ đồng bản thảo kia, nếu tạp chí “*Burton*” xuất phát từ tâm lý đầu cơ không đặt gã năm bài và trả mỗi bài năm trăm đô la. Gã viết thư trả lời là sẽ đáp ứng yêu cầu nhưng đòi mỗi bài một nghìn đô la. Gã nhớ lại rằng tất cả những bản thảo của gã xưa kia đã bị từ chối bởi chính những tạp chí mà hiện đang ăm ỉ đòi mua này. Sự từ chối của họ thật là lạnh lùng, máy móc rập khuôn. Họ đã làm cho gã phải đổ mồ hôi; bây giờ, gã cũng định làm cho họ phải đổ mồ hôi. Tờ tạp chí “*Burton*” nhận trả năm bài luận văn với giá tiền gã yêu cầu, và bốn bài còn lại cũng bị tờ “*Nguyệt san Mackintosh*” vồ lấy với cùng một giá như vậy; tờ “*Bình luận phương Bắc*” quá nghèo không theo kịp. Thế là những bài luận văn “*Những vị đại mục sư của thần bí*,” “*Những kẻ mơ mộng những điều kỳ lạ*,” “*Cái thức của cái tôi*,” “*Triết học của ảo tưởng*,” “*Ông thánh và cục đất*,” “*Nghệ thuật và Sinh vật học*,” “*Phê bình và Ông nghiệm*,” “*Mảnh sao*,” “*Giá trị của sự cho vay nặng lãi*” ra đời để gây sóng gió; dư luận sôi nổi, bàn tán hàng bao nhiêu ngày liền mới lắng dần.

Các chủ bút viết thư yêu cầu gã cho biết điều kiện gã qui định, gã đã làm việc đó, nhưng tất cả

tác phẩm đều là những cái gã đã hoàn thành từ lâu. Gã nhất quyết sẽ không viết một cái gì mới. Ý nghĩ lại đặt bút trên giấy làm gã phát điên lên. Gã đã từng thấy Brissenden bị quần chúng xé ra từng mảnh, và mặc dầu gã được quần chúng ngưỡng mộ, gã cũng không thể nào quên được nỗi bức bối mà cũng không thể có được một chút lòng tôn trọng đối với quần chúng. Chính sự nổi tiếng của gã hình như là một điều sỉ nhục, một sự phản bội đối với Brissenden. Điều đó làm gã rụt lại, nhưng gã quyết định cứ tiếp tục làm đầy túi tiền của mình.

Gã nhận được thư của các ông chủ bút đại loại như thế này:

“Khoảng một năm trước đây chúng tôi thật là bất hạnh đã từ chối tập thơ tình của ông. Hồi ấy, những bài thơ đó đã làm cho chúng tôi xúc động rất nhiều, nhưng cũng còn một vài sự sắp xếp khác đã khiến chúng tôi lúc bấy giờ không thể nhận đăng được. Nếu bây giờ ông hãy còn giữ những tập thơ đó, và nếu ông vui lòng gửi lại, chúng tôi sẽ lấy làm sung sướng được in toàn bộ theo giá ông định. Chúng tôi cũng đã chuẩn bị những điều kiện có lợi nhất để cho in thành sách.”

Martin thu nhặt vở kịch không vắn của gã gửi thay cho tập thơ tình. Gã đọc lại một lượt trước khi gửi đi, và gã có một ấn tượng đặc biệt vì sự non nớt như một bài luận của một cậu sinh viên và sự hoàn toàn vô giá trị của nó. Tuy nhiên, gã vẫn gửi đi, và vở kịch đã được in ra làm cho ông chủ bút phải tiếc hận đến muôn đời. Công chúng phần nộ và nghi ngờ. Đó là những lời lẽ lảm nhảm khác xa với cái tiêu chuẩn siêu việt của Martin Eden. Người ta đoán rằng gã không hề viết tác phẩm này, rằng toà soạn đã giở trò gian lận một cách quá ư vụng về, có người lại cho rằng Martin Eden đã bắt chước kiểu Dumas bố [\[135\]](#), trong lúc lên tới đỉnh cao danh vọng, đã thuê người viết hộ. Nhưng khi gã tuyên bố vở bi kịch ấy chỉ là những cố gắng bước đầu trong thời kỳ mới tập viết văn của gã và tờ tạp chí nọ đã khẳng khái đòi bằng được cho có bản thảo, nói là sẽ không được sung sướng nếu như không có bản thảo, thì thiên hạ được một trận cười ra trò và liền sau đó trong toà soạn có sự thay đổi chủ bút. Vở bi kịch đó không bao giờ được in thành sách, tuy Martin đã bỏ túi tiền bản quyền tác giả trả trước.

Tờ tuần báo “Coleman” đã đánh cho Martin một bức điện rất dài, mất gần ba trăm đô la yêu gã viết cho hai mươi bài, mỗi bài giá một nghìn đô la. Họ đề nghị gã đi du lịch một chuyến trên khắp đất Mỹ, tiền phí tổn bao nhiêu họ sẽ chịu hết, và gã có quyền chọn viết bất cứ đề tài nào mà gã thích. Nội dung bức điện gợi ý rất nhiều đề tài cốt để gã thấy rằng gã có quyền lựa chọn trong một phạm vi rất rộng rãi. Chỉ có một điều hạn chế duy nhất là gã chỉ được giới hạn viết vắn đề trong đất nước Mỹ thôi.

Martin đánh một bức điện do bên nhận trả tiền trả lời là rất tiếc và không có khả năng nhận được.

“Wiki – Wiki” được đăng trên nguyệt san “Warren” là một thành công tức thì. Nó được in thành sách, mép để chừa ra rất rộng trình bày rất đẹp, hấp dẫn những độc giả đi nghỉ mát và bán rất chạy. Các nhà phê bình nhất trí tin rằng tác phẩm này đứng ngang hàng với hai tác phẩm cổ điển “Con quỷ trong bình” [\[136\]](#) và “Miếng da lừa” [\[137\]](#) của hai nhà văn vĩ đại.

Tuy nhiên công chúng lại tỏ ra có chiều hướng lãnh đạm và nghi ngờ đối với tập “Khói của Niềm vui.” Sự táo bạo và bất chấp cả ước lệ của những truyện ngắn này làm tổn thương tới đạo đức và thiên khiếu của giai cấp tư sản. Nhưng sau khi ở Paris phát cuồng lên vì bản dịch vừa xuất bản thì công chúng độc giả ở Mỹ và ở Anh cũng theo và tranh nhau mua rất nhiều đến nỗi Martin buộc nhà xuất bản bảo thủ Singletree-Darnley phải trả tiền bản quyền tác giả đúng hai mươi năm phần trăm cho quyển thứ ba, đúng ba mươi phần trăm cho quyển thứ tư. Hai tập này gồm tất cả những truyện ngắn gã viết đã được đăng hoặc đang đăng liên tiếp làm nhiều kỳ. “Tiếng chuông” và tất cả những chuyện rùng rợn của gã được in vào một tập; tập kia gồm có “Mạo hiểm”, “Cái xoong”, “Men rượu của cuộc đời”, “Cơn lốc”, “Khu phố hỗn độn” và bốn

truyện khác. Công ty xuất bản Lowell-Meredith vớ được toàn tập những bài luận văn của gã. Công ty Maxmillian mua được tập “Tập thơ về biển” và “Tập thơ tình”. Tập thơ thứ hai này đã được đăng nhiều kỳ trên tờ “Người bạn gia đình của các bà” sau khi tờ này đã phải trả một giá cắt cổ.

Martin thở dài khoan khoái khi gã thu xếp xong cho tập bản thảo cuối cùng. Lâu đài thuyền cỏ và chiếc thuyền buồm bằng đồng trắng toát đã rất gần gũi với gã. Phải, rốt cuộc gã cũng thấy ra được ý kiến gã đúng khi tranh luận phản đối ý kiến của Brissenden cho rằng không có cái gì có giá trị mà lại có thể tìm đường đến được các tạp chí. Sự thành công của gã chứng tỏ rằng Brissenden đã lầm. Nhưng dù sao gã vẫn có cảm giác rằng Brissenden đúng. “Sự hổ thẹn của mặt trời” là nguyên nhân sự thành đạt của gã hơn là những cái khác mà gã đã viết. Những tác phẩm khác chỉ là ngẫu nhiên thôi. Nó đã bị các tạp chí vứt đi vứt lại. “Sự hổ thẹn của mặt trời” in ra dẫn tới một cuộc bút chiến và đã khiến mọi người đổ xô lại hoan nghênh gã. Nếu như không có “Sự hổ thẹn của mặt trời” thì đã không có sự đổ xô lại như thế và nếu như không có sự thành công huyền diệu của “Sự hổ thẹn của mặt trời” thì đã không có sự đổ xô lại như thế. Công ty xuất bản Singletree-Darnley đã chứng thực sự huyền diệu đó. Họ đã cho xuất bản lần đầu với số một nghìn năm trăm cuốn và họ còn nghi ngờ không biết có bán được hết không. Họ là những nhà xuất bản có kinh nghiệm và không ai ngạc nhiên hơn họ vì sự thành công tiếp theo đó. Đối với họ, nó quả thực là một chuyện huyền diệu. Họ không bao giờ có thể quên được chuyện đó, trong mỗi lá thư viết cho gã đều lộ rõ sự kinh ngạc tôn sùng của họ đối với sự kiện thần bí lúc đầu đó. Họ không nghĩ tới chuyện cắt nghĩa hiện tượng này, không có cách nào để cắt nghĩa cả. Nó đã xảy ra. Bất chấp mọi kinh nghiệm ngược lại, nó cũng cứ đã xảy ra.

Lý luận như vậy, Martin bắt đầu nghi ngờ cái giá trị của sự nổi tiếng của mình Chính giai cấp tư sản đã mua sách của gã, và dốc vàng của nó vào túi gã và từ những điều hiểu biết rất ít của gã đối với giai cấp tư sản, gã không rõ tại sao giai cấp này lại có thể đánh giá được hoặc hiểu được những cái gã viết ra – Cái đẹp và sức mạnh thực chất của gã, có nghĩa gì đâu đối với hàng trăm hàng nghìn người đang tán thưởng và mua sách của gã. Gã là cái thị hiếu của thiên hạ lúc này; gã là một kẻ mạo hiểm đã dám lên quấy phá “Núi thơ” trong khi các thi thần đang gà gât. Hàng trăm hàng nghìn người đọc gã và tán thưởng gã với sự ngu dốt của bầy súc vật y như khi họ nhảy xổ vào bài thơ “Phù du” của Brissenden và xé nó ra từng mảnh – một bầy chó sói đáng lẽ giờ nanh cắn xé gã thì lại ve vuốt nịnh nọt gã. Nịnh nọt hoặc cắn xé, đó chỉ là chuyện may rủi thôi. Có một điều gã biết chắc chắn: “Phù du” vô cùng lớn hơn bất cứ cái gì gã đã viết. Nó vô cùng lớn hơn bất cứ cái gì có trong gã. Đó là một bài thơ của thế kỷ. Thế thì cái cống vật mà bọn bạn tiền kia dâng gã là một cái cống vật đáng buồn, bởi vì cũng chính cái bọn bạn tiền ấy đã đim bài thơ “Phù du” xuống bùn đen. Gã thở dài nặng nề và mãn nguyện. Gã sung sướng vì tập bản thảo cuối cùng đã bán xong, và gã sắp được từ bỏ tất cả.

CHƯƠNG 44

Ông Morse gặp Martin trong phòng làm việc ở khách sạn Metropole. Hoặc ông ta tình cờ đến đó vì một việc gì khác, hoặc ông ta đến chỉ với mục đích trực tiếp là mời gã lại ăn, Martin không bao giờ có thể hiểu được, tuy gã vẫn thiên về giả thiết thứ hai hơn. Dù sao chẳng nữa thì vẫn là ông Morse, cha của Ruth, con người trước kia đã cấm gã và đã phá lời đính ước, giờ đây mời gã đến ăn.

Martin không giận. Thậm chí gã cũng không làm cao nữa. Gã tha thứ cho ông Morse mà lòng vẫn tự hỏi lòng không hiểu chịu đựng cái điều sỉ nhục ấy ông Morse cảm thấy thế nào. Gã không cự tuyệt lời mời. Gã chỉ dùng những lời lẽ lơ mờ không rõ để gạt đi, gã hỏi thăm gia đình, đặc biệt là bà Morse và Ruth. Gã nhắc đến tên nàng một cách tự nhiên không chút rụt rè, tuy gã thầm ngạc nhiên tại sao trong mạch máu gã không bùng lên một chút rung động, không một chút rộn ràng ấm áp quen thuộc xưa kia.

Gã nhận được rất nhiều lời mời đến ăn, thỉnh thoảng gã cũng có nhận lời đôi chỗ. Nhiều người nhờ người khác giới thiệu mình để được mời gã lại ăn. Và gã cứ lúng túng vì chuyện nhỏ đang trở thành chuyện lớn. Bernard Higginbotham mời gã đến ăn. Gã càng lấy làm bối rối tột. Gã nhớ lại những ngày đói ăn tuyệt vọng mà không có ai mời. Những lúc ấy là lúc gã cần đến những bữa ăn, và người gã cứ yếu đi, lả đi vì thiếu ăn, gã sút cân chỉ vì đói. Thật là chuyện ngược đời. Khi cần đến ăn thì không ai cho, bây giờ gã có thể mua được hàng trăm hàng nghìn bữa ăn, và ăn chẳng thấy ngon miệng nữa thì những bữa ăn lại tứ phía dồn dập tới. Nhưng tại sao thế nhỉ? Không có công bằng trong đó một chút nào, về phần gã cũng không có gì là xứng đáng. Gã có khác gì đâu. Tất cả những tác phẩm gã đã viết, gã đã viết xong từ dạo ấy cơ mà. Ông bà Morse đã kết tội gã là một thằng lười biếng, một kẻ trốn việc, và qua Ruth giục gã kiếm một chân thư ký ở một công sở, hơn nữa, lúc đó họ cũng biết công việc của gã đã làm xong rồi đấy chứ. Hết bản thảo này đến bản thảo khác của gã đã được Ruth chuyển qua tay họ. Họ đã đọc những bản thảo ấy. Vẫn những tác phẩm ấy đã làm cho tên tuổi gã nổi trên khắp mặt báo và chính cái tên tuổi gã nổi trên khắp các mặt báo đã làm cho họ mời gã đến ăn.

Có một điều chắc chắn là: Gia đình nhà Morse trước kia đã không cần gã vì gã, hoặc cần gã vì các tác phẩm của gã. Vì thế bây giờ họ cũng không thể cần gã vì gã, hoặc vì các tác phẩm của gã, họ cần là cần cái danh vọng của gã, bởi vì gã đã là ông nọ ông kia, và – tại sao lại không nhỉ? – bởi vì gã đã có trong tay một trăm nghìn đô la hoặc vào khoảng đó. Đó là cái cách mà xã hội tư sản đánh giá một con người, và gã là ai mà đợi người ta đánh giá cách khác? Nhưng gã lấy làm kiêu hãnh. Gã khinh bỉ cái cách đánh giá ấy. Gã muốn người ta đánh giá gã vì bản thân gã hay vì tác phẩm của gã, vì dù sao tác phẩm của gã cũng là biểu hiện của bản thân gã. Đó chính là cách Lizzie vẫn đánh giá gã. Đối với nàng, ngay cả tác phẩm của gã cũng không đáng kể. Nàng đánh giá gã vì bản thân gã. Đó cũng là cách mà anh thợ nguội Jimmy và tất cả bạn cũ của gã vẫn đánh giá gã. Điều đó đã được chứng tỏ khá rõ trong những ngày gã cùng sống với họ, nó đã được chứng tỏ trong cái ngày chủ nhật ở công viên Shell Mound. Tác phẩm của gã không có nghĩa lý gì đối với họ. Cái mà họ thích, cái mà họ sẵn lòng ra tay để bảo vệ chính là Martin Eden, một người trong bọn họ, một gã rất tốt bụng.

Còn đối với Ruth. Xưa kia nàng đã thích gã vì gã, điều đó là thực. Không còn bàn cãi gì nữa. Nhưng tuy thích gã đấy, nàng vẫn thích cái tiêu chuẩn về giá trị của giai cấp tư sản hơn. Nàng

đã phản đối việc viết văn của gã, đối với gã hình như cái chính là vì nó không kiếm ra tiền. Đó là lời phê bình của nàng về tập “Thơ tình” của gã. Cả nàng nữa đã thúc giục gã phải kiếm việc làm. Thực ra, nàng đã làm cho cái tên thanh nhã đi bằng cách gọi là “chức vị” nhưng nó vẫn cùng một ý ấy thôi, và cái cách đặt tên ngày ấy vẫn còn in sâu lắng trong óc gã. Gã đã đọc cho nàng nghe tất cả những cái gã đã viết – thơ, truyện ngắn, luận văn – “Wiki-Wiki,” “Sự hổ thẹn của mặt trời,” tất cả. Và nàng vẫn cứ luôn luôn trước sau như một thúc giục gã đi kiếm việc làm, đi làm – Trời ơi! Làm như thể gã không hề làm việc, không hề bỏ cả ngủ, dốc hết cả đời mình ra để làm cho xứng đáng với nàng.

Thế là câu chuyện nhỏ đã lớn lên. Gã khỏe mạnh, người bình thường, ăn đều, ngủ nhiều, thế mà cái chuyện nhỏ mọn đang lớn dần lên ấy đã trở thành một ám ảnh. Tác phẩm viết đã từ lâu rồi. Câu đó cứ ám ảnh trí óc gã. Gã ngồi đối diện với Bernard Higginbotham trước một bữa ăn thịnh soạn ngày chủ nhật ở “Higginbotham thương điểm”, gã phải cố gắng tự kìm mình lắm mới khỏi thét lên.

“Đây là những tác phẩm viết từ lâu rồi! Thế mà bây giờ anh mới mời tôi ăn, xưa kia anh mặc tôi chết đói, anh cấm cửa tôi, chửi tôi vì tôi không kiếm việc làm. Mà khi đó thì công việc tôi đã làm xong, làm xong tất cả. Và bây giờ, khi tôi nói anh ngậm miệng lại, anh chăm chú nhìn vào mặt tôi, kính cẩn chú ý lắng nghe tất cả những gì tôi nói. Tôi nói với anh rằng bọn bạn của anh là một lũ thối tha, một lũ lừa bịp, thì đáng lẽ nổi giận anh lại ậm ậm ừ ừ và nhận rằng những điều tôi nói là có nhiều ý nghĩa lắm. Tại sao lại như vậy? Bởi vì tôi đã nổi tiếng; bởi vì tôi có nhiều tiền, không phải bởi vì tôi là Martin Eden, một gã tốt bụng và càng không phải đặc biệt vì tôi là một thằng ngốc. Tôi có thể nói với anh rằng mặt trăng làm bằng pho mát, anh cũng sẽ đồng ý với cái nhận định đó, hay ít nhất cũng không dám phủ nhận điều đó, vì tôi có tiền, có hàng núi tiền. Và những cái kiếm ra tiền đó thực ra đã làm xong từ lâu rồi; tôi nói cho anh biết, tôi làm xong nó vào cái lúc anh nhổ vào mặt tôi như nhổ vào đồng nhơ dưới chân anh ấy!”

Nhưng Martin không thét lên. Ý nghĩ ấy gặm nhấm trong óc gã, nó giày vò gã không ngớt, trong khi gã vẫn cười và nén được mình. Vì gã ngồi yên nên Bernard Higginbotham tha hồ nói chuyện. Lão cũng đã thành công và lão kiêu hãnh vì điều đó. Lão là con người tự lập. Không ai giúp đỡ lão cả. Lão không nợ nần ai. Lão đã làm đầy đủ bốn phận của một người công dân và đã nuôi nổi một gia đình đông con. Đây, cái “Higginbotham thương điểm”, cái công trình kết quả của cuộc đời cần cù và khéo léo của lão. Lão yêu cái “Higginbotham thương điểm” như nhiều người yêu vợ mình. Lão đã thổ lộ tất cả nỗi lòng mình ra cho Martin, đã nói cho gã biết do sự khéo léo, do tính toán ghê gớm đến thế nào mà lão đã dựng nên được cái thương điểm này. Lão đã có những kế hoạch cho nó, những kế hoạch đầy tham vọng. Cả cái khu xung quanh đây đang lớn lên rất nhanh. Cửa hiệu của lão thực là bé quá. Nếu có thêm chỗ, lão có thể lắp vài chục loại thiết bị cải tiến vừa tiết kiệm được sức, vừa đỡ tốn tiền. Và lão sẽ làm như thế. Lão đang cố dốc hết sức cho cái ngày lão có thể mua được khu đất bên cạnh, và dựng thêm một tòa nhà hai tầng nữa. Trên gác lão sẽ cho thuê, tầng dưới của hai tòa nhà sẽ là “Higginbotham thương điểm”. Mắt lão long lanh khi lão nói tới tầm biển mới sẽ giăng ra rõ ràng qua cả hai tòa nhà.

Martin quên không nghe. Cái điệp khúc “tác phẩm đã viết từ lâu rồi” trong óc gã đã nhận chìm lời nói thao thao của lão anh rể. Cái điệp khúc đó làm gã phát điên lên; gã cố gắng trốn thoát nó.

“Anh nói là nó đáng giá bao nhiêu?” Martin bỗng hỏi.

Lão anh rể dừng lại giữa những lời lẽ dài dòng về những cơ hội làm ăn buôn bán của khu vực lân cận. Lão chưa hề nói nó đáng giá bao nhiêu. Nhưng lão vốn biết. Lão đã hình dung ra nó có đến hàng chục lần rồi.

“Tính theo giá gỗ hiện nay,” lão nói, “thì bốn nghìn có thể mua được.”

“Kể cả cái biển hàng?”

“Cái đó tôi chưa tính. Khi có nhà thì phải có biển hàng!”

“Còn đất bao nhiêu?”

“Hơn ba nghìn.”

Lão ngả người ra phía trước, liếm môi, hai tay cứ bồn chồn duỗi ra rồi lại nắm vào trong khi lão nhìn Martin viết tấm ngân phiếu. Khi tấm ngân phiếu được trao cho lão, lão nhìn số tiền – bảy nghìn đô la.

“Tôi – tôi không thể trả lãi hơn sáu phân được,” lão nói, giọng khàn khàn.

Martin muốn cười lớn, nhưng gã lại hỏi:

“Thế bao nhiêu?”

“Để tôi xem – Sáu phân – sáu lần bảy là đi – bốn trăm hai mươi.”

“Như thế nghĩa là ba mươi đô la một tháng, có phải không?”

Higginbotham gật đầu.

“Thế này nhớ, nếu anh không phản đối, chúng ta sẽ thu xếp như thế này.” Martin liếc nhìn chị Gertrude. “Anh có thể giữ cả món tiền đó cho anh, nếu anh đem mỗi tháng ba mươi năm đô la thuê người nấu ăn, giặt giũ, lau nhà. Bảy nghìn đô la sẽ là của anh nếu anh bảo đảm rằng chị Gertrude sẽ không phải làm những công việc nặng nhọc nữa. Có thỏa thuận không?”

Higginbotham nuốt nước bọt khó nhĩ. Cái việc vợ lão không làm công việc gia đình nữa là một xúc phạm đến cái tâm hồn bủn xỉn của lão. Món quà phi thường này là cái vỏ ngoài của một viên thuốc, một viên thuốc đắng. Vợ lão không phải làm việc nữa! Điều đó làm lão ớ cả người ra.

“Thôi được,” Martin nói. “Tôi sẽ trả ba mươi đô la một tháng và...”

Gã đưa tay qua bàn với lấy tờ ngân phiếu. Nhưng Higginbotham đã vồ lấy trước, vừa vồ vừa kêu lên:

“Tôi xin nhận, tôi xin nhận!”

Khi Martin lên xe điện, gã thấy người chán nản, mệt mỏi. Gã nhìn tấm biển cửa hiệu, miệng lẩm bẩm:

“Ồ lợn!Ồ lợn!Ồ lợn!”

Khi tạp chí “Mackintosh” in “Người xem tướng tay” do Berthier trình bày và Wenn vẽ hai bức tranh minh họa thì Herman Von Schmidt quên bẵng ngay rằng đã có lần hấn gọi những vần thơ ấy là tục tĩu. Hấn tuyên bố rằng vợ hấn đã gây ra thì húng cho bài thơ đó, hấn tìm cách

làm cho những lời ấy đến tai một ký giả, và hẳn để cho một anh nhà báo đến phỏng vấn, đi theo có một anh chàng nhiếp ảnh và một họa sĩ. Kết quả là một trang phụ trương chủ nhật đầy những ảnh và những bức vẽ lý tưởng hoá Marian, với rất nhiều những chi tiết thuộc về đời tư của Martin Eden và gia đình gã, và toàn bộ bài thơ “Người xem tướng tay” bằng chữ lớn được tạp chí “Mackintosh” đặc biệt cho phép in lại. Điều đó gây một sự xao động cho bà con lân bang hàng xóm, các bà nội trợ hãnh diện được quen với em gái một nhà văn vĩ đại, còn những người chưa quen thì vội vã đến làm quen. Herman Von Schmidt thì cứ cười hô hố trong cái cửa hàng chữa xe đạp nhỏ bé của hắn và quyết định sắm một cái máy tiện mới. “Tốt hơn là quảng cáo,” hắn nói với Marian, “mà lại chẳng tốn xu nào.”

“Chúng ta nên mời anh ấy lại ăn cơm,” cô Marian gợi ý.

Martin đến ăn, gã cố gắng làm vừa lòng lão chủ hàng thịt bán buôn phì nộn và mụ vợ còn phì nộn hơn. Họ là những nhân vật quan trọng chắc chắn là sẽ giúp ích được cho một anh chàng trẻ tuổi đang lên như Herman Von Schmidt, kéo được họ đến nhà hắn ta cũng là một cái mối lớn không kém kéo được ông anh rể vĩ đại. Ở bàn ăn có một người khác cũng cần phải cái mối câu ấy, là viên tổng thanh tra các đại lý của hãng xe đạp Asa trên bờ biển Thái bình dương. Von Schmidt cũng muốn chiều chuộng, cũng muốn lấy lòng lão ta bởi vì nhờ lão mà hắn có thể được một chân đại lý xe đạp ở khu Oakland. Vì thế Von Schmidt cho rằng có được Martin làm anh rể, thì thật là một tài sản lớn, tuy trong thâm tâm, hắn không thể hiểu được do đâu mà Martin được như thế. Trong đêm tối tĩnh mịch, khi vợ hắn đã ngủ rồi, hắn lần giở tất cả các tác phẩm và thơ ca của Martin ra đọc, và hắn quả quyết rằng thiên hạ thật là một lũ ngốc mới đi mua những tác phẩm đó.

Và trong đáy lòng, Martin cũng hiểu quá rõ những ý nghĩ ấy trong khi gã ngả người ra phía sau, nhìn cái đầu của Von Schmidt một cách thêm thường, tưởng tượng, gã đang đám nó đến bật tung ra, những quả dấm tới tấp nện vào cái đầu đó – cái đầu thành Đức ngu xuẩn ấy! Nhưng có một điều hắn thích ở Von Schmidt. Nghèo như hắn, quyết tâm vươn lên như hắn, thế mà hắn vẫn thuê một người làm để đỡ những công việc nặng nhọc cho Marian. Martin nói chuyện với viên tổng thanh tra của hãng Asa, sau bữa ăn gã kéo lão ta cùng Hermann ra một chỗ, và nói rằng gã sẽ bỏ tiền để mở một cửa hàng bán xe đạp tốt nhất cho Hermann với đầy đủ các thiết bị ở Oakland. Gã còn đi xa hơn nữa, trong khi nói riêng với Hermann, gã bảo hắn cứ chuẩn bị tinh thần kiếm cho mình một chân đại lý ô-tô nữa, và không lý gì hắn không thể đảm đương thành công cả hai cửa hàng một lúc.

Lúc từ biệt, Marian đầy nước mắt ôm vòng lấy cổ Martin, và nói với anh rằng cô yêu anh biết bao và bao giờ cũng vẫn yêu anh. Đúng như vậy, lời nói đoan chắc của cô ta mới thoát ra được một nửa đã dừng ngay lại, cô vừa khóc vừa hôn cùng với những lời nói lấp bắp rồi rạc mà Martin cho là cô ta kêu gọi sự tha thứ của anh vì đã có lúc cô thiếu lòng tin ở anh và cứ khẳng khẳng khuyên anh đi tìm một việc làm.

“Chắc chắn ông này không bao giờ giữ được tiền,” Herman Von Schmidt nói riêng với vợ. “Ông ta phát điên lên khi tôi nói đến lãi, ông ta nói mặc kệ nó tiền vốn với chẳng tiền vốn, và nếu tôi còn dả động đến nữa thì ông ta sẽ quật vào cái đầu Đức của tôi cho đến bật ra. Ông ta nói thế đấy – cái đầu Đức của tôi. Nhưng ông ta cũng không đến nỗi tồi, tuy không phải là người biết buôn bán. Ông ta đã tạo cho tôi dịp may, ừ, ông ta không đến nỗi tồi.”

Những lời mời đến ăn cứ tới dồn dập với Martin, nó càng dồn vào nhiều, gã lại càng lúng túng. Gã ngồi ở ghế danh dự một bữa tiệc tại câu lạc bộ Arden với những nhân vật nổi tiếng mà trước kia gã chỉ nghe tiếng hoặc đọc thấy tên ở trên báo, họ nói với gã rằng từ khi họ đọc “Tiếng chuông” trên tờ “Xuyên lục địa nguyệt san” và “Nàng tiên và viên ngọc” trên tờ “Con ong” họ đã đoán ngay gã là người nhất định sẽ thành công. “Trời ơi!” Gã nghĩ thầm. “Thế mà lúc đó tôi đang ăn đói mặc rách. Tại sao lúc đó các ông không mời tôi một bữa. Có phải là đúng

lúc không. Đây là những tác phẩm đã viết ra từ lâu rồi. Nếu ngày nay các ông mời tôi ăn vì những tác phẩm tôi đã viết thì tại sao các ông đã không mời tôi ăn lúc đó khi tôi đang cần ăn. Không một từ nào trong *“Tiếng chuông”* hoặc *“Nàng tiên và viên ngọc”* thay đổi cả. Không, các ông mời tôi ăn bây giờ không phải là vì những tác phẩm tôi đã viết đâu. Các ông mời tôi ăn là một vinh dự. Các ông mời tôi ăn bây giờ, bởi vì các ông là một bầy súc vật, bởi vì các ông thuộc về phường hạ tiện, bởi vì vừa đây trong đám đông có một kẻ có cái ý nghĩ mù quáng, máy móc là mời tôi tới ăn.”

“Martin Eden và những tác phẩm đã hoàn thành của Martin Eden đối với tất cả những chuyện đó có liên quan gì với nhau?” Gã rầu rĩ tự hỏi, rồi đứng dậy đáp lại một cách khôn ngoan tế nhị những cốc rượu chúc mừng khôn ngoan tế nhị.

Cứ như vậy ngày nọ tiếp ngày kia. Bất luận gã ở đâu – ở câu lạc bộ báo chí, ở câu lạc bộ Redwood, ở những bữa tiệc trà long trọng, ở những cuộc hội họp văn nghệ – đâu đâu, người ta cũng nhắc đến hai tác phẩm *“Tiếng chuông”* và *“Nàng tiên và viên ngọc”*, khi chúng mới được in lần đầu tiên. Martin luôn luôn phát điên lên và tự hỏi: “Tại sao lúc đó các ông không mời tôi ăn? Những tác phẩm ấy đã viết xong từ lâu rồi. *“Tiếng chuông”*, *“Nàng tiên và viên ngọc”* đến bây giờ vẫn không thay đổi một chữ. Lúc đó chúng có đầy tính nghệ thuật, đầy giá trị như bây giờ. Các anh mời tôi không phải vì chúng, cũng không phải vì bất cứ một cái gì khác tôi đã viết ra đâu. Các anh mời tôi ăn bởi vì bây giờ đó là cái mốt, bởi vì tất cả đám hạ lưu hèn mạt đang phát điên lên với ý tưởng mời được Martin Eden ăn.”

Thường thường, trong những lúc đó, gã lại bỗng thấy đáng đi thông vai, lẫn với những người khác của một gã còn trẻ tuổi mặc chiếc áo ngắn, đầu đội chiếc mũ Stetson vành cứng. Câu chuyện đã xảy ra với gã trong Gallina hiệp hội ở khu Oakland, một buổi chiều. Khi Martin ở ghế đứng dậy và bước lên diễn đàn, gã lại trông thấy gã còn trẻ tuổi mặc chiếc áo ngắn, đội mũ vành cứng đó nghênh ngang bước qua cửa chính phía sau gian phòng lớn. Martin cố hết sức chú ý căng mắt nhìn, đến nỗi năm trăm các bà các cô ăn mặc lịch sự, đứng một phải quay đầu lại nhìn xem gã đang nhìn gì. Nhưng họ chỉ trông thấy lối đi chính giữa trống rỗng không có một ai.

Martin thấy gã thô lỗ ấy lão đảo bước xuống lối đi đó, và tự hỏi không biết gã ta có bỏ cái mũ vành cứng mà không bao giờ thấy gã nọ rời ra không. Gã nọ bước thẳng xuống lối đi và lên diễn đàn. Martin đã suýt khóc cho cái bóng hình trai trẻ ấy của bản thân, khi gã nghĩ tới bao nhiêu điều mà gã phải chịu đựng. Gã nọ lão đảo bước qua diễn đàn, tới thẳng chỗ Martin và biến mất. Năm trăm các bà các cô vỗ nhè nhẹ với những bàn tay đeo găng, để khuyến khích cái con người vĩ đại e thẹn đang là khách của họ hôm nay. Martin rũ hình ảnh ấy ra khỏi trí óc, gã mỉm cười và bắt đầu nói.

Ông tổng giám thị các trường học, một ông già tốt bụng gặp Martin ở phố, đã đứng lại hỏi thăm gã và nhắc đến những chuyện xưa trong phòng làm việc của ông khi Martin bị đuổi ra khỏi trường vì tội đánh nhau.

“Tôi đã đọc *“Tiếng chuông”* của anh trên một tờ tạp chí từ lâu,” ông ta nói. “Hay giống Poe[138] vậy. Thật là tuyệt, lúc đó tôi đã nói ngay thật là tuyệt!”

“Vâng, vậy mà mấy tháng trước đây, hai lần ông gặp tôi ngoài phố, ông có nhận ra tôi đâu.” Martin gần như nói to lên. “Mỗi lần là một lần tôi bị đối và phải ra hiệu cầm đồ. Vậy mà các tác phẩm tôi đã viết xong từ lâu. Lúc đó ông không nhận ra tôi. Tại sao bây giờ ông lại nhận ra tôi?”

“Hôm nọ, tôi vừa nói với nhà tôi,” ông giám thị nói, “có dịp nào phải mời anh Martin lại ăn

cũng hay đấy? Nhà tôi hoàn toàn đồng ý. Phải, nhà tôi đã hoàn toàn đồng ý với tôi!”

“Đến ạ!” Martin nói sáng quá gần như một tiếng gầm.

“Sao, vâng, vâng, mời anh đến ăn, anh biết đấy – lại đằng nhà uống mấy cốc cầu may với chúng tôi, với lão giám thị cũ của anh ấy mà, anh bạn ranh con nhé!” Ông ta rụt rè thốt lên và đấm Martin một cái ra ý thân mật, lối bạn bè.

Martin bước đi trên đường phố như trong một cơn mê. Gã đứng lại ở góc phố, đưa mắt lo lắng nhìn quanh.

“Ồi mẹ khỉ!” Cuối cùng, gã lẩm bẩm. “Lão già sợ mình!”

CHƯƠNG 45

Một hôm Kreis đến gặp Martin – Kreis con người của “đám hạ lưu chân chính.” Martin quay lại nghe anh ta nói, trong lòng thấy nhẹ nhõm, những chi tiết sáng ngời của một mưu đồ khá liều lĩnh làm cho gã thích thú, không phải là cái thích thú của một nhà đầu tư mà là cái thích thú của một nhà viết tiểu thuyết. Giữa lúc trình bày, Kreis ngừng lại khá lâu để nói với Martin rằng hầu hết những kiến giải trong *“Sự hổ thẹn của mặt trời”* đã chứng tỏ gã là một thằng ngốc.

“Nhưng không phải tôi đến đây để thuyết lý về triết học.” Kreis nói tiếp. “Điều tôi muốn là anh có chịu bỏ ra một nghìn đô la để làm việc đó không?”

“Không, dù sao, tôi cũng không ngốc đến như thế.” Martin trả lời. “Nhưng tôi sẽ nói cho anh biết tôi sẽ làm gì. Anh đã cho tôi sống một đêm vĩ đại nhất trong đời tôi. Anh đã cho tôi cái mà tiền bạc không thể mua được. Bây giờ tôi có tiền, và tiền đối với tôi không có nghĩa lý gì hết. Tôi sẽ chuyển cho anh một nghìn đô la - cái mà tôi coi khinh - vì cái mà anh đã cho tôi đêm ấy, và cái đó thật là vô giá. Anh cần tiền. Mà tôi lại có nhiều quá sự cần thiết. Anh cần tiền. Anh đến đây vì cái đó. Cũng chẳng cần phải bày mưu tính kế gì để lấy tiền ở tôi. Cầm lấy!”

Kreis không để lộ ra một chút ngạc nhiên. Anh ta gấp tám ngân phiếu đút vào túi.

“Theo giá này thì tôi muốn ký với anh một hợp đồng dành cho anh nhiều đêm như thế nữa!”

“Quá muộn rồi!” Martin lắc đầu “Đối với tôi đêm ấy là đêm duy nhất. Tôi đã được sống trong một thiên đường. Tôi biết, đối với anh, đó chỉ là một điều tầm thường. Nhưng đối với tôi nó lại không như vậy, không bao giờ tôi lại được sống những phút say mê tột đỉnh như thế nữa. Tôi đã đoạn tuyệt với triết học rồi. Tôi không bao giờ muốn nghe một chữ nào về triết học nữa.”

“Đây là đồng đô la đầu tiên trong đời tôi kiếm được nhờ môn triết học của tôi.” Kreis nói khi anh ta dừng lại ở cửa. “Rồi thị trường bị vỡ ngay.”

Một hôm bà Morse đi xe qua gặp Martin ở ngoài phố, bà mỉm cười và gật đầu chào. Gã mỉm cười và ngả mũ ra. Việc đó chẳng khiến gã xúc động chút nào. Một tháng trước, việc đó có thể đã làm gã kinh tởm, hoặc làm gã thấy kỳ lạ, và làm gã suy nghĩ về ý thức của bà ta lúc đó. Một phút sau là gã quên ngay. Gã quên chuyện đó y như gã quên nhà Ngân hàng trung ương hoặc Tòa thị chính ngay sau khi gã bước qua. Tuy nhiên, đầu óc gã hoạt động một cách khác thường, tư tưởng gã cứ diễn biến vòng vòng, vòng vòng theo một đường tròn. Trung tâm của vòng tròn đó là câu “tác phẩm đã viết xong từ lâu” nó cứ găm nhấm trí óc gã như một con giòi không bao giờ mỏi. Buổi sáng, thức dậy gã nghĩ tới nó. Buổi tối, trong giấc mơ gã cũng bị nó giày vò. Mọi sự việc của cuộc sống chung quanh gã thông qua các giác quan là tức khắc liên hệ ngay với não “tác phẩm viết xong đã từ lâu rồi.” Theo một phép lý luận tàn nhẫn gã đi tới kết luận gã là một kẻ vô danh tiểu tốt, gã không là cái gì cả. Martin Eden, thằng con đồ, Martin Eden thằng thủy thủ là thật, chính là gã; nhưng Martin Eden, nhà văn nổi tiếng thì không hề có. Martin Eden, nhà văn nổi tiếng, chỉ là một ảo tưởng do đầu óc của bọn hạ tiện đặt ra. Nhưng cái đó không lừa được gã. Gã không phải là thần mặt trời để cái đám hạ tiện kia sùng bái, để chúng cung phụng gã những bữa ăn. Gã biết lắm.

Gã đã đọc trên báo chí những bài viết về mình, gã ngạc nhiên nhìn những bức ảnh của gã in trên mặt báo, gã không thấy những bức hình này có chút gì giống với bản thân gã. Gã là một kẻ

đã từng sống, từng rung động, từng yêu thương, là một kẻ dễ dãi, sẵn lòng tha thứ cho những chuyện nhẹ dạ của cuộc đời; là kẻ đã từng làm việc trên khoang bánh lái, từng lang thang trên những miền đất lạ, từng lôi kéo cả bạn vào những trận đánh nhau ngày xưa. Gã là kẻ đã từng kinh ngạc lạng người đi lần đầu tiên khi trông thấy ngàn vạn cuốn sách ở thư viện, là kẻ sau này đã đọc những chồng sách đó và gã nắm chắc được chúng, gã là kẻ đã từng đốt đèn dầu đến tận nửa đêm, từng đi ngủ mang theo cả cái đỉnh thức và đã từng tự tay viết nên nhiều sách. Nhưng có một điều gã không phải là cái thứ yêu quái tham ăn mà bọn hạ tiện kia đưa nhau mời những bữa ăn thịnh soạn.

Tuy nhiên trong các tạp chí có những cái làm gã thấy hay hay. Tạp chí nào cũng rêu rao là họ đã phát hiện được gã. Tờ “Nguyệt san Warren” quảng cáo với khách hàng rằng họ luôn luôn phát hiện những nhà văn mới, và trong số những nhà văn mới đó, họ đã giới thiệu được Martin Eden với bạn đọc. Tờ “Con chuột bạch” cũng cho rằng mình đã phát hiện được gã; cả tờ “Bình luận phương Bắc” và cả tạp chí “Mackintosh” cũng nói như thế, mãi tới khi tờ “Quả địa cầu” dương dương đắc ý nói ra rằng tập “Những bài thơ về biển” trước kia đã bị bỏ xó như thế nào, mới làm cho các tờ báo kia im tịt. Tờ “Tuổi trẻ và thời đại”, sau khi trốn nợ xong, lại tái bản để rêu rao rằng chính họ phát hiện ra Martin Eden, những lời này chẳng ai thèm đọc, trừ lũ trẻ con các chủ trại. Tờ “Xuyên lục địa nguyệt san” đã dẫn chứng một cách trang trọng và đầy sức thuyết phục rằng chính họ đầu tiên đã khám phá ra Martin Eden như thế nào. Tờ “Con ong” đã đem bài “Nàng tiên và viên ngọc” ra làm phản chứng để kịch liệt đã phá lại. Lời phát biểu nhã nhặn của Công ty xuất bản Singletree-Darnley bị chìm đi trong những tiếng ồn ào huyên náo ấy. Hơn nữa công ty này cũng không có một tờ tạp chí để làm cho những lời phát biểu của mình kém phần nhã nhặn.

Các báo chí tính số tiền thu nhập bản quyền tác giả của Martin. Bằng cách nào đó tin có mấy tạp chí trả gã những món tiền nhuận bút rất cao lọt ra ngoài và những bọn mục sư ở Oakland đã đến thăm gã một cách rất tử tế, trong khi đó thì những bức thư xin xỏ chuyên nghiệp chất ùn lên. Nhưng tệ hơn tất cả là bọn đàn bà. Ảnh của gã được in đi khắp nơi, có nhiều anh chàng văn sĩ đặc biệt đã lợi dụng cả cái bộ mặt rám nắng, khỏe mạnh của gã, những vết sẹo, đôi vai nặng nề, đôi mắt trong sáng, trầm tĩnh và hai chỗ hóp nhẹ trên má gã, như một nhà tu khổ hạnh để viết bài làm tiền. Nhìn đôi má ấy gã tưởng tượng lại thời thanh niên phóng túng của gã và không khỏi mỉm cười. Thường thường, trong số những người đàn bà gã đã gặp, gã thấy khi thì người này, khi thì người khác, nhìn gã, tán thưởng gã, chọn lựa gã. Gã cười một mình. Gã nhớ lại lời đe dọa của Brissenden và lại cười. Những người đàn bà không bao giờ hủy hoại được gã, điều đó là chắc chắn. Gã đã qua cái giai đoạn ấy rồi.

Có một lần gã cùng đi với Lizzie đến lớp học buổi tối, nàng thấy một người đàn bà đẹp, ăn mặc lịch sự, một người của giai cấp tư sản nhìn gã chăm chăm. Cái nhìn ấy hơi lâu quá một chút. Lizzie biết ý nghĩa của cái nhìn ấy, nàng giận nóng người lên. Martin nhận thấy, nhận thấy nguyên nhân câu chuyện gã nói với nàng rằng gã đã quen với chuyện đó lắm rồi và gã không hề để tâm đến nó.

“Anh cần phải để tâm,” nàng trả lời, mắt lóe lên. “Anh đang ốm đấy. Vấn đề là thế.”

“Trong đời chưa bao giờ anh khỏe như bây giờ. So với trước anh nặng hơn những năm pao.”

“Bệnh không phải ở trong cơ thể anh. Nó ở trong đầu anh cơ. Trong cái máy... suy nghĩ của anh có chuyện chẳng lành. Ngay em chẳng là gì cả mà em cũng nhận thấy được như thế.”

Gã bước đi bên cạnh nàng, suy nghĩ.

“Em có thể đánh đổi hết bất cứ cái gì để thấy anh qua khỏi được tình trạng đó,” nàng trong

lúc kích thích nói buột ra. “Anh cần phải quan tâm khi đàn bà nhìn anh kiểu ấy, một người như anh. Điều đó không tự nhiên. Đối với những anh chàng yếu đuối ẻo lả thì không sao. Nhưng anh vốn không phải là loại người như thế. Nói thật chứ, em sẽ vui lòng, em sẽ sung sướng nếu có người đàn bà xứng đáng nào đó có thể làm cho anh quan tâm đến họ.”

Từ biệt Lizzie ở lớp học ban đêm, gã quay về khách sạn Metropole.

Bước vào phòng, gã gieo người xuống chiếc ghế bành kiểu Morris, mắt nhìn đăm đăm về phía trước. Gã không ngủ gật mà cũng chẳng nghĩ gì hết. Đầu óc gã trống rỗng trừ lúc những bức tranh ký ức không gọi mà tới diễn ra với những sắc màu và những ánh hào quang rực rỡ ngay dưới mi mắt gã. Gã nhìn thấy những bức tranh đó nhưng hầu như không nhận thức được chúng – chẳng khác gì chúng là những giấc mộng. Thế mà nào gã có ngủ đâu. Có một lần gã đánh thức mình cho tỉnh táo, nhìn đồng hồ. Đúng tám giờ. Gã không có việc gì làm cả mà đi ngủ thì lại quá sớm. Thế rồi đầu óc gã trở lại trống rỗng và những bức tranh kia lại thành hình để rồi lại tan biến đi dưới mi mắt gã. Không có gì rõ rệt ở những bức tranh đó. Chúng vào chỉ là những đám lá, những cành cây mọc thành với ánh mắt trời nóng gắt xuyên qua.

Một tiếng gõ cửa làm gã bừng tỉnh. Gã không ngủ, và đầu óc gã tức khắc liên hệ tiếng gõ đó, với một bức điện, một lá thư hay có lẽ một trong những người hầu phòng nào đó mang quần áo sạch từ hiệu thợ giặt về. Gã nghĩ tới Joe và tự hỏi không biết bây giờ anh ta ở đâu trong khi gã nói “Cứ vào!”

Gã vẫn nghĩ đến Joe và không quay về phía cửa. Gã nghe thấy tiếng đóng cửa nhẹ nhẹ. Một sự yên lặng kéo dài. Gã quên rằng đã có một tiếng gõ cửa, gã vẫn nhìn một cách trống rỗng về phía trước cho đến tận lúc gã thấy tiếng nước nở của một người đàn bà. Đó là tiếng nước nở không chủ tâm, từng hồi, nghẹn ngào, tắc lại. Gã nhận thấy như thế khi gã quay người.

Ngay sau đó, gã đứng bật dậy:

“Ruth!” Gã thốt lên, vừa ngạc nhiên vừa kinh hoàng.

Mặt nàng trắng nhợt và căng thẳng. Nàng đứng ở phía trong cửa, một tay vịn lấy cửa cho khỏi ngã, một tay ôm lấy mạng sườn mình. Nàng giơ cả hai tay ra phía gã một cách đáng thương, bước tới để gặp gã. Trong khi nắm lấy tay, dần nàng tới chiếc ghế bành kiểu Morris, gã nhận thấy tay nàng sao mà lạnh thế. Gã kéo một chiếc ghế nữa lại và ngồi lên cái tay ghế rộng. Gã bối rối quá không nói được. Trong đầu óc gã, câu chuyện yêu đương của gã với Ruth đã khép kín, đã gắn chặt lại rồi. Gã có cùng một cảm giác y như thể cái khách sạn Metropole này bỗng dưng biến thành cái xưởng giặt ở Shelly Hot Spring ùn ùn những quần áo của cả một tuần lễ buộc gã phải giặt. Nhiều lần gã định nói, gã lại ngập ngừng.

“Không ai biết là em ở đây cả,” Ruth nói, giọng yếu ớt và mím một nụ cười năn nỉ.

“Cô nói gì cơ?” Gã hỏi.

Gã ngạc nhiên vì tiếng vang của chính giọng nói mình. Nàng nhắc lại.

“Ồ!” Gã nói, rồi tự hỏi không hiểu gã còn có thể nói thêm được gì không.

“Em thấy anh bước vào, và em đã đợi vài phút.”

“Ồ!” Gã lại nói.

Trong đời chưa bao giờ gã là một kẻ ít lời không mở nổi miệng như thế. Thực ra, trong đầu óc gã không có một ý niệm nào cả. Gã cảm thấy mình dần ngốc và vụng về, nhưng dù có chết đi nữa, gã cũng không thể nghĩ ra được cái gì để mà nói. Giá cái khách sạn này biến thành xưởng giặt Shelly Hot Spring, gã lại còn thấy dễ chịu hơn. Gã sẽ vén tay áo lên và bắt tay vào làm việc.

“Và rồi cô vào à?” Cuối cùng gã nói.

Nàng gật đầu, nét mặt hơi hóm hỉnh, rồi cởi chiếc khăn quàng cổ ra.

“Em thấy anh từ bên kia phố, khi anh đi với người con gái ấy.”

“Ồ, vâng,” gã nói đơn giản. “Tôi đưa cô ta đến lớp học ban đêm.”

“Thế anh có vui mừng khi gặp em không?” Nàng nói sau một phút yên lặng.

“Vâng, vâng, có.” Gã nói vội vàng. “Nhưng cô đến đây có phải là quá bạo không?”

“Em lén vào, không để ai biết là em ở đây. Bởi em muốn gặp anh. Em đến để nói với anh rằng em không thể nào nên được lâu nữa, bởi vì lòng em thúc giục em phải tới, bởi vì... bởi vì em muốn tới.”

Nàng bước ra khỏi ghế đi tới chỗ gã. Nàng đặt tay lên vai gã một phút, thở gấp rồi trườn người vào trong cánh tay gã. Gã là kẻ đại lượng dễ dãi, gã không muốn làm tổn thương người khác, gã biết rằng từ chối sự dâng hiến này của nàng là gây một tổn hại hết sức lớn, quá sức chịu đựng của một người đàn bà, vì thế gã vòng tay qua người nàng ôm chặt lấy nàng. Nhưng không một chút ấm áp nào trong cái ôm ấp ấy, không một chút ve vãn nào trong sự đụng chạm ấy. Nàng đã tới trong cánh tay gã, gã đã giữ lấy nàng, có thể thôi. Nàng nép hết người vào gã rồi đổi thế ngồi, tay nàng lần lần lên ôm lấy cổ gã. Nhưng da thịt gã không bốc lửa dưới đôi bàn tay của nàng, gã cảm thấy lúng túng, khó chịu.

“Cái gì làm cô run cả người lên thế?” Gã hỏi. “Cô bị ớn lạnh à? Tôi đốt lò sưởi lên nhé!”

Gã cự mình định gỡ ra, nhưng nàng càng bám chặt lấy gã, toàn thân run lên bần bật.

“Thần kinh em bị kích thích quá đấy thôi!” Nàng nói, hai hàm răng va vào nhau. “Chỉ một chút nữa là em sẽ trấn tĩnh được. Đây này, em đã khá hơn rồi đây này.”

Dần dần nàng hết run. Gã vẫn ôm nàng, nhưng gã không còn bối rối nữa. Bây giờ gã đã biết nàng đến làm gì rồi.

“Mẹ em muốn em lấy Charley Hapgood,” nàng nói.

“Charley Hapgood - cái anh chàng luôn luôn nói chuyện tầm thường vô vị ấy phải không?” Martin lầm bầm. Rồi gã nói thêm. “Và bây giờ, tôi chắc chắn mẹ em muốn em lấy tôi.”

Gã không đặt thành một câu hỏi. Gã nói câu đó, như một điều chắc chắn và trước mặt gã, những bảng còn sổ tiền nhuận bút của gã lại bắt đầu rộn rã.

“Em chắc là mẹ em không phản đối điều ấy.” Ruth nói.

“Bây giờ bà nhà cho tôi là người hoàn toàn có đủ tư cách?”

Ruth gật đầu.

“Thế nhưng bây giờ tôi lại không hề có đủ tư cách hơn cái hồi bà đã khước từ lời đính ước một chút nào.” Gã nói. “Tôi không thay đổi một chút nào. Tôi vẫn là cái gã Martin Eden ấy, tuy rằng thực ra có tồi tệ hơn đi chút ít vì bây giờ tôi lại hút thuốc lá. Em không nghĩ thấy hơi thở của tôi sao?”

Để trả lời nàng ấn ngón tay của nàng lên môi gã, nàng đặt chúng lên môi gã một cách duyên dáng quá, có vẻ nghịch ngợm chờ một chiếc hôn, mà xưa kia đó là điều tất nhiên. Nhưng đôi môi của Martin không có một sự trả lời âu yếm nào. Gã đợi cho những ngón tay buông ra rồi lại tiếp tục nói.

“Tôi không có gì thay đổi hết. Tôi vẫn không có việc làm. Tôi vẫn không đi tìm công ăn việc làm. Hơn nữa, tôi sẽ không bao giờ đi tìm việc làm đâu. Tôi vẫn cho rằng Herbert Spencer là một người cao quý và vĩ đại, còn cái ông thẩm phán Blount vẫn là một con lừa ngu ngốc không khác đi chút nào. Tối hôm nọ tôi có ăn cơm đằng nhà ông ấy, tôi thấy như thế rõ lắm.”

“Thế mà anh lại không nhận lời mời của ba em,” nàng trách.

“Thế ra em cũng biết à? Ai bảo ông ấy đến mời anh? Mẹ em à?”

Nàng yên lặng.

“Hắn mẹ cô bảo ba cô đi rồi. Tôi nghĩ thế. Chắc là giờ đây cũng mẹ cô bảo cô đến đây?”

“Không ai biết em ở đây cả mà,” nàng cãi. “Anh nghĩ rằng mẹ em lại cho phép em như thế hay sao?”

“Mẹ em cho phép em lấy tôi, điều đó thì chắc chứ?”

Nàng kêu thét lên:

“Ôi, Martin, anh đừng tàn nhẫn thế. Từ bấy đến giờ anh không hôn em lần nào. Anh vô tình như một tảng đá. Anh thử nghĩ xem em đã táo bạo làm những điều gì.” Nàng rung mình nhìn quanh, tuy cái nhìn ấy nửa có vẻ tò mò. “Anh hãy nghĩ xem em đang ở đâu.”

“Em có thể chết vì anh! Em có thể chết vì anh!” Câu nói của Lizzie lại vang lên trong tai gã.

“Tại sao trước kia cô đã không dám làm như thế?” Gã hỏi một cách phũ phàng. “Khi tôi chưa có việc làm? Khi tôi đang chết đói? Khi tôi vẫn là tôi bây giờ, một con người, một nhà nghệ sĩ, vẫn cái anh chàng Martin Eden ấy? Đó là câu hỏi tôi luôn luôn tự hỏi trong bao nhiêu ngày nay, không phải chỉ riêng đối với cô, mà đối với hết thảy mọi người. Cô thấy tôi có thay đổi gì đâu, tuy cái giá trị bề ngoài đột ngột của tôi khiến tôi luôn luôn thấy mình có thay đổi. Tôi vẫn có cùng một thứ da thịt bao bọc lấy xương, vẫn mười ngón tay và mười ngón chân. Tôi vẫn là con người ấy thôi. Tôi không có thêm một sức mạnh nào cũng không có một đức tính nào mới cả. Trí óc tôi vẫn là trí óc ngày xưa ấy. Tôi cũng không có đến một quan niệm nào mới về văn học và triết học. Bản thân tôi cũng có cùng một giá trị như khi không có một ai cần đến tôi. Điều làm tôi ngạc nhiên là không hiểu tại sao bây giờ người ta lại cần đến tôi. Chắc chắn rằng họ

không cần đến tôi vì tôi, bởi vì tôi bây giờ vẫn là cái tôi ngày xưa khi họ không cần đến. Thế thì hẳn họ phải cần đến tôi vì một cái gì khác, vì một cái gì đó ở bên ngoài tôi, một cái gì đó không phải là tôi. Tôi có thể nói cho cô biết cái đó là cái gì không? Đó là tiếng tăm mà tôi đã nhận được. Cái tiếng tăm đó không phải là tôi? Nó ở trong những bộ óc của người khác. Rồi đó là số tiền mà tôi đã kiếm được và đang kiếm được. Nhưng tiền đó không phải là tôi. Nó ở trong ngân hàng, ở trong cái túi của ông Tom, ông Dick, ông Harry nào đó. Có phải vì cái đó, vì tiếng tăm, vì tiền bạc mà bây giờ cô cần đến tôi không?”

“Anh làm tan vỡ trái tim em,” nàng nức nở. “Anh biết là em yêu anh, là em đến đây bởi vì em yêu anh!”

“Tôi e rằng cô chưa hiểu ý tôi,” gã nói dịu dàng. “Ý tôi muốn nói là: nếu bây giờ cô yêu tôi, tại sao tình yêu của cô bây giờ lại mạnh hơn ngày xưa khi tình yêu của cô yếu đuối đến nỗi có thể từ bỏ tôi?”

“Anh hãy quên đi và hãy tha thứ,” nàng kêu lên tha thiết. “Lúc nào em cũng yêu anh, anh nhớ cho như thế, và bây giờ em đã ở đây, trong cánh tay anh.”

“Tôi rất sợ mình là một anh lái buôn đa nghi, chỉ chăm chú nhìn vào đĩa cân, xem tình yêu của cô nặng đến bao nhiêu, và tính chất của nó là thế nào?”

Nàng vùng ra khỏi cánh tay gã, ngồi thẳng dậy và nhìn vào mặt gã rất lâu và soi mói. Nàng định nói, song lại ngập ngừng rồi thôi.

“Cô thấy đấy, đối với tôi là như vậy,” gã lại nói tiếp. “Khi tôi vẫn là tôi bây giờ, chỉ trừ những người trong giai cấp của tôi ra còn hình như không ai cần đến tôi cả. Khi những tác phẩm của tôi đã viết xong, hình như không một người nào đã đọc bản thảo quan tâm đến chúng cả. Nói cho đúng ra, chính vì những bản thảo tôi đã viết ấy mà người ta lại càng khinh ghét tôi hơn. Viết những tác phẩm ấy hình như là tôi đã phạm phải những hành động, mà nói cho nó nhẹ nhất cũng là những hành động sa đọa. “Kiếm việc làm đi!” mọi người đều nói như vậy.”

Nàng huơ tay ra ý phản đối.

“Phải, phải,” gã nói tiếp. “Trừ cô, cô đã bảo tôi nên kiếm lấy một chức vị. Cái từ *tầm thường* *việc làm* cũng như tất cả những từ khác mà tôi đã viết, đều làm cô phật ý. Nó tàn nhẫn quá. Nhưng tôi cam đoan với cô rằng nó còn không tàn nhẫn bằng khi tất cả những người quen tôi đều ném nó vào mặt tôi như thể khuyên một đứa vô đạo đức phải ăn ở cho đúng đắn. Nhưng ta hãy quay trở lại vấn đề. Những cái tôi viết được in ra, công chúng chấp nhận nó, đã tạo nên một sự thay đổi trong những sợi dây yêu đương của tình yêu của cô. Martin Eden không thôi với những tác phẩm đã viết xong từ lâu, cô không lấy đâu. Tình yêu của cô đối với hắn đã không đủ mạnh mẽ để khiến cô lấy hắn. Nhưng bây giờ thì tình yêu ấy đã đủ mạnh rồi và tôi khó mà có thể tránh được cái kết luận rằng sức mạnh của nó dâng lên do những tác phẩm của tôi đã được in ra và đã được công chúng chấp nhận. Đối với cô, tôi không nói đến tiền nhuận bút làm gì, tuy tôi chắc rằng nó đã đem lại sự thay đổi đối với ba cô và mẹ cô. Tất nhiên, điều đó chẳng làm tôi sung sướng. Nhưng tệ hơn cả là nó làm tôi phải nghi ngờ tình yêu, tình yêu thiêng liêng. Phải chăng tình yêu là cái gì thô kệch đến nỗi phải nhờ sách in, phải nhờ công chúng nuôi dưỡng? Hình như đúng như vậy đấy... Tôi hằng ngồi, hằng suy nghĩ về nó cho đến khi đầu óc tôi rối tung lên.”

“Tội nghiệp cái đầu thân yêu,” nàng đưa bàn tay lên và lồng những ngón tay mình qua mớ tóc gã một cách triu mến. “Đừng để cho nó rối tung lên nữa. Chúng ta hãy bắt đầu lại từ đầu. Em vẫn yêu anh. Em biết rằng em yếu đuối đến nỗi đã vâng theo ý muốn của mẹ em. Đáng lẽ em

không nên làm như vậy. Em vẫn thường nghe anh nói một cách hào hiệp, đầy lòng nhân ái đến sự yếu đuối, nhẹ dạ của con người. Anh hãy mở lòng nhân ái ấy đối với em. Em đã hành động sai lầm. Anh hãy tha thứ cho em.”

“Ờ, thì tôi tha thứ,” gã nói một cách bức tức. “Thật là dễ khi thực ra không có gì đáng phải tha thứ cả. Cô không làm gì mà phải cần đến sự tha thứ. Người ta chỉ hành động theo khả năng của mình, người ta không thể hành động hơn thế. Cũng giống như bây giờ tôi xin cô tha thứ cho vì tôi đã không đi tìm một việc làm.”

“Ý em là ý tốt,” nàng cãi. “Anh cũng biết đấy. Em không thể nào yêu anh mà lại không mong muốn những điều tốt cho anh.”

“Đúng rồi, nhưng cô cũng có thể hại tôi vì ý định tốt của cô đấy. Phải rồi, đúng rồi.” Gã nói át ý muốn phản đối của nàng. “Cô có thể làm hại công việc văn chương và sự nghiệp của tôi. Hiện thực chủ nghĩa là cái khấn khiết đối với bản chất của tôi, bọn tư sản ghét hiện thực chủ nghĩa. Bọn tư sản là một lũ hèn nhát. Chúng sợ cuộc sống. Và mọi cố gắng của cô đều tập trung vào chỗ làm cho tôi sợ cuộc sống. Cô muốn rập khuôn con người tôi. Cô muốn ép tôi vào cái chuồng chim rộng bốn phân của cuộc sống, nơi mà mọi giá trị của cuộc sống đều không thực, đều giả dối, đều tầm thường.” Gã cảm thấy nàng cự quấy có ý phản đối. “Tầm thường – hết sức tầm thường là cái nền tảng của giáo dục và văn hóa tư sản, tôi khẳng định như thế. Như tôi đã nói, cô muốn rập khuôn tôi, làm tôi trở thành một người trong giai cấp của cô, những giá trị, những thiên kiến của giai cấp cô.” Gã lắc đầu buồn bã. “Cô đã không hiểu mà ngay bây giờ cô cũng không hiểu được tôi nói gì. Những lời tôi nói với cô không có cái ý nghĩa mà tôi muốn làm cho nó có. Những cái tôi nói cô cho hoàn toàn là ảo tưởng. Nhưng đối với tôi nó là thực tế sinh động. Cô chỉ thấy bối rối và buồn cười một chút cho cái gã thô kệch này, ngoi từ dưới bùn lầy của vực thẳm lên mà lại dám mặt sát giai cấp của cô cho nó là tầm thường.”

Nàng tựa đầu vào vai gã một cách mệt mỏi, thần kinh căng thẳng lại làm toàn thân nàng run lên. Đợi một lúc không thấy nàng nói gì, gã lại tiếp:

“Bây giờ cô muốn làm lại tình yêu của chúng ta. Cô muốn chúng ta lấy nhau. Cô muốn tôi. Nhưng, cô hãy nghe đây – nếu sách của tôi không được người ta hoan nghênh thì tôi sẽ không được như thế này đâu. Cô sẽ xa lánh tôi. Chính tất cả những quyển sách khốn nạn...”

“Anh đừng vắng tục!” Nàng ngắt lời.

Lời trách của nàng làm gã giật mình. Rồi gã phá lên cười – những tiếng cười phũ phàng.

“Thế đấy,” gã nói, “trong một giây phút khấn yếu nhất, trong lúc hình như hạnh phúc của cuộc đời cô đang bị nguy khốn, vậy mà cô vẫn sợ cuộc sống theo cái lối ngày xưa – sợ cuộc sống và những tiếng chửi rửa đầy sức sống của nó.”

Những lời nói ấy của gã làm nàng nhận thấy hành động của mình thật là ấu trĩ, tuy nhiên, khi nàng thấy gã phóng đại nó lên một cách quá đáng thì nàng lại bức bối. Hai người ngồi yên một lúc lâu, nàng thì suy nghĩ một cách tuyệt vọng đến cách thuyết phục gã, còn gã lại suy nghĩ về mối tình đã mất. Bây giờ thì gã biết rằng gã thực không yêu nàng. Gã chỉ yêu một nàng Ruth lý tưởng hóa nào đó, một con người cao quý thoát tục do gã tự tạo ra, một nàng tiên lung linh ngời sáng trong những vần thơ tình của gã. Cái cô Ruth tư sản có thực này, với tất cả những nhược điểm tư sản của cô ta, với những cái chật hẹp vô vọng của cái tâm lý tư sản trong đầu óc cô ta, thì quả gã chưa hề yêu.

Nàng bỗng cất tiếng nói:

“Em biết rằng hầu hết những điều anh nói đều đúng cả. Em quả là có sợ cuộc sống. Em đã không yêu anh đầy đủ. Em cần phải học để yêu hơn nữa. Em yêu anh vì anh là anh bây giờ, vì anh đã là anh trước kia, yêu cả cái con đường mà anh đã tự cải biến mình. Em yêu cả những điều bất đồng của anh với cái mà anh gọi là của giai cấp em, yêu anh vì niềm tin của anh mà bây giờ em chưa hiểu được, nhưng em biết rằng sau này em có thể hiểu. Em sẽ tận tụy đem cả đời em ra để mà hiểu nó. Ngay cả đến việc anh lại hút thuốc, và những lời thề bồi, chửi rủa của anh – chúng là một phần của anh, và em cũng yêu cả chúng nữa. Em còn có thể học tập. Mấy phút qua em đã học được rất nhiều. Cái việc em dám đến đây hôm nay là một bằng chứng của những cái mà em đã học được. Ôi, Martin...”

Nàng nức nở và ép chặt vào người gã.

Lần đầu tiên cánh gã ôm lấy nàng một cách trù mến và có thiện cảm, nàng nhận thấy điều đó, nàng sung sướng tựa mình, nét mặt bừng lên rạng rỡ.

“Quá muộn rồi!” Gã nói và nhớ lại lời Lizzie. “Tôi là một con người ốm yếu, không phải ốm yếu về thể xác đây, trong tâm hồn tôi, trong trí óc tôi cơ. Hình như tôi đã mất hết cả lòng ham sống rồi. Tôi đứng đưng với tất cả. Nếu cô nói với tôi thế này vài tháng trước đây thì tình hình có lẽ đã khác. Bây giờ thật đã quá muộn.”

“Không quá muộn đâu,” nàng kêu lên. “Em sẽ cho anh thấy là không quá muộn đâu. Em sẽ chứng tỏ để anh thấy rằng tình yêu của em đã lớn lên, đối với em bây giờ nó lớn hơn cả giai cấp của em, hơn tất cả những gì thân thiết nhất đối với em. Tất cả những gì thân thiết nhất đối với giai cấp tư sản em đều vứt bỏ đi tất. Em không còn sợ cuộc sống nữa. Em sẽ rời bỏ ba em và mẹ em, mặc cho tên em trở thành một chuyện cười cho các bạn hữu. Em sẽ đến đây ở với anh ngay bây giờ, không cần cưới xin gì cả, nếu anh muốn như thế, em sẽ lấy làm kiêu hãnh và sung sướng được sống với anh. Nếu em đã là một kẻ bội phản trong tình yêu, thì bây giờ, vì tình yêu, em sẽ nguyện là một kẻ bội phản đối với tất cả những gì xưa kia đã làm em trở thành kẻ bội phản.”

Nàng đứng trước mặt gã, mắt long lanh.

“Em đang chờ đợi, anh Martin, nàng thì ào, đang chờ đợi anh tiếp nhận em. Anh hãy nhìn em đi nào!”

Nhìn nàng thật là lộng lẫy, gã nghĩ thế. Nàng đã chuộc lại tất cả những gì nàng thiếu sót khi xưa, và cuối cùng đã vươn lên thành một người đàn bà chân chính, vượt hơn hẳn những luật lệ bằng sắt của những quy ước tư sản. Thật là lộng lẫy, thật là huy hoàng, thật là táo bạo. Nhưng mà đối với gã nó có nghĩa lý gì? Gã không rung động, không rộn ràng vì những cái nàng đã làm. Nó chỉ huy hoàng, chỉ lộng lẫy trong lý trí thôi. Đáng lẽ phải là một ngọn lửa rừng rực thì gã lại chỉ tán thưởng nàng một cách lạnh lùng. Trái tim gã không xốn xang. Gã không cảm thấy ham muốn nàng một chút nào hết. Gã lại nhớ tới lời nói của Lizzie.

“Tôi ốm yếu, rất ốm,” gã nói với một cử chỉ tuyệt vọng. “Bây giờ tôi mới biết là tôi ốm yếu đến thế. Có một cái gì trong con người tôi đã biến mất. Xưa nay tôi vẫn không hề sợ cuộc sống nhưng tôi không ngờ rằng tôi lại chán ứ cuộc sống đến thế. Cuộc sống đối với tôi đã đầy ứ ra đến nỗi tôi không còn ham muốn một cái gì nữa. Nếu như còn ham muốn hẳn bây giờ có thể là tôi cần cô. Nhưng cô thấy đấy, tôi ốm yếu đến chừng nào!”

Gã ngả đầu ra sau, nhắm mắt lại, và giống như một đứa trẻ đang khỏe thấy ánh nắng mặt trời thấm qua màng nước mắt trong con người liền quên hết nỗi sầu khổ, Martin cũng quên bệnh

tật của mình, quên cả sự có mặt Ruth và mọi thứ, chỉ nhìn thấy những hàng cây rọi ánh nắng lọt qua mắt gã, nó thành hình và rực lóe lên dưới mi mắt gã. Nó không làm cho lòng người thanh thản đi chút nào, cái đám lá cây xanh ấy. Ánh mặt trời lóe sáng quá, gay gắt quá. Nó làm mắt gã chói lên khi nhìn vào, tuy nhiên không hiểu tại sao gã vẫn cứ nhìn.

Gã bỗng tỉnh lại vì tiếng quả đấm cửa lạch cạch. Ruth đã đứng ở bên cửa rồi.

“Em ra ngoài thế nào được bây giờ?” Nàng hỏi giọng đầy nước mắt. “Em sợ lắm.”

“Ồ, xin tha lỗi cho tôi,” gã kêu lên rồi đứng bật dậy. “Cô biết đấy đầu óc tôi thất thường. Tôi quên mất rằng cô ở đây.” Gã để tay lên đầu mình. “Cô thấy đấy, tôi không được bình thường. Để tôi đưa cô về. Chúng ta có thể đi theo lối đi của các người hầu phòng. Không ai nhìn thấy chúng ta đâu. Bỏ cái mạng xuống là mọi chuyện yên cả.”

Nàng bám lấy tay gã, qua những lối đi tối mờ mờ, và bước xuống những bậc cầu thang hẹp hẹp.

“Thôi yên rồi,” nàng nói khi họ đã ra tới đường, đồng thời định bỏ tay ra không vịn vào cánh tay gã nữa.

“Không mà, không mà, để tôi đưa cô về nhà.” Gã trả lời.

“Thôi xin đừng!” Nàng phản đối. “Không cần thiết.”

Nàng lại định bỏ tay ra. Gã cảm thấy tò mò trong thoáng lát. Bây giờ đến lúc hết nguy hiểm rồi thì nàng lại sợ. Nàng hầu như hoảng hốt muốn rời gã ngay. Gã không thể thấy một cơ gì, và cho rằng đó là do thần kinh của nàng. Vì thế gã giữ lấy bàn tay nàng và tiếp tục bước đi cùng nàng. Tới quãng đường chạy qua dãy nhà, gã thấy một người đàn ông mặc áo khoác dài đang lúi vào trong một cái khung cửa. Gã đưa nhanh mắt nhìn vào khi đi qua và mặc dù gã nọ đã kéo cao cổ áo lên, Martin vẫn nhận ra đó là Norman, cậu em của Ruth.

Dọc đường, Ruth và Martin chuyện trò rất ít. Nàng choáng váng cả người, gã thì lãnh đạm. Có một lúc gã nói cho nàng biết rằng gã sắp... sẽ quay trở lại biển miền Nam, có một lúc, nàng đã xin gã tha lỗi cho vì đã nói tới gặp gã. Chỉ có thể thôi. Cuộc chia tay ở cửa nhà nàng thật là đúng qui pháp. Họ bắt tay, chúc nhau ngủ ngon, gã nâng mũ lên chào. Cánh cửa khép lại, gã châm một điếu thuốc rồi quay về khách sạn. Khi gã quay lại chỗ khung cửa, nơi gã đã thấy Norman lúi vào, gã dừng lại, nhìn vào trong với một vẻ hài hước suy nghĩ.

“Cô ta nói dối,” gã lớn tiếng. “Cô ta làm cho mình tin rằng cô ta táo gan, trong lúc đó cô ta vẫn biết rằng thằng em dẫn cô ta đi đang đợi để đưa cô ta về.” Gã phá lên cười. “Ồ cái bọn tư sản này, khi mình không có một đồng xu dính túi, đừng hòng để cho thiên hạ nhìn thấy mình cùng đi với chị nó; còn khi mình có tài khoản ở ngân hàng, nó lại dẫn chị nó tới với mình.”

Trong khi gã quay gót bước tiếp, gã bỗng thấy một gã cùng đi về phía gã, nói qua vai gã, xin tiền.

“Thưa ông, xin ông cho tôi một xu để tìm chỗ ngủ trọ.”

Giọng nói đó làm Martin quay lại. Ngay sau đó, gã đã nắm lấy tay Joe.

“Anh có nhớ cái lần chúng ta từ biệt nhau ở Hot Spring không?” Joe nói. “Lúc ấy tôi đã nói thế

nào chúng ta cũng gặp lại nhau. Tôi đã cảm thấy như vậy trong xương tủy tôi. Thế mà chúng ta gặp nhau ở đây thật.”

“Trông cậu khỏe lắm.” Martin nói, có vẻ khen ngợi. “Cậu lên cân đấy.”

“Hẳn rồi,” nét mặt Joe rạng rỡ. “Cho đến khi mình sống lang thang thì mới biết cuộc đời là thế nào. Mình đã nặng lên được ba mươi “pao” và cảm thấy dễ chịu lắm. Chứ sao, ngày xưa mình phải làm cho chúng đến chỉ còn cái da bọc xương, sống lang thang hẳn hợp với mình.”

“Nhưng cậu vẫn còn đang phải đi tìm chỗ ngủ trọ,” Martin nói đùa. “Đêm nay lạnh lắm.”

“À, ừ! Mình đang tìm chỗ ngủ trọ,” Joe thọc tay vào trong túi ở hông lôi ra đầy một nắm xu. “Cái nghề này khổ công lắm chứ có phải chơi,” anh ta vui lên. “Trông cậu có vẻ bảnh, mình mới xin.”

Martin cười và đưa năm tiền cho Joe.

“Với số tiền này, hẳn được tha hồ uống rượu!” Martin nói ước m.

Joe bỏ nắm tiền vào trong túi.

“Mình, bây giờ không uống nhiều rượu nữa,” anh ta nói. “Mình không nghĩ tới chuyện uống say rượu nữa, tuy rằng không uống là do mình không thích thôi, chứ không gì có thể ngăn cấm nổi mình. Từ ngày chia tay với cậu, mình chỉ uống có một lần, cũng là bất đắc dĩ vì dạ dày lép quá. Khi mình làm việc như một con vật, mình uống như một con vật. Khi mình sống như một con người, mình uống như một con người – thỉnh thoảng thấy thích thì nhắm nháp một tí, thế thôi.”

Martin hẹn gặp lại Joe vào sáng hôm sau, rồi đi về khách sạn. Gã dừng lại ở phòng xem giờ tàu chạy. Năm hôm nữa, tàu Mariposa sẽ nhổ neo đi Tahiti.

“Ngày mai anh hãy gọi điện thoại bảo để dành riêng cho tôi một phòng,” gã nói với người quản lý khách sạn, không lấy phòng ở phía trước mà phòng ở phía sau nhé, chỗ có hướng gió ấy – phòng phía tay trái, nhớ nhé, phòng phía tay trái ấy. Anh nên ghi lại thì hơn.”

Về đến phòng gã trèo lên giường và ngủ nhẹ nhàng như một đứa trẻ. Sự việc lúc buổi chiều không để lại một ấn tượng nào trong gã cả. Không một ấn tượng nào để lại dấu vết trong trí óc gã. Cái giây phút ấm áp gặp lại Joe chỉ là một giây phút thoáng qua. Phút sau gã lại bị giày vò bởi sự hiện diện của anh bạn thợ giặt ngày xưa, bởi câu chuyện không thể nào không nói. Cái chuyện hơn năm ngày nữa gã sẽ tới miền biển phương Nam thân yêu đối với gã cũng không có nghĩa gì hết. Vì thế, gã nhắm mắt lại và ngủ bình thường, yên ả tám tiếng đồng hồ liền không thức giấc. Gã không trần trọc. Gã không đối tư thế nằm, gã cũng không nằm mê nữa.

Giấc ngủ đối với gã là một sự quên lãng, và mỗi ngày gã trở dậy, gã trở dậy với niềm tiếc hận. Cuộc sống làm cho gã buồn phiền, bức bối, thời gian là một sự quấy rầy.

CHƯƠNG 46

“Này, Joe,” đó là câu gã chào người bạn lao động ngày xưa sáng hôm sau. “Ở phố hai mươi tám có một người Pháp. Anh ta làm ăn phát tài và sắp trở về quê, muốn bán một xưởng giặt nhỏ, loại cù, thiết bị đầy đủ. Đó là bước bắt đầu cho cậu nếu cậu muốn ổn định. Này, cầm lấy cái này, mua vài bộ quần áo, mười giờ cậu hãy lại phòng làm việc của gã đó. Gã ta đã cho mình xem cái xưởng giặt ấy, gã sẽ dẫn cậu đi xem xét các nơi. Nếu cậu thích và cho là phải giá – mười hai nghìn – thì cứ cho mình biết và nó sẽ thuộc cậu đấy. Thôi nhanh lên. Mình đang bận. Sẽ gặp cậu nhé.”

“Này, Mart này,” Joe nói chậm rãi, anh đang giận sôi lên. “Sáng hôm nay tớ đến để thăm cậu. Hiểu không? Tớ đến đây không phải là để lấy cái xưởng giặt. Tớ đến đây để chuyện trò với cậu vì tình nghĩa bạn bè ngày xưa, thế mà cậu lại đẩy đến cho tớ một xưởng giặt. Để tớ dạy cho cậu một bài học. Mặc xác cậu với cái xưởng giặt của cậu.”

Joe định lao ra khỏi phòng, nhưng Martin đã nắm lấy vai anh ta và quật lại.

“Nghe đây, Joe,” Martin nói. “Nếu cậu xử sự như thế tớ sẽ nện vào cái đầu cậu. Và vì tình nghĩa bạn bè ngày xưa tớ sẽ nện cho ra trò. Hiểu không? Hiểu chứ, hiểu không?”

Joe đã nắm lấy Martin định quật ngã xuống, anh ta đang oằn người quần quai vùng ra khỏi tay Martin. Họ đẩy nhau quanh phòng, ghì chặt lấy nhau, cuối cùng cả hai ngã xuống đánh rầm một cái, một chiếc ghế mây gãy. Joe nằm dưới, hai tay dang ra vì bị giữ chặt, đầu gối Martin tì lên ngực. Joe tỏ hồng hộc lấy hơi khi Martin buông anh ra.

“Bây giờ chúng ta nói chuyện một lúc,” Martin nói. “Đừng có khách khí với tớ. Tớ muốn cái chuyện xưởng giặt ấy xong cái đã. Thế rồi cậu sẽ lại đây, ta sẽ chuyện trò vì tình nghĩa bạn bè ngày xưa. Tớ đã bảo cậu là tớ đang bận. Cậu thấy đấy.”

Người hầu phòng bước vào, mang theo một tập to tương thư và tạp chí chuyển sáng.

“Tớ làm sao mà có thể vừa vui đầu vào cái đồng này vừa nói chuyện với cậu được? Cậu cứ đi thu xếp – việc xưởng giặt, rồi chúng ta sẽ gặp nhau.”

“Thôi được,” Joe nhận một cách miễn cưỡng. “Tớ cứ tưởng rằng cậu định đuổi tớ đi, nhưng tớ chắc rằng tớ đã nhầm. Nhưng mà này, cứ đường đường chính chính mà đánh nhau thì cậu không thể hạ nổi tớ đâu. Quả đấm của tớ cũng có thể đương nổi với cậu đấy.”

“Rồi chúng ta sẽ cố gắng và xem thế nào.” Martin vừa nói vừa mỉm cười.

“Hiểu rồi, ngay sau khi thu xếp xong cái xưởng giặt,” Joe giơ cánh tay ra. “Cậu thấy quả đấm này chứ? Rồi nó sẽ cho cậu nếm thử một ít.”

Martin thở một hơi dài nhẹ nhõm khi cửa đóng lại sau lưng anh bạn thợ giặt. Gã đã trở thành người ghét những chuyện giao tiếp. Hằng ngày gã thấy thật phải căng thẳng lắm mới giữ được

nhã nhận hòa khí với mọi người. Sự có mặt của họ quấy rối gã, chuyện trò với họ làm gã bức mình. Họ làm gã khó chịu bồn chồn, chưa trò chuyện được với họ mấy câu gã đã tìm cách cáo lỗi để trốn họ đi.

Gã không động đến những bức thư, gã ngã mình trong chiếc ghế, suốt nửa tiếng đồng hồ, không làm gì hết trong khi những ý nghĩ mơ hồ chưa thành hình hẳn, thỉnh thoảng lại lọt vào đầu óc gã, hay nói cho đúng hơn, thỉnh thoảng làm đầu óc khi mờ khi tỏ của gã cũng chỉ có những ý nghĩ đó tự nó thành hình.

Gã cố phần chấn tinh thần và bắt đầu lướt nhìn những bức thư gửi tới. Có đến hơn chục bức xin xỏ nhà nghề, có những bức thư của những anh chàng kì quái, lần lượt từng một anh chàng khoe là đang chế được một cái máy có động cơ vĩnh cửu, một anh chàng đang cố chứng minh trái đất là phía trong của hình cầu rỗng, cho đến một anh chàng đương đi tìm nguồn giúp đỡ về tài chính để mua một bán đảo ở miền hạ California để làm một khu vực công sản. Có những bức thư của phụ nữ tìm cách làm quen với gã, có một bức làm gã mỉm cười vì trong thư gửi kèm một giấy biên lai và tiền đăng ký chỗ ngồi ở nhà thờ coi đó như chứng cứ của lòng sùng đạo và sự đoan trang của cô ta.

Các ông chủ bút của nhà xuất bản cũng đóng góp phần mình vào cái đồng thư hàng ngày đó, các ông chủ bút thì cầu xin bản thảo của gã, các nhà xuất bản thì cầu xin sách của gã – những bản thảo bị khinh miệt đáng thương đã khiến gã trước kia có bao nhiêu thứ đều phải mang ra hiệu cầm đồ trong bao nhiêu tháng dòng thê thảm cốt để lấy tiền mua tem gửi chúng đi. Có nhiều tấm ngân phiếu bất ngờ về quyền được đăng nhiều kỳ trong báo tiếng Anh và tiền đặt trước cho các bản dịch ra tiếng nước ngoài. Người đại lý của gã ở Anh báo cho biết ba cuốn sách của gã đã được bán bản quyền dịch ra tiếng Đức và cũng báo thêm là với nhà xuất bản Thụy Điển thì gã không mong đợi được gì đâu vì Thụy Điển không là một thành viên theo công ước Berne^[139] nhưng sách họ in đã bán ra thị trường. Ngoài ra còn một bức thư cho phép xin dịch một tác phẩm của gã ra tiếng Nga cũng không tham gia ký công ước Berne.

Gã giờ cái đồng to tướng những bài cắt ở báo của Nghiệp đoàn cung ứng đã gửi đến cho gã, gã đọc những bài viết về gã và tình hình thiên hạ hoan nghênh gã, bây giờ nó đã trở thành điên cuồng. Toàn bộ sáng tác của gã trong một loại kỳ lạ đã được ném ra hết cho độc giả. Điều đó hình như giải thích được cái chuyện gã được hoan nghênh đến điên cuồng như vậy. Gã làm cho độc giả phát cuồng lên đi tìm đọc tác phẩm của gã như Kipling khi đã gần chết rồi thì đám quần chúng hạ tiện, bị kích động bởi một tư tưởng hạ tiện, bỗng nhiên bắt đầu đọc ông. Martin nhớ lại rằng cũng cái thế giới độc giả hạ tiện ấy đọc Kipling tán thưởng ông, và không hiểu nổi ông một chút nào, bỗng nhiên vài tháng sau lại quay qua đả phá ông, xé ông ra từng mảnh nhỏ. Nghĩ như thế, Martin cười gằn. Gã là ai mà gã có thể sẽ không bị người ta đối xử như thế trong vài tháng nữa. Được lắm, gã sẽ chơi cho cái bọn hạ tiện này một vỏ. Gã sẽ đi xa, đến biển miền Nam, dựng tòa nhà bằng cỏ, buôn bán ngọc và củi dừa khô, cưỡi thuyền vượt những mỏm đá ngầm san hô, săn cá mập và cá giếc, săn sơn dương trên những mỏm núi cao tít của cái thung lũng gần thung lũng Taiohae.

Đúng vào lúc nghĩ như vậy, tình trạng tuyệt vọng lại đến với gã. Gã trông thấy rất rõ ràng là gã đã bước vào Thung lũng Tử thần. Tất cả cuộc sống trong gã mờ đi, nhạt đi, tiến gần tới cõi chết. Gã nhận thấy sao gã ngủ nhiều thế. Ngày xưa gã ghét giấc ngủ. Giấc ngủ ngày xưa đã cướp đi mất của gã những giây phút quý giá của cuộc sống. Bốn giờ ngủ trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ có nghĩa là nó đã cướp mất bốn giờ của cuộc sống. Sao mà lúc ấy gã ghét giấc ngủ đến thế? Bây giờ cái gã ghét lại chính là cuộc sống. Cuộc sống không có gì tốt đẹp, mùi vị của nó trong miệng gã không có một chút ngọt ngào nào, chỉ toàn là cây đắng. Nguy cơ của gã là ở chỗ đó. Cuộc sống mà không vươn tới sống thì chính là nó đang đi tới chỗ ngưng lại. Một bản năng bảo tồn xa xăm nào bỗng rộn lên trong lòng gã, khiến gã hiểu rằng gã phải đi xa. Gã đưa mắt nhìn quanh phòng, cái ý nghĩ phải xếp hành lý thật là một gánh nặng. Có lẽ cứ để cái đó đẩy cho

đến phút cuối cùng.

Lúc này gã có thể đi sắm một ít đồ đã.

Gã đội mũ và bước ra, dừng lại ở cửa hiệu bán súng. Gã lấy số tiền còn lại buổi sáng mua súng tự động, mua đạn và mấy bộ đồ câu. Lễ lối buôn bán bây giờ thay đổi rồi, và gã biết gã có thể đợi đến khi tới Tahiti rồi mới lấy hàng cũng được. Những thứ đó có thể gửi từ Úc bằng cách này hay cách khác. Biên pháp giải quyết này làm cho gã sung sướng. Gã đã tránh được khỏi phải làm một công việc, và làm bất cứ một công việc gì lúc này cũng đều khó chịu. Gã sung sướng quay về khách sạn với một cảm giác hài lòng nghĩ tới cái ghế bành thoải mái kiểu Morris đang đợi gã. Gã rên lên trong lòng lúc bước vào phòng thấy Joe đang ngồi trong chiếc ghế đó.

Joe sung sướng vì cái xưởng giặt. Mọi việc đều đã thu xếp xong, và ngày hôm sau anh ta đã trở thành ông chủ rồi. Martin nằm trên giường, mắt nhắm lại trong khi Joe cứ nói. Trí óc của Martin ở tận đâu đâu - ở rất xa đến nỗi hầu như gã không biết rằng mình đang nghĩ gì nữa. Phải cố gắng lắm thỉnh thoảng gã mới trả lời được. Ấy thế mà đây lại chính là Joe, con người mà gã vẫn luôn luôn yêu mến ấy. Nhưng Joe đang quá say sưa với cuộc sống. Sự say sưa âm ỉ của anh ta làm cho tâm hồn đã chán chường của Martin thấy khó chịu. Nó làm cho thần kinh đã mệt mỏi của gã đau đớn. Khi Joe nhắc tới chuyện rồi đây một ngày nào đó trong tương lai hai người cùng làm ăn với nhau, thì Martin gần như hét lên.

“Này Joe, cậu phải nhớ rằng cậu sẽ quản lý cái xưởng giặt theo những quy tắc mà cậu vẫn thường nói tới hồi ở Shelly Hot Spring đấy nhé. Không làm quá sức, không làm đêm. Không dùng trẻ con đứng máy giặt. Không dùng trẻ con ở bất cứ chỗ nào. Lương phải trả trả cho hậu.”

Joe gật đầu và rút ra một cuốn sổ tay.

“Cậu nhìn đây, mình đã thảo ra những quy tắc trước bữa điểm tâm sáng nay. Cậu thấy thế nào?”

Joe đọc to lên, Martin vừa tán thành đồng thời vừa bức mình không hiểu đến lúc nào anh chàng Joe này mới xéo đi cho.

Mãi đến chiều gã mới trở dậy. Thực trạng của cuộc sống lại chậm chạp quay lại với gã. Gã nhìn quanh căn phòng, chắc rằng Joe đã lên ra khi thấy gã gà gật ngủ. Gã nghĩ đó là một cử chỉ tế nhị của Joe. Rồi gã lại nhắm mắt và ngủ tiếp.

Những ngày sau, Joe còn bận tổ chức thu xếp xưởng giặt cho nên không đến quấy rầy gã nhiều. Và mãi đến tận hôm trước ngày khởi hành, các báo mới loan tin rằng gã đã lấy vé đáp tàu Mariposa. Có một lần, khi bản năng sinh tồn thúc giục, gã tới bác sĩ để khám toàn thân. Không thấy bệnh tật gì ở gã cả. Tim và phổi gã rất tốt. Mọi cơ quan, những cái mà bác sĩ có thể biết được, đều bình thường, hoạt động bình thường.

“Ông Eden, ông không có bệnh tật gì.” Bác sĩ nói. “Chắc chắn là ông không có bệnh tật gì đâu. Sức khỏe của ông rất tốt. Tôi rất thèm có được một sức khỏe như ông. Thật là tuyệt. Thử nhìn bộ ngực mà xem. Chính ở trong lồng ngực này và bộ da dày của ông đã ẩn tất cả những bí mật của cái thể chất đặc biệt của ông. Đứng về mặt thể chất mà nói, thì phải hàng nghìn người mới có một người cho ông. Trừ phi gặp tai nạn còn thì ông có thể sống đến trăm tuổi.”

Và Martin thấy rằng lời chẩn đoán của Lizzie là đúng. Về thể chất, gã không có bệnh tật gì. Chính cái “bộ máy suy nghĩ” của gã đang có bệnh, không có gì có thể chữa chạy được, chỉ trừ

phải đi tới biển miền Nam. Phiên một nổi là, lúc này ngay trước khi đi, gã lại không muốn đi nữa. Biển miền Nam không còn làm cho gã say đắm cũng như cái nền văn minh tư sản. Không có một chút hăng say nào trong ý nghĩ ra đi, trong khi việc ra đi lại làm cho gã kinh sợ như một nổi mặt mới về thể xác. Giá như gã đã lên tàu và đi rồi thì có lẽ gã cảm thấy dễ chịu hơn.

Ngày cuối cùng là một sự thử thách đau buồn. Sau khi đọc báo buổi sáng được tin gã xuống tàu, Bernad Higginbotham, chị Gertrude cùng gia đình, cả hai vợ chồng Hermann Von Schmidt và Marian đều đến chào tiễn biệt gã. Rồi còn phải giải quyết một số công việc, phải thanh toán một số hóa đơn, còn phải chịu đựng các ông phóng viên không bao giờ hết. Lúc đưa Lizzie Connolly tới cửa lớp học ban đêm, gã đột ngột từ biệt nàng và vội vã quay đi. Gã gặp Joe ở khách sạn. Suốt ngày Joe quá bận với công việc ở xưởng giặt không đến sớm hơn được. Đã mệt mỏi lắm rồi, nhưng Martin vẫn nắm chặt lấy tay ghế, nói chuyện và nghe trong nửa tiếng đồng hồ.

“Này Joe à,” gã nói. “Cậu biết đấy, cậu không bị ràng buộc vào cái xưởng giặt ấy đâu. Không có sợi dây nào trói buộc cậu cả. Cậu có thể bán nó đi bất cứ lúc nào và xài cho hết tiền. Bất cứ lúc nào cậu chán nó và lại muốn sống cuộc đời lang thang thì cứ việc. Cứ làm thế nào cậu sung sướng nhất thì làm.”

Joe lắc đầu.

“Chân thành cảm ơn cậu. Mình không muốn sống lang thang nữa. Sống lang thang thì cũng được thôi, duy có một điều không ổn là thiếu con gái. Mình không sao khác được, mình là một thằng phải có đàn bà. Mình không thể sống nếu không có họ; và khi làm cái nghề lưu đãng thì đành phải chịu không có đàn bà thôi. Những lúc đi qua các nhà có nhảy nhót, có tiệc tùng, nghe thấy có tiếng đàn bà cười, trông thấy những bộ áo trắng của họ, những bộ mặt tươi cười của họ qua cửa sổ thì – trời ơi! Lúc đó thật khổ bằng sống trong địa ngục. Mình thích nhảy, thích cắm trại, thích đi chơi trăng và tất cả những cái khác, thích lắm. Mình, ông chủ một xưởng giặt, mẽ người bánh bao, với những đồng đô la to tướng rủng rỉnh trong túi. Mình đã gặp một cô, vừa mới hôm qua thôi, thế mà cậu có biết không, mình đã cảm thấy thế nào cũng phải lấy cô ta bằng được. Nghĩ tới chuyện đó, mình cứ huyết sáo cả ngày. Cô ta người thật đẹp, đôi mắt hiền hậu nhất đời, giọng nói dịu dàng nhất đời. Cậu không bao giờ được nghe một giọng nói như thế đâu. Mình thế nào cũng phải lấy cô ta. Cậu cứ yên trí điều đó. Này, cậu có bao nhiêu tiền để xài như thế, mà sao không kiếm lấy một cô vợ? Cậu có thể kiếm được một cô đẹp nhất trên đời.”

Martin lắc đầu mỉm cười, nhưng trong thâm tâm gã ngạc nhiên tự hỏi, tại sao người nào cũng cần lấy vợ. Hình như đó là một điều kỳ quái, không thể hiểu nổi.

Từ trên boong tàu Mariposa lúc khởi hành, gã trông thấy Lizzie Connolly lẫn trong đám đông trên bến. “Hay đưa nàng cùng đi với mình,” gã bỗng nghĩ. Làm điều đó cũng dễ. Nàng chắc sẽ vô cùng sung sướng. Trong một phút, nó hầu như là một điều cảm dỗ, nhưng phút sau nó trở thành một nỗi khủng khiếp. Gã kinh hoàng nghĩ tới điều đó. Tâm hồn của gã kêu lên phản đối. Gã quay mình khỏi lan can, rên lên một tiếng và lẩm bẩm: “Gã kia, mi ốm yếu lắm rồi, ốm yếu lắm rồi!”

Gã chạy trốn vào trong buồng riêng, gã náu kín trong đó cho đến khi con tàu khuất hẳn bến cảng. Trong phòng ăn, bữa chiều, gã thấy mình ngồi ở chỗ danh dự bên phải ông thuyền trưởng; và chẳng phải lâu la gì, gã thấy mình là một người vĩ đại không toại nguyện như thế. Suốt buổi chiều, gã ngồi trong một cái ghế trên boong, mắt nhắm nghiền gà gật, và đến tối gã đi ngủ sớm.

Sau ngày thứ hai, qua cơn say sóng, toàn bộ những hành khách đã ra mặt đông đủ: càng

trông thấy họ, gã càng ghét. Gã biết như thế là bất công đối với họ. Họ đều là những người tử tế; gã bắt mình phải thừa nhận, và trong khi thừa nhận, gã lại thấy rằng họ tốt, tử tế như tất cả bọn tư sản với sự trói buộc về tâm lý, và sự rỗng tuếch về tri thức của bọn tư sản. Họ làm cho gã bực mình khi họ nói chuyện với gã, những bộ óc nhỏ bé nông cạn của họ thật là trống rỗng, trong khi đó sự vui nhộn ầm ĩ và cái khí lực quá thừa thãi của bọn trẻ làm cho gã khó chịu. Bọn này không bao giờ ngồi yên, suốt ngày ném vòng ở trên boong, đi dạo, hay chạy xô ra lan can, la hét om xòm khi nhìn thấy những con cá heo chồm lên, hay những đàn cá bay.

Gã ngủ nhiều. Sau khi ăn sáng, gã ra ngồi ở chiếc ghế trên boong với tờ báo mà không bao giờ gã đọc hết. Những trang chữ in làm cho gã mệt mỏi. Gã thắc mắc không hiểu tại sao người ta lại tìm được nhiều cái để viết như thế, và trong khi thắc mắc, gã lại gà gât ngủ. Khi tiếng cồng báo bữa ăn chiều đánh thức gã, gã bực mình vì phải thức dậy. Phải thức, thật không có chút nào vui vẻ.

Có lần gã đã cố rũ mình khỏi trạng thái mê mộng này, bước vào buồng lái với các thủy thủ. Nhưng những người thủy thủ hình như cũng đã thay đổi, không như cái ngày gã đã sống ở buồng lái. Gã không thể tìm thấy một chút dây mớ rề má gì với những con người mặt mũi đần độn, đầu óc ngu ngốc như thú vật này. Gã thất vọng. Trên cao kia, thì không ai cần Martin Eden vì gã, mà gã thì lại không thể quay lại với giai cấp của mình, với những người đã cần gã trong quá khứ. Gã không cần họ nữa. Gã không thể chịu được họ, cũng như gã không thể chịu đựng được những ông bà hành khách ngu xuẩn trong ca-bin hạng nhất và bọn trai trẻ ầm ĩ kia.

Cuộc sống đối với gã như một luồng ánh sáng trắng mạnh mẽ làm đau nhói đôi mắt mệt mỏi của một người ốm. Trong những phút gã tỉnh lại, cuộc sống lại lóe lên trong ánh gay gắt, chung quanh gã, trên mình gã. Nó làm cho gã đau đớn. Nó làm cho gã đau đớn một cách tàn nhẫn. Đây là lần đầu tiên trong đời Martin đi hạng nhất. Ngày xưa, trên những chuyến tàu đi biển, gã chỉ ở phòng lái, chỗ bánh lái, hay ở những chỗ sâu thẳm thẳm tối om của hầm than, sức than. Những ngày ấy trèo lên những bậc thang sắt, ra khỏi cái hầm nóng ngột ngạt, gã thường nhìn thấy những hành khách trong những bộ quần áo trắng mát, không làm gì cả, chỉ vui chơi dưới những mái che gió, che nắng với những người hầu khúm núm sẵn sàng chiều theo mọi ý muốn, mọi sở thích của họ; đối với gã hình như cái thế giới mà trong đó họ cử động và cuộc đời của họ không là gì khác mà chính là một thiên đường. Ừ, bây giờ gã ở đây, một con người vĩ đại trên tàu, ở đúng trung tâm của con tàu, ngồi ngay bên phải ông thuyền trưởng, ấy thế mà gã vẫn cứ đi tìm hoài một cách vô vọng nơi buồng lái, trong hầm than, cái Thiên đường mà gã đã để mất. Gã không tìm thấy một thiên đường mới, và bây giờ gã lại chẳng thể tìm được cái thiên đường cũ nữa.

Gã cố kích động mình và lên tìm một cái gì để gây hứng thú cho mình. Gã vào buồng ăn những hạ sĩ quan, và sung sướng khi ra thoát. Gã nói chuyện với một gã thủy thủ hết giờ trực, một anh chàng thông minh, vừa mới gặp đã đem chủ nghĩa xã hội tuyên truyền thuyết phục gã và nhét vào tay gã một bó truyền đơn và những bài đã kích. Gã nghe anh chàng giải thích cái đạo đức nô lệ, vừa nghe gã vừa mệt mỏi suy nghĩ tới cái triết học Nietzsche của mình. Nhưng xét cho cùng, nó có giá trị gì cơ chứ? Gã nhớ lại một trong những lời phát biểu điên rồ của Nietzsche trong đó cái con người điên rồ ấy đã nghi ngờ chân lý. Nhưng ai là người nói đúng bây giờ? Có lẽ Nietzsche đúng chẳng? Có lẽ không có chân lý ở trong bất cứ một cái gì, không có chân lý trong chân lý – không có một cái thứ gì gọi là chân lý cả. Nhưng trí óc chóng mặt mệt mỏi quá, gã hài lòng quay lại với chiếc ghế, và gà gât ngủ.

Đã khốn khổ đến như gã trên con tàu này, thế mà vẫn còn một nỗi khổ mới nữa đè nặng lên gã. Khi con tàu tới Tahiti rồi thì sao nhỉ? Gã sẽ phải lên bờ thôi. Gã sẽ phải đi lấy các thứ hàng đặt mua, tìm một chỗ. Trên con thuyền buồm tới Marquesas, làm hàng trăm hàng ngàn việc lật vật, nghĩ đến đã phát sợ lên rồi. Bất cứ lúc nào gã ráng sức để suy nghĩ, gã cũng có thể thấy được cái tình trạng nguy hiểm tuyệt vọng hiện nay của mình. Đúng quá rồi, gã đang ở trong

Thung lũng của Tử thần, và cái diêm nguy hiểm của gã là ở chỗ là gã không thấy sợ hãi. Giá mà gã sợ thì gã có thể hướng tới cuộc sống được. Bởi chúng không sợ nên càng ngày gã càng chìm sâu xuống bóng tối của Tử thần. Gã không còn thấy một sự hứng thú nào trong những cái của cuộc sống quen thuộc xưa cũ. Con tàu Mariposa lúc này đang đi trong những trận gió mậu dịch Đông Bắc, những trận gió say người này nổi lên đập vào người làm cho gã bức dọc. Gã phải chuyển ghế đi để tránh sự ôm ấp của người bạn những ngày đêm xưa đầy sức lực.

Hôm con tàu Mariposa tiến vào khu vực gần đường xích đạo lặng gió, Martin càng cảm thấy đau khổ hơn bao giờ hết. Gã không thể ngủ được nữa. Gã ngủ đã quá nhiều, và bây giờ gã buộc phải thức để mà chịu đựng cái ánh sáng chói chang của cuộc sống. Gã đi đi lại lại bồn chồn. Không khí ẩm ướt nhớp nháp, những trận mưa xối xả không làm cho con người ta dễ chịu. Gã cảm thấy đau đớn với cuộc sống. Gã cứ đi quanh boong cho đến khi không thể nào chịu nổi sự đau đớn ấy nữa, rồi gã ngồi xuống ghế cho đến gã lại bắt buộc phải đi tiếp. Cuối cùng, gã buộc mình phải đọc hết tờ tạp chí, và gã mượn rất nhiều tập thơ trong thư viện trên tàu. Nhưng nó cũng chẳng giúp gì được gã, gã lại phải đứng dậy, đi đi lại lại.

Sau bữa ăn tối, gã nán lại trên boong rất khuya, nhưng cũng chẳng ăn thua gì, bởi khi gã bước xuống phòng bên dưới, gã vẫn không thể ngủ được. Cái sự ngừng sống tạm thời này không đến với gã. Thật là quá lắm. Gã bật đèn điện lên, và cố gắng đọc. Trong những tập thơ này có một cuốn của Swinburne. Gã nằm trên giường đưa mắt qua những trang giấy, cho đến lúc gã cảm thấy mình đang đọc một cách hứng thú. Gã đọc hết một đoạn, định đọc tiếp, nhưng rồi lại quay lại đoạn ấy. Gã đặt úp cuốn sách lên ngực, và bắt đầu suy nghĩ. Đây rồi. Chính nó đây rồi. Là một điều là trước kia nó không hề đến với gã. Đó là tất cả ý nghĩa cuộc đời. Gã đã trôi nổi suốt cả đời mình theo chiều hướng đó, và bây giờ Swinburne đã chỉ cho gã con đường sung sướng để ra thoát. Gã cần nghỉ ngơi, và đây, nghỉ ngơi đang đợi gã. Gã đưa mắt nhìn qua cái cửa sổ để mở. Phải, nó cũng đủ rộng đấy. Lần đầu tiên trong suốt mấy tuần lễ, gã cảm thấy sung sướng. Cuối cùng, gã đã tìm ra phương thuốc để trị bệnh. Gã lật cuốn sách lên, chậm chạp đọc to đoạn thơ đó.

Vì quá yêu cuộc sống,

Vì quá kinh khiếp cũng như quá nhiều niềm hy vọng,

Với những lời ngán ngủi, dù sao,

Ta cũng hãy cảm ơn thượng đế

Rằng không cuộc sống nào là vĩnh cửu,

Rằng người chết không bao giờ còn đứng dậy,

Và ngay đến những con sóng mệt mỏi nhất,

Cũng lượn khúc đâu đây êm ả trôi

Ra biển.[**\[140\]**](#)

Gã lại nhìn cái cửa thành tàu để mở. Swinburne đã cho gã chiếc chìa khóa. Cuộc sống đã ốm yếu, hay nói đúng hơn đã trở nên ốm yếu – không thể chịu đựng nổi nữa. “Rằng người chết không bao giờ còn đứng dậy!” Dòng thơ này rộn lên trong lòng gã với một cảm giác biết ơn sâu sắc. Đó là cái điều nhân nghĩa nhất của vũ trụ. Khi cuộc sống đã trở thành một nỗi mệt mỏi đau

đón thì cái chết sẵn sàng đợi đi trong một giấc ngủ bất tận. Nhưng gã còn đợi gì nữa! Đã đến lúc phải đi rồi.

Gã đứng dậy, thò đầu ra khỏi cửa sổ mạn tàu, nhìn xuống dòng nước trắng như sữa. Con tàu Mariposa chở nặng, bấu tay vào cửa sổ, chân đã có thể chạm mặt nước. Gã có thể trườn xuống không một tiếng động. Không ai nghe thấy được. Gã thấy mặn mặn ở môi mũi vị thật là dễ chịu. Gã tự hỏi không biết có nên viết một bài thơ cuối cùng không, nhưng gã cười lớn xua đuổi ý tưởng đó đi. Không có thì giờ nữa. Gã nóng lòng muốn đi lắm rồi.

Tắt đèn trong phòng để khỏi bị lộ. Qua cửa sổ mạn tàu gã đưa hai chân ra trước. Vai gã vương, gã lại phải lùi lại để đưa một cánh tay ra trước. Một cái lắc của con tàu đã giúp gã, gã lọt qua, hai tay bấu lấy thành cửa. Khi chân gã chạm mặt biển, gã buông tay ra. Gã đã ở trong dòng nước tung bọt trắng như sữa. Thành tàu Mariposa lướt qua gã như một bức tường đen, đây đó có điểm những khung cửa sáng đèn. Chắc chắn con tàu đang đi nhanh. Nhưng trước khi nhận ra điều đó thì gã đã ở phía sau rồi, đang bơi nhẹ nhàng trên mặt nước sủi bọt.

Một con cá giác đớp vào cái thân thể trắng trẻo của gã, gã cười lớn. Nó đứt một miếng thịt ra, gã đau nhói và nhớ lại tại sao mình ở đây. Trong khi bắt tay vào việc gã đã quên mất mục đích của nó. Ánh sáng của con tàu Mariposa mờ đi ở phía xa, còn gã vẫn ở đây đang bơi một cách yên trí y như thể ý định của gã là bơi tới một miền đất gần nhất cách xa khoảng nghìn dặm chỉ đó.

Đó là cái bản năng máy móc, muốn sống. Gã ngừng bơi, nhưng khi thấy nước dâng lên quá mồm, tay gã lại sải mạnh với một động tác chồm lên. Ý chí muốn sống, đó là ý nghĩ của gã lúc bấy giờ, nhưng ý nghĩ đó lại kèm theo một tiếng cười mỉa. Phải, gã đã có ý chí - ừ, ý chí đủ mạnh đến nỗi chỉ cần một chút cố gắng cuối cùng, nó cũng có thể tự tiêu diệt và ngừng tồn tại.

Gã đổi thế, bơi đứng. Gã ngược mắt nhìn những vì sao yên tĩnh, đồng thời gã thở hết không khí ở phổi ra. Với những động tác nhanh, mạnh của tay và chân, gã chồm vai và nửa ngực ra khỏi mặt nước. Như thế để có đà mà chìm xuống. Rồi gã cứ để mặc cho người chìm dần, không cử động, như một pho tượng trắng chìm sâu xuống biển. Gã thở mạnh, chậm chậm trong nước theo kiểu một người hít thuốc mê. Khi gã nghẹt thở hoàn toàn không tự giác, tay và chân gã lại bấu lấy nước và nhô lên trên mặt biển dưới bầu trời sáng sao.

Ý chí muốn sống – gã nghĩ một cách khinh bỉ, cố gắng một cách vô ích không hít không khí vào buồng phổi đang rạn nứt của mình. Ừ, phải làm một kiểu khác vậy. Gã hít không khí vào buồng phổi, hít thật đầy. Cách này làm cho gã chìm sâu hơn. Gã lộn người, đầu chúc xuống dùng hết sức lấy hết ý chí để bơi. Càng ngày gã càng bơi sâu xuống. Mắt gã vẫn mở, gã nhìn thấy cái vệt sáng lân tinh như bóng ma của những con cá giác lao đi. Gã vừa bơi, vừa hy vọng rằng chúng không cắn gã, vì chúng có thể làm đứt tung sự căng thẳng của ý chí gã. Nhưng chúng đã không cắn, và gã còn đủ thì giờ để mà biết ơn cái ân đức cuối cùng của cuộc đời này.

Xuống, xuống, gã cứ bơi mãi xuống cho đến tận khi tay chân gã mệt mỏi rã rời không còn cử động được nữa. Gã biết rằng mình đã ở sâu rồi. Sức ép của nước vào hai bên màng nhĩ làm gã đau nhói, đầu gã kêu vo vo. Sức chịu đựng của gã đã giảm đi. Nhưng gã bắt chân và tay phải đưa gã xuống sâu hơn cho đến khi ý chí của gã đứt tung, không khí ào ra khỏi buồng phổi bật nổ lớn. Những bong bóng lướt đi nhảy lên như những khinh khí cầu nhỏ chạm vào má, vào mắt gã trong khi chúng sủi lên. Rồi gã thấy đau đớn và nghẹt thở. Nỗi đau đớn này không phải là cái chết, đó là ý nghĩ lay lút trong nhận thức đang quay cuồng của gã. Cái chết không làm cho đau đớn. Chính cuộc sống, những nỗi rày khổ của cuộc sống, cái cảm giác nghẹt thở đáng sợ này mới làm cho đau đớn; đó là cái đòn cuối cùng mà cuộc sống đã giáng cho gã.

Đôi bàn tay và đôi chân bương bỉnh của gã lại bắt đầu đập, quay cuồng loạn xạ và yếu ớt. Nhưng chính gã đã đánh lừa cả ý chí muốn sống đã làm cho chúng đập và quay cuồng như vậy.

Gã đã chìm quá sâu rồi. Chúng không còn bao giờ có thể đem gã lên mặt nước được nữa. Gã hình như trôi nổi một cách biếng nhác trong một biển cả của một giấc mơ. Những màu sắc, những ánh sáng lao quanh gã, tắm gã, tràn ngập con người gã. Cái gì thế nhỉ? Hình như đó là một ngọn hải đăng, nhưng nó lại ở trong óc gã – một tia sáng lóe trắng, chói. Nó lóe lên càng ngày càng nhanh hơn. Có tiếng động rầm rầm kéo dài, hình như gã, đang rơi xuống một cái cầu thang mệnh mông không bao giờ hết. Và đầu đây tận dưới đáy sâu, gã rơi xuống nơi tăm tối. Gã chỉ biết có thể. Gã đã rơi xuống nơi tăm tối rồi. Và lúc gã biết điều đó thì cũng là lúc gã ngừng biết.

[1] Friedrich Nietzsche - Triết gia Đức (1844-1900) với thuyết con người anh hùng, chủ trương của con người phải rèn luyện ý chí để trở thành con người thượng đẳng (siêu nhân) - một học thuyết cá nhân chủ nghĩa về đạo đức, quý tộc về chính trị.

[2] Algenon Charles Swinburne (1837 – 1909), một thi sĩ kiêm phê bình văn học người Anh. Tác phẩm của ông đầy tính chất trữ tình, được thanh niên thời đó rất ưa thích (ND).

[3] Tên một nhân vật trong tác phẩm của Swinburne.

[4] Khu chợ (Market) thuộc Cựu Kim Sơn – phía Đông bắc khu chợ là nơi tập trung của nhà giàu, phía Nam là khu dân nghèo.

[5] Whitechapel – Khu dân nghèo.

[6] Ý Martin muốn nói đến Swinburne.

[7] Henry Wordsworth Longfellow (1807 – 1882) – thi sĩ Mỹ. “The Psalm of life” và “Excelsior” là những tác phẩm nổi tiếng của Longfellow – các học sinh Mỹ thường phải học.

[8] Một hải cảng thuộc Thái Bình Dương gần Tây bắc Washington.

[9] Painted desert: một sa mạc phía bắc bang Arizona

[10] Death Valey: một thung lũng ở California, điểm thấp nhất là 275 feet (1feet = 0.342m) dưới mực nước biển.

[11] Điệu nhảy của phụ nữ Hawaii.

[12] Một loại ghita nhỏ, rất phổ biến ở những hòn đảo Hawaii.

[13] Robert Browning (1812 – 1889): nhà thơ Anh.

[14] Nguyên văn: Rice Paper – giấy thông thảo. Một thứ giấy làm bằng một loại cọng rơm, các họa sĩ Trung quốc thường dùng để vẽ.

[15] Nguyên văn: Telegraph Avenue car.

[16] Hai thị trấn trên gần như là sát nhập vào với nhau, cách San Francisco bởi Vịnh San Francisco. Trường đại học California nằm ở thị trấn Berkeley này.

[17] East End – là khu vực của những dân nghèo ở London.

[18] Blathaniel Bowditch (1773 – 1838): một nhà toán học kiêm hàng hải người Mỹ.

[19] Rudyard Kipling (1865-1936) – tiểu thuyết gia kiêm thi sĩ người Anh.

[20] Nguyên văn: football map of hair: tóc đầy lông bông như quả bóng ở trên đầu.

[21] Ricardo: David Ricardo (1772 - 1823) - một nhà kinh tế học người Anh.

Adam Smith (1723 - 1790) cũng là một nhà kinh tế học người Anh. Hai ông này là đại biểu cho môn phái kinh tế học cổ điển của giai cấp tư sản.

John Stuart Mill (1806 - 1873) - một nhà triết học kiêm kinh tế học người Anh.

[22] Bà Helena – Detrovna Blavatsky (1831-1891) một nhà thần bí học người Nga.

[23] Tác phẩm của nhà kinh tế chính trị học Mỹ Hearl George (1839-1897).

[24] Charles Mills Gayley (1858 - 1932) nhà giáo dục học kiêm văn sĩ người Mỹ.

[25] Thomas Bullfing (1796 - 1807) văn sĩ người Mỹ chuyên nguyên cứu thần thoại.

[26] Ngày xưa các kỵ sĩ khi chịu phong tước, bị người phong tước lấy gươm gõ lên bả vai rồi ôm hôn.

[27] “You were”: thì quá khứ của ngôi thứ hai, động từ To be, nói “you was” là sai ngữ pháp. Saw là quá khứ của động từ To see. Seen là quá khứ phân từ. Nói I seen là sai... Hai phủ định (double negation) có giá trị khẳng định. Nói phủ định mà lại dùng hai phủ định là sai.

[28] Nghĩa là “hấp tấp là không làm nên chuyện gì.” Đối với ngôi thứ ba số ít thì phải viết là: It does not (doesn’t) chứ không phải là: it do not (it don’t).

[29] Không nói ain’t, phải nói aren’t (are not). Nói “ain’t had” cũng là sai ngữ pháp.

[30] Been: quá khứ phân từ của to be (nghĩa là “là”). Nói ben là sai.

I came: thì quá khứ của động từ “I come” (đến)

I come: thì hiện tại của động từ To come. Martin dùng sai thì.

[31] You: có thể vừa chỉ nam vừa chỉ nữ (ngôi thứ 2, số ít, số nhiều).

[32] Thay “cô” bằng “người ta.” “One” là đại từ bất định.

[33] Nguyên văn: representative art (nghệ thuật biểu hiện hiện thực của cuộc sống. Danh từ này áp dụng cho các loại nghệ thuật: hội họa, điêu khắc, văn học).

[34] Richard Wanger (1813 – 1883): một nhà soạn nhạc vĩ đại người Đức.

[35] Nguyên tác tiếng Anh: “Never did anything” “If I were” “those things”.

[36] Trong nguyên bản là make good. Martin nói một tiếng lóng chúng tôi tạm dịch là “xoay”.

[37] Nguyên văn: you

[38] Nguyên văn: one

[39] Nguyên văn là momentum (một danh từ vật lý) trước đây Martin chưa bao giờ nói đến.

[40] Nguyên văn là: to get a line on things.

[41] Nguyên văn là: to get the lay of the land.

[42] chart-room: Martin vốn quen nghề đi biển. Ở trên tàu có một phòng treo bản đồ hướng dẫn đường đi biển.

[43] Nguyên văn là: where I am at

[44] Nguyên văn là: where I am. Ý Martin muốn nói: bao giờ tôi cũng biết rõ tôi ở đâu. Tiếng Anh muốn nói cho đúng phải nói là “where I am”. Martin nói sai. Chúng tôi dịch bằng địa vị của tôi là cố ý lộn chỗ sai đó.

[45] Nguyên văn là: some people.

[46] Nguyên văn là: “Persons.” Martin dùng từ “people” nhưng Ruth chữa là “persons.”

[47] Nguyên văn: “He travels the fastest who travels alone” - Đó là một câu thơ trong bài thơ “*Những kẻ chiến thắng*” (*The winners*) của Kipling.

[48] Cerberus: Theo thần thoại Hy Lạp, Cerberus là một con chó dữ, có ba đầu canh cửa địa ngục.

[49] Ròng rọc, pa lăng: Những danh từ, vật lý - tiếng Anh là block và tackles – Tiếng Pháp là poulie và palan.

[50] Nguyên văn: trade wind

[51] William Ernest Henley (1819-1900), một nhà thơ Anh, bị bạo bệnh mà chết. Tác phẩm nổi tiếng của ông là tập “Những cảnh trong bệnh viện” (Hospital Sketchers).

[52] sonnet: Một thể thơ gồm mười bốn câu.

[53] Một nhà triết học tư sản Anh (1820-1918). Ông ta phản đối lý luận Cách mạng xã hội.

[54] Năm 1860, Herbert Spencer xuất bản cuốn “Tổng hợp triết học đề yếu.” Bộ thứ nhất xuất bản năm 1862 là bộ “Những nguyên lý cơ bản,” tiếp đó đến “Nguyên lý sinh vật học” “Nguyên lý tâm lý học.” “Nguyên lý xã hội học” và “Nguyên lý luân lý học.” Năm 1895 thì xuất bản toàn bộ.

[55] Immanuel Kant (1724-1804) – một triết gia Đức chủ trương thuyết Bất khả tri. Ông cho rằng người ta chỉ có thể hiểu được hiện tượng của sự vật chứ không thể nào hiểu được bản chất của sự vật.

[56] Georges John Romanes (1848-1896), một nhà sinh vật học người Anh.

[57] Charles Darwin (1808-1892): bác học người Anh. Tác giả cuốn “Thuyết tiến hóa luận” Thuyết di truyền của Darwin đã có tác dụng to lớn.

[58] Một câu thơ của Chaucer (1340-1400), một nhà thơ Anh lớn. Câu thơ viết theo ngôn ngữ thời Trung cổ (Middle-Age English) có nghĩa là: khi tháng tư êm đềm tới với những trận mưa nhẹ.

[59] In – Memoriam: Một bản trường thi của A.Tennyson.

[60] Ở các rạp hát và các tiệm rượu thường phải thuê những tên du côn khoẻ, có võ để giữ trật tự, ngăn những cuộc ẩu đả, phá phách.

[61] Nguyên văn: “ape and tiger die” - một câu thơ trong bài “In Memoriam” của Tennyson.

[62] John Fiske: (1842-1901) một nhà Tiến hoá luận kiêm sử gia người Mỹ - Quyển mà Martin Eden định đọc là “Vũ trụ Tiến hoá luận đại cương” - viết năm 1874.

[63] măng-sét: cổ tay áo sơ mi.

[64] Golden Gate: Cửa phía bắc San Francisco thông ra Thái Bình Dương.

[65] Philosophy of Style: một tác phẩm của Spencer bàn về tu từ học và ngôn ngữ trong thơ ca.

[66] Freelance: những người viết báo tự do không ở trong nghiệp đoàn báo chí.

[67] Một dân tộc thời cổ Hy Lạp. Cuộc sống của họ rất khắc khổ và kỷ luật.

[68] Một tác giả người Mỹ sinh năm 1866 không rõ chết năm nào.

[69] Ở Anh những người theo đạo Cơ đốc, ngày chủ nhật không lui tới những chỗ giải trí khiêu vũ, vui chơi, chỉ đi nhà thờ. Ý Martin muốn nói một ngày chủ nhật rất buồn nản, không có gì là hứng thú.

[70] Purico Caruso (1873 – 1921) một ca sĩ giọng nam cao người Ý.

[71] Bộ Anh (feet) = 0,3048m

[72] Một pao (pound) = 0,4538kg.

[73] Azores: một vùng ở phía bắc Đại Tây Dương, gần Bồ Đào Nha.

[74] Maui: hòn đảo lớn thứ hai trong quần đảo Hawaii.

[75] Kahului: một hải cảng phía tây bắc đảo Maui.

[76] Wailuku: thủ phủ của đảo Maui.

[77] Một tỉnh nhỏ ở California.

[78] Trên những đồng tiền 10 đô la (Mỹ) có khắc hình con chim đại bàng.

[79] Nguyên văn “Winged victories” - Trong thần thoại Hy Lạp là nữ thần chiến thắng.

[80] Paul Verlaine (1844 – 1896), một nhà thơ Pháp.

[81] Gabriel Annunzio (1863 – 1938), một nhà văn Ý.

[82] Thủ phủ bang California. Ý muốn nói những nhà cầm quyền ở Sacramento.

[83] Joseph LeConte (1823 – 1900): một nhà địa chất học người Mỹ.

[84] Reformation, đầu thế kỷ 16.

[85] Một bài thơ nổi tiếng của Kipling viết năm 1891, tả một anh chàng tên là Tomlinson, chết ở Anh. Sau khi chết, linh hồn anh lên cửa thiên đàng. Thần gác cửa hỏi anh ta có làm được điều gì thiện không; anh ta không biết trả lời ra sao, nên thần gác cửa không cho vào. Sau đó anh ta lại tới cửa địa ngục. Ác quỷ hỏi anh ta có làm điều gì ác không, anh ta cũng không biết trả lời ra sao, nên ác quỷ không cho vào. Linh hồn anh ta đành cứ lơ lửng giữa trời, mặc cho gió thổi lên xuống vật vờ.

[86] Maeterlinck (1852-1919) thi sĩ kiêm kịch tác gia người Bỉ, theo chủ nghĩa thần bí và ẩn tượng.

[87] Robert Louis Stevenson (1850-1899), nhà văn Anh, tác giả cuốn “Đảo giấu vàng”.

[88] Matthew Arnold (1822-1888), một nhà thơ kiêm phê bình Anh.

[89] René Descartes (1596-1650) – một triết gia Pháp.

[90] Nữ phù thủy trong thần thoại Hy Lạp. Mụ đã hóa phép làm cho tất cả những người đồng hành với Ulysses biến thành lợn cái.

[91] August Welsman (1854-1914) một nhà sinh vật học người Đức.

[92] Tập “Tự thuật” của Spencer gồm hai tập, xuất bản năm 1904.

[93] Một tác phẩm của Spencer nhan đề là “Giáo dục học: trí dục, đức dục, thể dục.” Xuất bản năm 1861.

[94] Hai câu thơ trong bài “Không khuất phục” (Iuvictus) của Henley. Bài thơ ca ngợi ý chí đấu tranh bất khuất được thanh niên đương thời rất ưa thích.

[95] Utyxki pha thêm đường, chanh hoà lẫn với một ít nước.

[96] Richard Realf (1834 – 1878) một nhà thơ Mỹ gốc Anh.

[97] John Keats (1795 – 1821), một nhà thơ lãng mạn Anh nổi tiếng thế kỷ 19.

[98] Nguyên văn: I'll go if I lose (một câu nói lóng của những tay anh chị ở Mỹ). Martin vừa nói vừa tung một đồng tiền lên, nếu thua gã phải chi hết tiền rượu cho bọn kia.

[99] Một tiệm ăn rất sang trọng ở New York.

[100] Fakir: ở Ấn Độ, Fakir là một thầy tăng ăn mày.

[101] Frust Heinrich Hackel (1834 – 1919) một nhà sinh vật học người Đức chủ trương thuyết nhất nguyên luận.

[102] Thần tượng bằng thiếc: (nguyên văn: Tin god) - thần tượng mà người ta thờ phụng một cách sai lầm.

[103] Võ sĩ hạng gà: loại võ sĩ không nặng quá 66kg.

[104] Humphy Ward (1851 – 1920) - một nhà tiểu thuyết người Anh.

[105] Bernard Shaw (1856 – 1950) - một nhà văn và kịch tác gia Anh.

[106] Richard Mansfield (1857 - 1907) - một diễn viên nổi tiếng người Mỹ.

[107] Henry James (1843 – 1916) – một nhà viết tiểu thuyết người Mỹ.

[108] Brander Mathew (1852 -1929) một nhà văn Mỹ chuyên viết tiểu luận.

[109] Họa da vàng: bọn chính khách tư bản phương tây thường dùng để chỉ cái họa cạnh tranh của Nhật Bản.

[110] August Bebel (1840 – 1913) một nhà lãnh đạo đảng Xã hội dân chủ Đức.

[111] Dante Gabriel Rossetti (1828 -1882) một học sĩ kiêm nhà thơ Anh.

[112] William Hamilton (1788 -1856) tác giả cuốn *Luật Tằn Tiễn* (Law of Parsimony) chủ trương rằng ngoài một nguyên nhân cần thiết để giải thích một kết quả không cần một nguyên nhân nào khác nữa.

[113] George Berkeley (1685 – 1753) một tu sĩ người Ái Nhĩ Lan, một triết gia duy tâm.

[114] Caleb William Saleeby (1878 – 1940) một nhà xã hội học người Anh.

[115] David Hume (1711 – 1776) một triết học gia theo phái kinh nghiệm học. Tác phẩm nổi tiếng là *Nhân tính học*.

[116] John Locke (1632 - 1704) - một nhà triết học theo phái kinh nghiệm của Anh.

[117] Cuốn này xuất bản năm 1690.

[118] Joseph Conrad (1857 – 1924) – một nhà viết tiểu thuyết người Anh, chuyên lấy đề tài về biển.

[119] Nguyên văn: The Cycle of Life – Đây là một tập luận văn bản về tiến hóa luận, xuất bản năm 1904.

[120] Nguyên văn: Blond beast – Theo triết học của Nietzsche, đó là những con người lý tưởng, một dân tộc nguyên thủy ở Bắc Âu, tóc vàng, mặt như ngọc. Họ phát xít Đức thường dùng luận điệu này, cho giống người Ariel là giống người siêu việt.

[121] Jesuits: thầy tu dòng gia tô.

[122] Theo thần thoại Hy Lạp: Nemesis là nữ thần trả thù và trừng phạt.

[123] Câu này ý nói đến Cách mạng độc lập của Mỹ năm 1776.

[124] Chỗ này, ý tác giả muốn nói Martin là tín đồ của triết học siêu nhân của Nietzsche, không tin vào lực lượng của quần chúng, lúc nào cũng nghĩ tới chuyện một hiệp sĩ cưỡi ngựa sắp tới để làm chủ thế giới.

[125] Một loại thuốc lá rẻ tiền.

[126] Pegasus: theo thần thoại Hy Lạp, đó là một con ngựa biết bay, biểu tượng của thi hứng.

[127] Một nhóm quần đảo ở Nam Thái bình dương.

[128] Papeete ở phía Tây bắc Tahiti.

[129] Một mẫu Anh bằng 4840 mét vuông.

[130] Nguyên văn: Flying Dutchman.

[131] một câu trích trong bài thơ.

[132] Sir William Crookes (1832 – 1919) – một nhà hóa học kiêm vật lý học người Anh, đã phát hiện ra chất Thorium. Alfred Russell Wallace (1823 – 1918) – một nhà sinh vật học người Anh, đã sưu tầm nhiều máu côn trùng, phát hiện ra nguồn gốc loài động vật và luật đào thải tự nhiên. Crookes và Wallace cảm thấy hứng thú với môn linh hồn học.

[133] Sir Oliver Lodge (1851 – 1940) – một nhà vật lý học người Anh, đã nghiên cứu về chớp, điện từ và chất phóng xạ.

[134] Nguyên văn: The Smoke of Joy.

[135] Alexandre Dumas (1802 – 1870) – một tiểu thuyết gia nổi tiếng của Pháp, tác phẩm của ông có chừng 270 cuốn. Ông viết rất nhiều, nên có những lúc ông đã mượn người giúp việc. Những người giúp việc này căn cứ vào cốt truyện ông phác ra mà viết. Sau khi họ viết xong, ông lại xem lại, chữa lại chút ít rồi cho xuất bản.

[136] Nguyên văn: The Bottle Imp – đó là một loại truyện viễn tưởng của R. Stevenson, lấy đảo Hawaii làm bối cảnh cùng với hai truyện vừa khác hợp thành một tập lấy đầu đề là “Đêm ngoài hải đảo”, xuất bản năm 1823.

[137] Nguyên văn: The Imagic Skin của Balzac, xuất bản năm 1831.

[138] Edgar Allan Poe (1803 – 1849) – một nhà viết truyện ngắn kiêm nhà thơ của Mỹ.

[139] Nguyên văn: Berne convention – đây là một quy ước xuất bản ký năm 1886 gồm có các nước Anh, Đức, Ý và một số nước khác.

[140] Đó là một đoạn thơ trong bài “Khu vườn của Proserpine” (The garden of Proserpine) của Swinburne.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>